



DONATO CARRISI

TIỂU THUYẾT TRESH THÂM

Kẻ nhắc tuông

"Gã luôn đi trước chúng ta một bước."

dtr-ebook.com



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Kẻ Nhắc Tuồng

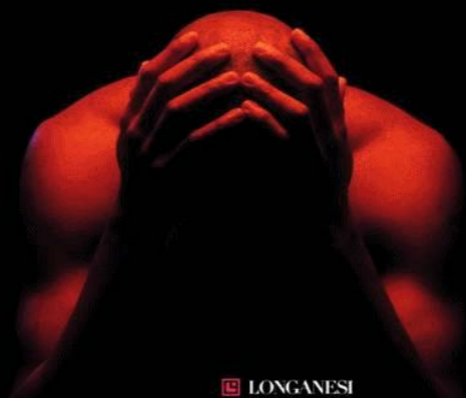
Donato Carrisi

Non ti aiuta sapere *come*.
Non ti serve capire *perché*.
Non ti basta scoprire *chi*.

D. CARRISI
IL SUGGERITORE

Lui è già un passo avanti.

ROMANZO



 LONGANESI

Thông tin ebook:

Tên sách: Kẻ Nhắc Tuồng

Nguyên tác: Il Suggestore [Mila Vasquez #1]

Tác giả: Donato Carrisi

Dịch giả: Hoàng Anh

Nhà xuất bản: Phụ Nữ

Số trang: 516

Trọng lượng: 616 gram

Hình thức bìa: Mềm

Kích thước: 15.5 x 23 cm

Giá bìa: 130.000

Năm xuất bản: 2013

Thực hiện ebook: Hoàng Liêm

Ngày hoàn thành: 30/01/2014

Nơi hoàn thành: Hà Nội

Nguồn: Smart Ebooks

Nơi hoàn thành: Hà Nội

Ebook: <http://www.dtv-ebook.com>

Giới thiệu nội dung:

Năm bé gái lần lượt bị mất tích.

Năm cánh tay trái được tìm thấy trong khu rừng vắng.

Khi phát hiện ra cánh tay thứ sáu, nhóm điều tra phải nhờ đến sự giúp đỡ của Mila Vasquez, nữ cảnh sát chuyên điều tra các vụ mất tích.

Số phận của bé gái thứ sáu sẽ ra sao khi hung thủ tỏ ra rất khôn ngoan và luôn đi trước nhóm điều tra một bước.

Giới thiệu tác giả:



Donato Carrisi: sinh năm 1973 ở Ý, tốt nghiệp ngành

Luật và Tội phạm học trước khi trở thành nhà viết kịch bản phim truyền hình. *Kẻ Nhắc Tuồng* là tiểu thuyết đầu tay của ông. Tác phẩm đã giành năm giải thưởng Văn học quốc tế, được dịch ra hơn 30 thứ tiếng, phát hành trên một triệu bản và trở thành hiện tượng Văn học trinh thám châu Âu năm 2010.

Nhận định về tác phẩm:

“Đố các bạn đoán trước được đoạn kết”.

- *The Guardian (Anh)*

“Một tên sát nhân giấu mặt. Một bài toán học búa. Một thách đố thực sự. Một bức chân dung đầy ám ảnh của xã hội, của bạn và của tôi”.

- *ADGE Boston (Mỹ)*

“Một tác phẩm đã kịp trở thành kinh điển, một *Millennium* của Italia”.

- *Le Nouvel Observateur* (Pháp)

“Thú vị... Một câu chuyện hấp dẫn khủng khiếp”.

- *Publishers Weekly* (Mỹ)

“Đây những lát léo độc đáo bất ngờ... một tác phẩm trinh thám lôi cuốn, thông minh và mê hoặc... một biệt đãi thực sự dành cho những người yêu mến văn học trinh thám”.

- *Waldeckische Landeszeitung* (Đức)

MỤC LỤC

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

[22](#)

[23](#)

[24](#)

[25](#)

[26](#)

[27](#)

[28](#)

[29](#)

[30](#)

[31](#)

[32](#)

[33](#)

[34](#)

[35](#)

[36](#)

[37](#)

[38](#)

[39](#)

[40](#)

[41](#)

[42](#)

[43](#)

[44](#)

[Lời tác giả](#)

[Lời cảm ơn](#)

Nhà tù tối mật, quận xxxx

Trại giam số 45

Báo cáo của giám đốc, Alphonse Bérenger

Ngày 23 tháng 11

Kính gửi: Văn phòng Chánh biện lý J.B. Marin

Chủ đề: MẬT

Thưa ông Marin,

Tôi mạn phép viết thư này để lưu ý ông về trường hợp kỳ lạ của một phạm nhân.

Đối tượng được đề cập mang số tù RK-357/9. Sau đây chúng tôi xin gọi hắn bằng số hiệu này, do lẽ hắn ta chưa bao giờ chịu tiết lộ danh tính.

Cảnh sát bắt đối tượng vào đêm 22 tháng 10. Hắn đi lang thang trong đêm một mình và không mặc quần áo, trên một con lộ gần quận xxxx.

Đối chiếu dấu vân tay với hồ sơ lưu trữ cho phép loại trừ sự liên đới của hắn ta với các vi phạm trước đây cũng như với các tội ác chưa được làm sáng tỏ. Tuy nhiên, việc một mục từ chối cung cấp danh tính, ngay cả lúc ở trước tòa, đã khiến đối tượng bị kết án bốn tháng mười tám ngày tù giam.

Kể từ khi vào tù, phạm nhân RK-357/9 chưa bao giờ tỏ ra vô kỷ luật và luôn tuân thủ các quy định của nhà tù. Thêm vào đó, hắn ta có bản tính cô độc và ít hòa đồng.

Có lẽ cũng vì lý do này mà không ai để ý đến hành vi lạ lùng của hắn, cho đến gần đây, khi hắn bị một trong các quản giáo của chúng tôi nhận ra.

Phạm nhân RK-357/9 lau chùi mọi đồ vật mà hắn tiếp xúc bằng một miếng dạ, nhất tất cả lông và tóc rụng hàng ngày của mình, rửa kỹ lưỡng các đồ dùng ăn uống và vệ sinh sau mỗi lần sử dụng.

Như vậy chúng ta đang gặp phải hoặc là một tay cuồng sạch sẽ, hoặc rất có thể là một kẻ muốn tránh bằng mọi giá việc để lại các “dấu vết sinh học”.

Do đó, chúng tôi rất nghi ngờ rằng phạm nhân số hiệu RK-357/9 đã gây ra một tội ác cực kỳ nghiêm trọng, và muốn ngăn cản chúng ta lấy mẫu ADN của hắn để đem đi xác định danh tính.

Cho đến hôm nay, đối tượng được giam cùng phòng với một phạm nhân khác, kẻ chắc chắn đã giúp hắn tiêu hủy các dấu vết sinh học. Tuy nhiên, xin thông báo để ông được biết, biện pháp xử lý đầu tiên của chúng tôi là đưa đối tượng ra khỏi buồng giam chung và biệt giam hắn.

Tôi lưu ý trường hợp này với văn phòng của ông để các ông mở một cuộc điều tra, và nếu cần, xin các ông cho một trát khẩn cấp của tòa án bắt buộc phạm nhân RK-357/9 phải cung cấp mẫu ADN.

Vấn đề này rất khẩn cấp vì sau khoảng một trăm lẻ chín ngày (tức ngày 12 tháng 3), đối tượng sẽ mãn hạn tù.

Trân trọng kính chào,

Giám đốc

Alphonse Bérenger

Một địa điểm trong vùng phụ cận W., ngày 5 tháng 2.

Tưởng như ông được một con bướm khổng lồ đưa đi trong đêm tối. Bay dựa theo trí nhớ, nó đập đôi cánh bụi bặm, khéo léo tránh những ngọn núi im lìm như những gã khổng lồ nằm cạnh nhau.

Trên đầu họ, bầu trời mượt như nhung. Còn phía bên dưới là tán rừng rậm rạp.

Viên phi công quay sang ông và giơ tay chỉ một khoảng trống rộng hoác trên mặt đất nom như một miệng núi lửa.

Chiếc trực thăng rẽ sang hướng ấy.

Bảy phút sau, họ hạ cánh xuống bên cạnh quốc lộ. Con đường đã bị phong tỏa, cảnh sát đang giám sát khu vực. Một người đàn ông mặc comlê xanh khom người đi dưới cánh quạt trực thăng còn đang quay tít đến đón vị khách vừa đến, nhọc nhằn giữ lấy chiếc càvạt đang bay phần phật.

- Giáo sư Gavila, chúng tôi đang đợi ông. - Anh ta hét toáng lên để át tiếng động cơ.

Goran Gavila không đáp.

Đặc vụ Stern nói tiếp:

- Mời ông theo lối này. Trên đường đi tôi sẽ giải thích.

Hai người men theo một lối đi mấp mô, bỏ lại tiếng gầm rú của chiếc trực thăng đang cất cánh rồi mất hút trong màn đêm đen như mực.

Màn sương mù như một tấm vải liệm phủ lên các quả đồi, những mùi hương hỗn độn của khu rừng chung quanh họ được

làm dịu bớt đi bởi làn hơi ẩm ban đêm lạnh lẽo lướt qua da thịt.

- Bảo đảm với ông vụ này không hề đơn giản. Ông cứ nhìn tận mắt rồi sẽ thấy.

Đặc vụ Stern đi trước giáo sư Goran vài bước để mở đường xuyên qua các lùm cây, miệng vẫn tiếp tục nói trong khi mắt không nhìn xung quanh.

- Mọi chuyện bắt đầu từ sáng nay, tầm mười một giờ. Hai cậu bé dắt chó đi dạo theo con đường mòn vào rừng. Chúng trèo lên đồi rồi tới một trảng đất trống. Con chó giống Labrador, ông biết đấy, giống ấy ưa đào bới... Tự nhiên nó phát cuồng lên vì đánh hơi được một thứ gì đó. Nó đã đào một cái hố, và thế là cái đầu tiên xuất hiện.

Ông Goran tập trung bám theo Stern trong khi hai người đi sâu vào đám cây cối càng lúc càng rậm rạp trên một sườn đồi cao dần. Ông để ý thấy ống quần của Stern hơi bị xước ở chỗ đầu gối, chứng tỏ hôm nay anh ta đã đi qua đi lại theo lối này nhiều lần.

- Dĩ nhiên là bọn trẻ bỏ chạy ngay lập tức và báo cho cảnh sát địa phương. - Stern tiếp lời. - Họ liền đến đây khảo sát vị trí và các ngọn đồi, lùng tìm manh mối, tóm lại là làm theo đúng quy trình. Thế rồi một người đề nghị tiếp tục đào bới để xem còn gì khác hay không... và cái thứ hai xuất hiện! Đến nước này thì họ

phải cầu viện chúng tôi. Bọn tôi có mặt tại đây từ lúc ba giờ đêm. Chúng tôi vẫn chưa biết dưới này có bao nhiêu cả thảy. Đây, ta đến nơi rồi...

Trước mặt hai người mở ra một trảng đất trông được chiếu sáng bởi các luồng đèn rọi. Đúng là một miệng núi lửa. Hương rừng đột ngột biến mất, chỉ còn thứ mùi chua nồng đặc trưng xộc thẳng vào mũi hai người. Goran ngẩng đầu, để cho mùi chua tràn vào mũi. *Mùi phenol*, ông tự nhủ.

Rồi ông nhìn thấy chúng.

Những cái hố nhỏ nằm theo một vòng tròn, cùng khoảng ba chục người đàn ông trong bộ áo liền quần màu trắng đang đào bới dưới ánh đèn halogen ma mị. Họ được trang bị xẻng nhỏ và cọ để có thể làm sạch bụi đất một cách nhẹ nhàng. Vài người sắm soi đèn soi, trong khi những người khác chụp ảnh và lập danh sách mọi thứ tìm thấy. Những thao tác của họ chính xác, thành thực như bị thôi miên trong sự im lặng trang nghiêm chỉ thi thoảng bị gián đoạn bởi những tiếng đèn flash.

Goran nhận ra hai đặc vụ Sarah Rosa và Klaus Boris. Chánh thanh tra Roche nhìn thấy ông và lập tức sai những bước dài tiến lại chào, nhưng chưa kịp mở miệng thì Goran đã hỏi đột luôn:

- Có bao nhiêu cả thảy?

- Năm. Dài năm mươi, rộng hai mươi, sâu năm mươi centimét... Theo ông, người ta chôn gì trong những cái hố như thế?

Một thứ gì đó trong mỗi cái hố. Cùng một thứ.

Nhà tội phạm học nhìn ông ta, chờ đợi.

Câu trả lời đến ngay lập tức:

- Một cánh tay trái.

Goran quay ra nhìn mấy người mặc đồ bảo hộ trắng đang lúi húi làm việc giữa cái nghĩa địa lộ thiên quái gở. Lòng đất chỉ cung cấp những mảnh thịt đã bị phân hủy, nhưng nguồn gốc của thứ tội ác ma quỷ này chắc hẳn phải xảy ra đâu đó trước thời điểm phi thực tế và lừng lờ này.

- Là chúng à? - Goran hỏi. Nhưng lần này ông đã biết quá rõ câu trả lời.

- Theo phân tích mẫu ADN, chủ nhân của các cánh tay là những bé gái da trắng, tuổi từ chín đến mười ba...

Những bé gái.

Thanh tra Roche nói huých toẹt câu vừa rồi chẳng chút

ngập ngừng như thể nhỏ đi một bãi nước bọt đã ngậm quá lâu trong miệng.

Debby. Anneke. Sabine. Melissa. Caroline.

Mọi chuyện bắt đầu trước đó hai mươi lăm ngày, khi mục tin vắn của tờ báo địa phương đề cập đến vụ mất tích của một nữ sinh trong trường trung học dành cho con nhà giàu. Lúc đó ai cũng tưởng nó chỉ là một vụ bỏ nhà đi bụi. Học sinh nữ mất tích tên là Debby, mười hai tuổi. Các bạn học của em còn nhớ đã nhìn thấy em ra về sau buổi học. Trong ký túc xá, mọi người chỉ nhận ra sự vắng mặt của cô bé vào lúc điểm danh buổi tối. Vụ việc có vẻ giống với những chuyện mà người ta chỉ dành cho vài hàng ở trang trong và lặng lẽ trôi vào quên lãng, trong khi chờ một kết cục vui vẻ, dễ đoán.

Nhưng sau đó, đến lượt vụ mất tích của Anneke.

Nó xảy ra trong một khu làng nhỏ có những ngôi nhà gỗ và một nhà thờ trắng. Anneke mới mười tuổi. Lúc đầu người ta tưởng cô bé đi lạc trong rừng, vì em thường đạp xe đi dạo trong đó. Toàn bộ dân làng đã tham gia tìm kiếm, nhưng vô hiệu.

Trước khi kịp hiểu được chuyện gì đang thực sự diễn ra, sự việc lại tái diễn.

Nạn nhân thứ ba tên là Sabine, bé gái nhỏ nhất, mới lên bảy. Vụ mất tích xảy ra trong thành phố vào một tối thứ Bảy. Bố mẹ Sabine dẫn em đi hội chợ như rất nhiều gia đình khác. Sabine trèo lên vòng xoay ngựa gỗ đầy con nít. Mẹ cô bé nhìn thấy con mình ở vòng đầu tiên và vỗ tay. Vòng thứ hai, bà lại vỗ tay. Đến vòng quay thứ ba thì cô bé biến mất.

Đến lúc ấy, người ta bắt đầu cho rằng ba bé gái mất tích trong ba ngày liên tục là một điều không bình thường.

Việc tìm kiếm đã diễn ra rất quy mô. Truyền hình bắt đầu vào cuộc. Mọi người bỗng chốc bàn tán về một hay nhiều gã loạn óc, thậm chí cả một băng cuồng sát. Nhưng không có manh mối nào cho phép thu hẹp đối tượng điều tra. Cảnh sát đã thiết lập một đường dây nóng để tiếp nhận thông tin, kể cả nặc danh. Họ nhận được hàng trăm cuộc gọi và mất hàng mấy tháng trời để xác minh toàn bộ, nhưng vẫn chẳng truy ra được tung tích của các bé gái. Thêm vào đó, những vụ mất tích xảy ra tại nhiều địa phương khác nhau và các cảnh sát khu vực không tài nào thống nhất được phạm vi trách nhiệm điều tra.

Đơn vị điều tra hình sự do thanh tra Roche đứng đầu lúc ấy mới vào cuộc. Tìm người mất tích không thuộc phạm vi điều tra của họ, nhưng tâm lý hoảng loạn leo thang buộc họ phải đặt ra ngoại lệ.

Roche và cả đội đang điều tra thì một bé gái thứ tư mất tích.

Melissa là cô bé lớn nhất, mười ba tuổi. Cũng như đối với mọi bé gái ở tuổi ấy, bố mẹ Melissa áp dụng lệnh giới nghiêm vì sợ con mình sẽ trở thành nạn nhân của tên cuồng sát đang làm cả nước lên cơn sốt. Nhưng lệnh cấm lại rơi vào ngày sinh nhật của Melissa, và dĩ nhiên tối hôm đó cô bé đâu chịu ngồi nhà. Cùng với đám bạn, Melissa đã bày ra một kế hoạch để trốn ra khỏi nhà đi chơi bowling. Các cô bạn đều đến nơi cả, chỉ có Melissa là không.

Từ lúc đó, một cuộc săn lùng trong náo loạn và tự phát bắt đầu diễn ra. Người ta động viên nhau vào cuộc, sẵn sàng đòi lại công lý. Cảnh sát chặn đường kiểm soát khắp nơi. Việc kiểm tra những cá nhân từng bị kết án hoặc nghi án trong các vụ lạm dụng trẻ em được siết chặt. Các bậc cha mẹ chẳng dám cho con em mình ra khỏi nhà dù là để đến trường. Nhiều trường học đã phải tạm nghỉ vì thiếu học sinh. Mọi người chỉ ra khỏi nhà khi thật cần thiết. Sau một thời điểm nhất định trong ngày, ngoài đường vắng tanh vắng ngắt.

Trong vài ngày liền không thấy xảy ra vụ mất tích nào nữa. Nhiều người cho rằng các biện pháp để phòng đã phát huy tác dụng và khiến tên điên loạn kia chùn tay. Nhưng họ đã nhầm.

Vụ bắt cóc bé gái thứ năm là vụ ly kỳ nhất.

Nạn nhân tên Caroline, mười một tuổi. Em bị bắt cóc ngay tại giường khi đang ngủ trong căn phòng sát phòng bố mẹ mà cả hai không hề hay biết.

Năm bé gái bị bắt cóc trong vòng một tuần. Sau đó là mười bảy ngày không có tin tức.

Cho đến hôm nay.

Cho đến năm cánh tay chôn dưới đất này.

Debby. Anneke. Sabine. Melissa. Caroline.

Goran nhìn một vòng những cái hố. Một vòng tròn ghê rợn được kết bằng những cánh tay. Tưởng như ông có thể nghe thấy điệu nhạc mùa vòng.

- Kể từ lúc này, đã rõ đây không phải là mất tích đơn thuần. - Thanh tra Roche vừa nói vừa ra hiệu mời mọi người đến để nói vài lời.

Như thông lệ, Rosa, Boris và Stern đến nhập hội với hai người, mắt cắm xuống đất, tay chắp sau lưng.

Thanh tra Roche lên tiếng trước:

- Tôi đang nghĩ đến kẻ đã đưa ta tới đây, tối hôm nay. Kẻ đã gây ra tất cả chuyện này. Chúng ta có mặt ở đây vì hắn muốn thế, vì hắn đã hình dung ra như thế. Và hắn đã bày ra tất cả chuyện này cho chúng ta. Bởi vì, các bạn ạ, tất cả tấn tuồng này là dành cho chúng ta. Chỉ cho chúng ta mà thôi. Hắn đã chuẩn bị nó rất kỹ lưỡng và khoái trá thưởng thức khoảnh khắc này, phản ứng này của chúng ta. Để cho chúng ta phải kinh ngạc, cho chúng ta biết ai “vĩ đại và mạnh mẽ”.

Mọi người gật gù tán thành.

Dù là ai, thủ phạm của vụ này cũng đã chuồn êm không ai hay biết.

Thanh tra Roche, người từ lâu đã coi Gavila như một thành viên của đơn vị, nhận thấy ông có vẻ lơ đãng, mắt đờ ra như thể đang chìm trong một dòng suy nghĩ nào đó.

- Thế còn ông, thưa tiến sĩ, ông nghĩ sao?

Goran thoát ra khỏi sự im lặng và chỉ nói vồn vện hai từ:

- Lũ chim.

Lúc đầu chẳng ai hiểu mô tê gì.

Ông tiếp tục nói tình như không:

- Lúc đến đây tôi không để ý, giờ mới nhận ra. Lạ lắm.

Hãy lắng nghe...

Tiếng hót của hàng ngàn con chim đang tràn ngập cả khu rừng.

- Chúng hót kia. - Rosa kinh ngạc thốt lên.

Gora quay về phía cô, gật gù.

- Tại mấy cái đèn pha... Lũ chim tưởng là ánh sáng của bình minh. Thế nên chúng hót. - Boris nhận xét.

- Mọi người có nghĩ điều này mang một ý nghĩa nào đó không? - Goran nói tiếp, đưa mắt nhìn toán cảnh sát. - Thật ra là có đấy... Năm cánh tay bị chôn vùi. Những mảnh thịt. Không thi thể. Có thể nói là, không có sự tàn nhẫn thực sự trong tất cả chuyện này. Không thi thể, không có khuôn mặt. Không có khuôn mặt tức là không có cá nhân, thậm chí không có con người. Chúng ta chỉ phải tự hỏi những bé gái hiện đang ở đâu. Vì các em không nằm dưới mấy cái hố này. Chúng ta không thể nhìn vào mắt các em. Không thể nhìn nhận các em như những người bình thường như chúng ta được. Bởi làm gì có con người trong chuyện này. Đó chỉ là những *bộ phận*... Không có sự thương hại. Hẳn không cho phép

chúng ta có được cảm xúc đó. Hấn chỉ dành cho ta sự sợ hãi. Chúng ta không thể thương xót những nạn nhân nhỏ tuổi này. Hấn muốn chúng ta *chỉ* biết các em đã chết... Mọi người có thấy chuyện này có ý nghĩa không? Hàng ngàn con chim trong đêm tối, bị dụ cho hót lên chung quanh một nguồn sáng kỳ dị. Nhưng đó là sản phẩm của ảo giác. Hãy cảnh giác trước các ảo thuật gia: đôi khi, cái ác lừa mị chúng ta bằng hình thức *giản đơn nhất*.

Mọi người lặng thinh. Thêm một lần nữa nhà tội phạm học đã nắm bắt được một điều mang tính biểu tượng, dù nhỏ nhưng lại rất quan trọng. Điều mà những người khác thường không thể nhìn thấy, hay trong trường hợp này là cảm thấy. Những chi tiết, đường nét, sắc thái. Bóng tối bao quanh các sự việc, và cái ác đang rình rập trong quầng tối.

Mọi tên sát nhân đều có một kế hoạch cụ thể, nhằm mang lại cho chúng sự thỏa mãn, thậm chí niềm kiêu hãnh. Cái khó nhất là hiểu được thế giới quan của chúng. Chính vì lẽ đó mà Goran có mặt ở đây. Vì lẽ đó mà họ đã vùi ông đến. Để ông xử lý tội ác không thể lý giải này bằng các kiến thức khoa học vững vàng của ông.

Đúng lúc đó, một kỹ thuật viên mặc đồ bảo hộ trắng đến gần nhóm người và báo cáo trực tiếp với chánh thanh tra bằng vẻ hoang mang ra mặt:

- Thưa thanh tra, có một vấn đề... *Giờ chúng ta có những*

sáu cánh tay.

Thầy dạy nhạc đã lên tiếng.

Nhưng đó không phải là điều khiến cô chú ý. Đây không phải lần đầu tiên. Rất nhiều người cô độc nói thành tiếng suy nghĩ của họ những lúc ở trong nhà mình. Ngay cả Mila cũng thỉnh thoảng tự nói chuyện một mình khi cô ở nhà.

Không, điều mới mẻ ở đây là chuyện khác. Nó là phần thưởng cho cả một tuần rình rập, ngồi chịu trận trước cái lạnh cắt thịt trong chiếc xe hơi đậu phía trước ngôi nhà màu nâu để theo dõi tình hình trong nhà với cặp ống nhòm nhỏ xíu. Đối tượng của cô là một gã đàn ông trạc bốn mươi tuổi, to béo và trắng trẻo. Hấn bình

thần đi lại giữa không gian ngăn nắp của mình, lặp đi lặp lại các cử chỉ ấy, tựa như đang dệt một tấm mạng nhện chỉ mình hần trông thấy.

Thầy dạy nhạc đã lên tiếng, nhưng lần này điều mới mẻ là hần đã thốt ra một cái tên.

Mila đã nhìn thấy nó phát ra từ môi hần, từng chữ cái một. Đó chính là điểm then chốt cho phép cô len vào trong cái thế giới bí ẩn của hần. Giờ thì cô đã biết.

Thầy dạy nhạc có một người khách.

Mười ngày trước đó, Pablo chỉ là một cậu bé tám tuổi, tóc nâu và đôi mắt lanh lợi, thích chơi trượt ván trong khu phố nhà mình. Nếu Pablo phải đi mua đồ cho mẹ hoặc bà, chắc chắn cậu sẽ đi bằng ván trượt có bánh xe. Cậu dành hàng giờ để chạy tới chạy lui trên đường cùng nó. Đối với những người hàng xóm thường trông thấy cậu phóng qua trước cửa sổ nhà mình, Paplito - cái tên mà mọi người dùng để gọi cậu bé - đã trở thành một phần của quang cảnh khu phố.

Có lẽ cũng vì điều đó mà không ai nhận thấy gì vào buổi sáng một ngày thứ Bảy trong tháng Hai ấy, tại khu phố nơi mà ai cũng biết tên tuổi của nhau, nơi mà mọi căn nhà và mọi cảnh đời đều tương tự như nhau. Một chiếc Volvo màu xanh xuất hiện trên

phố - thầy dạy nhạc hẳn đã chọn nó vì nó giống với đám xe hơi đậu trên những con đường nhỏ. Sự yên lặng của buổi sáng thứ Bảy hoàn toàn bình thường bị phá vỡ bởi tiếng lốp xe nghiêng chậm chậm trên lớp nhựa đường và tiếng lạo xạo mờ nhạt của một chiếc ván trượt đang tăng dần tốc độ... Mất sáu giờ sau mới có người để ý rằng trong những âm thanh của buổi sáng thứ Bảy đã thiếu mất một điều gì đó. Tiếng lạo xạo. Và vào buổi sáng nắng lạnh tê người ấy, cậu bé Pablo đã bị nuốt chửng bởi một cái bóng ghê rợn nhất quyết không nhả cậu ra, chia tách cậu với chiếc ván trượt yêu quý.

Tám ván có bốn bánh xe rớt cuộc nằm chỏng chơ giữa một toán cảnh sát kéo đến khu vực ngay khi có người báo động.

Giờ đây, mười ngày sau, có thể đã quá muộn để cứu Pablo. Quá muộn cho tâm hồn mong manh thơ dại của cậu bé. Quá muộn để đánh thức cậu khỏi cơn ác mộng mà không phải chịu ảnh hưởng gì.

Lúc này tám ván trượt đang nằm trong cốp xe của nữ cảnh sát cùng với những món vật dụng khác như đồ chơi và quần áo. Những manh mối mà Mila đã dùng để tìm kiếm dấu vết và dẫn cô tới cái sào huyết sơn màu nâu này. Tới ông thầy giáo dạy nhạc trong trường trung học và chơi organ tại nhà thờ mỗi sáng Chủ nhật, đồng thời là phó chủ tịch một hiệp hội âm nhạc chuyên tổ chức liên hoan nhạc Mozart quy mô nhỏ hàng năm. Một người đàn ông độc thân nhút nhát vô danh tiểu tốt, mắt đeo kính, hói đầu bẩm sinh và

có đôi bàn tay mềm, ướt mồ hôi.

Mila đã quan sát hắn rất cẩn thận. Vì đó là năng khiếu của cô.

Cô vào ngành cảnh sát với một mục đích rõ ràng và dồn hết tâm huyết của mình cho nghề nghiệp sau khi rời học viện. Cô chẳng hứng thú gì với bọn tội phạm, chưa nói tới luật pháp. Đó không phải là lý do khiến cô không ngừng sục sạo mọi góc ngách tối tăm, nơi cuộc sống cứ thế trôi chảy.

Khi nhìn thấy trên môi của tên cai ngục kia mấp máy cái tên Pablo, Mila cảm thấy một cơn đau nơi chân phải. Có lẽ đó là do cô đã ngồi quá lâu trong xe để chờ đợi dấu hiệu kia. Cô lại thấy đau thêm lần nữa, chắc là vì vết thương nơi bắp đùi mà cô đã tự tay băng bó.

Minh sẽ xử lý nó sau, cô tự hứa với bản thân. Chỉ sau khi xong việc. Trong khi suy nghĩ, Mila nhận thấy mình đã sẵn sàng để vào trong căn nhà, phá vỡ lớp bùa chú và đặt dấu chấm hết cho cơn ác mộng.

- Cảnh sát Mila gọi trung tâm: đã nhận diện được nghi phạm bắt cóc cậu bé Pablo Ramos. Ngôi nhà có màu nâu ở số 27 đại lộ Alberas. Tình huống có thể nguy hiểm.

- Tốt, cảnh sát Vasquez, chúng tôi đang cử viện binh đến, nhưng phải mất ít nhất ba mươi phút nữa.

Quá lâu.

Mila không có nhiều thời gian đến thế. *Pablo* không còn nhiều thời gian.

Nỗi sợ phải nói ra hai chữ “quá muộn” khi báo cáo tình hình đã thôi thúc cô tiến về phía ngôi nhà.

Bỏ lại tiếng bộ đàm văng vẳng, súng lục lăm lăm, cánh tay hạ thấp quá trọng tâm cơ thể, mắt nhìn cảnh giác, chân bước những bước nhanh và ngắn, Mila tiến đến hàng rào gỗ sơn màu kem bao quanh căn nhà nhỏ.

Một cây tiêu huyền đồ sộ phủ bóng trùm lên cô. Những chiếc lá đổi màu trong gió, lấp lánh ánh bạc. Mila dán người vào hàng rào, dỏng tai nghe ngóng. Thình thoảng tiếng trống của một bài hát rock vang đến chỗ cô, hẳn nó được gió mang đến từ một nơi lân cận. Mila nghiêng người qua cánh cổng gỗ và thấy một mảnh vườn được cắt tỉa gọn gàng, một cái chòi cất dụng cụ, một đoạn ống nước màu đỏ chạy dích dắc qua bãi cỏ đến một vòi phun, mấy món đồ bằng nhựa và một cái lò nướng ga. Tất cả đều rất bình thường. Một cánh cửa màu hoa cà với lớp kính mờ. Mila vươn tay qua cánh cổng và khéo léo nhấc then. Các bản lề kêu rín rít khi cô mở hé cánh cổng

đủ rộng để lách người qua.

Cô đóng công để không ai trong nhà nhận thấy sự khác biệt khi nhìn ra ngoài. Mọi thứ phải ở nguyên chỗ của nó. Rồi cô đi như đã được huấn luyện, thận trọng đặt từng bước chân lên thảm cỏ - chỉ đi bằng mũi chân để không lưu lại dấu vết - và sẵn sàng bật nhảy khi cần thiết. Một lát sau, cô đã ở bên cạnh cửa hậu, ở phía không đổ bóng khi thò đầu nhìn vào trong nhà. Lốp kính mờ khiến cô không thể quan sát bên trong, nhưng nhìn hình dáng của đồ đạc thì có vẻ như đó là phòng khách. Mila đưa tay tới nắm cửa ở phía bên đối diện, vặn nó xuống. Khóa cửa kêu tách.

Cửa mở.

Thầy dạy nhạc chắc hẳn cảm thấy rất an toàn trong hang ổ mà hẳn đã chuẩn bị cho mình và cho tù nhân của mình. Chẳng mấy chốc Mila đã hiểu tại sao.

Sàn nhà trải vải nhựa kêu kin kít khi tiếp xúc với đế giày cao su của cô trong mỗi bước đi. Mila cố gắng điều chỉnh dáng đi để không gây ra quá nhiều tiếng động, nhưng sau đó cô đành phải cời luôn đôi giày thể thao và đặt nó cạnh một cái tủ. Bước đi trên đôi chân trần, cô lần đến cuối hành lang và nghe thấy tiếng nói chuyện của hẳn:

- Tôi cũng muốn đặt một gói khăn lau vụn năng. Cùng với

sản phẩm tẩy rửa gồm sứ... Đúng rồi, loại ấy đấy... Tiếp theo, mang cho tôi sáu hộp súp gà, đường, một tờ chương trình tivi và một hộp thuốc lá loại nhẹ, hiệu như mọi lần...

Tiếng nói vọng ra từ trong phòng khách. Thầy dạy nhạc đang mua hàng qua điện thoại. Quá bận nên không thể ra khỏi nhà chẳng? Hay là hẳn không muốn rời xa nó, để có thể kiểm soát nhất cử nhất động của con tin?

- Phải, số 27 đại lộ Alberas, cảm ơn. Vui lòng cầm theo tiền thối cho năm mươi đồng, vì tôi chỉ có tiền loại ấy thôi.

Mila lần theo giọng nói và đi ngang qua một cái gương cho hình ảnh phản chiếu méo mó giống như ở nhà gương trong hội chợ. Khi đến ngưỡng cửa phòng, cô giương súng lên, hít một hơi rồi đột ngột bước qua cửa. Cô cứ ngỡ mình sẽ làm đối phương bất ngờ trong khi hẳn đứng cạnh cửa sổ, lưng quay về phía cửa phòng, điện thoại vẫn còn trong tay. Một mục tiêu hoàn hảo.

Nhưng cô chẳng thấy hẳn đâu.

Phòng khách trống không, ổng nghe đang gác trên điện thoại. Khi cô hiểu ra chẳng có ai gọi điện từ trong phòng này thì cảm thấy một nòng súng lạnh ngắt chạm nhẹ vào gáy mình.

Hắn đang ở sau lưng cô.

Mila rửa thầm trong bụng, tự gọi mình là con cóc. Thầy dạy nhạc đã sửa soạn rất kỹ lưỡng sáo huyết của hắn. Cánh công vờn kêu ken két và lớp vải nhựa rin rít chính là lời cảnh báo khi có kẻ đột nhập. Từ đó mới có trò giả vờ gọi điện thoại, một thứ mồi nhử để thu hút con mồi. Cái gương dị dạng là để có thể đứng phía sau cô mà không bị trông thấy. Tất cả là một cái bẫy.

Mila cảm thấy tay hắn vươn đến tước súng của mình. Cô để yên cho hắn làm.

- Mày có thể bắn tao, nhưng đừng vội mừng. Đồng đội tao sắp đến rồi. Mày sẽ không thoát được đâu. Tốt hơn là tự nộp mình đi.

Hắn không nói không rằng. Qua khoeo mắt, Mila có cảm tưởng như nhìn thấy hắn. Hắn đang cười chằng?

Thầy dạy nhạc lùi lại, hống súng rời khỏi gáy Mila, nhưng cô vẫn còn cảm thấy lực hút giữa đầu mình và viên đạn trong nòng. Thế rồi gã đàn ông đi vòng qua người cô và bước đến trước mặt. Hắn nhìn cô chòng chọc một lúc lâu. Nhìn mà như không nhìn. Trong đáy mắt hắn có cái gì đó, tựa như một căn buồng tăm tối.

Thầy dạy nhạc đường hoàng quay lưng lại với cô. Mila thấy hắn đi thẳng đến chỗ chiếc đàn piano kê sát tường. Khi đến nơi, hắn ngồi xuống ghế và đưa mắt nhìn các phím đàn. Đặt hai

khẩu súng xuống phía bên trái, hấn nâng tay lên rồi lập tức thả những ngón tay xuống các phím đàn.

Bản dạ khúc số 20 cung Đô thăng thứ của Chopin vang lên tràn ngập căn phòng. Mila hít thật mạnh. Cơ co cứng lan tỏa khắp các thớ cơ trên cổ của cô. Những ngón tay của thầy dạy nhạc lướt trên phím đàn một cách điêu luyện và nhẹ nhàng. Những nốt nhạc êm dịu khiến Mila bỗng chốc thành một người thưởng ngoạn màn biểu diễn, tựa như bị thôi miên.

Nhưng cô cương quyết bắt mình phải tỉnh táo lại và lướt nhẹ về phía sau trên đôi chân trần, thật chậm rãi, cho đến khi ra hẳn ngoài hành lang. Cô lấy lại hơi thở, cố kìm hãm nhịp tim của mình, rồi bắt đầu tìm kiếm các căn phòng trong tiếng nhạc riết róng. Cô kiểm tra từng căn một: phòng làm việc, phòng tắm, phòng ăn. Rồi đến lướt một cánh cửa đóng kín.

Mila đẩy cửa. Vết thương ở đùi làm cô nhức nhối, nên cô dồn toàn lực vào vai. Cánh cửa gỗ bật mở.

Ánh sáng yếu ớt ngoài hành lang là thứ đầu tiên tràn vào trong căn phòng có các cửa sổ bị bịt kín. Mila bước theo luồng sáng vào trong, và vấp phải đôi mắt ươn ướt đang nhìn trừng trừng vào cô như hóa đá. Pablo đang ngồi trên giường, co hai chân vào bộ ngực gầy còm. Trên người thằng bé mặc độc cái quần lót và chiếc áo ba lỗ. Nó đang cố nghĩ xem liệu mình có nên hoảng sợ hay không,

liệu Mila có phải là một phần của cơn ác mộng này không. Cô nói với cậu bé câu quen thuộc mà cô vẫn luôn nói mỗi khi tìm ra một đứa trẻ.

- Đi thôi cháu.

Thằng bé ửng thuận, giơ tay ra nắm lấy đôi tay cô. Mila vẫn nghe ngóng tiếng nhạc đang vang lên đầy ám ảnh. Cô sợ bản nhạc sẽ không đủ dài và hai người sẽ không có đủ thời gian để ra khỏi ngôi nhà. Cô lại bắt đầu lo lắng đến một vấn đề khác. Cô đã đặt mạng sống của mình và con tin vào vòng nguy hiểm, nên giờ cô thấy sợ. Cô sợ mình lại mắc sai lầm, sợ làm lỡ cơ hội thoát thân cuối cùng này, sợ là ngôi nhà sẽ khép chặt cửa như một cái tổ nhóp nhúa, giữ rịt lấy cô mãi mãi.

Nhưng cửa mở được, và hai cô cháu bước ra vùng ánh sáng ban ngày tuy yếu nhưng an lành.

Khi nhip tim Mila đã chậm lại, khi cô thôi không nghĩ đến khẩu súng bỏ lại trong nhà và ôm chặt Pablo, dùng cơ thể mình như một cái khiên ám áp để trấn an nó, thằng bé ghé miệng vào tai cô thì thầm:

- Còn chị ấy, chị ấy không ra hờ cô?

Đôi chân của Mila như lún xuống đất trước sức nặng đột

ngọt, cô lão đảo, nhưng vẫn giữ được thăng bằng.

- Chị ấy ở đâu?

Thằng bé giơ tay chỉ lên tầng trên của ngôi nhà. Ngôi nhà giương các cửa sổ nhìn hai cô cháu và cười ngạo nghễ bằng khuôn cửa mở rộng vừa để cả hai thoát ra ngoài.

Lúc ấy nỗi sợ của cô hoàn toàn biến mất. Mila chạy nốt quãng đường ngắn ngủi còn lại đến bên chiếc xe hơi của mình, đặt Pablo vào trong xe, rồi bình tĩnh nói với cậu bé:

- Cô sẽ quay lại ngay.

Thế rồi cô quay trở lại ngôi nhà, tự nguyện để mình bị nuốt gọn trong cái miệng toang hoác kia.

Mila đứng dưới chân cầu thang. Cô nhìn lên phía trên, tự hỏi mình sẽ tìm thấy gì trên đó. Cô bám lấy lan can cầu thang để trèo lên. Giai điệu của Chopin vẫn không hề ngắt quãng, bám theo cô trong cuộc tìm kiếm. Đôi bàn chân Mila nhấn sâu vào các bậc thang, trong khi hai tay cô dính vào hàng lan can như đang muốn níu chặt cô không rời.

Tiếng nhạc đột ngột chấm dứt.

Mila sững người, các giác quan căng ra cảnh giác. Tiếp đó là tiếng vang khô khốc của một phát súng, một tiếng thình và những phím đàn vang lên hỗn loạn dưới trọng lượng cơ thể của thầy dạy nhạc. Mila trèo thật nhanh lên tầng trên. Cô không thể biết chắc đây có phải là một cái bẫy hay không. Cầu thang kết thúc và bậc thang trên cùng nối vào một hành lang hẹp trải thảm dày. Cuối hành lang là một cái cửa sổ. Còn phía trước nó, là một thân người. Dặt dẹo, mong manh, nổi bật trên nền sáng, cô gái trẻ đặt đôi chân trên một chiếc ghế, vươn cổ và hai tay về phía một nút thòng lọng từ trần nhà buông xuống. Mila trông thấy cô gái tròng đầu vào thòng lọng. Cô thét lên. Cô gái nhìn thấy Mila và cuống cuống làm nhanh hơn. Bởi đó là điều mà hấn đã bảo, điều mà cô gái đã thuộc nằm lòng.

“Nếu bọn họ đến, con phải tự sát”.

“Bọn họ”, đó là những người khác, từ thế giới bên ngoài, những kẻ không chịu thông hiểu và sẽ không bao giờ tha thứ.

Mila lao bổ về phía cô gái, tuyệt vọng tìm cách ngăn em lại. Càng đến gần, cô càng có cảm giác như đang lao ngược trở về quá khứ.

Bởi nhiều năm trước, ở trong một cuộc sống khác, cô gái

trẻ này đã từng là một đứa bé.

Mila còn nhớ như in tấm ảnh của cô bé. Cô đã nghiên cứu nó rất tỉ mỉ, từng đường nét một, ghi nhớ trong đầu từng nếp nhăn biểu cảm, vừa làm vừa phân loại và lưu giữ mọi dấu hiệu riêng biệt, ngay cả những vết nhỏ nhất trên da cô bé.

Và đôi mắt ấy. Với sắc xanh rục rờ và sống động. Có thể lưu giữ trọn vẹn ánh chớp của đèn flash. Đôi mắt của một bé gái mười tuổi, Elisa Gomes. Tấm ảnh được bố cô bé chụp. Một khoảnh khắc bất chợt trong một ngày lễ, khi cô bé chuẩn bị mở một gói quà. Mila thậm chí đã hình dung ra bối cảnh của bức ảnh. Bố Elisa cất tiếng gọi con bé để làm nó bất ngờ. Và Elisa quay sang bố, thậm chí chưa kịp ngạc nhiên. Một nét mặt vĩnh viễn được ghi lại, một điều gì đó mà mắt thường không thể chụp bắt được. Một nụ cười tuyệt vời chớm nở trên đôi môi Elisa ngay trước khi thành hình và khiến đôi mắt của cô bé sáng lên như ánh sao tân sinh.

Chính vì lý do đó mà Mila không bất ngờ khi bố mẹ Elisa đưa cho cô bức ảnh này lúc cô yêu cầu họ cung cấp một tấm hình mới chụp của con mình. Đó không phải là bức ảnh thích hợp nhất, nét biểu cảm không tự nhiên của Elisa khiến cho khó có thể sử dụng nó để thực hiện các thay đổi, chẳng hạn như làm cho khuôn mặt già đi theo thời gian. Các thành viên khác trong đội điều tra phân nản điều này, nhưng đối với Mila, chuyện đó không quan trọng, bởi vì trong bức ảnh có một cái gì đó, một thứ năng lực khác lạ. Đó chính

là thứ mà họ cần tìm. Không phải một khuôn mặt như những khuôn mặt khác, một đứa trẻ như những đứa trẻ khác. Mà là cô bé này, với nguồn sáng trong đôi mắt ấy. Mong rằng không ai có thể làm ánh sáng đó tắt đi...

Mila ngăn cô gái lại vừa kịp lúc. Cô tóm lấy hai chân của cô gái trước khi cô kịp thả người trên sợi dây thòng lọng. Cô gái trẻ vùng vẫy, gào thét chống cự.

- Elisa. - Mila gọi tên cô gái thật nhẹ nhàng.

Và cô gái bưng tỉnh.

Elisa đã quên mất mình là ai. Những năm tháng bị giam cầm đã tước đi nhân thân của cô, mỗi ngày một ít. Cho đến khi cô tự thuyết phục mình rằng người đàn ông ấy là gia đình của mình, vì những người khác đã lãng quên cô. Những người khác sẽ không bao giờ cứu cô. Elisa ngạc nhiên nhìn vào mắt Mila, bình tĩnh trở lại và để cho mình được giải cứu.

Sáu cánh tay. Năm cái tên.

Cùng với bí ẩn đó, nhóm điều tra rời khoảng đất trống giữa rừng để đến một trạm nghỉ lưu động đặt cạnh quốc lộ. Cà phê và thức ăn nhẹ có vẻ không thích hợp trong hoàn cảnh này, mặc dù nó giúp tạo ra một sự kiểm soát giả tạo. Dù sao thì cũng chẳng có ai đụng đến đồ ăn trong cái lạnh buốt của buổi sáng tháng Hai này.

Stern lấy từ trong túi ra một hộp kẹo ngậm bạc hà. Anh lắc lắc hộp kẹo, đổ ra tay vài ba viên rồi tống luôn vào họng. Anh vẫn bảo nó giúp anh suy nghĩ.

- Sao có thể xảy ra chuyện này được chứ? - Stern cất tiếng tự hỏi mình nhiều hơn là hỏi những người khác.

- Chó... - Boris buột miệng, nhưng anh nói nhỏ đến nỗi không ai nghe thấy.

Rosa tìm kiếm một điếm ở bên trong chiếc xe cắm trại để nhìn đăm đăm vào nó. Goran nhận thấy điều đó. Ông rất hiểu, cô cũng có một đứa con gái trạc tuổi những cô bé kia. Con cái mình. Đó là điều đầu tiên người ta nghĩ đến trước một tội ác đối với trẻ em. Và họ tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu... Nhưng họ không dám nghĩ nốt về sau, vì nó quá tàn nhẫn.

- Hẳn sẽ cung cấp cho chúng ta từng mảnh thi thể. - Chánh thanh tra Roche lên tiếng.

- Thế ra đây là công việc của chúng ta à? Nhặt xác ấy? - Boris hỏi xóc.

Là con người của hành động, anh không thể chịu nổi khi thấy mình phải làm công việc của phu đào huyệt. Anh muốn truy tìm thủ phạm. Những người khác cũng vậy. Tất cả đều đồng tình với câu nói của anh.

Roche trấn an cả nhóm:

- Ưu tiên hàng đầu luôn là lòng bất thủ phạm. Nhưng chúng ta không thể miễn cho mình công việc tìm thi thể kinh khủng này được.

- Rõ ràng là có sự sắp đặt.

Mọi người đều nhìn vào giáo sư Goran đầy ngạc nhiên.

- Con chó tìm ra cánh tay và đào đất, đó là một phần của “kế hoạch”. Hấn biết hai cậu bé sẽ đưa con chó đi dạo trong rừng. Chính vì thế hấn đã đặt khu nghĩa trang nhỏ của hấn ngay tại địa điểm đó. Một ý đồ đơn giản. Hấn đã hoàn tất “công việc” của mình, và cho chúng ta xem. Thế thôi.

- Ý ông là, không phải chúng ta phát hiện ra hấn à? - Boris tức giận hỏi, anh không tài nào tin được chuyện đó.

- Anh biết rõ hơn tôi những chuyện như thế này diễn ra thế nào mà...

- Nhưng hấn sẽ thực hiện điều đó, không đúng sao? Hấn sẽ lại giết người... - Rosa nói, không chịu chấp nhận. - Hấn đã rất thành công, hấn sẽ tiếp tục.

Rosa muốn nghe một lời phản bác, nhưng Goran không thể. Và kể cả là có một quan điểm về chuyện này, ông cũng không

biết diễn đạt thế nào cho dễ chấp nhận sự tàn nhẫn của việc bị giằng xé giữa ý nghĩ về những cái chết thê thảm kia và mong muốn vô tâm rằng kẻ sát nhân sẽ ra tay lần nữa. Bởi vì, như mọi người đều biết, khả năng duy nhất để tóm được hắn là hắn không ngừng việc giết chóc lại.

Thanh tra Roche lên tiếng:

- Nếu chúng ta tìm được thi thể của các cháu bé, ít ra gia đình của nạn nhân cũng có thể tiến hành chôn cất cho tử tế.

Như thường lệ, Roche thường lật lại vấn đề để nhìn nhận nó một cách khách quan nhất có thể. Đó là sự tổng dượt cho điều mà ông sẽ nói với báo chí, để xoa dịu sự việc tránh ảnh hưởng tới tên tuổi mình. Đầu tiên là tang lễ, sự đau buồn, để thêm thời gian. Sau đó mới đến cuộc điều tra và các thủ phạm.

Nhưng Goran thừa biết là chiến thuật đó sẽ không thành công, cánh nhà báo sẽ mổ xẻ vụ án và thêm thắt các chi tiết kinh tởm nhất. Và nhất là, kể từ lúc đó, nhóm điều tra sẽ không được lượng thứ bất kỳ điều gì. Nhất cử nhất động của họ, mọi lời ăn tiếng nói của họ sẽ được gán cho giá trị của một sự hứa hẹn, một lời cam kết long trọng. Roche tin tưởng có thể buộc được giới truyền thông phải tôn trọng mình bằng cách nhả cho họ ít một những điều mà họ muốn nghe, và Goran để yên cho ngài chánh thanh tra mặc sức bay bổng với cái ảo tưởng làm chủ tình hình mong manh ấy.

- Tôi tin rằng ta phải đặt cho gã này một cái tên... trước khi báo chí làm chuyện đó. - Roche nói.

Goran đồng tình, nhưng không phải vì cùng một lý do với ngài chánh thanh tra. Giống như mọi nhà tội phạm học làm việc trong ngành cảnh sát, ông có những phương pháp riêng của mình. Trước hết, phải gắn các đặc điểm cho tên tội phạm, để con người hóa một hình ảnh vẫn còn rất lờ mờ và sơ sài. Trên thực tế, trước một tội ác man rợ và vô cơ đến vậy, người ta có khuynh hướng quên mất rằng thủ phạm chỉ là một con người, cũng giống như nạn nhân, có một cuộc sống nhiều khi rất bình thường, có công ăn việc làm, và đôi khi còn có cả gia đình nữa. Để củng cố cho giả thiết này, giáo sư Goran Gavila luôn nhắc nhở các sinh viên của mình rằng gần như trong tất cả các vụ, việc bắt giữ một tên tội phạm giết người hàng loạt là một điều hoàn toàn gây chấn động đối với hàng xóm láng giềng và người thân của hắn.

“Chúng ta gọi chúng là quái vật, vì chúng ta cảm thấy chúng quá xa lạ với mình, nên chúng ta muốn chúng *khác biệt*”, giáo sư Goran từng nói như thế trong bài giảng của mình. “Ngược lại, bọn chúng hoàn toàn không khác gì chúng ta. Nhưng ta cứ thích chối bỏ suy nghĩ rằng một kẻ đồng loại với mình lại có thể tàn bạo đến thế. Tựa như một sự miễn tội cho bản chất của con người chúng ta. Những nhà nhân loại học gọi đó là ‘sự giải thể nhân cách của tội phạm’, và đó thường là trở ngại chính trong việc nhận dạng một tên giết người hàng loạt. Một con người thì luôn có các điểm

yếu và có thể bị bắt. Còn một con quỷ thì không’.

Để minh họa cho điều này, Goran từng cho treo trong phòng học một bức ảnh đen trắng chụp một đứa trẻ. Một cậu bé mũm mĩm, vô hại. Các sinh viên của ông nhìn nó mỗi ngày và trở nên thân thuộc với hình ảnh đó. Cho đến một ngày - vào khoảng giữa học kỳ - một ai đó đánh bạo hỏi ông cậu bé là ai. Ông đã thách họ đoán. Những câu trả lời rất đa dạng và đầy liên tưởng. Và rồi ông khoái chí quan sát nét mặt của các sinh viên khi tiết lộ rằng cậu bé đó chính là Adolf Hitler.

Sau chiến tranh, tên trùm phát xít Đức đã trở thành một con quái vật trong tâm tưởng của mọi người, và trong nhiều năm trời, những quốc gia giành chiến thắng đã chống lại tất cả những cách nhìn nhận khác về Hitler. Đến mức chẳng ai biết tới những tấm ảnh thời thơ ấu của tên độc tài. Một con quái vật thì không thể nào từng là một đứa trẻ, không thể có được tình cảm nào khác ngoài sự thù hận, và không thể nào từng sống một cuộc sống tương tự như những đứa trẻ đồng lứa khác, những trẻ em mà sau này trở thành nạn nhân của hắn.

“Đối với nhiều người, nhân tính hóa Hitler tức là ‘lý giải’ hắn”, sau đó Goran nói với cả lớp. “Nhưng xã hội ngụ biện rằng, cái ác tột cùng thì không thể cắt nghĩa hoặc hiểu thấu, vì nếu làm điều đó tức là ta đang tìm cách bào chữa cho nó”.

Trong chiếc xe cắm trại cơ động, Boris đề nghị đặt tên “Albert” cho thủ phạm của nghĩa địa cánh tay, như là kỷ niệm về một chuyện cũ. Ý kiến của anh được những người có mặt hồ hởi đón nhận, nên họ quyết định luôn.

Ngày qua ngày, Albert sẽ hoàn chỉnh dần diện mạo. Một chiếc mũi, hai con mắt, một khuôn mặt, một cuộc sống. Mỗi người sẽ có cách nhìn riêng của mình, và hẳn sẽ không còn là một bóng ma lẫn khuất nữa.

- Albert à? - Khi buổi họp kết thúc, Roche vẫn còn cân nhắc về giá trị truyền thông của cái tên này. Ông lặp đi lặp lại, nhảm nha nó. Có lẽ được đây.

Nhưng một điều vẫn còn làm bận lòng ngài chánh thanh tra. Ông nói với Goran:

- Nói thật, tôi đồng tình với Boris. Lạy Chúa! Tôi không thể ép người của mình đi nhặt xác trong khi một gã loạn thần kinh biến chúng ta thành cả một lũ ngu!

Goran biết thừa khi Roche nói đến “người của mình”, thì chủ yếu ông ta muốn nói đến chính mình. Chính ông ta mới là người sợ không trung ra được bất cứ kết quả nào. Cũng chính ông ta là người sợ rằng ai đó sẽ khai ra năng lực yếu kém của cảnh sát liên bang nếu như họ không bắt được thủ phạm.

Hơn nữa, vẫn còn đó câu hỏi về cánh tay thứ sáu.

- Tôi nghĩ chúng ta sẽ không tiết lộ về sự tồn tại của một nạn nhân thứ sáu.

Goran chưng hửng.

- Thế thì làm thế nào chúng ta biết cánh tay đó của ai?

- Tôi đã tính hết rồi, ông đừng lo...

Trong sự nghiệp của mình, Mila Vasquez đã giải quyết được tám mươi chín vụ mất tích. Cô đã nhận được ba huy chương và hàng loạt bằng khen. Cô được coi như một chuyên gia trong lĩnh vực này, và mọi người thường tham vấn ý kiến cô, kể cả từ nước ngoài.

Chiến dịch buổi sáng hôm ấy đã giải cứu được Pablo và Elisa, có thể coi đó là một chiến thắng tuyệt đối. Mila không nói gì. Nhưng nó làm cô áy náy. Cô những muốn thừa nhận các sai lầm của chính cô. Tự mình đột nhập vào hang ổ kẻ thù mà không có lực lượng hỗ trợ, đánh giá thấp tình hình và mắc bẫy, đánh liều mạng sống của bản thân và con tin khi để cho kẻ tình nghi tước vũ khí rồi

chĩa súng vào gáy mình. Và cuối cùng, không ngăn cản được vụ tự sát của thầy giáo dạy nhạc.

Nhưng tất cả những điều đó đã được cấp trên của cô bỏ qua hết, chẳng những thế họ càng thổi phồng công trạng của cô trong lúc được cánh báo chí săn ảnh.

Mila không bao giờ xuất hiện trong những bức ảnh đó. Lý do chính thức mà cô đưa ra là cô muốn giấu kín danh tính của mình để còn tiếp tục nghiệp điều tra sau này. Nhưng sự thực là cô ghét bị chụp ảnh. Thậm chí cô còn không chịu nổi hình ảnh mình trong gương. Không phải vì cô không đẹp, ngược lại là đẳng khác. Nhưng, ở vào cái tuổi ba mươi hai này, những ngày tháng miệt mài trong phòng tập đã tước mất toàn bộ vẻ nữ tính của cô. Mọi đường cong, mọi nét mềm mại. Như thể việc làm phụ nữ là một điều cần phải xóa bỏ. Cô hay mặc đồ của đàn ông tuy không hề nam tính. Đơn giản là cô chẳng có nét gì tiết lộ giới tính của mình cả. Mà cô cũng muốn thế. Trang phục của cô giới nào cũng mặc được. Quần jean không quá bó sát, giày thể thao thoải mái, áo khoác da. Chúng chỉ là quần áo, không gì hơn. Chức năng của chúng là giữ ấm và che thân. Cô chẳng mất nhiều thời gian để chọn đồ, cứ thế mua và mặc. Thường là mua cùng một món nhiều lần. Có quan trọng gì đâu. Cô thích thế.

Được vô hình giữa những người tàng hình.

Cũng vì thế mà cô có thể dùng chung phòng thay đồ với cánh đàn ông.

Suốt mười phút vừa qua, Mila nhìn cái tủ đựng đồ mở toang của mình trong lúc điềm lại những sự kiện trong ngày. Cô có việc gì đó phải làm, nhưng tâm trí cô cứ để đâu đâu. Sau đó, một cơn đau nhói ở bắp đùi đưa cô về thực tại. Vết thương của cô lại bị mở miệng. Cô đã cố cầm máu bằng băng băng, nhưng vô ích. Mảnh da quanh vết cắt quá ngắn, khiến cô không thể làm tốt việc khâu vết thương. Chắc là lần này cô phải đi khám bác sĩ, nhưng cô không thích đi bệnh viện. Quá nhiều câu hỏi. Cô quyết định băng chặt hơn, với hy vọng cầm được máu, rồi sau đó sẽ thử khâu lại lần nữa. Nhưng dù sao cô cũng phải dùng kháng sinh để tránh nhiễm trùng. Mila sẽ xoáy cho mình một toa thuốc rôm, nhờ một tay thỉnh thoảng vẫn cung cấp thông tin cho cô về những kẻ mới đến trong đám người lang thang ngoài ga...

Những ga tàu.

Lạ thật, Mila nghĩ bụng. Trạm trung chuyển của người này, nhưng với người khác lại là nơi để lưu lại và không rời đi nữa. Các nhà ga là một dạng phòng chờ của địa ngục, nơi những linh hồn lưu lạc dồn đống lại trong khi đợi ai đó đến hết đi.

Mỗi ngày trung bình có từ hai mươi đến hai trăm cá nhân biến mất. Mila nắm số liệu thống kê rất rõ. Đùng một cái,

chẳng có tin tức gì của bọn họ nữa. Họ biến đi không báo trước, cũng không mang theo hành lý. Tựa như họ đã rơi vào cõi hư không.

Mila biết đa phần trong số họ là những kẻ sống ngoài vòng pháp luật, bọn nghiện hút, du thủ du thực, sẵn sàng phạm tội, vào tù ra khám như cơm bữa. Nhưng cũng có những người - thiếu số thôi - mà vào một thời điểm trong đời, họ quyết định từ bỏ tất cả. Như là một bà mẹ đi chợ và không bao giờ quay về nữa, hoặc là đưa con trai hay thằng anh nó nhảy lên tàu và không bao giờ tới được đích muốn đến.

Mila nghĩ mỗi người có một con đường riêng. Một con đường đưa chúng ta về nhà, đến chỗ người thân, những người mà chúng ta gắn bó nhất. Thường thì đó là con đường chúng ta tìm hiểu từ bé và đi tiếp cho đến cuối cuộc đời. Nhưng cũng có khi con đường đó gián đoạn giữa chừng để rồi tiếp nối ở nơi khác. Hoặc là sau khi đã theo một lộ trình gặp ghềnh, nó quay lại điểm đứt đoạn. Hoặc cũng có thể là nó cứ lơ dờ như thế mãi.

Nhưng đôi khi, nó mất hút vào trong bóng tối.

Mila biết hằng hơn phân nửa những người mất tích quay về và luôn kể những câu chuyện. Một số chẳng có gì để kể và quay lại cuộc sống như lúc trước. Những người khác kém may mắn hơn khi chỉ còn là cái xác vô hồn. Và có những người mà ta không bao

giờ hay biết gì về họ nữa.

Trong số những người này, thế nào cũng có một đứa bé.

Có những bậc cha mẹ sẵn sàng đánh đổi cả cuộc sống để biết điều gì đã xảy ra. Họ đã sai lầm ở chỗ nào. Sự lơ đãng nào đã dẫn tới thảm kịch cam lạng ấy. Điều gì đã xảy đến với con họ. Kẻ đã bắt nó, và lý do của hắn. Có những người cất vãn Chúa trời để biết họ bị trừng phạt vì tội lỗi gì, có người quay quắt đi tìm câu trả lời trong suốt phần đời còn lại, hoặc chết dần chết mòn trong khi cố giải đáp các câu hỏi. “Ít ra hãy khẳng định với tôi rằng nó đã chết”, họ nói như thế. Một số có thể đi đến chỗ mong ước chuyện đó, vì họ muốn than khóc, thế thôi. Mong muốn duy nhất của họ không phải là sự bỏ cuộc, mà là khả năng chấm dứt hy vọng. Bởi hy vọng giết chết con người ta chậm rãi hơn.

Nhưng Mila không tin vào thứ “sự thật giúp giải tỏa”. Cô đã cảm thấy như thế vào lần đầu tiên giải thoát con tin, và một lần nữa vào buổi chiều hôm ấy, khi đưa Pablo và Elisa về nhà.

Chào đón thằng bé, cả khu phố reo mừng, xe hơi bóp còi và tuần hành vui vẻ.

Nhưng về phần Elisa, một khoảng thời gian quá dài đã trôi qua.

Sau khi cứu cô gái, Mila đưa Elisa đến một trung tâm đặc biệt, nơi cô gái được các nhân viên cứu trợ xã hội chăm sóc, cho ăn uống và thay quần áo sạch. Mila tự hỏi tại sao mấy thứ quần áo đó bao giờ cũng có vẻ rộng hơn một đến hai số. Có lẽ là vì những người được mặc chúng đã hao gầy đi trong suốt những năm tháng của sự quên lãng, để rồi được tìm thấy lại ngay trước khi biến mất hẳn.

Elisa không nói tiếng nào. Cô gái chỉ mặc kệ cho người ta chăm sóc mình, chấp nhận tất cả những gì họ làm với cô. Sau đó, khi nghe Mila thông báo sẽ đưa cô về nhà, Elisa cũng chẳng nói chẳng rằng.

Trong khi nhìn đăm đăm chiếc tủ đựng đồ, Mila không thể nào xóa khỏi đầu hai gương mặt của cha mẹ Elisa Gomes khi cô bấm chuông nhà cùng với con gái họ. Hai ông bà có vẻ bất ngờ và thậm chí có phần hơi khó chịu. Có lẽ họ nghĩ trong đầu rằng người ta sẽ trả lại cho họ một cô bé mười tuổi, chứ không phải là cô gái trẻ mà với cô, họ hoàn toàn không còn điểm chung nào.

Elisa từng là một đứa trẻ thông minh và phát triển sớm. Cô bé biết nói rất sớm. Từ đầu tiên phát ra từ miệng cô bé là “May”, tên của con gấu bông. Nhưng mẹ cô cũng không thể quên từ cuối cùng cô nói. Đó là từ “mai”, trong câu “Hẹn mẹ ngày mai”. Elisa đã nói câu ấy trên ngưỡng cửa nhà mình, trước khi đi sang nhà bạn ngủ. Thế nhưng ngày mai ấy đã không đến, và vẫn chưa đến. Ngược lại, “ngày hôm qua” của cô là một ngày rất dài và chưa có vẻ

gi là muốn kết thúc.

Trong khoảng thời gian đó, đối với bố mẹ Elisa, cô tiếp tục là một cô bé mười tuổi, phòng ngủ của cô đầy búp bê và cạnh lò sưởi là đồng quà Giáng sinh. Elisa mãi là như thế trong ký ức của bố mẹ cô. Đông cứng trong hình ảnh mà họ giữ trong đầu, tựa như tù nhân của một lời nguyện.

Vậy đấy, mặc dù Mila đã tìm lại được Elisa, nhưng họ vẫn tiếp tục chờ đợi cô bé gái mà họ đã đánh mất. Để rồi không bao giờ thanh thản.

Sau một cái ôm kèm theo nước mắt và sự xúc động như thông lệ, bà Gomes đưa hai chị em vào nhà, mời trà và bánh quy. Bà đối xử với con gái mình như với một người khách. Có lẽ trong thâm tâm, bà vẫn nuôi một hy vọng là cô gái lạ hoắc này sẽ ra đi sau chuyến viếng thăm, để lại vợ chồng bà với sự trống vắng dễ chịu thường khi.

Mila so sánh nỗi buồn với mấy cái tủ đồ cũ kỹ mà người ta muốn dẹp bỏ nhưng vẫn nằm đó, tỏa một thứ mùi đặc trưng ra khắp phòng. Cùng với thời gian, người ta quen dần với nó, và rồi trở nên lệ thuộc vào nó.

Elisa đã quay về, và bố mẹ cô sẽ phải phá bỏ sự đau buồn của họ, gác đi tất cả những thương hại mà người ta đã dành

cho họ trong những năm vừa qua. Họ đâu còn lý do gì để mà buồn nữa. Nhưng họ sẽ phải cần nhiều dũng khí hơn nếu muốn kể cho mọi người nghe về nỗi bất hạnh mới của mình. Nỗi bất hạnh đó là việc có một kẻ lạ mặt ở trong nhà!

Sau một giờ thăm hỏi xã giao, Mila cáo từ. Dường như cô đọc thấy trong mắt của mẹ Elisa một lời cầu cứu câm lặng: “Giờ tôi biết làm gì đây?”

Bản thân Mila cũng có một thực tế khác phải đối mặt: việc tìm thấy Elisa hoàn toàn là do tình cờ. Nếu như tên bắt cóc, sau chừng ấy năm trời, không nảy ra ý định mở rộng “gia đình” bằng việc bắt Pablo thì sẽ chẳng ai biết chuyện đã xảy ra. Và Elisa sẽ mãi mãi bị giam cầm trong thế giới đã được cố ý tạo ra cho cô và cho sự si mê của kẻ bắt cóc cô. Đầu tiên hẳn xem cô như con gái, sau đó như một người vợ chung thủy.

Nghĩ đến đây, Mila đóng tủ đồ cá nhân của mình lại. “Quên đi, quên đi nào”, cô tự nhủ. “Đó là giải pháp duy nhất”.

Trụ sở vắng dần. Mila muốn về nhà. Cô sẽ đi tắm, mở một chai porto và nướng hạt dẻ. Sau đó cô sẽ ngồi nhìn cái cây ngoài cửa sổ phòng khách, và biết đâu, nếu may mắn, cô sẽ ngủ thiếp đi trên xa lông. Tuy nhiên, khi cô chuẩn bị thưởng cho mình một buổi tối cô độc thì một đồng nghiệp thò đầu vào phòng thay đồ.

Trung sĩ Morexu muốn gặp cô.

Làn hơi ẩm phủ trùm lên các con đường trong buổi tối tháng Hai. Giáo sư Goran bước xuống xe taxi. Ông không có xe hơi riêng cũng chẳng có bằng lái, nên ông để cho người khác đưa mình đến nơi cần đến. Chẳng phải ông chưa từng thi lấy bằng, ông thi tốt là đằng khác. Nhưng đối với một người thường xuyên chìm vào các suy tưởng mông lung, cảm vô lăng là điều nên tránh. Vậy là ông từ bỏ chuyện cầm lái.

Sau khi đã trả tiền cho tài xế và đặt đôi chân đi giày số bốn mươi bốn xuống vỉa hè, ông rút từ áo vest ra điều thuốc lá thứ ba trong ngày. Ông châm thuốc, rít hai hơi rồi vứt đi. Ông đã tập thói quen đó từ khi quyết định bỏ thuốc. Một kiểu tự thỏa thuận với bản thân để đánh lừa cơn thèm nicotine.

Ông quan sát hình ảnh mình trong một cửa kính, tự kiểm tra trong chốc lát. Bộ râu viền quanh khuôn mặt càng ngày càng mỗi mệ. Mắt thâm quầng, tóc bù xù. Ông nhận ra mình đã không ngó ngàng nhiều đến bản thân. Người thường chăm sóc ông từ lâu đã rời bỏ bồn phận của mình.

Điểm nổi bật nhất ở Goran, như lời nhận xét của mọi

người, là sự im lặng dài hơi và bí ẩn của ông.

Cùng với đôi mắt to và xuyên thấu.

Đã sắp đến giờ ăn tối. Ông chậm rãi leo lên cầu thang, vào trong nhà và nghe ngóng. Nhiều giây liền trôi qua, khi đã quen với sự yên tĩnh mới mẻ này, ông nhận ra âm thanh chào đón quen thuộc của Tommy. Nó đang chơi trong phòng của mình. Ông đi vào tìm con, nhưng chỉ quan sát nó từ trên ngưỡng cửa mà không có can đảm làm gián đoạn trò chơi của nó.

Tommy lên chín, hoàn toàn vô lo. Mái tóc của thằng bé có màu hạt dẻ. Nó thích màu đỏ, thích bóng rổ và ăn kem, kể cả vào mùa đông. Bạn thân nhất của Tommy là Bastian, hai đứa thường tổ chức những chuyến thám hiểm kỳ thú trong vườn trường. Cả hai đều là hướng đạo sinh, hè năm sau chúng sẽ cùng nhau đi cắm trại. Gần đây hai đứa chỉ toàn nói về chuyện đó.

Tommy giống mẹ một cách đáng kinh ngạc, nhưng thằng bé thừa hưởng từ bố mình đôi mắt to và xuyên thấu.

Khi nhận ra sự có mặt của Goran, thằng bé quay lại mỉm cười.

- Bố về muộn. - Nó trách.

- Ừ, bố xin lỗi. - Ông biện hộ. - Bà Runa đi lâu chưa con?

- Con trai bà ấy đến đón từ nửa tiếng trước rồi ạ.

Chuyện này làm giáo sư Goran bực mình. Bà Runa giúp việc nhà cho họ đã vài năm nay. Bà ta hẳn phải biết ông không thích để Tommy ở nhà một mình. Đôi khi sự bực dọc này cùng với những thứ khác khiến Goran chẳng thiết sống nữa. Một mình ông không thể lo liệu hết mọi chuyện được. Như thể là người có cái biệt tài lo liệu bí ẩn kia đã quên mất không để lại cho ông quyển sách ghi các câu thần chú trước khi ra đi.

Ông sẽ phải làm rõ mọi chuyện với bà Runa và có lẽ phải tỏ ra cứng rắn hơn một chút với bà ta. Lúc nào ông cũng bảo bà ta phải ở lại buổi tối cho đến khi ông về nhà. Chắc là đọc được suy nghĩ của bố, Tommy xịu mặt. Ngay lập tức, Goran thay đổi chủ đề, ông hỏi con:

- Đói không con?

- Con đã ăn một quả táo, mấy cái bánh quy và uống một cốc nước.

Goran lắc đầu.

- Ăn tối kiểu gì thế không biết.

- Con mới ăn lót dạ thôi mà. Bây giờ con muốn ăn cái khác cơ...

- Mì ống nhé?

Thằng bé tỏ ra thích thú với đề nghị của bố. Goran xoa đầu con.

Hai bố con cùng nhau nấu ăn và dọn bàn, như một cặp đôi hoàn hảo, mỗi người tự làm phần việc của mình mà không cần phải hỏi ý kiến người kia. Tommy học nhanh và làm Goran rất tự hào.

Những tháng vừa qua mọi việc không được dễ dàng.

Cuộc sống của hai bố con có nguy cơ tan rã, và ông đã cố gắng giữ lại phần nào nếp song cũ của hai bố con, kiên nhẫn hàn gắn lại các mảnh vỡ. Khi vắng mặt, ông đưa ra các mệnh lệnh. Ăn uống đều đặn, giờ giấc chính xác, các thói quen được củng cố. Nhìn từ góc độ này thì chẳng có gì thay đổi so với *lúc trước*. Tất cả lặp đi lặp lại y hệt và khiến Tommy yên tâm.

Hai bố con cuối cùng cũng đã biết cách cùng nhau sống với sự trống vắng này mà không chối bỏ thực tại. Ngược lại là khác, khi một trong hai người muốn bàn đến thực tế thì họ sẽ trò chuyện cùng nhau.

Điều duy nhất mà cả hai không bao giờ làm, đó là gọi sự trống vắng này bằng tên của nó. Cái tên ấy đã ra khỏi từ điển của họ. Họ dùng những biện pháp khác, những cách diễn đạt khác. Thật kỳ lạ, người luôn bận tâm đến việc đặt tên cho những tay giết người hàng loạt mà ông điều tra lại không biết phải gọi người đã từng là vợ ông như thế nào, và để cho con trai mình “giải thể nhân cách” mẹ nó. Như thể bà chỉ là một nhân vật trong các truyện ngụ ngôn mà ông đọc cho cậu bé nghe mỗi tối.

Tommy là đôi trọng duy nhất neo giữ Goran lại với trần gian. Không có thằng bé, ông sẽ lập tức rơi tõm xuống cái vực thăm mà ông thám hiểm hàng ngày.

Sau bữa tối, Goran vào trong phòng làm việc. Tommy theo sau. Đó là nghi thức buổi tối của hai bố con. Ông ngồi xuống chiếc ghế bành kẻo kẹt, trong khi cậu con trai nằm dán bụng xuống tấm thảm, tiếp tục màn đối thoại tưởng tượng.

Goran quan sát tủ sách của mình. Những quyển sách về tội phạm học, nhân loại học hình sự và pháp y đập vào mắt ông. Một vài quyển được đóng bìa vải có dập chữ mạ vàng. Những quyển khác thì được đóng cuốn đơn giản. Trong đó là những câu trả lời. Nhưng điều khó khăn nhất - như ông luôn nói với các học viên của mình - là việc tìm ra câu hỏi. Trong các cuốn sách kia tràn ngập những hình ảnh đáng sợ. Những thân thể đầy thương tích, bị hãm hại, tra tấn, đốt cháy, cắt thành từng mảnh. Tất cả được in nghiêm

cắn trên những tờ giấy bóng bẩy, kèm theo chú thích tỉ mỉ. Mạng sống của con người được tối giản thành một đối tượng nghiên cứu lạnh lùng.

Vì lý do này mà trước đây không lâu, Goran không cho phép Tommy vào trong nơi biệt trữ này. Ông sợ rằng vì tò mò thằng bé sẽ mở một quyển sách và nhận ra cuộc sống có thể tàn bạo đến mức nào. Thế nhưng, một lần nọ, Tommy đã không nghe lời ông. Ông phát hiện ra cậu bé nằm giống như hôm nay, tay lần giở một trong những quyển sách của ông. Ông vẫn còn nhớ thằng bé đã dừng lại tại hình ảnh của một phụ nữ được vớt lên từ dưới sông, giữa mùa đông. Chị ta lõa thể, da tím tái và có đôi mắt bất động.

Nhưng Tommy tỏ ra không nao núng, nên thay vì mắng mỏ con, Goran chỉ ngồi khoanh chân cạnh cậu bé.

- Con biết đây là gì không?

Tommy chờ một lúc lâu, khuôn mặt kín như bưng. Sau đó nó trả lời bằng cách liệt kê tỉ mỉ những thứ đã nhìn thấy. Đôi tay mảnh khảnh, mái tóc bám đầy sương giá, ánh mắt thất thần. Cuối cùng, nó nói lan man sang nghề nghiệp của người phụ nữ, bạn bè và nơi ở của chị ta. Lúc ấy Goran mới nhận ra rằng, Tommy đã đọc được mọi điều trên bức ảnh, ngoại trừ một điều. Cái chết.

Trẻ con không nhìn thấy cái chết. Bởi vì cuộc sống của

chúng chỉ gói gọn trong một ngày, từ lúc thức dậy cho đến khi đi ngủ.

Sau lần ấy, Goran đã hiểu ra rằng, dù có nỗ lực đến đâu, ông cũng sẽ không bao giờ có thể bảo vệ con trai mình khỏi cái xấu trong đời. Giống như mấy năm sau, ông đã không thể tự giải thoát mình khỏi những gì mà mẹ nó đã gây ra cho ông.

Trung sĩ Morexu khác với các cấp trên khác của Mila. Ông coi khinh sự danh giá và những tấm ảnh đăng trên báo. Vì thế, Mila đã chuẩn bị tinh thần nghe trách mắng vì cách thức hành động ở nhà thầy giáo dạy nhạc.

Morexu rất mau lẹ trong cung cách và cả trong suy nghĩ. Ông không thể giữ nguyên một cảm xúc quá vài giây. Vừa mới nổi giận đùng đùng, thoát cái ông đã lại tươi cười và tử tế đáng kinh ngạc. Thêm vào đó, để cho tiện, Morexu hay kết hợp các động tác với nhau. Chẳng hạn như, để an ủi người khác, ông vừa đặt tay lên vai người đó vừa đưa anh ta ra cửa. Hoặc là khi nói chuyện điện thoại, ông đưa ống nghe lên gãi trán.

Nhưng lần này Morexu không vội.

Ông để Mila đứng trước bàn làm việc của mình, không mời cô ngồi xuống. Sau đó ông nhìn cô chăm chú, trong khi duỗi hai chân dưới bàn và dang rộng hai tay.

- Tôi không biết liệu cô có nhận thức được việc đã xảy ra hôm nay...

- Tôi biết, tôi đã phạm một sai lầm. - Mila nói luôn.

- Không phải thế, cô đã cứu được ba mạng người.

Lời tuyên bố khiến Mila sửng người một lúc lâu.

- Những ba ạ?

Morexu ngồi thẳng người lại trên ghế và đưa mắt nhìn tờ giấy đặt trước mặt.

- Họ đã tìm thấy các ghi chú tại nhà của thầy dạy nhạc. Có vẻ như hẳn đã có ý định bắt cóc một lần nữa...

Morexu đưa cho Mila bản chụp của một trang sổ tay. Bên dưới dòng ngày tháng có ghi một cái tên.

- Priscilla? - Cô tự hỏi.

- Priscilla. - Morexu lặp lại.

- Ai thế ạ?

- Một cô bé may mắn.

Morexu không nói gì thêm. Vì ông không biết gì hơn. Không có họ, không địa chỉ, cũng chẳng có ảnh chụp. Không có gì. Chỉ vồn vện cái tên Priscilla.

- Vậy nên cô đừng có đá thúng đụng nia nữa. Hôm nay tôi đã quan sát cô ở buổi họp báo: cô có vẻ muốn tung hê mẹ nó hết cả. - Morexu nói thêm trước khi Mila kịp phản ứng.

- Đúng vậy.

- Khi thật, Vasquez! Thế cô không nhận ra những người được cô cứu thoát biết ơn cô đến mức nào à? Đó là còn chưa nói đến gia đình của họ!

Ông chưa thấy mẹ của Elisa Gomes đâu, Mila đã định vạch lại như thế. Nhưng cô ngoan ngoãn chấp nhận. Morexu nhìn nét mặt cô và lắc đầu.

- Từ khi cô đến đây, tôi chưa hề nghe ai phàn nàn về cô.

- Thế là hay hay dở?

- Nếu cô không tự biết lấy câu trả lời, thì cô có vấn đề đấy, cô bé ạ... Vì lý do này, tôi đã quyết định hình thức làm việc theo nhóm sẽ có ích cho cô.

Nhưng Mila không đồng ý.

- Tại sao? Tôi làm công việc của tôi, đó là điều duy nhất mà tôi quan tâm. Hiện nay tôi đã quen tự mình xoay xở như thế này. Tôi sẽ phải điều chỉnh phương pháp của mình cho thích hợp với người khác. Làm thế nào tôi có thể giải thích được...

- Cô đi thu xếp hành lý đi. - Morexu gạt phăng lời phản đối của Mila.

- Việc gì phải vội thế?

- Vì cô sẽ lên đường tối nay.

- Tôi bị phạt hay sao?

- Không, nhưng đây cũng không phải là một kỳ nghỉ. Người ta đang cần sự hỗ trợ của chuyên gia. Mà cô thì nổi tiếng quá rồi.

Nữ cảnh sát nghiêm mặt.

- Có chuyện gì thế ạ?

- Vụ bắt cóc năm bé gái.

Mila có loáng thoáng nghe nói về vụ này trên bản tin thời sự.

- Sao lại là tôi? - Cô hỏi.

- Bởi vì hình như có một cô bé thứ sáu, nhưng bọn họ chưa biết được là ai...

Cô những muốn có thêm các giải thích khác, nhưng Morexu đã quyết định chấm dứt cuộc nói chuyện. Ông tỏ ra vội vã và cầm một tập hồ sơ rồi chỉ ra cửa.

- Trong này có cả vé tàu của cô.

Mila cầm lấy tập hồ sơ và đi ra. Nhưng trước khi rời văn phòng, cô quay lại nhìn ông trung sĩ cảnh sát.

- Priscilla, hả sếp?

- Ừ...

The Piper at the Gates of Dawn, 1967. *A Saucerful of Secrets*, 1968. *Ummagumma* là vào năm 1969, giống như album nhạc phim *More*. Năm 1971 thì có đĩa nhạc *Meddle*. Nhưng trước đó còn một đĩa hát khác... Vào năm 1970, hẳn chắc chắn điều đó. Hẳn không nhớ ra tựa đề. Trên bìa đĩa có hình ảnh một con bò cái. Khi thật, cái đĩa tên là gì nhỉ?

Minh phải đỡ xăng mới được, hẳn nghĩ bụng.

Kim xăng đang ở mức thấp nhất, đèn báo đã thôi không còn nhấp nháy mà để sáng liên tục một màu đỏ nhức nhối.

Nhưng hắn không muốn dừng lại.

Lúc này hắn đã lái xe được năm tiếng đồng hồ và đi được gần sáu trăm cây số. Nhưng dù đã ở cách xa sự việc xảy ra đêm qua, hắn vẫn không cảm thấy khác hơn. Đôi tay hắn cứng đơ trên vô lăng. Cơ cổ căng lên khiến hắn đau nhức.

Hắn ngoảnh đầu lại một lúc.

Đừng nghĩ đến nó... đừng nghĩ đến nó...

Hắn làm đầu óc mình bận rộn với việc lục lọi trong trí nhớ những điều quen thuộc, để tự làm mình yên lòng. Trong suốt mười phút vừa qua, hắn tập trung vào các đĩa nhạc của nhóm Pink Floyd. Còn trong bốn tiếng đồng hồ trước đó, hắn điem lại các tựa phim yêu thích, những cầu thủ đã chơi cho đội khúc côn cầu mà hắn hâm mộ trong ba mùa giải vừa qua, tên những người bạn học cùng lớp và các thầy cô giáo của hắn. Hắn lần ngược đến tận bà giáo Berger. Bà ấy thế nào rồi nhỉ? Hắn muốn gặp lại bà. Cái gì cũng được, miễn là đây lui được *suy nghĩ đó*. Còn bây giờ, tâm trí hắn đang mắc kẹt với cái đĩa nhạc đáng nguyền rủa với hình con bò cái trên bìa!

Ý nghĩ kia lại xuất hiện.

Cần phải xua nó đi một lần nữa. Nhét nó trở vào trong góc tâm trí, nơi hắn đã cầm giữ nó thành công nhiều lần trong đêm

nay. Nếu không được, hắn sẽ lại toát mồ hôi, thỉnh thoảng run bắn lên vì tuyệt vọng, mặc dù chuyện đó không kéo dài. Nỗi sự làm bụng hắn thắt lại, nhưng hắn buộc mình phải tỉnh táo.

- Atom Heart Mother!

Phải rồi, đó là tựa đề của đĩa nhạc. Trong một lúc, hắn đã cảm thấy sung sướng. Nhưng tâm trạng đó không kéo dài lâu. Ở vào tình thế của hắn thì làm sao có thể vui vẻ được.

Hắn lại ngoảnh đầu nhìn phía sau.

Minh phải đổ xăng mới được, hắn lại nghĩ.

Lâu lâu, mùi khai khảm từ dưới tấm thảm xe dưới chân lại xộc lên, nhắc hắn nhớ mình đã đi tiểu ngay lên đó. Các cơ bắp ở chân hắn nhúc nhối, hắn không còn cảm nhận được bắp chân của mình nữa. Con bão vừa càn quét qua đường cao tốc suốt cả đêm đã đi xa dần lên núi. Hắn vẫn còn thấy những tia sáng xanh lét ở phía chân trời, trong khi tay phát thanh viên trên đài đọc bản tin thời tiết đến lần thứ bao nhiêu không biết nữa. Trời sắp rạng đến nơi rồi. Một giờ trước đó hắn đã rời đường cao tốc và đi theo quốc lộ. Thậm chí hắn không buồn dừng lại để trả phí cầu đường. Lúc này, mục tiêu của hắn là đi thật xa.

Và làm theo mệnh lệnh đã được giao.

Trong vài phút, hắn thả hồn đi vợ vẫn nơi khác. Nhưng rồi, không thể tránh khỏi, những ký ức đêm qua lại ùa về.

Sáng hôm qua hắn đã đến khách sạn Modigliani tầm độ mười một giờ. Suốt buổi chiều, hắn làm công việc chào hàng trong thành phố, sau đó dùng bữa tối với khách hàng ở khách sạn, đúng như dự kiến. Quá mười giờ đêm một chút, hắn về phòng mình.

Sau khi đã khép cửa phòng, hắn bắt đầu tháo cà vạt trước gương. Chính lúc đó, hình ảnh trong gương đã cho hắn thấy bộ mặt quý ám thực sự của hắn, với làn da xâm xấp mồ hôi và đôi mắt vằn đỏ. Hắn có diện mạo này những khi bị dục vọng chế ngự.

Lúc nhìn vào hình ảnh bản thân, hắn ngạc nhiên tự hỏi làm thế nào hắn che giấu những suy nghĩ thực sự của mình trước các khách hàng tài tình đến thế trong suốt buổi tối. Hắn đã trò chuyện với họ, lắng nghe câu chuyện tào lao nhạt nhẽo của họ về môn golf và đám đàn bà yêu sách, lại còn cười ha hả trước những câu pha trò vô duyên tục tĩu của bọn họ nữa. Nhưng hắn đã ở một nơi khác. Hắn tận hưởng trước cái khoảnh khắc mà hắn được ở trong phòng khách sạn, cà vạt đã nói lỏng, cho phép bụm acid mắcket trong họng được trào ngược lên và bung ra trên khuôn mặt mình, dưới dạng những giọt mồ hôi, làn hơi thở gấp gáp và tia nhìn hiểm độc.

Khuôn mặt thật của hắn bên dưới lớp mặt nạ.

Trong căn phòng riêng biệt, rốt cuộc hắn cũng đã có thể thả tự do cho nỗi ham muốn chất chứa trong lồng ngực và trong quần, chỉ chực bùng vỡ. Nhưng không. Hắn đã tự kiềm chế được.

Bởi vì hắn sắp sửa ra ngoài.

Như mọi khi, hắn thề độc rằng đây là lần cuối. Như thường lệ, lời hứa ấy được lặp lại *trước* và *sau đó*. Và cũng đã bao lần, nó đều bị phá vỡ, để rồi lại được tái lập ở lần sau.

Hắn đã rời khách sạn vào tầm nửa đêm trong tình trạng cực kì hưng phấn. Hắn đi lòng vòng vì còn sớm. Lúc ban chiều, giữa hai cuộc hẹn, hắn đã kiểm tra vị trí để bảo đảm là mọi thứ diễn ra suôn sẻ theo đúng kế hoạch. Từ hai tháng trước, hắn đã chuẩn bị và ve vãn “nàng bướm” của mình một cách thận trọng. Sự chờ đợi chỉ là niềm vui trước mắt của khoái lạc. Và hắn tận hưởng nó. Hắn chăm chút cho từng chi tiết, vì các chi tiết luôn tự tiết lộ lẫn nhau. Nhưng với hắn thì không, chuyện đó chưa bao giờ xảy ra. Sẽ không bao giờ xảy ra. Mặc dù bây giờ, sau vụ cảnh sát phát hiện ra nghĩa địa cánh tay, hắn sẽ phải cẩn trọng hơn. Trên đường phố có nhiều cảnh sát trong tình trạng báo động, nhưng hắn rất giỏi biến mình thành vô hình. Hắn chẳng có gì phải sợ. Chỉ việc thư giãn. Chẳng bao lâu nữa, hắn sẽ nhìn thấy nàng bướm của mình trên đại lộ, tại một địa điểm đã ấn định từ hôm trước. Hắn luôn sợ chúng sẽ đổi ý vào phút chót. Hắn sợ có điều gì nhằm lẫn trong vai trò mà cả hai sẽ cùng đóng. Trong trường hợp đó, hắn sẽ buồn lắm. Nỗi buồn cay

đáng mà người ta phải mất mấy ngày mới tổng khứ đi được, và tệ hơn nữa là họ không thể che giấu nó. Nhưng hắn tiếp tục tự nhắc mình rằng lần này mọi thứ cũng sẽ diễn ra trôi chảy.

Nàng bướm sẽ đến.

Hắn sẽ nhanh chóng đưa nàng lên xe, với thái độ đón tiếp nhã nhặn thường lệ. Điều đó không chỉ làm hắn thích thú, mà quan trọng là giúp xoa tan những mối nghi ngờ do nỗi sợ gây ra. Hắn đưa nàng bướm đến nơi hắn đã chọn lúc chiều: một con đường nhỏ tách biệt, nơi người ta có thể nhìn thấy hồ.

Những nàng bướm luôn có mùi hương rất mạnh. Kẹo cao su, giày thể thao. Và mồ hôi. Hắn thích thế. Từ giờ, thứ mùi ấy sẽ là một phần của chiếc xe.

Hiện tại cũng thế, hắn ngửi thấy nó, trộn lẫn với mùi nước tiểu. Hắn lại khóc. Biết bao nhiêu chuyện đã xảy ra kể từ khoảnh khắc đó. Sự chuyển đổi từ hạnh phúc và hưng phấn sang thứ ập đến sau đó xảy ra quá đột ngột.

Hắn ngoái nhìn đằng sau.

Minh phải đồ xăng thôi.

Nhưng hắn lại quên băng ngay, và sau khi hít một chút

không khí xú uế, hắt lại chìm đắm trong hồi ức về chuyện đã xảy ra sau đó...

Hắn đã dừng xe đợi bướm. Vàng trắng mờ chốc chốc lại chọc xuyên qua màn mây. Để xua nỗi lo lắng, hắn ôn lại kế hoạch. Đầu tiên, cả hai sẽ nói chuyện. Nhưng hắn thì nghe là chính. Vì hắn biết những nàng bướm luôn có nhu cầu đón nhận điều không tìm thấy ở nơi khác: đó là sự chú ý. Vai trò này cực kì hợp với hắn. Kiên nhẫn lắng nghe con mồi bé nhỏ dốc bầu tâm sự và dần trở nên mềm yếu. Nàng bướm sẽ thôi đề phòng và để cho hắn thoải mái đi vào những lãnh địa sâu kín.

Gần rãnh nứt của tâm hồn.

Hắn luôn nói điều gì đó thật thích hợp. Lần nào cũng thế. Chính nhờ vậy mà hắn đã làm chủ được những nàng bướm. Dạy người khác về những ham muốn của bản thân họ, giảng giải chi tiết điều họ muốn, chỉ cho họ cách tiến hành. Quan trọng là ở chỗ đó. Trở thành trường đào tạo, thành bãi huấn luyện. Khai sáng về cái được gọi là khoái cảm.

Trong khi soạn bài học kì diệu cho phép mở toang cánh cửa thân mật ấy, hắn đã lơ đãng nhìn vào kính chiếu hậu của xe hơi.

Lúc đó hắn mới trông thấy.

Một thứ gì đó hư ảo như một bóng ma. Thứ mà người ta hoàn toàn có thể không thấy, vì nó hiện ra ngay từ trong tưởng tượng của họ. Và hắn đã nghĩ ngay đến một ảo ảnh.

Đến khi có cú đâm ấy vào kính cửa xe.

Cánh cửa bật mở với một âm thanh sắc lạnh. Bàn tay luôn vào trong xe, tóm lấy cổ hắn, rồi siết lại. Không có cách nào phản ứng. Một luồng không khí lạnh tràn vào trong xe, và hắn còn nhớ mình đã nghĩ: *Mình quên mất cái chốt an toàn rồi! Chốt an toàn! Làm như nó đủ để ngăn chuyện đó lại.*

Gã lạ mặt có một sức mạnh khủng khiếp. Hắn bị lôi tuột ra khỏi xe chỉ bằng một tay của gã. Một chiếc mũ trùm đầu đã che mắt khuôn mặt của kẻ tấn công. Trong khi bị túm cổ, hắn liền nghĩ tới nàng bướm: con mồi quý giá mà hắn đã mất bao công sức dụ dỗ thế là đã tuột mất.

Và đương nhiên, tại thời điểm đó hắn đã trở thành con mồi.

Cái siết cổ lơ lửng, hắn bị quăng xuống đất. Tiếp đó, gã đàn ông bỏ mặc hắn nằm đấy để quay lại chiếc xe. *Thôi rồi, nó đang đi kiếm vũ khí để kết liễu mình.* Thế là, do bản năng sinh tồn thúc đẩy, hắn đã cố lê lét trên nền đất ướt lạnh lẽo, mặc dù chỉ cần vài bước thôi là kẻ tấn công đội mũ trùm đầu sẽ bắt kịp hắn và hoàn tất công

việc.

Toàn những việc vô ích mà người ta hay làm khi muốn thoát chết, bây giờ hắn ngẫm lại trong khi lái xe. Một số người đưa bàn tay lên trước nòng súng, chỉ để bị viên đạn xuyên qua. Số khác thì ném mình qua cửa sổ nhà cao tầng để thoát khỏi đám cháy... Ai cũng muốn tránh điều không thể tránh được, và tự biến mình thành trò cười.

Hắn không nghĩ mình nằm trong số những người đó. Hắn luôn tin chắc hắn có thể đương đầu với cái chết một cách đường hoàng. Ít nhất là cho đến đêm hôm ấy, khi hắn bò trườn như một con sâu ngớ ngẩn tìm đường thoát thân. Khó nhọc lê lét, hắn đi được đúng hai mét.

Rồi hắn ngất đi.

Hai cái tát vào mặt làm hắn tỉnh lại. Gã đàn ông bịt mặt đã quay lại. Gã cúi xuống nhìn hắn bằng đôi mắt mờ đục. Gã hát đầu chỉ chiếc xe và nói gọn lỏn:

- Đi đi, đừng có dừng lại, Alexander.

Gã đàn ông bịt mặt biết tên hắn.

Lúc đầu, hắn thấy chuyện đó có vẻ hợp lý. Nhưng về sau

nghĩ lại, việc đó càng làm hấn kinh hoàng hơn.

Đi khỏi chỗ đó. Lúc ấy hấn không tin nổi điều mình nghe được. Hấn gượng dậy và loạng choạng tiến đến chiếc xe, cố gắng đi nhanh hết mức có thể vì sợ gã kia đổi ý. Hấn ngồi vào ghế lái, mắt vẫn còn nhập nhèm, tay run đến mức không thể khởi động xe. Khi hấn nổ máy được cũng là lúc chuyên đi dài suốt đêm bắt đầu. Đi xa khỏi chỗ đó, càng xa càng tốt...

Minh phải đổ xăng mới được, hấn nghĩ bụng, quay về thực tế được một chút.

Bình xăng đã gần cạn. Hấn tìm kiếm bảng báo hiệu trạm nghỉ ven đường, trong bụng tự hỏi liệu đây có phải là một phần của nhiệm vụ mà hấn nhận được đêm nay hay không.

Đừng dừng lại.

Cho đến lúc một giờ sáng, hai câu hỏi vẫn quay cuồng trong tâm trí hấn. Tại sao gã đàn ông bịt mặt để hấn đi? Chuyện gì đã xảy ra trong lúc hấn bất tỉnh nhân sự?

Hấn có câu trả lời khi đã hồi phục phần nào sự sáng suốt của mình và nghe thấy *tiếng động*.

Một âm thanh cọ xát khe khẽ vào thành xe, kèm theo

tiếng đập đều đặn - kịch, kịch, kịch. Tiếng động nghe đục và cứ vang lên mãi. *Gã đã làm cái gì đó với chiếc xe. Sớm muộn gì thì một bánh xe cũng sẽ long ra khỏi trục, mình sẽ mất lái và đâm sầm vào dải phân cách!* Nhưng chuyện đó không xảy ra. Vì âm thanh kia không phải là trong kết cấu xe phát ra. Mãi sau hấn mới hiểu ra điều đó... Dù hấn không đủ tinh táo để thừa nhận việc này.

Đúng lúc ấy, hấn trông thấy một tấm bảng chỉ đường, cho biết trạm dừng gần nhất còn cách không đầy tám cây số. Hấn có thể đến đó, nhưng phải tăng tốc lên.

Nghĩ đến đây, hấn quay nhìn phía sau một lần nữa.

Nhưng hấn không bận tâm đến con đường quốc lộ đã bỏ lại phía sau, cũng như những chiếc xe hơi đang chạy theo xe hấn.

Không, cái nhìn của hấn dừng lại ở một điểm gần hơn thế nhiều.

Thứ đang bám theo hấn không ở trên đường. Nó gần hơn. Nó chính là thứ đã gây ra tiếng động. Một thứ mà hấn không thể rũ bỏ.

Nó nằm trong cốp xe của hấn.

Hấn nhìn chằm chằm vào cái cốp xe. Mặc dù hấn cố tình

không muốn nghĩ đến thứ đang nằm trong đó. Khi Alexander Bermann quay lại nhìn phía đằng trước thì đã quá muộn. Viên cảnh sát đứng bên vệ đường đang ra hiệu cho hắn dừng xe.

Mila xuống tàu, gương mặt nhòn bóng và đôi mắt sưng mọng sau một đêm không ngủ. Cô bước đi dưới mái che của ga tàu. Nhà ga gồm có một tòa nhà chính được xây từ thế kỷ thứ XIX và một trung tâm thương mại khổng lồ. Tất cả mọi thứ đều ngăn nắp và sạch sẽ. Thế nhưng, chỉ sau vài phút, cô đã nhận ra tất cả những góc tối của nó. Những nơi mà cô sẽ sục vào nếu phải đi tìm bọn trẻ mất tích. Nơi cuộc sống được mua và bán, rình mò hay ắp nấp. Nhưng cô ở đây không phải vì những chuyện đó.

Sắp tới, một ai đó sẽ đến đưa cô đi xa khỏi nơi này. Hai đồng nghiệp ngồi đợi cô trong chót cảnh sát của ga tàu. Một là nữ, khoảng bốn mươi, béo lùn, nước da vàng nâu, mái tóc cắt ngắn và

cái hông rộng, quá rộng so với chiếc quần jean. Người kia là nam giới, tuổi khoảng ba tám, to cao và vạm vỡ. Anh ta khiến cô nhớ đến đám choai choai lực điền ở thị trấn quê nhà cô. Hồi học trung học, cô đã đi chơi với hai ba cậu trong đám ấy. Hồi ấy bọn cô mới vụng về làm sao.

Anh chàng cảnh sát mỉm cười với Mila, trong khi người đồng nghiệp của anh ta chỉ nhướn một bên mày quan sát cô. Cô tiến đến để chào họ theo nghi thức. Sarah Rosa chỉ nêu tên và cấp bậc của mình, trong khi anh chàng cảnh sát chìa tay ra với cô:

- Cảnh sát đặc nhiệm Klaus Boris. - Anh nói, đoạn tỏ ý muốn đỡ hộ cô cái túi vải dù. - Để đấy, tôi xách cho.

- Không cần đâu, cảm ơn anh. Tôi tự xách được rồi. - Mila đáp.

Nhưng anh ta cứ nài ép:

- Có gì đâu mà.

Qua giọng điệu của anh chàng cùng với nụ cười dai dẳng, Mila cảm thấy tay cảnh sát Boris này thuộc dạng Don Juan, trong đầu luôn nghĩ mình có thể quyến rũ mọi phụ nữ anh ta gặp gỡ. Cô thậm chí còn tin rằng ngay từ lúc nhìn thấy cô ở phía xa, anh ta đã quyết định thử vận may.

Boris đề nghị uống cà phê trước khi lên đường, nhưng Sarah Rosa lờm anh chàng một cái.

- Có chuyện gì thế? Tôi nói gì sai à? - Anh ta biện hộ.

- Ta không có thời gian, cậu quên rồi à? - Sarah hỏi lại với giọng cương quyết.

- Đồng nghiệp của chúng ta đã phải đi một chặng đường dài, nên tôi nghĩ...

- Không cần đâu. - Mila cắt ngang. - Tôi thế này cũng ổn rồi. Cảm ơn anh.

Mila không định chống đối Sarah, mặc dù cô ta cũng chẳng có vẻ gì là cảm kích trước sự nhiệt tình của cô.

Ba người tiến đến chiếc xe hơi ngoài bãi đậu xe. Boris ngồi vào ghế lái. Rosa chiếm lấy chỗ cạnh anh chàng. Mila ngồi phía sau, cùng với túi đồ của cô. Chiếc xe hòa vào dòng xe cộ trên con đường chạy dọc bờ sông.

Sarah Rosa có vẻ phật ý vì phải làm nhiệm vụ hộ tống một nữ đồng nghiệp. Ngược lại Boris không hề bực mình.

- Chúng ta đi đâu đây? - Mila rụt rè hỏi.

Boris nhìn cô qua gương chiếu hậu.

- Đến sở. Chánh thanh tra Roche muốn nói chuyện với cô. Ông ấy là người sẽ chỉ đạo cô.

- Chúng tôi không yêu cầu cô bắt bớ gì đâu. - Rosa xẵng giọng. - Chuyện đó để chúng tôi lo. Việc của cô chỉ là tìm ra tên của bé gái thứ sáu. Tôi hy vọng là cô đã xem hồ sơ...

Mila phớt lờ âm điệu chán ngán trong giọng nói của Rosa, chỉ vì câu nói của chị ta khiến cô nhớ lại đêm thức trắng cô vừa trải qua. Những tấm ảnh chụp các cánh tay bị chôn vùi. Vài thông tin pháp y ít ỏi về tuổi và thời điểm tử vong của các nạn nhân.

- Chuyện gì đã xảy ra? Trong rừng ấy? - Cô hỏi.

- Vụ án lớn nhất trong thời gian qua! - Boris phớt lờ việc lái xe để buông lời bình phẩm, phẩn khích như một cậu bé. - Tôi chưa bao giờ thấy điều gì tương tự. Theo tôi, vụ này làm nóng đít khối ông lớn đấy. Chính vì thế mà Roche đứng ngồi không yên.

Mila chưa gặp ông chánh thanh tra, nhưng rõ ràng là thuộc cấp của Roche chẳng nể trọng ông ta cho lắm. Boris dám nói huých toẹt như thế trước mặt Sarah Rosa, chứng tỏ cô ta cũng đồng tình, mặc dù không biểu hiện ra. *Không hay rồi.* Cô nghĩ bụng. Mặc kệ những lời bình phẩm vừa nghe, cô định bụng chỉ phán xét thanh

tra Roche trên cung cách làm việc của ông ta thôi.

Rosa lặp lại câu hỏi, khiến Mila nhận ra cô ta đang nói chuyện với mình.

- Máu của cô đây à?

Sarah Rosa đang quay người lại trên ghế trước, tay chỉ xuống dưới. Mila nhìn vào đùi mình. Quần cô có một vết thẫm màu. Vết thương của cô lại bị hở miệng. Cô lập tức đặt tay lên chỗ đó và cảm thấy cần phải thanh minh.

- Tôi bị ngã trong khi chạy thể dục. - Cô nói dối.

- Cô hãy để ý đến nó đi, vết thương của cô ấy. Chúng tôi không muốn máu của cô chảy vào tang chúng đâu.

Mila tự nhiên cảm thấy khó chịu trước lời phàn nàn vừa rồi, đặc biệt là khi Boris cũng đang nhìn cô qua gương chiếu hậu. Cô không muốn nói tiếp chuyện này, nhưng Rosa chưa chịu ngừng lên lớp:

- Có lần, một cậu lính mới phụ trách bảo vệ hiện trường một vụ án có yếu tố tình dục đã sử dụng phòng vệ sinh của nạn nhân. Thế là trong suốt sáu tháng trời, chúng tôi bám theo một bóng ma vì tưởng là tên sát nhân đã quên giặt nước.

Boris bật cười. Mila cố gắng thay đổi chủ đề:

- Tại sao các anh chị lại gọi tôi đến? Chẳng lẽ mọi người không thể đi tìm lại các báo cáo mất tích trong tháng vừa rồi để lật ngược ra cô bé hay sao?

- Đừng có hỏi chúng tôi... - Rosa nói với giọng hậm hực.

Công việc bản thủ, Mila trầm nghĩ. Lý do họ gọi cô đến đã rõ quá rồi. Thanh tra Roche muốn giao việc đó cho một người ngoài nhóm, không quá gần gũi, để có thể đổ trách nhiệm cho người đó nếu như họ không tìm được cái xác thứ sáu.

Debby. Anneke. Sabine. Melissa. Caroline.

- Thế còn gia đình của năm bé gái kia? - Mila hỏi.

- Bọn họ cũng đã đến sở cảnh sát. Để phân tích ADN.

Mila nghĩ đến những ông bố bà mẹ khốn khổ buộc phải chơi trò xổ số ADN, để được chắc chắn là con gái mình đã bị giết chết và cắt xẻo một cách man rợ. Cuộc sống của họ sắp thay đổi mãi mãi.

- Vậy chúng ta đã biết gì về con quái vật đó? - Cô hỏi để xua đi ý nghĩ vừa rồi.

- Ở đây, chúng tôi không dùng chữ “quái vật”. - Boris lưu ý Mila. - Làm như vậy là giải thể nhân cách cho thủ phạm. - Anh chàng vừa nói vừa nháy mắt với Rosa đầy ngụ ý. - Giáo sư Gavila không hài lòng với chuyện ấy.

- Giáo sư Gavila? - Mila thắc mắc.

- Rồi cô sẽ được gặp ông ấy.

Cảm giác khó chịu của cô tăng dần. Rõ ràng là mức độ hiểu biết ít ỏi về vụ án khiến cô gặp bất lợi so với các đồng nghiệp những người có thể dựa vào đó để chơi khó cô. Nhưng lần này cũng thế, Mila không nói gì.

Rosa rõ ràng không muốn để cho Mila yên thân. Cô ta dọa cô bằng giọng kẻ cả:

- Biết không, cô em, nếu cô có tắc tị trong vụ này thì cũng đừng ngạc nhiên. Chắc chắn cô rất giỏi trong lĩnh vực của mình, nhưng đây là một chuyện khác. Các tội ác hàng loạt đều có những nguyên lý khác. Những nạn nhân của chúng cũng thế. Họ chẳng làm gì nên tội cả. Lỗi lầm duy nhất của họ là xuất hiện ở một nơi tệ hại vào thời điểm tệ hại. Hoặc rời khỏi nhà với bộ trang phục màu này mà không phải là màu khác. Hay thậm chí, như trường hợp này, ai bảo các cô bé là con gái, da trắng, tuổi từ chín đến mười ba làm gì... Nói cô đừng buồn, chứ chuyện này, cô không thể nào

thấu hiểu được đâu. Tôi nói không có ý cá nhân gì đâu nhé.

Phải, nói cứ như đúng rồi ấy, Mila nghĩ bụng. Kể từ phút đầu tiên gặp mặt, Rosa đã biến mọi chủ đề thành chuyện cá nhân.

- Tôi học nhanh mà. - Mila đáp.

Rosa quay lại nhìn cô, ánh mắt nghiêm nghị hơn.

- Cô có con chứ?

Mila chưng hửng mất một giây.

- Không, mà sao vậy? Có liên quan gì ở đây?

- Bởi vì khi cô tìm ra bố mẹ của đứa trẻ thứ sáu, cô sẽ phải giải thích cho họ “lý do” khiến cô con gái cưng của họ bị hành hạ như thế. Ấy vậy nhưng cô lại chẳng biết cái quái gì về họ, cô không biết được những hy sinh họ đã trải qua để nuôi nấng con bé, những đêm trắng khi nó bị sốt, những khoản tiền chắt bóp để cho nó ăn học, bảo đảm một tương lai cho nó, những khoảng thời gian dài lê thê họ phải dành ra để ngồi chơi hoặc làm bài tập cùng nó.

Giọng nói của Rosa càng lúc càng lạc đi.

- Và cô cũng sẽ không biết tại sao ba trong số các nạn nhân đã dùng sơn móng tay bóng, tại sao một trong số chúng lại có một vết sẹo cũ ở khuỷu tay, có thể là do ngã xe đạp hồi năm tuổi, hay tại sao chúng nó lại xinh xắn và dễ thương đến thế, với những ước mơ và khát vọng của thời thơ ấu mà nay đã bị vứt đũa! Những chuyện ấy, cô sẽ không hiểu được, bởi vì cô chưa từng làm mẹ.

- Hollie. - Mila đáp gọn lỏn.

- Cái gì? - Sarah Rosa nhìn cô thắc mắc.

- Nhãn hiệu của sơn móng tay là Hollie. Nó bóng và có màu san hô. Đó là quà khuyến mãi cách đây một tháng của một tờ tạp chí tuổi ô mai. Chính vì thế mà có đến ba nạn nhân cùng sử dụng: chiêu khuyến mãi đó rất thành công.. Ngoài ra, một trong số các nạn nhân có đeo một chiếc vòng tay may mắn.

- Chúng tôi có tìm thấy cái vòng tay nào đâu? - Boris nói. Anh bắt đầu cảm thấy hứng thú với câu chuyện.

Mila lôi các tấm hình trong hồ sơ ra.

- Cô bé số hai, Anneke. Làn da nơi cổ tay hơi sáng hơn, cho thấy cô bé có đeo một thứ gì đó. Có lẽ tên giết người đã tháo nó đi, hoặc là cô bé đã làm mất nó khi bị bắt cóc hay trong lúc

chống cự. Các nạn nhân đều thuận tay phải, trừ số ba. Cô bé có vết mực ở mặt cạnh của ngón trỏ trái, chứng tỏ thuận tay trái.

Boris ngưỡng mộ ra mặt, Rosa thì ngỡ ngàng. Mila không dừng lại ở đó.

- Một điều cuối cùng: nạn nhân số sáu, người mà chúng ta còn chưa biết danh tính, có quen biết nạn nhân đầu tiên, Debby.

- Làm sao cô biết được chuyện này? - Rosa hỏi.

Mila rút ra hai tấm ảnh chụp cánh tay số một và số sáu.

- Điểm màu đỏ trên đầu của hai ngón trỏ... Hai cô bé này từng kết nghĩa chị em.

Ban khoa học hành vi của cảnh sát liên bang chuyên phụ trách những tội ác đặc biệt nghiêm trọng. Roche đứng đầu ban này đã được tám năm, và kể từ đó, ông đã làm một cuộc cách mạng trong tác phong lẫn phương pháp làm việc. Chính ông là người đã mở cửa cho những nhân vật không phải là cảnh sát như giáo sư Gavila, người được xem như là chuyên gia tội phạm học cách tân nhất hiện giờ.

Trong đơn vị điều tra, Stern là chuyên viên xử lý thông tin. Anh là người có thâm niên và cấp bậc cao nhất. Công việc của anh là tập hợp các thông tin dùng để thiết lập các hồ sơ cá nhân và đối chiếu với các vụ án khác. Anh đóng vai trò “bộ nhớ” của nhóm.

Sarah Rosa phụ trách điều phối và là một chuyên gia tin học. Cô dành phần lớn thời gian để cập nhật các công nghệ mới. Cô là người được đào tạo chuyên biệt cho việc lên kế hoạch các chiến dịch của cảnh sát.

Cuối cùng, Klaus Boris là thẩm vấn viên. Nhiệm vụ của anh là xét hỏi các cá nhân có liên quan ở nhiều mức độ khác nhau và dồn ép kẻ bị tình nghi đến khi chịu nhận tội. Anh sở hữu nhiều kỹ năng chuyên sâu cho công việc đó. Và nói chung thì anh luôn đạt được mục tiêu.

Tuy Roche là người điều hành, nhưng ông không thực sự dẫn dắt nhóm, mà để cho trực giác của giáo sư Gavila định hướng các cuộc điều tra. Ngài chánh thanh tra trước hết là một chính trị gia, nên các lựa chọn của ông thường bị chi phối bởi những nguyên nhân gắn bó mật thiết với sự nghiệp chính trị của mình. Đối với những cuộc điều tra kết thúc tốt đẹp, ông luôn ra mặt đón nhận chiến công, còn ngược lại, ông sẽ chia trách nhiệm cho các thành viên trong nhóm, hay “đội của Roche”, như cách gọi mà ông hay dùng.

Đó là chiến thuật khiến cho ông phải chịu thái độ bất bình và thường là khinh bỉ của thuộc cấp.

Mọi người đang tụ tập trong phòng họp ở tầng sáu của tòa nhà ngay trung tâm thành phố, nơi ban điều tra đóng đô.

Mila đứng ngay hàng đầu. Cô đã xử lý lại vết thương của mình trong buồng vệ sinh và dán nó bằng hai miếng băng gạc. Sau đó cô đã thay một chiếc quần jean mới, giống hệt chiếc cũ.

Cô ngồi vào chỗ, đặt túi xuống đất. Ngay lập tức cô nhận ra người đàn ông bên cạnh mình là thanh tra Roche. Ông đang trao đổi gì đó rất hăng với một người khiêm nhường. Người này dường như có một cái quần lạ lùng màu xám xịt bao quanh. Cô dám cá là ở ngoài đường, ông ta sẽ mất hút ngay như một bóng ma. Nhưng ở trong này, sự hiện diện của ông rất quan trọng. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó chính là giáo sư Gavila mà Rosa và Boris đã nhắc tới ở trong xe.

Tuy nhiên, ở giáo sư có điều gì đó khiến người ta lập tức quên ngay bộ quần áo nhăn nhúm và mái tóc rối bù.

Chính là đôi mắt to và xuyên thấu kia.

Vừa tiếp tục trao đổi với Roche, ông vừa chiếu tướng cô bằng đôi mắt của mình. Mila khó chịu nhìn đi hướng khác, và sau

một lúc thì giáo sư cũng làm theo, trước khi ngồi xuống cách chỗ cô không xa. Rồi ông hoàn toàn không để ý đến cô nữa, và vài phút sau đó thì cuộc họp chính thức bắt đầu.

Roche bước lên bục mở lời với một cử chỉ trịnh trọng, như thể đang nói chuyện trước một cử tọa đông đảo, chứ không phải một nhóm vèn vện năm người.

- Tôi vừa gọi cho bên khoa học hình sự. Tay Albert của chúng ta không để lại bất kì dấu vết nào. Gã rất khôn khéo. Tại nơi chôn các cánh tay, không hề có vết tích hay dấu vân tay nào. Gã chỉ để lại cho chúng ta sáu cô bé cần phải tìm ra. Sáu thi thể... và một cái tên.

Sau đó thanh tra nhường lời cho giáo sư Goran, nhưng ông không bước lên bục. Ông ngồi tại chỗ, hai tay khoanh lại, chân duỗi dài ra bên dưới hàng ghế phía trước.

- Ngay từ đầu Albert đã biết mọi chuyện sẽ diễn ra như thế nào. Hắn đã trù tính từng chi tiết nhỏ nhất. Hắn là kẻ dẫn dắt trò chơi. Hơn nữa, sáu đã là một con số tròn trịa trong đầu óc của một tên giết người hàng loạt.

- Sáu trăm sáu mươi sáu, con số của quỷ. - Mila xen vào.

Mọi người quay lại nhìn cô với thái độ khó chịu.

- Dừng viện dẫn thứ tâm thường vớ vẩn ấy. - Goran nói với Mila khiến cô muối mặt. - Khi chúng ta nói đến một con số tròn trịa, nghĩa là đối tượng đã hoàn thành một hay nhiều chuỗi giết chóc của mình.

Mila hơi nheo mắt. Đoán chắc cô chưa hiểu, Goran liền giải thích tiếp:

- Chúng ta gọi những kẻ đã giết người ít nhất ba lần với một phương thức tương tự nhau là “kẻ sát nhân hàng loạt”.

- Hai mạng người thì cấu thành tội “sát nhân nhiều lần”. - Boris thêm vào.

- Do vậy sáu nạn nhân tạo thành hai chuỗi.

- Một dạng quy tắc bất thành văn à? - Mila hỏi.

- Không. Nó có nghĩa là khi cô giết người đến lần thứ ba, cô sẽ không dừng lại nữa. - Rosa chen vào để chấm dứt cuộc tranh luận.

- Những cái phanh hãm bên trong đã nhả, cảm giác tội lỗi đã lắng, và kể từ đó tên sát nhân giết chóc một cách máy móc. - Goran chốt lại, sau đó quay ra nói với mọi người. - Nhưng vì sao chúng ta vẫn chưa biết tí gì về thi thể số sáu?

Roche chen vào:

- Chúng ta có biết một manh mối. Theo những gì tôi được nghe báo cáo, thì nữ đồng nghiệp nhanh nhậy của chúng ta đã cung cấp một manh mối tôi cho là quan trọng. Cô ấy đã liên hệ nạn nhân vô danh với Debby Gordon, bé gái đầu tiên. - Roche nói cứ như thể công trạng của Mila thuộc về ông ta vậy. - Mời cô, cảnh sát Vasquez: hãy nói cho chúng tôi nghe về trực giác của cô.

Một lần nữa Mila là tâm điểm của sự chú ý. Cô cụp mắt xuống quyền sở ghi chép để sắp xếp lại các ý tưởng trước khi nói. Trong lúc đó, Roche ra hiệu cho cô đứng dậy.

Cô đứng lên.

- Debby Gordon và cô bé số sáu quen biết nhau. Tất nhiên đây vẫn chỉ là một giả thiết, nhưng điều này giải thích được lý do tại sao hai đứa có cùng một dấu vết nơi ngón trỏ...

- Nó chính xác là gì vậy? - Goran tò mò hỏi.

- Ồ... nghi thức chích đầu ngón tay bằng một cái kim bằng rồi áp hai ngón tay vào nhau để hòa trộn máu: một kiểu cắt máu ăn thề của tụi nhóc. Thông thường nó dùng để ghi dấu ấn cho tình bằng hữu.

Mila cũng đã từng làm thế với cô bạn Graciela. Hai đứa đã dùng một cái đinh gỉ nhạt được, vì chúng thấy kim băng là thứ quá con gái. Kỷ niệm đột ngột hiện về trong đầu Mila. Graciela đã từng là đồng minh của cô. Hai đứa biết tường tận các bí mật của nhau, và có lần đã từng cùng nhau chia sẻ một cậu con trai mà đối tượng không biết gì. Hai cô gái đã để cho cậu chàng tưởng bỏ rằng mình có thể bắt cá hai tay mà hai cô không hề hay biết. Graciela thế nào rồi nhỉ? Đã nhiều năm Mila không có tin tức gì của cô ấy. Cả hai đứt liên lạc quá sớm, và chưa bao giờ gặp lại nhau. Vậy nhưng hai đứa đã cùng thề nguyện một tình bạn vĩnh cửu. Sao có thể quên điều đó một cách giản đơn đến thế?

- Nếu đó là sự thực thì bé gái số sáu cũng trạc tuổi Debby.

- Phân tích mật độ canxi trong xương của cánh tay số sáu đã khẳng định giả thiết này: nạn nhân ở độ tuổi mười hai. - Boris chen ngang, anh chàng nôn nóng muốn ghi điểm cho Mila.

- Debby Gordon học nội trú trong một trường nhà giàu. Loại trừ khả năng chị em kết nghĩa của cô bé là một trong các cô bạn cùng lớp vì trong các học sinh còn lại không ai bị mất tích.

- Như vậy Debby phải quen cô bé kia ở bên ngoài trường họ. - Boris lại xen vào.

Mila gật gù.

- Debby mới đến ngôi trường này được tám tháng. Chắc hẳn cô bé cảm thấy rất cô độc khi phải sống xa nhà. Tôi bảo đảm cô bé gặp khó khăn trong việc kết bạn. Do vậy tôi cho rằng hai bé gái đã quen biết nhau trong những bối cảnh khác.

- Tôi muốn cô xem qua phòng của cô bé ở trường nội trú.

- Roche nói. - Biết đâu sẽ tìm được thứ gì đây.

- Tôi cũng muốn nói chuyện với bố mẹ của Debby, nếu có thể.

- Tất nhiên, cứ làm những gì cô thấy cần.

Trước khi ngài chánh thanh tra kịp nói thêm, có tiếng gõ cửa vang lên. Ba cú gõ nhanh. Họ nhìn thấy một anh chàng nhỏ thó mặc blouse trắng lao vào không đợi được mời. Anh chàng có mái tóc dày và đôi mắt giống hai hạt hạnh nhân.

- À, bác sĩ Chang. - Thanh tra Roche chào anh ta.

Chang là bác sĩ pháp y phụ trách vụ án này. Mila nhanh chóng nhận ra anh ta không phải là người châu Á. Vì một sự đột biến di truyền kỳ lạ, anh ta bỗng dưng được thừa hưởng những đường nét đặc trưng kia. Tên anh là Leonard Vross, nhưng từ thuở

nào đến giờ mọi người vẫn gọi anh là Chang.

Chang đến đứng cạnh Roche. Anh lập tức mở tập hồ sơ mang theo, mặc dù không cần phải đọc vì nội dung của nó anh đã thuộc nằm lòng.

- Tôi muốn mọi người chú ý lắng nghe báo cáo của bác sĩ Chang. - Thanh tra Roche nói. - Mặc dù tôi biết một vài điểm có thể khó hiểu đối với một số người.

Ông ta có ý nhắc khéo Mila, cô chắc chắn như thế.

Chang rút kính trong túi áo ra đeo lên mắt, rồi hắng giọng tuyên bố:

- Tình trạng các cánh tay rất tốt dù bị chôn dưới đất.

Điều này khẳng định giả thiết mà theo đó khoảng thời gian từ lúc các cánh tay bị chôn đến lúc bị phát hiện là khá ngắn. Tiếp theo, bác sĩ Chang nói thêm một vài chi tiết, rồi chuyển sang mô tả cái chết của sáu cô bé gái mà không rào đón gì cả.

- Thủ phạm đã giết các nạn nhân bằng cách chặt tay.

Các vết thương có tiếng nói của chúng. Khi bác sĩ pháp y giờ tấm ảnh chụp một cánh tay lên, cô lập tức chú ý đến quãng màu

hơi đỏ chung quanh vết cắt và vết gãy của xương. Sự thâm nhập của máu vào trong mô là dấu hiệu đầu tiên để kết luận vết thương có gây chết người hay không. Nếu nó được gây ra trên một thi thể, khi đó tim đã ngừng hoạt động, máu sẽ chảy dần dần qua các mạch máu bị vỡ mà không ăn sâu vào các mô lân cận. Trong trường hợp ngược lại, vết thương được gây ra khi nạn nhân còn sống, huyết áp tiếp tục truyền đi trong các động mạch và mao mạch, do tim vẫn bơm máu vào các mô tổn thương, trong một nỗ lực tuyệt vọng nhằm hàn gắn chúng lại.

Chang nói tiếp:

- Vết thương nằm ở đoạn giữa cơ nhị đầu cánh tay. Xương không bị giập gãy, vết cắt rất ngọt. Chắc thủ phạm đã dùng một lưỡi cưa rất bén, vì không tìm thấy mặt sắt nơi bờ vết thương. Vết cắt đồng nhất của các mạch máu và các sợi gân cho thấy việc cưa tay đã được thực hiện với một sự khéo léo mà tôi tin là của dân trong nghề giải phẫu. Nguyên nhân tử vong là do mất máu. Đó là một cái chết rất khủng khiếp.

Nghe đến đây, Mila bắt giác sụp mắt xuống như một sự thành kính. Nhưng cô lập tức nhận ra chỉ có mình làm như thế.

Chang tiếp tục:

- Tôi cho rằng thủ phạm đã kết liễu các nạn nhân ngay

lập tức. Gã không có lợi gì trong việc duy trì sự sống cho bọn trẻ lâu hơn mức cần thiết, và gã không hề chần chừ. Phương pháp ra tay với các nạn nhân là như nhau. Ngoại trừ một cô bé...

Câu nói của Chang lơ lửng trong không trung mất một lúc, trước khi đổ ập xuống nhóm điều tra như một gáo nước lạnh.

- Nghĩa là sao? - Goran hỏi.

Chang đẩy lại gọng kính đã bị tụt xuống chóp mũi, rồi nhìn nhà tội phạm học dăm dăm.

- Đối với một nạn nhân, tình trạng thậm chí còn tệ hại hơn cái chết.

Một sự yên lặng tuyệt đối bao trùm lên căn phòng.

- Thử nghiệm độc chất học đã tiết lộ dấu vết của một hỗn hợp thuốc hiện diện trong máu và mô. Chính xác chúng gồm có các loại thuốc chống loạn nhịp tim như disopyramide, các chất ức chế men chuyển và atenolol, một chất chẹn beta...

- Gã vừa làm chậm nhịp tim của cô bé vừa gây hạ huyết áp. - Giáo sư Goran Gavila thêm vào, lúc này ông đã vỡ lẽ.

- Tại sao? - Stern hỏi, với anh thì mọi chuyện vẫn tối như

bưng.

Đôi môi Chang nhả nhúm lại thành một nụ cười cay nghiệt.

- Gã đã làm giảm nhịp tim của nạn nhân để cái chết đến với cô bé chậm hơn... Gã muốn thưởng thức tấn tuồng.

- Cô bé nào vậy? - Roche hỏi, mặc dù tất cả đều đã biết câu trả lời.

- Số sáu.

Lần này thì Mila chẳng cần phải là chuyên gia về giết người hàng loạt để hiểu được sự tình. Bác sĩ pháp y vừa mới khẳng định rằng tên sát nhân đã thay đổi *cách thức hành động* của mình. Nói cách khác, gã đã chắc ăn hơn về việc mình làm. Gã đã thử nghiệm một trò chơi mới. Và điều đó làm gã thích thú.

- Gã đã thay đổi vì gã thấy hài lòng với kết quả. Mọi việc đã diễn ra ngày càng thuận lợi hơn. - Goran kết luận. - Có vẻ như gã đã bén mùi.

Một cảm xúc lạ lùng xâm chiếm khắp người Mila. Đó là cú lạnh gáy mà cô cảm thấy mỗi khi đến gần với lời giải của một vụ mất tích. Một điều rất khó lý giải. Thường thì cảm giác đó kéo dài

lâu hơn, nhưng lần này, trước cả khi cô kịp nghĩ đến, nó đã bị câu nói tiếp theo của Chang xua tan.

- Còn một việc nữa... - Anh nói thêm với Mila. (Chang không biết cô, nhưng cô là gương mặt lạ duy nhất trong phòng, và chắc hẳn anh đã biết nguyên nhân cô đến đây). - Cha mẹ của các cô bé nạn nhân đang ở phòng bên.

Nhìn từ khung cửa sổ của đồn cảnh sát nằm heo hút trong vùng núi trông ra thành phố, Alexander Bermann có thể thấy toàn bộ bãi đậu xe. Chiếc xe của hắn đậu ở phía cuối bãi, hàng thứ năm. Nhìn từ chỗ hắn thì nó có vẻ rất xa.

Mặt trời trên cao làm mái tôn rực sáng. Sau cơn giông đêm qua, hắn không thể nào tưởng tượng nổi hôm nay là một ngày đẹp trời đến thế. Thời tiết khá ấm áp khiến người ta ngỡ như trời đã sang xuân. Một cơn gió nhẹ len vào qua ô cửa sổ tạo cảm giác thanh bình. Hắn thấy khoan khoái lạ lùng.

Khi bị chặn kiểm tra xe bên đường lúc tảng sáng, hắn không suy sụp, cũng không bị nổi kinh hoàng chế ngự. Hắn ngồi yên trong xe cùng với cảm giác ẩm ướt khó chịu giữa hai chân.

Từ ghế người lái, hắn thấy rất rõ các viên cảnh sát làm nhiệm vụ của họ bên cạnh chiếc xe hơi. Một người cầm cái bóp đựng giấy tờ của hắn trong tay, và vừa lật ra xem vừa đọc cho người kia các chi tiết để anh ta thông báo qua điện đàm.

Chẳng mấy chốc họ sẽ mở cốp xe của mình, hắn nghĩ bụng.

Tay cảnh sát đã chặn xe hắn có vẻ rất lễ độ. Anh ta trò chuyện về cơn giông dữ dội và tỏ ra thông cảm. Anh ta không nghĩ hắn đã phải lái xe cả đêm trong lúc giông gió như thế.

- Anh không phải người ở đây. - Viên cảnh sát nói khi nhìn biển số xe.

- Không, quả thực tôi không phải người vùng này. - Hắn đáp.

Mẫu đối thoại dừng lại ở đó. Trong một thoáng, hắn đã định sẽ kể hết cho viên cảnh sát, nhưng rồi lại đổi ý. Chưa phải lúc. Sau đó viên cảnh sát tiến về phía người đồng nghiệp. Alexander Bermann không rõ chuyện gì sắp diễn ra, nhưng đó là lần đầu tiên bàn tay hắn lơ đi một chút trên vô lăng. Máu lại bắt đầu tuần hoàn trong đôi tay hắn, trả lại cho chúng sắc diện bình thường.

Và hắn lại nghĩ đến lũ bướm.

Chúng quá mỏng manh, quá vô tư về sức hấp dẫn của mình. Hắn đã làm thời gian ngừng lại đối với chúng, làm cho chúng ý thức được những bí ẩn bên trong sự quyến rũ của mình. Những kẻ khác chỉ dừng lại ở chỗ cuồn lấy vẻ đẹp của chúng. Còn hắn, hắn nâng niu chúng. Xét cho cùng, người ta có thể kết tội hắn vì điều gì kia chứ?

Khi hắn nhìn thấy tay cảnh sát tiến lại xe mình lần nữa, những suy nghĩ kia vụt biến mất, và sự căng thẳng vừa chớm giải tỏa đã lại tăng gấp bội. *Họ đã mất quá nhiều thời gian*, hắn nghĩ bụng. Trong lúc tiến lại gần, viên cảnh sát đặt một tay lên hông, ngay gần thắt lưng. Gã biết cử chỉ đó có nghĩa là anh ta đang sẵn sàng rút súng. Khi rút cuộc anh ta cũng đã ở bên cạnh gã, anh ta nói một câu mà gã không ngờ đến.

- Alexander Bermann, mời anh theo chúng tôi về đồn.
Giấy tờ của anh thiếu bằng lái xe.

Quái lạ, hắn nghĩ bụng. *Mình chắc chắn là có cất bằng lái trong đó mà*. Nhưng rồi hắn hiểu ra ngay: gã đàn ông bịt mặt đã lấy nó đi trong khi hắn bất tỉnh... Và giờ thì hắn ở đây, trong cái phòng đợi này, tận hưởng sự âm áp khác thường của cơn gió nhẹ. Cảnh sát nhốt hắn ở đây sau khi tạm giữ chiếc xe hơi. Việc không rõ mức phạt hành chính của mình chỉ là mối bận tâm thứ yếu đối với hắn. Bọn họ đang túm tụm trong văn phòng làm việc, hoàn toàn không biết gì, bận ra quyết định về những chuyện không còn có chút quan

trọng nào với hắn. Làm thế nào để thay đổi thứ tự ưu tiên cho một người chẳng còn gì để mất? Đối với hắn bây giờ, điều quan trọng nhất là con gió nhẹ kia tiếp tục mơn trớn không dừng lại.

Trong lúc chờ đợi, hắn quan sát chăm chú bãi đậu xe và các nhân viên cảnh sát ra vào. Chiếc xe hơi của hắn vẫn ở đó, trong tầm mắt của mọi người. Cùng với bí mật nằm trong cốp. Nhưng chưa ai phát hiện được điều gì.

Trong khi nghĩ đến tình thế khác thường của mình, hắn nhận thấy một tốp cảnh sát trên đường quay lại làm việc sau khi giải lao uống cà phê sáng. Ba nam ba nữ, mặc đồng phục. Một người trong số đó hình như đang kể một giai thoại gì đấy, vừa đi vừa làm điệu bộ. Khi anh ta kể xong, những người kia cười vang. Anh chàng cao to nhất đột ngột dừng lại, để mặc những người kia bước tiếp. Anh ta đã phát hiện ra một điều gì đó.

Alexander Bermann lập tức nhận ra biểu hiện trên gương mặt của anh ta.

Cái mùi đó, hắn thầm nghĩ. Chắc là anh ta đã ngửi thấy nó.

Vẫn không nói gì với các đồng nghiệp, anh chàng cảnh sát nhìn chung quanh rồi hít hít không khí, như thể tìm kiếm thứ đã khiến các giác quan của mình báo động trong một thoáng. Khi đã

tìm ra, anh ta liền quay về phía chiếc xe hơi gần đây. Anh ta bước mấy bước về phía nó, rồi dừng lại ngay chỗ cốp xe đang đóng.

Nhìn thấy cảnh đó, Alexander Bermann thờ phào một cái. Hắn thấy *nhẹ người*. Nhẹ người vì sự trùng hợp đã mang hắn đến đây, vì cơn gió, và vì hắn không phải là người mở cái cốp xe quý quái kia.

Con gió ngừng vuốt ve da thịt hắn. Alexander Bermann đứng dậy từ chỗ ngồi cạnh cửa sổ và rút điện thoại di động trong túi ra.

Đã đến lúc gọi một cú điện thoại.

Debby. Anneke. Sabine. Melissa. Caroline.

Mila lầm nhấm mấy cái tên trong đầu khi quan sát bố mẹ của các nạn nhân đã được nhận dạng qua lớp kính. Họ đã được triệu tập đến nhà xác của Viện pháp y. Đó là một tòa nhà kiểu gô-tích với nhiều cửa sổ rộng, bao quanh bởi một khuôn viên trợ trụ.

Còn thiếu hai người, Mila thầm nghĩ. Một ông bố và một bà mẹ chưa được tìm ra.

Cô muốn đặt một cái tên cho cánh tay trái số sáu bằng mọi giá. Đó là cô bé gái mà Albert đã bỏ nhiều công sức nhất với

hỗ trợ thuốc kéo dài sự sống.

Gã muốn thương thức tận tuồng.

Cô lại nghĩ đến vụ thầy giáo dạy nhạc, lúc cô giải thoát cho Pablo và Elisa. “Cô đã cứu ba mạng người”, Morexu đã nói như thế khi nhắc đến dòng ghi chú trong quyển sổ của tên bắt cóc. Cái tên đó...

Priscilla.

Ông sếp của cô nói có lý: cô bé ấy đã gặp may. Mila để ý đến một mối tương quan nghiệt ngã giữa cô bé và sáu nạn nhân bị chặt tay.

Priscilla đã bị tên bắt cóc lựa chọn. Cô bé không trở thành con mồi thuần túy là một việc ngẫu nhiên. Bây giờ cô bé đang ở nơi nào? Cuộc sống của em ra sao? Có thể một phần trong em, phần sâu kín và bí ẩn nhất, đã cảm thấy mình vừa thoát được một cái bẫy kinh hoàng.

Khi đặt chân lên nhà của thầy dạy nhạc, chính Mila đã cứu mạng cô bé. Nhưng cô bé sẽ không bao giờ biết chuyện đó. Cô bé sẽ không bao giờ cảm kích trước cuộc sống thứ hai mà mình đã nhận được.

Priscilla cũng giống như Debby, Anneke, Sabine, Melissa, Caroline. Số phận của em đã được định đoạt, nhưng không giống với các bé gái kia.

Priscilla cũng giống như số sáu. Một nạn nhân không có khuôn mặt, nhưng ít ra cô bé còn có một cái tên.

Bác sĩ Chang tin đây chỉ là vấn đề thời gian và sớm hay muộn thì người ta cũng sẽ biết được danh tính của nạn nhân số sáu. Tuy nhiên, Mila thấy ít có hy vọng. Ý nghĩ cho rằng cô bé đã mất tích mãi mãi gây trở ngại cho việc xem xét các khả năng khác của cô.

Nhưng lúc này, cô cần phải tỉnh táo. *Đến lượt mình rồi*, cô thầm nghĩ trong khi nhìn vào tấm kính ngăn cách cô với cha mẹ của những nạn nhân đã có tên. Cô nhìn vào thứ nom như một cái bể cá đầy người, quan sát chuyển động của những sinh vật sần thẫm và câm lặng ấy. Chẳng bao lâu nữa, cô sẽ phải vào trong đó để trao cho bố mẹ Debby Gordon cái tin sẽ khiến cho nỗi đau buồn của họ lên đến đỉnh điểm.

Hành lang nhà xác vừa dài vừa tối. Nó nằm ở tầng hầm của tòa nhà. Người ta có thể đến đó bằng một cái cầu thang, hoặc sử dụng chiếc thang máy nhỏ thường xuyên hỏng hóc. Những ô cửa sổ bé tẹo nằm hai bên trần nhà chỉ để một chút ánh sáng lọt qua. Lớp gạch men trắng ốp trên tường không tài nào phản xạ được ánh sáng, dường như đó là ý đồ của người lát gạch. Kết quả là tòa nhà luôn

tắm tối dù vào ban ngày hay ban đêm và mấy chiếc đèn neon trên trần luôn phải bật sáng, phá vào không khí yên lặng ma quái tiếng ro ro bất tận.

Một nơi kinh khủng để đón nhận sự mát mát của đĩa con yêu dấu, Mila nghĩ bụng trong khi quan sát nhóm người nhà các nạn nhân. Để tạo sự thoải mái cho họ, trong phòng chỉ có hai cái ghế nhựa vô danh cùng với một chiếc bàn, trên đó đặt vài quyển tạp chí với những khuôn mặt tươi cười ở trang bìa.

Debby. Anneke. Sabine. Melissa. Caroline.

- Nhìn đi. - Goran nói mà không quay lại nhìn Mila. - Em trông thấy gì?

Lúc này, trước sự hiện diện của những người khác, ông ta đã làm cô mất mặt. Thế mà bây giờ lại đòi xưng hô thân mật cơ đây?

Mila tiếp tục quan sát một lúc lâu.

- Em thấy sự đau khổ của họ.

- Nhìn kỹ vào. Chẳng phải chỉ có thể thôi đâu.

- Em thấy những cô bé ấy. Mặc dù chúng không có mặt ở

đây. Khuôn mặt của chúng là sự tổng hòa của dung mạo bố mẹ chúng. Do vậy em nhìn thấy các nạn nhân.

- Còn tôi, tôi nhìn thấy năm tế bào gia đình. Mỗi cái có một góc gác xã hội khác biệt. Với thu nhập và mức sống khác nhau. Tôi thấy những cặp vợ chồng vì nguyên nhân thế này thế khác mà chỉ có độc một đứa con. Tôi thấy những người phụ nữ đã quá bốn mươi và do đó không thể hy vọng có con được nữa... Đó là những gì tôi thấy.

Giáo sư Goran quay lại nhìn cô.

- Chính họ mới là nạn nhân. Gã đã nghiên cứu họ, đã lựa chọn họ. Một đứa con gái độc nhất. Gã muốn tước mất khỏi họ mọi hy vọng khép lại nỗi đau và quên đi sự mất mát. Họ sẽ phải nhớ điều gã đã làm với mình cho đến hết đời. Gã làm cho sự thống khổ của họ tăng lên bội phần khi lấy đi tương lai của họ. Gã đã tước đoạt cơ hội lưu truyền hồi ức của bản thân họ cho tương lai, cơ hội trường tồn sau cái chết của chính họ... Gã sống bằng điều đó. Chính nó là sự tưởng thưởng cho sự tàn ác của gã, là nguồn khoái lạc của gã.

Mila nhìn đi chỗ khác. Ông giáo sư tội phạm học nói đúng: có một sự cân đối trong tai họa giáng xuống đầu những con người này.

- Một kế hoạch. - Goran khẳng định, chinh lại những suy nghĩ của cô.

Mila lại nghĩ đến cô bé số sáu. Chưa ai khóc cho em. Đáng lẽ em phải được nhận những giọt nước mắt, giống như những nạn nhân khác. Sự đau đớn có vai trò của nó. Nó giúp hàn gắn mối liên kết giữa những gì còn sống và đã chết. Nó là một thứ ngôn ngữ thế chỗ cho từ ngữ và làm thay đổi cục diện vấn đề. Chính đó là điều mà các bậc cha mẹ ở bên kia lớp kính đang làm. Cần thận xây dựng lại trong nỗi đau một chút gì của cuộc đời đã mất. Đồng thời hòa trộn những ký ức mong manh của họ bằng cách kết các sợi chỉ trắng của quá khứ với đám chỉ tơ mảnh mai của hiện tại.

Mila thu hết can đảm bước qua ngưỡng cửa. Ngay lập tức mọi cái nhìn của các ông bố bà mẹ đổ dồn vào cô và cả căn phòng im phăng phắc.

Cô tiến lại gần mẹ của Debby Gordon. Bà ngồi cạnh chồng, người đang đặt một bàn tay lên vai bà. Tiếng bước chân của cô vang lên nhưic nhối trong khi cô đi ngang qua những người còn lại.

- Ông bà Gordon, tôi cần trò chuyện với hai ông bà một lát...

Mila đưa tay chỉ đường, sau đó cô để cho hai người đi

trước. Họ tiến đến một căn phòng nhỏ khác, trong có đặt máy pha cà phê và máy bán bánh kẹo. Những vật dụng còn lại trong phòng là một cái ghế xa lông cũ mòn kê sát tường, chiếc bàn cùng với mấy cái ghế nhựa màu xanh da trời và một sọt rác đầy ly giấy.

Cô mời cặp vợ chồng ngồi xuống ghế xa lông trong khi mình đi lấy một chiếc ghế nhựa. Cô ngồi xuống, bắt chéo chân, và cảm thấy vết thương ở đùi nhói lên. Nhưng nó không còn đau nhiều như trước. Nó đang bắt đầu lành dần.

Mila lại thu hết can đảm để tự giới thiệu. Cô nói về cuộc điều tra nhưng không thêm bất cứ chi tiết nào ngoài những gì hai người kia đã biết. Ý định của cô là giúp cho cặp vợ chồng thấy thoải mái, trước khi đặt các câu hỏi với họ.

Hai vợ chồng ông bà Gordon nhìn cô đăm đăm, như thể cô có khả năng chấm dứt cơn ác mộng này của họ. Hai người nom khá lịch thiệp. Cả hai đều là luật sư và được trả thù lao theo giờ. Mila hình dung họ ở trong một ngôi nhà lý tưởng, chung quanh là những người bạn có chọn lọc và có một cuộc sống vàng son. Cũng hợp lý khi họ có thể cho cô con gái độc nhất vào một ngôi trường tư thục danh giá. Cô biết điều đó: hai vợ chồng là những chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Họ là những người biết cách ứng phó trong những tình huống ngặt nghèo nhất, đã quen với việc nghiền nát đối phương và không bao giờ chùn bước trong các cuộc đấu trí. Thế nhưng hiện tại họ có vẻ hoàn toàn chưa hề chuẩn bị cho

một bi kịch như thế này.

Khi Mila trình bày xong sự việc, cô chuyển sang vấn đề mình quan tâm:

- Thưa ông bà Gordon, ông bà có tình cờ biết liệu Debby có một tình bạn đặc biệt thân thiết với một cô bạn gái nào ở ngoài trường không ạ?

Hai vợ chồng nhìn nhau như thể tìm kiếm một lý do khả dĩ cho câu hỏi trên trước khi đưa ra câu trả lời. Nhưng họ không tìm ra được lý do.

- Không, đây là theo như chúng tôi biết.

Nhưng Mila không chịu hài lòng với câu trả lời cụt lùn đó.

- Ông bà chắc chắn là Debby chưa bao giờ kể qua điện thoại về một cô bé nào đó không phải bạn học chứ?

Trong khi bà mẹ cố gắng lục tìm trong trí nhớ, thì Mila quan sát thân hình của bà: cái bụng rất phẳng, đôi chân săn chắc. Cô hiểu ngay quyết định dừng lại ở một đứa con đã được cân nhắc rất kỹ. Người đàn bà này sẽ không để mình bị phát tướng vì lần mang thai thứ hai. Nhưng dù sao thì bây giờ cũng đã quá trễ: tuổi tác gần

năm mươi không cho phép bà có con nữa. Goran đã có lý: Albert không lựa chọn họ một cách ngẫu nhiên...

- Không.. nhưng dạo gần đây, trên điện thoại con bé có vẻ thanh thản hơn trước nhiều. - Bà Gordon đáp.

- Tôi đoán cô bé đã từng đòi bà đưa về nhà...

Cô đã chạm đến một điểm nhạy cảm, nhưng cô không thể làm khác được, nếu muốn khám phá sự thật. Với giọng điệu lạc đi vì hồi lỗi, bố của Debby thừa nhận:

- Phải, con bé cảm thấy lạc lõng. Nó nhớ chúng tôi, cả Sting nữa... Con chó của nó ấy mà. - Ông giải thích khi Mila ngẩng ra nhìn họ. - Debby muốn quay về nhà và trường học cũ. Thật ra thì, con bé chưa bao giờ nói ra điều đó. Có lẽ nó sợ làm phật lòng chúng tôi, nhưng... Chuyện đó là quá rõ, căn cứ theo giọng điệu của nó.

Mila biết điều gì sắp sửa diễn ra: hai người sẽ mãi mãi tự dằn vặt mình vì đã không thực hiện tâm nguyện muốn được về nhà của cô con gái. Nhưng ông bà Gordon đã đặt tham vọng của họ trước con gái mình, như thể tham vọng là thứ có thể di truyền được. Suy xét cho kỹ thì cách cư xử của họ không có gì sai. Họ chỉ muốn điều tốt nhất cho cô con gái độc nhất của mình. Nói cho cùng, họ chỉ hành động như bao ông bố bà mẹ khác. Nếu như mọi chuyện khác đi, thì có lẽ một ngày Debby sẽ thấy biết ơn họ. Nhưng cái

ngày ấy, đáng tiếc thay, sẽ không bao giờ đến.

- Thưa ông bà, tôi rất tiếc khi phải thúc ép, tôi hiểu điều này đau đớn như thế nào, nhưng buộc lòng tôi phải yêu cầu ông bà nhớ lại những lần trò chuyện với Debby. Đám bạn bè ngoài trường của cô bé có thể rất quan trọng cho việc phá án. Tôi xin ông bà nhớ lại thật kỹ, và nếu như phát hiện được điều gì...

Hai ông bà Gordon cùng gật đầu, hứa sẽ cố gắng nhớ lại. Lúc đó Mila trông thấy một bóng người qua lớp kính cửa. Đó là Sarah Rosa. Cô ta đang cố gắng gây sự chú ý với cô. Mila xin lỗi hai vị khách và ra khỏi phòng. Khi hai người đứng đối diện nhau trong hành lang, Sarah Rosa chỉ nói vền vền mấy chữ:

- Cô chuẩn bị đi, ta phải lên đường. Đã tìm thấy thi thể của một bé gái.

Đặc vụ Stern luôn đóng thùng trong bộ comlê, thường là các màu nâu, be, xanh sẫm, đi kèm với sơmi kẻ sọc nhuyền. Mila suy ra rằng vợ anh ta rất cầu nệ việc chồng mình phải ăn mặc chỉnh tề khi ra đường. Ngoại hình của Stern được chăm chút kỹ lưỡng. Mái tóc luôn chải lật ra sau và vuốt một chút keo. Sáng nào anh cũng cạo râu, làn da của anh ngoài khoản nhăn nhui còn có vẻ rất

mềm mại và thơm tho. Stern thuộc típ người tỉ mỉ. Những người không bao giờ thay đổi thói quen, và việc gọn gàng sạch sẽ quan trọng hơn nhiều so với hợp thời trang.

Thêm vào đó anh có vẻ rất giỏi trong việc thu thập thông tin.

Trong suốt quãng đường đi đến nơi phát hiện thi thể nạn nhân, Stern bắt đầu bằng việc ngậm một viên kẹo bạc hà, rồi sau đó trình bày nhanh chóng các sự việc mà họ đã nắm được cho đến thời điểm hiện tại.

- Kẻ bị bắt giữ tên là Alexander Bermann, bốn mươi tuổi, nhân viên kinh doanh thiết bị ngành dệt, nhân thân tốt. Đã có vợ và một cuộc sống ổn định. Hắn rất được mọi người vị nể. Công việc của hắn có vẻ khấm khá: hắn không giàu, nhưng cũng ổn.

- Nói chung là lý lịch sạch sẽ. - Rosa đế thêm. - Không có gì đáng ngờ.

Khi họ đến đồn cảnh sát giao thông, viên cảnh sát phát hiện ra xác chết đang ngồi thừ trong một cái ghế xa lông cũ của văn phòng. Anh ta bị sốc.

Cảnh sát địa phương đã nhường lại phận sự cho đơn vị điều tra hình sự. Họ nhanh chóng vào cuộc với sự hỗ trợ của giáo

sư Goran và trong sự quan sát của Mila. Vai trò của cô chỉ là kiểm tra xem có hay không sự hiện diện của những thứ hữu ích cho nhiệm vụ của mình, chứ không can thiệp một cách chủ động. Roche ở lại trong văn phòng, chờ các nhân viên báo cáo tình hình.

Mila nhận ra Sarah Rosa đang giữ khoảng cách với cô. Điều này chỉ càng làm cho cô hài lòng, mặc dù cô biết chắc Rosa luôn dò xét và sẵn sàng bắt lỗi cô.

Một trung úy trẻ tuổi lãnh nhiệm vụ đưa họ đến địa điểm chính xác. Cố tỏ ra tự tin, anh chàng quả quyết rằng mọi thứ không hề bị xê dịch. Nhưng mọi thành viên trong nhóm điều tra đều hiểu đây có lẽ là lần đầu tiên đội của anh ta gặp phải một cảnh tượng như thế. Trong sự nghiệp của cảnh sát tinh lẻ, họ ít có dịp nào được tham dự vào một vụ án có tính chất man rợ đến vậy.

Trên đường đi, viên trung úy trình bày sự việc một cách rất hàm súc. Chắc hẳn anh chàng đã chuẩn bị bài diễn thuyết từ trước để tránh bị ngạc ngữ. Quả thực, anh ta nói không khác gì đang đọc một biên bản báo cáo.

- Chúng tôi đã kiểm tra. Nghi phạm Alexander Bermann đã đến khách sạn ở một thị trấn nhỏ cách đây rất xa vào sáng hôm qua.

- Cách đây sáu trăm cây số. - Stern bổ sung.

- Có vẻ như hấn đã lái xe cả đêm. Chiếc xe gần như cạn sạch xăng. - Viên trung úy nói.

- Hấn có gặp ai ở khách sạn không? - Boris hỏi.

- Hấn đã ăn tối cùng với khách hàng. Sau đó thì rút về phòng... theo như lời khẳng định của những người có mặt trong bữa tối. Nhưng chúng tôi còn đang kiểm chứng các sự việc mà họ kể.

Rosa ghi lại điều đó trong quyển sổ tay, với một dòng ghi chú mà Mila liếc nhìn thấy qua vai cô ta. “Thu thập thông tin về thời gian biểu của khách trọ trong khách sạn”.

Goran xen vào:

- Bermann chưa khai gì cả, đúng không?

- Nghi phạm Alexander Bermann từ chối phát ngôn khi không có mặt luật sư.

Họ đã đến bãi đỗ xe. Goran nhận thấy chiếc xe của Bermann đã được quây lại bằng vải bạt trắng để che đi cảnh tượng chết chóc. Nhưng nó chỉ là một biện pháp để phòng giả tạo. Đứng trước những tội ác kinh hoàng, biểu hiện khó chịu chỉ là lớp mặt nạ bên ngoài của con người. Đó là điều mà giáo sư Gavila đã nhanh chóng hiểu ra. Cái chết có một sức hấp dẫn lạ lùng đối với những

người sống, đặc biệt là những cái chết thảm. Gần như tất cả chúng ta đều cảm thấy hiếu kì trước các xác chết. Cái chết có tính quyền rũ rất cao.

Trước khi tiếp cận hiện trường, toán điều tra đeo túi ni lông bảo vệ giày, đội mũ trùm để che kín tóc, và tất nhiên không thể thiếu những đôi găng tay tiệt trùng. Sau đó họ được cung cấp một hũ nhỏ đựng bột long não. Mỗi người lấy một ít bôi lên hai lỗ mũi để át mùi.

Đó là một quy trình rất quen thuộc, gần như không cần giải thích bằng lời. Nó cũng là một cách để tìm lại sự tập trung. Khi nhận lấy hũ long não từ tay Boris, Mila có cảm giác mình đã là một phần của nghi thức lạ lùng này.

Viên trung úy cảnh sát giao thông được mời đi trước. Đột nhiên toàn bộ sự tự tin của anh chàng biến đâu mất. Anh ta ngần ngại một lúc lâu rồi mới đi trước dẫn đường.

Trước khi bước qua ngưỡng cửa thế giới mới mẻ này, giáo sư Goran nhìn sang Mila. Cô gật đầu, và ông có vẻ bình tĩnh hơn.

Bước khởi đầu luôn khó khăn nhất. Mila sẽ không dễ dàng quên được bước chân đầu tiên của mình.

Nó giống như đi vào một chiều không gian khác vậy. Khu

vực vài mét vuông, nơi ánh sáng mặt trời bị trộn lẫn với thứ ánh sáng nhân tạo lạnh lùng của các ngọn đèn halogen, gần như tạo nên một vũ trụ khác, theo những nguyên lý và định luật hoàn toàn khác với thế giới của chúng ta. Thêm vào ba chiều không gian: chiều cao, chiều rộng và chiều sâu, là một chiều thứ tư: chiều trống. Mọi nhà tội phạm học đều biết các câu trả lời thường nằm ở những “khoảng trống” của một hiện trường. Khi lấp đầy nó bằng sự hiện diện của nạn nhân hoặc thủ phạm, người ta sẽ tái hiện lại tội ác, lý giải được sự bạo lực, và làm sáng tỏ điều chưa biết. Người ta nói rộng thời gian bằng cách kéo nó ngược về quá khứ, với một sức căng luôn luôn tồn tại rất ngắn và không bao giờ có lại được. Chính vì thế mà ấn tượng đầu tiên về hiện trường luôn là điều quan trọng nhất.

Với Mila, nó thuộc về khứu giác.

Dù đã bồi long não, mùi của hiện trường vẫn xộc mạnh vào mũi cô. Thứ mùi của cái chết vừa gây buồn nôn lại vừa dịu ngọt. Rất mâu thuẫn. Đầu tiên, nó ập vào ta như một cú đấm vào bụng, sau đó ta phát hiện ra một thứ gì đó, ẩn rất sâu trong thứ mùi ấy, mà ta chỉ có thể cảm thấy thích thú.

Các thành viên trong nhóm điều tra nhanh chóng tiến vào vị trí chung quanh chiếc xe hơi của Bermann. Mỗi người chiếm lấy một điểm quan sát, tạo thành bốn cực. Như thể mắt họ cùng chia sẻ các thông số của một lưới tọa độ bao phủ từng centimét hiện trường, không bỏ lọt bất cứ thứ gì.

Mila đi theo giáo sư ra phía đuôi xe.

Cốp xe đang mở, ở y nguyên trong tình trạng mà viên cảnh sát phát hiện ra xác chết đã để lại. Giáo sư Goran cúi người quan sát bên trong cốp. Mila cũng làm theo.

Cô không nhìn thấy cái xác, bởi vì trong cốp chỉ có một cái túi ni lông đen to, bên trong đựng một thứ có hình thù giống thân người.

Xác của một bé gái chăng?

Chiếc túi dính sát vào thi thể, lồi lõm theo những đường nét trên khuôn mặt. Cái miệng há to trong một tiếng thét câm lặng. Tuồng như không khí đã bị hút vào cái hốc đen ngòm ấy.

Hết một tấm vải liệm.

Anneke, Debby, Sabine, Melissa, Caroline... hay là số sáu?

Có thể thấy hốc mắt và khuôn mặt ngửa ra phía sau. Thi thể không mềm oặt mà ngược lại, nó ở trong một tư thế căng cứng như bị sét đánh. Điều đập vào mắt từ bức tượng bằng xương bằng thịt này là sự thiếu vắng của một cánh tay. Tay trái.

- Nào, chúng ta bắt đầu phân tích. - Goran nói.

Phương pháp của giáo sư tội phạm học là đặt câu hỏi. Kể cả những câu đơn giản và tưởng như vô nghĩa nhất. Cả nhóm sẽ cùng nhau tìm lời giải đáp cho các câu hỏi đó. Vụ này cũng thế, mọi ý kiến đều được chấp thuận.

- Trước tiên, định hướng. - Ông mở lời. - Hãy cho tôi biết, tại sao chúng ta ở đây?

- Tôi bắt đầu nhé. - Boris xung phong. Anh đang đứng ở cạnh ghế người lái. - Chúng ta ở đây do một vụ điều khiển xe mà không có bằng lái.

- Các anh chị nghĩ sao về điều này? Liệu giải thích như vậy đã đủ chưa, theo các anh chị? - Giáo sư Goran hỏi trong lúc đưa mắt nhìn những người còn lại.

- Các chốt kiểm soát. - Sarah Rosa đáp. - Từ khi các bé gái mất tích, đã có khoảng một chục chốt kiểm soát được dựng lên, rải rác nhiều nơi. Điều có thể xảy đến... đã đến. Chúng ta đã gặp may.

Goran lắc đầu. Ông không tin vào may rủi.

- Việc gì hẳn phải mạo hiểm di chuyển cùng với tang

chứng như thế này?

- Có thể hẳn chỉ đơn thuần muốn vứt bỏ nó. - Stern phỏng đoán. - Hoặc cũng có thể hẳn sợ bị chúng ta phát hiện, nên cố gắng tống khứ các dấu vết ra càng xa khỏi hẳn càng tốt.

- Tôi cũng thế. Tôi nghĩ đây là một mưu toan đánh lạc hướng. - Boris hòa vào. - Nhưng không thành công.

Mila nhận ra bọn họ đã khẳng định Alexander Bermann là Albert. Chỉ duy có giáo sư Goran vẫn tỏ ra hơi nghi ngại.

- Chúng ta vẫn còn phải hiểu cho được kế hoạch của hẳn. Hiện tại ta chỉ có một thi thể nằm trong cốp xe. Nhưng câu hỏi ban đầu là khác kia, và ta vẫn chưa trả lời được: tại sao chúng ta ở đây? Điều gì đã đưa chúng ta đến đứng quanh chiếc xe này, trước cái xác này? Ngay từ đầu, chúng ta đã cho rằng thủ phạm rất khôn ngoan. Có thể còn hơn cả chúng ta nữa ấy chứ. Nói cho cùng thì hẳn đã chơi chúng ta nhiều lần khi bắt cóc thành công các bé gái mặc cho tình trạng được báo động trên diện rộng... Vậy thì, liệu có thể tưởng tượng ra rằng hẳn lại để cho mình bị bại lộ chỉ vì một cái bằng lái xe ngớ ngẩn hay không?

Mọi người cùng nghiền ngẫm khả năng đó trong yên lặng.

Sau đó nhà tội phạm học quay sang phía viên trung úy

cảnh sát giao thông, người từ nãy giờ đứng hơi tách biệt, miệng câm như hến, còn da mặt thì tái xanh như màu chiếc áo somi anh ta mặc bên trong quân phục.

- Trung úy này, anh đã bảo Bermann yêu cầu một luật sư, phải không nhỉ?

- Đúng vậy ạ.

- Có lẽ một luật sư được chỉ định là đủ, vì chúng tôi muốn thẩm vấn nghi phạm, để cho anh ta cơ hội phản bác những kết quả phân tích của chúng tôi sau khi đã xong việc tại đây.

- Ông có muốn tôi lo việc này ngay không ạ?

Viên trung úy đang hy vọng sẽ được giáo sư Goran phái đi chỗ khác. Ông giáo sư sắp sửa chiều lòng anh ta.

- Có thể Bermann đã chuẩn bị trước các lời khai. Tốt hơn nên làm hẩn bất ngờ và tìm cách khiến hẩn tự mâu thuẫn với bản thân, trước khi hẩn học bài quá kỹ càng.

- Tôi xin mạn phép phỏng chừng rằng trong thời gian này, có lẽ hẩn cũng đang tự vấn lương tâm rất kỹ lưỡng đấy ạ.

Nghe thấy những lời này của viên trung úy, các thành

viên của nhóm điều tra nhìn nhau bán tín bán nghi.

- Ý anh là... các anh đang để hấn một mình? - Goran hỏi.

Viên trung úy ngơ ngác:

- Chúng tôi để hấn lại một mình, như lệ thường. Sao thế ạ? Có gì...

Anh ta không kịp nói dứt câu. Boris là người đầu tiên hành động. Chỉ bằng một cú sải chân, anh đã phóng ra khỏi khu vực cô lập, Stern và Sarah Rosa bám theo bèn gót. Họ vừa lao đi vừa gỡ túi bảo vệ giày để không bị trượt chân trong lúc chạy.

Mila cũng như viên trung úy cảnh sát giao thông có vẻ không hiểu chuyện gì đang diễn ra. Goran đuổi theo những người kia, quăng lại vèn vện một câu:

- Đây là một kẻ nguy hiểm, lẽ ra các anh phải giám sát hấn cẩn mật!

Lúc đó, Mila và viên trung úy mới hiểu ra nguy cơ mà ông giáo sư muốn nói.

Giây lát sau, tất cả mọi người đã tề tựu trước cánh cửa buồng giam của nghi phạm. Tay cảnh sát canh gác bên ngoài phòng

lập tức mở lỗ nhòm khi Boris chia thẻ ra. Qua lỗ nhòm trên cửa, chẳng thấy Alexander Bermann đâu cả.

Hắn đã chọn một góc khuất tầm nhìn. Goran trầm nghĩ.

Khi viên cảnh sát gác cửa mở chiếc khóa to đùng, viên trung úy vẫn còn cố thủ trấn an cả nhóm, hay đúng hơn là bản thân anh ta, bằng cách sống chết bảo đảm rằng quy trình đã được tuân thủ nghiêm ngặt. Họ đã lấy đi đồng hồ, thắt lưng, cà vạt, kể cả giày dày của Bermann. Hắn chẳng còn thứ gì có thể dùng để tự làm hại bản thân.

Nhưng cánh cửa mở ra đã phủ nhận những điều anh ta nói.

Alexander Berman nằm trong một góc khuất tầm nhìn của buồng giam.

Lưng dựa vào tường, tay buông thõng trên đầu gối, hai chân xoạc ra, miệng đầy máu. Chung quanh hắn là một cái vũng màu đen.

Để tự sát, hắn đã sử dụng một biện pháp khác thường.

Alexander đã dùng răng xé rách thịt ở cổ tay và để cho máu chảy đến chết.

Họ sẽ đưa thi thể cô bé về nhà em.

Với lời hứa thắm như vậy, nhóm điều tra đã đem xác nạn nhân về.

Họ sẽ đòi lại công lý cho em.

Sau khi Bermann tự sát, lời cam kết của họ trở nên khó thực hiện hơn, nhưng họ vẫn sẽ cố gắng.

Vậy nên cái xác nằm ở đây, trong Viện pháp y.

Bác sĩ Chang chỉnh lại chiếc micro treo trên trần để cho nó nằm vuông góc với bàn phẫu thuật. Sau đó anh bật máy quay phim.

Trước tiên, anh dùng một con dao mổ rạch nhanh một đường rất thẳng trên túi ni lông. Anh đặt con dao xuống và khéo léo cầm lấy hai mép của đường rạch.

Nguồn sáng duy nhất trong căn phòng mờ tối phát ra từ chiếc đèn nằm bên trên bàn mổ. Chung quanh đó là bóng tối đen ngòm. Đứng chông chênh bên bờ hố đen ấy là Goran và Mila. Không có thành viên nào khác của nhóm điều tra cảm thấy cần phải tham gia vào nghi lễ này.

Bác sĩ pháp y cùng với hai người khách đều vận trang phục tiệt trùng, đeo găng tay và khẩu trang để không làm nhiễm các chứng cứ.

Dùng dung dịch nước muối sinh lý, Chang chậm chậm tách hai mép túi và gỡ lớp ni lông dính chặt trên thi thể. Từng chút, từng chút một, với sự kiên nhẫn cao độ.

Mila thấy hiện ra dần dần một chiếc váy nhung kẻ màu xanh lá, chiếc áo somi trắng và áo chèn màu xám. Sau đó là lớp vải flannel của chiếc áo khoác.

Chang lần từ từ đến vùng cánh tay bị mất. Chiếc áo khoác tại chỗ đó không hề bị vấy máu, vì đơn giản là ống tay áo đã bị cắt bỏ kể từ phần vai trái, để lòi ra một đoạn tay cụt.

- Hấn không giết nạn nhân khi cô bé mặc bộ trang phục này. Hấn mặc đồ lại cho cái xác sau đó. - Bác sĩ pháp y Chang nói.

Từ “sau đó” vang vọng khắp căn phòng, trong cái hộc tối om vây quanh họ, tựa như viên sỏi chạm vào thành một cái giếng không đáy.

Chang gỡ cánh tay phải ra. Ở cổ tay nạn nhân có một chiếc xuyên, trên đó có mặt trang trí hình chiếc chìa khóa.

Anh dừng lại một lát nơi cổ nạn nhân để rút khăn tay ra lau trán. Lúc đó Mila mới nhận ra Chang đang toát mồ hôi. Anh đã đến phần nhạy cảm nhất. Sợ nhất là khi gỡ cái túi, lớp thượng bì cũng bong ra theo.

Mila từng tham gia vào việc khám nghiệm tử thi. Thường thì các bác sĩ pháp y không phải ngần ngại nhiều đến thế đối với tử thi mà họ phải khám nghiệm. Họ cứ thế cắt xẻo rồi khâu lại. Nhưng bác sĩ Chang muốn bố mẹ của nạn nhân có thể nhìn con gái mình lần cuối trong một tình trạng tốt nhất có thể. Mila bỗng cảm thấy nể trọng anh vô cùng.

Cuối cùng, sau nhiều phút dài vô tận, Chang đã gỡ bỏ hoàn toàn lớp túi ni lông đen khỏi khuôn mặt của nạn nhân. Mila nhận ra cô bé ngay lập tức.

Debby Gordon. Mười hai tuổi. Nạn nhân mất tích đầu tiên.

Đôi mắt cô bé mở to. Cái miệng há hốc như thể cố gắng nói gì đó trong tuyệt vọng.

Cô bé cặp một chiếc kẹp mái có đính một bông hoa huệ tây. *Gã đã chải tóc cho cô bé.* Quái đản! Gã thấy thoải mái khi tỏ lòng trắc ẩn đối với một cái xác hơn là đối với một cô bé còn sống! Nhưng nghĩ lại Mila nhận ra gã chăm chút cho cô bé vì một lý do hoàn toàn khác.

Gã đã chải chuốt cho cô bé vì chúng ta!

Suy nghĩ này khiến cô nổi điên. Nhưng ngay lập tức cô nhận ra cảm xúc này không phải của mình. Nó thuộc về người khác. Chẳng bao lâu nữa cô sẽ phải ra ngoài, quên đi bóng tối sâu thẳm và nói với hai vị phụ huynh đang tan nát cõi lòng rằng cuộc sống của họ đã thực sự kết thúc.

Bác sĩ Chang và giáo sư Goran đưa mắt nhìn nhau. Đã đến lúc xác định xem họ đang phải đối diện với loại sát nhân nào,

mối quan tâm của hắn đối với cô bé này chỉ là chung chung hay có đích nhắm cụ thể. Nói khác đi, cần kiểm tra xem cô bé có bị xâm hại tình dục hay không.

Tất cả mọi người trong phòng đều có chung cảm giác bị giằng xé giữa mong muốn rằng nạn nhân đã không phải chịu thêm thứ nhục hình đó và hy vọng điều ngược lại, vì trong trường hợp này, sẽ có thêm khả năng thủ phạm để lại những dấu vết sinh học cho phép nhận dạng hắn.

Có một quy trình cụ thể để khám nghiệm những vụ xâm hại tình dục. Bác sĩ Chang chẳng có lý do gì để làm khác đi. Quy trình này bắt đầu bằng thăm vấn để làm rõ tình huống cũng như phương thức tấn công. Nhưng trong thực tế, do không thể có được thông tin từ nạn nhân, anh không có cách nào tái hiện lại được sự việc.

Bước tiếp theo là giám định khách quan. Để biết liệu nạn nhân có phản đối hoặc chống cự hành vi giao cấu hay không, cần phải khám tổng quát kèm theo một hồ sơ ảnh chụp, đi từ hình ảnh toàn diện cho đến chi tiết từng tổn thương bên ngoài.

Thường thì người ta bắt đầu với việc ghi nhận và xếp loại trang phục, sau đó tìm kiếm những vết tích đáng ngờ trên lớp trang phục này như sợi vải, lông tóc, lá cây. Tiếp theo là việc nạo móng nạn nhân bằng một dụng cụ nom như cây tăm xia răng, nhằm thu

thập các mảnh da của thủ phạm - trong trường hợp nạn nhân chống cự - hoặc đất cát, các loại sợi bất kỳ cho phép tiết lộ nơi gây án.

Lần này các kết quả đều là âm tính. Ngoài một cánh tay bị cắt, tình trạng của tử thi là hoàn hảo, trang phục cũng sạch sẽ.

Như thể ai đó đã kỳ công tắm gội cho nạn nhân trước khi nhét tử thi vào túi.

Bước thứ ba là bước có tính xâm lấn nhất. Đó là việc khám phụ khoa.

Bác sĩ Chang cầm một dụng cụ soi cổ tử cung và bắt đầu kiểm tra khu vực giữa hai đùi, với hy vọng tìm thấy các vết máu, tinh dịch hoặc các dịch tiết khác. Sau đó anh lấy từ khay kim loại bộ dụng cụ khám âm đạo, gồm một tấm bông cho da và một tấm bông khác cho niêm mạc. Sau khi lấy mẫu, anh chuẩn bị hai lam kính, cố định mẫu thứ nhất bằng dung dịch Citofix^[1], còn mẫu thứ hai thì để khô tự nhiên.

Mila biết thử nghiệm đó nhằm để xác định dấu vết di truyền của hung thủ.

Bước cuối cùng là bước bạo liệt nhất. Bác sĩ Chang ngả cái bàn thép ra phía sau, gác đôi chân cô bé lên hai giá đỡ, rồi ngồi xuống một chiếc ghế đầu, và dùng một cái kính lúp có gắn đèn cực

tím để kiểm tra các thương tổn bên trong nếu có.

Sau vài phút, anh ngẩng đầu lên nhìn Goran và Mila, lạnh lùng buông một câu:

- Thủ phạm đã không đụng đến cô bé.

Mila gật đầu, và trước khi rời khỏi phòng, cô cúi xuống thi thể của Debby để tháo chiếc xuyên đeo tay có mặt trang trí hình chiếc chìa khóa. Món đồ ấy, cùng với thông tin rằng cô bé không bị xâm hại, là tất cả những gì mà ông bà Gordon có thể mang đi.

Sau khi chào tạm biệt bác sĩ Chang và giáo sư Goran, Mila cảm thấy cần phải cởi chiếc áo blu tiết trùng này ra ngay. Vào lúc này cô thấy mình thật bản thủ. Khi đi qua phòng thay đồ, cô dừng lại trước bồn rửa mặt bằng gốm, mở nước nóng rồi đưa hai tay vào kỳ cọ thật mạnh.

Trong lúc rửa ráy cật lực, cô ngược mắt lên nhìn tấm gương đối diện. Dường như cô thấy phản chiếu trong gương hình ảnh cô bé Debby đang tiến vào phòng thay đồ, trên người mặc chiếc váy xanh lá cây cùng với cái áo khoác màu xanh dương, còn trên đầu là cái kẹp tóc. Tựa người vào cánh tay còn lại, em ngồi xuống băng ghế kê sát tường. Rồi Debby nhìn Mila, đong đưa hai chân, miệng há ra rồi ngậm lại, như thể tìm cách nói chuyện với cô. Nhưng không có từ ngữ nào vang lên. Mila rất muốn hỏi ai là chị

em kết nghĩa của em. Nạn nhân mà mọi người chỉ biết gọi là cô bé số sáu.

Rồi Mila choàng tỉnh.

Nước đang tuôn ra từ vòi. Hơi nóng bốc lên nghi ngút, làm mờ đi phần lớn diện tích của tấm gương.

Lúc ấy Mila mới cảm thấy đau.

Cô đưa mắt nhìn xuống và vội vàng rút tay ra khỏi dòng nước nóng bỏng. Lốp da trên mu bàn tay của cô đỏ ửng và ngón tay cô bắt đầu xuất hiện vài vết phồng rộp. Mila quấn tay vào một chiếc khăn bông, sau đó đi đến tủ thuốc tìm bông băng cá nhân.

Không ai được biết về chuyện vừa xảy ra.

Khi cô mở mắt, điều đầu tiên cô nhớ đến là vết bỏng ở hai bàn tay. Cô ngồi phắt dậy, đột ngột kết nối trở lại với hiện thực trong căn phòng ngủ chung quanh mình. Cái tủ áo với tấm gương bị rạn ở phía trước mặt, tủ commốt bên trái, ô cửa sổ đã hạ các lá trập nhưng vẫn để lọt qua vài vệt sáng xanh nhạt. Mila đã ngủ thiếp đi mà không buồn thay quần áo. Lốp vải phủ giường và chăn gối của

cái nhà nghỉ ven đường này đầy các vết bẩn loang lổ.

Sao cô lại tỉnh dậy? Có lẽ ai đó đã gõ cửa. Hay cũng có thể cô chỉ đang mơ.

Tiếng gõ cửa lại vang lên. Cô đứng dậy, tiến đến cửa, nhưng chỉ mở hé nó ra.

- Ai đó? - Cô hỏi cũng bằng thừa vì đã nhìn thấy khuôn mặt tươi cười của Boris.

- Tôi đến đón cô. Sau một tiếng nữa, chúng ta sẽ tiến hành khám xét nhà của Bermann. Mọi người sẽ đợi chúng ta ở đó... Mà này, tôi đã mua cho cô bữa sáng đây.

Anh lắc lắc trước mũi cô cái túi giấy, bên trong chắc là cà phê và bánh sừng bò.

Mila nhanh chóng nhìn lại mình. Trông cô thật tội tã, nhưng thế lại hóa hay: cô sẽ không thể khiến anh chàng đồng nghiệp nổi hứng. Cô mời anh vào phòng.

Boris bước vài bước vào trong phòng và lúng túng nhìn quanh trong khi Mila tiến lại gần một cái bồn rửa đặt trong một góc để rửa mặt, nhưng trước hết là để giấu đôi tay băng bó.

- Nó còn tệ hơn là tôi nhớ. - Boris vừa hít không khí vừa nói. - Vẫn cái mùi này.

- Tôi nghĩ đó là mùi thuốc xua đuổi côn trùng.

- Hồi tôi đến nhập đội, tôi đã phải ở đây cả tháng trời trước khi tìm được một căn hộ... Cô có biết là chìa khóa ở đây mở phòng nào cũng được không? Khách trọ thường xuyên bỏ đi mà không trả tiền, nên người chủ đâm chán, chẳng buồn thay ổ khóa nữa. Tốt hơn cô nên lấy cái tủ commốt chặn cửa vào ban đêm.

Mila quan sát mình trong tấm gương phía trên chậu rửa.

- Cảm ơn về lời khuyên.

- Tôi nói nghiêm túc đấy. Nếu cô cần tìm một nơi khả dĩ hơn để ở, tôi có thể giúp.

Mila nhìn Boris với ánh mắt thăm dò.

- Không phải anh đang mời tôi đến ở nhà anh đấy chứ?

Boris luống cuống, vội vàng giải thích:

- Không ý tôi không phải thế. Chỉ là tôi có thể hỏi thăm hộ cô xem có nữ cảnh sát nào muốn chia sẻ căn hộ của mình không,

thể thôi.

- Hy vọng tôi không phải ở đây lâu đến mức ấy. - Mila vừa bình luận vừa nhún vai.

Sau khi lau mặt xong, cô trở tay vào cái túi giấy mà Boris đem đến. Gần như giật phăng cái túi khỏi tay anh chàng cảnh sát, cô ngồi chéo chân trên giường, xem xét những thứ trong túi.

Bánh sừng bò và cà phê. Đúng như cô đoán.

Boris hơi ngạc nhiên trước thái độ của Mila, và càng bất ngờ hơn khi phát hiện tay cô bị băng. Nhưng anh không nói gì.

- Cô có đói không? - Anh rụt rè hỏi.

Mila vừa nhai nhồm nhoàm vừa đáp:

- Đã hai ngày nay tôi chẳng nuốt thứ gì vào bụng. Nếu anh không đến thì tôi không dám chắc mình có đủ sức để bò ra khỏi đây không nữa.

Mila biết cô không nên nói những lời có tính chất vuốt đuôi như thế, nhưng cô không biết phải cảm ơn Boris bằng cách nào khác, và lại cô đói thật. Boris mỉm cười hài lòng.

- Thế, cô thấy ở đây ra sao? - Anh hỏi.

- Tôi thích nghi nhanh lắm. Vậy nên, tôi thấy ổn.

Ngoại trừ cái bà chị Sarah Rosa ghét tôi ra mặt kia.

- Không tôi, vụ suy luận về chị em kết nghĩa của cô ấy mà...

- Chẳng qua tôi gặp may thôi: chỉ cần lục lọi trong đồng kinh nghiệm bản thân hồi mới dậy thì. Chắc anh cũng từng làm đủ trò ngớ ngẩn hồi mười hai tuổi, nhỉ?

Nhìn vẻ ngớ ngác trên gương mặt Boris khi anh cố tìm một câu trả lời, Mila bật cười.

- Tôi đùa đấy...

- À... Ừ. - Anh đỏ bừng mặt.

Mila đã ăn xong miếng cuối cùng của cái bánh thứ nhất. Cô mút ngón tay rồi tấn công sang chiếc bánh sừng bò thứ hai. Đáng lẽ nó là của Boris, nhưng trước vẻ ngon miệng của cô, anh chẳng dám lên tiếng.

- Boris này, anh giải thích cho tôi một chuyện được

không? Tại sao anh đặt tên cho hấn là Albert?

- Đó là một câu chuyện rất thú vị. - Boris vừa đáp vừa ung dung bước đến ngồi xuống bên cạnh Mila. - Năm năm trước, chúng tôi đã điều tra một vụ khá kỳ lạ. Một tên giết người hàng loạt bắt cóc phụ nữ, cưỡng đoạt họ, siết cổ đến chết rồi để cho chúng tôi phát hiện những thi thể bị cưa mất chân phải.

- Chân phải à?

- Đúng thế. Chẳng ai hiểu ra chuyện gì, vì hung thủ tỏ ra rất tỉ mỉ và sạch sẽ. Hấn không để lại bất kì dấu vết nào, ngoài vụ cưa chân. Và hấn tấn công một cách hoàn toàn ngẫu nhiên... Nói tóm lại, chúng tôi đã phát hiện đến cái xác thứ năm rồi mà vẫn chưa có cách nào bắt thủ phạm dừng lại được. Thế rồi giáo sư Gavila đã nảy ra một ý...

Mila đã ăn xong cái bánh thứ hai và chuyển sang uống cà phê.

- Ý tưởng kiểu nào?

- Ông ấy đã bảo chúng tôi tìm hiểu về tất cả những vụ có liên quan đến chân cẳng, kể cả những vụ đơn giản và tầm thường nhất.

Mila đực mặt ra.

Trong khi chờ nghe kể tiếp, cô đồ ba gói đường vào trong cốc cà phê. Boris nhăn mặt, nhưng anh quyết định nói tiếp:

- Tôi cũng thế, lúc đầu, tôi thấy chuyện đó có vẻ phi lý. Nhưng dần vậy chúng tôi cũng bỏ đi tìm, và phát hiện ra trước đây không lâu một tên trộm đã ra tay trong vùng. Hắn đánh cắp giày phụ nữ trưng bày trên kệ đặt bên ngoài các cửa hàng. Tất nhiên người ta chỉ bày mỗi mẫu một chiếc giày. Cô biết đấy, họ làm thế để tránh bị ăn cắp. Thường thì đó là chiếc bên phải, nhằm tạo thuận lợi cho khách hàng khi thử giày.

Mila khựng lại, ly cà phê lơ lửng trong không khí. Cô thấy ngưỡng mộ trước một trực giác hiếm có của Goran.

- Các anh đã theo dõi các hiệu giày và bắt được tên trộm...

- Albert Finley. Một tay kỹ sư ba mươi tám tuổi, đã có vợ, hai con nhỏ, một căn nhà ở ngoại thành và một chiếc xe cắm trại.

- Một kẻ tầm thường.

- Trong nhà cất xe của gã, chúng tôi đã tìm thấy một cái

tử đông. Ở trong đó là năm cái chân phải của phụ nữ được bọc ni lông cẩn thận. Hung thủ tiêu khiển bằng cách cho chúng mang những chiếc giày mà hắn đã ăn trộm được. Một kiểu tôn sùng đồ vật bệnh hoạn.

- Chân phải, tay trái. Thảo nào có cái tên Albert!

- Chính xác! - Boris nói và đặt một tay lên vai Mila, tỏ vẻ đồng tình.

Mila giãy nảy, vùng ra khỏi giường. Anh chàng cảnh sát có vẻ bị xúc phạm.

- Tôi xin lỗi. - Cô nói.

- Không sao đâu.

Anh ta nói dối. Mila không tin điều đó, nhưng quyết định làm ra vẻ như tin. Cô quay lưng lại phía anh và tiến đến bồn rửa mặt.

- Tôi cần chuẩn bị. Chỉ một phút là đủ, sau đó ta có thể lên đường.

Boris đứng dậy và tiến ra cửa.

- Cô cứ thông thả. Tôi sẽ đợi ở ngoài.

Mila thấy anh ta bước ra khỏi phòng. Rồi cô nhìn vào gương. *Chúa ơi, cô tự nhủ, khi nào tất cả những chuyện này mới kết thúc đây? Khi nào con mới lại có thể để cho ai đó chạm vào mình?*

Trong suốt quãng đường đến nhà Bermann, hai người không nói với nhau một lời. Lúc trèo vào trong xe, Mila nhận thấy Boris đã bật radio. Cô hiểu ra ngay. Boris tỏ ra bị xúc phạm, và có lẽ từ nay cô đã có thêm một kẻ thù nữa trong đội điều tra. Chưa đầy nửa tiếng sau, hai người đã đến nơi. Chỗ ở của Alexander Bermann là một vila nhỏ, bao xung quanh là bãi cỏ xanh, tọa lạc trong một khu dân cư yên bình.

Con đường đã bị chặn. Phía bên ngoài vòng cách ly là đám đông những kẻ hiếu kỳ, hàng xóm láng giềng và cánh nhà báo. Nhìn thấy bọn họ, Mila nhủ thầm đây mới chỉ là điểm khởi đầu. Khi đến nơi, họ nghe thấy một bản tin truyền thanh đang loan báo việc khám phá ra thi thể của Debby và thậm chí còn tiết lộ cái tên Bermann.

Lý do để cho giới truyền thông phát rồ lên cũng đơn giản.

Vụ nghĩa địa cánh tay là một đòn mạnh giáng vào chính quyền, và giờ đây con ác mộng cuối cùng đã có một cái tên.

Mila đã chứng kiến điều này xảy ra trước kia. Báo chí hùng hổ lao vào vụ việc và chỉ trong một thời gian ngắn sẽ nghiền nát mọi khía cạnh trong cuộc đời của Bermann không chút câu nệ. Vụ tử tử của gã có giá trị như một lời thú tội. Các phương tiện truyền thông sẽ nhào nặn ra phiên bản riêng của mình. Họ miêu tả gã như một con quái vật, không để sót một điểm mâu thuẫn khả dĩ nào, chỉ dựa vào sức mạnh đoàn kết của họ. Giới truyền thông sẽ cắt gã thành từng mảnh giống như điều người ta tin gã đã làm với các nạn nhân nhỏ tuổi, nhưng lại không gây ra chút mai mỉa nào từ sự tương đồng đó. Bọn họ sẽ rút ra hàng lít máu từ toàn bộ vụ án này để tô vẽ các trang nhất, khiến chúng trở nên hấp dẫn hơn. Không tôn trọng, cũng chẳng vô tư. Và nếu như có ai đó dám tự cho phép mình nhắc nhở chuyện đó, họ sẽ đỡ đòn bằng tấm bùa “quyền được thông tin”, vốn luôn tiện dụng và hợp thời.

Mila bước xuống xe lách qua đám đông nhà báo lẫn dân thường để chui vào trong vòng cô lập. Cô bước nhanh trên lối vào nhà, tiến đến cửa chính, lóa mắt vì ánh đèn flash máy ảnh. Lúc đó, ánh mắt cô và giáo sư Goran giao nhau qua cửa sổ. Bỗng dưng cô cảm thấy tội lỗi vì đã để ông nhìn thấy cô đi cùng Boris. Nhưng rồi cô thấy mình thật ngớ ngẩn với ý nghĩ đó.

Goran hướng sự chú ý của ông trở vào trong nhà. Sau đó

vài giây, Mila cũng bước qua ngưỡng cửa.

Stern và Sarah Rosa cùng với các thanh tra khác đã làm việc được một lúc. Họ di chuyển như những con côn trùng cần mẫn. Mọi thứ bị xới tung lên. Các cảnh sát rà soát từng món đồ, mọi vách tường, tất cả những gì có thể ẩn chứa các manh mối có khả năng làm sáng tỏ vụ án.

Một lần nữa, Mila không thể tham gia vào việc lục soát căn nhà. Thêm vào đó, Sarah Rosa cũng đã từng bóng gió rằng cô sẽ chỉ có quyền quan sát. Vậy nên cô nhìn chung quanh mình, tay đút túi để không phải giải thích về lớp bông băng bó.

Những tấm ảnh đã làm cô chú ý.

Có chừng một chục tấm trong phòng, tất cả được đóng trong những cái khung sang trọng bằng gỗ hoặc mạ bạc. Đó là những hình ảnh của Bermann và vợ y trong những giờ phút hạnh phúc. Một cuộc đời mà giờ đây có vẻ xa lắc, gần như không có thật. Mila nhận thấy hai vợ chồng đã đi du lịch khá nhiều. Các tấm ảnh được chụp ở khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên, những tấm càng mới và gương mặt họ càng bị thời gian hằn dấu thì biểu hiện hạnh phúc của họ càng phai nhạt. Có một điều gì đó trong những tấm ảnh, Mila đoán chắc như thế, nhưng chưa thể nói được nó là gì. Cô có một cảm giác lạ lùng trong ngôi nhà này. Bây giờ cô đã cảm nhận được rõ rệt hơn.

Sự hiện diện của một người.

Ngoài toán nhân viên điều tra đi qua đi lại, Mila nhận ra một khán giả nữa: người phụ nữ trong ảnh, Veronica Bermann, vợ của nghi phạm. Cô lập tức đoán ra Veronica là một người có tính tình ngạo mạn. Cô ta thể hiện thái độ dửng dưng rõ rệt trong khi những con người xa lạ kia tự tiện lục lọi đồ đạc của mình, xâm phạm tính riêng tư của những món đồ, những vật kỷ niệm bằng sự hiện diện suồng sã của họ. Veronica hoàn toàn tỏ ra hợp tác với ngài chánh thanh tra Roche, và bảo đảm với ông rằng, chồng mình không thể là đối tượng của những cáo buộc như vậy.

Mila tiếp tục dành thì giờ quan sát. Khi quay người lại, cô đối diện với một thứ không ngờ tới.

Phủ kín một bức tường là những tiêu bản bướm.

Chúng được đặt trong các khung kính. Có những con bướm khác thường và đẹp tuyệt. Một số mang tên ngoại quốc được ghi cùng với nơi phát hiện trên một tấm bảng đồng. Những con bướm đẹp nhất đến từ châu Phi và Nhật Bản.

- Chúng mê hoặc ta vì chúng đã chết. - Goran buông lời nhận xét.

Nhà tội phạm học mặc một chiếc áo thun đen và một

quần da lạt đà. Cổ áo somi của ông lòi ra bên trên cổ áo thun. Ông đang đứng cạnh Mila để ngắm nhìn rõ hơn bức tường bướm.

- Đứng trước một thứ kì vĩ như thế này, chúng ta quên mất một điều quan trọng nhất và hiển nhiên nhất... Lũ bướm này sẽ không còn bay được nữa.

- Thật phi tự nhiên. - Mila đồng tình. - Nhưng cũng thật quyến rũ...

- Đó chính là điều mà cái chết gây ra đối với con người. Chính vì nó mà thế gian này có những kẻ giết người hàng loạt.

Goran khoát tay ra hiệu. Chỉ cần thế, mọi thành viên trong nhóm điều tra lập tức tề tựu quanh ông. Điều đó chứng tỏ rằng, mặc dù có vẻ bị cuốn vào công việc, họ vẫn luôn để mắt đến ông, theo dõi từng cử chỉ và thái độ của ông.

Mila đã có lời khẳng định cho sự tin tưởng vô điều kiện mà mọi người dành cho trực giác của Goran. Ông là người soi đường cho họ. Điều này thật lạ lùng, vì các cảnh sát, hay “cớm” - ít ra như những người mà Mila biết - luôn gặp khó khăn trong việc đặt niềm tin vào một người dân thường. Nói thật lòng, đội điều tra này lẽ ra nên được gọi là “đội của Gavila” hơn là “đội của Roche”, người thường xuyên vắng mặt. Ông ta sẽ chỉ xuất đầu lộ diện nếu như họ tìm thấy một bằng chứng mạnh mẽ và có tính chất quyết định

chống lại Bermann.

Stern, Boris và Rosa đứng xung quanh giáo sư tội phạm học như sơ đồ mọi khi, mỗi người một vị trí. Mila đứng ở phía sau họ một bước. Vì sợ cảm thấy bị gạt ra rìa, cô đã tự loại mình ra.

Goran hạ thấp giọng, nhanh chóng ấn định cho mọi người giọng điệu của cuộc trao đổi mà ông muốn. Có lẽ ông không muốn làm phiền Veronica Bermann.

- Thế nào, chúng ta có được những gì rồi?

Stern là người đầu tiên lên tiếng. Anh lắc đầu:

- Trong căn nhà này, không có bất cứ thứ gì liên kết Bermann với sáu cô bé nạn nhân.

- Cô vợ hoàn toàn không biết gì. Tôi đã hỏi cô ta vài câu và tôi không nghĩ cô ta nói dối. - Boris thêm vào.

- Người của chúng ta đang tiến hành rà soát ngoài vườn cùng với bầy chó. - Rosa nói. - Nhưng cho đến lúc này vẫn chưa thấy gì.

- Chúng ta sẽ điếm lại nhất cử nhất động của Bermann trong sáu tuần vừa qua. - Giáo sư Goran nhận xét, và cả nhóm cùng

gật gù, mặc dù họ biết đó là một việc gần như bất khả thi.

- Stern, ta còn gì nữa không?

- Không có biến động bất thường trong tài khoản. Khoản chi lớn nhất mà Bermann đã thực hiện trong năm vừa qua liên quan đến việc thụ tinh nhân tạo.

Nghe đến đây, Mila mới hiểu được cảm giác mà cô có từ trước khi vào nhà cho đến khi nhìn các tấm ảnh. Đó không phải là sự hiện diện như cô đã tưởng lúc đầu. Cô đã nhầm.

Đó đúng hơn là *sự vắng mặt*.

Người ta có thể cảm thấy sự vắng mặt của một đứa trẻ trong căn nhà toàn đồ đạc đắt tiền và vô hồn này. Nó đã được thu xếp dành cho hai cá thể ý thức được rõ ràng cuộc sống quạnh vắng của họ. Ca thụ tinh trong ống nghiệm mà Stern vừa nhắc đến dường như là một sự mâu thuẫn, vì nơi này không thoát lên nỗi lo âu của một cặp đôi hiếm muộn.

Stern chốt lại phần trình bày của mình bằng một chân dung ngắn gọn về cuộc sống riêng tư của Bermann:

- Hắn không dùng ma túy, không uống rượu hay hút thuốc. Hắn có đăng ký tham gia một phòng tập thể dục và một câu

lạc bộ băng hình, nơi hắn thuê các cuốn phim tài liệu về các loài côn trùng. Hắn đi lễ nhà thờ Lutheran trong khu vực, và hai lần mỗi tháng đến làm tình nguyện viên trong một trại dưỡng lão.

- Một ông thánh sống. - Boris mai mĩa.

Goran quay sang phía Veronica Berman để bảo đảm là cô ta không nghe thấy câu nói vừa rồi. Sau đó ông nhìn Rosa.

- Còn gì khác không?

- Tôi đã phân tích ổ cứng máy vi tính ở nhà và ở văn phòng của hắn. Tôi cũng đã thực hiện việc khôi phục các tập tin bị xóa, nhưng chẳng có gì đáng quan tâm cả. Toàn chuyện làm ăn. Tên này bị ám ảnh bởi công việc.

Mila nhận thấy Goran đột nhiên có vẻ lơ đãng. Điều này chỉ xảy ra trong một vài giây, sau đó ông tập trung trở lại vào cuộc trao đổi.

- Vậy còn việc lên mạng của Alexander, ta biết được gì?

- Tôi đã gọi đến nhà mạng của hắn, và họ đã cung cấp cho tôi một bản danh sách các trang web hắn đã truy cập trong vòng sáu tháng gần đây. Cũng lại chẳng có gì... Có vẻ như hắn rất mê các trang mạng về thiên nhiên, du lịch, và động vật. Ngoài ra, hắn mua

trên mạng các món đồ cổ và bướm sưu tập, nhất là trên trang eBay.

Khi Rosa trình bày xong, Goran khoanh tay lại, rồi nhìn các điều tra viên, từng người một. Kể cả Mila, người cuối cùng cũng cảm thấy được tham gia.

- Vậy, các bạn nghĩ sao? - Ông giáo sư hỏi.

- Tôi thấy như bị lóa mắt. - Boris đáp ngay và đưa tay lên che mắt để nhấn mạnh ý muốn nói. - Tất cả đều sạch sẽ quá mức.

Những người còn lại gật gù.

Mila không rõ anh chàng căn cứ vào đâu, nhưng cô không muốn hỏi thẳng. Giáo sư Goran đưa một tay lên vuốt trán, rồi xoa đôi mắt mệt mỏi. Một lần nữa, trên gương mặt của ông lại xuất hiện sự lo lắng ấy... Một luồng suy nghĩ đưa ông đi nơi khác trong một vài giây, nhưng rồi bằng cách nào đó ông quay lại ngay với thực tại.

- Nguyên tắc đầu tiên khi điều tra một nghi phạm là gì?

- Chúng ta ai cũng có bí mật. - Boris trả lời ngay.

- Đúng. - Goran nói. - Chúng ta ai cũng có nhược điểm, ít nhất là một lần trong đời. Mỗi người trong chúng ta đều có bí mật

của mình, dù nhỏ hay lớn, dù có thú nhận hay không.. Hãy nhìn xung quanh các bạn: người đàn ông này là hình mẫu của một người chồng lý tưởng, ngoan đạo, làm việc chăm chỉ. - Ông giờ ngón tay lên đếm. - Đó là một nhà hảo tâm, biết giữ gìn sức khỏe, chỉ thuê phim tài liệu, không có thói hư tật xấu, chăm sưu tập bướm... các bạn có tin nổi một con người như thế không?

Lần này câu trả lời hiển nhiên là không.

- Vậy, một con người như thế làm gì với xác một bé gái trong xe hơi của mình?

Stern xen vào:

- Hấn đã xóa sạch tất cả...

Goran gật gù:

- Alexander đã mê hoặc chúng ta bằng sự hoàn hảo này, để chúng ta không nhìn đi chỗ khác... Thế chúng ta đang không nhìn vào đâu trong thời điểm này?

- Ta phải làm gì đây? - Rosa hỏi.

- Bắt đầu lại từ đầu. Câu trả lời nằm ở đây, trong những thứ mà các bạn đã tìm hiểu. Hãy rà soát chúng thật kỹ. Cần phải

bóc đi lớp vỏ bọc lấp lánh của chúng. Đừng để mình bị lừa bởi cuộc sống hoàn hảo kia: ánh hào quang đó chỉ làm chúng ta phân tán tư tưởng và rối trí. Ngoài ra, cần phải...

Goran lại tỏ ra lơ đãng. Sự chú ý của ông đang ở đâu đâu. Lần này thì tất cả mọi người đều nhận ra. Một thứ gì đó đang thành hình và lớn dần trong đầu ông.

Mila quyết định quan sát theo hướng nhìn của ông giáo sư. Ông không đơn thuần là nhìn vào khoảng không. Ông đang nhìn cái gì đó trong phòng.

Goran hỏi thành tiếng:

- Có ai nghe các tin nhắn trên máy trả lời tự động của điện thoại chưa?

Trong một thoáng, các điều tra viên cứng người, nhất loạt nhìn vào cái điện thoại đang nhấp nháy đỏ và cảm thấy có lỗi khi bị bắt quả tang sơ sót của mình. Goran không bận tâm chuyện đó. Ông chỉ tiến đến bấm nút cho chạy máy ghi âm số.

Một lúc sau, những lời của người quá cố vang lên từ trong bóng tối.

Alexander Bermann đang trở lại trong ngôi nhà một lần

cuối.

“Hừm... Anh đây... E hèm... Anh không có nhiều thời gian... Nhưng dẫu sao anh cũng muốn xin lỗi em... Anh xin lỗi em, vì tất cả... Lẽ ra anh phải làm điều này sớm hơn, nhưng anh đã không thể... Em cố gắng tha thứ cho anh. Tất cả đều là lỗi của anh...”

Giọng nói chấm dứt và một sự im lặng như đá đè nặng lên căn phòng. Bất giác mọi ánh nhìn đều đổ dồn vào Veronica Bermann, người đang đứng trơ trơ như tượng tạc.

Goran Gavila là người đầu tiên nhúc nhích. Ông tiến lại gần, nắm lấy hai vai cô ta và nhờ một nữ cảnh sát đưa cô ta sang phòng khác. Stern lên tiếng phá vỡ bầu im lặng:

- Rồi, đã đến lúc nghe lời thú nhận rồi đây.

Mila sẽ gọi cô bé là Priscilla.

Cô sẽ dùng phương pháp của giáo sư Goran Gavila, người luôn đặt tên cho những kẻ sát nhân mà ông truy tìm. Để “con người hóa” chúng, khiến chúng trở nên “thực” hơn trong con mắt của ông và không còn là những bóng ma lẩn khuất nữa. Cũng thế, Mila đặt tên cho nạn nhân thứ sáu bằng cái tên của một cô bé khác, may mắn hơn, người mà ở đâu đó - cô không biết chính xác - đang tiếp tục được làm một bé gái bình thường như những cô bé khác, và không hề hay biết mình đã thoát khỏi chuyện gì.

Mila quyết định như thế trên đường quay về phòng trọ.

Một cảnh sát đã nhận đưa cô về. Lần này Boris không xưng phong nữa, và Mila cũng chẳng thể trách được anh sau khi đã đột ngột đẩy anh ra lúc sáng nay.

Việc gọi cô bé số sáu là Priscilla không chỉ bởi cần phải cho cô bé một tính trạng con người. Còn một nguyên nhân khác: Mila không thể cứ gọi cô bé bằng một con số. Từ giờ trở đi, cô cảm thấy chỉ có mỗi mình cô là còn để tâm đến việc khám phá danh tính của cô bé, vì sau khi nghe thấy lời nhắn của Bermann, chuyện đó không còn là mối ưu tiên hàng đầu nữa.

Họ đã có một xác chết trong xe, và đoạn băng ghi âm từ máy trả lời tự động rất gần với một lời tự thú. Không cần quá lao tâm khổ tứ nữa. Lúc này chỉ cần liên kết tay chào hàng với các nạn nhân còn lại, sau đó đi tìm động cơ. Nhưng động cơ của hắn, có lẽ họ đã biết cả rồi...

Nạn nhân không phải là các cô bé. Mà là gia đình của các em.

Chính Goran đã đưa ra lời giải thích ấy trong lúc quan sát cha mẹ của các nạn nhân xấu số trong nhà xác. Những người cha người mẹ mà, vì những lý do này khác, chỉ có mỗi một đứa con.

Một bà mẹ đã gần năm mươi tuổi và về mặt sinh học không thể mong chờ một lần mang thai khác nữa...

“Chính họ mới là nạn nhân. Gã đã nghiên cứu họ, đã lựa chọn họ. Một đứa con gái độc nhất. Gã muốn tước mất khỏi họ mọi hy vọng khép lại nỗi đau và quên đi sự mất mát. Họ sẽ phải nhớ điều gã đã làm với mình cho đến hết đời. Gã làm cho sự thống khổ của họ tăng lên bội phần khi lấy đi tương lai của họ. Gã đã tước đoạt cơ hội lưu truyền hồi ức của bản thân họ cho tương lai, cơ hội trường tồn sau cái chết của chính họ... Gã sống bằng điều đó. Chính nó là sự tưởng thưởng cho sự tàn ác của gã, là nguồn khoái lạc của gã”.

Alexander Bermann không có con cái. Hắn đã cố gắng có con, đã cầu viện đến biện pháp thụ tinh nhân tạo. Nhưng vô ích. Có lẽ vì lý do đó mà hắn đã trút cơn điên cuồng vào các gia đình khốn khổ kia. Có thể hắn muốn trả thù vì sự vô sinh của mình.

Không. Đây không phải là sự trả thù. Có điều gì đó khác... Mila không thể chấp nhận suy nghĩ đó, nhưng cô không biết linh cảm ấy từ đâu mà ra.

Chiếc xe hơi về đến khu nhà nghỉ. Mila xuống xe, chào từ biệt viên cảnh sát kiêm tài xế. Anh ta gạt đầu rồi quay đầu xe phóng đi, bỏ cô lại giữa con đường trải sỏi rộng rãi. Phía sau cô là cánh rừng với những ngôi nhà nghỉ. Trời khá lạnh. Ánh sáng độc nhất phát ra là từ tấm bảng đèn chữ “CÒN PHÒNG” và “CÓ TRUYỀN HÌNH CẤP”. Mila tiến về nhà nghỉ của mình. Mọi ô cửa sổ đều tối om.

Cô là người khách trọ duy nhất.

Cô đi ngang qua phòng của bảo vệ. Căn phòng đang chìm trong thứ ánh sáng xanh lờ mờ phát ra từ chiếc ti vi. Âm thanh đã bị tắt và nhân viên bảo vệ không có ở đó. *Chắc anh ta đi vệ sinh*, Mila nghĩ bụng, rồi bước tiếp. May mắn là cô đã cầm theo chìa khóa, chứ nếu không cô buộc phải đợi anh ta quay lại.

Trong tay Mila là một bao giấy đựng món đồ uống có ga và hai cái bánh kẹp phô mai, bữa tối hôm nay của cô. Cô cũng đã mua một lọ thuốc mỡ để bôi vào các vết phỏng trên hai bàn tay. Hơi thở của cô tạo thành đám khói trong bầu không khí lạnh giá. Cô bước nhanh hơn, cảm thấy như sắp chết cứng. Những bước chân của cô trên con đường rải sỏi là âm thanh duy nhất trong màn đêm. Nhà nghỉ của cô nằm tận cuối dãy.

Priscilla. Cô nhớ lại những điều mà bác sĩ Chang đã nói: “Tôi cho rằng thủ phạm đã kết liễu các nạn nhân ngay lập tức. Gã không có lợi gì trong việc duy trì sự sống cho bọn trẻ lâu hơn mức cần thiết, và gã không hề chần chừ. Phương pháp ra tay với các nạn nhân là như nhau. Ngoại trừ một cô bé...”

Giáo sư Gavila đã yêu cầu anh giải thích rõ hơn, và Chang đã vừa nhìn ông vừa đáp rằng đối với nạn nhân số sáu, sự việc còn tệ hại hơn...

Câu nói của bác sĩ Chang đã ăn sâu vào tâm trí Mila.

Không chỉ vì nạn nhân thứ sáu đã phải trả một cái giá đắt hơn các cô bé còn lại... “Gã đã làm giảm nhịp tim của nạn nhân để cái chết đến với cô bé chậm hơn... Gã muốn thương thức tấn tuồng”. Không, vẫn còn một điều gì khác nữa. Vì sao thủ phạm lại thay đổi phương thức gây án? Cũng hết như lúc nghe bác sĩ Chang báo cáo, Mila bất giác thấy lạnh nơi gáy.

Phòng trọ của cô chỉ còn cách vài mét. Cô đang tập trung suy nghĩ, chắc hẳn lần này mình sẽ tìm được câu trả lời. Bỗng cô hụt chân vì một cái lỗ trên mặt đất.

Lúc đó cô mới nghe thấy.

Tiếng động rất khẽ phía sau lưng Mila khiến mọi suy nghĩ trong đầu cô biến mất. Một tiếng đập nhẹ trên sỏi. Một kẻ nào đó đang bắt chước những bước đi của cô. Kẻ đó căn chỉnh nhịp bước của mình cho trùng khớp với cô. Bước hụt của Mila khiến hấn lỗ đã và bị lộ.

Mila không bối rối và tiếp tục duy trì nhịp độ. Những bước chân của kẻ theo dõi lại hòa nhập làm một với nhịp bước của cô. Theo tính toán của mình, Mila cho rằng kẻ theo dõi ở cách cô tầm chục mét. Cô bắt đầu tính đến các giải pháp. Rút khẩu súng đang giắt sau lưng thì chỉ vô ích, vì nếu tên kia có vũ khí, hấn sẽ có

thừa thời gian để khai hỏa trước. *Nhân viên bảo vệ, cô nghĩ bụng. Chiếc ti vi được bật trong căn phòng trống. Hẳn đã khui anh ta. Giờ thì đến lượt mình.* Lúc này cô đang ở rất gần cánh cửa nhà nghỉ. Cần phải quyết định ngay. Cô buộc phải hành động. Không còn cách nào khác.

Mila lục tìm chìa khóa trong túi và nhanh chóng trèo lên bậc tam cấp dưới hàng hiên nhà. Xoay hai vòng chìa, cô mở cửa và linh ngay vào bên trong. Tim cô đập thình thịch. Một tay cô rút khẩu súng lục ra, tay kia bật công tắc điện. Ngọn đèn cạnh giường vụt sáng. Mila đứng im không nhúc nhích, vai tì vào cửa, hai tai căng lên nghe ngóng. *Hẳn đã không tấn công mình,* cô nhủ thầm. Rồi cô nghe thấy tiếng bước chân trên lớp ván gỗ ngoài hàng hiên.

Boris đã nói với cô chìa khóa của khu nhà nghỉ có thể mở được tất cả các phòng, vì người chủ đã chán thay khóa sau khi khách trọ cầm chìa bỏ đi mất. *Kẻ theo dõi mình có chìa khóa không? Rất có khả năng.* Cô tự nhủ nếu hấn cố tình lên vào trong phòng, cô sẽ gây bất ngờ cho hấn từ phía sau.

Mila quỳ xuống, di chuyển trên lớp thảm sàn vậy bản để ra cửa sổ. Cô dán mình vào tường, đưa tay lên mở cửa. Băng giá đã làm bản lề cứng lại. Cô khá vất vả nhưng cuối cùng cũng đã mở được một cánh cửa sổ, rồi bật dậy nhảy ra bên ngoài, giữa đêm tối.

Trước mặt cô là cánh rừng. Những ngọn cây xào xạc bên

nhau nhịp nhàng. Mặt sau của khu nhà nghỉ có một con đường tráng xi măng nối liền các căn nhà với nhau. Mila lần dọc theo nó, người cúi lom khom, cảnh giác dò tìm mọi động tĩnh chung quanh. Cô nhanh chóng băng ngang qua nhà nghỉ bên cạnh nhà mình, rồi đi qua một nhà nữa. Sau đó cô đi vào khe trống giữa hai nhà nghỉ.

Bây giờ, Mila cần phải thò đầu ra để quan sát hàng hiên. Nhưng việc này khá rủi ro. Dùng cả hai tay giữ súng cho chắc, cô nén đầu đếm từ một đến ba, hít ba hơi sâu, rồi nhảy phắt ra khỏi góc tường, chĩa súng ra trước mặt. Không có ai cả. Đây không thể là điều do cô tưởng tượng ra. Cô tin chắc có người theo dõi mình. Một kẻ có khả năng di chuyển theo nhịp bước của mục tiêu.

Một kẻ săn mồi.

Mila quét mắt tìm kiếm dấu vết của hắn trên mặt đất. Dường như hắn đã tan biến vào không khí, trong tiếng cây lá xào xạc quanh khu nhà.

- Xin lỗi cô...

Mila quay phắt lại và nhìn người đàn ông vừa lên tiếng, súng chúc xuống. Cô chờ người vì ba từ ngắn ngủi đó. Phải mất vài giây cô mới nhận ra người bảo vệ. Nhận ra mình đã làm cô hoảng sợ, anh ta lặp lại, lần này là để cho cô hoàn hồn:

- Xin lỗi cô.

- Có chuyện gì vậy? - Mila hỏi trong khi tim vẫn đang đập dồn dập.

- Có người muốn nói chuyện điện thoại với cô...

Nhân viên bảo vệ chỉ cho cô máy điện thoại trong phòng trực. Mila tiến đến, không buồn đợi anh ta.

- Mila Vasquez. - Cô nói vào ống nghe.

- Chào cô, Stern đây... Giáo sư Gavila muốn gặp cô.

- Tôi á? - Cô hỏi, vừa ngạc nhiên lại vừa hãnh diện.

- Phải. Chúng tôi đã báo cho viên cảnh sát vừa đưa cô về. Anh ta sẽ đến đón cô.

- Được thôi. - Mila thấy bối rối vì Stern không nói gì thêm nên cô hỏi tiếp. - Có tin gì mới à?

- Alexander Bermann đã giấu chúng ta một chuyện.

Boris cố điều chỉnh thiết bị định vị toàn cầu mà không rời mắt khỏi con đường. Mila nhìn thẳng phía trước, không nói gì. Gavila ngồi ghé sau. Ông thu mình trong chiếc áo măngtô sờn cũ, mắt nhắm lại. Họ đang trên đường đến nhà người chị của Veronica Bermann, nơi vợ của Alexander tạm lánh để trốn cánh phóng viên.

Goran đã kết luận rằng Alexander Bermann cố tình che giấu điều gì đó trong lời nhắn để lại trên điện thoại.

“Hừm... Anh đây... E hèm... Anh không có nhiều thời gian... Nhưng dẫu sao anh cũng muốn xin lỗi em... Anh xin lỗi em, vì tất cả... Lẽ ra anh phải làm điều này sớm hơn, nhưng anh đã không thể... Em cố gắng tha thứ cho anh. Tất cả đều là lỗi của anh...”

Nhờ vào bảng kê chi tiết các cuộc gọi, toán điều tra phát hiện ra Bermann để lại lời nhắn khi hắn ở đồn cảnh sát giao thông, gần như đúng vào lúc xác của Debby Gordon được phát hiện.

Goran bắt chợt nảy ra câu hỏi vì sao một người ở vào tình thế như của hắn - với một tử thi trong cốp xe và ý định tự kết liễu cuộc đời - lại gọi một cú điện thoại như thế cho vợ mình.

Những tên giết người hàng loạt không bao giờ xin lỗi. Những khi chúng làm thế chẳng qua là vì chúng muốn trưng ra một hình ảnh khác của bản thân, vì điều đó thuộc về bản chất đối trá của

chúng. Mục đích của chúng là làm rối nhiễu sự thật, phủ thêm tấm màn mờ ảo bao quanh chúng. Nhưng với Bermann, việc này có vẻ khác. Có một sự khẩn cấp trong giọng điệu của hắn. Hắn muốn hoàn tất một điều gì đó trước khi quá muộn.

Alexander Bermann muốn được tha thứ chuyện gì?

Goran tin rằng chuyện này có liên quan đến người vợ và cuộc hôn nhân của họ.

- Thưa giáo sư, xin ông vui lòng kể lại một lần nữa...

Goran mở mắt và thấy Mila đang xoay sang phía ông. Đôi mắt cô đang chăm chú nhìn ông chờ đợi.

- Có thể Veronica Bermann đã phát hiện ra điều gì đó. Điều này có thể là chủ đề gây tranh cãi giữa họ. Theo tôi, hắn đã muốn được tha thứ cho điều đó.

- Thế tại sao thông tin này lại quan trọng đến thế với ta?

- Tôi không biết liệu nó có thực sự quan trọng hay không... Nhưng một người đàn ông ở trong tình thế của Alexander sẽ không bỏ thì giờ đi giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

- Thế thì sao?

- Có thể cô vợ không hoàn toàn ý thức được điều cô ta đang biết.

- Và hẳn, với cú điện thoại này, hẳn muốn làm chủ tình hình, ngăn không cho vợ mình đi đến tận cùng, hoặc báo cho chúng ta về chuyện ấy...

- Phải, đó là điều tôi đang nghĩ... Cho đến lúc này Veronica Bermann tỏ ra rất hợp tác. Cô ta không có lợi lộc gì khi giấu giếm chúng ta điều gì đó, trừ phi cô ta cho rằng thông tin ấy chỉ liên quan đến hai vợ chồng họ, và không dính dáng gì với tội ác mà chúng ta đang gán cho chồng cô ta.

Đối với Mila, mọi việc giờ đã rõ ràng hơn. Trực giác của giáo sư Gavila sẽ dẫn tới việc đổi hướng điều tra. Trước tiên cần phải kiểm chứng nó đã. Chính vì lý do này mà ông giáo sư chưa cho thanh tra Roche biết.

Họ hy vọng sẽ thu được thông tin có ý nghĩa sau cuộc nói chuyện với Veronica Bermann. Với kỹ năng thẩm vấn nhân chứng lành nghề, lẽ ra Boris sẽ là người dẫn dắt cuộc đối thoại không mang tính chính thức này. Nhưng Goran đã quyết định chỉ có ông và Mila gặp trực tiếp bà Bermann. Boris chấp hành như thể đó là một mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải của một người dân thường. Nhưng sự thù nghịch của anh đối với Mila chỉ càng tăng thêm. Anh chàng không thể hiểu được tại sao cô cần phải có mặt.

Mila cảm nhận được sự căng thẳng ấy, nhưng ngay cả cô cũng không hiểu lý do gì đã khiến giáo sư Gavila lựa chọn như vậy. Nhiệm vụ duy nhất còn lại của Boris là hướng dẫn cho Mila cách dẫn dắt cuộc nói chuyện, và anh đã làm hết mình cho đến lúc này, trước khi phải vật lộn với cái máy định vị toàn cầu để buộc nó chạy trở lại.

Mila nhớ lại câu bình phẩm của Boris khi Stern và Rosa miêu tả Alexander Bermann: “Tôi thấy như bị lóa mắt. Tất cả đều ‘sạch sẽ’ quá mức”.

Sự hoàn hảo đó khó có thể tin được. Nó dường như được sắp đặt từ trước. *Ai cũng có bí mật*, Mila tự nhủ. *Minh cũng vậy*.

Người ta luôn có điều gì đó cần giấu giếm. Bố cô từng nói hồi cô còn bé xíu: “Chúng ta ai cũng từng thò tay ngoáy mũi. Thường thì chúng ta chỉ làm điều đó khi không ai trông thấy. Nhưng đúng là chúng ta có làm chuyện đó”.

Vậy thì bí mật của Alexander Bermann là gì?

Vợ hắn biết những gì?

Khi họ đến nơi thì trời đã tảng sáng. Ngôi làng với một mái vòm nhà thờ nhỏ nhô cao nằm ở chỗ uốn khúc của bờ sông. Các ngôi nhà nằm ngấp nghé bờ nước.

Chị gái của Veronica Bermann ở trong một căn hộ nằm phía trên một hiệu bánh. Sarah Rosa đã gọi điện báo cho cô ta về chuyện viếng thăm. Như dự kiến, cô ta không phản đối và cũng không hề tỏ ra dè dặt. Ý đồ của việc báo trước là nhằm trấn an cô ta rằng đây không phải là một buổi thăm vấn. Nhưng Veronica Bermann không bận tâm đến sự cẩn trọng của đặc vụ Rosa. Cô ta thậm chí sẵn sàng chấp nhận bị tra khảo.

Khi Veronica Bermann ra đón Mila và Goran thì đã gần bảy giờ sáng. Cô ta trông hoàn toàn thoải mái trong chiếc áo ngủ và đôi dép bông. Vợ Bermann đưa hai người vào phòng khách. Trần phòng có những thanh xà lộ liễu, đồ đạc trong phòng toàn bằng gỗ dát. Veronica mời họ dùng cà phê nóng. Mila và Goran ngồi xuống chiếc trường kỷ, còn cô ta thì ngồi xuống mép cái ghế bành, với đôi mắt tối bùng của người không thể ngủ nghê hay khóc lóc gì nữa. Nhìn thấy đôi tay chấp lại đặt trên đầu gối, Goran hiểu cô ta đang căng thẳng.

Căn phòng được chiếu sáng bởi ánh vàng ấm áp của một ngọn đèn có chụp bằng lụa đã cũ. Mùi hương của những bụi cây leo ngoài cửa sổ góp thêm một chút hiếu khách cho nó.

Chị của Veronica Bermann dọn cà phê rồi bê cái khay đồ ra khỏi phòng. Goran để cho Mila nói trước. Các câu hỏi mà họ sắp đặt ra đòi hỏi nhiều sự khéo léo. Mila thư thả dùng cà phê. Cô không có gì phải vội. Cô muốn người phụ nữ trước mặt hạ hãn hàng

rào cảnh giác xuống trước khi mở lời. Boris đã cảnh báo rằng trong một vài trường hợp chỉ cần một câu nói vụng về là đối tượng sẽ khép kín lại và không chịu hợp tác nữa.

- Thưa bà Bermann, tất cả những chuyện này quá đau đớn, và chúng tôi rất lấy làm tiếc vì đã đường đột đến đây vào lúc sáng sớm như thế này.

- Cô đừng lo, tôi luôn thức dậy sớm.

- Chúng tôi cần tìm hiểu kỹ hơn về chồng bà, nhất là để hiểu được ông ấy thực sự có liên quan tới vụ án đến mức độ nào. Vụ việc này còn rất nhiều uẩn khúc, bà tin tôi đi. Xin bà hãy kể cho chúng tôi nghe về chồng bà...

Các biểu hiện trên gương mặt của Veronica Bermann không mấy may suy suyển, nhưng ánh mắt cô ta đã sinh động hơn. Cô bắt đầu kể:

- Alexander và tôi quen nhau từ hồi học trung học. Anh ấy hơn tôi hai tuổi, và chơi trong đội khúc côn cầu. Anh ấy không phải là một vận động viên xuất sắc, nhưng ai cũng hâm mộ. Anh ấy chơi với một cô bạn của tôi, từ đó mới biết tôi. Chúng tôi bắt đầu đi chơi cùng nhau, nhưng luôn đi cùng nhóm, như những người bạn đơn thuần: lúc ấy giữa chúng tôi vẫn chưa có gì cả, và thậm chí chúng tôi cũng chẳng nghĩ có điều gì có thể gắn kết cả hai với nhau.

Thật ra, tôi không tin anh ấy có bao giờ định “tiến tới” với tôi... tức là đặt vấn đề cưới xin ấy. Mà tôi cũng không...

- Chuyện ấy sau này mới xảy ra...

- Phải, cũng lạ, cô nhỉ? Sau khi tốt nghiệp, tôi mất liên lạc với anh ấy trong nhiều năm. Qua bạn bè, tôi biết anh ấy đã lên đại học. Một ngày nọ, anh ấy tái xuất hiện trong đời tôi: anh ấy gọi điện thoại cho tôi, bảo rằng tình cờ tìm thấy số điện thoại của tôi trong cuốn kỷ yếu. Thật ra, sau đó cũng qua bạn bè, tôi biết được sau khi học xong, anh ấy đã quay về hỏi han tin tức của tôi...

Trong khi lắng nghe, Goran có cảm giác Veronica không hoàn toàn đơn giản là trải lòng với những kỷ niệm xưa, mà với một cách nào đó, câu chuyện của cô ta có một mục tiêu chính xác. Như thể cô ta cố ý dẫn họ đến một nơi nào đó xa xưa trong quá khứ, nơi mà họ có thể tìm thấy điều cần tìm.

- Từ đó, hai người nối lại quan hệ... - Mila nói.

Goran hài lòng nhận ra cô cảnh sát đã làm theo những chỉ dẫn của Boris. Cô không đặt ra các câu hỏi cho Veronica Bermann, mà mớm lời để cô ta nói tiếp, để cho giống một cuộc đối thoại hơn là một buổi thẩm vấn.

- Từ đó chúng tôi nối lại quan hệ. - Vợ của Bermann lặp

lại lời Mila. - Alexander theo đuổi tôi dữ lắm, để thuyết phục tôi cưới anh ấy. Rồi rốt cuộc tôi cũng đồng ý.

Goran chú ý đến câu nói cuối cùng của cô ta. Nghe nó hơi gượng, tựa như một câu nói dối nhằm giữ thể diện được hấp tấp chen vào trong lời kể với hy vọng không bị phát hiện. Ông nhớ lại những gì đã chú ý ở lần đầu tiên gặp người đàn bà này: Veronica không đẹp, có lẽ hồi trẻ cũng thế. Một phụ nữ tầm thường, không có sức quyến rũ nào. Alexander Bermann, ngược lại, khá đẹp trai với đôi mắt xanh nhạt và nụ cười tự tin của một người đàn ông ý thức được sức hấp dẫn của mình. Giáo sư Gavila thấy khó mà tin được Bermann phải nài nỉ cô vợ đồng ý lấy mình.

Đúng lúc đó, Mila quyết định nắm thể chủ động trở lại trong cuộc nói chuyện:

- Nhưng rồi rốt cuộc, chuyện giữa hai ông bà không thật sự êm đẹp...

Veronica ngừng một lúc. Khá lâu, theo đánh giá của giáo sư Goran.

Có lẽ Mila đã quăng mồi quá sớm.

- Chúng tôi có một số vấn đề. - Cuối cùng cô ta thú nhận.

- Hai người đã cố gắng có con trước đây ...

- Tôi đã trải qua một đợt điều trị bằng hormone. Sau đó chúng tôi cũng đã thử bơm tinh trùng.

- Chắc hai ông bà muốn có một đứa con lắm...

- Alexander là người muốn nhất. - Veronica Bermann nói với một giọng phòng thủ, dấu hiệu cho thấy đó chính là chủ đề gây bất hòa giữa hai người.

Họ đã đến gần mục tiêu. Goran khá hài lòng. Ông đã chọn Mila để khiến Veronica Bermann trải lòng, vì ông tin rằng phụ nữ là lý tưởng nhất để tạo dựng sự cảm thông cũng như khuất phục các kháng cự nếu có. Đúng ra ông có thể dùng Sarah Rosa, như thế có lẽ sẽ đỡ động chạm đến lòng tự ái của Boris. Nhưng ông cảm thấy Mila thích hợp nhất, và ông đã không lầm.

Để có thể nhìn vào mắt Goran mà không bị chú ý, Mila đặt tách cà phê xuống chiếc bàn đặt giữa trường kỷ và cái ghế bành mà Veronica Bermann đang ngồi, đồng thời nghiêng đầu. Nhà tội phạm học khẽ gật đầu: đã đến lúc thôi rào đón và đi thẳng vào chủ đề.

- Bà Bermann này, tại sao trong tin nhắn của máy trả lời tự động, chồng bà lại xin bà tha thứ cho ông ấy? - Mila hỏi.

Veronica quay mặt giấu một giọt lệ đang chực trào ra do xúc động.

- Bà Bermann, bà có thể tin ở chúng tôi. Xin nói thật với bà là không có ai, dù là cảnh sát, công tố viên hay quan tòa nào có thể ép được bà phải trả lời câu hỏi này, bởi vì nó không có liên quan trực tiếp đến vụ án. Nhưng nó rất quan trọng đối với chúng tôi, vì chồng bà có thể là hoàn toàn vô tội...

Nghe đến chữ ấy, Veronica quay lại nhìn Mila.

- Vô tội ư? Alexander không giết ai cả... nhưng không có nghĩa là chồng tôi không có tội!

Con thịnh nộ đột ngột làm Veronica lạc cả giọng. Goran đã có lời khẳng định mà ông đang chờ đợi. Mila cũng đã hiểu ra: Veronica Bermann đã chờ đợi họ. Cô ta đã mong chờ cuộc thăm viếng này cũng như những câu hỏi gài trong các câu nói vô thưởng vô phạt của Mila. Họ cứ tưởng đang dẫn dắt cuộc đối thoại, nhưng thật ra người đàn bà kia đã chuẩn bị sẵn kịch bản để đưa họ đến chỗ hiện tại. Cô ta cần phải tiết lộ sự việc với một ai đó.

- Tôi nghi Alexander có nhân tình. Đàn bà luôn cảm nhận được những chuyện như vậy và là người quyết định xem có tha thứ được cho người đàn ông của mình hay không. Nhưng sớm muộn rồi họ cũng muốn biết rõ. Chính vì thế, một hôm tôi đã lục lọi đồ đạc

của Alexander. Tôi không biết chính xác mình phải tìm gì, và cũng không biết sẽ phản ứng ra sao nếu phát hiện ra bằng chứng.

- Bà đã phát hiện được gì vậy?

- Một sự khẳng định: Alexander che giấu một sổ nhật ký điện tử giống hệt cái mà anh ta dùng trong công việc. Tại sao lại mua hai lần cùng một thứ, nếu không phải là để dùng cái nọ lấp liếm cái kia? Nhờ thế tôi phát hiện ra mụ nhân tình của anh ta. Alexander ghi lại tất cả mọi cuộc hẹn! Tôi trưng bằng chứng ra trước mặt anh ta, nhưng Alexander chối bay chối biến và thủ tiêu luôn cuốn nhật ký thứ hai. Tuy vậy, tôi không hề bỏ cuộc. Tôi đã bám theo anh ta đến tận nhà ả kia, trong cái ô tô vô ắc-qui. Vậy nhưng tôi lại không dám tiến xa hơn. Tôi dừng lại ở ngoài cửa. Thật ra, tôi không muốn nhìn thấy mặt con đàn bà ấy.

Đây là bí mật không thể thú nhận của Alexander sao? Goran tự hỏi. Một ả nhân tình? Họ cất công đến tận đây chỉ để khám phá được có thế?

Cũng may ông đã không báo cho Roche về nước đi của mình, nếu không ông sẽ phải gồng mình nhận lấy những lời nhạo báng của viên chánh thanh tra, người sẽ coi như vụ án đã được khép lại. Trong lúc đó, Veronica giận sôi lên và không hề có ý định để cho hai vị khách ra về trước khi trút cạn nỗi oán hận đối với người chồng quá cố. Rõ ràng việc cô ta cương quyết bênh vực chồng khi

xác chết trong xe bị phát hiện chỉ là lớp vỏ bọc. Nó chỉ là một phương tiện để tránh sức nặng của cáo buộc, để tránh bị dây vào vết bùn. Giờ thì cô ta đã tìm được sức mạnh để giải phóng mình khỏi tình nghĩa vợ chồng, và cũng như những người khác, cô ta đang ra sức đào một cái hố thật to để cho Alexander Bermann không bao giờ thoát ra được.

Goran ra hiệu bằng mắt cho Mila kết thúc cuộc trao đổi càng sớm càng tốt. Khi đó, ông thấy vẻ biến sắc trên gương mặt của cô, pha trộn giữa vẻ ngạc nhiên và bối rối.

Trong cả sự nghiệp của mình, Goran đã học được cách phát hiện ra biểu hiện của nỗi sợ hãi trên gương mặt người khác. Một điều gì đó đã làm Mila chấn động sâu sắc.

Đó là một cái tên.

Ông nghe thấy cô hỏi Veronica Bermann:

- Bà vừa nói tên nhân tình của chồng bà là gì cơ?

- Tôi xin nhắc lại. Tên của con đàn bà lẳng lơan đó là

Priscilla.

Đó không thể chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Mila trình bày cho những người có mặt nghe các tình tiết nổi bật của vụ án gần nhất mà cô đảm trách, vụ thầy dạy nhạc. Khi nghe cô thuật lại lời của trung sĩ Morexu về việc phát hiện ra cái tên Priscilla trong cuốn sổ của “con quỷ”, Sarah ngược mắt nhìn trời, còn Stern cũng lắc đầu hùa theo.

Họ không tin cô. Cũng dễ hiểu thôi. Nhưng Mila không chịu chấp nhận ý nghĩ cho rằng không có mối liên quan nào cả. Chỉ mình Goran là để mặc cô. Không biết ông muốn đi đến đâu với điều đó. Mila muốn bằng mọi giá tìm hiểu sâu hơn về sự tình cờ này.

Nhưng từ cuộc trao đổi với Veronica Bermann, cô chỉ thu được một kết quả duy nhất: cô ta nói đã theo dõi ông chồng đến tận nhà của nhân tình, nơi hiện tại nhóm điều tra đang tìm đến. Có thể chỗ đó đang che giấu các bí mật kinh hoàng khác. Biết đâu là thi thể của các bé gái còn lại.

Và còn lời giải đáp cho câu hỏi về nạn nhân số sáu.

Mila những muốn nói với mọi người rằng cô muốn đặt tên Priscilla cho cô bé, nhưng cô nín thinh. Giờ đây cái tên đó giống như một lời chế nhạo. Như thể cái tên ấy đã được lựa chọn bởi chính Bermann, tên đao phủ của cô bé.

Tòa chung cư nhỏ có cấu trúc điển hình của một khu ngoại ô. Một khu nhà tồi tàn kinh điển, được xây dựng vào thập niên sáu mươi, hệ quả của một khu công nghiệp mới mở hồi ấy. Nó bao gồm nhiều tòa nhà màu xám, bị thời gian phủ lên lớp bụi đỏ bay ra từ một nhà máy thép trong khu vực. Các ngôi nhà có giá trị thương mại thấp và cần được trùng tu khẩn cấp. Sống trong đó là một lớp người tạm cư, gồm chủ yếu là dân nhập cư, thất nghiệp và các gia đình sống nhờ vào trợ cấp của chính phủ.

Goran nhận thấy không ai dám nhìn Mila. Họ giữ khoảng cách vì nữ cảnh sát dường như đã vượt qua giới hạn khi nêu ra một ý kiến không ai chờ đợi.

- Làm thế nào bọn họ chọn sống trong một nơi như thế này? - Boris lẩm nhẩm tự hỏi trong khi kính tòm nhìn xung quanh.

Căn hộ họ tìm kiếm nằm ở cuối khối nhà. Nó là một tầng lửng chỉ có thể tiếp cận bởi cầu thang lộ thiên. Cửa vào bằng sắt. Ba ô cửa sổ duy nhất nhìn ra đường được lắp chấn song và bịt ván gỗ từ bên trong.

Stern cố gắng nhìn qua cửa trong một tư thế lom khom kì cục, tay khum lại che mắt, hông đưa ra phía sau để giữ cho quần khỏi bị vấy bẩn.

- Ta chẳng thể tìm ra được gì từ chỗ này.

Boris, Stern và Rosa gật đầu với nhau rồi đứng vào vị trí bên cạnh cửa. Stern ra hiệu cho Goran và Mila lùi lại phía sau. Boris tiến đến gần cánh cửa. Nhà không có chuông, nên anh dùng bàn tay đập cửa rất mạnh. Tiếng động có tác dụng trấn át, nhưng ngược lại anh cất tiếng nói bằng một giọng điềm tĩnh:

- Thưa bà, cảnh sát đây. Vui lòng mở cửa...

Đó là kỹ thuật gây sức ép tâm lý để làm đối tượng mất phương hướng: nói chuyện bằng giọng cố tình kiên nhẫn, trong khi vẫn gây sức ép. Nhưng có vẻ lần này nó không thành công, vì căn hộ dường như không có người.

- Ta vào thôi. - Rosa đề nghị. Cô ta là người sốt ruột nhất trong nhóm.

- Cần phải đợi Roche gọi điện báo là đã xin được lệnh khám nhà. - Boris nói, mắt nhìn đồng hồ. - Chắc cũng không còn lâu nữa đâu..

- Mặc xác ông ta với cái lệnh khỉ gió kia! - Rosa phản đối.
- Trong nhà chẳng biết đang có cái quái gì nữa!

Goran can thiệp:

- Rosa có lý, chúng ta vào thôi.

Theo như cách mà bọn họ tiếp nhận quyết định của ông, Mila có thể khẳng định, trong đội điều tra, tiếng nói của Goran có trọng lượng hơn của Roche.

Mọi người vào vị trí quanh cánh cửa. Boris rút ra một cái tuốc-nơ-vít và bắt đầu phá ổ khóa. Nó nhanh chóng bị tháo tung. Súng nắm chắc trong tay, anh đẩy cánh cửa bằng sắt ra.

Thoạt nhìn, căn hộ dường như không có người ở.

Nhà có một hành lang hẹp, trống trải. Ánh sáng ban ngày không đủ rọi sáng nó. Rosa bật đèn pin. Ba cánh cửa hiện lên. Hai

cái nằm bên trái. Cái cuối cùng nằm ở cuối hành lang. Nó đã bị đóng.

Cả đội chậm chậm tiến vào trong căn hộ. Boris đi đầu, tiếp đến là Rosa, rồi Stern và Goran. Mila khóa đuôi. Ngoại trừ nhà tội phạm học, những người còn lại đều có súng trong tay. Mila chỉ là một thành viên “dự thính” của đội, và trên lý thuyết cô không được dùng súng, nhưng cô vẫn để nó trong túi quần, tay siết chặt báng, sẵn sàng rút nó ra. Chính vì lý do này mà cô là người vào sau cùng.

Boris thử bật công tắc trên tường.

- Không có điện.

Anh giơ đèn pin lên để quan sát bên trong căn phòng thứ nhất. Nó trống rỗng. Trên tường là một vết ố lan từ dưới sàn ra trên lớp thạch cao, nom như một con cua. Các đường ống của lò sưởi và nước bẩn dính với nhau trên trần nhà. Một lỗ nước thải xuất hiện trên sàn nhà.

- Tởm quá! - Stern thốt lên.

Không ai có thể sống trong điều kiện như thế này.

- Tôi thấy rõ ràng là căn hộ không có người ở. - Rosa nói.

- Vậy cái chỗ này là gì? - Boris hỏi.

Họ chuyển sang căn phòng thứ hai. Cánh cửa đã bị kẹt, hơi long ra khỏi tường, bản lề han gỉ: cái xó này tạo thành một nơi lẩn trốn dễ dàng cho một tên giết người, nếu có. Boris đá tung cánh cửa, nhưng phía sau nó không có ai. Căn phòng hoàn toàn giống hệt với cái đầu tiên. Gạch lát nền bị bong lên đôi chỗ, để lộ lớp xi măng bên dưới. Không hề có đồ đạc gì, ngoại trừ khung thép của một chiếc xe lông. Họ tiếp tục công cuộc khám nhà.

Chỉ còn một căn phòng nằm ở cuối hành lang, nơi có cánh cửa đóng kín.

Boris đưa ngón cái và ngón trỏ trái lên, chỉ vào mắt mình. Stern và Rosa hiểu ý, lập tức đứng vào hai bên cửa. Chàng cảnh sát trẻ lùi lại một bước, rồi đá một cú đùng vào chỗ nắm cửa. Cánh cửa bật mở và ba người lập tức chĩa súng, rọi đèn pin vào trong phòng. Bên trong phòng cũng không có ai.

Goran lách qua các cảnh sát, lướt bàn tay đi găng cao su trên tường. Ông tìm thấy công tắc. Sau hai hồi chớp tắt, một ngọn đèn tuýp bật sáng trên trần, rọi xuống căn phòng thứ ánh sáng huỳnh quang của nó. Căn phòng rất khác biệt so với hai cái trước. Trước tiên, nó sạch sẽ. Các bức tường không có vết ố nào vì được dán giấy chống thấm. Lớp gạch lát sàn còn nguyên vẹn và sạch sẽ. Căn phòng không có cửa sổ, nhưng sau vài giây, một cái máy điều

hòa bắt đầu chạy. Các thiết bị điện không được gắn ngầm trong tường, chúng tỏ chúng đã được lắp vào sau này. Các ống nhựa dẫn dây cáp điện tỏa ra từ công tắc mà Goran vừa bật, và từ một bảng điện ở phía bên phải của căn phòng. Ở đó, có một cái bàn và một chiếc ghế văn phòng kê sát tường. Trên bàn là một máy tính đang tắt.

Đó là những món đồ hiện diện trong căn phòng, ngoài ra một chiếc ghế bành bọc da cũ kê dựa vào bức tường bên trái, phía đối diện.

- Có vẻ như đây là căn phòng duy nhất mà Alexander Bermann quan tâm. - Stern nói với giáo sư Goran.

Rosa tiến lại gần máy vi tính.

- Tôi bảo đảm là các câu trả lời chúng ta đang tìm kiếm nằm ở trong này.

Nhưng Goran đã giữ tay Rosa lại.

- Không. Nên tiến hành theo trình tự. Chúng ta sẽ ra khỏi đây để không làm ảnh hưởng đến độ ẩm của không khí. - Sau đó ông nói với Stern. - Anh gọi cho Krepp, để anh ta cùng nhóm của mình đến thu thập dấu vân tay. Còn tôi sẽ báo cho Roche.

Căn cứ vào ánh sáng lấp lánh trong đôi mắt của nhà tội phạm học, Mila hiểu ông đang tin chắc mình đã đến gần sát một điều rất quan trọng.

Krepp lướt các ngón tay trên đầu tựa như để chải lại tóc, mặc dù chẳng còn mấy sợi ngoài một vành tóc sau gáy cột thành chiếc đuôi ngựa dài xuống lưng. Một con rắn hai màu xanh đỏ duỗi mình trên cẳng tay, há miệng ngay vị trí bàn tay ông. Ngoài hình xăm đó, ông còn một hình tương tự trên cánh tay kia cũng như trên ngực, lộ ra qua lớp áo somi. Đằng sau những cái khuyên xỏ trên mặt, người ta có thể nhận ra Krepp, chuyên viên của đội khoa học hình sự.

Mila ngẩn người trước ngoại hình của ông già sáu mươi khác người. Cô tự nhủ chắc đây là hình ảnh về già của những người hâm mộ nhạc rock. Tưởng vậy, nhưng cho đến vài năm trước đây, Krepp vẫn là một người đàn ông trung niên hoàn toàn bình thường, khá nghiêm khắc và có ngoại hình tương đối nhàm chán. Sau khi đã biết ông không mất trí, chẳng ai còn phàn nàn gì về ngoại hình hiện tại của ông, vì Krepp là người giỏi nhất trong lĩnh vực của mình.

Sau khi cảm ơn giáo sư Goran vì đã gìn giữ độ âm nguyên bản của hiện trường, Krepp lập tức bắt tay vào công việc. Ông ở

trong căn hộ một tiếng đồng hồ cùng với nhóm làm việc của mình, tất cả đều mặc áo blu và đeo khẩu trang để tự bảo vệ mình trước các loại hóa chất dùng để phát hiện dấu vân tay. Sau đó Krepp xuống khỏi căn gác lửng, tiến lại gần nhà tội phạm học và Roche, lúc này đã đi đến nơi.

- Anh khỏe không Krepp? - Ngài chánh thanh tra chào ông.

- Vụ nghĩa địa cánh tay khiến tôi phát điên. - Krepp bình phẩm. - Chúng tôi đang khám nghiệm các cánh tay này để tìm kiếm một dấu vân tay hữu ích thì các anh gọi.

Goran biết việc lấy dấu vân tay trên lớp da người là điều cực kỳ khó, do sự nhiễm bẩn có thể xảy ra, do mồ hôi của chủ thể, hoặc là do hiện tượng phân hủy nếu là da của tử thi, giống như trường hợp của các cánh tay.

- Tôi đã thử xông iốt, giấy Kromekote, thậm chí dùng cả điện ký.

- Nó là gì vậy?

- Đó là phương pháp hiện đại nhất để lấy dấu vân tay in trên da: chụp X-quang điện tử... Cái gã Albert đáng nguyền rủa này quá khôn khéo trong việc xóa dấu vết. - Krepp nói.

Mila nhận thấy Krepp là người duy nhất còn dùng cái tên đó để gọi kẻ sát nhân, vì đối với những người còn lại, kể từ nay kẻ sát nhân đã mang nhân dạng của Alexander Bermann.

- Vậy, ở đây chúng ta có gì nào? - Roche hỏi, tỏ vẻ mệt mỏi khi phải nghe những điều mà ông cho là vô ích.

Người kỹ thuật viên tháo găng tay và thuật lại những việc ông vừa làm, mắt vẫn nhìn xuống đất.

- Chúng tôi đã sử dụng ninhydrin, nhưng do kết quả không rõ nét dưới đèn laser, nên tôi đã thay bằng dung dịch muối kẽm chlorua. Chúng tôi đã tìm thấy nhiều loạt vân tay trên giấy dán tường cạnh công tắc, và trên lớp phủ nhiều lỗ xộp của chiếc bàn. Còn với máy vi tính, mọi việc có khó khăn hơn. Các dấu vân tay chồng chéo lên nhau chúng tôi sẽ phải dùng đến cyanoacrylate, nhưng cần phải đem bàn phím vào buồng áp suất và...

- Để sau hãy hay. Chúng ta không có thời gian để kiểm một cái bàn phím khác thay thế, trong khi cần phải kiểm tra máy tính ngay. - Thanh tra Roche vội vã cắt ngang. - Nói tóm lại, các dấu vân tay thu được là của cùng một người à?

- Phải, tất cả đều là của Alexander Bermann.

Những chữ ấy khiến mọi người chấn động, ngoại trừ

những ai đã biết trước câu trả lời, và những người đã biết ngay từ lúc đặt chân vào căn hộ tầng lửng này.

- Có vẻ như Priscilla không hề tồn tại. - Giáo sư Gavila nói.

Ông buông ra lời khẳng định mà không buồn nhìn sang Mila. Cô thấy tự ái ghê gớm.

Krepp tiếp tục nói:

- Còn một điều nữa... Cái ghế bành bọc da.

- Sao cơ? - Mila cất tiếng hỏi.

Krepp nhìn cô cảnh sát như khi người ta quan sát một ai đó lần đầu tiên, sau đó mắt ông chiếu vào đôi tay băng bó của cô và tỏ ra kinh ngạc. Mila không thể không cảm thấy ngược đời khi Krepp, với tác phong ăn mặc của ông, lại đi nhìn cô như vậy. Nhưng cô không để lộ điều đó.

- Trên ghế không có dấu vân tay.

- Như thế là không bình thường à? - Mila hỏi.

- Tôi không rõ. - Krepp nói gọn lỏn. - Tôi chỉ nói là dấu

tay có ở khắp nơi, ngoại trừ trên đó.

- Nhưng chuyện đó thì nhằm nhò gì? Chúng ta có dấu vân tay của Bermann ở trên tất cả những thứ khác. - Roche chen ngang. - Như vậy là đủ để cho chúng ta buộc tội hắn... Mà, nếu anh cần biết thì, cái tay này làm tôi càng ngày càng ngứa đấy.

Mila lại nghĩ lẽ ra Roche phải rất đổi hài lòng mới phải, vì hắn là giải pháp cho mọi vấn đề rắc rối của ông ta kia mà.

- Vậy tôi làm gì với cái ghế đây? Tiếp tục phân tích à?

- Kệ cha cái ghế đi. Anh để cho người của tôi xem qua cái máy tính đã.

Nghe thấy viên thanh tra nói chuyện bằng giọng ấy, các thành viên trong đội điều tra phải cố không nhìn nhau để khỏi bật cười. Đôi khi Roche nói chuyện bằng giọng điệu còn ngang tàng hơn cả bộ dạng của Krepp.

Roche tiến về phía chiếc xe đang đợi ông ở cuối khối nhà, trước đó không quên buông lời động viên mọi người:

- Các bạn, tôi trông cậy ở các bạn đấy nhé.

Khi ông ta đã đi đủ xa, Goran nói với cả nhóm:

- Được rồi, ta cùng xem trong cái máy tính kia có gì.

Họ quay trở vào trong phòng. Lúc này các bức tường đã được phủ vải nhựa, nom như một bào thai khổng lồ. Sào huyết của Alexander Bermann cuối cùng cũng phải mở cửa với họ. Chí ít thì đó là điều cả nhóm đang hy vọng. Mọi người đeo găng tay cao su vào. Sarah Rosa ngồi vào vị trí. Đã đến lượt cô ra tay.

Trước khi bật nguồn, cô nhét một thứ vào cổng USB. Stern bật máy ghi âm đặt cạnh bàn phím. Rosa bắt đầu diễn giải:

- Tôi vừa kết nối một bộ nhớ ngoài vào máy tính của Bermann: nếu như máy bị treo, lập tức mọi dữ liệu trong ổ cứng sẽ được chuyển sang bộ nhớ ngoài.

Những người còn lại im lặng đứng chung quanh Rosa.

Cô mở máy.

Đèn tín hiệu nhấp nháy, nối tiếp bằng tiếng ro ro đặc trưng khi ổ đĩa cứng khởi động. Mọi thứ có vẻ bình thường. Chiếc máy vi tính uể oải thức dậy. Nó thuộc một đời máy cũ, giờ đã không còn được bán trên thị trường nữa. Trên màn hình lần lượt

xuất hiện các dữ liệu hệ thống trước khi nhường chỗ cho một màn hình làm việc. Chẳng có gì quan trọng: một hình nền bầu trời xanh, với các biểu tượng chương trình hoàn toàn bình thường.

- Trông chẳng khác gì cái máy ở nhà mình. - Boris thử tếu táo một câu, nhưng không ai cười cả.

- Tốt... giờ thì ta xem trong thư mục hồ sơ của ngài Bermann có gì nào...

Rosa nhấp chuột vào biểu tượng hồ sơ. Trống rỗng. Cũng giống như thư mục hình ảnh và danh sách các tập tin được mở gần đây.

- Không có một tập tin văn bản nào... Chuyện này rất lạ. - Goran nhận xét.

- Có lẽ hẳn xóa tất cả sau mỗi lần sử dụng. - Stern phỏng đoán.

- Nếu là thế, tôi có thể thử khôi phục lại chúng. - Rosa khẳng định, chắc như đinh đóng cột.

Cô nhét một chiếc đĩa vào trong đầu đọc và nhanh chóng cho chạy một chương trình có thể khôi phục bất cứ tập tin bị xóa nào.

Bộ nhớ của máy tính không bao giờ bị xóa hoàn toàn, và ta không thể xóa được một số thông tin nhất định, tựa như chúng đã được khắc sâu không thể xóa nhòa. Mila còn nhớ đã từng nghe nói là hợp chất silicone hiện diện trong mỗi chiếc máy tính hoạt động hơi giống não người. Ngay cả khi người ta ngỡ đã quên một điều gì đó, trên thực tế ở đâu đó trong bộ não vẫn có một nhóm tế bào lưu giữ lại thông tin ấy, và một ngày kia sẽ cung cấp nó cho chúng ta dưới dạng một hình ảnh hoặc một linh tính. Điều cốt yếu không phải là ghi nhớ xem khi nào chúng ta bị bỏng lửa lần đầu tiên, mà quan trọng là, sau khi lược bỏ mọi tình huống sinh học gây ra nó, ý thức đó được ghi sâu vào bộ nhớ của chúng ta và nhắc ta mỗi khi đến gần thứ gì quá nóng. Đó là điều Mila nghĩ đến khi một lần nữa nhìn xuống đôi tay băng bó... Rõ ràng là ở đâu đó trong đầu cô đã lưu giữ một thông tin sai lạc.

- Trong này chẳng có gì.

Lời nhận xét đầy tiếc nuối của Rosa đưa Mila trở lại với thực tại. Chiếc máy tính hoàn toàn trống rỗng.

Nhưng Goran không bỏ cuộc.

- Còn trình duyệt mạng nữa.

- Nhưng máy tính này không có kết nối Internet. - Boris lưu ý.

Tuy nhiên lần này Rosa đã hiểu ý đồ của nhà tội phạm học. Cô rút điện thoại di động ra và bấm các nút điều chỉnh trên màn hình.

- Có sóng... Có lẽ hấn vào mạng nhờ điện thoại.

Rosa mở trình duyệt trên máy tính và kiểm tra danh sách các địa chỉ trang mạng lưu trong quá khứ. Chỉ có một địa chỉ duy nhất.

- Hóa ra đây là thứ Bermann làm ở trong cái xó này!

Đó là một dãy số. Địa chỉ là một mã số.

<http://4589278497.89474525.com>

- Nó có thể là địa chỉ của một máy chủ tư nhân. - Rosa phỏng đoán.

- Nghĩa là sao? - Boris hỏi.

- Tức là cậu không thể truy cập nó từ một trang tìm kiếm, và để vào được cậu phải có mật mã. Có lẽ nó được cài trực tiếp trong chiếc máy tính này rồi cũng nên. Nhưng nếu không phải vậy, chúng ta có nguy cơ bị từ chối truy cập vĩnh viễn.

- Vậy thì ta phải thận trọng và làm chính xác những gì Bermann đã làm... - Goran nói, trước khi quay sang phía Stern. - Ta có điện thoại di động của hắn không?

- Có, tôi để nó trong xe hơi, cùng với máy vi tính nhà hắn.

- Vậy anh ra lấy nó đi...

Khi Stern quay lại, mọi người đón anh trong im lặng. Rõ ràng mọi người đang rất sốt ruột đợi anh quay vào. Anh đưa di động của Bermann cho Rosa. Cô kết nối nó với máy tính, sau đó bắt đầu kết nối vào mạng. Máy chủ phải cần một lúc để tiếp nhận máy tính. Nó thiết lập các thông số, sau đó nhanh chóng tải dữ liệu.

- Có vẻ như nó để cho chúng ta truy cập không gặp trở ngại...

Mọi người dán mắt vào màn hình, chờ đợi một hình ảnh có thể hiện lên vào bất cứ lúc nào. *Đó có thể là bất cứ cái gì*, Mila thầm nghĩ. Một sự căng thẳng tột độ bao trùm lên mọi thành viên trong nhóm tựa như một dòng năng lượng chạy xuyên từ cơ thể người này sang người khác. Họ có thể cảm nhận được nó trong không khí.

Trên màn hình xuất hiện các điểm ảnh nằm lung tung như những miếng ghép bé xíu của một bức tranh ghép hình. Nhưng mọi

người không ngờ đến điều họ nhìn thấy. Luồng năng lượng cao tràn ngập trong không gian này giờ đột ngột tụt xuống, sự nhiệt tình của mọi người tan biến.

Màn hình hóa đen.

- Chắc hẳn là có một hệ thống bảo vệ. - Rosa tuyên bố. - Nó coi lần thử vừa rồi của chúng ta như một sự xâm nhập.

- Nó giấu tín hiệu đi à? - Boris lo lắng hỏi.

- Tất nhiên rồi! - Rosa nổi cáu. - Cậu nghĩ tôi ngu chắc? Có lẽ phải cần từ khóa, hoặc một thứ gì đó...

- Cái gì đó kiểu như “Tên đăng nhập” và “Mật mã” ấy à? - Goran hỏi, ông đang cố hiểu tình hình.

- Đại loại như thế. - Rosa lơ đãng đáp. - Cái chúng ta có là một địa chỉ kết nối trực tiếp. Tên đăng nhập và mật mã là cơ chế bảo mật xưa rồi. Chúng để lại dấu vết và luôn cho phép ta truy ngược ra người sử dụng. Những kẻ truy cập vào đây không muốn để lộ danh tính.

Mila không nói tiếng nào. Tất cả những chuyện này khiến cô căng thẳng. Cô hít thật sâu và siết chặt nắm đấm làm các khớp xương kêu răng rắc. Có một điều gì đó không hợp lý, nhưng

cô không tài nào xác định được. Goran quay sang cô trong một thoáng, như thể rất bứt rứt về cái nhìn của cô. Mila vờ như không nhận thấy điều đó.

Trong khi chờ đợi, không khí trong căn phòng bắt đầu nóng dần. Boris trút giận vào Rosa vì cú thử nghiệm vô ích.

- Nếu chị nghĩ có thể tồn tại một hàng rào ngăn chặn truy cập, tại sao chị không thực hiện quy trình kết nối song song?

- Thế sao cậu không đề nghị chuyện đó lúc nãy?

- Tại sao? Chuyện gì đang xảy ra thế? - Giáo sư Goran hỏi.

- Chuyện là khi có một hệ thống bảo vệ như thế này thì ta không có cách nào truy cập được!

- Chúng ta sẽ thử chế ra một từ khóa mới và cố gắng lần nữa. - Sarah Rosa đề nghị.

- Thật á? Nhưng phải có đến hàng triệu tổ hợp ấy! - Boris chế nhạo.

- Cậu xéo ra chỗ khác đi! Cậu muốn đổ lỗi lên đầu tôi đấy à?

Mila im lặng chứng kiến màn quặc nhau của họ.

- Nếu ai có đề nghị hay định dạy dỗ gì, cứ việc nói ngay từ đầu có phải hơn không!

- Nhưng hể ai nói một chữ là chị lại nhảy chồm chồm lên!

- Đây, Boris, khôn hồn thì biến! Tôi có thể cho cậu...

- Cái gì thế này?

Câu nói của Goran rơi xuống như một thanh chắn giữa hai đối thủ. Giọng điệu của ông không hoảng hốt, cũng không sốt ruột như Mila tưởng, nhưng nó vẫn có hiệu quả để buộc hai người kia phải im lặng.

Nhà tội phạm học đang chỉ một thứ gì đó phía trước mặt. Nhìn theo cánh tay phải của ông, mọi người lại một lần nữa chú ý màn hình máy tính.

Nó không còn đen ngòm nữa.

Ở góc trên bên trái, một hàng chữ xuất hiện.

“a do ha?”

- Khi thật! - Boris rủa.

- Này, có chuyện gì thế? Ai đó giải thích cho tôi nghe được không? - Goran hỏi lại một lần nữa.

Rosa lại ngồi vào trước màn hình, đưa tay vào bàn phím.

- Chúng ta đã vào được. - Cô thông báo.

Những người khác xúm lại quanh cô để nhìn cho rõ hơn.

Dấu chuột trên hàng chữ vẫn tiếp tục nhấp nháy, như thể đợi một câu trả lời cho đến lúc này vẫn chưa xuất hiện.

“a ha?”

- Tóm lại, ai đó có thể giải thích cho tôi chuyện đang diễn ra được không? - Goran sốt ruột nói.

Rosa nhanh chóng đưa ra lời giải thích:

- Đây là một cái *cổng*.

- Nghĩa là sao?

- Cổng truy cập. Rõ ràng chúng ta đang vào trong một hệ

thống phức tạp. Trên màn hình là một hộp thoại: một kiểu *chát*... Ở đầu bên kia có một kẻ nào đó.

- Và kẻ đó muốn nói chuyện với chúng ta... - Boris nói thêm.

- Hay đúng hơn là với Alexander Bermann. - Mila đính chính.

- Vậy thì còn đợi gì nữa? Trả lời đi! - Stern vội vàng nói.

Giáo sư Gavila nhìn Boris: anh chàng cảnh sát chính là chuyên gia thương thuyết. Anh tiến đến đứng sau lưng Rosa để nhắc cho cô dễ hơn.

- Cứ trả lời là chị đang ở đây.

Rosa gõ phím:

“Uh, anh dạy”

Họ đợi một vài giây. Sau đó một hàng chữ khác xuất hiện trên màn hình.

“ko có tin gì của a, e lo wa”

Boris đọc tiếp một câu trả lời khác cho Rosa. Anh nhắc cô viết chữ thường, giống như kẻ đối thoại, do rằng một số người thấy e ngại khi đối phương dùng chữ hoa. Mà họ thì đang muốn kẻ kia cảm thấy thoải mái.

“a ban lam, e sao roi?”

“ho hoi e nhieu lem, nhung e ko noi gi het”

Người nào đó đã đặt câu hỏi? Về chuyện gì?

Mọi người, đặc biệt là giáo sư Goran, lập tức có cảm giác là người mà họ đang đối thoại có dính líu đến một điều gì đó mờ ám.

- Có thể hẳn đã bị cảnh sát hỏi thăm, nhưng rồi họ thấy không cần thiết phải bắt giữ hẳn lại. - Rosa phỏng đoán.

- Hoặc có thể là họ không có đủ bằng chứng. - Stern ủng hộ ý kiến của Rosa.

Trong đầu mọi người bắt đầu vẽ lên hình ảnh kẻ tòng phạm của Bermann. Mila nhớ lại chuyện đã xảy ra ở nhà nghỉ, khi cô cảm thấy bị bám theo. Cô chưa tiết lộ chuyện này với ai, do sợ rằng đó chỉ là ảo giác.

Boris quyết định hỏi người đối thoại bí mật:

“ai hỏi ư?”

Bên kia ngừng một chút.

“ho”

“ho là ai?”

Không có câu trả lời. Boris quyết định phớt lờ sự im lặng và thử đi vòng qua chướng ngại vật bằng cách đặt một câu hỏi khác.

“e da nói gì với ho?”

“e nói với ho chuyện a đàn e, vậy là ok”

Ngoài sự tối nghĩa của từ ngữ sử dụng, Goran còn lưu ý các lỗi chính tả mà kẻ kia liên tục mắc phải.

- Đây có thể là một kiểu mật mã nhận diện. - Ông lý giải.
- Có thể hẳn cũng chờ đợi chúng ta phạm các lỗi chính tả tương tự. Nếu như chúng ta không làm thế, hẳn có thể chấm dứt đối thoại.

- Có lý đấy. Chị hãy bắt chước lỗi viết và các cách sử dụng từ ngữ của hẳn. - Boris nhắc Rosa.

Trong lúc đó, một hàng chữ khác xuất hiện trên màn hình.

“e da chun bi moi thu nhu a dan. e mun di lem. bao gio a?”

Cuộc đối thoại này chẳng đưa họ tới đâu cả. Vậy nên Boris bảo Rosa trả lời là hẳn sẽ sớm biết “thời điểm”, nhưng lúc này cần phải ôn lại kế hoạch để bảo đảm là nó trót lọt.

Mila thấy đó là một ý rất hay. Làm như thế, họ có thể thu được thêm thông tin về kẻ mà họ đang đối thoại. Một lát sau, hẳn hồi âm:

“ke hoạch la: ra khoi nha ban dem de ko ai thay. 2h ra dau duong nup trong bui cay doi. a se nhay den xe 3 lan de e chui ra”

Chẳng ai hiểu chuyện gì. Boris nhìn quanh dò hỏi. Mắt anh chạm mắt giáo sư Goran.

- Giáo sư, ông nghĩ sao?

Nhà tội phạm học suy nghĩ một lúc.

- Tôi không biết nữa... Có một thứ gì đó không ổn, nhưng tôi không tài nào chớp được nó.

- Tôi cũng thế, tôi cũng có cùng cảm giác như thế. - Boris đáp. - Kẻ ở đầu bên kia... có thể nói là hẳn bị chậm phát triển trí tuệ

hoặc là thiếu năng tâm lý.

Goran tiến lại gần Boris hơn nữa.

- Cần phải buộc hắn lộ diện.

- Bằng cách nào?

- Tôi không biết nữa... Cứ bảo hắn là anh không chắc chắn được, rằng anh tự hỏi liệu có nên chấm dứt mọi chuyện. Cứ bảo hắn “họ” cũng đang sờ gáy anh, sau đó yêu cầu hắn cung cấp một minh chứng... Chẳng hạn, bảo hắn gọi điện cho anh theo một số an toàn!

Rosa vội vã đánh máy. Sau đó suốt một lúc lâu, dòng hồi đáp trên màn hình chỉ có dấu nháy. Rồi rốt cuộc câu trả lời cũng xuất hiện.

“e ko gọi dien dc. ho nghe len”

Rõ quá rồi: hoặc hắn rất khôn ranh, hoặc hắn sợ bị rình mò thật.

- Thúc ép hắn. Xoay đường khác. Tôi muốn biết “họ” ở đây là ai. - Goran nói. - Hỏi hắn xem “họ” đang ở đâu lúc này.

Câu trả lời đến ngay lập tức.

“ho o gan lem”

- Hỏi hấn xem gần đến mức nào? - Goran nhấn mạnh.

“ho o ke ben e”

- Nhưng thế là thế nào? Khi thật! - Boris văng tục, anh cúi tiết đưa tay lên ôm lấy gáy.

Rosa ngả người dựa vào lưng ghế, lắc đầu chán nản.

- Nếu như “họ” ở gần hấn đến thế, và lại đang trông chừng hấn nữa, tại sao họ không nhìn thấy những điều hấn đang viết?

- Vì họ không thấy những gì chúng ta đang thấy. - Mila đáp.

Cô hài lòng nhận thấy mọi người không quay lại để nhìn cô như nhìn một bóng ma vừa lên tiếng. Nhưng ngược lại, nhận xét của cô làm cho cả nhóm chú ý trở lại.

- Ý cô là thế nào? - Giáo sư Gavila hỏi.

- Chúng ta cứ nghĩ là hấn cũng giống như chúng ta, đang ngồi trước một màn hình đen. Nhưng theo tôi nghĩ, hộp thoại của hấn nằm trong một trang mạng cùng với nhiều thứ khác, có thể là những hình trang trí chuyển động, các văn bản hoặc hình ảnh... Đó là lý do mặc dù “họ” ở rất gần, nhưng vẫn không nhận ra hấn đang trao đổi với chúng ta.

- Cô ấy nói có lý! - Stern thốt lên.

Một không khí sáng khoái kỳ lạ lại tràn ngập trong phòng. Giáo sư Goran nói với Rosa:

- Ta có thể thấy những gì hấn thấy được không?

- Tất nhiên rồi. - Rosa đáp. - Tôi sẽ gửi cho hấn một tín hiệu nhận biết, và khi máy tính của hấn gửi lại, chúng ta sẽ có địa chỉ trang web mà hấn đang kết nối.

Trong lúc nói, cô đã kịp mở điện thoại di động để tạo một kết nối mạng thứ hai.

Một lúc sau, trên màn hình xuất hiện dòng chữ:

“a con o do ko?”

Boris nhìn Goran:

- Ta trả lời thế nào đây?

- Tìm cách câu giờ. Nhưng đừng để hấn nghi ngờ.

Boris viết cho hấn, bảo đợi một lát vì có người gọi cửa nên phải ra mở.

Trong lúc đó, trên điện thoại của mình, Sarah Rosa đã sao chép thành công địa chỉ Internet mà kẻ kia đang vào để chat.

- Đây rồi, ta tìm ra rồi... - Cô thông báo.

Cô đưa các thông tin vào trong cửa sổ truy cập và nhấn nút “chạy”. Sau một vài giây, một trang web xuất hiện.

Không ai rõ liệu sự kinh ngạc hay nỗi kinh hoàng đang làm mọi người câm lặng.

Trên màn hình, những con gấu đang nhảy múa cùng với bầy hươu cao cổ, hà mã dùng chân đánh trống châu Phi theo nhịp và một con tinh tinh chơi đàn ukulele. Âm nhạc tràn ngập căn phòng. Giữa không gian rừng xanh, một con bướm đủ màu sắc chào mừng sự kết nối của họ.

Tên của nó là Priscilla.

Tất cả mọi người không tin nổi vào mắt mình và hoàn toàn câm lặng. Boris ngược mắt nhìn màn hình máy tính, nơi một câu hỏi vẫn đang nhấp nháy:

“a con o do ko?”

Chỉ đến giây phút đó, anh mới có thể thốt ra những chữ đau lòng:

- Chó chết... Đây là một đứa trẻ.

Từ khóa được gõ nhiều nhất trong các trang tìm kiếm là “sex”. Thứ hai là “God”. Cứ mỗi khi nghĩ đến chuyện đó, Goran lại thắc mắc vì sao người ta tìm kiếm Chúa ở trên mạng. Ở vị trí thứ ba đồng hạng, là hai từ khóa: “Britney Spears” và “death” - cái chết.

Sex, God, Death và Britney Spears.

Ngược lại, lần đầu tiên Goran nhập tên vợ vào một trang tìm kiếm là ba tháng trước đó. Ông không hiểu tại sao mình lại làm thế. Ông cứ thế đánh, như thể bị bản năng xúi giục. Ông không nghĩ sẽ tìm thấy bà, và quả thật ông đã không tìm thấy. Nhưng đó chính thức là nơi tìm kiếm cuối cùng mà ông nghĩ đến. Có lẽ nào ông biết

về vợ mình ít đến thế? Khi đó, một thứ gì đấy trong ông đã thay đổi.

Ông đã hiểu ra tại sao ông theo dõi bà.

Thực tế là, ông không muốn biết nơi bà đang ở. Trong thâm tâm, ông mặc kệ chuyện đó. Ông chỉ muốn biết liệu bà có hạnh phúc không. Bởi xét cho cùng, chính điều đó đã làm ông sôi máu: bà đã rũ bỏ ông và Tommy để đi tìm hạnh phúc ở nơi khác. Sao người ta có thể làm tổn thương ai đó sâu sắc đến thế chỉ để thỏa mãn khát khao hạnh phúc đầy ích kỷ? Rõ ràng câu trả lời là có. Vợ ông đã làm như thế, và tệ hơn, bà đã không hề quay lại để chữa lành vết thương lòng, khâu lại vết rách đang nằm trong da thịt của người đàn ông mà chính bà đã chọn để chia sẻ cuộc sống và trong chính da thịt của bà. Bởi người ta có thể quay lại, và buộc phải quay lại. Luôn có một thời điểm mà, do chỉ nhìn về phía trước, ta nhận thấy một thứ gì đó gọi nhắc quá khứ, và ta quay lại trong chốc lát để xem phía sau có còn nguyên vẹn như xưa, hay là có gì đó đã thay đổi ở những người ta bỏ lại sau lưng cũng như trong chính bản thân chúng ta. Ai rồi cũng gặp khoảnh khắc đó. Tại sao với bà thì không? Tại sao bà thậm chí không cố thử? Không có một cú điện thoại nửa đêm yên ắng nào. Không một tấm bưu thiếp trắng nào. Đã bao nhiêu lần Goran đứng quan sát gần trường của Tommy với hy vọng bắt gặp bà bí mật nhìn xem cậu con trai. Nhưng chẳng có gì. Bà đã không đến đó, thậm chí không buồn đến để bảo đảm là con mình khỏe mạnh. Do vậy Goran bắt đầu tự hỏi: ai là người đàn bà mà ông

ngữ có thể giữ bên mình suốt cuộc đời đây?

Và thật ra, điều gì làm ông khác Veronica Bermann đến như thế?

Người phụ nữ ấy cũng đã bị lừa dối. Chồng cô ta đã lợi dụng vợ mình để tạo nên một lớp vỏ bọc hoàn hảo, để cho cô ta chăm lo cho những gì hấn sở hữu: cái họ của hấn, căn nhà của hấn, gia tài của hấn, tất cả. Bởi dù sao thì điều hấn muốn cũng nằm ở nơi khác. Nhưng khác với Goran, người phụ nữ ấy đã linh tính thấy vực thẳm đang mở ra bên dưới cuộc sống hoàn hảo của mình, cô ta đã thoáng ngửi thấy mùi thối rữa. Và cô ta đã im lặng, đồng thuận với sự lừa dối dù không tham gia vào đó. Cô ta là kẻ đồng lõa câm lặng, đóng vai người bạn đời mẫu mực, người vợ hiền dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Goran chưa bao giờ nghi ngờ vợ ông có ý định chia tay. Không có một dấu hiệu hay manh mối nào, không có chút trục trặc cảnh báo nào để ông có thể ngấm lại rồi tự nhủ sao nó quá hiển nhiên và ông ngu ngốc đến độ không nhận ra. Bởi ông đã chỉ muốn ngộ ra mình là một người chồng rất tệ, để có thể tự buộc tội mình, trách móc sự thờ ơ và thiếu ân cần của mình. Ông ước gì có thể tìm kiếm lý do ở phía mình, như vậy ít ra ông cũng có lý do nào đó. Nhưng không, chẳng có gì ngoài sự chết lặng. Và ngờ vực. Đối với những người khác, ông đưa ra phiên bản trần trụi nhất của sự việc: vợ ông đã ra đi, thế thôi. Vì Goran biết đâu sao mỗi người đều sẽ

nhìn nhận sự việc đó theo cách họ muốn. Ai là ông chồng tội nghiệp. Ai là người đàn ông đã làm điều gì đó để bà ấy phải trốn chạy. Ông nhận ngay những vai diễn đó chính là mình và chuyển từ vai này sang vai kia không chút khó khăn. Bởi mọi nỗi đau đều có bài tụng ca của nó và cần phải được tôn trọng.

Còn vợ ông? Đã bao nhiêu lần bà phải đóng kịch? Ý đồ đó đã chín muồi trong lòng bà từ bao lâu rồi? Mất bao nhiêu thời gian để bà thai nghén ý đồ đó bằng những khao khát không nói ra, những suy nghĩ giấu vào trong gối mỗi đêm khi nằm cạnh chồng, trong khi vẫn trộn lẫn nó với những công việc thường ngày của một người mẹ, người vợ? Cho đến khi biến khao khát đó thành kế hoạch, thành *muu đồ*. Khi nào bà cảm thấy bị thuyết phục, hay nói cách khác, khi nào bà hiểu ra những gì mà bà mơ đến là có thể thực hiện? Cô búp bê che giấu trong mình sự biến đổi bí mật ấy, trong lúc vẫn tiếp tục sống bên cạnh ông và Tommy. Và âm thầm chuẩn bị thay đổi.

Giờ thì bà ở đâu? Vợ ông vẫn tiếp tục sống, nhưng ở một nơi khác, trong một vũ trụ song song, được tạo thành từ những người đàn ông đàn bà như Goran gặp gỡ hàng ngày, từ những ngôi nhà cần được gìn giữ, những người chồng cần phải chịu đựng, và những đứa trẻ cần sự chăm sóc. Một thế giới bình đẳng và tầm thường, nhưng cách xa ông và Tommy, với những màu sắc mới, những người bạn mới, những khuôn mặt mới và những cái tên mới. Bà tìm kiếm điều gì trong cái thế giới ấy? Đây là thứ mà bà đã cần

đến thế nhưng lại không thể tìm thấy ở đây? *Suy cho cùng, tất cả chúng ta đều đi tìm câu trả lời trong một thế giới song song, Goran nghĩ bụng. Giống như người ta đi tìm trên mạng những Sex, God, Death và Britney Spears.*

Còn Alexander Bermann, hẳn đi lòng tìm những đứa trẻ trên mạng.

Mọi thứ nhanh chóng được làm sáng tỏ. Từ khi mở trang web của *con bướm Priscilla* trên máy tính Bermann cho đến khi xác định chiếc máy chủ quốc tế quản lý toàn bộ hệ thống đó, tất cả đã trở nên rõ ràng.

Đó là một đường dây lạm dụng tình dục trẻ em, với các chi nhánh ở nhiều quốc gia.

Mila đã có lý: trong mạng lưới đó có cả tay thầy giáo dạy nhạc “của cô”.

Đơn vị đặc nhiệm chuyên phụ trách an ninh mạng đã xác định được gần một trăm người đăng ký. Các vụ bắt bớ đầu tiên đã diễn ra và còn tiếp tục trong những giờ sắp tới. Một số lượng nhỏ và có chọn lọc. Tất cả họ đều không có gì khả nghi, có cuộc sống thoải mái, làm những công việc tự do, và sẵn sàng bỏ ra các khoản tiền lớn để che giấu tên tuổi.

Trong số đó có Alexander Bermann.

Tối hôm đó khi về đến nhà, Goran nghĩ đến người đàn ông dịu dàng, luôn tươi cười và đạo đức vẹn toàn theo như mô tả của bạn bè và người quen của Bermann. Một chiếc mặt nạ hoàn hảo. Tại sao ông lại có sự đối chiếu giữa Bermann và vợ mình? Có thể ông biết lý do, nhưng không muốn chấp nhận. Dù sao thì, khi đã ở trong nhà, ông gạt qua một bên tất cả những suy nghĩ đó và dành toàn tâm toàn ý cho Tommy, như đã hứa trên điện thoại khi báo với nó là ông về nhà sớm. Thằng bé đón nhận tin tức một cách hào hứng và hỏi liệu ông có thể gọi một chiếc pizza hay không. Ông chấp nhận ngay không để nó phải nài nỉ, vì ông biết sự nhượng bộ nhỏ bé ấy là đủ để làm thằng bé hài lòng. Bọn trẻ có thể tìm thấy niềm hạnh phúc ở bất cứ nơi nào nó hiện diện.

Thế là Goran gọi một chiếc pizza ốt chuông cho mình và một chiếc nhiều phô mai gấp đôi cho Tommy. Hai bố con cùng nhau gọi bánh bằng điện thoại, vì theo thông lệ việc chọn pizza phải được thực hiện cùng nhau. Tommy bấm số rồi để cho bố nói chuyện. Sau đó hai bố con đem đĩa ăn ra bày. Tommy uống nước trái cây, còn Goran thì tự cho phép mình uống một cốc bia. Trước khi mang nước và bia ra bàn, hai bố con đặt hai chiếc cốc vào trong tủ đá, cho đến khi chúng mờ đi vì sương đọng và đủ lạnh để rót thức uống.

Nhưng Goran không cảm thấy bình yên. Những suy nghĩ

của ông vẫn còn luẩn quẩn với mạng lưới hoàn hảo kia. Các cảnh sát thuộc đơn vị an ninh mạng đã phát hiện ra một cơ sở dữ liệu với hơn ba triệu cái tên trẻ em có kèm theo địa chỉ và hình ảnh của chúng. Mạng lưới sử dụng những tên miền giả đối với trẻ em để dụ chúng vào bẫy. *Bướm Priscilla*. Những con thú, các trò chơi đầy màu sắc, âm nhạc vui tươi sẽ làm nốt phần còn lại... Chúng quá giống với những bộ phim hoạt hình mà Goran và Tommy cùng nhau ngồi xem sau bữa tối trên truyền hình vệ tinh. Con cọp xanh và sư tử trắng. Ông quan sát cậu con trai nằm cuộn tròn người, hoàn toàn tập trung vào chuyện phiêu lưu của hai con thú trong rừng.

Ông tự nhủ mình phải bảo vệ thằng bé.

Ông nghĩ đến điều đó với một chút sợ hãi trong lồng ngực, một nút thắt tối tăm và nhóp nhóp. Nỗi sợ không làm đủ và không sống đủ. Bởi một ông bố đơn thân thì không thể đủ được. Ngay cả khi về cơ bản, hai bố con ông vẫn tự xoay sở được. Điều gì sẽ xảy ra nếu như phía sau màn hình máy tính đen ngòm của Bermann không phải là một đứa bé xa lạ, mà là Tommy của ông? Liệu ông có nhận ra được nếu như có kẻ nào đó cố gắng thâm nhập vào đầu óc và cuộc sống của con trai ông?

Trong khi Tommy làm nốt bài tập, Goran đã rút về phòng làm việc. Lúc đó còn chưa đến bảy giờ, nên ông lại giờ hồ sơ của Bermann ra xem, thử tìm những ý tưởng mới có thể hữu ích cho cuộc điều tra.

Trước hết, cái ghế xa lông bằng da trong căn hộ tầng lửng mà trên đó Krepp không tìm thấy một dấu vân tay nào.

Có dấu vân tay trên tất cả những thứ khác, nhưng trên cái ghế đó lại không có dấu nào... Tại sao?

Ông chắc chắn phải có một lý do. Nhưng mỗi khi tưởng như đã nắm bắt được một ý tưởng, tâm trí ông lại trôi đi nơi khác, trôi về phía những mối nguy hiểm đang rình rập xung quanh cuộc sống của con trai ông.

Goran là người nghiên cứu tội phạm, ông biết bản chất cái ác là như thế nào. Nhưng ông luôn quan sát nó từ phía xa, với tư cách là một nhà nghiên cứu. Ông không bao giờ để cho mình bị lung lạc với ý nghĩ rằng cái ác ấy có thể vươn bàn tay xương xẩu của nó ra đủ dài để chạm đến ông. Tuy vậy hôm nay, ông lại nghĩ đến điều đó.

Khi nào con người ta trở thành một “con quái vật”?

Cái từ mà ông đã chính thức cấm dùng ấy giờ lại len lỏi vào trong sâu thẳm tâm hồn ông. Bởi vì ông muốn biết điều đó diễn ra như thế nào. Khi nào thì người ta nhận ra mình đã vượt qua giới hạn đó.

Bermann là thành viên của một tổ chức có cơ cấu cực kỳ

chặt chẽ, có thứ bậc và cương vị rạch ròi. Hắn đã tham gia vào tổ chức này từ hồi học đại học. Thời đó, Internet còn chưa được khai phá, và người ta khó có thể giấu mình đi mà không gây nghi ngờ. Chính vì lý do này mà các thành viên trong tổ chức được khuyến cáo nên tạo dựng một cuộc sống kiểu mẫu và an toàn nhằm che đậy bản chất thật và kiểm soát các xung năng của bản thân. Ngụy trang, hòa trộn và biến đi, đó là những nguyên tắc cơ bản của chiến thuật đó.

Sau khi tốt nghiệp, Bermann đã xác định rõ ràng trong đầu điều hắn sẽ làm. Đầu tiên, hắn nói lại quan hệ với một cô bạn cũ đã nhiều năm không gặp. Cô nàng Veronica, người chưa bao giờ có đủ hấp dẫn để bọn đàn ông, kể cả hắn, phải để mắt đến. Hắn đã làm cho Veronica tin rằng, hắn yêu thâm cô ta từ lâu, nhưng lại giấu giếm tình cảm vì nhát gan. Và cô, như dự tính, đã ngay lập tức nhận lời lấy hắn làm chồng. Những năm đầu hôn nhân trôi qua với nhiều thăng trầm, giống như bao cặp vợ chồng son khác. Hắn hay vắng nhà vì công việc. Trên thực tế, hắn thường lợi dụng những chuyến công tác để gặp những kẻ giống mình, hoặc để dụ dỗ những con mồi nhỏ tuổi.

Cùng với sự xuất hiện của Internet, mọi thứ trở nên dễ dàng hơn. Những tên ấu dâm ^[2] lập tức nắm bắt lấy mạng liên kết kì diệu đó. Nó cho phép chúng không chỉ hoạt động trong sự vô danh, mà còn lường gạt các nạn nhân thông qua những cái bẫy tài tình.

Nhưng Alexander Bermann chưa thể hoàn tất kế hoạch nguy trang hoàn hảo của mình, vì Veronica không thể sinh con nối dõi cho hắn. Đó là thứ còn thiếu, là chi tiết khiến cho hắn không thể bị nghi ngờ, vì một ông bố của gia đình sẽ không nhòm ngó con cái của người khác.

Giáo sư Goran xua đi sự phấn nộ đang dâng lên tận cổ họng và khép lại tập hồ sơ đã dày lên đáng kể trong những giờ vừa qua. Ông không muốn đọc nó nữa. Ông muốn đi ngủ, muốn được trốn mình vào trong giấc mộng.

Ai có thể là Albert, nếu không phải Bermann? Mặc dù còn cần phải gắn hắn với nghĩa địa cánh tay và vụ bắt cóc sáu cô bé, rồi tìm ra những thi thể còn thiếu, không ai khác ngoài hắn xứng đáng khoác lên người chiếc áo của tên đao phủ.

Nhưng càng nghĩ, ông càng thấy có gì đó chưa thuyết phục.

Đúng tám giờ tối, Roche sẽ chính thức thông báo về vụ bắt giữ thủ phạm trong một cuộc họp báo lớn. Goran nhận ra sự băn khoăn của ông đã luẩn quẩn trong đầu ngay từ sau khi phát hiện ra bí mật của Bermann. Suốt cả buổi chiều, nó giống như một màn sương mờ ảo, chập chờn ở một góc nhỏ trong đầu ông. Nhưng dù nắp kín trong cái góc tối ấy, nó vẫn tiếp tục phát xung động để cho ông biết là nó vẫn luôn hiện hữu ở đó. Chỉ đến bây giờ, trong

không khí tĩnh lặng của căn hộ, Goran mới dành cho nó một sự suy nghĩ thấu đáo.

Có gì đó không ăn khớp trong vụ án này.. Người nghi Berman không phải là thủ phạm ư?Ồ, tất nhiên là có chứ, hẳn chính là thủ phạm: hẳn là một tên ấu dâm. Nhưng hẳn không phải là kẻ đã giết sáu đứa trẻ. Hẳn chẳng có gì dính líu hết... Mà làm thế nào người dám chắc về điều đó?

Bởi vì nếu Alexander Bermann thực sự là gã Albert của chúng ta, thì ta đã tìm thấy cô bé cuối cùng trong cốp xe của hắn - nạn nhân số sáu - chứ không phải là Debby Gordon, nạn nhân đầu tiên. Lẽ ra hẳn phải phi tang xác cô bé đầu tiên từ lâu rồi mới phải...

Đúng lúc rút ra kết luận này, nhà tội phạm học nhìn đồng hồ: cuộc họp báo lúc tám giờ sẽ diễn ra trong vài phút nữa.

Cần phải ngăn Roche lại.

Viên chánh thanh tra đã triệu tập các tờ báo lớn ngay khi các thông tin về diễn tiến của vụ Bermann bắt đầu lan rộng. Nguyên cơ chính thức là ông không muốn các phóng viên sử dụng thông tin

nghe ngóng được từ những lỗ rò rỉ của các nguồn chính thức. Còn lý do thực sự là ông lo rằng vụ việc có thể rò rỉ theo các hướng khác nhau, và như thế ông sẽ không trở thành trung tâm chú ý của dư luận.

Tiếng ồn ào trong phòng họp báo bên cạnh văn phòng thanh tra Roche khiến ông thích thú, nó như nguồn năng lượng nuôi dưỡng cái tôi của ông ta. Trong khi chờ đến buổi họp báo, ông ngồi yên, gác đôi chân lên chiếc bàn làm việc được thừa hưởng từ người tiền nhiệm mà ông đã phò tá trong suốt một thời gian dài, quá dài theo như ông nghĩ, nếu là ông, ông sẽ không ngần ngại mà hát văng đi từ hồi tám năm về trước.

Các đường dây điện thoại của ông đều nhấp nháy báo hiệu cuộc gọi đến, nhưng ông không có ý định trả lời. Ông muốn để thế cho thêm phần kịch tính.

Có tiếng gõ cửa vang lên.

- Mời vào. - Roche lên tiếng.

Ngay khi bước vào, Mila nhận thấy một nụ cười khinh khinh trên gương mặt viên thanh tra. Cô tự hỏi ông ta đòi gặp cô vì cái quái gì đây.

- Cảnh sát Vasquez, tôi muốn đích thân cảm ơn cô vì sự

đóng góp vô cùng to lớn của cô trong cuộc điều tra.

Mila chắc đã đỏ mặt nếu như cô không hiểu ngay ra đó chỉ là lời mở đầu khéo léo cho việc tống khứ cô.

- Tôi không nghĩ mình đã làm được gì nhiều.

Roche cầm lấy con dao rọc giấy và bắt đầu dùng mũi nhọn của nó để nạo móng tay. Ông lơ đãng nói:

- Không, sự hiện diện của cô là rất hữu ích.

- Chúng ta vẫn chưa xác định được danh tính của bé gái thứ sáu.

- Ta sẽ sớm tìm ra thôi, giống như những thứ khác.

- Xin ông cho phép tôi được hoàn tất công việc của mình, ít ra là một vài ngày. Tôi bảo đảm mình sẽ thu được kết quả...

Thanh tra Roche buông con dao rọc giấy xuống, nhắc chân khỏi bàn và đứng dậy tiến lại gần Mila. Với nụ cười tươi nhất có thể, ông cầm lấy bàn tay phải vẫn còn đang bị băng của cô và bắt lấy, không nhận ra ông đang làm cô đau.

- Tôi đã nói chuyện với cấp trên của cô. Trung úy

Morexu bảo đảm với tôi rằng cô sẽ được khen thưởng về vụ này.

Nói xong ông dẫn cô ra cửa.

- Chúc cô trở về bình an. Thỉnh thoảng nhớ nghĩ đến chúng tôi nhé.

Mila gật đầu vì chẳng còn gì để nói. Vài giây sau cô thấy mình ở ngoài hành lang, gương mặt nhìn cánh cửa phòng làm việc của thanh tra Roche từ từ đóng lại.

Cô muốn trao đổi một chút với Goran Gavila về chuyện của mình, vì cô dám chắc ông giáo sư không hay biết gì về vụ tống tiền cô. Nhưng ông đã về nhà. Vài giờ đồng hồ trước cô có nghe thấy ông thu xếp bữa tối qua điện thoại. Căn cứ vào giọng điệu của nhà tội phạm học, người ở đầu dây bên kia chỉ có thể là một đứa bé không quá tám chín tuổi. Hai người đã quyết định gọi pizza.

Vậy là giáo sư Goran có một cậu con trai. Mila tự hỏi liệu trong cuộc đời ông có một người phụ nữ nào không, và liệu bà ấy có chia sẻ bữa tối ấm cúng mà hai bố con đang chuẩn bị hay không. Tự nhiên Mila cảm thấy một chút ghen tỵ.

Ở cửa trụ sở cảnh sát, Mila trả lại thẻ và được đưa cho một chiếc phong bì bên trong đựng vé tàu để cô về nhà. Lần này không ai đưa cô ra ga cả. Cô sẽ phải gọi một chiếc taxi với hy vọng

sở cảnh sát chủ quản của mình sẽ hoàn tiền lại, và tạt qua nhà nghỉ lấy đồ.

Tuy nhiên, khi đã ở ngoài đường, Mila bỗng nhận ra cô không vội. Cô nhìn quanh, hít một hơi dài làn không khí thanh bình và trong lành. Thành phố như thể được nhúng ngập trong một quả bóng lạnh lẽo bất thường, đe dọa thay đổi thời tiết bất cứ lúc nào. Chỉ cần hơn hoặc kém một độ là mọi thứ sẽ khác ngay. Bầu khí quyền loãng này có thể báo trước một đợt tuyết rơi. Nhưng cũng có thể mọi thứ sẽ không thay đổi và vẫn bất động như bây giờ.

Cô lấy chiếc vé trong phong bì ra. Ba giờ nữa tàu mới khởi hành. Nhưng đầu óc cô đang nghĩ đến một chuyện khác. Liệu khoảng thời gian ít ỏi này có đủ để làm điều cô đang nghĩ hay không? Suy cho cùng, nếu cô chỉ phí công vô ích thì cũng đâu có ai biết. Mà cô lại không thể yên lòng ra đi với mỗi nghi ngờ này.

Ba tiếng đồng hồ. Chắc là đủ.

Mila đã thuê một chiếc xe hơi và chạy được khoảng một tiếng. Những đỉnh núi chọc thẳng lên trời ở phía trước mặt cô. Những căn nhà gỗ mái dốc. Những làn khói xám thoang thoang mùi nhựa bốc lên từ các ống khói. Gỗ chất đống trong các sân nhà. Phía

sau những ô cửa sổ là thứ ánh sáng nâu vàng ấm cúng.

Từ quốc lộ 115, Mila đã rẽ vào lối ra số 25, nhằm thẳng hướng trường học của Debby Gordon. Cô muốn xem phòng ở của cô bé. Cô tin rằng mình có thể tìm thấy một thứ gì đó gắn cô bé với nạn nhân số sáu và tên của em. Ngay cả khi từ giờ việc đó hoàn toàn không cần thiết nữa, như cách nghĩ của thanh tra Roche, Mila cũng không thể bỏ lại sau lưng một danh tính chưa được làm sáng tỏ. Đó là một hành động vì tình thương. Vụ mất tích của bé gái thứ sáu chưa được loan báo, nên chưa ai có cơ hội để khóc thương em. Cô biết họ sẽ không thể làm được điều đó nếu thiếu một cái tên. Cô bé sẽ trở thành một vệt trắng trên tấm bia mộ, một dấu lặng ở cuối danh sách ngăn ngủi, một con số đơn lẻ thêm vào cuốn sổ sinh tử. Và Mila không muốn để cho chuyện đó xảy ra.

Thật ra, một ý nghĩ khác đang ám ảnh cô, vì nó mà cô đã lái xe nhiều dặm đường như thế này. Chỉ vì một thoáng lạnh gáy ấy...

Nữ cảnh sát đến nơi lúc hơn chín giờ tối một chút. Trường nội trú nằm trong một ngôi làng nhỏ ở độ cao một ngàn hai trăm mét. Vào giờ này, mọi ngã đường đã vắng ngắt. Các khối nhà của ngôi trường nằm ngay bên ngoài làng, trên một ngọn đồi, chung quanh là một khuôn viên xinh xắn, với một sân quần ngựa và các sân bóng rổ, tennis. Để đến được đó, cô phải đi theo một lối nhỏ dài, ở đó các em học sinh đang trên đường đi chơi thể thao về. Tiếng

cười giòn tan của các em làm xôn xao cả một góc đường.

Mila vượt qua các em học sinh và dừng xe trên một khu đất. Sau đó cô tự giới thiệu mình với thư kí của trường, và yêu cầu được vào thăm phòng của Debby, thậm chí hy vọng không bị ai làm to chuyện. Sau khi trao đổi với cấp trên, người thư kí quay sang bảo rằng cô có thể đi xem phòng. May mắn là sau khi trao đổi qua điện thoại, mẹ Debby đã gọi đến trường để báo trước về cuộc thăm viếng của Mila. Người thư kí đưa cho cô cái thẻ đề “Khách thăm” rồi chỉ đường cho cô.

Mila đi theo các hành lang cho đến khu nội trú của nữ sinh. Cô không gặp chút khó khăn nào khi tìm phòng của Debby. Các bạn học đã dán đầy trên cửa phòng của em những mảnh giấy đủ màu sắc ghi rằng họ sẽ rất nhớ em, không bao giờ quên em. Trong đó đương nhiên có câu “Cậu sẽ luôn ở trong tim chúng tớ”.

Mila nghĩ đến Debby, nghĩ đến những cú điện thoại nài xin bố mẹ đưa em về nhà và nỗi cô đơn mà một cô bé nhút nhát và vụng về ở tuổi em có thể cảm thấy trong một nơi như thế này. Đó là lý do khiến cô cảm thấy những mảnh giấy kia có phần không hợp lẽ, chúng thể hiện một sự quan tâm muộn màng đầy đạo đức giả. *Lê ra các bạn nên chú ý đến Debby khi cô bé còn ở đây. Hoặc là khi có kẻ bắt cóc cô bé ngay trước mắt các bạn.*

Từ cuối hành lang vang lên tiếng ồn ào vui vẻ. Mila bước

qua những ngọn nến tường niệm đã tắt mà ai đó đã sắp thành hàng trên ngưỡng cửa và bước vào căn phòng nội trú của Debby.

Sau khi cô đóng cửa lại, im lặng bao trùm lên căn phòng. Cô với tay bật một ngọn đèn. Căn phòng khá nhỏ. Đối diện với cánh cửa là một cửa sổ mở ra công viên. Những giá đầy sách được ốp vào tường, bên dưới chúng là chiếc bàn học rất ngăn nắp. Debby thích đọc sách. Ở phía bên phải của căn phòng là cánh cửa buồng tắm đang khép. Mila quyết định sẽ quan sát bên trong đó sau cùng. Trên giường, nhiều con thú bông đang nhìn cô bằng đôi mắt lạnh lùng vô hồn. Mila tự nhiên thấy chán ngán. Căn phòng dán đầy những tấm poster và ảnh chụp của Debby tại nhà, cùng với các bạn học ở ngôi trường cũ, bạn bè và chú chó Sting. Tất cả những thứ mà em đã phải từ bỏ để bước chân vào ngôi trường danh giá này.

Mila nhận thấy dù còn nhỏ tuổi, Debby đã mang những đường nét của một phụ nữ xinh đẹp. Các bạn học của em hẳn đã nhận ra điều đó quá trễ và sẽ hối tiếc vì đã không nhìn thấy cô thiên nga ẩn mình trong con vịt nhỏ xấu xí lạc lõng kia. Nhưng lúc này Mila cố không nghĩ đến chúng.

Cô hồi tưởng lại cuộc khám nghiệm tử thi mà mình đã tham dự, thời khắc mà bác sĩ Chang bóc lớp ni lông khỏi khuôn mặt, và chiếc kẹp mái đính bông hoa huệ tây trắng xuất hiện trên mái tóc cô bé. Kẻ sát nhân đã chải tóc cho em, và Mila lúc đó đã tự nhủ hẳn làm đẹp cho em vì bọn cô.

Thực ra là không, em đẹp là vì Alexander Bermann...

Ánh mắt của cô đập vào một mảng tường trông khác thường. Cô tiến đến gần và phát hiện thấy lớp thạch cao đã bị tróc ở nhiều chỗ. Như thể có thứ gì đó từng được gắn lên tường nhưng không còn nữa. Những tấm ảnh khác chẳng? Mila có cảm giác nơi này đã bị xâm phạm. Những bàn tay, những con mắt khác đã quét qua thế giới thu nhỏ của Debby, các đồ vật và những ký ức của em. Có thể bà mẹ đã lấy đi mấy tấm ảnh trên tường, cô cần phải xác minh lại điều này.

Trong khi Mila mãi nghĩ đến những chuyện đó thì một tiếng động khiến cô giật nảy người. Nó vang lên từ phía bên ngoài phòng. Không phải vọng từ ngoài hành lang vào, mà từ phía sau cánh cửa phòng tắm.

Bất giác Mila đưa tay lên thắt lưng tìm khẩu súng. Khi đã nắm chắc nó trong tay, cô đánh liều đứng dậy đối diện với phòng tắm, vũ khí sẵn sàng nhắm đạn. Một tiếng động nữa, lần này rõ ràng hơn. Có người đang ở trong đó. Kẻ đã không nhận thấy sự hiện diện của cô. Kẻ mà, cũng giống như cô, tin rằng đây là thời điểm thuận lợi nhất để thâm nhập vào trong phòng của Debby và lấy đi thứ gì đó... Các bằng chứng chẳng? Tim Mila đập như trống trận. Cô sẽ không vào trong đó mà chỉ đứng đợi.

Cánh cửa bật mở. Mila nhúc nhích ngón tay từ trên chốt

an toàn xuống cò súng. May mắn thay cô đã kịp dừng lại. Cô bé gái hốt hoảng dang tay ra, thả rơi một vật gì đó.

- Em là ai? - Mila hỏi.

- Em là bạn của Debby ạ. - Cô bé lí nhí đáp.

Nói dối. Mila hoàn toàn chắc chắn về điều đó. Cô nhét súng trở lại vào trong thắt lưng và nhìn những món đồ rơi dưới sàn. Có một lọ nước hoa nhỏ, vài chai dầu gội đầu và một cái mũ rộng vành màu đỏ.

- Em đến lấy lại những thứ đã cho Debby mượn. (Câu này nghe giống như một lời lấp liếm). Những bạn khác đã vào đây trước em...

Mila nhận ra chiếc mũ đỏ trong một bức ảnh gắn trên tường. Debby là người đội mũ. Cô hiểu ra mình đang chứng kiến vụ trộm cắp mà có lẽ đám bạn bè của Debby đã tiến hành được vài ngày. Sẽ không có gì lạ nếu như một trong số chúng dám lấy luôn cả mấy tấm ảnh treo trên tường.

- Thôi được rồi. - Cô nói cộc lốc. - Đi đi.

Con bé ngần ngừ một chút, rồi nhặt lại những thứ rơi dưới đất và bước ra cửa. Mila để mặc nó. Âu đó cũng là điều

Debby muốn. Những món đồ này cũng sẽ trở nên vô nghĩa với bà mẹ của cô bé, người sẽ cảm thấy có tội suốt đời vì đã gửi con mình vào đây. Xét cho cùng, Mila thấy bà Gordon còn có một chút “may mắn”, nếu có thể gọi đó là may mắn, khi ít nhất cũng có được thi hài của con gái mình để mà khóc thương.

Mila lục tìm trong đồng tập sách của Debby. Cô muốn tìm một cái tên, và cô sẽ phát hiện ra nó. Dĩ nhiên chuyện đó sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu như cô tìm ra cuốn nhật ký của Debby. Cô dám cá là cô bé có một cuốn, để trút những nỗi buồn khổ vào trong đó. Và cũng giống như mọi cô bé cùng lứa khác, Debby có lẽ đã cất nó trong một nơi bí mật, không quá xa trái tim, nơi cô có thể lấy ra ngay khi cần. *Khi nào thì chúng ta cần thu mình lại với những thứ mà ta coi là thân thương nhất?* Ban đêm. Mila cúi xuống chiếc giường, luồn tay vào dưới tấm nệm dò dẫm, cho đến khi chạm phải một vật.

Đó là một cái hộp thiếc có hình những chú thỏ xinh xắn được mạ bạc. Cái hộp được khóa bằng một ổ khóa nhỏ.

Mila đặt cái hộp lên giường và bắt đầu nhìn quanh, tìm xem chìa khóa có thể nằm ở nơi nào. Cô sức nhớ là đã trông thấy nó trong buổi khám nghiệm tử thi. Nó được gắn vào chiếc xuyên trên cổ tay phải của Debby.

Cô đã đưa lại chiếc xuyên cho mẹ Debby và hiện không

còn thời gian để lấy lại nữa. Cô quyết định phá khóa. Dùng đầu bút bi, cô nạy tung hai khoen kim loại mà ổ khóa đang gắn vào. Sau đó cô mở nắp hộp. Ở bên trong có một túi bột thơm khô, hoa khô và gỗ thơm. Một cái kim băng còn dính các vệt đỏ mà nhiều khả năng cô bé đã sử dụng để trích máu ăn thề. Một chiếc khăn tay thêu bằng lụa. Một con gấu nhựa có đôi tai đã bị gặm mòn. Những cây nến sinh nhật. Kho báu kỷ niệm của một thời ấu thơ. Nhưng không có cuốn nhật ký nào.

Lạ thật, Mila nghĩ bụng. Kích thước của chiếc hộp và chỗ trống còn lại cho phép nghĩ đến khả năng trong hộp còn đựng một thứ khác. Điều đó cũng sẽ lý giải việc cô bé cảm thấy cần phải bảo vệ tất cả bằng một ổ khóa. Nhưng cũng có thể là chẳng có quyển nhật ký nào.

Mila thất vọng nhìn đồng hồ: cô đã lỡ mất chuyến tàu. Càng có lý do để ở lại và tìm thứ gì đó có thể dẫn cô đến chỗ người bạn bí mật của Debby. Chỉ mới lúc này, khi cô điếm qua một lượt những vật kỷ niệm thân thiết của Debby, cảm giác mà cô không thể gọi tên ấy lại xuất hiện.

Một thoáng lạnh gáy.

Cô không thể ra đi trước khi hiểu rõ sự tình. Nhưng cô cần một ai đó, hoặc một thứ gì đó để có thể khôi phục lại cảm giác thoáng qua ấy. Mặc dù đã muộn, cô vẫn ra một quyết định khó

khẩn nhưng cần thiết.

Cô bấm số điện thoại gọi giáo sư Goran Gavila.

- Thưa giáo sư, là tôi, Mila đây...

Nhà tội phạm học khá bất ngờ. Ông mất vài giây mới đáp lại:

- Tôi có thể giúp gì cho cô đây?

Giọng điệu ông có vẻ khó chịu chăng? Không, đó chỉ là cảm tưởng của cô. Mila giải thích với Goran rằng lẽ ra cô đã lên tàu, nhưng hiện tại cô đang ở trong phòng nội trú của Debby Gordon. Cô muốn kể toàn bộ sự thật. Goran nghiêm túc lắng nghe. Khi cô kể xong, đầu dây bên kia yên lặng hồi lâu.

Mila không thể biết được, nhưng giáo sư Goran đang nhìn đăm đăm vào cái tủ bếp, trên tay là một tách cà phê bốc khói. Ông vẫn còn đang thức sau nhiều nỗ lực liên lạc với thanh tra Roche để ngăn chặn thảm họa truyền thông, nhưng bất thành.

- Có lẽ chúng ta đã hơi hấp tấp trong vụ Alexander Bermann.

Mila nhận thấy ông giáo sư đang thì thầm rất khẽ, tựa hồ

như câu nói ấy phải vất vả lắm mới bật ra được khỏi miệng ông.

- Tôi cũng nghĩ thế. - Cô thú nhận. - Mà sao ông lại đi đến kết luận như vậy?

- Trong cốp xe của hắn là xác của Debby Gordon. Tại sao không phải là của nạn nhân cuối cùng?

Mila nhớ lại lời giải thích của Stern về sự việc lạ lùng đó:

- Có lẽ Bermann đã phạm sai lầm khi giấu cái xác, những tính toán sai có thể khiến hắn bị phát hiện, do đó hắn di chuyển cái xác đến một chỗ giấu tốt hơn.

Goran lắng nghe và tỏ ra bối rối. Hơi thở của ông dồn dập hơn.

- Có chuyện gì vậy? Tôi nói gì sai à?

- Không. Nhưng nghe chừng cô không hoàn toàn bị thuyết phục khi nói ra câu đó.

- Quả thực là không. - Cô nói sau khi ngẫm nghĩ.

- Còn thiếu một điều gì đó. Hay đúng hơn là có thứ gì đó không ăn rơ với những cái còn lại.

Mila biết một cảnh sát giỏi phải nhờ vào trực giác. Người ta không bao giờ đề cập đến nó trong những báo cáo chính thức: đối với chúng, chỉ những “tình tiết thực” mới có ý nghĩa. Nhưng nhân tiện khi Goran đã đề cập đến nó, Mila đánh liều kể cho ông nghe về cảm giác của mình.

- Lần đầu tiên nó xảy ra là trong khi bác sĩ pháp y báo cáo. Như một nốt nhạc lạc điệu. Nhưng tôi đã không thể nắm bắt được, tôi lập tức quên nó ngay.

Một thoáng lạnh gáy.

Mila nghe thấy tiếng ông Goran kéo ghế. Cô cũng ngồi xuống. Rồi ông lên tiếng:

- Chúng ta hãy thử loại Bermann ra...

- Đồng ý.

- Hãy tưởng tượng thủ phạm là một kẻ khác. Gã từ đâu đó xuất hiện và đặt một bé gái cụt tay vào trong cốp xe của Bermann.

- Bermann sẽ phải nói với chúng ta điều đó, để xóa đi những nghi ngờ đổ lên đầu hắn. - Mila quả quyết.

- Tôi không tin. - Goran kiên quyết phản bác. - Bermann là một tên ấu dâm. Hắn sẽ chẳng dám làm gì. Hắn biết rất rõ là mình đã bị gài bẫy. Hắn tự sát vì không còn đường thoát và để che giấu cho tổ chức mà hắn là thành viên.

Mila sực nhớ tay thầy dạy nhạc cũng đã tự tử.

- Vậy giờ ta phải làm gì?

- Ta quay lại với Albert, với hồ sơ trung tính về một kẻ thiếu tính người mà ta đã dựng lên lúc đầu.

Đây là lần đầu tiên Mila cảm thấy thực sự tham gia vào cuộc điều tra. Làm việc theo nhóm là một trải nghiệm mới mẻ đối với cô. Và cô không hề e ngại khi cộng tác với giáo sư Gavila. Dù chỉ mới biết ông, cô đã bắt đầu học được cách tin tưởng ở ông.

- Giả dụ rằng vụ bắt cóc các bé gái và nghĩa địa cánh tay là có nguyên do. Có thể phi lý, nhưng lý do đó tồn tại. Và để giải thích điều này, chúng ta cần phải biết thủ phạm. Càng biết hắn rõ, ta càng hiểu hắn dễ dàng hơn. Càng hiểu hắn, ta càng tiến đến gần hắn hơn. Cô có rõ không?

- Có ạ... Nhưng vai trò của tôi chính xác là gì? - Cô hỏi.

Goran hạ thấp giọng và đáp một cách nhiệt tình:

- Đó là một kẻ săn mồi, đúng không? Vậy ta hãy học cách đi săn...

Mila mở tập giấy ghi chú mà cô luôn cầm theo. Ở đầu đây bên kia, giáo sư Gavila nghe thấy tiếng cô lật các trang giấy. Cô bắt đầu đọc những ghi chép về các nạn nhân của mình.

- Debby, mười hai tuổi. Mất tích tại trường. Bạn cùng lớp nhớ là còn trông thấy cô bé sau giờ học. Mọi người chỉ nhận ra cô bé đã biến mất khỏi trường vào giờ điểm danh tối.

Goran nhấp một ngụm cà phê và yêu cầu:

- Rồi, hãy kể cho tôi nghe về cô bé thứ hai.

- Anneke, mười tuổi. Lúc đầu, mọi người nghĩ em bị lạc trong rừng... Số ba tên là Sabine, nạn nhân nhỏ nhất: bảy tuổi. Chuyện xảy ra vào tối thứ Bảy khi em đi cùng bố mẹ đến hội chợ.

- Cô bé này đã bị bắt cóc trên một vòng đu quay ngựa gỗ ngay trước mắt bố mẹ. Vụ việc đã gây chấn động cả nước. Nhóm điều tra chúng tôi đã bắt tay vào cuộc, và vào lúc đó xảy ra vụ mất tích thứ tư.

- Melissa. Cô bé lớn nhất, mười ba tuổi. Bố mẹ em đã ra lệnh giới nghiêm, nhưng vào hôm sinh nhật, em đã lén ra ngoài đi

chơi bowling với các bạn để ăn mừng.

- Các cô bạn khác đều đến nơi, ngoại trừ Melissa. - Nhà tội phạm học nhớ lại.

- Còn với Caroline, đối tượng đã lên vào nhà em để bắt cóc ngay tại giường... Rồi sau đó là đến cô bé số sáu.

- Cô bé này để sau. Giờ ta hãy tập trung vào các bé gái kia.

Goran thấy cực kỳ ấn ý với cô nữ cảnh sát. Đã từ lâu ông không có cảm giác điều này.

- Bây giờ, tôi cần cô suy nghĩ cùng tôi, Mila ạ. Hãy nói cho tôi biết: gã Albert của chúng ta hành động như thế nào?

- Trước nhất, gã bắt một cô bé ở xa gia đình, ít bạn bè. Như thế không ai nhận ra điều gì, nó cho hắn thời gian...

- Thời gian để làm chuyện gì?

- Đó là một phép thử: gã cần phải nắm chắc phần thắng trong việc mình định làm. Và với khoảng thời gian đó, gã hoàn toàn có thể phi tang nạn nhân rồi biến mất.

- Đối với Anneke, gã đã bớt căng thẳng hơn, nhưng vẫn quyết định ra tay trong rừng, cách xa các nhân chứng.. Thế còn Sabine, gã hành động thế nào?

- Gã bắt cóc ngay trước mũi mọi người, trong hội chợ.

- Tại sao? - Giáo sư Goran hỏi dồn.

- Vì giống như nguyên nhân dẫn tới vụ bắt cóc Melissa trong khi mọi người đều tin chắc cô bé được an toàn tại nhà.

- Thế nguyên nhân đó là gì?

- Gã đã thấy mình mạnh lên. Gã có được sự tự tin.

- Tốt. - Goran nói. - Tiếp tục nhé... Cô hãy kể cho tôi nghe từ đầu câu chuyện về vụ kết nghĩa chị em.

- Đó là một việc ta làm khi còn trẻ con. Sử dụng một cái kim băng chích vào đầu ngón tay rồi áp chúng vào nhau trong lúc cùng đọc một bài vè.

- Hai cô bé nào vậy?

- Debby và số sáu.

- Tại sao Albert chọn chúng? - Goran hỏi. - Thật phi lý. Chính phủ báo động, mọi người đang tìm Debby, còn gã thì quay lại để bắt cóc người bạn thân nhất của cô bé! Tại sao gã dám làm một chuyện mạo hiểm như vậy? Tại sao?

Mila biết nhà tội phạm học đang muốn đi đến đâu, nhưng ngay cả khi cô nói ra, kỳ thực chính ông mới là người dẫn cô đến đó.

- Tôi nghĩ đó là một kiểu thử thách...

Chữ mà Mila vừa nói đã mở ra một cánh cửa đang đóng trong đầu nhà tội phạm học. Ông đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại trong bếp.

- Tiếp đi...

- Gã muốn chúng tỏ một điều gì đó. Rằng gã là kẻ mạnh hơn chẳng hạn.

- Là kẻ giỏi nhất. Rõ ràng đây là một kẻ tự coi mình là nhất, một kẻ bị chứng tự mắc cuồng... Nhưng ta hãy nói về số sáu.

Mila ngập ngừng.

- Ta chẳng biết gì về nạn nhân này.

- Dù gì vẫn cứ nói cho tôi nghe. Nói những gì ta đang có...

Mila đặt tập giấy ghi chú xuống. Giờ thì cô buộc phải ứng biến.

- Được rồi, xem nào... Cô bé trạc tuổi Debby, vì hai đứa là chị em kết nghĩa. Vậy là khoảng mười hai tuổi. Kết quả đo mật độ canxi xương cũng đã khẳng định điều đó.

- Đồng ý... Còn gì nữa?

- Bác sĩ pháp y nói, cô bé chết theo một cách khác.

- Nghĩa là sao? Cô nhắc lại cho tôi nghe nào?

Mila lật tìm câu trả lời trong tập giấy.

- Gã đã cắt một cánh tay của cô bé số sáu, giống như các nạn nhân khác. Nhưng trong máu và trong mô của em có vết tích của một hỗn hợp thuốc.

Goran yêu cầu cô lặp lại tên các thuốc đã được bác sĩ Chang nêu ra. Thuốc chống loạn nhịp như disopyramide, ức chế men chuyển và atenolol, một chất chặn beta...

Chính đây là chỗ chưa thuyết phục được ông.

- Tôi thấy điểm này chưa thuyết phục. - Mila nói.

Trong một thoáng giáo sư Goran Gavila tự hỏi cô đang đọc được suy nghĩ của ông hay không.

- Trong cuộc họp, Chang đã nói Albert đã làm chậm nhịp tim bằng cách làm hạ huyết áp của cô bé. Anh ta còn cho biết thêm mục tiêu của thủ phạm là làm máu chảy chậm lại, để làm cho nạn nhân chết dần dần.

Làm máu chảy chậm lại. Khiến cô bé chết dần dần.

- Thôi được rồi, giờ thì kể tôi nghe về cha mẹ của cô bé.

- Cha mẹ nào ạ? - Mila ngạc nhiên hỏi.

- Tôi không quan tâm đến việc trong mớ ghi chép của cô không có gì! Cái tôi cần là suy luận của cô!

Làm thế nào ông ta biết về vụ ghi chép nhỉ? Mila tự hỏi. Cô thấy bối rối vì phản ứng của nhà tội phạm học, nhưng vẫn tiếp tục đà suy luận.

- Cha mẹ của cô bé số sáu không có mặt như những người khác để kiểm tra ADN. Chúng ta không biết họ là ai, vì họ không báo cảnh sát về vụ mất tích.

- Tại sao họ không báo cảnh sát? Có thể là họ chưa biết chuyện?

- Có thể lắm.

Làm máu chảy chậm lại.

- Biết đâu con bé mồ côi cha mẹ! Có thể nó sống một thân một mình! Có thể mọi người không ai buồn quan tâm đến nó! - Goran bực bội nói.

- Không. Cô bé có một gia đình. Cũng giống như các nạn nhân khác, ông nhớ lại đi. Con gái độc nhất, mẹ ngoài bốn mươi, cha mẹ được thủ phạm lựa chọn vì họ chỉ có một đứa con. Gã không thay đổi, vì chính họ mới là nạn nhân đích thực: nhiều khả năng họ sẽ không bao giờ có con được nữa. *Gã đã chọn các gia đình, chứ không phải các bé gái.*

- Chính xác. - Goran đáp. - Thế thì sao?

Mila suy nghĩ một lúc.

- Gã muốn thách thức chúng ta. Gã đặt ra một thử thách. Như là vụ chị em kết nghĩa. Đó là một ẩn số... Gã đã đặt chúng ta vào thử thách.

Khiến cô bé chết dần dần.

- Nếu như cô bé có cha có mẹ, và họ biết chuyện, vậy tại sao họ không thông báo việc con mình mất tích? - Goran nhấn mạnh, mắt lơ đãng nhìn sàn nhà. Ông có cảm giác hai người đang ở gần một điều gì đó. Có lẽ là một câu trả lời.

- Vì họ sợ.

Câu nói của Mila đã soi sáng mọi góc ngách của căn phòng. Cô bỗng cảm thấy ngứa ngáy ở đằng sau cô, một thoáng lạnh gáy...

- Sợ điều gì?

Câu trả lời cũng chính là điều Mila sắp nói. Thật ra không cần phải nói ra, nhưng họ vẫn muốn ý tưởng được nói ra thành lời, để tóm lấy nó và ngăn không cho nó biến mất.

- Cha mẹ cô bé sợ Albert có thể hành hạ cô bé...

- Nhưng gã làm điều đó như thế nào được, nếu như cô bé đã chết?

Làm máu chảy chậm lại. Khiến cô bé chết dần dần.

Goran ngừng bước, gối khụy xuống. Còn Mila thì đứng bật dậy.

- Gã không làm máu chảy chậm lại... mà làm nó ngừng lại.

Cả hai người cùng đi đến một kết luận.

- Ôi, Chúa ơi... - Mila thốt lên.

- Đúng vậy... con bé vẫn còn sống.

Con bé mở mắt.

Nó hít thật sâu, như thể vừa trôi lên từ một vực nước trong lúc những bàn tay nhỏ bé vô hình vẫn còn đang kéo tụt nó xuống. Nhưng nó cố giữ cân bằng trong trạng thái tỉnh thức.

Con đau đột ngột ở vai trái giúp nó lấy lại một chút sáng suốt. Nó cố nhớ xem mình đang ở đâu. Nó đã mất khả năng định hướng. Nó biết là mình đang nằm ngửa. Chắc chắn nó đang sốt và không thể nhúc nhích được: nó cảm thấy như đang bị đè chặt. Chỉ còn hai giác quan đủ sức vượt qua màn sương mù của tình trạng nửa tỉnh nửa mê này. Mùi khai và mùi đá ẩm, giống như trong một

cái hang. Cùng với tiếng nhỏ lách tách nước nhỏ lộp đi lộp lại của một giọt nước.

Chuyện gì đã xảy ra?

Ký ức lần hồi quay lại với con bé. Nó muốn khóc. Những giọt nước mắt lăn dài trên má, làm ướt đôi môi khô khốc của nó. Nó nhận ra mình đang khát khô cổ.

Dịp cuối tuần cả nhà dự định sẽ đi ra hồ chơi. Bố mẹ và nó. Nó chỉ nghĩ đến chuyến đi đó trong suốt mấy ngày liền. Bố nó sẽ dạy nó câu cá. Nó đã nhặt giun đất trong vườn và bỏ vào trong một cái lọ thủy tinh. Chúng uốn éo. Chúng còn sống. Nhưng nó mặc kệ. Hay đúng hơn nó không coi chuyện đó là quan trọng. Vì nó cho rằng bọn giun đất không có cảm xúc. Vậy nên nó chẳng buồn tự hỏi chúng cảm thấy ra sao khi bị nhốt trong cái lọ. Nhưng giờ thì nó bắt đầu đặt câu hỏi ấy cho mình. Bởi vì nó đang cảm thấy như thế. Nó thấy thương cho lũ giun, cũng như thương chính bản thân nó. Và nó thấy hổ thẹn vì đã thật độc ác. Nó dồn hết tâm sức vào hy vọng rằng kẻ đã bắt cóc nó và lôi nó đi khỏi cuộc sống của mình là một người tốt hơn nó.

Nó không còn nhớ chính xác về chuyện đã xảy ra.

Nó đã thức dậy sớm để đi học, sớm hơn thường lệ, vì hôm đó là thứ Năm, và như mọi thứ Năm khác, bố nó không thể

đưa nó đến trường vì phải đi gặp khách hàng. Ông bán các sản phẩm cho thợ làm tóc, và để phòng hờ cho lượng khách tăng cao vào dịp cuối tuần, ông phải đi đưa hàng, cùng với keo xịt tóc, dầu gội đầu và cả mỹ phẩm nữa. Vì thế, con bé phải đến trường một mình. Nó đã làm thế từ hồi lên chín tuổi. Nó còn nhớ lần đầu tiên bố nó đi kèm nó một đoạn ngắn đến trạm xe buýt. Nó nắm tay ông và chú ý lắng nghe những lời ông dặn, chẳng hạn như phải nhìn sang hai bên trước khi băng qua đường, không được đi muộn vì bác lái xe sẽ không chờ, không được nói chuyện với người lạ mặt vì có thể gặp nguy hiểm. Dần dà, nó đã nhập tâm những lời căn dặn ấy đến độ không còn cảm nhận được giọng nói của bố khi nói ra chúng nữa. Nó đã thuộc nằm lòng.

Sáng thứ Năm ấy, nó thức dậy với một niềm vui mới. Ngoài chuyện đi chơi sắp tới ở hồ, nó còn lý do khác để vui vẻ. Cái băng ở ngón tay nó. Trong phòng tắm, nó đã dùng nước nóng để gỡ một góc cái băng và nhìn ngón tay mình với một cảm giác tự hào xen lẫn đau đớn.

Nó đã có một người chị kết nghĩa.

Nó đang muốn nhanh chóng gặp lại chị ấy. Nhưng chuyện đó chỉ có thể xảy ra vào buổi tối, vì hai chị em không học cùng trường. Hai đứa hẹn nhau ở chỗ thường ngày để kể cho nhau nghe các tin tức mới, vì đã mấy ngày rồi chúng không gặp nhau. Hai chị em sẽ cùng chơi đùa, lên kế hoạch, và trước khi chia tay,

hai đứa sẽ cùng lặp lại lời thề mãi mãi là bạn của nhau.

Phải, mọi thứ hứa hẹn sẽ là một ngày rất thú vị.

Nó đã nhét cuốn sách hình học vào trong cặp. Đó là môn học nó ưa thích, và điểm số của nó đã chứng minh điều đó. Lúc mười một giờ, nó có giờ thể dục, nên nó lấy bộ đồ thể thao bỏ sát từ trong tủ ra, đồng thời nhét đôi giày và vớ vào trong một cái túi giấy. Trong khi nó đang dọn giường, mẹ nó gọi xuống ăn sáng. Mọi người luôn ăn sáng vội vã. Sáng hôm ấy cũng không là ngoại lệ. Bố nó chỉ uống một tách cà phê. Ông không ngồi xuống mà đứng để đọc báo. Ông cầm tờ báo bằng một tay, trong khi tay kia đều đặn đưa cái tách lên miệng. Mẹ nó thì đã kịp gọi điện thoại cho một đồng nghiệp, bà dọn món trứng cho nó mà không bỏ sót một chữ nào trong mẩu đối thoại với đầu dây bên kia. Houdini cuộn người nằm trong cái ổ của mình và chẳng buồn nhìn nó từ lúc nó xuống phòng ăn đến giờ. Ông nó bảo là con mèo bị huyết áp thấp giống ông nên buổi sáng thường rất uể oải. Còn nó, đã từ lâu nó không còn khó chịu về sự thờ ơ của Houdini. Giữa hai đứa như có một thỏa thuận ngầm về việc chia sẻ không gian, và thế là đủ.

Sau bữa sáng, nó đem đĩa của mình vào đặt trong bồn rửa rồi đi một vòng quanh bếp để hôn tạm biệt bố mẹ. Sau đó nó lên đường.

Khi đã ra khỏi nhà, nó vẫn còn cảm thấy cái hôn nồng

mùi cà phê của bố trên má. Hôm ấy trời rất trong. Một vài đám mây điểm trên nền trời nom không có vẻ gì là đe dọa. Dự báo thời tiết đã nói là trời sẽ tiếp tục đẹp như thế trong suốt những ngày cuối tuần. “Thật tuyệt vời để đi câu”, bố nó đã bình luận như thế. Với lời hứa của bố trong tim, nó thả bộ trên vỉa hè về phía trạm xe buýt. Cả thầy là ba trăm hai mươi chín bước chân. Nó đã từng đếm nhiều lần. Theo năm tháng, số bước chân ngày càng giảm đi, dấu hiệu cho thấy nó đang lớn dần lên. Lâu lâu nó phải đếm lại. Đúng vào bước chân thứ ba mươi chín, có người gọi nó.

Nó sẽ không bao giờ quên con số đó. Thời điểm chính xác khi cuộc sống của nó tan vỡ.

Nó quay lại và nhìn thấy ông ta. Người đàn ông tươi cười đang tiến đến chỗ nó có gương mặt xa lạ. Nhưng ông ta đã gọi tên nó, nên nó nghĩ ngay: ông ta biết mình, nên không thể là một mối nguy hiểm. Trong lúc ông ta tiến về phía nó, nó đã cố nhìn thật kỹ để xem ông ta là ai. Ông ta bước nhanh hơn để bắt kịp nó, còn nó thì đứng lại đợi. Mái tóc của ông ta... thật kì quặc. Giống như tóc của một con búp bê hồi xưa của nó hay chơi. Trông giả giả thế nào. Khi nó nhận ra ông ta đội một bộ tóc giả thì đã quá trễ. Nó thậm chí không để ý đến chiếc xe tải nhẹ màu trắng đang đậu gần đó. Ông ta túm lấy nó, đồng thời mở cửa xe và chui vào trong đó, lôi nó theo. Nó đã cố hét lên, nhưng ông ta lấy một tay bịt miệng nó lại. Bộ tóc giả rơi xuống trong khi ông ta áp một chiếc khăn tay lên mặt nó. Sau đó đột nhiên nước mắt nó giàn giụa, những chấm đỏ và

trắng xuất hiện trước mắt nó, che mất mọi thứ. Và cuối cùng là bóng tối.

Người đàn ông đó là ai? Ông ta muốn gì? Tại sao ông ta đưa nó đến chỗ này? Bây giờ ông ta ở đâu?

Những câu hỏi quay cuồng không lời giải đáp. Những hình ảnh của buổi sáng cuối cùng biến mất, và con bé lại thấy mình trong cái hang này - hay là cái bụng ấm ướt của con quái vật đã nuốt chửng nó. Để bù lại, cảm giác tê dại dễ chịu một lần nữa chiếm lấy nó. Cái gì cũng được, miễn là không phải nghĩ đến tất cả những chuyện này, nó nghĩ bụng. Nó nhắm mắt, và lại rơi vào cái bể đầy các bóng đen đang vây quanh mình.

Thậm chí nó không nhận ra một trong số những cái bóng ấy đang quan sát nó.

Tuyết rơi dày đặc suốt đêm và bao phủ sự yên ắng lên mọi vật.

Nhiệt độ đã dịu đi. Những cơn gió nhẹ thổi qua phố phường. Trong khi thời tiết biến đổi làm mọi thứ chậm lại như dự kiến thì các thành viên trong nhóm điều tra lại đang sôi sục một khí thế mới.

Rốt cuộc, họ đã có một mục đích. Một cách để sửa chữa dù chỉ là một phần tội ác này. Tìm ra bé gái số sáu, giải cứu cô bé. Và tự cứu chính họ.

- Với hy vọng là cô bé còn sống. - Goran liên tục nhắc lại nhằm giảm bớt phần nào nhiệt tình của những người khác.

Bác sĩ Chang đã bị thanh tra Roche khiển trách vì không đưa ra được kết luận trước. Báo chí vẫn còn chưa được thông tin về vụ bắt cóc của cô bé thứ sáu, nhưng thanh tra Roche vẫn chuẩn bị sẵn một cái cớ cho giới truyền thông, và ông ta cần một kẻ bung xung.

Trong khi chờ đợi, Roche đã triệu tập một nhóm bác sĩ - mỗi người một chuyên môn khác nhau - để trả lời một câu hỏi căn bản duy nhất: Một đứa trẻ có thể sống sót bao lâu trong điều kiện như vậy?

Không có câu trả lời thống nhất cho câu hỏi đó. Những người lạc quan nhất cho rằng, nếu được chăm sóc y tế thích hợp và không bị nhiễm trùng, cô bé có thể cầm cự từ mười đến hai mươi ngày. Những người bi quan thì khẳng định rằng, dù cho tuổi còn nhỏ, nhưng với việc bị mất một cánh tay như thế, khả năng sống còn của em đang càng lúc càng giảm dần, và rất có thể là cô bé đã chết.

Roche không hài lòng chút nào và quyết định dù thế nào vẫn ủng hộ công khai giả thiết Alexander Bermann là nghi phạm số một. Mặc dù tin rằng hẳn không có liên quan gì với vụ mất tích của các cô bé, Goran không bác bỏ phiên bản chính thức đó của Roche.

Đó không phải là vấn đề sự thật hay không. Thanh tra Roche không thể để bị mất mặt khi đảo ngược những tuyên bố trước đây của mình về Bermann. Điều đó sẽ làm tổn hại hình ảnh của ông và cả sự tin cậy của phương pháp điều tra mà họ sử dụng.

Ngược lại, nhà tội phạm học tin rằng Bermann đã bị “gài” bởi thủ phạm thực sự.

Albert đã quay lại vị trí trung tâm chú ý của cả nhóm.

- Gã biết Bermann bị ấu dâm. - Goran nói khi mọi người tê tịt đông đù. - Trong một thời gian dài chúng ta đã đánh giá thấp gã.

Một yếu tố mới đã xuất hiện trong chân dung của Albert. Họ đã lần đầu tiên linh cảm điều đó khi Chang mô tả vết thương trên các cánh tay được tìm thấy và dùng từ “phẫu thuật” để diễn tả độ chính xác khi thủ phạm ra tay. Việc sử dụng các loại thuốc làm hạ huyết áp của bé gái số sáu khẳng định khả năng y khoa của gã. Cuối cùng, việc gã có thể đang duy trì mạng sống của cô bé cho phép nghĩ rằng gã nắm rất vững các kỹ thuật hồi sức và những quy trình chăm sóc đặc biệt.

- Có thể gã là bác sĩ, hoặc đã từng là bác sĩ. - Goran suy luận.

- Tôi sẽ tìm kiếm trong danh sách đăng ký hành nghề: có thể gã đã bị tước giấy phép. - Stern nói ngay.

Đó là một khởi đầu hứa hẹn.

- Làm thế nào gã có được các loại thuốc để duy trì sự sống cho cô bé?

- Câu hỏi hay đấy Boris. Chúng ta sẽ kiểm tra các nhà thuốc tư nhân và hiệu thuốc bệnh viện để biết ai đã tìm những loại thuốc đó.

- Có lẽ gã đã trữ thuốc từ nhiều tháng nay. - Rosa nhận xét.

- Nhất là các loại kháng sinh: gã cần chúng để tránh nhiễm khuẩn. Còn gì khác không?

Có vẻ như không còn gì nữa. Lúc này, chỉ cần phát hiện ra cô bé dù còn sống hay đã chết.

Mọi người trong phòng họp quay lại nhìn Mila. Cô là chuyên gia, là người phải tham khảo ý kiến nếu họ muốn đạt được mục đích. Thứ sẽ mang lại ý nghĩa cho công việc của họ.

- Cần phải tìm ra một cách liên lạc với gia đình cô bé.

Mọi người nhìn nhau, cho đến khi Stern lên tiếng hỏi:

- Để làm gì? Lúc này, chúng ta đang có lợi thế trước Albert. Gã chưa biết chúng ta đã biết chuyện.

- Anh tin là một cái đầu có thể nghĩ ra những chuyện này lại không lờng trước được những động thái của ta sao?

- Nếu như giả thiết của chúng ta chính xác, gã duy trì sự sống cho cô bé là vì chúng ta.

Giáo sư Gavila chen vào để bảo vệ giả thiết mới của Mila:

- Chính gã mới là người dẫn dắt cuộc chơi, và cô bé gái là phần thưởng cuối cùng. Cô bé sẽ thuộc về kẻ nào khôn ngoan hơn.

- Vậy gã sẽ không giết cô bé sao? - Boris hỏi.

- Gã không phải là người định đoạt tính mạng cô bé. Mà là chúng ta.

Nhận xét vừa rồi thật khó để chấp nhận, nhưng nó là điểm chính yếu trong thử thách này của họ.

- Nếu như chúng ta mất quá nhiều thời gian trong việc tìm kiếm, cô bé sẽ chết. Nếu chúng ta làm gã nổi giận dù là theo cách

nào, cô bé sẽ chết. Nếu chúng ta không tôn trọng luật chơi, cô bé cũng sẽ chết.

- Luật chơi à? Luật nào? - Rosa hỏi, cố nén sự lo lắng.

- Các luật lệ mà gã đã dựng lên, và thật không may là chúng ta không biết. Những mưu đồ của gã chỉ bí ẩn đối với chúng ta, chứ rất rõ ràng đối với gã. Trong tình thế đó, bất cứ hành động nào từ phía chúng ta cũng đều có thể bị xem như phạm luật.

Stern gật gù:

- Trong trường hợp này, tiếp xúc trực tiếp với gia đình của cô bé số sáu sẽ gần như là chơi trò chơi của gã.

- Phải. - Mila đáp. - Hiện tại đó là điều gã đang chờ đợi ở chúng ta. Gã đã tính đến nó. Nhưng gã tin rằng chúng ta sẽ thất bại, vì cha mẹ của cô bé quá sợ hãi nên sẽ không dám xuất đầu lộ diện, nếu không thì họ đã làm thế rồi. Gã muốn chứng minh cho chúng ta thấy khả năng thuyết phục của gã mạnh hơn mọi cố gắng của chúng ta. Điều nghịch lý là, gã đang tìm cách để xuất hiện trong mắt họ như là “người hùng” của vụ này. Tựa như gã đang nói với họ rằng: “Tôi là người duy nhất có thể cứu được con gái ông bà, ông bà chỉ có thể tin vào tôi thôi”... Mọi người có tưởng tượng ra khả năng gã sẽ gây một áp lực tâm lý ở mức nào không? Nếu có thể thuyết phục cha mẹ cô bé liên lạc với chúng ta, chúng ta sẽ ghi được một

điểm.

- Nhưng ta có nguy cơ chạm vào chỗ nhạy cảm của gã. - Sarah Rosa phản đối, cô có vẻ chưa đồng tình.

- Đó là một nguy cơ mà ta phải chấp nhận. Nhưng tôi không tin rằng gã sẽ làm hại cô bé vì chuyện đó. Có thể gã sẽ trừng trị chúng ta bằng cách rút bớt thời gian của chúng ta. Gã sẽ không giết chết cô bé ngay, trước tiên gã cần phải cho chúng ta xem toàn bộ tác phẩm của mình đã.

Goran nhận thấy sự nhạy bén rất tuyệt vời của Mila trong việc nắm bắt cơ chế điều tra vụ án. Cô có thể vạch ra chính xác phương hướng điều tra. Tuy vậy, dù những người khác cuối cùng cũng đã chịu nghe cô, nhưng sẽ không dễ để họ hoàn toàn chấp nhận cô. Họ đã nhanh chóng coi cô như một kẻ khác biệt, và quan điểm của họ sẽ không thay đổi được trong một sớm một chiều.

Đúng lúc đó, thanh tra Roche cho rằng mình đã nghe đủ và quyết định can thiệp:

- Chúng ta sẽ làm theo đề nghị của cảnh sát Vasquez: nhanh chóng thông báo về sự tồn tại của bé gái thứ sáu, đồng thời công khai kêu gọi gia đình em. Lạy Chúa! Hãy chứng tỏ là chúng ta có gan đi nào! Tôi mệt mỏi phải chạy theo sự kiện lắm rồi. Cứ như thể con quái vật này đang quyết định hết mọi việc vậy.

Một số người tỏ ra bất ngờ trước thái độ mới của ngài chánh thanh tra, chứ Goran thì không. Cho dù không nhận ra, Roche đang dùng chiêu hoán đổi vai trò của kẻ giết người hàng loạt, và cũng hoán đổi luôn trách nhiệm: nếu họ không tìm ra được cô bé, thì có nghĩa là cha mẹ của em không tin vào các điều tra viên và không chịu xuất hiện.

Nhưng cũng phải công nhận rằng trong lời nói của ông có một thực tế: đã đến lúc phải tìm cách đón đầu các sự kiện.

- Mọi người đã nghe mấy tay bác sĩ kia nói rồi chứ gì? Theo họ, cô bé chỉ còn tối đa mười ngày. - Thanh tra Roche lần lượt nhìn từng thành viên trong nhóm rồi tuyên bố bằng một giọng nghiêm túc. - Tôi quyết định: ta mở cửa lại *studio*.

Vào giờ ăn tối, trong bản tin thời sự, khuôn mặt của một nam diễn viên nổi tiếng xuất hiện trên truyền hình. Mọi người đã chọn ông ta để truyền đạt lời kêu gọi đến cha mẹ của cô bé số sáu. Ông ta có một gương mặt quen thuộc, đồng thời diễn đạt đúng cảm xúc cần có. Đương nhiên ý tưởng là của Roche. Mila thấy nó rất thích hợp: nó sẽ ngăn cản những kẻ quấy rối và bịa chuyện gọi điện đến số điện thoại nóng xuất hiện trên màn hình.

Vào khoảng thời gian các khán giả xem đài khám phá về sự tồn tại của cô bé nạn nhân thứ sáu trong cảm giác lẫn lộn giữa kinh hoàng và hy vọng, nhóm điều tra lục tục kéo vào *studio*.

Đó là một căn hộ nằm ở tầng bốn của một tòa nhà vô danh gần trụ sở cảnh sát. Trong tòa nhà có nhiều văn phòng phụ của cảnh sát liên bang, đa phần phục vụ cho bộ phận hành chính và kế toán cũng như lưu trữ các hồ sơ giấy tờ quá cũ kỹ, chưa kịp số hóa để đưa vào kho dữ liệu mới.

Trước đây, *studio* được chương trình bảo vệ nhân chứng sử dụng để tiếp đón những người cần ẩn trốn. Nó được bố trí nằm giữa hai căn hộ chung cư y hệt nhau. Vì lý do này mà nó không có cửa sổ. Máy điều hòa được bật liên tục và lối tiếp cận duy nhất là cửa ra vào. Tường được thiết kế rất dày và trang bị nhiều hệ thống an ninh. Do hiện tại căn hộ không còn được dùng cho mục đích nguyên thủy nữa, nên các thiết bị đã bị gỡ bỏ. Thứ duy nhất còn lại là cánh cửa chống đạn nặng nề.

Goran đã nhắm đến chỗ này khi đội trọng án được thành lập. Roche chẳng mất gì mà không chiều lòng ông giáo sư, vì ông biết căn hộ an toàn đã không được sử dụng từ nhiều năm trước đó. Goran một mực cho rằng họ cần phải tự nhốt mình trong bốn bức tường trong thời gian điều tra. Các ý tưởng sẽ lan truyền dễ dàng hơn và lập tức được chia sẻ cũng như triển khai thêm mà không qua khâu trung gian nào. Việc ở chung bắt buộc của cả nhóm sẽ làm này

sinh mỗi đồng cảm, xúc tác cho một bộ não chung duy nhất hoạt động. Giáo sư Gavila đã mượn phương pháp này từ “thuyết kinh tế mới”, nhằm xây dựng một môi trường làm việc, tạo ra những không gian chung và một sự phân chia phận sự ngang nhau, trái với sự phân cấp thường thấy hiện nay trong ngành cảnh sát, gắn liền với cấp hàm và hay dẫn đến tình trạng cạnh tranh lẫn đấu đá. Trong *studio*, những khác biệt đều bị xóa bỏ, các giải pháp được khai triển, mọi đóng góp của từng cá nhân đều được trưng tập, lắng nghe và xem xét.

Khi Mila vào bên trong căn hộ, cô lập tức có cảm tưởng rằng đây là nơi những tên giết người hàng loạt bị tóm cổ. Điều đó không xảy ra ở ngoài đời thực, mà ở trong bốn bức tường này.

Trung tâm của tất cả những điều này không chỉ là một cuộc săn người đơn giản, mà là nỗ lực để nắm bắt động cơ ẩn phía sau một chuỗi tội ác nghiêm trọng khó lý giải, tầm nhìn méo mó của một tâm hồn bệnh hoạn.

Ngay ở thời điểm băng qua ngưỡng cửa, Mila chợt hiểu một chương mới của cuộc điều tra đã thực sự được mở ra.

Stern xách một cái túi giả da màu nâu được vợ anh chuẩn bị. Anh tránh qua một bên để những người khác bước vào. Boris khoác một chiếc ba lô trên vai. Tiếp sau anh là Rosa, rồi cuối cùng là Mila.

Phía bên kia của cánh cửa gia cố là một dạng như buồng kính chống đạn, có lẽ trước đây được dùng cho các cảnh sát làm nhiệm vụ canh gác, bên trong có các màn hình đã tắt của hệ thống video, vài cái ghế xoay, cùng một giá vũ khí trống không. Một chốt chặn an toàn bằng công điện ngăn cách giữa buồng trực gác với phần còn lại của căn hộ. Trước kia, cái công được đóng mở bởi nhân viên gác cửa, nhưng hiện tại thì nó mở toang.

Mila nhận thấy một thứ mùi ngọt ngào, ẩm mốc và mùi thuốc lá, cùng với tiếng ì ì liên tục của hệ thống thông gió điều hòa. Sẽ khó ngủ đây. Cô cần phải kiểm hai cái nút tai.

Một hành lang dài chia căn hộ làm đôi. Trên các vách tường gắn những mẫu giấy ghi chú và các tấm ảnh từ một vụ án trước đây.

Khuôn mặt của một thiếu nữ xinh đẹp.

Căn cứ vào ánh mắt trao đổi của những người còn lại, Mila hiểu ra vụ án đã không kết thúc tốt đẹp, và có lẽ họ không quay lại nơi này từ đó.

Không ai nói hay giải thích gì với Mila. Chỉ có Boris buột miệng:

- Khi thật, chí ít họ cũng nên gỡ hình cô ta xuống mới

phải!

Căn phòng đầu tiên chất đầy những đồ đạc vẫn phòng cũ được hóa phép thành tủ quần áo và tủ buýpphê. Trong bếp, một chiếc bàn làm việc được sử dụng làm bàn ăn. Tủ lạnh thuộc đời cũ, loại dùng khí CFC gây thủng tầng ozone. Ai đó đã bỏ công xả tuyết và để nó mở toang, nhưng lại không buồn cọ sạch những dấu vết thức ăn Trung Quốc đã hóa đen. Có một phòng sinh hoạt chung được trang bị hai chiếc trường kỷ, một cái ti vi và chỗ cắm máy tính xách tay cùng với các thiết bị đi kèm. Máy pha cà phê nằm ở một góc phòng. Đây đó là những chiếc gạt tàn đen bản và rác rến đủ loại, đặc biệt là hộp giấy đựng thức ăn nhanh của một nhãn hiệu quen thuộc. Chỉ có một phòng tắm duy nhất, nhỏ xíu và bốc mùi. Bên cạnh chiếc vòi sen, ai đó đã gắn một cái kệ nhỏ và trên đó nằm chông chơ vài lọ xà phòng lỏng, chai nước gội đầu dùng dở, cùng với một gói năm cuộn giấy vệ sinh. Có hai căn phòng đóng kín dùng để thăm vấn.

Phía cuối căn hộ là phòng ngủ. Ba chiếc giường tầng cùng hai cái giường gấp được kê sát tường. Mỗi giường có kèm một cái ghế để đặt va li hoặc đồ cá nhân. Tất cả mọi người ngủ chung trong phòng này. Mila chờ cho mọi người chọn giường trước, cô nghĩ người nào đã có giường người nấy. Là người đến sau cùng, cô sẽ lấy chiếc giường còn lại. Rất cuộc, cô chọn một trong hai chiếc giường gấp. Chiếc ở xa giường Rosa nhất.

Boris là người duy nhất chọn một chiếc giường ở tầng trên.

- Stern ngáy đấy. - Anh hạ giọng nói nhỏ bên cạnh Mila.

Giọng điệu khoái chí và nụ cười tự tin kèm theo cho Mila thấy anh chàng không còn giận cô nữa. Tốt thôi, chuyện đó cũng chỉ làm cho việc sống tập thể trở nên dễ thở hơn. Cô từng hai lần chia sẻ không gian sinh hoạt với các bạn đồng nghiệp, nhưng cô luôn cảm thấy khó khăn khi phải chung đụng với họ. Ngay cả với các đồng nghiệp cùng giới. Trong khi tình bạn cùng phòng nhanh chóng nhen nhóm ở những người khác, thì Mila vẫn luôn tách ra, không thể thu hẹp được khoảng cách. Lúc đầu, chuyện này làm cô bực bội, nhưng dần dà cô đã học được cách tự tạo ra cho mình một thứ “bong bóng sinh tồn”, một khoảng không gian mà chỉ có những gì cô cho phép mới được lọt vào, kể cả âm thanh, tiếng ồn, lời bàn tán của những người xung quanh.

Goran đã đặt túi đồ xuống chiếc giường gấp còn lại. Ông đang đợi mọi người trong căn phòng chính. Căn phòng được Boris đặt biệt danh là “phòng suy tưởng”.

Họ yên lặng bước vào phòng và thấy Goron đang đứng

quay lưng lại, mãi viết lên bảng hàng chữ: “thành thạo kỹ thuật hồi sức và các quy trình chăm sóc đặc biệt: có khả năng là bác sĩ”.

Trên tường có gắn ảnh chụp của năm bé gái, nghĩa địa cánh tay và chiếc xe hơi của Bermann, cũng như bản sao của mọi báo cáo liên quan đến vụ án. Trong một cái thùng cách chỗ đó khá xa, Mila nhận ra khuôn mặt của cô gái xinh đẹp kia: chắc chắn ông giáo sư đã gỡ ảnh của cô khỏi tường để gắn những tấm ảnh mới lên.

Giữa căn phòng có năm chiếc ghế đặt thành vòng tròn.

Phòng suy tưởng.

Goran nhận thấy Mila đang nhìn chỗ đồ đạc ít ỏi ở trong phòng, bèn giải thích:

- Nó giữ cho chúng ta khả năng tập trung. Ta cần phải nghiền ngẫm những gì đã thu thập được. Tôi làm những việc này theo một phương pháp mà tôi cho là tốt, nhưng như tôi luôn nói, nếu có điều gì khiến cho cô không vừa lòng, cô có thể thay đổi. Cứ dịch chuyển thứ gì cô muốn. Trong căn phòng này, chúng ta có toàn quyền làm theo những suy nghĩ vụt qua trong đầu. Mấy cái ghế là một nhượng bộ nhỏ, còn cà phê và vòi sen sẽ là những phần thưởng đặc biệt, chúng ta cần phải xứng đáng với chúng.

- Được thôi, - Mila đáp, - ta phải làm gì đây?

Goran vỗ tay một cái, rồi chỉ lên bảng, chỗ ông vừa khởi sự ghi các đặc điểm của tên sát nhân hàng loạt.

- Ta cần tìm hiểu về con người của Albert. Mỗi lần khám phá được một chi tiết mới về gã, chúng ta sẽ ghi lên đây... Cô có biết lối điều tra theo kiểu thâm nhập vào đầu bọn giết người hàng loạt và cố gắng suy nghĩ như chúng không?

- Có chứ, tất nhiên rồi.

- Thế thì, quên nó đi, vớ vẩn đấy. Nó không hiệu quả đâu. Gã Albert của chúng ta có một cách thức biện giải riêng cho tất cả những điều mà gã đã làm, nó được cấu trúc rất chặt chẽ trong đầu hắn. Đó là một quá trình trải qua nhiều năm kinh nghiệm với các tổn thương hoặc hoang tưởng. Đó là lý do tại sao ta không phải cố gắng tưởng tượng ra điều gã sắp làm, mà cần nỗ lực tìm hiểu xem làm thế nào gã đã thực hiện những việc đó. Hy vọng điều này sẽ giúp chúng ta lần ra gã.

Mila tin rằng loạt manh mối mà tên sát nhân vạch ra đã chấm dứt sau cái chết của Bermann.

- Chúng ta cần phát hiện một xác chết khác.

- Tôi đồng ý với anh, Stern ạ, nhưng hiện tại vẫn còn thiếu một thứ gì đó, anh có thấy không?

- Thứ gì kia chứ? - Boris hỏi. Cũng như những người khác, anh chàng chưa kịp hiểu nhà tội phạm học đang muốn đi đến đâu.

Nhưng giáo sư Goran Gavila không phải là người thích đưa ra những câu trả lời dễ dàng và thẳng thừng. Ông muốn hướng các điều tra viên đến một điểm suy luận nhất định, rồi để họ tự bơi.

- Kẻ giết người hàng loạt vận động trong một thế giới đầy các biểu tượng. Hắn đi theo một lộ trình bí hiểm từ nhiều năm trước đó, từ một góc sâu kín trong đầu, và tiếp tục lần theo nó trong hiện tại ở ngoài đời thực. Những bé gái bị bắt cóc chỉ là một phương tiện để hắn đi đến đích.

- Đó là một cuộc tìm kiếm hạnh phúc. - Mila thêm vào.

Goran nhìn cô.

- Chính xác. Albert đi tìm cách giải tỏa cơn khát, một phần thưởng cho không chỉ những điều gã đã làm, mà cả cho chính bản thân con người gã. Gã chỉ làm theo những gì bản năng thúc đẩy. Và trong khi làm như thế, gã cố nói với chúng ta một điều gì đó...

Đó chính là cái còn thiếu. Một dấu hiệu. Một thứ gì đó dẫn họ *đi xa hơn* là sự khám phá thế giới nội tâm của Albert.

Sarah Rosa lên tiếng:

- Trên thi thể của nạn nhân đầu tiên không có một dấu vết nào.

- Đó là một quan sát đáng chú ý. - Goran công nhận. - Trong tàng thư lưu trữ về những tên sát nhân hàng loạt, tính luôn cả những tác phẩm điện ảnh chuyển thể, người ta ghi nhận rằng bọn giết người hàng loạt có khuynh hướng “vạch ra” lộ trình của mình, để lại cho các nhà điều tra những manh mối để họ bám theo... nhưng Albert thì không.

- Hoặc giả giả có làm nhưng ta chưa nhận ra.

- Có thể là vì chúng ta chưa thể đọc được các dấu hiệu. - Goran thừa nhận. - Có thể chúng ta chưa biết đầy đủ. Chính vì thế, đã đến lúc để tái dựng *các giai đoạn*...

Có cả thầy năm giai đoạn, tương ứng với *cách thức ra tay* của bọn giết người hàng loạt. Trong các tài liệu về tội phạm học, sự phân chia này được dùng để đánh dấu quá trình hành động của những kẻ sát nhân hàng loạt tại những thời điểm chính xác, và sau đó cho phép phân tích từng giai đoạn riêng biệt.

Người ta đi từ giả thuyết rằng không ai vừa chào đời đã là kẻ sát nhân hàng loạt, nhưng những đối tượng này tích tụ một cách

thụ động các kinh nghiệm và các nhân tố kích thích, giống như một dạng ủ bệnh của bản tính giết người, để rồi sau đó bùng phát thành hành vi bạo lực.

Giai đoạn đầu tiên là “ảo tưởng”.

- Trước khi đi tìm kiếm trong thực tại, mục tiêu nhắm đến của dục vọng đã tồn tại một thời gian dài trong ảo tưởng. - Goran nói. - Ta vẫn biết thế giới nội tâm của một tên sát nhân hàng loạt là sự giao thoa giữa các tác nhân kích thích và các áp lực, khi chúng vượt quá sức chứa của nó thì sự bộc phát thành hành động là không thể tránh khỏi. Đời sống nội tâm, vốn là của trí tưởng tượng, rốt cuộc sẽ thay thế cuộc sống thực tại. Chính vì thế mà kẻ giết người hàng loạt nào nặn thế giới thực tại chung quanh theo trí tưởng tượng của hắn.

- Vậy ảo tưởng của Albert là gì? - Stern hỏi trong lúc tay đút vào miệng viên kẹo bạc hà thứ không biết bao nhiêu. - Điều gì đã thu hút gã?

- Thách thức. - Mila đáp.

- Có lẽ trong suốt một thời gian dài, gã đã bị hoặc cảm thấy bị đánh giá thấp. Giờ đây, gã muốn chứng tỏ cho chúng ta thấy gã tài giỏi hơn người khác... và hơn chúng ta.

- Nhưng gã đâu chỉ “mơ tưởng” đến chuyện đó, đúng không? - Goran hỏi, không phải để tìm một lời khẳng định, mà bởi ông xem giai đoạn đó như đã kết thúc. - Albert đã đi xa hơn thế, gã đã lên kế hoạch cho mọi hành động, bên cạnh đó đã dự trù phản ứng của chúng ta. Chính gã là người nắm quyền điều khiển. Đó chính là điều gã đang nói với chúng ta: gã tự biết mình quá rõ, nhưng gã cũng rất hiểu chúng ta.

Giai đoạn thứ hai là “tổ chức”, hay “lên kế hoạch”. Óc tưởng tượng đã chín muồi và được chuyển sang hành động, với khởi đầu không thể tránh khỏi là lựa chọn nạn nhân.

- Chúng ta đã biết gã không chọn các cô bé, mà chọn gia đình của các em. Đích nhắm thực sự của gã là các ông bố bà mẹ, những người đã quyết định chỉ sinh một con. Gã muốn trừng phạt sự ích kỷ của họ... Tính biểu tượng của các nạn nhân ở đây không rõ rệt. Các cô bé rất khác nhau và không cùng tuổi, mặc dù sự khác biệt là không lớn. Xét về diện mạo, các nạn nhân không có những đặc điểm chung, chẳng hạn như tóc vàng hay tàn nhang.

- Đó là lý do gã không đụng đến các cô bé. - Boris nói. - Gã không quan tâm đến các em theo lối ấy.

- Vậy tại sao chỉ toàn con gái mà không có con trai? - Mila hỏi.

Không ai trả lời câu hỏi của cô. Goran gật gù, cân nhắc:

- Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó. Nhưng vấn đề là chúng ta không biết ảo tưởng của gã có nguồn gốc từ đâu. Thường thì lời giải thích đơn giản hơn là ta tưởng. Nó có thể là do gã đã từng bị sỉ nhục bởi các bạn cùng lớp, ai mà biết được... Sẽ rất quan trọng nếu biết được câu trả lời. Nhưng vẫn chưa có các manh mối khác, nên chúng ta đành phải tự bằng lòng với những cái hiện có.

Mila vẫn còn tin rằng nhà tội phạm học thấy khó chịu trước sự hiện diện của cô. Tuồng như ông tức tối vì không biết hết mọi câu trả lời.

Giai đoạn thứ ba là “gài bẫy”.

- Các nạn nhân bị tiếp cận như thế nào? Albert đã giờ mảnh khỏe gì để bắt cóc các bé gái?

- Debby, bên ngoài cổng trường. Anneke, trong khu rừng nơi cô bé thường dạo chơi bằng xe đạp.

- Gã đã bắt cóc Sabine trên một vòng quay ngựa gỗ, ngay dưới mũi mọi người. - Stern nói.

- Bởi vì trên thực tế mọi người chỉ biết đến con cái mình.
- Rosa đáp một cách chua chát. - Bọn họ mặc kệ. Sự thực là thế.

- Nhưng dù sao thì gã đã ra tay ngay trước bàn dân thiên hạ. Gã cực kỳ ranh ma, cái đồ quỷ quái ấy!

Goran ra hiệu cho Stern bình tĩnh lại. Ông không muốn sự tức giận làm anh mờ mắt.

- Hai cô bé đầu tiên đã bị bắt cóc tại những địa điểm cách biệt với nơi các em ở. Nó giống như cuộc tổng diễn tập. Khi đã tự tin hơn, gã ra tay bắt cóc Sabine.

- Gã đã nâng tầm thử thách đối với cô bé.

- Đừng quên là vào thời điểm đó gã chưa bị ai săn lùng. Chỉ sau vụ Sabine, các vụ mất tích mới được xâu chuỗi lại với nhau, và tâm lý sợ hãi nảy sinh...

- Đúng, nhưng đằng nào thì Albert cũng đã bắt cóc Sabine ngay trước mắt bố mẹ của em. Gã đã làm cho cô bé biến mất như một trò ảo thuật. Và tôi không thực sự tin rằng, như lời Rosa nói, những người ở đó không bận tâm... Không, gã cũng đã làm ảo thuật với cả bọn họ nữa.

- Hoan hô Stern, chính điểm này là thứ chúng ta cần điều tra thêm. - Goran nói. - Làm thế nào mà Albert ra tay thành công?

- Tôi hiểu rồi: gã dùng phép tàng hình.

Câu nói đùa của Boris làm mọi người bật cười. Nhưng với Gavila thì trong đó có một phần sự thực.

- Điều đó buộc chúng ta nghĩ rằng gã không khác một người bình thường là mấy, và gã có khả năng nguy trang rất tốt: gã đã đóng vai một ông bố khi nhắc Sabine xuống khỏi con ngựa gỗ. Tất cả chuyện đó ngón mắt của gã bao lâu nhỉ? Bốn giây chắc?

- Gã lẩn ngay lập tức vào trong đám đông.

- Thế cô bé không kêu khóc, không chống cự sao? - Boris phản đối, tỏ vẻ không tin.

- Anh biết bao nhiêu đứa trẻ nhỏ không khóc lóc mè nheo ở ngoài hội chợ nào? - Mila lưu ý anh chàng.

- Kể cả nếu như cô bé khóc lóc thì đó cũng là một chuyện bình thường đối với những người chứng kiến. - Goran nói, rồi tiếp tục mạch suy luận. - Sau đó đến lượt Melissa...

- Tình trạng báo động đã lan rộng. Cô bé bị cầm ra ngoài, nhưng vẫn muốn trốn đi chơi bowling với bạn bè.

Stern đứng dậy, tiến lại gần tấm ảnh Melissa tươi cười gắn trên tường. Nó được lấy từ cuốn kỷ yếu của trường. Cô bé nhiều tuổi nhất trong các nạn nhân, nhưng vẻ ngoài của em vẫn còn

giữ những nét trẻ con, hơn nữa em cũng thuộc loại nhỏ người. Chẳng bao lâu nữa Melissa sẽ bước vào tuổi dậy thì, cơ thể em sẽ bắt đầu có những đường cong và bọn con trai rồi sẽ chú ý đến em. Còn lúc này, dòng chữ chú thích chi tiết lộ năng khiếu thể thao và việc em tham gia làm báo tường với tư cách tổng biên tập. Ước mơ của Melissa là trở thành nhà báo, nhưng nó sẽ không bao giờ thành hiện thực.

- Albert đã phục sẵn. Cái đồ con hoang ấy...

Mila nhìn Stern. Anh có vẻ bị sốc với chính phát ngôn của mình.

- Caroline, thì ngược lại, gã đã bắt cóc cô bé ngay tại giường.

- Mọi thứ đều đã được tính toán...

Goran tiến đến chỗ tấm bảng, cầm lấy một cây bút rồi nhanh chóng viết ra một vài chi tiết.

- Hai nạn nhân đầu tiên, gã chỉ đơn giản là làm cho biến mất. Gã càng gặp thuận lợi khi mỗi ngày có hàng chục trẻ em bỏ nhà đi vì bị điểm xấu hoặc cãi cọ với bố mẹ. Vậy nên không ai xâu chuỗi hai vụ mất tích lại với nhau... Vụ thứ ba chắc hẳn phải nhuộm màu bắt cóc, vì báo động đã được lan truyền... Trong vụ thứ tư, gã

đã biết thừa Melissa sẽ không thể cưỡng lại ham muốn được đi ăn mừng sinh nhật với đám bạn gái... Và cuối cùng, đối với nạn nhân thứ năm, gã đã nghiên cứu kỹ lưỡng nơi ăn ở và nếp sinh hoạt của gia đình, để có thể đột nhập vào nhà cô bé một cách êm thấm... Từ đó chúng ta rút ra được gì?

- Mưu đồ của gã được chuẩn bị rất kỹ. Không chỉ nhắm vào các nạn nhân, mà còn nhắm cả vào những người bảo hộ: các bậc phụ huynh, các nhân viên công lực. - Mila nói. - Đâu cần phải dàn dựng này nọ để chiếm được sự tin tưởng của các cô bé gái, chỉ cần gã giờ vũ lực bắt cóc, thế là xong.

Tuy nhiên Mila lại nhớ đến trường hợp của Ted Bundy, kẻ giả vờ bị bó bột để tỏ ra yếu đuối, qua đó chinh phục được niềm tin của các nữ sinh viên. Gã nhờ họ bụng giúp mấy món đồ nặng và thuyết phục họ leo vào trong chiếc xe con bộ của mình. Khi các cô gái nhận ra cửa xe bên phía mình không có tay nắm thì đã quá muộn...

Lúc Goran viết xong, ông tuyên bố chuyển sang giai đoạn thứ tư. Giai đoạn “sát hại”.

- Kẻ giết người hàng loạt lặp đi lặp lại một “nghĩ thức” giết chóc. Với thời gian, hắn có thể lên tay, nhưng nhìn chung là không thay đổi. Đó là nhãn hiệu của hắn. Mỗi một nghĩ thức lại đi kèm theo một biểu tượng riêng biệt.

- Tính đến nay, chúng ta đã có sáu cánh tay nhưng chỉ một cái xác. Gã giết nạn nhân bằng cách chặt gọn cánh tay, ngoại trừ cô bé số sáu, như chúng ta đã biết. - Sarah Rosa bổ sung.

Boris cầm lấy tập báo cáo của giáo sư tội phạm học và đọc to:

- Chang khẳng định gã giết các nạn nhân ngay sau khi bắt cóc chúng.

- Sao phải vội như thế? - Stern hỏi.

- Bởi vì gã không quan tâm đến các cô bé gái, nên không việc gì phải giữ gìn mạng sống cho các em.

- Gã không xem các cô bé đó như con người. - Mila xen vào. - Đối với Albert, các em chỉ là những món đồ.

Kể cả số sáu. Tất cả cùng nghĩ đến điều đó, nhưng không ai có đủ dũng khí để nói ra. Rõ ràng Albert phớt lờ việc cô bé có phải chịu đựng đau đớn hay không. Gã sẽ giữ cho cô bé còn sống trong thời gian gã đi tìm mục tiêu của mình.

Giai đoạn cuối cùng là “trưng bày dấu tích”.

- Đầu tiên là nghĩa địa cánh tay, sau đó Albert nhét một

cái xác vào trong cốp xe của một tên ấu dâm. Liệu đó có phải là một lời nhắn gửi không nhỉ?

Goran đưa mắt nhìn mọi người dò hỏi.

- Gã muốn nói rằng gã không giống như Alexander Bermann. - Sarah Rosa nói. - Thậm chí có thể gã đang nhắn nhủ chúng ta rằng gã từng là nạn nhân bị bạo hành hồi còn nhỏ. Như thế gã muốn nói rằng: “Đây, tao là như thế này bởi vì có kẻ đã muốn biến tao thành con quỷ!”

Stern lắc đầu.

- Gã muốn thách thức chúng ta, làm trò với chúng ta. Nhưng trang nhất của các báo hôm nay chỉ nói về Bermann. Tôi không tin gã muốn chia sẻ niềm vinh dự đó với một người nào hết. Gã không lựa chọn một tên ấu dâm vì mục đích trả thù. Chắc hẳn phải có lý do nào khác...

- Còn một chuyện mà tôi thấy kỳ cục nữa... - Giáo sư Goran nói, trong đầu ông hiện lên hình ảnh của buổi khám nghiệm tử thi. - Gã đã tắm gội và sửa soạn tươm tất cho thi thể của Debby Gordon, mặc lại váy áo cho cô bé.

Gã làm đẹp cho Debby vì Bermann, Mila thầm nghĩ.

- Ta không biết liệu gã có làm như thế với các nạn nhân khác, hay biến thao tác đó thành nghi thức của gã hay không. Nhưng nó rất lạ...

Cái lạ lùng mà giáo sư Gavila muốn nói, và Mila cũng hiểu dù không phải chuyên gia, là bọn giết người hàng loạt thường giữ lại một thứ gì đó của các nạn nhân. Một tấm bùa hộ mạng hay một món đồ kỷ niệm, để ôn lại kinh nghiệm giết chóc của mình.

Sở hữu một món đồ đối với chúng cũng tương đương với việc sở hữu con người đó.

- Gã không lấy đi thứ gì từ Debby Gordon hết.

Khi Goran nói ra câu vừa rồi, Mila lập tức nghĩ ngay đến chiếc chìa khóa mà Debby đeo ở cổ tay, vốn dùng để mở chiếc hộp thiếc là nơi mà cô tin cô bé đã dùng để cất giấu quyền nhật ký.

- Thằng khốn nạn! - Cô buột miệng. Một lần nữa cô lại trở thành trung tâm chú ý.

- Cô vui lòng giải thích xem nào, nếu không thì...

Mila ngược mắt nhìn Goran.

- Lúc tôi vào phòng của Debby ở trường nội trú, tôi đã

tìm thấy một cái hộp thiếc được giấu dưới tấm nệm. Tôi đã tưởng cô bé cất nhật ký trong đó, nhưng không.

- Thì sao? - Rosa ngao ngán hỏi.

- Cái hộp bị khóa bởi một ổ khóa nhỏ. Chìa khóa đeo ở cổ tay của Debby, nên lúc đó tôi nghĩ, nếu chỉ có cô bé mở được cái hộp, thì không tồn tại cuốn nhật ký nào cả... Nhưng hóa ra tôi nhầm. Chắc chắn đã có một cuốn nhật ký trong đó!

Boris bật dậy.

- Gã đã ở đó! Thằng khốn nạn đã vào phòng của cô bé.

- Nhưng việc gì gã phải liều mạng như thế? - Sarah Rosa phản đối, rõ ràng không muốn nghe theo lời Mila.

- Bởi vì gã luôn ưa thích liều mạng. Nó kích thích gã. - Goran nói.

- Nhưng còn một lý do khác nữa. - Mila nói thêm, càng lúc cô càng cảm thấy vững tin vào lập luận của mình. - Tôi nhận thấy vài tấm ảnh đã biến mất khỏi bức tường, có lẽ là những tấm chụp Debby và nạn nhân số sáu. Gã muốn bằng mọi giá ngăn cản chúng ta phát hiện ra danh tính của cô bé.

- Cũng vì vậy gã đã lấy đi cuốn sổ nhật ký của Debby... trước khi khóa cái hộp lại... Tại sao?

Stern không tài nào hiểu nổi. Nhưng Boris thì lại thấy rất rõ ràng.

- Anh không hiểu à? Cuốn nhật ký đã biến mất trong khi cái hộp vẫn được khóa, chìa khóa thì đeo ở cổ tay của Debby... Như vậy gã muốn tuyên bố với chúng ta rằng chính gã là người đã lấy nó đi.

- Nhưng tại sao gã muốn cho chúng ta biết?

- Bởi gã đã để lại thứ gì đó... cho chúng ta ở đó!

“Dấu hiệu” mà họ đang tìm kiếm.

Một lần nữa, Phòng suy tưởng đã phát huy hiệu quả và chứng tỏ cho Goran thấy tính đúng đắn của phương pháp suy luận tập thể. Ông quay sang phía Mila nói:

- Cô là người đã đến đó, cô đã thấy trong phòng có những gì...

Mila cố gắng nhớ lại, nhưng không tìm được thứ gì nổi bật.

- Nhưng chắc chắn nó phải có một dấu hiệu nào đó! - Goran thúc ép. - Chúng ta đang đi đúng đường đấy.

- Tôi đã lục tung mọi góc phòng, nhưng không còn thứ gì khác khiến tôi phải chú ý nữa.

- Nó phải là một thứ gì đó rất hiển nhiên, cô không thể nào để tuột mất nó được!

Nhưng Mila không nhớ thêm được gì, nên Stern đề nghị mọi người quay lại trường để kiểm tra kỹ hơn. Boris gọi điện thoại thông báo chuyến viếng thăm của nhóm điều tra, trong khi Sarah Rosa yêu cầu Krepp đến đó gặp họ càng sớm càng tốt để lấy dấu vân tay.

Lúc đó, Mila bỗng nhận ra một điều.

- Vô ích thôi. - Cô nói, sự tự tin đã quay lại với cô. - Dù là gì thì nó cũng không còn nằm trong căn phòng đó nữa.

Khi họ đến trường nội trú, các bạn học của Debby đã được gọi vào một gian phòng thường được dùng làm nơi hội họp và phát bằng. Các bức tường được ốp gỗ gụ. Trên tường treo các bức

chân dung của các thầy cô đã đóng góp cho tiếng tăm của ngôi trường trong quá khứ. Những gương mặt nghiêm nghị với nét mặt bất biến đang quan sát tất cả từ những khung ảnh ở trên cao.

Mila là người lên tiếng đầu tiên. Cô cố gắng tỏ ra thật dễ chịu, vì các bé gái đang rất sợ sệt. Bà hiệu trưởng trường đã cam đoan sẽ không trừng phạt ai hết, nhưng qua vẻ sợ hãi hiện trên gương mặt của bọn trẻ, rõ ràng là chúng chẳng mấy tin tưởng vào lời hứa đó.

- Chúng tôi biết một số em đã vào phòng của Debby sau khi bạn ấy qua đời. Tôi tin là hành động ấy được thôi thúc bởi mong muốn có được một vật gì đó để tưởng nhớ người bạn gái đã ra đi mãi mãi.

Trong khi nói, Mila quan sát ánh mắt của cô bé mà cô đã bắt quả tang lấy đồ trong phòng tắm của Debby. Nếu không có vụ việc đó, chắc cuộc điều tra của cô đã lâm vào ngõ cụt.

Sarah Rosa quan sát Mila từ trong một góc phòng, chắc mẩm việc cô đang làm sẽ chẳng thu được kết quả gì. Ngược lại, Boris và Stern tỏ ra rất tin tưởng. Còn Goran thì chỉ chờ đợi.

- Lẽ ra tôi không nên yêu cầu các em làm chuyện này, nhưng tôi biết trong thâm tâm các em rất quý mến Debby. Do vậy tôi cần các em mang tất cả những món đồ đó ra đây, ngay bây giờ.

Mila thử tỏ ra cứng rắn.

- Tôi mong các em không bỏ sót thứ gì, ngay cả những món đồ tầm thường nhất cũng có thể rất hữu ích. Chúng tôi tin rằng một manh mối rất quan trọng đã bị để lọt trong quá trình điều tra. Tôi tin rằng tất cả các em đều mong muốn kẻ sát hại Debby bị trừng trị. Và vì tôi biết sẽ không em nào bị kết tội che giấu bằng chứng, tôi tin rằng các em sẽ làm tốt việc được yêu cầu.

Lời đe dọa sau cùng, tuy chỉ là dọa suông vì các cô bé chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, cũng góp phần nhấn mạnh tính chất nghiêm trọng của hành động mà chúng đã làm. Đồng thời nó cũng là một sự phục thù nho nhỏ cho Debby, người khi còn sống thì bị xem thường, đến lúc chết đi lại trở thành mục tiêu của sự chú ý và trộm cắp.

Mila dừng lại một chút để dành thời gian suy nghĩ cho các cô bé. Sự im lặng là vũ khí thuyết phục hiệu quả nhất, và cô biết mỗi giây trôi qua lại càng thêm nặng nề đối với bọn trẻ. Cô để ý thấy một số đang trao đổi ánh mắt với nhau. Chẳng có đứa nào muốn đi trước, đó là điều bình thường. Sau đó, có hai cô bé cùng bước ra khỏi hàng một lượt. Năm đứa nữa đi theo. Những đứa còn lại ngồi yên.

Mila đợi thêm một phút, trong lúc mắt vẫn dò xét gương mặt của những đứa ngồi lại xem có con kên kên nào quyết định

không bay theo đàn, nhưng không thấy gì. Cô đành hy vọng chỉ bầy đũa kia phạm tội.

- Thôi được, các em còn lại có thể đi.

Bọn trẻ chẳng đợi nhắc thêm và mau chóng rời phòng. Mila quay lại nhìn các đồng nghiệp và chạm phải ánh mắt dừng dừng của giáo sư Goran. Bỗng một hành động của ông khiến cô bất ngờ: ông nháy mắt với cô. Cô suýt cười, nhưng cố kìm lại, vì mọi người đang nhất loạt nhìn cô.

Sau khoảng mười lăm phút, bầy nữ sinh quay lại phòng cùng với các món đồ. Chúng được đặt lên chiếc bàn dài, nơi các thầy cô giáo thường ngồi trong các buổi lễ. Bọn trẻ đứng đợi Mila và các điều tra viên đến xem xét từng món.

Đa số là quần áo và phụ kiện, các món đồ chơi của các bé gái như là búp bê hay thú nhồi bông. Một máy nghe nhạc mp3 màu hồng, một cặp kính râm, mấy lọ nước hoa, muối tắm, một cái bóp cầm tay hình con bọ rùa, chiếc khăn quàng màu đỏ của Debby, và một bộ trò chơi điện tử...

- Cái này không phải do cháu làm hỏng đâu ạ...

Mila ngược mắt nhìn cô bé mũm mĩm vừa lên tiếng. Nó là đứa nhỏ tuổi nhất, cùng lắm là tám tuổi. Nó có một bím tóc dài

vàng óng và đôi mắt xanh ngân ngấn nước. Nữ cảnh sát mỉm cười trấn an cô bé trước khi nhìn món đồ kỹ hơn. Sau đó cô đưa nó cho Boris.

- Đây là cái gì vậy?

Anh chàng lật lật món đồ, xem xét.

- Trông như một máy chơi điện tử.

Anh bật cái máy lên.

Một đốm sáng đỏ nhấp nháy xuất hiện trên màn hình, đều đặn phát ra những âm thanh ngắn.

- Nó hỏng rồi ạ. Cái chấu đỏ không chịu chạy. - Con bé vội vàng giải thích.

Mila nhận thấy mặt Boris bỗng tái hẳn đi.

- Tôi biết nó là cái gì rồi... Khi thật!

Nghe thấy tiếng chửi thề, con bé mở to mắt, không dám tin có người lại dám rủa xả trong một nơi nghiêm trang như thế.

Nhưng Boris chẳng buồn để ý đến con bé. Sự chú ý của

anh đang dồn vào món đồ trên tay.

- Đây là một thiết bị bắt sóng định vị toàn cầu. Ở đâu đó có người đang gửi tín hiệu cho chúng ta.

Lời kêu gọi trên truyền hình dành cho gia đình của bé gái số sáu không thu được kết quả nào.

Phần lớn các cuộc gọi là từ những người muốn bày tỏ sự cảm thông chia sẻ, rốt cuộc chỉ làm nghẽn đường dây. Một bà cụ rất lo lắng cho năm đứa cháu của mình đã gọi ít nhất bảy lần chỉ để “nghe ngóng tin tức của cháu bé tội nghiệp”. Đến cuộc gọi lần thứ bao nhiêu không biết, một cảnh sát viên đã lịch sự yêu cầu bà lão đừng gọi nữa, anh ta chỉ nhận được lời mắng nhiếc của bà.

- Khi anh cố nói rằng họ không giúp ích gì được, họ sẽ bảo anh là đồ vô tâm. - Goran bình luận khi nghe Stern báo cáo lại

chuyện đã xảy ra.

Mọi người đang ngồi trên chiếc xe lưu động, lần theo tín hiệu định vị toàn cầu.

Phía trước họ, những chiếc xe bọc thép chở các đơn vị đặc nhiệm đi trước mở đường, như lời thông báo trịnh trọng của Roche trước đó ít lâu.

Tất cả những biện pháp thận trọng này chẳng qua cũng bởi họ chưa biết Albert sẽ dẫn mọi người đi đến đâu. Nó hoàn toàn có thể là một cái bẫy. Nhưng Goran không đồng tình với ý kiến đó.

- Ngược lại, gã muốn cho chúng ta thấy một thứ gì đó. Một thứ mà rõ ràng gã rất tự hào.

- Tín hiệu định vị toàn cầu đã được xác định trong một khu vực rộng nhiều cây số vuông. Từ xa họ không thể định vị chính xác nơi phát tín hiệu. Cần phải đến tận nơi.

Sự căng thẳng bao trùm chiếc xe. Goran trao đổi vài từ với Stern. Boris kiểm tra vũ khí rồi chỉnh lại chiếc áo chống đạn. Mila quan sát chỗ giao cắt của quốc lộ qua cửa sổ, nơi những cây cầu và các khúc đường đan cài vào nhau.

Thiết bị thu tín hiệu đã được giao cho đội trưởng đội đặc

nhệm, nhưng Sarah Rosa có thể quan sát trên màn hình máy tính những gì mà các đồng nghiệp đi trước nhìn thấy.

Một giọng nói thông báo qua điện đàm:

- Chúng ta đang đến gần mục tiêu. Tín hiệu có vẻ như được phát từ một điểm ở cách ta một cây số.

Mọi người trong xe nhìn nhau.

- Chỗ này là chỗ nào? - Rosa hỏi.

Mila trông thấy từ xa một tòa nhà lớn xây bằng gạch đỏ, gồm nhiều khối nhà nối liền với nhau tạo thành một hình chữ thập. Kiểu dáng kiến trúc tân gô tích những năm 1930, mộc mạc và u tối, tiêu biểu cho các tòa nhà xứ giáo phận của thời kỳ đó. Mặt bên tòa nhà có một tháp chuông vươn lên. Ngay cạnh nó là một nhà thờ.

Những cỗ xe bọc thép tiến vào con đường đất dẫn vào tòa nhà trung tâm. Vừa đến nơi, các cảnh sát đặc nhiệm lập tức chuẩn bị để đột nhập vào bên trong.

Mila cùng với đồng đội bước xuống xe. Cô ngược mắt quan sát mặt tiền đồ sộ của tòa nhà đã bị thời gian làm cho đen nhem. Bên trên cánh cổng là một hàng chữ nổi: *Visitare Pupillos In Tribulatione Eorum Et Immaculatum Se Custodire Ab Hoc*

- Cứu giúp các trẻ em mồ côi trong nỗi thống khổ và bảo vệ chúng khỏi thế giới ô trọc này. - Goran dịch cho cô.

Trước kia nơi đây từng là một trại mồ côi, nhưng giờ nó đã bị đóng cửa.

Đội trưởng đội đặc nhiệm ra dấu để cho các thành viên trong đội chuẩn bị tiến vào qua cửa hông. Do không có kế hoạch trước nên họ buộc phải tùy cơ ứng biến.

Sau khi đợi khoảng một phút, Mila và nhóm điều tra cùng với đội trưởng đội đặc nhiệm bước vào qua cửa chính.

Gian phòng đầu tiên cực kỳ rộng lớn. Phía trước họ là hai cầu thang xoắn đôi dẫn lên tầng trên. Ô cửa sổ trên cao để lọt qua một thứ ánh sáng leo lét. Những chủ nhân duy nhất của tòa nhà là vài con bồ câu hoang hốt trước sự hiện diện của người lạ. Chúng nháo nhác đập cánh bay quanh ô cửa sổ và hất xuống nền nhà những cái bóng lao vun vút. Tiếng giày ủng của đơn vị đặc nhiệm đang lục soát từng căn phòng vang rền trong không gian.

- Trống! - Họ hô to mỗi khi một căn phòng đã được xác nhận an toàn.

Mila nhìn quanh, choáng ngợp bởi một bầu không khí siêu thực.

Lại một trường học nữa trong kế hoạch của Albert, nhưng rất khác với ngôi trường nội trú danh tiếng mà Debby Gordon từng học.

- Một trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi. Tại đây, chỉ ít thì bọn trẻ cũng được bảo đảm có một mái nhà và được giáo dục. - Stern bình phẩm.

Nhưng Boris thấy cần phải chỉnh lại:

- Người ta chỉ đưa vào đây những đứa trẻ không bao giờ được nhận nuôi: con em của các tù nhân, hoặc có bố mẹ tự tử.

Mọi người chờ đợi một khám phá. Bất cứ thứ gì phá vỡ lời nguyện kinh hoàng cũng được chào đón. Miễn là nó giải đáp được nguyên nhân dẫn họ đến tận đây. Tiếng chân bước đột ngột dừng lại. Vài giây sau, một giọng nói vang lên trên bộ đàm:

- Thưa sếp, trong này có một thứ gì đó...

Thiết bị phát tín hiệu định vị được tìm thấy ở dưới hầm. Mila và những người khác cùng chạy đến nơi, ngang qua khu nhà bếp với những cái vạc sắt to tướng, rồi một nhà ăn tập thể rộng

mênh mông với những bộ bàn ghế gỗ phủ formica màu xanh lơ. Cô leo xuống một chiếc cầu thang xoắn hẹp cho đến khi thấy mình đang ở trong một căn phòng rộng có trần thấp. Sàn nhà bằng đá hoa cương thoải thoải dốc về phía một hành lang trung tâm là nơi nước bắn đổ vào. Những cái bồn nằm dọc theo vách tường cũng đều bằng đá.

- Chắc đây là xương giặt. - Stern nói.

Các thành viên đội đặc nhiệm đang vây quanh một trong số mấy cái bồn, cố không làm xáo trộn hiện trường. Một người gỡ bỏ mũ bảo hiểm và cúi gục xuống nôn thốc nôn tháo. Không một ai muốn nhìn.

Boris là người đầu tiên băng qua vòng người nom như một hàng rào ngăn cách thứ không biết là cái gì, nhưng anh lập tức dừng phắt lại, đưa tay lên bịt miệng. Sarah Rosa quay vội mặt đi. Stern buột miệng thốt lên:

- Xin Chúa tha tội chúng con...

Giáo sư Gavila vẫn bình thản. Mila là người cuối cùng khám phá sự tình.

Anneke.

Thi thể cô bé ngập trong vài centimet chất lỏng.

Làn da như sáp đã bắt đầu có dấu hiệu phân hủy. Cô bé hoàn toàn trần truồng. Trong bàn tay phải của em có một chiếc máy phát tín hiệu định vị toàn cầu đang tiếp tục nhấp nháy, hắt ra thứ ánh sáng sinh động ngược đời giữa khung cảnh chết chóc.

Anneke cũng đã bị cắt mất cánh tay trái và có lồng ngực biến dạng. Nhưng điều làm cho mọi người ghê sợ không phải chi tiết đó, không phải tình trạng của cái xác, cũng không phải việc chứng kiến sự dung tục ngay thơ trước mắt họ. Một thứ khác đã gây ra cho họ cảm giác rùng rợn đó.

Cái xác đang mỉm cười.

Cha Timothy chắc khoảng ba mươi lăm tuổi, với mái tóc vàng mềm mại, chải ngôi lệch. Cha đang run lấy bầy.

Cha là người duy nhất sống ở đây.

Cha Timothy sống trong dãy nhà xứ ở bên cạnh nhà thờ, những tòa nhà duy nhất trong giáo phận còn được sử dụng. Các tòa nhà còn lại đều đã bị bỏ không từ nhiều năm trời.

- Tôi ở đây là vì nhà thờ vẫn còn phụng sự Chúa. - Vị cha xứ trẻ trung, người hiện tại chỉ làm lễ cho chính mình, giải thích. - Không ai đến đây cả. Khu ngoại ô nằm ở quá xa, và xa lộ đã cô lập

hoàn toàn nơi này.

Cha Timothy mới đến đây được sáu tháng để thay thế cho cha Rolf đã nghỉ hưu, và rõ ràng là hoàn toàn không biết gì về chuyện đã xảy ra.

- Tôi chẳng bao giờ bước chân xuống đó. - Cha Timothy thú thật. - Tôi xuống đó làm gì kia chứ?

Sarah Rosa và Mila là người đến thông báo cho cha Timothy về vụ đột kích. Cùng với thứ mà họ đã tìm thấy. Khi được biết về sự hiện diện của cha Timothy, Goran đã quyết định cử hai người phụ nữ đến để hỏi chuyện. Rosa làm bộ như đang ghi chép vào quyển sổ tay, nhưng rõ ràng là cô chẳng thèm bận tâm đến lời cha xứ nói. Mila cố gắng trấn an cha Timothy bằng cách nói rằng không ai ép cha chuyện gì hết, và cũng không ai trách cứ cha về điều đã xảy ra.

- Cô bé tội nghiệp! - Cha Timothy thốt lên, rồi bật khóc nức nở.

- Khi nào cha cảm thấy sẵn sàng, xin mời cha xuống xưởng giặt để gặp chúng tôi. - Sarah Rosa nói, khơi lại nỗi kinh hãi của vị cha xứ.

- Để làm gì kia?

- Vì chúng tôi cần phải hỏi cha vài câu về chỗ này. Nó không khác gì một mê cung.

- Nhưng tôi đã nói với hai cô rồi. Tôi hiếm khi vào trong đó, và tôi tin rằng..

Mila cắt ngang:

- Chuyện này chỉ mất có vài phút thôi ạ. Chúng tôi đã mang cái xác đi rồi.

Cô cố tình đưa chi tiết đó vào, vì cô hiểu cha Timothy không muốn hình ảnh của cô bé kia bị ghi vào bộ nhớ của mình. Suy cho cùng, cha phải tiếp tục sống tại cái nơi ghê rợn này. Thế là đã đủ nhọc nhằn lắm rồi.

- Tùy các cô vậy. - Cha xứ gật đầu ưng thuận rồi tiễn hai nữ cảnh sát ra cửa, miệng luôn bảo đảm là mình sẽ hợp tác.

Lúc quay về với nhóm điều tra, Rosa đi trước Mila vài bước, rõ ràng để giữ khoảng cách tôn tại giữa hai người. Nếu vào lúc khác thì Mila đã phản ứng lại sự khiêu khích đó, nhưng ở đây cô là một phần của nhóm điều tra, và cô phải tôn trọng các luật lệ nếu muốn được yên thân làm việc.

Sau vụ này tôi sẽ tính sổ với cô, Mila định bụng.

Khi nghĩ như thế, cô nhận ra mình tin chắc chuyện này sẽ kết thúc, và một ngày kia tấn tuồng ghê rợn này sẽ chỉ còn là quá khứ.

Cõi người là thế, cô nghĩ bụng. Cuộc sống vẫn tiếp diễn. Những người chết đi sẽ được chôn xuống đất, và rồi cùng với thời gian mọi thứ sẽ tiêu tan. Chỉ còn là một chút ký ức mơ hồ, điều bị gạt đi bởi bản năng tự bảo toàn trong mỗi người chúng ta.

Với ai cũng vậy. Nhưng không phải với cô, vì cô sẽ làm mọi cách để sự việc này được khắc ghi mãi mãi trong đầu mình.

Người ta có thể thu được hàng đống thông tin từ một hiện trường vụ án, cả về động cơ cũng như nhân cách của kẻ sát nhân.

Nếu như chiếc xe hơi của Bermann không thể được xem là một hiện trường án mạng đúng nghĩa, thì ngược lại, thi thể thứ hai này cho phép điều tra thêm nhiều thứ về Albert. Vì thế, một cuộc phân tích hiện trường tỉ mỉ điều là rất cần thiết. Thông qua công việc đòi hỏi sự nỗ lực tập thể đó, họ sẽ xác định rõ hơn kẻ sát nhân mà họ đang truy tìm.

Mặc cho Sarah Rosa tìm cách gạt Mila ra khỏi nhóm, cô vẫn tìm thấy vị trí của mình trong dây chuyền công tác nhóm - cô đã gọi nó như thế khi được tham gia vào vụ phát hiện thi thể đầu tiên trong xe hơi của Bermann - và bây giờ cả Boris lẫn Stern đều coi cô như người trong đội.

Khi lực lượng đặc nhiệm đã ra về, Goran và nhóm điều tra bắt tay vào nghiên cứu xương giết.

Hiện trường được chiếu sáng bằng những ngọn đèn halogen đặt trên giá ba chân và nối với một máy phát điện, vì trong tòa nhà không có điện.

Họ chưa đụng chạm vào bất cứ thứ gì, tuy vậy bác sĩ Chang đã bắt tay vào làm việc với cái xác. Anh cầm theo một chiếc va li đựng các món dụng cụ lạ mắt gồm ống nghiệm, thuốc thử hóa học và kính hiển vi. Anh lấy mẫu thứ nước âm u mà cái xác đang được nhúng ngập một phần. Krepp sắp sửa đến để lấy dấu vân tay.

Nhóm điều tra sẽ có khoảng nửa giờ trước khi giao lại hiện trường cho cảnh sát hình sự.

- Cái chúng ta đang thấy không phải là hiện trường án mạng sơ cấp. - Giáo sư Goran nhìn nhận. Nói cách khác, theo ông nó chỉ là hiện trường thứ cấp, vì cô bé rõ ràng đã chết ở một nơi khác.

Trong các vụ giết người hàng loạt, nơi tìm thấy nạn nhân quan trọng hơn nhiều so với nơi nạn nhân bị giết. Bởi lẽ, trong khi hành động giết chóc là thứ mà thủ phạm chỉ giữ cho riêng mình, mọi chuyện diễn ra tiếp sau đó đại抵 là một kiểu chia sẻ kinh nghiệm. Thông qua những cái xác, tên sát nhân muốn thiết lập một sự giao tiếp với các nhà điều tra.

Nếu xét trên quan điểm này thì Albert là một kẻ rất chuyên nghiệp.

- Chúng ta cần phải đọc hiện trường. Hiểu được thông điệp mà nó chứa đựng, và đối tượng mà nó nhắm đến. Ai muốn bắt đầu nào? Tôi xin nhắc lại, mọi ý kiến đều được chào đón, nên mọi người cứ thoải mái nói ra những gì có trong đầu.

Không ai muốn làm trước. Có quá nhiều mối nghi ngờ trong đầu họ.

- Có lẽ thủ phạm đã trải qua quãng đời thơ ấu trong cô nhi viện này. Có lẽ sự căm thù và oán hận của gã khởi nguồn từ đây. Cần phải xem các hồ sơ lưu trữ.

- Thật tình tôi không nghĩ là Albert muốn tiết lộ thông tin cá nhân của gã cho chúng ta đâu Mila à.

- Tại sao?

- Vì tôi không nghĩ gã muốn mình bị bắt... ít ra là tại thời điểm này. Xét cho cùng thì ta mới tìm được xác chết thứ hai thôi.

- Có thể tôi nhầm, nhưng không phải đôi khi bọn sát nhân hàng loạt muốn mình bị cảnh sát bắt bởi vì chúng cảm thấy không thể tự mình dừng lại hay sao?

- Nhảm nhí. - Sarah Rosa nói với giọng điệu khiêu khích thường lệ.

- Đúng, việc bị bắt giữ thường là khao khát sau cuối của một tên giết người hàng loạt. - Goran nói. - Không phải vì hắn không thể tự kiểm soát, mà chính xác hơn là việc bị bắt giúp hắn bước ra ánh sáng. Thường thì kẻ giết người hàng loạt mắc chứng tự tôn quá mức, hắn muốn được thừa nhận vì tầm vóc của công trình mà hắn đã thực hiện. Khi danh tính của hắn chưa bị lộ thì hắn còn chưa đạt được mục đích.

Mila đồng tình, nhưng không hoàn toàn bị thuyết phục. Goran ghi nhận điều đó, rồi quay sang nói với những người còn lại:

- Có lẽ chúng ta phải ôn lại cách tiếp cận để tái dựng mối quan hệ giữa hiện trường vụ án và phương thức ra tay của một tên giết người hàng loạt.

Đây là một bài học dành cho Mila, nhưng cô không thấy phiền lòng. Đó là một cách để đưa trình độ của cô lên ngang bằng

với các đồng nghiệp. Dựa trên phản ứng của Boris và Stern, cô tin rằng họ cũng không muốn cô bị tụt lại.

Stern là người lên tiếng trước. Anh nói mà không nhìn trực tiếp Mila vì không muốn cô bị bối rối.

- Tùy theo tình trạng của hiện trường, chúng ta sẽ xếp kẻ giết người hàng loạt vào hai nhóm: “thiếu tổ chức” và “có tổ chức”.

Boris nói tiếp:

- Những kẻ thuộc nhóm đầu thường rất bê bối trong cuộc sống. Chúng thất bại trong các mối quan hệ cá nhân, có cuộc sống cô độc. Chúng có trí tuệ dưới trung bình, ít học, và làm những công việc không đòi hỏi năng lực cao. Chúng là những kẻ yếu kém về mặt tình dục. Theo quan điểm này, chúng chỉ có những kinh nghiệm vụng về và thoáng qua.

Goran tiếp lời:

- Đó thường là những kẻ từng chịu một sự giáo dục hà khắc lúc còn bé. Do vậy nhiều chuyên gia tội phạm học tin rằng chúng tìm cách trút lên các nạn nhân của mình những nỗi đau đớn và khổ sở mà chúng đã phải chịu đựng. Chúng nung nấu lòng căm hận và sự thù địch mà những người quanh chúng không phải lúc nào cũng có thể nhận thấy.

- Những kẻ thiếu tổ chức không lập kế hoạch, mà hành động một cách tự phát. - Rosa xen vào, không muốn mình bị gạt ra khỏi cuộc thảo luận.

- Sự thiếu tổ chức trong hành vi gây án làm cho tên giết người lo lắng. - Goran giải thích. - Chính vì thế, hắn có khuynh hướng hành động ở những địa điểm quen thuộc với mình, nơi hắn cảm thấy thoải mái. Tâm trạng lo lắng, cộng với việc không thể đi quá xa khiến hắn phạm sai lầm, chẳng hạn như để lại những dấu vết làm hắn bị bại lộ.

- Nạn nhân của hắn thường là những người xui xẻo có mặt không đúng chỗ và không đúng lúc. Hắn ra tay vì đó là cách duy nhất hắn biết để liên hệ với người khác. - Stern kết luận.

- Vậy còn những kẻ có tổ chức, chúng hành động thế nào? - Mila hỏi.

- Trước tiên, hắn rất ma mãnh. - Goran nói. - Khó mà nhận dạng được hắn, vì hắn nhập vai một cách hoàn hảo là một cá nhân bình thường, tôn trọng pháp luật. Hắn có chỉ số trí tuệ cao, làm tốt công việc của mình. Thường thì hắn giữ một vị trí quan trọng trong cộng đồng nơi hắn sinh sống. Hắn không chịu một sự ngược đãi nào lúc còn nhỏ. Hắn có một gia đình yêu thương mình. Hắn không bất lực, và không gặp vấn đề gì trong các mối quan hệ khác giới. Hắn giết người chỉ để mua vui.

Lời khẳng định cuối cùng khiến Mila rùng mình. Nhưng cô không phải là người duy nhất: bác sĩ Chang cũng lần đầu tiên ngừng tay để ngược mắt nhìn họ. Có lẽ anh cũng đang tự hỏi làm thế nào một con người lại có thể có được khoái cảm trong khi gây đau đớn cho đồng loại.

- Đó là một kẻ săn mồi. Hắn lựa chọn nạn nhân, thường là xa nơi hắn cư ngụ. Hắn tinh ranh và rất thận trọng. Hắn có thể tiên lượng diễn tiến của cuộc điều tra nhằm vào mình, và dự tính các bước hành động của điều tra viên. Do vậy rất khó bắt được thủ phạm: hắn biết rút kinh nghiệm. Kẻ giết người có tổ chức luôn theo dõi, chờ đợi rồi ra tay. Hành động của hắn có thể được lên kế hoạch trong nhiều ngày, thậm chí là nhiều tuần lễ. Hắn chọn nạn nhân, quan sát họ, len lỏi vào cuộc sống của họ để thu thập thông tin. Hắn luôn tìm cách thiết lập một sự tiếp xúc, khoác lên mình một cách hành xử hoặc một điểm tương đồng nào đó để tạo dựng sự tin tưởng nơi nạn nhân. Để chế ngự họ, hắn dùng lời lẽ hơn là vũ lực. Thành công của hắn có được là do công sức quynh rũ.

Mila quay đi để nhìn hiện trường án mạng. Rồi cô nói:

- Hiện trường vụ án của gã luôn sạch sẽ. Vì phương châm của gã là “kiểm soát”.

Goran gật gù.

- Có vẻ như cô đã nắm bắt được Albert rồi đấy.

Boris và Stern mỉm cười. Sarah Rosa thì né tránh cái nhìn của Mila và làm ra vẻ như đang xem giờ, miệng lầm bầm rửa xả sự lãng phí thời gian của nhóm.

- Thưa các vị, chúng ta có một phát hiện mới...

Thành viên kín tiếng nhất của nhóm điều tra vừa lên tiếng. Bác sĩ Chang đã đứng dậy, trong tay cầm lam kính mà anh vừa quan sát dưới kính hiển vi.

- Có chuyện gì vậy, Chang? - Giáo sư Gavila nôn nóng hỏi.

Nhưng vị bác sĩ pháp y muốn tận hưởng khoảnh khắc này. Trong mắt anh hiện lên một chút đắc thắng.

- Khi trông thấy cái xác, tôi đã tự hỏi vì sao hấn nhúng nó trong nước...

- Ta đang ở trong một xưởng giặt. - Boris nói, như thể đó là điều hiển nhiên nhất quả đất.

- Đúng, nhưng cũng như điện, nước thủy cục đã bị cắt từ nhiều năm rồi.

Tiết lộ này khiến cho mọi người bất ngờ. Nhất là Goran.

- Vậy nước này là nước gì?

- Giáo sư, ông bình tĩnh nhé... Nó là *nước mắt*.

Con người là loài động vật duy nhất có khả năng khóc hoặc cười.

Mila biết điều đó. Nhưng điều cô không biết là mắt người sản sinh ra ba loại nước mắt. Nước mắt cơ bản, có tác dụng làm ẩm và nuôi dưỡng nhãn cầu. Nước mắt phản xạ, tự tiết ra khi có vật thể lạ rơi vào mắt. Nước mắt cảm xúc, đi kèm với sự đau đớn. Loại nước mắt sau cùng này có một thành phần hóa học khác biệt: nó chứa một hàm lượng cao mangan và prolactin, một loại nội tiết tố.

Trong thế giới của các hiện tượng tự nhiên, mọi thứ đều có thể được tối giản hóa thành công thức, nhưng giải thích tại sao

nước mắt do đau đớn có thành phần khác với các loại nước mắt còn lại là một điều không thể.

Nước mắt của Mila không chứa prolactin.

Đó là bí mật của cô.

Cô không biết thế nào là chịu đựng. Cô cũng không có được sự *thấu cảm* cần thiết để thấu hiểu được người khác và để không cảm thấy mình cô độc giữa mọi người.

Liệu có phải cô luôn như thế? Hay một điều gì, một ai đó đã làm cô mất đi khả năng ấy?

Mila nhận ra điều đó khi cha cô qua đời. Lúc đó cô mới mười bốn tuổi. Cô là người đã tìm thấy ông nằm bất động trên trường kỷ chiều hôm ấy. Trông ông như đang ngủ. Ít ra thì đó là những gì cô nói khi bị người khác cật vấn tại sao không gọi cấp cứu ngay, mà để cả giờ đồng hồ trôi qua. Thật ra Mila đã hiểu ra ngay không còn làm gì được nữa. Nhưng sự kiện bi thảm đó không làm cô mảy may xúc động. Điều khiến cô kinh ngạc là sự bất lực của cô trong việc tìm kiếm cảm xúc trước việc cô chứng kiến. Cha cô, người đàn ông quan trọng nhất cuộc đời cô, người đã dạy dỗ cô mọi điều, hình mẫu của cô, đã ra đi. Mãi mãi. Nhưng cô không thấy tan nát cõi lòng.

Lúc chôn cất ông, cô đã khóc. Không phải vì cái chết cuối cùng đã gây dựng được một chút tuyệt vọng trong đầu cô, mà chỉ bởi đó là điều mà mọi người chờ đợi ở một đứa con gái. Những giọt nước mắt cá sấu đó là kết quả của một nỗ lực to lớn.

Do ức chế, cô đã tự nhủ như thế. Đơn giản là ức chế. Chắc là do căng thẳng. Mình bị sốc mà. Chắc hẳn chuyện này cũng từng xảy đến với người khác. Cô đã thử mọi cách. Cô tra tấn bản thân với những hoài niệm về quá khứ để chỉ ít cũng tạo cho mình cảm giác có lỗi. Nhưng vô ích.

Cô không tài nào lý giải được chuyện đó. Do vậy cô giấu mình trong sự im lặng không thể xuyên phá, không để cho người khác thắc mắc về trạng thái tinh thần của mình. Ngay đến mẹ cô sau vài lần cố gắng cũng đành bỏ cuộc trước bức tường u uất mà cô đã dựng lên.

Mọi người tưởng cô đau đớn, gục ngã. Nhưng thật ra, khi giấu mình trong phòng, Mila đã tự hỏi vì sao cô chỉ có một mong muốn duy nhất, đó là trở lại với cuộc sống thường nhật và chôn cất người cha quá cố trong tim nhanh nhất có thể.

Theo thời gian, mọi chuyện vẫn không thay đổi. Nỗi đau mất mát không bao giờ xuất hiện. Đã có những đám tang khác. Bà cô, một cô bạn học, mấy người họ hàng. Nhưng đối với họ, Mila cũng vẫn không cảm thấy gì, ngoài mong muốn được quên đi cái

chết của họ thật nhanh.

Cô có thể giải bày chuyện này với ai đây? Người ta sẽ nhìn cô như một con quái vật không đáng được làm người. Chỉ có mẹ cô lúc gần đất xa trời là thoáng cảm thấy sự đứng đưng của cô con gái và bà đã rút tay khỏi bàn tay cô, như thể bất ngờ cảm thấy nó thật lạnh lẽo.

Khi những dịp đưa tiễn người thân về cõi vĩnh hằng đã hết, việc phải giả vờ có những cảm xúc mà cô không có đối với những người xa lạ đã trở nên đơn giản hơn. Khi đến tuổi bắt đầu cần đến những cuộc tiếp xúc cá nhân, nhất là với người khác phái, cô lại gặp vấn đề. *Mình không thể cập kê với một cậu con trai nếu như không thể thấu cảm người ta được*, Mila cứ tự nhắc nhở mình như thế suốt. Trước đó, cô đã nhận ra vấn đề của mình khi biết được định nghĩa trong sách vở của chữ “thấu cảm”: đó là “khả năng hướng các cảm xúc của bản thân mình vào một chủ thể để đồng cảm với chủ thể đó”.

Khi ấy, cô đã đến gặp các nhà phân tích tâm lý lần đầu tiên. Vài người trong số họ không biết phải trả lời cô như thế nào, những người khác thì bảo cô quá trình điều trị sẽ kéo dài và rất phức tạp, cần phải đào sâu nghiên cứu để tìm ra “căn nguyên tâm lý” và biết được luồng xúc cảm của cô bị gián đoạn ở chỗ nào.

Nhưng tất cả đều nhất trí ở một điểm: cần phải gỡ bỏ sự

ức chế.

Cô đi làm phân tích tâm lý trong nhiều năm trời nhưng không đạt kết quả. Cô thay đổi bác sĩ điều trị nhiều lần, và có lẽ sẽ tiếp tục như thế mãi nếu như một người trong số họ - kẻ vô liêm sỉ nhất, người mà cô biết ơn đời đời - không nói huých toẹt ra với cô rằng: “Sự đau buồn không hề tồn tại. Cũng như mọi cung bậc cảm xúc còn lại của con người. Hóa học cả thôi. Tình yêu chỉ là vấn đề endorphiri, một loại morphin nội sinh. Với một mũi tiêm Pentothal, tôi có thể dẹp bỏ mọi đòi hỏi cảm xúc cho cô. Chúng ta chỉ là những cỗ máy bằng thịt”.

Rốt cuộc cô cũng thấy nhẹ lòng. Hải lòng thì không, nhưng nhẹ nhõm thì có! Cô chẳng thể làm gì để thay đổi nó được nữa: cơ thể cô đã rơi vào chế độ “tự bảo vệ”, giống như một số thiết bị điện tử khi bị quá tải và buộc phải bảo vệ mạch điện của chúng. Tay bác sĩ tâm lý kia cũng cho cô biết có một số người ở một thời điểm nào đó cảm thấy rất, rất đau buồn, hơn cả những gì mà một con người có thể chịu được trong cả cuộc đời. Và họ thôi không sống nữa, hoặc là tập làm quen với nó.

Mila không biết liệu có nên xem việc “tập làm quen” của mình là một điều may mắn không, nhưng cũng nhờ nó mà cô thành ra như bây giờ. Một người đi tìm trẻ con mất tích. Tìm ra phương thuốc hóa giải cho sự chịu đựng của những người khác là hành động bù đắp cho những gì mà cô không bao giờ cảm nhận được. Lời

nguyên cô bị dính phải bồng trở thành năng lực của cô.

Mila giải cứu lũ trẻ và đưa chúng về nhà. Chúng biết ơn cô. Một vài đứa còn gắn bó với cô tới mức sau này, khi đã lớn vẫn đến tìm cô để xin cô kể lại chuyện của chúng.

Chúng cảm ơn cô đã quan tâm đến chúng.

Tất nhiên cô không thể tiết lộ rằng thật ra “sự quan tâm” đó là gì, bất kể đứa nào được cô tìm thấy cũng vậy. Cô có thể cảm thấy phần nộ về chuyện đã xảy đến với chúng, giống như cô bé số sáu trong vụ án này, nhưng cô chưa bao giờ cảm thấy “động lòng”.

Cô đã chấp nhận số mệnh của mình. Nhưng dù vậy cô cũng phải tự hỏi một câu: liệu cô có khả năng yêu được một ai đó hay không?

Không biết câu trả lời, Mila đã dọn sạch trái tim và tâm hồn của mình từ lâu. Cô sẽ không bao giờ có một tình yêu, một người chồng hay bạn trai, con cái hoặc thậm chí là thú nuôi. Bởi bí mật của cô nằm ở chỗ cô không có gì để mất. Không ai có thể lấy đi điều gì ở cô. Cách duy nhất giúp cô chui sâu vào trong đầu những người cô đi tìm là tạo ra quanh mình sự trống trải đang vây quanh họ.

Nhưng một ngày nọ, một vấn đề đã nảy sinh. Đó là sau

khi Mila giải phóng một thằng bé khỏi móng vuốt của một kẻ ác dã. Hắn đã bắt cóc thằng bé để chơi bời trong dịp cuối tuần. Hắn đã định sẽ thả thằng bé sau ba ngày, vì trong đầu óc bệnh hoạn của hắn, hành động bắt cóc chỉ là “mượn tạm”. Tình trạng của thằng bé khi hắn trả nó về với gia đình không quan trọng đối với hắn. Hắn tự bào chữa rằng mình sẽ không bao giờ làm hại thằng bé.

Vậy còn những thứ khác thì sao? Hắn định nghĩa cú sốc của việc bắt cóc như thế nào? Sự giam giữ? Sự bạo hành?

Đó không phải là một toan tính tuyệt vọng nhằm tìm kiếm tính hợp pháp hóa cho điều mà hắn đã làm, mà hắn thực sự tin vào nó! Bởi hắn không thể đặt mình vào vị trí của nạn nhân. Rốt cuộc Mila đã hiểu ra, con người đó cũng bị giống như cô.

Kể từ hôm ấy, cô đã xác định sẽ không để cho tâm hồn mình bị thiếu đi sự thương hại, thứ giúp cô cảm nhận người khác và cuộc sống chung quanh. Nếu không thể tự tìm thấy nó, cô sẽ tìm cách tạo ra nó.

Cô đã nói dối nhóm điều tra và giáo sư Gavila. Thật ra cô biết rất rõ về bọn sát nhân hàng loạt, hay chí ít là một khía cạnh trong thái độ của chúng.

Sự ác dã.

Gần như luôn là thế, hành vi của một kẻ sát nhân hàng loạt về căn bản có sự tàn ác rõ rệt và sâu sắc. Các nạn nhân bị xem như “món đồ” mà việc sử dụng và hành hạ họ sẽ đem lại một ưu thế cá nhân.

Kẻ sát nhân hàng loạt thu được khoái cảm thông qua hành vi bạo hành những nạn nhân của mình.

Thường thì người ta nhận thấy thủ phạm không thể đạt được một mối quan hệ chín chắn và trọn vẹn với người khác, vốn bị hấn coi như đồ vật hơn là một con người. Bạo lực do đó chỉ là khả năng tiếp cận duy nhất của hung thủ với phần còn lại của thế giới.

Minh không muốn bị như thế, Mila tự nhủ. Dù ý nghĩ cho rằng cô có vài điểm chung với những tên sát nhân không biết thương xót là gì đi nữa cũng đủ khiến cô phát ốm.

Sau khi phát hiện ra thi thể của Anneke, lúc cùng với Rosa rời nhà cha Timothy, Mila một lần nữa tự hứa rằng tối nay, cô sẽ khắc cốt ghi tâm những gì đã xảy ra với cô bé kia. Vì vậy, vào lúc cuối ngày, khi những người khác quay về studio để tổng hợp và sắp xếp lại các kết quả điều tra thu được, Mila quyết định ra ngoài vài tiếng.

Thế rồi, như đã từng làm đôi lần trước kia, cô đi đến hiệu thuốc, mua mọi thứ cần thiết. Thuốc sát trùng, băng cá nhân, bông

thấm nước, băng dính tiệt trùng, kim và chỉ khâu vết thương.

Cùng với một lưỡi dao lam.

Cô quay về phòng trọ cũ ở khu nhà nghỉ với một ý định rõ ràng trong đầu. Cô chưa trả phòng và vẫn tiếp tục thanh toán tiền trọ chỉ với mục đích này. Cô kéo rèm, bật chiếc đèn ngủ đầu giường, rồi ngồi xuống và trút những thứ vừa mua từ trong túi giấy lên nệm.

Cô xắn quần jean lên.

Sau khi đổ một ít thuốc sát trùng ra tay rồi xoa mạnh hai tay với nhau, cô dùng bông gòn thấm thuốc và bôi lên da đùi phải. Ở phía trên chỗ đó có một vết sẹo cũ, hậu quả của một lần thử vụng về trước đó. Nhưng lần này cô sẽ không thất bại và sẽ làm thật tốt. Cô dùng răng xé giấy bọc lưỡi lam. Kẹp lưỡi thép giữa các ngón tay, cô nhắm mắt, và hạ tay xuống. Cô đếm đến ba, rồi vuốt lớp da đùi. Cô cảm thấy lưỡi lam cứa vào trong thịt, di chuyển và tạo ra một vết thương hở.

Con đau thể xác bùng nổ trong một tiếng thét câm lặng. Từ vết thương, nó chạy dọc theo thân thể cô, lên đến tận đỉnh đầu, xóa sạch mọi hình ảnh chết chóc trong đó.

- Dành cho cháu đấy, Anneke. - Mila nói với sự im lặng.

Và rồi, cô bật khóc.

Nụ cười trong nước mắt.

Đó là hình ảnh ấn tượng mà hiện trường vụ án để lại. Tiếp đến là chi tiết không thể bỏ qua: thi thể trần truồng của cô bé thứ hai đã được tìm thấy trong một xưởng giặt.

- Ý đồ của hung thủ liệu có phải là làm sạch tác phẩm của mình bằng nước mắt? - Roche đã hỏi như thế.

Nhưng như thường lệ, giáo sư Goran Gavila không tin vào những lối giải thích quá đơn giản. Cho đến lúc ấy, bộ óc giết người của Albert tỏ ra quá tinh xảo để có thể sa đà vào những chuyện tầm thường như thế. Gã tự cho rằng mình có đẳng cấp cao hơn bọn sát nhân hàng loạt trước đây.

Tại studio, sự mệt mỏi đã lộ rõ. Mila từ nhà nghỉ quay về lúc chín giờ tối với đôi mắt sưng húp, chân phải hơi kéo lê. Ngay lập tức cô vào trong phòng nằm xuống nghỉ một lúc, chẳng buồn dọn giường và cởi quần áo. Tầm mười một giờ, cô bị đánh thức bởi giọng thì thầm qua điện thoại của Goran ở ngoài hành lang. Cô nằm yên, làm ra vẻ như đang ngủ. Sự thực là cô đang đóng tai lên nghe.

Cô tưởng đầu dây bên kia là vợ ông, nhưng hóa ra là một bà vú nuôi hoặc là quán gia, mà ông gọi là “bà Runa”. Ông hỏi thăm bà ta về tin tức của Tommy, - vậy ra đó là tên thằng bé - xem liệu nó có bỏ làm bài tập về nhà, nó có hư hay không. Goran ừ hử nhiều lần trong lúc nghe bà Runa báo cáo tình hình. Cuối mẩu đối thoại, ông hứa sáng hôm sau sẽ về nhà để chơi với Tommy vài tiếng.

Mila nằm cuộn mình quay lưng về phía cửa, không nhúc nhích. Khi Goran gác máy, có vẻ như ông dừng lại trên ngưỡng cửa một chút và đưa mắt nhìn về phía cô. Cô nhận ra điều đó khi thấy bóng ông hắt lên bức tường trước mặt mình. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô quay người lại? Ánh mắt hai người sẽ chạm nhau trong bóng tối. Biết đâu sự ngỡ ngàng ngập ban đầu sẽ nhường chỗ cho một cảm giác khác. Một cuộc đối thoại cam lạng. Nhưng liệu đó có phải là điều cô thực sự cần hay không? Người đàn ông này có một sức hút lạ lùng đối với cô. Cuối cùng cô quyết định xoay người lại. Nhưng Goran đã biến mất.

Cô nhanh chóng chìm lại vào giấc ngủ.

Mila... Mila...

Như một tiếng thì thầm, giọng nói của Boris luôn lách vào trong một giấc mơ đầy những thân cây tối thẫm và con đường hun hút. Mila mở mắt và nhìn thấy anh chàng đang cúi xuống mình trên chiếc giường gấp. Anh không đụng vào người cô để đánh thức

cô dậy mà chỉ khẽ gọi tên cô. Nhưng anh đang mỉm cười.

- Máy giờ rồi? Tôi ngủ quên à?

- Không, mới có sáu giờ sáng... Tôi đi đây. Giáo sư Gavila muốn tôi đi thăm vấn vài người từng ở trong trại trẻ mồ côi. Tôi tự hỏi liệu cô có muốn đi cùng không.

Mila thấy bất ngờ trước lời đề nghị này. Nhưng nhận thấy sự lúng túng của Boris, cô hiểu đây không phải là ý của anh.

- Được, tôi sẽ đi.

Anh chàng cao to gật đầu, thầm cảm ơn cô đã không bắt anh phải nài ép.

Năm phút sau, hai người gặp nhau tại bãi đậu xe trước tòa nhà. Chiếc xe hơi đã nổ máy sẵn. Boris đứng đợi cô bên ngoài, lưng dựa vào xe, trên môi phì phèo một điếu thuốc lá. Anh mặc một áo khoác đã sờn cũ dài gần đến đầu gối. Mila thì vẫn khoác chiếc áo da thường mặc. Trong lúc soạn đồ, cô đã không nghĩ trời lạnh đến thế. Ánh mặt trời e ấp rọi xuyên qua các tòa nhà chỉ đủ làm ấm đôi chút các đụn tuyết ứ lại nơi góc đường, và tình hình cũng sẽ chẳng kéo dài: chiều nay dự báo sẽ có bão tuyết.

- Lẽ ra cô nên mặc ấm hơn, cô thấy đấy. - Boris vừa nói

vừa nhìn cô bằng ánh mắt lo lắng. - Vào thời điểm này trong năm, ở đây trời lạnh lắm.

Trong xe thật ấm áp và dễ chịu. Một cái cốc nhựa và một túi giấy đã đặt sẵn trên bảng điều khiển.

- Cà phê và bánh sừng bò nóng à?

- Tất cả là của cô đây! - Boris đáp, trong đầu nhớ lại sự háu ăn của cô.

Một lời đề nghị giảng hòa. Mila chấp nhận ngay không bàn cãi. Cô vừa nhai nhồm nhoàm vừa hỏi:

- Chúng ta đi đâu đây?

- Tôi đã nói rồi: đi thăm tra một số học sinh cũ của cô nhi viện. Gavila tin rằng vụ dàn dựng với cái xác trong bể giặt không phải chỉ để chúng ta xem cho vui.

- Có thể nó gợi nhắc một chuyện trong quá khứ.

- Rất xa xưa, nếu quả thực là thế. May mắn là những chỗ như thế này đã không còn tồn tại từ gần hai mươi tám năm nay, khi người ta thay đổi luật.

Có một chút gì đó đau đớn trong giọng điệu của Boris.
Anh thú nhận.

- Cô biết không, tôi cũng đã từng vào một nơi như thế này. Hồi đó tôi khoảng mười tuổi. Tôi chưa bao giờ biết bố mình là ai, mẹ tôi chỉ có một mình nên không thể xoay xở nuôi tôi được. Thế nên bà ấy đã đưa tôi vào chỗ như thế này trong một thời gian.

Mila không biết phải nói gì. Cô bối rối trước tiết lộ quá riêng tư đó. Boris hiểu ra ngay.

- Cô không cần phải nói gì đâu. Không phải lo. Mà, không hiểu sao tôi lại đi kể cho cô nghe chuyện này nhỉ.

- Tôi xin lỗi, tôi không phải là người cởi mở. Thường thì người khác thấy tôi là một người lạnh lùng.

- Tôi thì không.

Boris nhìn con đường. Giao thông đã bị chậm lại do sương giá vẫn còn bám trên mặt đường nhựa. Khói thải từ các ống xả lơ lửng trong không trung. Trên vỉa hè, mọi người bước đi vội vã.

- Stern, cầu Chúa giữ cho anh ấy luôn như thế, đã tìm ra được một tá cựu học viên của cô nhi viện. Chúng ta lãnh một nửa, Rosa và anh ấy phụ trách phần còn lại.

- Chỉ có chừng ấy thôi sao?

- Trong chừng đó thôi. Tôi không biết ông giáo sư có ý gì trong đầu, nhưng ông ấy cho rằng ta có thể rút ra được điều gì đó...

Thật ra thì họ không có lựa chọn nào khác, và đôi khi cũng phải bầu víu vào một thứ gì đó để tiếp tục cuộc điều tra.

Sáng hôm ấy, họ đi thăm vấn bốn học sinh cũ. Tất cả đều trên hai mươi tám tuổi, và có lý lịch tương đối bất hảo. Cô nhi viện, trường giáo dưỡng, nhà tù, tại ngoại có quản thúc, xô khám trở lại, tù treo. Chỉ có duy nhất một người đã thoát ra khỏi vòng xoáy bùn lầy, nhờ vào nhà thờ: ông ta đã trở thành mục sư của một trong số nhiều cộng đồng Tin lành trong vùng. Hai người khác sống trong chật vật. Người thứ tư đang bị giam giữ tại gia do hành vi buôn lậu. Nhưng khi họ nhắc đến quãng thời gian ở trong cô nhi viện, Mila và Boris đều nhận thấy họ đột ngột đổi giọng. Những kẻ từng vào tù ra khám nhiều lần nhưng không sao quên được chốn ấy.

- Anh có để ý nét mặt họ không? - Mila hỏi anh bạn đồng nghiệp sau chuyến viếng thăm thứ tư. - Anh có nghĩ một điều gì đó rất khủng khiếp đã từng xảy ra trong cô nhi viện này, giống như tôi không?

- Chỗ này cũng không khác gì những nơi khác, tin tôi đi. Nhưng tôi nghĩ có gì đó liên hệ với thời thơ ấu của gã. Khi ta đã lớn,

mọi thứ trôi tuột đi, kể cả những điều tồi tệ nhất. Nhưng ở vào tuổi ấy, những kỷ niệm ăn sâu vào trong xương tủy và nằm nguyên trong đó.

Cứ mỗi lần họ thuật lại việc phát hiện ra cái xác trong bể giặt với mọi sự cẩn trọng cần thiết, những học sinh cũ của cô nhi viện đều lắc đầu. Hình ảnh ghê rợn đó chẳng nói lên điều gì với họ.

Sau nửa ngày, Mila và Boris dừng lại ăn qua quýt món bánh mì kẹp cá ngừ và uống cà phê. Bầu trời trở nên nặng trĩu. Các nhà khí tượng học đã không nhầm: trời lại sắp đổ tuyết.

Họ còn phải gặp hai người nữa trước khi thời tiết trở nên quá xấu và chặn mất đường về. Họ quyết định bắt đầu với người ở xa nhất.

- Ông ta tên là Feldher, sống cách đây khoảng ba chục cây số.

Boris đang có tâm trạng vui vẻ. Mila định tận dụng cơ hội để hỏi han một chút về Goran. Ông giáo sư khiến cô tò mò: dường như với cô ông không thể có một cuộc sống riêng, với một vợ và một con trai. Đặc biệt, vợ ông là một ẩn số thực sự. Nhất là sau cuộc nói chuyện điện thoại mà Mila đã nghe được đêm hôm qua. Vợ ông đang ở đâu? Tại sao bà ấy không có mặt ở nhà để chăm sóc cậu con trai Tommy? Tại sao lại có bà Runa thế vào chỗ của bà ấy?

Biết đâu Boris có câu trả lời cho những câu hỏi đó? Nhưng Mila không tìm được cách để đề cập tới thắc mắc của mình, nên đành bỏ cuộc.

Hai người đến nhà của Feldher khi đồng hồ vừa chỉ hai giờ chiều. Họ đã cố gọi điện thoại để báo trước, nhưng chỉ nhận được câu trả lời tự động rằng số điện thoại họ gọi không tồn tại.

- Có vẻ ông bạn của chúng ta đang gặp một chút khó khăn. - Boris bình phẩm.

Khi nhìn thấy nơi ở của ông ta, họ đã có lời khẳng định. Căn nhà, nếu người ta có thể gọi đó là nhà, nằm ở giữa một bãi phế liệu, chung quanh toàn những xác xe. Một con chó có bộ lông hung nom như bị han gỉ giống những thứ xung quanh chào đón hai người bằng một tiếng tru khàn khàn. Một người đàn ông tầm bốn mươi xuất hiện trên ngưỡng cửa. Ông ta mặc một chiếc áo thun bản thủ và quần jean, dù trời đang rất lạnh.

- Ông là Feldher?

- Phải... còn mấy người là ai?

Boris dùng tay phải giơ thẻ cảnh sát ra.

- Chúng ta có thể nói chuyện được không?

Feldher có vẻ không chào đón chuyến viếng thăm, nhưng vẫn ra hiệu cho họ bước vào.

Ông ta có một cái bụng to đùng và những ngón tay vàng ệch vì thuốc lá.

Bên trong, căn nhà cũng giống với chủ nhân của nó, dơ dáy và bừa bãi. Ông ta cho họ uống món trà nguội trong hai cái cốc cộc cạch, đoạn châm một liều thuốc và ngồi xuống một chiếc ghế dài ọp ẹp, nhường cho khách chiếc xa lông.

- Hai người may lắm mới tìm được tôi đây. Thường thì tôi đi làm...

- Vậy sao hôm nay ông không đi? - Mila thắc mắc.

Ông ta nhìn ra bên ngoài.

- Tuyệt. Thời tiết thế này thì làm lụng thế quái nào được. Tôi mất hàng mấy ngày trời rồi.

Mila và Boris cầm cốc trà lên, nhưng không uống. Feldher không tỏ ra phật ý.

- Vậy sao ông không thử đổi công việc? - Mila dò hỏi, cố làm ra vẻ quan tâm để tạo sự tiếp xúc thân thiện.

Feldher thở dài.

- Tôi có thử đấy chứ! Hai người tưởng tôi không hả? Nhưng rồi có ra cái trò gì đâu, y như con mụ vợ nhà tôi. Nó téch đi tìm chỗ tốt hơn rồi. Ngày nào nó cũng lái nhái cái điệp khúc là tôi chẳng làm được trò trống gì. Giờ thì nó đi làm bồi bàn và ở ghép với hai đứa đàn độn giống như nó. Tôi đã biết mà. Mấy người biết không, chỗ đó do cái nhà thờ mà nó theo quản lý đó! Bọn họ bảo nó là ngay cả một con hầu vớt đi như nó cũng có chỗ trên thiên đàng cơ đấy! Hai người có thấy không?

Mila nhớ đã nhìn thấy chừng một tá nhà thờ tân giáo như ông ta nói trên đường đi. Tất cả đều có những tấm bảng gắn đèn nêông to tương đề tên giáo phận và câu biểu ngữ của họ. Từ nhiều năm nay, các nhà thờ này mọc lên như nấm trong vùng, thu hút những người cải đạo, chủ yếu là đám công nhân thất nghiệp dạt ra từ các khu công nghiệp lớn, những bà mẹ đơn thân và những người thất vọng với nhà thờ truyền thống. Mặc dù có tuyên ngôn khác nhau, nhưng các nhà thờ này vẫn có chung một sự gắn bó với thuyết sáng tạo, bài trừ đồng tính, phản đối phá thai, khẳng định nguyên tắc theo đó mỗi cá nhân đều có quyền sở hữu vũ khí và hoàn toàn ủng hộ án tử hình.

Mila tự hỏi Feldher sẽ phản ứng như thế nào khi họ cho ông ta biết là một trong số các bạn học cũ của ông ta ở cô nhi viện nay đã trở thành mục sư của một trong các nhà thờ kia.

- Lúc hai người tới, tôi tưởng là người của bọn kia. Bọn nó tới tận đây để thuyết giáo cơ đấy! Hồi tháng rồi, con mụ vợ tôi, cái con điếm ấy, nó đã cử hai đứa đến để thuyết phục tôi cải đạo đấy!

Ông ta cười hề hếch, để lộ hai hàm răng sâu. Mila thử tìm cách lái câu chuyện ra khỏi đề tài hôn nhân bằng một câu hỏi dò:

- Trước khi đi lao động thì ông làm nghề gì?

- Hai người không tin nổi đâu... - Ông ta bật cười, đưa mắt nhìn đồng rác rưởi chung quanh mình. - Tôi từng có một tiệm giặt nhỏ.

Hai cảnh sát viên cố không nhìn nhau để không lộ ra cho Feldher thấy là điều ông ta tiết lộ đáng quan tâm tới mức nào. Mila nhận thấy Boris lướt một tay qua hông và mở bao súng. Cô nhớ lại khi đến nơi cô đã nhận ra chỗ này không có sóng di động. Do không biết gì nhiều về người đàn ông trước mặt, họ buộc phải thận trọng.

- Ông từng đi tù, phải không?

- Máy cái tội vặt vãnh thôi mà. Chẳng khiến một người tù tể phải mất ngủ đâu.

Boris tỏ rõ anh đang ghi nhận thông tin này, đồng thời nhìn Feldher chăm chăm để khiến ông ta nao núng.

- Đây, tôi giúp gì được cho mấy người đây? - Người đàn ông hỏi, không buồn che giấu sự bức dọc.

- Chúng tôi biết hồi còn nhỏ ông đã trải qua phần lớn thời gian trong một cô nhi viện. - Boris thận trọng vào đề.

Feldher nhìn anh dò xét, vẻ nghi ngờ: cũng như những người kia, ông ta không nghĩ đến việc bị hai cảnh sát đến làm phiền chỉ vì lý do đó.

- Những năm tốt nhất đời tôi đó. - Ông ta nói một cách hần học.

Boris giải thích cho ông ta hiểu lý do đã đưa anh và Mila đến tận đây. Feldher có vẻ hài lòng khi được nghe các chi tiết trước cả cánh báo chí.

- Tôi có thể kiếm bộn tiền nếu tuần tin này ra cho đám nhà báo. - Ông ta chỉ nói có thể khi nghe xong.

- Cứ thử đi, chúng tôi sẽ bắt ông ngay lập tức. - Boris vừa nói vừa nhìn xoáy vào mặt ông ta.

Nụ cười trên gương mặt Feldher tắt ngóm. Boris cúi người tới trước, về phía ông ta. Đó là một kỹ thuật thẩm vấn mà ngay cả Mila cũng biết. Trừ phi có một mối liên hệ tình cảm hoặc đặc biệt thân mật, người ta luôn phải tôn trọng một ranh giới vô hình với người đối thoại. Tuy nhiên, thẩm vấn viên luôn áp sát đối tượng được hỏi để xâm nhập vào vùng không gian riêng tư của anh ta, khiến anh ta lúng túng.

- Ông Feldher, tôi tin chắc là ông rất thích giỡn mặt đám cảnh sát đến tìm ông bằng cách rót cho họ món trà pha nước tiêu của mình, để ông khoái trá nhìn họ đàn mặt ngồi cầm cốc mà không dám uống.

Feldher không nói lời nào. Mila nhìn Boris, tự hỏi liệu anh có đang hành động đúng trong tình trạng này. Họ sẽ biết ngay thôi. Boris bình tĩnh đặt cốc trà xuống cái bàn thấp, rồi nhìn thẳng vào mắt Feldher trở lại.

- Bây giờ tôi muốn ông kể lại khoảng thời gian ông sống trong trại mồ côi...

Feldher cụp mắt, lí nhí nói:

- Có thể nói là tôi đã được sinh ra trong đó. Tôi chẳng bao giờ biết ba mẹ mình là ai. Bọn họ đưa tôi đến đó ngay khi tôi mới chào đời. Tên tôi là do cha Rolf đặt cho. Ông ấy bảo cái tên ấy

thuộc về một người ông biết rõ và đã hy sinh trong chiến tranh. Tôi tự hỏi làm sao ông cha xứ điên rồ đó lại nghĩ rằng cái tên mang đến sự xui xẻo cho người khác thì có thể mang lại hạnh phúc cho tôi kia chứ!

Bên ngoài, con chó lại sủa khiến Feldher quay ra bắt nó im tiếng:

- Yên nào Koch! - Feldher quay lại nhìn hai cảnh sát. - Hồi trước tôi có đầy chó. Cái chỗ này là một bãi rác. Lúc tôi mua nó, người ta bảo đảm là nó đã được tẩy uế. Nhưng cứ lâu lâu một thứ gì đó lại xì ra: nước rỉ rác cùng với đủ thứ bần thiu khác, nhất là khi trời mưa. Lũ chó uống vào, bụng chúng trương lên rồi vài ngày sau thì chết. Tôi chỉ còn mỗi con Koch, nhưng tôi nghĩ nó cũng sắp nghèo rồi.

Feldher đang tìm cách đánh trống lảng. Ông ta không muốn quay trở lại nơi có lẽ đã định đoạt số mệnh của mình. Bằng câu chuyện về cái chết của đàn chó, ông ta cố gắng đấu dịu với hai cảnh sát viên để được yên thân. Nhưng Boris và Mila không chịu bỏ cuộc.

- Tôi muốn ông nỗ lực một lần này, ông Feldher... - Mila nói, cố gắng tỏ ra thuyết phục.

- Thôi được, cô nói đi...

- Tôi muốn ông nói cho chúng tôi biết đối với ông, hình ảnh “cười trong nước mắt” gọi cho ông nghĩ đến điều gì.

- Cái này giống trò của bọn bác sĩ tâm thần chứ gì? Một kiểu kết hợp hú họa hả?

- Đại loại thế. - Mila đồng tình.

Feldher ra về đăm chiêu suy nghĩ, đôi mắt hướng lên trần nhà, tay gãi cằm. Ông ta muốn làm ra vẻ hợp tác, hoặc cũng có thể đã hiểu hai cảnh sát không thể buộc tội mình vì đã “ém nhem chuyện cũ” nên tìm cách chế giễu họ.

- Billy Moore. - Cuối cùng Feldher nói.

- Ai vậy? Một trong đám bạn học của ông hả?

- À, một thằng rất đặc biệt! Nó vào cô nhi viện năm chín tuổi. Lúc nào nó cũng vui vẻ cười đùa. Nó nhanh chóng trở thành người đem lại may mắn cho tụi tôi... Hồi đó, cô nhi viện đã bắt đầu đóng cửa. Chúng tôi chỉ còn có mười sáu người cả thầy.

- Cả một chỗ rộng lớn như thế chỉ để cho một nhóm trẻ em thôi sao?

- Ngay cả các cha xứ cũng đã ra đi! Chỉ mình cha Rolf là

còn ở lại... Tôi là một trong những đứa lớn nhất, lúc đó tôi mười lăm tuổi, tầm đó... Chuyện của Billy buồn lắm. Ba mẹ nó treo cổ tự tử. Nó đã phát hiện ra họ. Nó không khóc, cũng không kêu cứu, mà chỉ bắc ghế leo lên và gỡ xác họ từ trần nhà xuống.

- Kinh nghiệm nhớ đời.

- Không phải với Billy. Nó luôn vui vẻ. Nó thích ứng được với những điều tồi tệ nhất. Đối với nó, mọi thứ chỉ là một trò chơi. Tụi tôi chưa từng thấy cái gì như thế. Với đám trẻ chúng tôi, chỗ đó là một nhà tù, nhưng Billy mặc kệ. Nó rất năng động, tôi không biết phải nói thế nào nữa... Nó có hai niềm đam mê lớn: đôi giày có bánh xe mà nó hay dùng để trượt qua các hành lang vắng vẻ, và các trận bóng đá! Nhưng nó không thích đá bóng. Nó chỉ thích ngồi làm bình luận viên tại chỗ thôi! “Tôi là Billy Moore, tường thuật trực tiếp trận chung kết cúp bóng đá thế giới từ sân vận động Aztec, thủ đô Mexico...” Vào hôm sinh nhật của nó, chúng tôi đã hùn nhau mua tặng nó một cái máy ghi âm! Đúng là cá gặp nước: nó dành hàng giờ để thu âm rồi ngồi nghe đi nghe lại!

Feldher bắt đầu huyền thuyên và đi lạc chủ đề. Mila cố đưa ông ta trở lại:

- Ông hãy kể cho chúng tôi nghe về những ngày tháng cuối cùng trong cô nhi viện của ông..

- Như tôi đã nói, nó sắp sửa bị đóng cửa, chúng tôi chỉ có hai lựa chọn: được nhận nuôi, hoặc là đi sang những tổ chức khác, các mái ấm tình thương chẳng hạn. Nhưng chúng tôi chỉ là những đứa trẻ mồ côi loại hai, chẳng ai muốn nhận về. Billy thì khác, người ta xếp hàng nhận nuôi nó! Tất cả mọi người đều quý mến và muốn có nó!

- Mọi chuyện kết thúc như thế nào? Billy có tìm được một gia đình từ tế không?

- Billy chết rồi.

Feldher nói câu đó với một sự thất vọng nãy nề đến nỗi tưởng như đó là định mệnh của chính ông ta. Mà có lẽ là thế thật: thằng bé kia giống như một sự cứu chuộc cho những đứa bạn của nó. Rốt cuộc cũng có một đứa có khả năng thoát ra khỏi cô nhi viện.

- Chuyện xảy ra thế nào? - Boris hỏi.

- Viêm màng não.

Feldher sụt sịt, mắt hơi ươn ướt. Ông ta quay về phía cửa sổ, vì không muốn tỏ ra yếu đuối trước mặt người lạ. Mila chắc chắn là khi cô và Boris đi khỏi, những hoài ức về Billy vẫn sẽ tiếp tục ùa vào căn nhà này như một bóng ma. Nhưng cũng nhờ những

giọt nước mắt, Feldher đã thuyết phục được họ. Mila thấy Boris rời tay khỏi bao súng. Ông ta là người vô hại.

- Bệnh viêm màng não đã đem Billy đi. Do sợ nó thành dịch, người ta đã lập tức đem chúng tôi ra khỏi chỗ đó... trong cái rủi cũng có cái may, nhỉ? - Feldher cười gằn. - Họ đã ân xá cho chúng tôi, theo một cách nào đó! Và cái lỗ cống đó đã bị đóng cửa sáu tháng trước dự kiến.

Lúc hai người đứng dậy ra về, Boris hỏi lại lần nữa:

- Ông có gặp lại ai trong đám bạn cũ không?

- Không, nhưng cách đây khoảng hai năm tôi có gặp lại cha Rolf.

- Bây giờ ông ta đã nghỉ hưu.

- Chỉ mong ông ta xuống lỗ cho rồi.

- Tại sao? - Mila hỏi, nghĩ đến điều tệ hại nhất. - Ông ta đã làm gì ông à?

- Không hề. Nhưng khi trải qua cả thời thơ ấu trong một nơi như thế, buộc lòng người ta phải căm ghét tất cả những gì khiến họ nhớ lại nó.

Một suy nghĩ không khác mấy so với Boris. Bất giác anh gật gù đồng tình.

Feldher không tiễn họ ra cửa. Ông ta cúi xuống bàn và cầm lấy chỗ trà nguội mà Boris không uống, đưa lên môi nốc cạn.

Rồi ông ta nhìn họ một cách đặc thẳng:

- Chúc một ngày tốt lành.

Một tấm ảnh cũ của nhóm học sinh cũ - những đứa trẻ cuối cùng từng sống ở cô nhi viện trước khi nó bị đóng cửa - đã được tìm thấy tại nơi ngày trước vốn là văn phòng của cha Rolf.

Trong số mười sáu đứa trẻ đứng cùng cha Rolf, chỉ có một đứa mỉm cười trước ống kính.

Một nụ cười trong nước mắt.

Đôi mắt lạnh lợi, mái tóc rối bù, một chiếc răng cửa bị khuyết, một vệt dầu mỡ trên chiếc áo phông xanh nom giống như chiếc huy chương.

Billy Moore mãi mãi nằm lại trong bức ảnh và khu nghĩa trang nhỏ cạnh nhà thờ của cô nhi viện. Nó không phải là đứa trẻ duy nhất được chôn tại đó, nhưng ngôi mộ của nó là cái đẹp nhất. Một bức tượng thiên thần bằng đá giương cánh trong tư thế bảo vệ thẳng bé.

Sau khi đã nghe báo cáo của Mila và Boris, giáo sư Gavila yêu cầu Stern thu thập tất cả những tài liệu có liên quan đến cái chết của Billy. Anh thực hiện công việc bằng sự nhiệt tình thường lệ, và trong khi phân tích hồ sơ, anh đã phát hiện một sự trùng hợp lý thú.

- Đối với loại bệnh có khả năng lây lan như viêm màng não, việc báo cáo cho nhà chức trách là bắt buộc. Người bác sĩ đã ký vào biên bản báo cáo do cha Rolf viết cũng chính là người đã viết giấy chứng tử. Hai giấy tờ này được ký cùng ngày.

Goran ngẫm nghĩ:

- Bệnh viện gần nhất cách đây ba mươi cây số. Khó có chuyện ông ta cất công đi đến tận nơi để tự mình xác nhận.

- Ông ta tin tưởng vào lời của cha xứ. - Boris nói. - Vì nhìn chung các cha không bao giờ nói dối...

Không phải lúc nào cũng thế, Mila nghĩ bụng.

Gavila thì không còn nghi ngờ nữa.

- Ta cần phải khai quật ngôi mộ.

Tuyết rơi từng bông nhỏ xíu, như thể dọn đường cho trận rơi tiếp theo. Do vậy, họ cần phải nhanh tay lên. Đội đào huyết của bác sĩ Chang đang làm việc. Nhờ sự trợ giúp của một chiếc máy xúc, họ đào xuống lớp đất đông cứng vì lạnh. Không ai nói nửa lời.

Thanh tra Roche đã được thông báo về diễn tiến của vụ án và đang bận xua đuổi cánh báo chí đã sôi sục trở lại. Có lẽ Feldher quả thật đã thử đôn đoán dựa trên những gì được hai cảnh sát kể cho, nhưng vẫn tránh không tiết lộ quá nhiều. Thêm vào đó, như Roche vẫn luôn nói: “Khi không biết chuyện, truyền thông sẽ dựng chuyện”.

Do vậy họ cần phải gấp rút hơn trước khi có ai đó quyết định bù khuyết vào sự im lặng này bằng những thứ vớ vẩn được dựng lên. Đến lúc đó sẽ rất khó để bác bỏ mọi thứ.

Một tiếng thịch vang lên. Máy xúc cuối cùng đã chạm phải thứ gì đó.

Đội của Chang trèo xuống hố và bắt đầu đào bới bằng tay. Một tấm vải bạt được phủ lên quan tài để làm chậm quá trình phân hủy. Họ cắt nó ra. Qua vết cắt, có thể nhìn thấy nắp của một cỗ áo quan màu trắng nhỏ.

- Nó mục rữa hết cả rồi. - Bác sĩ Chang nói sau khi quan sát thật nhanh. - Nếu nhắc nó lên, ta có nguy cơ làm nó vỡ vụn. Chưa kể tuyết đang làm mọi thứ lộn xộn hết cả. - Anh nói thêm với giáo sư Goran và chờ nghe quyết định của ông.

- Thôi được, mở nó ra đi.

Không ai chờ đợi việc ông quyết định mở quan tài tại chỗ. Do đó đội của Chang trải một tấm vải dầu trên cái hố, dùng mấy cái cuốc căng nó ra như một mái che lớn để bảo vệ hiện trường khai quật.

Anh mặc vào người một chiếc áo chèn có gắn đèn trên vai, rồi leo xuống hố dưới cái nhìn của thiên thần đá. Một kỹ thuật viên dùng ngọn lửa hàn xì nung chảy mối hàn bằng kẽm của cỗ áo quan. Nắp quan tài bắt đầu nhúc nhích.

Làm sao người ta có thể đánh thức một đứa trẻ đã chết từ mười tám năm trước? Mila tự hỏi. Billy More lẽ ra xứng đáng với một buổi lễ nho nhỏ, hoặc một vài lời cầu nguyện. Nhưng không ai muốn và cũng chẳng có thời gian cho việc đó.

Khi Chang mở nắp quan tài, họ phát hiện ra phần còn lại của thằng bé Billy tội nghiệp trong bộ trang phục của lễ ban thánh thể. Lịch lãm, với cà vạt có ghim kẹp và quần dài gấu lovest. Trong một góc quan tài là đôi giày trượt hán gi và một chiếc máy ghi âm cũ.

Mila nhớ lại lời kể của Feldher: “Nó có hai niềm đam mê lớn: đôi giày có bánh xe mà nó hay dùng để trượt qua các hành lang vắng vẻ, và các trận bóng đá! Nhưng nó không thích đá bóng. Nó chỉ thích ngồi làm bình luận viên tại chỗ thôi”.

Đó là tất cả những gì mà Billy sở hữu.

Chang bắt đầu dùng dao mổ cắt lớp vải quần áo ở một đôi chỗ. Mặc dù tư thế không được thoải mái, các thao tác của anh vẫn rất mau lẹ và chính xác. Anh kiểm tra tình trạng của bộ xương, rồi quay ra tuyên bố với những người còn lại:

- Có rất nhiều vết gãy. Tôi không thể khẳng định thời điểm của chúng.. Nhưng theo tôi nghĩ, thằng bé này chắc chắn không chết vì viêm màng não.

Sarah Rosa đưa cha Timothy vào trong chiếc xe cắm trại di động, Goran và mọi người đang đợi ở đó. Cha Timothy vẫn chưa hết vẻ lo lắng.

- Chúng tôi cần cha giúp cho một việc. - Stern mở lời. - Chúng tôi muốn được nói chuyện ngay với cha Rolf.

- Tôi nói rồi mà, ông ấy đã nghỉ hưu. Tôi không biết hiện ông ấy đang ở đâu. Lúc tôi đến đây, khoảng sáu tháng trước, tôi chỉ gặp ông ấy trong vài giờ đồng hồ, đủ để nghe các lời dặn dò. Ông ấy đã giảng giải cho tôi một số việc, trao lại vài thứ giấy tờ, chìa khóa, rồi ra đi.

Boris quay sang Stern nói:

- Có lẽ chúng ta phải liên lạc trực tiếp với tòa thánh thôi. Theo anh, họ đưa các cha đã nghi hưu đi đâu?

- Tôi nghe nói có một dạng như nhà dưỡng lão dành cho họ.

- Có thể, nhưng..

Cả hai quay sang cha Timothy.

- Cha bảo sao ạ? - Stern hỏi.

- Tôi nhớ là cha Rolf có ý định đến sống với người em gái... Phải rồi, ông ấy bảo hai anh em sàn sàn tuổi nhau, và bà ấy không lập gia đình.

Cha xứ có vẻ hài lòng vì rốt cuộc cũng đóng góp được chút ít cho cuộc điều tra và tìm cách trợ giúp họ mà trước đó ông từng từ chối.

- Tôi sẽ nói chuyện với tòa thánh, nếu các vị muốn. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy cũng không khó để tìm ra cha Rolf. Và tôi cũng đang có một ý khác nữa.

Vị cha xứ trẻ tuổi có vẻ như đã bình tâm hơn.

Goran nói:

- Cha sẽ giúp cho chúng tôi rất nhiều, và để chúng tôi đỡ phải đối mặt với những ồn ào vô ích xoay quanh sự việc diễn ra tại đây. Tôi nghĩ tòa thánh sẽ không phiền lòng đâu.

- Tôi cũng nghĩ thế. - Cha Timothy thừa nhận.

Khi cha Timothy đã rời khỏi xe, Sarah Rosa liền nói với giáo sư Goran bằng vẻ băn khoăn lộ rõ:

- Nếu chúng ta nhất trí rằng cái chết của Billy không phải là một tai nạn thì tại sao ông không xin lệnh bắt cha Rolf? Rõ ràng trong chuyện này có điều gì uẩn khúc!

- Có, nhưng ông ta không phải là người chịu trách nhiệm trong vụ giết hại thằng bé.

Mila nhận ra giáo sư Goran lần đầu tiên sử dụng từ “giết hại”. Những chỗ gãy xương của Billy chỉ cho thấy đó là một cái chết thương tâm, nhưng không có bằng chứng nào chứng tỏ nó là do người khác gây ra.

- Làm thế nào ông tin chắc cha Rolf không phải thủ

phạm? - Sarah Rosa hỏi tiếp.

- Cha Rolf chỉ là người phát hiện vụ việc. Ông ta đã dựng lên việc Billy chết vì viêm màng não để không ai liều mạng tìm hiểu sâu hơn, do sợ lây nhiễm. Thế giới bên ngoài đã lo liệu phần còn lại: chẳng ai buồn quan tâm đến mấy đứa trẻ mồ côi này. Cô cũng thừa hiểu điều đó mà, phải không?

- Hơn nữa, cô nhi viện lúc đó đang chuẩn bị đóng cửa. - Mila nói thêm.

- Cha Rolf là người duy nhất biết được sự thật, do đó chúng ta cần phải gặp ông ta. Nhưng tôi e là nếu chúng ta mang lệnh bắt giữ đến... thì ta hoàn toàn có thể để tuột mất ông ta. Ông ta đã già, và rất có thể đã quyết định đem câu chuyện này xuống mồ.

- Vậy, ta phải làm sao đây? - Boris nôn nóng hỏi. - Đợi cha Timothy đem tin tức về à?

- Dĩ nhiên là không. - Nhà tội phạm học đáp, đoạn ông cúi xuống nhìn sơ đồ tòa cô nhi viện mà Stern đã lấy từ trong văn phòng địa bạ. Ông chỉ cho Rosa và Boris một chỗ trên đó. - Hai người sẽ đến tòa nhà phía đông. Đây này. Ở đây có tàng thư lưu trữ tất cả hồ sơ về những đứa trẻ mồ côi từng ở cô nhi viện cho đến khi nó ngừng hoạt động. Dĩ nhiên chúng ta chỉ quan tâm đến nhóm mười sáu đứa trẻ sau cùng.

Goran đưa cho họ tấm ảnh chụp nhóm trẻ với nụ cười rạng rỡ của Billy Moore. Ông lật tấm hình lại, phía mặt sau bức ảnh có chữ ký của tất cả những đứa trong ảnh.

- Hãy đối chiếu những cái tên. Chúng ta cần tìm đứa trẻ có hồ sơ bị thiếu...

Boris và Rosa nhìn nhau kinh ngạc.

- Làm sao ông biết bị thiếu mất một hồ sơ?

- Vì Billy Moore đã bị giết hại bởi một trong số những đứa bạn học của nó.

Trên cùng tấm ảnh chụp có Billy cười tươi tắn, Ronald Dermis là đứa thứ ba từ trái sang. Thằng bé lên tám. Điều đó có nghĩa nó là cục cưng trước khi Billy đến cô nhi viện. Đối với một đứa trẻ, ghen tỵ là một lý do đủ mạnh để cầu cho ai đó chết đi cho khuất mắt.

Nó đã rời cô nhi viện cùng lúc với những đứa khác, và sự quan liêu đã làm lạc mất dấu tích thằng bé. Nó đã được nhận nuôi chẳng? Khó có khả năng đó. Có lẽ nó đã vào một mái ấm tình

thương. Đó là một bí ẩn. Gần như chắc chắn một lần nữa, bàn tay của cha Rolf đã đứng sau sự khiếm khuyết thông tin này.

Cần phải tìm cho ra ông ta.

Cha Timothy đã bảo đảm là tòa thánh đang lo liệu việc đó. “Em gái cha Rolf đã qua đời. Cha liền yêu cầu được trở lại làm thường dân”. Như vậy ông ta đã trả lại áo tu. Có lẽ do cảm giác hối hận sau khi bao che cho vụ sát hại, hoặc cũng có thể do phát hiện ra một điều ghê tởm rằng, cái ác hoàn toàn có thể khoác cho mình diện mạo của một đứa trẻ.

Giả thiết này, cùng với những cái khác, khiến cả nhóm điều tra bối rối.

- Tôi vẫn không rõ mình nên phát động một cuộc săn người thế kỷ, hay ngược lại nên chấp nhận để ông hạ cố ban cho tí chút giải thích đây!

Giọng nói của Roche làm cho các bức vách thạch cao trong phòng làm việc của ông rung lên. Nhưng trước mối lo ngại của ông chánh thanh tra, giáo sư Goran tỏ ra khá bình thản.

- Tất cả mọi người đều nhắm vào tôi vì con bé số sáu kia. Họ bảo chúng ta chưa làm tới nơi tới chốn!

- Chúng ta sẽ chưa tìm ra cô bé chừng nào mà Albert chưa đưa ra manh mối. Tôi vừa gọi điện cho Krepp, anh ta bảo hiện trường sạch sẽ.

- Ít ra hãy cho tôi biết liệu ông có nghĩ Ronald Dermis và Albert là một người hay không!

- Chúng ta đã phạm cùng một sai lầm như trường hợp của Alexander Bermann. Cho đến thời điểm này, tôi sẽ giữ lại mọi kết luận.

Roche không quen bị lên lớp về cách điều tra của mình. Nhưng lần này thì ông phải chấp nhận.

- Nhưng chúng ta không thể ngồi đó đợi cho tên điên kia dẫn chúng ta đến nơi gã muốn. Chúng ta không thể cứu con bé theo cách đó! Nếu giả dụ nó còn sống.

- Chỉ có một người có thể cứu cô bé, chính là gã.

- Ông thực sự tin gã ta sẽ tự mình giao nộp con bé hay sao?

- Tôi chỉ nói là sớm hay muộn, biết đâu gã sẽ cố tình phạm một sai lầm.

- Chó chết! Nhưng ông tưởng tôi có thể sống nhờ hy vọng trong khi mọi người ngoài kia đang muốn tuốt xác tôi ra à? Tôi muốn có kết quả, thừa giáo sư!

Goran đã quen với những cơn tam bành của Roche. Chúng không chỉ nhằm vào ông. Ngài chánh thanh tra tức tối với tất cả mọi người. Đó là mặt trái của sự nghiệp: khi ta có chức vị quá cao, sẽ luôn có ai đó muốn kéo ta xuống dưới.

- Thời gian vừa qua tôi đã hứng khá nhiều thứ bản thiêu, và không phải tất cả đều nhằm vào tôi đâu nhé.

Goran biết cách giữ kiên nhẫn, nhưng ông hiểu không phải lúc nào Roche cũng làm được như thế. Do vậy ông thử đưa ra một chi tiết để cho mình yên tâm.

- Ông muốn tôi nói ra một điều đang khiến tôi điên đầu không?

- Bất cứ cái gì giúp đưa tôi ra khỏi cái ngõ cụt này. Xin ông đấy.

- Tôi chưa nói điều này với ai, cho đến bây giờ... Chỗ nước mắt ấy.

- Thì sao?

- Có ít nhất là năm lít nước mắt xung quanh thi thể của bé gái thứ hai! Trong nước mắt có muối, do đó nó có khuynh hướng khô đi rất nhanh. Nhưng chỗ nước mắt đó thì không. Tôi đã tự hỏi tại sao.

- Tại sao nào?

- Đó là nước mắt nhân tạo. Nó có cùng thành phần hóa học với nước mắt tự nhiên của con người, nhưng đó chỉ là trò lòe bịp. Chính vì thế mà nó không bị khô đi... Ông biết người ta làm thế nào để chế ra nước mắt nhân tạo không?

- Không.

- Đấy nhé. Albert thì biết. Và gã đã chế ra nước mắt giả, dành thì giờ cho việc đó. Ông biết chuyện này có ý nghĩa gì không.

- Thôi ông nói luôn cho rồi.

- Gã đã sắp đặt mọi thứ một cách tỉ mỉ. Tất cả những gì gã cung cấp cho chúng ta là kết quả của một kế hoạch mà gã đã mất nhiều năm trời chuẩn bị. Và chúng ta, chúng ta phải hành động thật nhanh. Đấy, ý nghĩa là thế đấy.

Roche ngả người dựa vào lưng ghế, mắt nhìn xa xăm.

- Theo ông, chúng ta có thể chờ đợi điều gì?

- Nói thật tình, tôi sợ là điều tệ hại nhất vẫn còn đang ở phía trước.

Mila bước xuống tầng hầm của Viện pháp y. Cô đã mua nhiều hình sticker các chân sút nổi tiếng - chỉ ít thì đó cũng là lời khăng định của người bán hàng. Cũ chi nhỏ này là một phần của nghi thức tiễn biệt. Trong nhà xác, Chang sắp sửa khâu xác Billy Moore lại để trả cậu về dưới chiếc bóng của thiên thần đá.

Anh đã hoàn thành việc khám nghiệm tử thi và chụp X-quang các chỗ gãy xương. Các tấm phim được bày trên một hộp đèn trước mặt Boris. Mila ngạc nhiên khi thấy anh chàng cảnh sát ở đó. Nhận ra sự hiện diện của cô, Boris cảm thấy cần phải đưa ra lời giải thích:

- Tôi chỉ tạt qua xem có gì mới hay không thôi.

- Có gì mới không vậy? - Mila hỏi, cô nương theo cái có của anh để không làm anh khó xử.

Rõ ràng Boris ở đó vì những lý do cá nhân.

Bác sĩ Chang dùng tay để trả lời cho câu hỏi của Mila:

- Thi thể đã bị rơi xuống từ một độ cao nhất định. Căn cứ vào mức độ trầm trọng của các vết gãy tìm thấy trên bộ xương, ta có thể kết luận là cái chết đã diễn ra gần như ngay tức thì.

Đằng sau chữ “gần như” ấy ẩn chứa niềm hy vọng và cả sự lo ngại.

- Đương nhiên không ai có thể nói là Billy đã tự ngã hay bị đẩy xuống...

- Đương nhiên rồi.

Mila nhận thấy trên một chiếc ghế có tờ quảng cáo của một nhà tang lễ, một dịch vụ vốn không được cảnh sát chi trả. Chắc là Boris đã bỏ tiền túi ra để lo liệu cho Billy một lễ mai táng đúng mực. Trên một chiếc kệ là đôi giày trượt của thằng bé đã được đánh bóng, và chiếc máy ghi âm, món quà sinh nhật mà nó không bao giờ rời xa.

- Chang có lẽ đã biết cái chết của Billy xảy ra tại địa điểm nào. - Boris thông báo.

Bác sĩ pháp y tiến về phía những bức ảnh cô nhi viện phóng to.

- Cơ thể khi rơi trong không trung sẽ trở nên nặng hơn do gia tốc: đó là hiệu ứng của trọng lực. Kết quả là nó sẽ giống như bị một bàn tay vô hình đè nghiêng xuống mặt đất. Do vậy, khi đối chiếu những thông tin có liên quan đến nạn nhân, chẳng hạn như quá trình canxi hóa của xương, với độ nặng của các vết gãy, ta có thể ước tính được độ cao của cú rơi. Ở trường hợp này là trên mười lăm mét. Dựa vào độ cao trung bình của tòa nhà và độ nghiêng của mặt đất, tôi có thể khẳng định một cách gần như chắc chắn là thằng bé đã rơi từ trên tháp xuống. Chỗ này này... Cô thấy không?

Lại một chữ “gần như” nữa được thốt ra từ miệng Chang trong khi anh chỉ vào một địa điểm cụ thể trên bức ảnh. Vào lúc đó, một phụ tá thò đầu qua cánh cửa.

- Bác sĩ Vross, có người cần gặp ông...

Trong một thoáng, Mila không thấy mối liên quan giữa dung mạo của vị bác sĩ pháp y và tên thật của anh ta. Rõ ràng như không có cấp dưới nào dám gọi anh bằng cái tên Chang.

- Tôi xin lỗi. - Anh cáo lui, để lại Mila và Boris trong nhà xác.

- Tôi cũng phải đi đây. - Mila nói.

Boris gật đầu.

Trong khi đi ra, cô bước ngang qua gần chiếc kệ có để đôi giày trượt và cái máy ghi âm của Billy, Mila liền đặt mấy hình sticker đã mua xuống bên cạnh chúng. Boris trông thấy hành động của cô.

- Giọng nói của thằng bé vẫn còn đó...

- Sao cơ? - Cô ngỡ ngác.

Boris hát đầu chỉ chiếc máy ghi âm, nhắc lại:

- Giọng nói của Billy. Lời tường thuật tưởng tượng của nó.

Anh cười. Nhưng đó là một nụ cười buồn.

- Anh vẫn nghe được kia à?

Boris gật đầu.

- Phải, chỉ một đoạn đầu thôi, sau đó tôi không thể nào...

- Tôi hiểu. - Mila nói ngắn gọn.

- Cái băng vẫn còn gần như nguyên vẹn, cô biết không? Acid sinh ra từ... - anh nghẹn ngào - ... quá trình phân hủy đã

không làm hỏng nó. Chang xác nhận đó là một điều rất hiếm có. Chắc có lẽ là do loại đất ở nơi chôn cất thẳng bé. Trong máy không có pin, nên tôi đã lắp vào.

Mila tỏ vẻ ngạc nhiên để làm dịu sự căng thẳng của Boris:

- Thế là nó chạy à?

- Dĩ nhiên. Hàng Nhật mà!

Cả hai cùng bật cười.

- Cô có muốn cùng tôi nghe hết đoạn băng không?

Mila suy nghĩ một chút trước khi đáp. Trên thực tế, cô không muốn lắm. *Có những chuyện nên được ngủ yên*, cô nghĩ bụng. Nhưng trong trường hợp này, Boris lại cần nghe, và cô không muốn bảo anh thôi đi.

- Được, anh bật nó lên đi.

Boris tiến lại gần chiếc máy ghi âm, nhấn vào nút *play*, và trong căn phòng khám nghiệm tử thi lạnh lẽo, giọng nói của Billy Moore sống lại:

“... Chúng ta đang ở sân vận động Wembley huyền thoại,

thưa các bạn! Trận đấu hôm nay sẽ đi vào lịch sử bóng đá: tuyển Anh đối đầu tuyển Đức!”

Thằng bé có một chất giọng vui nhộn và phát âm chữ s với một tiếng xì, khiến cho câu văn nghe hơi nặng. Có thể cảm nhận được nó đang cười, họ thực sự có cảm giác như đang trông thấy Billy, với tất cả vẻ vô tư con trẻ, cố gắng thổi vào mọi thứ niềm hoan lạc trung của thằng bé.

Mila và Boris mỉm cười.

“Thời tiết mát dịu, dự báo sẽ không có mưa, mặc dù đã vào đầu thu. Cầu thủ hai đội đang dàn hàng ngang giữa sân để lắng nghe bài quốc ca... Các khán đài chật cứng cổ động viên. Một không khí tuyệt vời, thưa quý vị. Chỉ trong ít phút nữa thôi, chúng ta sẽ được tham gia vào một bữa tiệc bóng đá, nhưng trước hết, xin được điếm qua danh sách của các cầu thủ thi đấu trên s... Lay Chúa, con vô cùng ăn năn và hối hận về các tội lỗi của con, do phạm tội con đáng nhận sự trừng phạt của Người, và do con đã xúc phạm Người, đáng tối cao và đáng tôn kính hơn hết thầy mọi thứ...”

Mila và Boris nhìn nhau ngỡ ngàng. Giọng nói được ghi đè lên đoạn băng nguyên thủy nghe rất nhỏ.

- Một lời cầu nguyện.

- Nhưng đó không phải là giọng Billy...

“... với sự giúp đỡ thiêng liêng của Người, con nguyện sẽ không bao giờ xúc phạm đến Người nữa, và lánh xa tất cả những cơ hội phạm tội. Chúa nhân từ, xin Người xá tội cho con”.

“Thôi được rồi”.

Giọng của một người đàn ông.

“Con còn điều gì cần nói với ta nữa không?”

“Gần đây con đã nhiều lần nói tục. Cách đây ba ngày, con đã lấy cắp bánh quy trong chạn, nhưng Jonathan đã ăn chỗ bánh cùng với con...”

“Không có gì khác nữa chứ?”

- Chắc đây là cha Rolf. - Mila nói.

“...”

“Suy nghĩ cho kỹ vào, Ron”.

Cái tên vừa được nói ra đã bao phủ một sự im lặng lạnh lẽo xuống căn phòng. Và Ronald Dermis trở lại thành một đứa bé.

“Dạ... có một việc...”

“Con có muốn kể ta nghe về việc đó hay không?”

“... Dạ không”.

“Nếu con không nói ra, làm sao ta có thể xá tội cho con được?”

“... Con không biết nữa”.

“Con biết chuyện đã xảy ra với Billy phải không, Ron?”

“Chúa đã mang bạn ấy đi”.

“Không phải Chúa, Ron. Con biết là ai không?”

“Bạn ấy bị ngã. Billy bị ngã từ trên tháp xuống”.

“Nhưng lúc đó con ở cùng với Billy...”.

“... Dạ”.

“Ai đã nảy ra ý định trèo lên đó?”

“... Có người đã giấu đôi giày trượt của bạn ấy trên

tháp”.

“Là con phải không?”

“... Dạ”.

“Con đã đẩy cậu ấy?”

“...”

“Ronald, trả lời câu hỏi của ta đi nào”.

“...”

“Không ai trừng phạt con nếu con nói ra sự thật. Ta hứa”.

“Có người đã bảo con làm chuyện đó”.

“Người đó là ai? Billy à? Billy đã bảo con đẩy cậu ấy sao?”

“Dạ không”.

“Vậy là một đứa khác?”

“Dạ không”.

“Vậy thì ai?”

“...”

“Ron?”

“Dạ”.

“Coi nào, trả lời ta đi. Người mà con nói không tồn tại, phải không? Đó chỉ là sự tưởng tượng của con...”

“Dạ không”.

“Ở đây không có ai, ngoài con và các bạn học”.

“Người đó chỉ đến gặp một mình con”.

“Nghe ta bảo này, Ron: ta muốn con nói là con rất hối tiếc vì chuyện đã xảy ra với Billy”.

“... Con rất tiếc vì chuyện đã xảy ra với Billy”.

“Ta hy vọng là con thật lòng... Dù sao thì, chuyện này sẽ là bí mật giữa con, ta và Chúa trời”.

“*Dạ*”.

“*Con không được kể với ai nghe chưa*”.

“*Dạ*”.

“*Ta xá tội cho con. Nhân danh Cha, Con, và Thánh thần.
Amen*”.

“*Amen*”.

- Chúng tôi tìm một người có tên là Ronald Dermis. - Roche tuyên bố với rùng đèn flash và micro. - Người này khoảng ba mươi tám tuổi. Tóc nâu, mắt nâu, da sáng.

Ông đưa ra trước mặt mọi người một tấm ảnh đã chỉnh sửa cho già đi từ tấm ảnh gốc chụp chung với nhóm trẻ trong cô nhi viện, thể hiện hình ảnh của một Ron người lớn. Ông giờ cao tấm ảnh trong khi ánh đèn flash chớp liên hồi.

- Chúng tôi có lý do để cho rằng người này có liên quan trong vụ bắt cóc các bé gái. Ai biết anh ta, có thông tin gì, hoặc đã từng tiếp xúc với anh ta trong ba mươi năm trở lại đây, xin vui lòng

liên hệ với cảnh sát. Xin cảm ơn.

Hai chữ cuối là phát súng lệnh cho hàng tràng câu hỏi và những lời năn nỉ từ đám đông báo giới.

- Thưa ngài Roche!...

- Thưa chánh thanh tra!...

- Một câu hỏi thôi ạ!...

Roche phớt lờ bọn họ và bỏ đi thẳng một mạch ra khỏi phòng họp báo bằng cửa phụ.

Động thái của ông là điều không thể tránh khỏi. Họ buộc phải báo động.

Phát hiện của Boris và Mila đã gây ra hai tiếng đồng hồ sôi sục. Giờ thì tình hình đã rõ ràng.

Cha Rolf đã thu lại lời xưng tội của Ron trên chiếc máy ghi âm của Billy. Sau đó ông đã chôn nó cùng với thằng bé như thể chôn xuống một cái hạt cây, biết rằng sớm muộn gì nó cũng sẽ ra quả, với hy vọng là một ngày kia sự thật sẽ cứu chuộc cho cả ba con người. Kể dù còn trong lứa tuổi thơ ngây đã gây ra tội ác kinh hoàng ấy. Người đã là nạn nhân của việc làm đó. Và người đã hành

động để chôn sâu nó dưới ba tấc đất.

“... Dù sao thì, chuyện này sẽ là bí mật giữa con, ta và Chúa trời”.

- Làm thế nào Albert biết được câu chuyện này? - Goran hỏi. - Cha Rolf và Ron là những người duy nhất biết được bí mật. Như vậy, lý giải duy nhất: Ron và Albert chỉ là một người.

Nhưng có lẽ cũng cần phải xem lại quyết định gán Alexander Bermann vào vụ án. Nhà tội phạm học không thể nhớ được ai đã nói rằng kẻ giết người hàng loạt nhắm vào một tên ấu dâm vì gã đã bị lạm dụng hồi còn nhỏ. Hình như là Sarah Rosa. Nhưng Stern đã lập tức bác bỏ giả thiết này, và giáo sư Gavila cũng đồng tình với anh. Giờ đây, có lẽ ông phải thừa nhận là ông đã nhầm.

- Những nạn nhân lý tưởng của bọn ấu dâm là trẻ mồ côi và bụi đời, vì chẳng có ai bảo vệ chúng cả.

Goran tự trách mình vì đã không đi đến kết luận sớm hơn. Thế mà ông đã có tất cả mọi miếng ghép trước mắt ngay từ đầu. Ông đã bị mờ mắt vì ý nghĩ cho rằng Albert là một chiến lược gia đại tài.

“Bọn giết người hàng loạt, qua hành động của chúng,

muốn kể cho chúng ta nghe một câu chuyện: chuyện về mâu thuẫn nội tại của chính chúng”. Ông vẫn hay nhắc đi nhắc lại như thế với các sinh viên.

Tại sao ông lại để cho mình bị làm lạc vì một gã thiết khác?

- Gã đã dùng sự tự ái của tôi để xỏ mũi tôi. Tôi chỉ nghĩ gã muốn thách thức chúng ta. Tôi đã sung sướng trước ý nghĩ được đối đầu với một kẻ cố tỏ ra thông minh hơn.

Sau khi xem trên truyền hình cuộc họp báo của thanh tra Roche, giáo sư Gavila một lần nữa tập họp cả nhóm điều tra tại xưởng giặt của cô nhi viện, nơi họ đã tìm thấy xác của Anneke. Ông cảm thấy đây là nơi lý tưởng để tái khởi động cuộc điều tra. Màn “tự vấn” ngăn ngại của giáo sư Gavila có tác dụng xua đi mọi hoài nghi về việc họ vẫn là một nhóm, chứ không chỉ là một phòng thí nghiệm cho các phép thử của ông.

Thi thể của bé gái thứ hai đã được mang đi từ lâu, chỗ nước mắt trong bể giặt bằng đá đã được xả hết. Chỉ còn các bóng đèn halogen và tiếng rì rì của máy nổ. Chẳng mấy chốc những thứ đó cũng sẽ được đưa đi nốt.

Goran đã yêu cầu sự hiện diện của cha Timothy. Cha xuất hiện trong hơi thở đứt quãng và tình trạng kích động thấy rõ: mặc

dù không còn gì trong phòng giặt gợi ra hình ảnh hiện trường một vụ án mạng, cha vẫn cảm thấy cực kỳ khó ở.

- Không thể tìm ra cha Rolf. - Cha Timothy thông báo. -
Và tôi nghĩ là...

- Cha Rolf chắc đã qua đời. - Goran đột ngột cắt ngang. -
Nếu không thì chúng tôi đã có thông tin sau thông báo của thanh tra Roche.

Cha Timothy có vẻ chần động.

- Vậy tôi có thể giúp gì được cho các ông đây?

Goran cân nhắc cẩn thận trước khi nói với mọi người:

- Có thể chuyện này khác thường với mọi người, tôi biết... Nhưng tôi muốn chúng ta cùng cầu nguyện.

Rosa không giấu nổi sự kinh ngạc, cũng như Boris. Hai người lập tức nhìn nhau. Mila thì ngơ ngác. Chỉ có Stern là không. Anh là người ngoan đạo nhất, và là người đầu tiên làm theo đề nghị của giáo sư Goran. Anh bước đến đứng giữa gian phòng và dang hai tay ra để nắm lấy tay người khác, tạo thành một vòng tròn. Mila nhanh chóng tiến đến. Rosa buộc lòng làm theo. Boris là người miễn cưỡng nhất, nhưng anh không thể từ chối lời mời của giáo sư

Gavila. Cha Timothy gật đầu và bước đến đứng chính giữa vòng tròn. Rốt cuộc cha cũng đã bình tâm trở lại. Goran không biết cầu nguyện, và có lẽ cũng không có lời nguyện cầu nào thích hợp với tình hình. Nhưng ông vẫn thử làm với chất giọng đầy buồn bã:

- Thời gian vừa qua, chúng ta đã chứng kiến nhiều chuyện kinh khủng. Sự việc đã diễn ra ở đây là một minh chứng. Tôi không biết liệu Chúa có tồn tại hay không, dù tôi luôn mong mỏi điều đó. Tôi biết chắc chắn là cái ác có tồn tại. Vì cái ác có thể được chứng tỏ. Cái thiện thì không bao giờ. Cái ác để lại dấu vết khi nó đi qua. Thi thể của những đứa trẻ tội nghiệp chẳng hạn. Còn cái thiện, ta chỉ có thể chứng kiến mà thôi. Thế nhưng điều đó không đủ đối với chúng ta, những người luôn tìm kiếm các bằng chứng cụ thể... - Ông ngừng một chút.

- Nếu Chúa trời tồn tại, thì tôi muốn hỏi Người... Vì sao Billy Moore phải chết? Sự thù hận của Ronald Dermis từ đâu mà ra? Chuyện gì đã xảy đến với hắn trong những năm vừa qua? Ronald đã học cách giết người như thế nào? Lý do gì đã đẩy Ronald đến chỗ phạm tội? Và tại sao Chúa không chấm dứt nỗi kinh hoàng khủng khiếp này?

Những câu hỏi của giáo sư Goran treo lơ lửng trong sự im lặng vây bủa mọi người.

- Xin cha cứ tự nhiên, thưa cha... - Một lúc sau Stern nói.

Cha Timothy bắt đầu điều khiển nhóm người. Ông hợp các bàn tay lại và ngân nga một điệu thánh ca. Chất giọng tự tin và rất đẹp của cha vang vọng trong gian phòng, bay lượn xung quanh họ. Mila nhắm mắt và để cho những ngôn từ cuốn mình đi. Dù là tiếng La tinh, ý nghĩa của chúng vẫn thật rõ ràng ngay cả với những người điếc nhất. Cùng với bài thánh ca, cha Timothy mang lại sự yên bình cho nơi từng bị hỗn loạn, thanh lọc mọi thứ khỏi tàn dư của cái ác.

Bức thư được gửi cho ban khoa học hành vi. Đáng lẽ nó đã bị liệt vào nhóm thư rác của những kẻ dựng chuyện, nếu như nét chữ viết tay không cho thấy có nhiều điểm tương đồng với nét chữ trong một bài tập mà Ronald Dermis từng làm hồi đi học.

Nó được thảo trên một trang giấy tập bằng loại bút bi thông thường. Người gửi không buồn quan tâm đến những dấu tay để lại trên tờ giấy.

Có vẻ như Albert không cần đến những biện pháp can thiệp nhất định nữa.

Đoạn văn nằm co cụm ở giữa trang giấy, được viết buông tuồng như một câu duy nhất, gần như không có chấm phẩy.

gửi những người đang lùng tìm tôi billy là một thằng con hoang, một THẮNG CON HOANG! và tôi đã đúng khi giết nó tôi căm thù nó nó sẽ làm bọn tôi đau đớn vì nó sẽ có một gia đình còn bọn tôi thì không những gì đã xảy ra với tôi còn tệ hơn nhưng KHÔNG AI đến cứu tôi KHÔNG AI CÁ. tôi vẫn luôn ở đây trước mắt mấy người nhưng mấy người không thấy tôi thế rồi NGƯỜI xuất hiện. NGƯỜI hiểu tôi. NGƯỜI dạy tôi chính mấy người đã muốn tôi thành ra như vậy hỏi xưa mấy người không hiểu tôi liệu bây giờ mấy người có hiểu? tệ thật, rốt cuộc đây là lỗi của mấy người tôi là thế đấy. KHÔNG AI có thể ngăn cản được tất cả chuyện này. KHÔNG AI CÁ.

RONALD

Goran đã chụp một bản sao để tiện nghiên cứu. Ông sẽ ngủ đêm ở nhà cùng cậu con trai. Ông thật sự rất muốn trải qua buổi tối với Tommy. Đã mấy ngày rồi ông không gặp thằng bé.

Vừa bước qua ngưỡng cửa căn hộ, ông lập tức nghe thấy tiếng bước chân thằng bé chạy tới.

- Mọi chuyện thế nào rồi bố?

Goran dang tay ôm Tommy thật chặt.

- Không có gì phải phàn nàn. Còn con?

- Con bình thường.

Ba chữ kỳ diệu. Con trai ông đã biết cách dùng chúng khi hai bố con gặp lại nhau. Như thế để bảo ông không việc gì phải lo lắng, vì con trai ông “vẫn bình thường”. Nó không thấy nhớ mẹ. Nó đã học được cách quên đi.

Nhưng đó cũng là giới hạn sau cuối. Cùng với ba chữ đó, họ dừng mẫu đối thoại. Mọi thứ đã được thỏa thuận. *Đấy nhé, bố con mình vừa nhớ ra thiếu mẹ thì đau khổ đến chừng nào. Bây giờ thì chúng ta có thể sống tiếp.*

Và mọi chuyện diễn ra đúng như thế.

Goran mang về một cái túi giấy mà Tommy đang nôn nóng mở ra.

- Tuyệt hảo! Đồ ăn Tàu!

- Bố nghĩ con sẽ thích khi ta thay đổi thực đơn của bà

Runa một chút.

Tommy nhăn mặt.

- Con ghét món thịt viên của bà Runa! Bà ấy cho quá nhiều lá bạc hà, làm nó có vị như kem đánh răng.

Goran bật cười. Quả thực thằng bé nói đúng.

- Nào, đi rửa tay đi con.

Tommy chạy ào vào trong phòng tắm, sau đó bắt đầu dọn bàn. Goran đã xếp phần lớn các dụng cụ nhà bếp vào các ngăn kệ ở vừa tầm với của thằng bé. Ông muốn nó tham gia vào việc nhà trong giai đoạn mới. Cùng nhau làm việc đồng nghĩa rằng từ nay hai bố con phải chăm sóc lẫn nhau, và không ai được “bỏ cuộc”. Không ai được quyền buồn bã.

Tommy lấy một cái đĩa, trút chỗ hoành thánh chiên ra cùng với sốt chua ngọt, trong lúc Goran đổ cơm chiên vào trong một cái tô. Hai người dùng đĩa, và thay cho món kem chiên hay được phục vụ trong các nhà hàng Trung Hoa, Goran đã mua một hộp kem sôcôla vani.

Hai bố con vừa ăn vừa bàn chuyện trong ngày. Tommy kể về việc tổ chức đi cắm trại cùng với các hướng đạo sinh. Goran

hỏi han về việc học hành của thằng bé và ông hãnh diện khi biết nó được điểm số rất cao trong môn thể dục.

- Bố rất kém trong các môn thể thao. - Ông thú nhận.
- Thế bố giỏi gì nào?
- Cờ vua.
- Nhưng đó không phải là thể thao.
- Có chứ: nó được đưa vào Thế vận hội đấy.

Tommy có vẻ không bị thuyết phục. Nhưng nó biết bố không bao giờ nói dối nó. Thật ra đó là một bài học nhớ đời. Vì lần đầu tiên nó hỏi ông về mẹ, ông đã kể lại toàn bộ sự thật. Không quanh co. “Không giỡn nha”, như lời Tommy vẫn nói khi nó muốn người khác trung thực. Bố nó đã làm đúng như nó muốn. Không cay cú, không tìm cách trừng phạt mẹ nó. Những lời nói dối - hay tệ hơn là những sự thật nửa vời - chỉ càng làm tăng thêm nỗi lo cho đứa con. Một mình nó sẽ phải đương đầu với hai sự dối trá nặng nề: một là của mẹ, người đã ra đi, và một là của bố, người không đủ dũng khí để nói ra sự thật.

- Hôm nào bố dạy con chơi cờ nhé?

- Dĩ nhiên rồi.

Cùng với lời hứa đó, Goran đưa thẳng bé vào giường nằm, rồi ông giam mình trong phòng làm việc. Ông lấy bức thư của Ronald ra đọc lần không biết thứ bao nhiêu. Ngay từ đầu có một thứ đã làm ông chú ý. Đó là câu: “*thế rồi NGƯỜI xuất hiện. NGƯỜI hiểu tôi. NGƯỜI dạy tôi*”, trong đó các từ “người” được cô ý viết bằng chữ in hoa. Goran đã một lần nghe thấy sự ám chỉ kỳ lạ này. Đó là trong cuốn băng ghi lại lời thú tội của Ronald trước cha Rolf.

“Người đó chỉ đến gặp một mình con”.

Đây là một ví dụ điển hình của sự tách đôi nhân cách, trong đó cái tôi tiêu cực luôn tách rời với cái tôi chủ thể. Và trở thành *người*.

“Đó là TÔI. Nhưng NGƯỜI đã bảo tôi làm điều đó. Do lỗi của NGƯỜI mà TÔI mới thành ra như thế này”.

Trong ngữ cảnh này, tất cả những người khác trở thành “KHÔNG AI CẢ”. Và cũng được viết chữ in hoa.

“KHÔNG AI đến cứu tôi. KHÔNG AI CẢ. KHÔNG AI có thể ngăn cản được tất cả chuyện này. KHÔNG AI CẢ”.

Ron đã muốn được cứu thoát. Nhưng mọi người đã quên mất nó vì nó chỉ là một thằng bé.

Mila ra ngoài để mua đồ ăn. Sau khi đi lòng vòng qua các cửa hiệu và tiệm ăn đóng cửa vì thời tiết xấu, cô đành mua một gói súp trong một cửa hàng thực phẩm nhỏ. Cô định sẽ hâm nóng bằng lò vi sóng trong bếp của studio, nhưng mua xong cô chợt nhớ ra cô còn không biết nó có hoạt động hay không.

Mila quay về căn hộ trước khi bị cái lạnh làm cho tê cứng và khiến cô không bước nổi. Giá cô có đôi giày và bộ đồ tập thể thao: từ nhiều ngày nay cô không chạy bộ, chỗ acid lactic ứ lại trong các khớp khiến cho cử động của cô đâm khó khăn.

Lúc vừa dợm bước lên bậc cấp thì Mila trông thấy Rosa trên vỉa hè trước mặt, đang tranh luận rất căng với một người đàn ông. Anh ta định xoa dịu cô ta nhưng bất thành. Mila nghĩ đó chắc là chồng của Rosa, và đột nhiên cô thấy thông cảm cho anh chàng. Trước khi mục yêu tinh kia nhận thấy sự hiện diện của cô, điều sẽ càng khiến mục có lý do để thù ghét cô, Mila bước vào trong nhà.

Trên cầu thang, cô gặp Boris và Stern đang đi xuống.

- Hai anh đi đâu đấy?

- Chúng tôi sang bên trụ sở để xem tình hình sản người đã làm đến đâu. - Boris đáp trong lúc đưa điều thuốc lên môi. - Cô đi không?

- Không, cảm ơn.

Boris nhìn thấy gói súp.

- Vậy thì “bon appétit”^[4] nhé!

Trong khi bước tiếp, Mila nghe thấy Boris nói với anh bạn đồng nghiệp nhiều tuổi hơn mình.

- Anh nên bắt đầu hút lại đi.

- Cậu nên bỏ cái món ấy thì có...

Mila nhớ lại hộp kẹo bạc hà của Stern và bật cười khe khẽ.

Trong studio chỉ có mình Mila. Goran đã về nhà ngủ với cậu con trai. Cô hơi thất vọng. Cô đã quen với việc thấy ông ở đó, và thích thú trước phương pháp điều tra của ông. Trừ màn cầu nguyện. Nếu mẹ cô mà còn sống và thấy cô tham gia vào cái trò ấy,

chắc bà sẽ không tin ở mắt mình.

Lò vi sóng hoạt động được. Món súp không quá tệ. Cũng có lẽ con đoi đã khiến cho nó có vẻ ngon hơn bình thường. Mila cầm tô súp và cái muỗng vào phòng ngủ, hài lòng khi được ở một mình.

Cô ngồi chéo chân trên giường. Vết thương nơi đùi trái hơi căng, nhưng nó đang lành. Mọi thứ đều sẽ được chữa lành. Vừa ăn, cô vừa lấy bản sao bức thư của Ronald Dermis để trước mặt. Cô nhìn bức thư trong khi miệng tiếp tục nhai. Dù sao thì Ronald cũng đã chọn đúng thời điểm để tái xuất hiện trong câu chuyện. Nhưng có điều gì đó bất hợp lý trong những câu chữ. Cô không đủ can đảm để nói ra điều đó với Goran, vì cô không nghĩ mình có thể đưa ra lời khuyên với ông. Tuy nhiên, ý nghĩ kia cứ quấy rối cô suốt cả buổi chiều. Bức thư cũng đã được trao cho báo chí, một việc làm bất bình thường. Gavila rõ ràng đã muốn làm hài lòng cái tôi của tên thủ phạm giết người hàng loạt. Cứ như thể ông đang nói: “Thấy chưa? Chúng tôi đang quan tâm đến ông đó nha!” trong khi trên thực tế, họ chỉ tìm cách hướng sự chú ý của gã ra khỏi cô bé mà gã đang bắt giữ.

“Tôi không rõ gã có thể kháng cự lại thôi thúc muốn kết liễu cô bé được bao lâu”, vài giờ trước ông đã nói như thế.

Mila cố gạt bỏ ý nghĩ kia ra khỏi đầu và tập trung vào

bức thư. Cô rất khó chịu trước lỗi viết của Ronald. Cô thấy nó nghịch mắt. Cô không thể nói tại sao, nhưng đoạn thư được viết ở giữa tờ giấy, cái kiểu viết buông tuồng không ngắt nghỉ khiến cô không sao hiểu được trọn vẹn ý nghĩa.

Cô quyết định ngắt thành nhiều câu. Đặt cái tô xuống, cô cầm lấy tập giấy và cây bút chì.

gửi những người đang lòng tìm tôi:

- billy là một thằng con hoang, một **THẮNG CON HOANG!** và tôi đã đúng khi giết nó. tôi căm thù nó. nó sẽ làm bọn tôi đau đớn. vì nó sẽ có một gia đình còn bọn tôi thì không.

- những gì đã xảy ra với tôi còn tệ hơn! nhưng **KHÔNG AI đến cứu tôi! KHÔNG AI CẢ.**

- tôi vẫn luôn ở đây trước mắt mấy người nhưng mấy người không thấy tôi.

- thế rồi **NGƯỜI** xuất hiện. **NGƯỜI** hiểu tôi. **NGƯỜI** dạy tôi.

- chính mấy người đã muốn tôi thành ra như vậy. hồi xưa mấy người không hiểu tôi liệu bây giờ mấy người có hiểu? tệ thật, rốt cuộc đây chỉ là lỗi của mấy người.

- tôi là thế đấy. KHÔNG AI có thể ngăn cản được tất cả chuyện này. KHÔNG AI CẢ.

- RONALD

Mila đọc lại từng câu. Đó là một giọng văn huênh hoang, chất chứa đầy thù hận và căm hờn. Nó nhắm vào tất cả mọi người, không phân biệt ai. Vì trong đầu óc của kẻ đã giết Billy, thằng bé tượng trưng cho một thứ rất lớn và thu hút sự chú ý của tất cả mọi người. Điều mà Ron sẽ không bao giờ có được.

Hạnh phúc.

Billy luôn vui vẻ, trong khi nó đã chứng kiến vụ tự tử của bố mẹ. Billy sẽ được nhận nuôi, dù nó chỉ là một đứa trẻ mồ côi loại hai. Billy được nhận tất cả, dẫu nó không có gì để cho đi.

Khi hãm hại thằng bé, Ron đã vĩnh viễn xóa đi nụ cười trên gương mặt đạo đức giả của thiên hạ.

Tuy nhiên, càng đọc những lời này, Mila càng nhận ra các câu văn ít giống với một lời tự thú, hoặc một sự thách thức, mà giống những câu trả lời nhiều hơn. Như thể một người nào đó đã hỏi Ronald, và hấn nôn nóng muốn thoát ra khỏi vòng im lặng vây bủa mình trong một thời gian dài, muốn tự giải phóng khỏi bí mật do cha Rolf áp đặt.

Nhưng câu hỏi là gì? Ai là người đã hỏi hấn?

Mila nhớ lại điều Goran đã nói trong khi cầu nguyện. Về việc điều thiện không thể được chứng minh, trong khi trước mắt chúng ta đầy rẫy những ví dụ của cái ác. *Bằng chứng*. Ronald cho rằng hấn đã hoàn thành một việc tích cực, cần thiết, khi ra tay hãm hại người bạn học. Đối với hấn, Billy tượng trưng cho cái ác. Ai có thể chứng tỏ được hấn đã không làm điều tốt? Lập luận của hấn thật hoàn hảo. Bởi biết đâu khi lớn lên Billy Moore sẽ trở thành một người rất xấu. Ai mà khẳng định được?

Hồi còn nhỏ và còn theo học ở lớp giáo lý Cơ đốc, Mila luôn tự hỏi mình một câu. Khi cô đã lớn, câu hỏi đó vẫn chưa được trả lời.

Tại sao một đức Chúa trời mà người đời cho là nhân từ lại để cho những đứa trẻ chết đi?

Khi nghĩ kỹ về điều đó, rõ ràng nó đối lập với lý tưởng về

tình yêu và sự công bằng vốn luôn tràn trề trong đạo giáo.

Tuy vậy, chết sớm có lẽ là định mệnh mà Chúa đã dành cho những đứa con xấu xa nhất của Người. Và biết đâu những đứa trẻ mà cô đã cứu thoát có thể biến thành những kẻ sát nhân hoặc bọn giết người hàng loạt. Rất có thể, điều cô đã làm là không đúng. Nếu như ai đó đã giết chết Adolf Hitler, hoặc Jeffrey Dahmer, Charles Manson từ khi bọn chúng vẫn còn quần tã, hành động của người đó là tốt hay xấu đây? Kẻ giết chết bọn chúng chắc sẽ bị kết án và trừng trị, chứ chẳng thể nào được ca tụng như người cứu nhân độ thế.

Mila kết luận là cái thiện và cái ác thường lẫn lộn với nhau. Cái này đôi khi là phương tiện của cái kia và ngược lại.

Làm thế nào người ta có thể lẫn lộn giữa ngôn từ của một lời cầu nguyện và sự điên dại của một tên sát nhân?

Đột nhiên cô cảm thấy lạnh lạnh sau gáy. Giống như có thứ gì đó bí mật xuất hiện sau lưng cô. Rồi cô nhớ lại ý nghĩ vừa rồi, và lúc ấy cô bỗng nhận ra mình biết các câu hỏi mà Ronald đã tìm cách trả lời trong bức thư của hắn.

Chúng nằm trong lời cầu nguyện của Goran.

Cô cố nhớ lại những lời cầu nguyện của Goran, dù chỉ

nghe duy nhất một lần. Cô thử viết ra nhiều lần trên tập giấy, rồi cô làm lẫn lộn thứ tự và phải bắt đầu lại, nhưng rốt cuộc cô đã thành công khi viết chúng ra giấy trắng mực đen, ngay trước mắt mình. Sau đó cô thử lắp ghép chúng với từng câu ở trong bức thư. Phục dựng lại mẫu đối thoại từ xa ấy.

Sau cùng, cô đọc lại toàn bộ...

Tất cả thật rõ ràng, ngay từ câu đầu tiên.

“gửi những người đang lòng tìm tôi”.

Câu này dành cho họ, các cảnh sát. Để trả lời các câu hỏi mà nhà tội phạm học đã nêu ra nhưng chưa được giải đáp...

- Vì sao Billy Moore phải chết?

“billy là một thằng con hoang, một THẮNG CON HOANG! và tôi đã đúng khi giết nó. tôi căm thù nó. nó sẽ làm bọn tôi đau đớn. vì nó sẽ có một gia đình còn bọn tôi thì không”.

- Sự thù hận của Ronald Dermis từ đâu mà ra?

“những gì đã xảy ra với tôi còn tệ hơn! nhưng KHÔNG AI đến cứu tôi! KHÔNG AI CẢ”.

- Chuyện gì đã xảy đến với hắn trong những năm vừa qua?

“tôi vẫn luôn ở đây trước mắt mấy người nhưng mấy người không thấy tôi”.

- Ronald đã học cách giết người như thế nào?

“thế rồi NGƯỜI xuất hiện. NGƯỜI hiểu tôi. NGƯỜI dạy tôi”.

- Lý do gì đã đẩy Ronald đến chỗ phạm tội?

“chính mấy người đã muốn tôi thành ra như vậy. hồi xưa mấy người không hiểu tôi liệu bây giờ mấy người có hiểu? tệ thật, rốt cuộc đây chỉ là lỗi của mấy người”.

- Và tại sao Chúa không chấm dứt nỗi kinh hoàng khủng khiếp này?

“tôi là thế đấy. KHÔNG AI có thể ngăn cản được tất cả chuyện này. KHÔNG AI CẢ”.

Mila không biết phải nghĩ sao nữa. Nhưng có lẽ câu trả lời cho thắc mắc của cô nằm ở cuối bức thư.

Một cái tên.

“*RONALD*”.

Cô cần phải lập tức kiểm tra giả thuyết của mình.

Tuyết rơi xuống từ những đám mây màu tím trên bầu trời âm u.

Mila phải chờ ngoài đường mất bốn mươi phút mới bắt được một chiếc taxi. Khi cô cho biết nơi đến, người tài xế lắc đầu phản đối. Anh ta nói nó quá xa và do đêm tối cộng với thời tiết, anh ta sẽ không tìm được khách cho chuyến về. Khi Mila đề nghị trả gấp đôi tiền cho chuyến đi, anh ta mới đồng ý.

Trên đường, một lớp tuyết dày nhiều centimet đã hình thành, khiến việc rắc muối thành ra vô ích. Người ta chỉ có thể lưu thông với bánh xe quần xích, việc này làm hạn chế tốc độ rất nhiều.

Bên trong xe taxi bốc mùi. Mila để ý thấy phần còn lại của một chiếc bánh mì Thổ Nhĩ Kỳ kẹp hành tây để trên ghế hành khách phía trước. Mùi của nó trộn lẫn với mùi thông trong chai khử mùi đặt trước quạt thổi của máy sưởi. Một sự tiếp đón không mấy niềm nở đối với hành khách.

Trong khi xe băng qua thành phố, Mila sắp xếp lại các ý tưởng trong đầu. Cô chắc chắn lý luận của mình là đúng, và càng gần nơi cần đến, sự tin tưởng của cô càng mạnh hơn. Cô đã định gọi cho giáo sư Gavila để nhận được một sự khẳng định, nhưng điện thoại của cô sắp cạn pin đến nơi. Cô sẽ dời cuộc gọi đến thời điểm tìm ra điều mình cần.

Họ băng qua khu vực đặt trạm thu phí của xa lộ. Một đội cảnh sát tuần tra đang chặn dòng xe trước trạm, yêu cầu quay đầu.

- Tuyệt quá dày, đường đi rất nguy hiểm! - Các cảnh sát liên tục nhắc đi nhắc lại với các tài xế.

Nhiều chiếc xe tải kéo đang dừng bên đường, với hy vọng có thể tiếp tục hành trình vào sáng hôm sau. Xe taxi chạy vào một tình lộ để tránh chót chặn. Có thể đến được cô nhi viện mà không cần đi bằng quốc lộ. Ngày xưa có lẽ đó là con đường duy nhất, và rất may người lái taxi biết đến nó.

Chiếc taxi thả Mila xuống gần cánh cổng. Cô không nghĩ

đến việc đưa thêm tiền và bảo tài xế chờ mình. Cô tin mình không nhầm, và các đồng đội của cô sẽ lại kéo đến nơi này.

- Cô không muốn tôi ở lại đây cho đến khi cô xong việc à?

- Anh tài xế hỏi khi trông thấy tình trạng hoang vắng của khu vực.

- Không, cảm ơn, anh có thể đi.

Anh ta không nài nỉ, mà chỉ nhún vai rồi quay đầu xe, để lại phía sau một thoáng mùi bánh mì kẹp hành.

Mila trèo qua cổng, lội bộ qua hỗn hợp bùn và tuyết trên con đường đất. Cô biết các cảnh sát đã rút đi theo lệnh của Roche. Cả chiếc xe cấm trại lưu động cũng đã ra đi. Nơi này chẳng còn gì hấp dẫn cho cuộc điều tra nữa.

Cho đến đêm nay, cô trầm nghĩ.

Cô đã đến cửa chính, nhưng sau khi bị đội đặc nhiệm phá khóa, giờ nó đã được thay ổ khóa mới. Cô quay sang phía nhà xứ để nhìn xem liệu cha Timothy có còn thức hay không.

Đã đi đến tận đây, cô không còn lựa chọn nào khác.

Mila tiến về phía nhà của cha xứ. Cô gõ cửa một lúc. Cuối cùng một ô cửa sổ ở tầng hai bật mở, cha Timothy ló đầu ra.

- Ai đó?

- Thưa cha, tôi là cảnh sát. Chúng ta đã từng gặp mặt. Cha còn nhớ không?

Cha Timothy cố gắng nhìn ra cô cảnh sát giữa những bông tuyết rơi dày đặc.

- À, tất nhiên rồi. Cô cần gì vào cái giờ khuya khoắt này? Tôi tưởng các cô đã kết thúc công việc ở đây...

- Tôi biết. Mong cha thứ lỗi, nhưng tôi cần xác minh một vài điều trong xương giết. Cha có thể cho tôi mượn chìa khóa được không ạ?

- Được, để tôi xuống.

Vài phút sau, khi Mila bắt đầu sốt ruột tự hỏi cha Timothy làm gì mà lâu đến thế thì có tiếng mở then cửa. Cha Timothy xuất hiện, quần mình trong chiếc áo khoác len đã sờn ở hai cùi chỏ, khuôn mặt vẫn giữ vẻ hiền hậu như thường ngày.

- Cô lạnh run rồi kia.

- Xin cha đừng lo.

- Cô hãy vào trong sưỡi ắm một chút trong lúc tôi tìm chìa khóa. Cô biết đấy, cảnh sát các cô đã làm xáo trộn chỗ này hết cả.

Mila theo cha xứ vào trong nhà. Sự ắm áp lập tức khiến cô cảm thấy dễ chịu.

- Tôi sắp sửa đi ngủ.

- Tôi xin lỗi.

- Không sao. Cô uống trà nhé? Tôi luôn uống ít trà trước khi đi ngủ. Nó làm tôi thư giãn.

- Thôi ạ, cảm ơn cha. Tôi muốn quay về càng sớm càng tốt.

- Cứ uống một chút đi, cô sẽ thấy khỏe hơn. Trà đã pha rồi, chỉ việc rót ra thôi mà. Trong lúc đó tôi sẽ đi tìm chìa khóa.

Cha Timothy rời phòng. Mila tiến về phía nhà bếp theo hướng cha đã chỉ. Quả thực ắm trà đang đặt trên bàn. Mùi trà bốc lên theo hơi nước nóng, khiến cô không thể cưỡng lại được. Cô rót một tách, thêm vào thật nhiều đường. Cô nhớ lại món trà nguội ngắt kinh khủng mà Feldher đã cố gài cho cô và Boris uống, trong căn nhà phé thải của hắn ta. Cô tự hỏi hắn lấy nước pha trà từ nguồn

nào.

Cha Timothy quay lại với một chùm chìa khóa to và bắt đầu lần tìm chiếc chìa cần thiết.

- Giờ thì cô khỏe hơn rồi chứ? - Cha mỉm cười, hài lòng vì đã thấy cô uống trà.

Mila cười đáp lễ.

- Vâng ạ.

- Đây, chắc là cái chìa này, để mở cánh cửa lớn... Cô có muốn tôi đi cùng không?

- Thôi ạ, cảm ơn cha. - Mila trả lời trong sự nhẹ nhõm của cha xứ. - Nhưng tôi có việc này cần nhờ cha giúp.

- Tôi nghe đây.

Mila chìa ra một tấm thẻ.

- Nếu trong một tiếng đồng hồ tôi không quay lại, cha hãy bấm số điện thoại này để gọi trợ giúp.

Cha Timothy tái mặt.

- Tôi tưởng chẳng còn nguy hiểm nào nữa.

- Chỉ là một biện pháp cần trọng thôi ạ. Thật ra, tôi không nghĩ sẽ có chuyện gì xảy ra đâu. Chỉ là tôi không chắc mình định hướng tốt trong tòa nhà lớn, nhờ mà gặp tai nạn... Thêm nữa, trong ấy chẳng có đèn đuốc gì.

Nói xong câu vừa rồi, cô nhận ra mình đã không lường trước vấn đề này. Làm thế nào đây? Điện thì không có, máy nổ để chạy đèn chắc chắn đã được mang đi cùng các thiết bị khác.

- Chết thật! - Cô buột miệng. - Cha có đèn pin không ạ?

- Tôi rất tiếc... Nhưng nếu cô có điện thoại di động, cô có thể dùng ánh sáng của màn hình.

Mila đã không nghĩ ra chuyện đó.

- Cảm ơn cha.

- Không có chi.

Ngay sau đó, Mila lại bước ra màn đêm lạnh giá, trong khi cha Timothy cài then cửa lại đằng sau cô, từng cái một.

Cô leo lên con dốc nhỏ và đứng trước cửa cô nhi viện. Cô

đút chìa vào trong ổ khóa, nghe thấy tiếng lách cách vang dội trong gian phòng phía bên kia cánh cửa. Cô đẩy mở cánh cửa đồ sộ, trước khi đóng nó lại sau lưng.

Cô đã ở bên trong cô nhi viện.

Những con bồ câu trên cửa sổ áp mái chào đón cô bằng tiếng đập cánh loạn xạ. Màn hình điện thoại của cô phát ra một thứ ánh sáng xanh nhạt, chỉ cho phép cô ghi nhận một khoảng không gian nhỏ trước mặt. Quả cầu ánh sáng đó bị bao bọc bởi bóng tối dày đặc, sẵn sàng xâm chiếm nó vào bất cứ lúc nào. Mila cố nhớ lại lộ trình đi xuống xưởng giặt. Rồi cô bắt đầu bước đi.

Tiếng những bước chân của cô phá tan sự im lặng. Hơi thở của cô ngưng đọng trong bầu không khí lạnh giá. Rất nhanh chóng, cô tìm thấy nhà bếp và nhận ra hình dáng của những cái vạc lớn bằng sắt. Sau đó cô băng qua phòng ăn, cẩn thận luôn tránh những chiếc bàn phủ formica. Hông cô va phải một chiếc bàn, làm rơi một trong số mấy cái ghế xếp trên đó. Tiếng ồn cộng thêm tiếng vang to vẳng óc. Trong khi xếp lại mọi thứ, Mila nhìn thấy một lối đi dẫn xuống tầng dưới qua chiếc cầu thang xoắn chặt hẹp. Cô chui vào trong đoạn ruột đó và chậm chậm bước xuống những bậc thang đã bị năm tháng làm cho trơn tuột.

Cô xuống đến xưởng giặt.

Cô soi điện thoại di động để quan sát chung quanh. Trong bồn giặt bằng đá nơi thi thể Anneke được tìm thấy, ai đó đã đặt một bông hoa. Mila lại nhớ đến màn cầu nguyện tập thể tại đây.

Cô bắt tay vào tìm kiếm.

Trước tiên cô nhìn dọc theo các vách tường, sau đó lướt tay theo các chân tường. Không có gì. Cô tránh không nghĩ đến việc pin của điện thoại di động còn cầm cự được bao nhiêu thời gian nữa, không phải vì viễn cảnh phải quay ra trong bóng tối, mà chủ yếu là vì không có ánh sáng yếu ớt của nó, cô sẽ mất nhiều thời gian hơn. Sau một tiếng cha Timothy sẽ gọi cứu viện, và cô sẽ trở nên kém cỏi trong mắt người khác. Cần phải nhanh chóng hơn.

Nó ở đâu nhỉ? Cô nghĩ bụng. Mình biết nó ở đâu đó trong này mà...

Đột nhiên một tiếng động rất lớn vang lên khiến Mila thót tim. Cô mất một lúc mới nhận ra đó là tiếng chuông điện thoại của mình.

Cô nhìn màn hình và trông thấy cái tên Goran trên đó.

Đeo tai nghe vào, cô bắt máy.

- Trong studio không có ai cả sao? Tôi đã gọi cả chục cuộc mà không ai nhắc máy.

- Boris và Stern đã ra ngoài, nhưng lẽ ra Sarah phải có mặt ở đó chứ.

- Thế còn cô, cô đang ở đâu vậy?

Mila tự nhủ giờ không phải là lúc nói dối. Mặc dù chưa hoàn toàn chắc chắn về suy đoán của mình, cô vẫn quyết định nói luôn.

- Tôi nghĩ Ronald đã nghe lỏm chúng ta tối hôm trước.

- Điều gì khiến cô nghĩ như vậy?

- Tôi đã so sánh bức thư của hắn với những câu hỏi mà ông đặt ra trong lời cầu nguyện. Phải nói bức thư đúng là những câu trả lời...

- Một suy luận rất tốt.

Nhà tội phạm học không tỏ ra ngạc nhiên. Có lẽ ông cũng đã đi đến kết luận giống cô. Mila cảm thấy hơi ngu ngốc vì đã tưởng mình sẽ làm ông bất ngờ.

vậy?

- Nhưng cô chưa trả lời câu hỏi của tôi. Cô đang ở đâu?
- Tôi đi tìm cái micro.
- Micro nào?
- Cái mà Ronald đã bí mật gắn lại trong xưởng giặt.
- Cô đang ở cô nhi viện hả?

Giọng của Goran bắt đầu trở nên lo lắng.

- Phải.
- Cô hãy ra khỏi đó ngay.
- Sao vậy?
- Mila, chẳng có micro nào hết!
- Nhưng tôi tin chắc là...

Goran ngắt lời:

- Nghe tôi nói đây, họ đã rà soát kỹ khu vực đó, nếu có

micro thì họ phải phát hiện ra nó rồi.

Mila thấy mình ngu ngốc thực sự. Giáo sư tội phạm học nói có lý: cô có thể nông cạn đến mức không nghĩ ra chuyện đó hay sao? Đầu cô toàn là bã đậu trong đó à?

- Vậy hấn đã làm thế nào để...

Mila bỏ lửng câu nói. Một cảm giác lạnh buốt chạy dọc theo sống lưng cô.

Hấn đã ở đây.

- M àn cầu nguyện chỉ là chiêu dụ rắn ra khỏi hang!

Sao mình không nghĩ ra chuyện đó nhỉ?

- Mila, ra khỏi đó mau, vì lòng kính Chúa!

Lúc đó cô mới ý thức được nguy cơ trước mắt. Cô rút súng nhanh chóng quay ngược ra cửa chính nằm cách chỗ mình đang đứng ít nhất là hai trăm mét. Một khoảng cách lớn khủng khiếp, với sự hiện diện của “hấn” ở trong cô nhi viện này.

Là ai nhỉ? Mila tự hỏi trong khi đi theo cầu thang xoắn lên phòng ăn.

Khi cảm thấy sức mạnh của đôi chân bắt đầu rời bỏ mình, cô đã có câu trả lời. *Nước trà...*

Tín hiệu quá yếu, trong điện thoại vang lên những tiếng xì xẹt. Cô nghe thấy tiếng Goran hỏi trong tai nghe:

- Cái gì?

- Cha Timothy là Ronald, phải không ạ?

Xi xẹt Tiếng động. Lại xì xẹt.

- Phải! Sau cái chết của Billy Moore, cha Rolf đã gửi tất cả mọi người đi chỗ khác trước thời điểm cô nhi viện bị đóng cửa chính thức. Trừ hấn. Cha đã giữ hấn lại, vì ông sợ bản chất của hấn và hy vọng có thể kiểm soát được hấn.

- Tôi nghĩ hấn đã... thuốc tôi.

Giọng nói của Goran nghe lúc được lúc mất.

- ... bảo sao? Tôi không h...

- Tôi nghĩ... - Mila cố gắng lặp lại, nhưng các từ ngữ cứ dính trong cổ họng cô không chịu thoát ra.

Cô ngã chúi.

Tai nghe điện thoại văng ra. Chiếc di động tuột khỏi tay cô và trượt vào dưới gầm một cái bàn. Nhịp tim cô tăng lên do nỗi sợ hãi và càng khiến cho thuốc khuếch tán trong cơ thể cô. Các giác quan của cô trở ì ra. Tuy vậy cô vẫn còn nghe thấy tiếng Goran phát ra từ chiếc tai nghe nằm cách mình vài mét:

- Mila! Mila!... lời tôi đi! Có chuyện... vậy?

Cô nhắm mắt, kinh hoàng trước ý nghĩ rằng cô sẽ không bao giờ mở mắt được nữa. Rồi cô tự nhủ mình không thể chết trong một cái nơi như thế này.

Adrenalin... Mình cần adrenalin...

Cô biết cần tìm nó như thế nào. Tay phải cầm chắc khẩu súng, cô kê nòng súng vào vai mình, bóp cò. Viên đạn xé toang lớp da áo khoác và xuyên vào thịt Mila. Tiếng nổ vang dội chất chứa trong cái vực thăm bao quanh cô. Mila hét lên đau đớn và tỉnh lại.

Goran hét gọi tên cô.

- MILA!

Cô trườn về phía phát ra ánh sáng màn hình di động, bắt

lấy nó rồi trả lời:

- Mọi chuyện vẫn ổn.

Mila đứng dậy và bắt đầu bước. Cô phải nỗ lực kinh khủng mới bước được một bước. Cô thấy như mình đang ở trong giấc mơ, khi bị người khác đuổi theo mà không làm cách nào chạy được, vì hai chân cứ nặng như bị nhúng ngập đến gối trong một thứ chất lỏng đặc quánh.

Vết thương của cô nhức nhối, nhưng cô không bị mất quá nhiều máu. Cô đã tính đường đạn rồi. Nghiến chặt răng, cô bước từng bước. Lối ra đang mỗi lúc một gần hơn.

- Nếu ông đã biết mọi chuyện, tại sao ông không bắt ngay thằng khốn nạn đó? - Mila hét vào trong điện thoại. - Và tại sao tôi không được thông báo?

Giọng nói của nhà tội phạm học đã rõ ràng trở lại.

- Tôi xin lỗi. Chúng tôi muốn cô tiếp tục cư xử một cách tự nhiên với hắn để không gây nghi ngờ. Chúng tôi đã đặt các thiết bị dò tìm trong xe hơi của hắn. Chúng tôi đã hy vọng hắn sẽ đưa ta đến chỗ của bé gái số sáu...

- Nhưng hắn đã không làm thế...

- Vì hắn không phải Albert.

- Nhưng hắn vẫn nguy hiểm chứ?

Goran ngừng một lúc khá lâu. Rất lâu.

- Tôi đã báo động. Một nhóm đang đến. Nhưng sẽ mất thời gian đấy. Vùng kiểm soát quanh đó có bán kính hai cây số.

Dù gì thì cũng đã quá muộn, Mila nghĩ bụng. Với thời tiết xấu như thế này, cộng thêm lượng thuốc chạy trong cơ thể làm bào mòn sức lực, cô hết hy vọng rồi. Cô biết. Đáng lẽ cô phải nghe theo lời của người lái taxi khi anh ta thuyết phục cô bỏ ý định đến đây. Nhưng - khốn nạn thật - tại sao cô không chịu chấp nhận khi anh ta đề nghị ở lại đợi kia chứ? Vì cô dị ứng với cái mùi hành trong xe, thế đấy! Và giờ thì cô đang kẹt trong bẫy. Cô tự chui đầu vào, có lẽ cũng vì một phần trong cô muốn điều đó, một cách vô thức. Cô thích liều mạng. Thậm chí mất mạng!

Không! Mình muốn sống.

Ronald, hay cha Timothy, còn chưa động thủ. Nhưng cô chắc chắn mình không còn nhiều thời gian nữa.

Ba tiếng bíp lòi cô ra khỏi dòng suy nghĩ.

- Chết rồi. - Cô buột miệng khi chiếc điện thoại cạn pin.

Bóng tối chụp lấy cô như một bàn tay vô hình.

Đã bao nhiêu lần cô bị mắc bẫy như thế này? Nó đã từng xảy ra. Chẳng hạn như vụ ở nhà thầy dạy nhạc. Nhưng đã bao giờ cô rơi vào hoàn cảnh tệ hại đến mức này? Câu trả lời khiến cô sững người.

Chưa bao giờ.

Bị đánh thuốc, bị thương, kiệt sức và không còn điện thoại di động. Nghĩ về khoản cuối cùng ấy, cô chỉ muốn bật cười: liệu cô có thể làm gì nếu còn pin điện thoại đây? Chắc là gọi một cô bạn cũ. Graciela chẳng hạn. Và hỏi cô ấy: “Câu ôn không? Còn tớ thì chết đến nơi rồi đây này!”

Điều tệ nhất là bóng tối. Nhưng cô cũng có thể coi nó như một lợi thế: nếu cô không thể nhìn thấy Ronald thì hẳn cũng đâu thể thấy cô.

Hắn đang đợi mình bước ra ngoài...

Quả thực, cô chỉ có một mong muốn duy nhất là ra khỏi chỗ này. Nhưng cô thừa biết mình không nên nghe theo bản năng, nếu không muốn chết.

Minh cần phải nấp kỹ và đợi cứu viện đến.

Mila thấy đó là quyết định khôn ngoan nhất. Bởi cô có thể lịm đi bất cứ lúc nào. Có khẩu súng, cô cũng an tâm phần nào. Biết đâu hắn cũng có vũ khí. Nhưng Ronald xem vẻ không giỏi về khoản dùng vũ khí, chí ít cũng không giỏi bằng cô. Tuy vậy, có thể hắn chỉ đóng vai một cha xứ Timothy nhút nhát và sợ sệt. Suy cho cùng, có thể hắn đang che giấu những năng lực khác của mình.

Mila co người lại bên dưới một chiếc bàn trong gian phòng ăn mênh mông, nghe ngóng. Tiếng vang không giúp gì được cho cô. Nó khuếch đại những âm thanh không cần thiết, những tiếng cọt két xa xăm ma quái, lừa mị mà cô không thể lý giải được. Mí mắt cô bắt đầu sụp xuống.

Hắn không thể thấy mình. Hắn không thể thấy được mình. Cô tự nhắc đi nhắc lại trong đầu. Hắn biết mình có vũ khí. Nếu hắn gây tiếng động và sử dụng đèn pin để tìm kiếm mình, hắn coi như tiêu đời.

Những màu sắc quái dị bắt đầu nhảy múa trước mắt Mila.

Chắc là do thuốc. Cô tự nhủ.

Các vệt màu sắc biến thành những hình thù nhảy múa. Đó không thể là do cô tưởng tượng ra. Trên thực tế, chúng giống như những tia chớp bất thần lóe lên ở nhiều chỗ khác nhau trong phòng.

Thằng khốn nạn đang ở đây. Hấn dùng đèn flash!

Mila cố nhắm mắt. Nhưng những chớp sáng chói mắt cộng thêm tác động làm suy yếu của thuốc khiến cô không thể tìm được mục tiêu.

Cô đã bị cầm tù trong một cái kính vạn hoa khổng lồ.

Cô lắc đầu, nhưng không còn kiểm soát được mình nữa. Một giây sau cô cảm thấy luồng run rẩy chạy qua tay và chân, như thể một cơn động kinh không thể kiểm soát. Khi cô cố dừng nó lại, ý nghĩ về cái chết tiếp tục quấy nhiễu cô với lời hứa hẹn rằng nếu cô nhắm mắt, tất cả sẽ chấm hết. Mỗi mỗi.

*Bao nhiêu thời gian đã trôi qua? Nửa giờ? Mười phút?
Còn bao nhiêu lâu nữa?*

Ngay lúc đó, cô nghe thấy hấn.

Hắn đang ở gần, rất gần. Cách cô bốn hay năm mét, không hơn.

Rồi cô thấy hắn.

Chuyện đó chỉ kéo dài chưa đầy một giây. Trong vùng ánh sáng bao quanh hắn, cô chỉ kịp nhìn thấy nụ cười ghê rợn trên gương mặt hắn. Mila biết hắn sẽ phát hiện ra cô vào bất cứ lúc nào, và cô không còn đủ sức để bắn hắn nữa. Do đó cô phải hành động ngay, dù có nguy cơ bị lộ.

Cô nhắm bắn trong bóng tối, chĩa nòng súng về nơi cô nghĩ hắn sẽ tái xuất hiện trong ánh chớp đèn flash. Cũng có nghĩa là một chỗ ngẫu nhiên, nhưng cô còn lựa chọn nào khác đâu.

Cô vừa định bóp cò thì Ronald bắt đầu cất tiếng hát. Vẫn giọng hát tuyệt vời của cha Timothy lúc hát bài thánh ca trước sự chứng kiến của cả nhóm điều tra. Thật nghịch lý và sai lầm khi một năng khiếu như thế lại nằm trong trái tim lạnh lùng của một kẻ sát nhân. Và từ trái tim đó cất lên khúc hát chết chóc rợn người.

Lẽ ra nó có thể dịu dàng và cảm động. Nhưng Mila chỉ cảm thấy hãi hùng. Hai chân cô nhũn ra, cũng giống như các bắp thịt nơi cánh tay. Người cô trượt xuống sàn.

Ánh chớp đèn flash lóe lên.

Trạng thái lơ mơ phủ lên cô như một tấm chăn lạnh. Cô nghe thấy tiếng bước chân của Ronald đang tiến lại gần để lôi cô ra.

Lại một ánh chớp nữa.

Hết rồi. Hắn sẽ nhìn thấy mình.

Thật ra, phương thức giết người của hắn không quan trọng mấy đối với Mila. Cô buông xuôi trước lời nịnh nọt của cái chết với một sự bình thản không ngờ. Những ý nghĩ sau cuối của cô là dành cho bé gái số sáu.

Minh sẽ không bao giờ biết được tên của em...

Một ánh chớp phủ trùm lên toàn bộ cơ thể cô.

Khẩu súng bị tước mất khỏi tay cô. Hai bàn tay tóm lấy cô. Mila cảm thấy mình bị nhấc lên. Cô cố nói điều gì đó, nhưng âm thanh cứ mắc kẹt lại trong cổ họng.

Cô ngất đi.

Mila thức dậy khi cảm thấy cơ thể mình nhấp nhô theo nhịp: Ronald đang vác cô trên vai và trèo lên các bậc thang.

Cô lại ngất một lần nữa.

Mùi amoniac rất nồng lôi Mila ra khỏi giấc ngủ nhân tạo. Ronald đang lắc một cái lọ nhỏ trước mũi cô. Hắn đã trói tay cô nhưng muốn cô tỉnh lại.

Con gió lạnh lẽo thổi vào mặt cô. Họ đang ở ngoài trời. Nhưng ở đâu? Mila cảm thấy mình đang ở trên cao. Rồi cô nhớ đến tấm ảnh chụp cô nhi viện phóng to mà bác sĩ Chang đã cho cô xem để chỉ rõ nơi Billy Moore đã rơi xuống.

Cái tháp. Mình đang ở trên tháp!

Ronald quay đi trong một thoáng. Mila nhìn thấy hắn tiến đến gờ tường và nhìn xuống phía dưới.

Hắn muốn quăng mình xuống đó!

Ronald quay lại, túm lấy chân Mila và kéo cô đến gờ tường. Dùng chút sức tàn còn sót lại, Mila cố đá chân nhưng vô hiệu.

Cô thét lên, giãy giụa. Nỗi tuyệt vọng dâng ngập hồn cô. Hắn nhấc cô lên, gác người cô nằm ngửa lên gờ tường. Đầu ngã ra đằng sau, Mila trông thấy cái hốc đen ngòm phía dưới. Rồi qua làn tuyết, cô nhận thấy những ánh đèn xe cảnh sát đang lao đến trên xa lộ.

Ronald ghé sát vào tai Mila. Cô cảm thấy hơi thở ấm nóng khi hắn thì thầm:

- Muộn quá rồi, chúng không còn thời gian nữa...

Rồi hắn đẩy cô. Mặc dù hai tay đang bị trói sau lưng, Mila vẫn búi được gờ tường trơn tuột. Cô dùng hết sức để chống lại cú đẩy, nhưng cô biết mình không thể cầm cự lâu được. Đồng minh duy nhất của cô là lớp băng phủ trên nền tháp. Nó khiến cho hai bàn chân của Ronald trượt đi khi hắn tìm điểm tựa để đẩy cô ra khỏi gờ tường. Cô nhìn thấy khuôn mặt của hắn nhăn nhúm lại vì gắng sức. Rồi hắn nổi xung lên trước sự kháng cự kiên cường của nạn nhân. Hắn thay đổi chiến thuật và quyết định nâng chân cô qua gờ tường. Hắn đứng thẳng người lên ngay trước mặt cô. Đúng vào lúc đó, bản năng sống còn đã giúp Mila dồn mọi sức lực còn lại để thúc đầu gối vào bụng dưới gã đàn ông.

Ronald lão đảo lúi lại, há miệng thở, hai tay ôm lấy phần giữa hai chân. Mila nhận ra đây là cơ hội duy nhất của mình trước khi hắn kịp hồi phục.

Không còn sức mạnh, đồng minh duy nhất của cô là trọng lực.

Vết thương nơi vai đau xé ruột nhưng cô mặc kệ. Cô gượng dậy. Bây giờ lớp băng trơn trượt chống lại cô, nhưng cô vẫn

lấy đà lao vào Ronald, khiến hắn mất thăng bằng. Hắn vung tay tìm điểm tựa, nhưng lúc này một nửa thân người hắn đã nằm ở ngoài gờ tường.

Khi nhận ra không còn cơ hội thoát chết, Ronald vươn một bàn tay ra định tóm lấy Mila và kéo cô rơi xuống cùng. Cô nhìn thấy những ngón tay của hắn lướt qua ve áo khoác da của mình, rồi hắn từ từ rơi xuống, như thể những bông tuyết đã làm cho cú ngã chậm lại.

Bóng tối nuốt chửng lấy hắn.

Tối đen như mực.

Vách ngăn tuyệt đối giữa ngủ và thức. Con sốt trở nặng. Con bé cảm thấy điều đó ở đôi má ửng hồng, đôi chân đau nhức và cái dạ dày sôi sục.

Nó không xác định được ngày đêm. Không rõ mình đã nằm đó được vài giờ hay vài tuần. Khái niệm thời gian không tồn tại trong cái bụng của con quái vật đã nuốt chửng nó vào: thời gian cứ hết co vào rồi lại giãn ra, giống như một cái dạ dày đang chậm chậm tiêu hóa bữa ăn. Một cách vô ích. Ở đây, thời gian chẳng dùng để làm gì được. Bởi vì nó không thể trả lời câu hỏi quan trọng

nhất.

Bao giờ thì chuyện này chấm dứt?

Bị tước đi khái niệm thời gian là sự trừng phạt kinh khủng nhất. Hơn cả cơn đau nơi cánh tay trái thỉnh thoảng lại lan đến cổ và dồn ép lên thái dương khiến con bé không chịu nổi. Bởi giờ nó đã rõ một điều.

Tất cả chuyện này là một đòn trừng phạt

Tuy vậy, nó không dám chắc mình bị phạt vì tội gì.

Chắc tại mình không nghe lời bố mẹ, hay vùi vãnh, không chịu uống sữa mà lén đồ đi khi bố mẹ không để ý. Mình đòi bố mẹ mua một con mèo và hứa sẽ chăm sóc nó, nhưng khi đã có Houdini thì mình lại đòi một con chó làm bố mẹ nổi trận lôi đình. Bố mẹ bảo không thể bỏ con mèo đi, còn mình thì cứ cố công giải thích cho họ hiểu là Houdini không ưa mình. Cũng có thể tại điểm số của mình không tốt. Năm nay bảng tổng kết học kỳ đầu của mình đúng là thảm họa, mình phải thi lại môn địa lý và vẽ. Hoặc là tại vì ba điều thuốc lá mình đã lén hút trên nóc phòng tập thể thao cùng với ông anh họ, nhưng mình đâu có hít khói vào phổi. Chắc có lẽ vì mấy cái kẹp tóc hình con bọ rùa mà mình đã lấy cắp ở trung tâm thương mại, mình thề là mình chỉ ăn cắp đúng một lần duy nhất. Cũng tại mình cứng đầu nữa, nhất là khi mẹ cứ muốn chọn váy áo cho mình.

Mẹ không hiểu mình đã lớn và mẹ mua toàn những món mình chẳng thích, vì bây giờ mẹ với mình không cùng gu thời trang nữa...

Khi con bé tỉnh, nó đi tìm lời giải thích, tìm một nguyên nhân cho những điều đã xảy ra. Nó đã nghĩ đến những điều vô lý nhất. Nhưng cứ mỗi lần nó tưởng đã tìm ra nguyên nhân thì mọi lý lẽ lại đổ ụp như một lâu đài xây bằng những quân bài, vì sự đau đớn mà nó đang chịu quá lớn so với lỗi lầm nó đã phạm phải.

Ngược lại, đôi lúc con bé phát cáu vì bố mẹ chưa chịu đến tìm mình.

Hai người đợi cái gì mà chưa chịu đến giải thoát cho mình? Hay cả hai đã quên mất mình là con gái của họ?

Nhưng rồi nó thấy hối tiếc ngay. Nó lại thầm gọi bố mẹ trong đầu, với hy vọng có thể thần giao cách cảm. Đó là cứu cánh duy nhất còn lại của nó.

Cũng có những lúc nó tin rằng mình đã chết.

Phải, mình chết rồi, người ta đã chôn mình xuống dưới này. Thật ra mình không nhúc nhích được là vì mình đang nằm trong quan tài. Mình sẽ mãi mãi như thế này thôi...

Nhưng con đau lập tức nhắc nhở rằng nó còn sống. Con

đau vừa là một án phạt, lại vừa là sự giải thoát, giúp lòi nó ra khỏi cơn mê và đưa nó trở về thực tại. Giống như lúc này.

Một thứ chất lỏng nóng nóng chảy vào cánh tay phải của con bé. Nó cảm thấy thế. Thật dễ chịu. Có mùi thuốc. Ai đó đang chăm sóc nó. Nó không chắc liệu có nên vui mừng hay không. Vì chuyện này đồng nghĩa với hai điều: thứ nhất, nó không đơn độc, thứ hai, nó không rõ sự có mặt của người kia là tốt hay xấu.

Nó đã biết đợi người kia. Nó biết khi nào người ta xuất hiện. Chẳng hạn, nó đã hiểu con mệt mỏi và buồn ngủ mà nó gặp phải không do cơ thể nó quyết định. Đó là do một loại thuốc gây ngủ.

Chuyện đó chỉ diễn ra khi người kia xuất hiện.

Người kia ngồi gần nó, kiên nhẫn dùng một cái thìa để đút cho nó ăn. Vị của thức ăn khá ngọt và nó không cần phải nhai. Sau đó người ta cho nó uống nước. Người ta không bao giờ chạm vào nó, không đưa cho nó thứ gì hết. Nó những muốn nói chuyện, nhưng miệng nó không thốt nên lời, cổ họng nó không phát ra nổi âm thanh. Đôi khi nó cảm thấy người kia cựa quậy bên cạnh mình, nhưng có lúc nó lại có cảm tưởng người ta chỉ quan sát nó trong bất động.

Một cơn đau nữa. Tiếng thét tắc nghẹn vang dội trong các

vách tường của nhà ngục đang giam giữ con bé, và làm nó tỉnh dậy.

Lúc đó nó nhận thấy một thứ.

Trong bóng tối, nó thấy một ánh sáng yếu ớt ở phía xa. Một chấm đỏ đột nhiên xuất hiện, đánh dấu giới hạn tầm quan sát của nó. Cái gì vậy? Nó cố nhìn cho rõ hơn nhưng không làm được. Sau đó nó cảm thấy gì đó trong bàn tay phải. Một thứ trước đó không hiện diện. Nó có độ rắn không đồng đều và sần sùi, giống như có vảy. Thật ốm. Chắc chắn là một con thú chết. Con bé muốn vứt đi nhưng vật đó đã dính chặt vào lòng bàn tay của nó. Dùng chút sức lực còn lại, nó cố tống khứ vật kia đi. Nhưng khi nhúc nhích cổ tay, nó bắt đầu hiểu ra... Đó không phải là một con thú chết. Món đồ khá rắn vì được làm bằng nhựa. Không phải dính vào lòng bàn tay của con bé mà chỉ được gắn vào đó bằng băng dính. Trên đó không có vảy, mà là các nút bấm.

Đó là một cái điều khiển từ xa.

Đột nhiên tất cả trở nên rõ ràng. Con bé chỉ cần nhấc cổ tay lên một chút, hướng món đồ về phía chấm đỏ và ấn bừa một cái nút. Một loạt tiếng động tiếp theo cho biết nó đã không nhầm lẫn. Đầu tiên là một tiếng tách. Sau đó là tiếng tua băng. Những âm thanh quen thuộc của một cái đầu máy. Đồng thời, một màn hình bật sáng trước mắt nó.

Lần đầu tiên có một nguồn sáng trong gian phòng.

Bao quanh nó là những vách tường bằng đá tăm tối. Con bé đang nằm trên một thứ nom như giường bệnh, có tay tựa và lưng dựa bằng thép. Bên cạnh nó là một cái giá treo bình dịch truyền nối với một mũi kim găm ở tay phải của nó. Cánh tay trái hoàn toàn khuất dạng sau những lớp băng quấn chặt, lớp băng này cũng cố định cả lồng ngực của nó. Trên một chiếc bàn là những hộp thức ăn cho trẻ con. Và rất nhiều, cực kỳ nhiều thuốc. Mặc dù vậy, phía sau cái ti vi vẫn là bóng tối đen ngòm không gì có thể xuyên thủng.

Rốt cuộc cuốn băng cũng đã tua xong và đột ngột dừng lại. Sau đó nó bắt đầu chạy, thật chậm rãi. Tiếng rột roẹt báo hiệu phần mở đầu của một bộ phim. Tiếp đến là tiếng nhạc vui tươi và chói gắt - âm thanh hơi bị méo. Rồi màn hình hiện lên các vệt màu. Một người đàn ông nhỏ thó mặc quần yếm màu xanh, đội mũ cao bồi xuất hiện. Ông ta có cả một con ngựa chân cao. Ông lùn cố trèo lên ngựa nhưng không được, lần nào cũng bị ngã và bị con ngựa ché giễu. Chuyện đó tiếp diễn trong khoảng mười phút. Sau đó bộ phim hoạt hình kết thúc mà không có đoạn giới thiệu ở cuối phim. Nhưng cuốn băng vẫn đều đều chạy tiếp. Khi hết băng, nó tự động tua ngược lại. Và bộ phim được phát trở lại từ đầu. Vẫn ông già đó. Vẫn con ngựa mà ông ta không tài nào leo được lên lưng. Nhưng con bé vẫn tiếp tục xem. Dù nó biết chuyện gì sẽ xảy ra với con ngựa ưa chọc ghẹo ấy.

Nó hy vọng.

Bởi đó là thứ duy nhất còn sót lại với nó. Hy vọng. Không phó thác hoàn toàn cho nỗi kinh hoàng. Có lẽ người đã chọn bộ phim hoạt hình này cho nó có một ý đồ ngược lại. Nhưng việc ông lùn kia không chịu từ bỏ mà cứ cố gắng mãi, mặc cho những cú ngã đau đớn đã tiếp thêm can đảm cho nó.

Nào, lại trèo lên nào! Nó thầm nói với nhân vật trong phim. Trước khi giấc ngủ lại ập đến với nó.

Quận xxxx

Văn phòng Chánh biện lý J.B. Marin

Ngày 11 tháng 12 năm hiện hành

Kính gửi: Ngài giám đốc, Alphonse Bérenger

Nhà tù tối mật, quận xxxx

Trại giam số 45

Tiêu đề: Phúc đáp báo cáo “mật” ngày 23 tháng 11

Thưa ông Bérenger,

Theo yêu cầu của ông, tôi đã cho điều tra thêm về đối tượng hiện bị giam giữ trong trại giam của ông và cho đến hiện tại chỉ được điểm danh bằng số hiệu RK-357/9. Tôi lấy làm tiếc phải thông báo với ông rằng các cuộc điều tra sâu hơn về danh tính của hắn không mang lại bất kỳ kết quả nào.

Tôi nhất trí với nghi ngờ của ông rằng phạm nhân RK-357/9 có thể đã gây ra một tội ác nghiêm trọng trước đây và đang làm mọi cách để che giấu chuyện đó. Ở thời điểm hiện tại, việc xét nghiệm ADN của hắn là phương tiện duy nhất chúng ta có để khẳng định hoặc loại trừ nghi ngờ trên.

Tuy nhiên, như ông đã biết, chúng ta không thể ép buộc phạm nhân RK-357/9 thực hiện cuộc xét nghiệm này. Trên thực tế, điều đó sẽ khiến chúng ta xâm phạm nghiêm trọng các quyền lợi của hắn, vượt quá mức độ cho phép của hành vi vi phạm đã khiến hắn bị bắt giữ (không chịu cung cấp giấy tờ cho nhân viên công lực).

Tình thế sẽ khác đi nếu như có những bằng chứng xác thực và rõ ràng cho thấy phạm nhân RK-357/9 chịu trách nhiệm về một tội ác nghiêm trọng, hoặc nếu chúng ta có “những động cơ nghiêm túc vì sự an nguy của xã hội”.

Hiện tại, điều này chưa được chứng thực.

Với các luận điểm trên, biện pháp duy nhất để chúng ta

thu được ADN của hấn là việc lấy mẫu trực tiếp, với điều kiện mẫu thử hữu cơ đó đã bị rơi rớt ngẫu nhiên hoặc tự đối tượng bỏ lại trong các sinh hoạt hàng ngày của hấn.

Xét thấy cung cách vệ sinh thái quá của phạm nhân RK-357/9, vẫn phòng chúng tôi cho phép các quản giáo được vào khám xét trong xà lim của hấn mà không báo trước với mục đích thu lượm mẫu thử hữu cơ đã đề cập ở trên.

Hy vọng cách thức này sẽ giúp chúng ta đạt được mục tiêu một cách hợp lý. Tôi xin gửi đến ông lời chào trân trọng.

Phó biện lý

Matthew Sedris

Bệnh viện quân y R.

Ngày 16 tháng 2

- Họ thích nói gì kệ họ! Cô là một cảnh sát tốt, rõ chưa?

Trung sĩ Morexu đã lôi toàn bộ tinh thần digan của mình ra để bày tỏ sự ủng hộ với Mila. Ông chưa bao giờ nói với cô bằng giọng đau khổ như thế. Gần như kiểu cha nói với con. Tuy nhiên,

cô cảm thấy mình không xứng đáng với sự ủng hộ ấy. Ông sếp đã bất ngờ gọi cho Mila ngay khi tin tức về chuyến phiêu lưu trong đêm đến trại mồ côi của cô lan ra. Họ sẽ quy trách nhiệm về cái chết của Ronald Dermis cho cô, Mila chắc chắn như thế, mặc dù đó là một cách phòng vệ chính đáng.

Cô thấy mình nằm trong một bệnh viện quân y. Roche đã khôn ngoan không chọn một bệnh viện dân sự nhằm tránh con mắt soi mói của báo chí. Vì vậy Mila được ở hẳn một khu riêng. Khi cô hỏi những người bệnh khác đâu, câu trả lời ngắn gọn cô nhận được là khu điều trị này đã được thiết kế cho việc cách ly những người bị tấn công bằng vũ khí sinh học.

Giường được dọn mỗi sáng, khăn trải giường được giặt sạch và ủi thẳng thớm. Trong khoa dược, các loại thuốc men được bổ sung nhanh chóng. Tất cả những ưu đãi này chỉ nhằm phục vụ cho duy nhất một khả năng: một thành cha căng chú kiết nào đây quyết định phát tán một loại virus hoặc vi khuẩn biến đổi gen tiêu diệt loài người.

Cái trò rò rỉ đại nhất quả đất, Mila thầm nghĩ.

Vết thương nơi cánh tay của cô đã được khâu khoảng bốn chục mũi, bởi một người bác sĩ phẫu thuật tốt bụng không hề đề cập đến các vết sẹo khác của cô khi thăm khám.

- Cô không thể bị bắn ở vị trí nào nhẹ nhàng hơn nữa đâu.

- Ông ta chỉ nói có thể.

- Có liên quan gì giữa virus vi khuẩn và đạn thể ạ? - Cô hỏi khích.

Ông ta chỉ bật cười.

Sau đó, một bác sĩ khác đã đến khám cho cô hai hay ba bận gì đấy, đo huyết áp và cặp nhiệt độ cho cô. Tác dụng của những loại thuốc ngủ hoạt tính mạnh mà cha Timothy đã chuốc cho cô tiêu tan sau vài tiếng đồng hồ. Thêm một liều thuốc lợi tiểu nữa là giải quyết xong vấn đề.

Mila có đầy đủ thời gian để suy nghĩ.

Cô không thể không nghĩ đến bé gái số sáu. Cô bé không có cả một bệnh viện cho mình như cô. Hy vọng lớn nhất của Mila là Albert thường xuyên gây ngủ cho cô bé. Các chuyên gia y khoa được Roche hỏi về khả năng sống sót của cô bé đều tỏ ra bi quan khi căn cứ trên mức độ thương tổn trầm trọng về thể chất và cú sốc tinh thần mà em phải chịu đựng.

Thậm chí có thể cô bé chưa nhận ra mình bị mất cánh tay, Mila thầm nghĩ. Điều này thường xảy ra cho những người bị mất cánh tay. Cô đã nghe kể về một số thương binh sau khi đã bị

mất một cánh tay vẫn còn cảm giác ở đó, thậm chí lâu lâu còn cảm thấy ngứa. Các bác sĩ gọi đó là “ý thức của cánh tay ma”.

Ý nghĩ này quấy rầy cô không yên, đặc biệt là trong sự tĩnh lặng của phòng bệnh. Có lẽ đây là lần đầu tiên kể từ nhiều năm nay cô thấy hồi tiếc vì không có bạn bè. Sau cú điện thoại của Morexu, chẳng ai đến thăm cô, kể cả Goran, Boris hay Stern, chứ đừng nói đến Rosa. Chuyện này chỉ nói lên một điều: họ đang quyết định xem sẽ làm gì với cô, và liệu có tiếp tục giữ cô ở lại với nhóm điều tra hay không. Ngay cả khi Roche dù gì cũng là người ra quyết định cuối cùng.

Cô giận mình vì đã khờ khạo đến thế. Có lẽ cô đáng bị thất sủng. Ý nghĩ duy nhất an ủi cô là Ronald Dermis chắc chắn không phải Albert. Nếu không thì chẳng thể làm gì cho cô bé số sáu được nữa.

Nằm một mình trong phòng bệnh, Mila không biết chút gì về sự tiến triển của cuộc điều tra. Cô hỏi thăm tình hình qua người y tá phục vụ bữa sáng và được đưa cho một tờ nhật báo sau đó một lúc.

Vụ án chiếm hết sáu trang đầu. Lượng thông tin ít ỏi lọt ra ngoài được dùng đi dùng lại nhiều lần và thổi phồng hết cỡ. Mọi người đang khát thông tin. Sau khi công chúng được biết về sự tồn tại của bé gái số sáu, tinh thần đoàn kết đang dâng cao khắp cả

nước, đẩy mọi người đến chỗ làm những chuyện không thể tưởng tượng được, chẳng hạn như tổ chức những buổi cầu nguyện hoặc những nhóm tương trợ. Một chiến dịch đã được phát động: “Mỗi cửa sổ một cây nến”. Những ánh nến nhỏ thể hiện sự trông chờ vào “phép màu”, và sẽ chỉ được tắt đi khi cô bé số sáu trở về với gia đình. Những người từ lâu không ngó ngàng đến ai, nay nhờ vụ án này mà được trải qua một kinh nghiệm mới về sự tiếp xúc giữa con người với con người. Họ không còn phải tìm cách thiết lập mối quan hệ với nhau nữa, bởi từ giờ mọi người đã có một điểm chung là sự thương cảm dành cho cô bé. Điều đó giúp họ giao tiếp được với nhau. Mọi người làm như thế ở khắp nơi: siêu thị, quán bar, trong lúc làm việc, dưới tàu điện ngầm. Trên truyền hình, dù là chương trình nào cũng chỉ nghe nhắc đến chuyện đó.

Tuy nhiên, trong số tất cả những sáng kiến đưa ra, có một điều đặc biệt đã gây tiếng vang, đến mức làm rối trí các điều tra viên.

Một khoản tiền thưởng

Mười triệu cho bất cứ ai cung cấp thông tin giúp cứu sống bé gái số sáu. Một khoản lớn, đủ để gây tranh cãi dữ dội. Một số người tin rằng nó làm hỏng sự thể hiện của tinh thần đoàn kết. Ngược lại, số khác lại cho đó là ý tốt, nhằm giúp cho mọi việc chuyển động, bởi đằng sau tấm mặt nạ vị tha, lòng ích kỷ vẫn luôn ngự trị và có thể được khai thác bằng một khoản lợi lộc trước mắt.

Thế là, dù không nhận ra, đất nước lại một lần nữa chia rẽ.

Sáng kiến thưởng tiền đến từ quỹ Rockford. Khi Mila hỏi bà y tá ai là người đứng sau quỹ từ thiện kia, bà ta giương to mắt kinh ngạc.

- Mọi người đều biết đó là ngài Joseph B. Rockford.

Phản ứng của bà y tá làm Mila hiểu cô đã tự cắt đứt với thế giới bên ngoài đến mức nào khi đắm mình vào những cuộc truy tìm bọn trẻ mất tích và tìm kiếm lời giải cho các vấn đề của bản thân.

- Tôi xin lỗi, tôi không biết. - Cô đáp.

Mila cảm thấy thật vô lý khi đường đời của một nhà tài phiệt và một cô bé vô danh giao nhau. Hai con người cho đến thời điểm này có hai cuộc sống quá khác biệt, và họ có lẽ sẽ tiếp tục con đường của riêng mình cho đến điểm kết thúc nếu như Albert không đưa họ xích lại gần nhau.

Với suy nghĩ ấy, cô thiếp đi, và tận hưởng một giấc ngủ không mộng mị, giúp tẩy sạch những ngày kinh hoàng vừa qua khỏi đầu cô. Sau khi thức giấc một cách thư thái, cô thấy mình không đơn độc.

Goran đang ngồi cạnh giường cô.

Mila ngồi dậy, tự hỏi nhà tội phạm học đã ở đó được bao lâu rồi. Ông vội trấn an cô:

- Tôi thích đợi hơn là đánh thức cô dậy. Cô có vẻ rất nhẹ nhõm. Tôi có làm gì sai không đây?

- Không. - Cô nói dối. Thật ra, giáo sư làm cô bất ngờ vào lúc không có sự phòng bị nào cả. Trước khi ông nhận thấy sự bối rối của cô, Mila vội đổi chủ đề câu chuyện. - Họ muốn giữ tôi ở đây để theo dõi. Nhưng tôi đã nói là chiều nay tôi sẽ ra viện.

Goran nhìn đồng hồ.

- Thế thì cô phải nhanh lên. Tối đến nơi rồi đây.

Mila không nhận ra mình ngủ nhiều đến thế.

- Có tin gì mới không ạ?

- Tôi vừa mới có một buổi họp khá dài với chánh thanh tra Roche.

Vậy ra đây là lý do khiến ông ta đến, cô nghĩ bụng. Ông ta muốn đích thân thông báo rằng cô không còn ở trong nhóm điều

tra nữa. Nhưng hóa ra cô nhầm.

- Chúng tôi đã tìm ra cha Rolf.

Mila thấy bụng quặn lên. Cô nghĩ đến khả năng xấu nhất.

- Ông ta đã chết cách đây khoảng một năm, chết tự nhiên.

- Ông ấy được chôn ở đâu?

Nghe đến đây, Goran hiểu Mila đã đoán ra mọi chuyện.

- Phía sau nhà thờ. Ở đó còn những cái hố khác, chôn nhiều xác động vật.

- Cha Rolf đã đem xuống mồ cùng ông ấy một vài bí mật nho nhỏ.

- Có vẻ như thế thật. Ronald bị chứng rối loạn nhân cách. Đó là một tên sát nhân hàng loạt đang hoàn thiện mình, và cha Rolf biết điều đó. Việc giết thú vật rất điển hình trong trường hợp này. Mọi thứ luôn diễn ra như vậy: khi đối tượng không còn thỏa mãn với việc giết thú, hắn chuyển mục tiêu sang đồng loại của mình. Ronald cũng thế, sớm hay muộn, sẽ chuyển sang giết người. Xét cho cùng thì việc đó đã là một phần trong vốn liếng cảm xúc từ thời ấu thơ của hắn.

- Nhưng giờ chúng ta đã chặn được hắn.

Goran lắc đầu quầy quậy:

- Không, thật ra chính Albert mới là kẻ đã ngăn chặn được hắn.

Đó là một thực tế đầy mâu thuẫn.

- Nhưng Roche thà bị lên cơn đau tim còn hơn chấp nhận chuyện này!

Mila nghĩ giáo sư Goran đang tìm cách trì hoãn việc công bố chuyện cô bị loại khỏi cuộc điều tra, nên cô nói thẳng toẹt luôn:

- Tôi bị đuổi rồi, phải không?

Goran tỏ ra bất ngờ.

- Sao cô lại nói thế?

- Vì tôi đã làm một chuyện ngu ngốc.

- Chúng ta ai chẳng từng dại dột.

- Tôi đã gây ra cái chết của Ronald Dermis, vậy là chúng

ta sẽ chẳng bao giờ biết được Albert đã tìm ra vụ này như thế nào...

- Trước tiên, tôi tin rằng Ronald đã dự trù trước cái chết của mình. Hắn muốn chấm dứt những gì đã hành hạ hắn từ nhiều năm nay. Cha Rolf đã biến hắn thành một thầy tu giả hiệu, thuyết phục Ronald rằng hắn có thể sống như một người phụng sự Chúa và đồng loại. Nhưng hắn lại không muốn yêu thương đồng loại: hắn muốn giết người để tìm thú vui.

- Vậy còn Albert, làm thế nào gã biết được?

Khuôn mặt của Goran bỗng sa sầm.

- Hắn gã đã tiếp xúc với Ronald ở một thời điểm nào đó. Tôi chưa thể nghĩ ra được cách lý giải khác. Gã đã hiểu ra điều mà cha Rolf đã biết trước đó. Và gã tìm đến vì có nhiều điểm chung với Ronald. Theo cách nào đó, chúng đã tìm thấy nhau và nhận ra nhau.

Mila thờ dài, nghĩ đến định mệnh. Chỉ có hai người hiểu được Ronald Dermis trong suốt cuộc đời của hắn. Một là cha xứ, người không tìm được giải pháp nào tốt hơn là che giấu hắn. Một là đồng sự, kẻ có khả năng đã bóc trần chân tướng của hắn.

- Đáng lẽ cô đã là người thứ hai...

Câu nói của Goran kéo Mila ra khỏi dòng suy nghĩ.

- Sao ạ?

- Nếu cô không ngăn được hắn, Ronald đã giết cô, như đã làm với Billy Moore nhiều năm về trước.

Lúc ấy, ông rút từ túi áo trong ra một chiếc phong bì và đưa cho Mila.

- Tôi nghĩ cô có quyền xem mấy thứ này...

Mila cầm lấy phong bì và mở ra. Bên trong phong bì có những tấm ảnh Ronald đã chụp lúc truy tìm cô trong nhà ăn. Cô xuất hiện ở góc của một tấm ảnh. Co quắp dưới gầm bàn, đôi mắt đầy kinh hoàng.

- Tôi không được ăn ảnh cho lắm. - Mila cố gắng pha trò. Nhưng Goran hiểu cô đang dao động.

- Sáng nay, Roche đã giải tán đội trong hai mươi tư giờ... Hay ít ra là đến khi xác chết tiếp theo xuất hiện.

- Tôi không muốn nghĩ. Tôi muốn tìm ra cô bé số sáu. - Mila nói. - Cô bé không thể chờ đợi được.

- Tôi tin ngài chánh thanh tra biết điều đó... Nhưng ông ta đang thử chơi một con bài khác, tôi e là vậy.

- Món tiền thưởng.

- Nó có thể mang lại những kết quả bất ngờ.

- Vậy còn việc tìm kiếm trong danh sách những người hành nghề y? Còn giả thiết cho rằng Albert là một bác sĩ đã bị rút giấy phép?

- Một hướng khá phập phù. Không ai thực sự tin vào nó ngay từ đầu. Cũng như tôi không nghĩ ta có thể rút ra được gì từ việc truy tìm nguồn gốc các loại thuốc đã giúp gã duy trì sự sống cho cô bé. Tay này có cả ngàn phương cách để có được chúng. Gã rất ranh ma và có sự chuẩn bị từ trước, đừng quên điều đó.

- Kỹ càng hơn chúng ta nhiều, có vẻ như thế. - Mila đá xoáy.

Goran không phản đối.

- Tôi đến đây để đưa cô đi, không phải để tranh cãi.

- Đưa tôi đi... Giáo sư định đưa tôi đi đâu?

- Đi ăn tối... À, nhân tiện, chúng ta xứng hô bớt khách sáo đi nhé.

Sau khi rời bệnh viện, Mila đòi được tạt qua studio. Cô muốn tắm rửa và thay quần áo. Cô đã nghĩ nếu như chiếc áo phong không bị đạn xé rách và phần còn lại của trang phục không bị vấy máu, thì cô đã mặc nguyên như thế mà đi. Thực ra thì lời mời ăn tối bất ngờ khiến cô bối rối, và cô không muốn mình bốc mùi hôi hoặc mùi cồn iốt.

Thỏa thuận ngầm giữa cô với giáo sư Gavila - mặc dù từ giờ cô phải làm quen với việc gọi ông bằng tên - là chuyện này không được coi như một chuyến đi chơi, và sau bữa tối, cô sẽ lập tức quay về studio để tiếp tục công việc. Dù sao thì, ngay cả nếu như điều này khiến cho cô thấy có lỗi với bé gái số sáu, cô cũng không khỏi mừng rỡ về lời mời.

Do vết thương, Mila không tắm bằng vòi sen được. Cô chỉ có thể lau rửa cẩn thận từng chút một, đến mức hết cả bình nước nóng.

Cô mặc một chiếc áo phong cổ tròn màu đen. Chiếc quần jean còn lại nom khiêu khích vì quá bó sát, nhưng cô không còn lựa chọn nào khác. Chiếc áo khoác da của cô bị rách ở vai trái, chỗ đạn bắn, nên cô không thể mặc được. Tuy vậy cô rất ngạc nhiên khi thấy trên giường mình là một chiếc áo khoác màu xanh quân đội, với một lời nhắn: “Ở đây, cái lạnh gây chết nhiều hơn súng đạn.

Chào mừng cô trở lại với mọi người. Thân ái, Boris”.

Cô cảm thấy ấm lòng và biết ơn. Nhất là khi Boris tự coi mình như một “người bạn”. Điều đó khiến cô yên tâm rằng anh chàng sẽ không thử cưa cẩm mình. Trên chiếc áo khoác còn có một hộp kẹo bạc hà, đóng góp của Stern cho động thái chăm sóc thân tình này.

Đã từ nhiều năm nay, Mila không mặc gì ngoài màu đen. Nhưng chiếc áo khoác xanh lá rất hợp ý cô. Nó lại vừa nữa chứ. Khi trông thấy cô từ studio bước xuống, Goran có vẻ không nhận ra bề ngoài mới mẻ của cô. Ông lúc nào cũng lơ đãng và chẳng chú ý gì đến vẻ ngoài của người khác.

Hai người đi bộ đến nhà hàng. Cuộc đi dạo khá dễ chịu, và nhờ món quà của Boris, Mila không bị lạnh.

Tám biển *steak house* hứa hẹn món thịt bò tái Argentina mềm ngon. Họ ngồi vào một bàn dành cho hai người cạnh cửa sổ. Bên ngoài, tuyết phủ trắng tát cả mọi thứ, bầu trời rắng đỏ âm u dự báo những đợt tuyết rơi khác trong đêm. Bên trong nhà hàng, mọi người cười nói vô tư lự, một điệu nhạc jazz làm nóng bầu không khí, nhưng không át đi những cuộc đối thoại vui vẻ.

Trong thực đơn, món nào cũng có vẻ hấp dẫn, khiến Mila phải mất một lúc để lựa chọn. Cuối cùng, cô chọn món bít-tết chín

kỹ dùng kèm với khoai tây đút lò và lá hương thảo. Goran gọi một miếng sườn và salad cà chua. Hai người chỉ dùng nước khoáng có ga.

Mila không biết phải nói về chuyện gì: công việc, hay cuộc sống riêng. Lựa chọn thứ hai dù rất thú vị nhưng lại khiến cô không thoải mái. Tuy nhiên, trước hết, cô phải giải tỏa thắc mắc của mình cái đã.

- Thực sự chuyện đó diễn ra như thế nào?

- Chuyện gì cơ?

- Roche đã muốn loại em ra khỏi cuộc điều tra, nhưng rồi ông ta thay đổi ý định. Tại sao vậy?

Goran ngần ngừ, nhưng rồi ông quyết định nói hết.

- Chúng tôi đã tiến hành bỏ phiếu xem có giữ em lại hay không.

- Bỏ phiếu á? - Mila ngạc nhiên. - Vậy là đa số đã muốn như vậy.

- Một chênh lệch lớn đấy.

- Nhưng... sao lại thế được?

- Ngay cả Sarah Rosa cũng bỏ phiếu thuận giữ em ở lại. -

Giáo sư vừa nói vừa suy đoán phản ứng của cô.

Mila choáng váng.

- Ngay cả chị ta, kẻ thù không đội trời chung của em!

- Lẽ nào em có ác cảm với Rosa đến thế!

- Thật ra, em lại nghĩ điều ngược lại kia...

- Rosa đang trải qua một giai đoạn khó khăn. Cô ấy vừa mới ly thân chồng.

Mila định nói cô đã nhìn thấy hai vợ chồng họ cãi vã dưới cửa studio tối hôm nọ, nhưng lại thôi vì không muốn tỏ ra quá tọc mạch.

- Em rất tiếc.

- Khi đã có con cái, chuyện này không bao giờ dễ dàng.

Mila có cảm giác như ẩn ý của Goran đi xa hơn là sự việc của Sarah Rosa, có lẽ nó liên hệ trực tiếp đến ông.

- Con gái Rosa đã bị rối loạn ăn uống do ảnh hưởng từ sự chia tay của bố mẹ. Hai người vẫn tiếp tục sống dưới cùng một mái nhà, nhưng em có thể tưởng tượng hệ quả của tình trạng đó rồi đây.

- Không lẽ việc này cho phép chị ta trút giận vào em?

- Là người mới đến, hơn nữa lại là một phụ nữ duy nhất còn lại trong nhóm ngoài cô ấy, em dễ dàng trở thành đích nhắm của Rosa. Cô ấy không thể trút giận vào Boris hay Stern, vì họ đã quen biết nhau nhiều năm rồi...

Mila rót một chút nước khoáng, sau đó sự tò mò của cô chuyển sang các đồng đội còn lại.

- Em muốn hiểu họ rõ hơn để có cách cư xử cho thích hợp, nếu ông không phiền.

- Ồ, theo tôi, với Boris thì khá dễ. Em nhìn thấy thế nào thì cậu ấy là như thế.

- Quả vậy. - Mila công nhận.

- Tôi cũng xin nói luôn, cậu ấy từng phục vụ trong quân đội và trở thành chuyên gia thẩm vấn. Tôi thường chứng kiến Boris làm việc, nhưng lần nào cậu ấy cũng khiến tôi kinh ngạc. Cậu ấy biết cách chui vào trong đầu của bất cứ người nào.

- Em không biết là Boris lại giỏi đến thế.

- Cậu ấy giỏi, rất giỏi... Cách đây hai năm, một tay nọ bị bắt giữ do bị tình nghi đã giết chết rồi phi tang xác của cậu vợ hắn, hai người sống cùng nhà với hắn. Em chưa từng thấy ai như thế đâu: hắn lạnh lùng và cực kỳ điềm tĩnh. Sau mười tám giờ bị thẩm tra tích cực với năm cảnh sát luân phiên dồn ép, hắn vẫn không thừa nhận gì hết. Cuối cùng, Boris đến, ngồi hỏi hắn hai mươi phút là hắn thú nhận mọi thứ.

- Thế cơ à! Vậy còn Stern?

- Stern là một người rất gan dạ. Tôi còn nghĩ chữ ấy đúng là được viết ra để miêu tả anh ấy. Stern đã kết hôn được ba mươi bảy năm, có hai cậu con trai sinh đôi, cả hai đều vào hải quân.

- Anh ấy có vẻ là một người khá trầm. Em cũng thấy Stern rất ngoan đạo nữa.

- Chủ nhật nào Stern cũng đi lễ nhà thờ, thậm chí còn hát trong ca đoàn.

- Ngoài ra, em thấy trang phục của anh ấy thật không thể tin nổi. Cứ như một tài tử điện ảnh những năm 70.

Goran bật cười đồng tình. Rồi ông nghiêm nghị trở lại.

- Marie, vợ Stern ấy, phải chạy thận năm năm trời trong khi chờ ghép thận. Cuối cùng cách đây hai năm Stern đã hiến một quả thận cho Marie.

Ngỡ ngàng xen lẫn khâm phục, Mila không thốt nên lời. Goran nói tiếp.

- Người đàn ông này đã từ bỏ một nửa phần đời còn lại của mình để tiếp chút hy vọng cho vợ.

- Chắc anh ấy yêu chị nhà lắm.

- Phải, tôi nghĩ là thế. - Goran nói với một chút chua chát mà Mila không thể không nhận thấy.

Lúc đó thức ăn được dọn lên. Hai người ăn trong yên lặng, nhưng không phải một sự yên lặng nặng nề. Họ giống như hai người đã biết nhau rõ đến nỗi không cần phải liên tục dùng ngôn từ để lấp đầy khoảng trống cho đỡ lúng túng.

- Có vài điều em phải nói. - Mila lên tiếng sau đó một lúc.
- Chuyện này xảy ra lúc em mới đến, vào đêm thứ hai khi em về nhà nghỉ của mình, trước lúc chúng ta dọn vào trong studio.

- Em nói đi.

- Cũng có thể là chẳng có gì hết, hoặc chỉ là linh cảm...
nhưng em cảm thấy bị người ta theo dõi, lúc em về nhà nghỉ.

- Cảm thấy nghĩa là thế nào?

- Kẻ đó bắt chước nhịp bước của em.

- Nhưng tại sao người đó theo dõi em?

- Chính vì thế mà em không kể với ai hết. Em cũng thấy chuyện này rất vô lý. Chắc em tưởng tượng..

Goran ghi nhận lại thông tin và im lặng.

Lúc cà phê được dọn lên, Mila nhìn đồng hồ.

- Em muốn ghé một chỗ này. - Cô nói.

- Vào giờ này sao?

- Phải.

- Thôi được, để tôi gọi thanh toán.

Mila đề nghị chia tiền, nhưng Goran nhất định trả hết vì ông là người mời. Đúng kiểu lộn xộn đặc trưng - và cũng rất dễ

thương nữa - khi ông rút từ trong túi ra chũ giấy bạc, tiền xu và mấy tờ ghi chú nguệch ngoạc, thì vài quả bóng đủ màu rơi ra.

- Cửa Tommy, con trai tôi đây.

- Ô, em không biết là ông có... - Mila vờ vịt.

- Không, không đâu. - Ông vội nói và cụp mắt xuống. - Giờ thì hết rồi.

Mila chưa bao giờ tham gia vào một buổi an táng ban đêm. Thời điểm chôn cất Ronald Dermis được lựa chọn nhằm né tránh công chúng. Đối với cô, suy nghĩ cho rằng ai đó có thể trả thù vào một cái xác cũng ghê rợn không kém bản thân buổi mai táng.

Các phu đào huyệt đang làm việc quanh cái hố. Họ không dùng máy xúc. Mặt đất đông cứng khiến họ rất vất vả. Bốn người bọ họ đôi phiên cho nhau năm phút một, hai người đào và hai người soi đèn pin. Thỉnh thoảng, một người lại buột miệng chửi thề tiết giá lạnh, và để tự sưởi ấm, họ chuyển nhau chai Wild Turkey.

Goran và Mila yên lặng quan sát cảnh tượng đào huyệt.

Quan tài chứa xác của Ronald vẫn đang còn nằm trong chiếc xe thùng. Xa hơn một chút là tấm bia đá không tên tuổi hay ngày tháng, chỉ ghi độc một con số. Cùng với một hình thập tự nhỏ.

Lúc này, trong đầu Mila hiện lên hình ảnh cú rơi của Ronald từ trên tháp xuống. Trong lúc hấn rơi, Mila không thấy trên gương mặt hấn một biểu hiện sợ hãi hay kinh hoàng nào. Cứ như thể hấn không hề sợ chết. Có lẽ cũng giống như Alexander Bermann, hấn thích giải pháp đó hơn. Chiều theo ham muốn xóa sổ bản thân mình mãi mãi.

- Mọi chuyện vẫn ổn chứ? - Goran hỏi, phá vỡ sự tĩnh lặng của cô.

Mila quay sang phía ông giáo sư.

- Mọi chuyện vẫn ổn.

Đúng lúc đó hình như cô thấy một người đứng nấp sau một cái cây trong nghĩa trang. Cô nhìn kỹ hơn và nhận ra Feldher. Hóa ra đám tang của Ronald không kín đáo đến thế.

Feldher mặc một chiếc áo khoác dày bằng len kẻ caro, trong tay cầm lon bia, tuồng như muốn nâng ly lần cuối với người bạn cũ thời thơ ấu, mặc dù có lẽ nhiều năm nay hai người không gặp lại nhau. Mila nhìn sự việc theo hướng tích cực: ngay cả tại nơi quý

sứ nằm xuống, vẫn có chỗ cho tình thương.

Nếu không có Feldher và sự trợ giúp vô tình của hắn thì họ đã không đi được đến đây. Hắn cũng xứng đáng được thưởng vì đã ngăn chặn tên sát nhân hàng loạt đang hoàn thiện kia - như cách nói của Goran. Ai mà biết có bao nhiêu nạn nhân tương lai đã được cứu thoát?

Khi ánh mắt của họ gặp nhau, Feldher bóp bẹp lon bia và quay về phía chiếc xe hơi của hắn đậu cách đó không xa. Hắn sẽ lại quay về với căn nhà nơi bãi phế liệu, món trà nguội rót trong mấy cái ly cộc cạch, con chó có bộ lông màu gỉ sắt, và đợi cái chết vô danh một ngày kia đến gõ cửa.

Lý do thúc đẩy Mila đến dự buổi mai táng ngắn ngủi này có lẽ liên quan đến điều Goran đã nói với cô trong bệnh viện:

“Nếu cô không ngăn được hắn, Ronald đã giết cô, như đã làm với Billy Moore nhiều năm về trước”.

Và ai mà biết được, sau cô, có lẽ hắn sẽ còn tiếp tục giết người.

- Mọi người không biết chứ, theo thống kê của chúng tôi thì có từ sáu đến tám tên giết người hàng loạt đang hoạt động trên đất nước này trong thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, chưa có người

nào xác định được chúng. - Goran nói trong lúc các phu nhà đòn hạ huyết cổ quan tài gỗ.

Mila choáng váng.

- Sao có thể như thế được?

- Bởi vì chúng ra tay một cách ngẫu nhiên, không có kịch bản. Hoặc vì chưa có ai xâm chuối được hai án mạng có vẻ rất khác biệt. Hay cũng có thể bởi vì các nạn nhân không đáng được nhận một cuộc điều tra chuyên sâu... Chẳng hạn như một cô gái điếm bị giết rồi bị vớt xác xuống mương. Trong đa số trường hợp, cái chết đó là do ma túy, ma cô, hoặc khách hàng gây ra. Căn cứ trên mức độ rủi ro của cái nghề ấy, trung bình một trên mười gái điếm bị giết, và không phải lúc nào họ cũng rơi vào danh sách nạn nhân của bọn giết người hàng loạt. Thật khó để chấp nhận chuyện này, nhưng nó là như vậy đấy.

Một cơn gió xối tung những bông tuyết và bụi đất. Mila run lên, cô thu mình lại trong chiếc áo khoác.

- Tất cả chuyện này có ý nghĩa gì? - Cô hỏi.

Thật ra trong câu hỏi của cô ẩn giấu một lời khẩn cầu. Nó chẳng có liên quan gì với vụ việc mà họ đang phụ trách, cũng như với cái nghề cô đã chọn. Đó là một lời cầu nguyện, một cách để

chấp nhận sự bất lực của cô trong việc thấu hiểu động cơ của cái ác, nhưng cũng là một lời cầu xin sự cứu rỗi. Dù sao thì cô cũng không chờ đợi một câu trả lời.

Nhưng Goran đã lên tiếng:

- Chúa trời im lặng. Quỷ dữ thì thâm.

Hai người không nói gì.

Các phu nhà đòn lấp lỗ huyệt với chỗ đất đông cứng. Trong nghĩa trang chỉ còn tiếng xèng vang lên. Rồi điện thoại di động của Goran đổ chuông. Ông còn chưa tìm được điện thoại trong túi áo choàng thì đến lượt di động của Mila réo vang.

Họ không cần phải nghe máy nhưng cũng biết rằng thi thể của bé gái thứ ba đã được tìm thấy.

Gia đình Kobashi - ông bố, bà mẹ và hai người con, một cậu bé mười lăm và một cô bé mười hai - sống trong khu biệt thự Capo Alto sang trọng. Sáu mươi héc-ta đầy cây xanh, với hồ bơi, sân quần ngựa, sân golf và một nhà sinh hoạt cộng đồng dành riêng cho chủ nhân của bốn mươi tòa biệt thự trong khu. Một bến đỗ cho những người giàu có, gồm chủ yếu là các bác sĩ chuyên khoa, kiến trúc sư và luật sư.

Một bức tường cao hai mét được khéo léo ngụy trang bằng một hàng giậu là thứ ngăn cách thiên đường nhỏ ấy với phần còn lại của thế giới. Một dịch vụ bảo vệ hai bốn trên hai bốn. Hệ thống bảy mươi camera an ninh giám sát toàn bộ chu vi khu vực và

một đội cảnh sát tư bảo đảm an ninh cho toàn bộ dân cư.

Kobashi là nha sĩ. Thu nhập cao, sở hữu một chiếc Maserati và một chiếc Mercedes trong gara, một ngôi nhà nghỉ trên núi, một chiếc thuyền buồm, cùng một bộ sưu tập rượu vang đáng ghen tỵ trong hầm. Vợ ông quán xuyến việc nuôi nấng hai đứa con và trang trí nhà cửa với những món hàng độc và cực đắt.

- Họ đi nghỉ ở vùng nhiệt đới từ ba tuần nay và vừa về tối hôm qua. - Stern thông báo khi Goran và Mila đến nơi. - Nguyên nhân của chuyến nghỉ mát là vụ mất tích của các bé gái. Con gái họ cũng tầm tuổi các nạn nhân, nên họ quyết định cho người làm tạm nghỉ và cả nhà đi đổi gió một thời gian.

- Hiện tại họ đang ở đâu?

- Ở khách sạn. Chúng tôi đưa họ đến đó vì lý do an ninh. Bà vợ đã phải cần đến hai viên Valium. Có thể nói là họ đang bị chấn động mạnh.

Câu cuối của Stern cũng là để chuẩn bị tinh thần cho họ trước những gì sắp nhìn thấy.

Căn biệt thự không còn là một ngôi nhà nữa, mà từ nay đã trở thành “hiện trường điều tra mới”. Nó đã bị chằng dây bảo vệ xung quanh để cách ly với những người hàng xóm đang kéo đến xem

chuyện gì đã xảy ra.

- Ít ra thì báo chí cũng sẽ không thể vào tận đây. - Goran nhận xét.

Họ băng qua thảm cỏ nằm giữa ngôi biệt thự và con đường. Khu vườn được chăm sóc rất kỹ, các loại cây hàn đới tuyệt đẹp vươn lên từ những chậu đất mà vào mùa hè, bà Kobashi tự tay trồng các loại hoa hồng để đem đi thi đấu của mình.

Một cảnh sát viên đứng chặn cửa, chỉ cho những người được phép vào nhà qua cửa. Krepp và Chang đã tiến hành làm việc cùng với nhóm của mỗi người. Khi Goran và Mila tiến đến ngưỡng cửa, họ gặp thanh tra Roche đang bước ra ngoài.

- Hai người không hình dung nổi đâu... - Ông thanh tra nói với khuôn mặt tái mét, tay rịt chiếc khăn mùi soa trên miệng. - Vụ này càng lúc càng ghê rợn. Chỉ mong sao chúng ta có thể tránh được cuộc thẩm sát này... Vì lòng kính Chúa, chúng nó chỉ là những đứa bé gái thôi mà! - Ông nói thêm với một sự phẫn nộ thật sự. - Chưa hết, dân cư khu này đã bắt đầu kêu ca về sự hiện diện của chúng ta và gây sức ép lên những mối quan hệ chính trị họ có để đuổi chúng ta đi ngay cho khuất mắt! Ông có hiểu không đấy? Tôi phải gọi cho một lão nghị sĩ chết rấp để trấn an lão rằng chúng ta sẽ làm nhanh hết sức!

Mila quét mắt nhìn qua đám đông dân cư đang tụ tập phía trước ngôi biệt thự. Đây là thiên đường riêng tư của họ, và họ coi các điều tra viên như những kẻ xâm phạm.

Tuy nhiên, bỗng đâu một lỗ thông xuống địa ngục đã mở ra trong một góc của cái thiên đường ấy.

Stern đưa cho cô hũ đựng bột long não để bôi vào lỗ mũi. Mila hoàn tất nghi thức trình diện xác chết bằng việc mang bao giày và xỏ găng tay cao su. Viên cảnh sát đứng trước cửa dịch sang bên để họ bước qua.

Trên lối đi vẫn còn mấy chiếc va li du lịch và các túi đồ lưu niệm. Chuyến bay đưa gia đình Kobashi từ miền nhiệt đới về với cái lạnh tháng Hai hạ cánh lúc mười giờ đêm. Sau đó họ vội vã về nhà để quay lại với những sở thích quen thuộc và sự tiện nghi của nơi mà từ giờ sẽ không bao giờ còn như trước nữa.

Các gia nhân đến ngày mai mới quay lại làm việc, nên họ là những người đầu tiên bước qua ngưỡng cửa.

Mùi hôi thối tràn ngập trong không khí.

- Đây là mùi mà gia đình Kobashi đã ngửi thấy khi mở cửa. - Goran nói ngay.

*Trong một thoáng, họ tự hỏi đó là mùi gì, Mila nghĩ bụng.
Rồi họ bật đèn...*

Trong gian phòng khách rộng lớn, các kỹ thuật viên của đội cảnh sát khoa học và đội pháp y đang phối hợp hành động một cách nhịp nhàng, như thể được điều khiển bởi một biên đạo múa vô hình. Mặt sàn lát đá cẩm thạch quý lạnh lùng phản chiếu ánh sáng của những ngọn đèn halogen. Nhiều đồ nội thất hiện đại được phối hợp với các món đồ cổ. Ba chiếc trường kỷ bằng da mềm màu khói tạc thành một hình vuông, phía trước một lò sưởi đồ sộ bằng đá hồng.

Trên chiếc tràng kỷ chính giữa là thi thể của bé gái thứ ba đang ngồi.

Đôi mắt cô bé đang mở - hai đốm màu xanh lơ. Và cô bé đang nhìn họ.

Cái nhìn đăm đăm ấy là dấu ấn con người cuối cùng còn sót lại trên gương mặt biến dạng. Quá trình phân hủy đã bước vào giai đoạn muộn. Cánh tay trái bị mất khiến cho cô bé có dáng ngồi nghiêng tựa như có thể ngã sang một bên vào bất cứ lúc nào. Nhưng cô bé vẫn đang ngồi.

Cô bé mặc một chiếc váy ngắn có những bông hoa xanh. Đường cắt và các mũi khâu cho thấy nó được làm bằng tay, có lẽ là

may đo riêng. Mila cũng nhận thấy các mũi móc trên đôi vớ trắng và chiếc thắt lưng bằng satanh được gắn vào phần eo bằng một cái khóa khảm xà cừ.

Cô bé phục sức như một con búp bê. Một con búp bê hồng.

Mila không thể nhìn cô bé lâu hơn vài giây. Cô cụp mắt xuống và nhận ra tấm thảm tơ đặt trước tràng kỷ. Nó được trang trí bằng những đóa hồng Ba Tư và các vân sóng nhiều màu. Cô có cảm giác như chúng đang chuyển động. Cô tập trung nhìn kỹ hơn.

Tấm thảm đang bị bao phủ hoàn toàn bởi những con côn trùng nhỏ xíu đang bò lúc nhúc.

Mila bất giác đưa tay lên bóp vết thương nơi vai. Những người xung quanh có thể nghĩ nó đang hành cô, nhưng thật ra là ngược lại.

Như thường lệ, cô tìm điểm tựa ở sự đau đớn.

Nó không kéo dài, nhưng nó cho cô sức lực để làm một nhân chứng kỹ lưỡng trước cảnh tượng kinh tởm kia. Cô thôi bóp vết thương khi đã đủ đau và nghe thấy bác sĩ Chang nói với giáo sư Goran:

- Đây là ấu trùng của loài *Sarcophaga carnaria*. Chu trình sinh lý của chúng khá nhanh nếu ở trong điều kiện nhiệt độ cao. Chúng rất háu ăn.

Mila biết Chang đang nói đến cái gì, vì nhiều vụ mất tích thường kết thúc với việc phát hiện ra xác chết. Cần phải tiến hành cả quy trình nhận dạng lẫn xác định thời điểm chết. Có nhiều loại côn trùng khác nhau tham gia vào những giai đoạn tiếp nối sau cái chết, nhất là khi tử thi bị để lộ thiên. Người ta gọi chúng là “hệ động vật ăn xác chết” và được chia làm tám nhóm. Mỗi nhóm ứng với một giai đoạn của sự biến đổi mà vật chất hữu cơ trải qua sau khi chết. Do đó, tùy vào loài động vật hiện hữu, người ta có thể truy ngược ra thời điểm chết.

Sarcophaga carnaria là một loài ruồi đẻ con, chắc là thuộc vào nhóm thứ hai, vì Mila nghe bác sĩ pháp y cho biết thêm rằng tử thi chắc chắn đã ở đây được ít nhất một tuần.

- Albert đã có đầy đủ thời gian để hành động trong khi gia chủ đi nghỉ mát. Nhưng còn một điều mà tôi không thể giải thích được. - Chang nói. - Làm thế nào gã đưa được cái xác đến đây, trong khi bảy mươi camera và ba chục bảo vệ giám sát khu này cả ngày lẫn đêm?

- Hệ thống điện của chúng tôi đã bị quá tải. - Chi huy đội bảo vệ cho biết khi Sarah Rosa yêu cầu giải thích về ba tiếng đồng hồ ngừng hoạt động của các camera an ninh diễn ra trước đó một tuần, đúng vào thời điểm Albert được cho là đã đem xác bé gái tới biệt thự của gia đình Kobashi.

- Chuyện đó không đặt các ông vào tình trạng báo động sao?

- Không thưa cô...

- Tôi hiểu rồi.

Rosa không nói gì thêm mà chỉ đưa mắt nhìn quân hàm đại úy mà anh ta đang gắn trên bộ đồng phục. Một cấp bậc cũng ảo như chức năng của anh ta. Đội bảo vệ là để bảo đảm an ninh cho dân cư, nhưng trên thực tế họ chỉ là những gã cơ bắp mặc đồng phục. Sự huấn luyện của họ chỉ gói gọn trong một đợt đào tạo trả phí kéo dài ba tháng, thực hiện bởi mấy tay cảnh sát về vườn, tại trụ sở của công ty đã tuyển dụng họ. Họ được trang bị tai nghe nối với bộ đàm và một bình xịt hơi cay. Như vậy Albert chẳng gặp khó khăn gì trong việc qua mặt đám bảo vệ. Ngoài ra người ta đã phát hiện một lỗ hổng khoảng một mét rưỡi ở tường rào, ẩn sau hàng giậu vốn được dùng để che chắn cho bức tường. Ý đồ thâm mỹ rốt cuộc lại vô hiệu hóa phương tiện bảo vệ thực sự duy nhất của Capo Alto.

Giờ vấn đề là cần phải tìm hiểu vì sao Albert chọn địa điểm và gia đình này.

Nỗi sợ hãi phải đối mặt với một Alexander Bermann khác đã khiến Roche cho phép sử dụng mọi phương thức điều tra đối với ngài Kobashi và bà vợ, kể cả những thứ có tính xâm phạm nhất.

Boris được phân công khai thác ông nha sĩ.

Kobashi có lẽ không biết gì về đặc súng được dành cho mình trong những giờ sắp tới. Bị thẩm vấn bởi một chuyên gia không giống chút nào với những gì thường diễn ra tại các đồn cảnh

sát, nơi mọi thứ đều dựa trên sự kiệt quệ của đối tượng sau hàng giờ chịu dồn ép tâm lý và không được ngủ, đồng thời phải trả lời đi trả lời lại những câu hỏi giống nhau.

Boris gần như không bao giờ tìm cách gài bẫy đối tượng, vì anh biết sự căng thẳng thường gây ra tác dụng tiêu cực đối với việc cung khai, và do đó lời khai thu được sẽ trở thành điềm dễ bị tấn công bởi một luật sư giỏi tại tòa. Anh cũng không hứng thú với những lời thú tội nửa vờ và các nỗ lực thương lượng mà kẻ tình nghi vẫn sử dụng khi cảm thấy bị dồn đến chân tường.

Không. Đặc vụ Klaus Boris chỉ nhắm đến một lời thú nhận hoàn chỉnh.

Trong nhà bếp của studio, Mila nhìn thấy anh chàng chuẩn bị ra sàn diễn. Bởi lẽ xét cho cùng công việc của anh chính là như thế: một vở diễn mà các vai thường bị đảo ngược. Bằng những lời nói dối, Boris sẽ bẻ gãy hàng rào phòng vệ của Kobashi.

Anh xắn tay áo lên và đi tới đi lui trong nhà bếp với một chai nước trong tay để luyện chân. Quả vậy, khác với Kobashi, Boris sẽ không ngồi mà phải đứng để dùng vóc người to lớn của mình trấn áp ông nha sĩ.

Trong lúc đó, Stern cập nhật cho Boris những gì anh đã phát hiện được về đối tượng tình nghi cho đến lúc này.

- Tay nha sĩ có trốn một phần thuế. Ông ta có một tài khoản ở hải ngoại và gửi vào đó các khoản thu chưa khai báo thuế của phòng mạch, cùng với các món tiền thưởng lĩnh từ những giải golf mà ông ta thi đấu gần như mọi dịp cuối tuần như một vận động viên bán chuyên nghiệp... Còn về Kobashi phu nhân, bà ta có một thú tiêu khiển thời gian khác: cứ chiều thứ Tư hàng tuần, bà ta lại đến gặp một tay luật sư có tiếng tại một khách sạn ở khu trung tâm. Không cần phải nói thêm rằng, cũng chính tay luật sư đó vẫn chơi golf cùng ông chồng bà ta vào cuối tuần...

Các thông tin này sẽ là khung sườn của buổi thẩm vấn. Boris sẽ cân nhắc và sử dụng chúng vào những thời điểm vàng để hạ gục ông nha sĩ.

Phòng thẩm vấn cạnh phòng ngủ tập thể của studio đã được cải tạo từ lâu. Nó khá hẹp, ngột ngạt và không có cửa sổ. Cửa vào duy nhất sẽ được Boris khóa lại ngay khi anh cùng đối tượng vào trong phòng. Tiếp đến, anh dứt chìa khóa vào trong túi như thường lệ: cử chỉ này cho thấy rõ ràng anh đang ở vị trí của kẻ mạnh.

Ánh sáng đèn nêông không quá mạnh, nó lại phát ra một tiếng ro ro rất bức bối: âm thanh này cũng là một trong số những phương tiện tạo áp lực của Boris. Về phần mình, anh giảm bớt tác động của nó bằng hai nút bông gòn trong lỗ tai.

Một chiếc gương giả ngăn cách căn phòng và phòng kê bên, vốn có một cửa vào riêng, để cho các thành viên của đội điều tra có thể chứng kiến buổi thẩm vấn. Một điều tối quan trọng là đối tượng không được ngồi đối diện gương. Phải để cho hắn cảm nhận được rằng hắn bị quan sát mặc dù không thể đáp lại tia nhìn vô hình ấy.

Bàn và các vách tường đều được sơn màu trắng: màu sắc đơn nhất không tạo ra bất cứ điểm nhìn nào cho đối tượng khi hắn muốn tập trung suy nghĩ. Ghế ngồi cũng có một chân ngắn hơn bình thường để gây khó chịu cho nghi phạm.

Mila bước vào căn phòng liền kê khi Sarah Rosa đang chuẩn bị máy phân tích giọng nói, thiết bị cho phép đo mức độ căng thẳng dựa trên độ rung của giọng nói. Những rung động nhỏ gắn với sự co thắt của bắp thịt được đo bằng số dao động trong một phút, với tần số từ 10 đến 12 hertz. Khi đối tượng nói dối, lượng máu trong các dây thanh quản sẽ giảm xuống vì căng thẳng, và do đó làm giảm độ rung của giọng nói. Một máy tính phân tích các biến đổi rất nhỏ trong giọng nói của Kobashi và chỉ ra những lần ông ta nói dối.

Nhưng kỹ thuật quan trọng nhất mà đặc vụ Klaus Boris sử dụng - cái mà anh đặc biệt thuần thục - chính là *sự quan sát thái độ của đối tượng*.

Kobashi được đưa vào trong phòng thẩm vấn sau khi đã được mời đến một cách nhã nhặn - mà không hề báo trước - để cung cấp các chi tiết của vụ việc cho đội điều tra. Các cảnh sát hộ tống ông ta từ khách sạn, nơi cả nhà ông ta đang lưu lại, đồng thời bắt ông ta ngồi trên băng ghế phía sau của xe hơi và đi theo một lộ trình dài hơn bình thường để đến studio, nhằm làm tăng thêm tình trạng hoài nghi và không chắc chắn của ông ta.

Do đây là một buổi thẩm tra không chính thức, Kobashi đã không đòi sự hiện diện của luật sư. Ông ta sợ yêu cầu đó chỉ càng làm tăng mối nghi ngờ đổ lên đầu mình. Đó chính là điều Boris đã chờ đợi.

Trong phòng thẩm vấn, nha sĩ Kobashi có vẻ khổ sở. Mila quan sát ông ta. Kobashi mặc một chiếc quần mùa hè màu vàng, có lẽ thuộc về một trong những bộ trang phục chơi golf mà ông ta đã mang theo khi đi nghỉ, nhưng thứ duy nhất ông ta có trong thời điểm hiện tại. Ông ta mặc một cái áo len chui đầu bằng casomia màu đỏ tía, để lộ chiếc áo thun trắng có cổ bên trong.

Họ đã nói với ông ta rằng một điều tra viên sẽ đến để đặt vài câu hỏi. Kobashi gật đầu, hai tay đặt trên đầu gối, trong tư thế phòng thủ.

Trong lúc đó, ở phía bên kia của tấm gương, Boris đang quan sát ông nha sĩ. Anh bắt ông ta ngồi đợi để nghiên cứu kỹ hơn.

Kobashi thấy trên bàn có một tập hồ sơ đề tên ông. Boris là người đã để nó ở đó. Ông nha sĩ không đụng đến nó, cũng không hề nhìn về phía cái gương, vì biết thừa rằng mình đang bị quan sát.

Thật ra tập hồ sơ chẳng có gì bên trong.

- Xem có giống phòng đợi chữa răng không kia? - Sarah Rosa châm chọc, mắt nhìn chằm chằm người đàn ông ở bên kia tấm kính.

Boris tuyên bố:

- Nào, ta bắt đầu thôi.

Sau đó, anh bước qua ngưỡng cửa phòng thẩm vấn. Anh chào Kobashi, khóa cửa lại và xin lỗi ông ta vì mình đã đến muộn. Một lần nữa anh nhắc lại với ông nha sĩ rằng những câu hỏi anh sắp đưa ra chỉ là để làm sáng tỏ một số việc, trước khi cầm lấy tập hồ sơ trên bàn và mở ra, vờ như đang đọc gì đó.

- Ông Kobashi này, ông năm nay bốn mươi tuổi, phải không ạ?

- Đúng vậy.

- Ông làm nha sĩ từ khi nào?

- Tôi là bác sĩ phẫu thuật chỉnh nha. - Kobashi chỉnh lại. - Tôi đã hành nghề được mười lăm năm.

Boris giành mấy giây để xem tập hồ sơ trông.

- Tôi có thể biết tổng thu nhập năm vừa qua của ông là bao nhiêu được không?

Ông nha sĩ hơi nhồm người. Boris đã ghi điểm đầu tiên: khơi chuyện thu nhập để ngầm bóng gió đến vụ nộp thuế. Như dự kiến, Kobashi nói dối như cuội về tình hình tài chính của mình, khiến Mila không thể không nghĩ ông ta là một người khá ngây thơ khi làm như vậy. Đây là một buổi thẩm vấn liên quan đến án mạng, những thông tin về thuế má nếu xuất hiện cũng chẳng có nghĩa lý gì, và cũng không thể chuyển cho bên thuế vụ được.

Kobashi nói dối trên một số chi tiết khác, tin rằng mình có thể dễ dàng lèo lái các câu trả lời. Boris để cho ông ta hươu vượn như thế thêm một lúc nữa.

Mila hiểu anh chàng điều tra viên đang chơi trò gì. Cô đã chứng kiến những cảnh sát viên được đào tạo theo trường phái cổ điển dùng mánh này mặc dù Boris thực hiện nó ở một đẳng cấp cao hơn.

Khi một người nói dối, anh ta phải tập trung tâm lý cao

độ để đối phó với hàng loạt căng thẳng. Nhằm làm cho câu trả lời của mình đáng tin hơn, anh ta buộc phải lược bớt các thông tin chân thực đã nằm trong trí nhớ và nhờ cậy đến việc lập luận logic để trộn chúng với thông tin dối trá mà anh ta đưa ra. Điều này đòi hỏi một nỗ lực lớn và một sức tưởng tượng nhất định.

Mỗi khi đưa ra một câu nói dối, người ta phải ghi nhớ tất cả những chi tiết giúp nó đứng vững. Khi nói dối nhiều lần, việc đó trở nên phức tạp. Nó gần giống như diễn viên xiếc diễn trò xoay đĩa trên những cái que. Mỗi lần thêm một chiếc, màn biểu diễn lại trở nên khó hơn, và anh ta phải chạy liên tục không ngừng nghỉ từ cái que này sang cái que khác.

Chính lúc đó người nói dối bị yếu đi và dễ để lộ mình.

Nếu Kobashi vận dụng trí tưởng tượng của mình là Boris biết ngay. Sự lo lắng gây ra những cử chỉ nhỏ khác thường, chẳng hạn như khò lưng, chà xát hai tay vào nhau, day thái dương hoặc xoa cổ tay. Thường thì những cử chỉ này đi kèm với các biến đổi sinh lý, chẳng hạn như tăng tiết mồ hôi, cất cao giọng, hoặc các chuyển động không kiểm soát của nhãn cầu.

Nhưng một chuyên viên được đào tạo kỹ lưỡng như Boris cũng biết đó chỉ là những gợi ý cho việc nói dối của đối tượng, và chúng chỉ được xem xét ở mức độ đó. Để chứng tỏ là đối tượng đang nói dối, cần phải dò hẩn đến chỗ thú nhận điều đó.

Khi cảm thấy Kobashi đã đủ tự tin, Boris liền phản công bằng cách đưa vào các câu hỏi những thành tố có liên quan đến Albert và vụ mất tích của sáu bé gái.

Hai giờ sau đó, Kobashi đã kiệt sức vì một loạt câu hỏi khó khăn, càng lúc càng riêng tư và mạnh bạo hơn. Boris đã siết chặt chiếc thòng lọng bao quanh ông nha sĩ, thu hẹp khoảng an toàn của ông ta. Lúc này Kobashi chẳng còn hồn vía nào nghĩ đến việc gọi cho luật sư nữa, mà chỉ muốn ra khỏi phòng thẩm vấn càng sớm càng tốt. Với tình trạng suy sụp tinh thần như thế, ông ta có thể nói bất cứ điều gì để được yên thân. Có khi ông ta còn thú nhận mình là Albert là đồng khác.

Trừ phi đó không phải là sự thật.

Khi Boris nhận ra điều đó, anh rời phòng với vẻ là đi lấy cho Kobashi cốc nước, rồi vào gặp Goran và những người khác trong phòng bên cạnh.

- Ông ta không dính dáng gì với vụ của chúng ta. - Anh nói. - Và không hay biết gì hết.

Goran gật đầu.

Sarah Rosa vừa quay lại với kết quả phân tích các máy tính và điện thoại di động của gia đình Kobashi. Chúng không cho

thấy bằng chứng nào, và cũng không cung cấp thông tin gì hữu ích về các bạn bè hay người quen của họ.

- Như vậy chỉ có thể là ngôi nhà. - Nhà tội phạm học kết luận.

Phải chăng nơi ở của gia đình Kobashi là sân khấu cho một tấn thảm kịch nào đó chưa được hé lộ, giống như trường hợp của cô nhi viện?

Nhưng giả thiết này xem ra khá yếu.

- Biệt thự đó được xây dựng sau cùng, trên lô đất duy nhất còn trống của cả khu. Nó vừa mới hoàn thành được gần ba tháng, và gia đình Kobashi là những người chủ đầu tiên. - Stern cho biết.

Nhưng Goran có vẻ không nhượng bộ.

- Ngôi nhà đó che giấu một bí mật.

Stern hiểu ra ngay. Anh hỏi:

- Ta bắt đầu từ đâu?

Goran suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Bắt đầu bằng việc đào khu vườn.

Đầu tiên họ đưa chó nghiệp vụ đến để đánh hơi dò tìm thi thể và cả những cái đờng chôn sâu dưới đất. Sau đó đến lượt các máy dò đặc biệt để thăm dò lòng đất, nhưng không phát hiện được gì.

Mila quan sát những nỗ lực dò tìm của mọi người. Cô vẫn đang chờ bác sĩ Chang cung cấp danh tính của cô bé được tìm thấy trong nhà sau khi đã đối chiếu mẫu ADN của các bậc phụ huynh.

Họ bắt đầu đào vào tầm ba giờ chiều. Các máy xúc nhỏ xới tung lớp đất trong vườn, phá hủy công trình trang trí ngoại thất đã làm tiêu tốn rất nhiều công sức và tiền bạc. Đất đá được vùi vã đổ đống và được các xe ben đem đi.

Tiếng ồn của các động cơ diesel khuấy đảo không gian yên tĩnh của Capo Alto. Như thể vẫn chưa đủ, chấn động từ các cỗ máy xúc đất liên tục kích hoạt hệ thống báo động trên chiếc xe Maserati của Kobashi.

Sau khu vườn, nhóm tìm kiếm chuyển vào trong biệt thự.

Một công ty chuyên biệt đã được vời đến để nhắc các phiến đá hoa lát sàn phòng khách. Những chỗ hỏng trong các bức tường nhà được dò tìm rồi mở ra bằng cuốc. Ngay cả các món đồ nội thất cũng không thoát được số phận bất hạnh: sau khi đã bị tháo tung và cắt rời, chúng trở thành đồ bỏ. Việc lục soát cũng diễn ra ở hầm rượu và móng nhà.

Roche đã phê chuẩn sự phá hủy này. Ban chuyên án không thể để mình thất bại một lần nữa, dù phải đánh đổi nguy cơ đền bù hàng triệu cho những thiệt hại. Nhưng gia đình Kobashi cũng không hề muốn quay lại sống ở ngôi nhà này nữa. Tất cả những thứ thuộc về nó đã bị nhuộm màu kinh hoàng không gột rửa được. Họ sẽ bán nó với giá thấp hơn khoản tiền đã bỏ ra, vì cuộc sống thượng lưu của họ sẽ không bao giờ còn được như xưa khi bị ám ảnh bởi những điều đã xảy ra.

Khoảng sáu giờ tối, vẻ căng thẳng đã hiện rõ hơn trên khuôn mặt những người điều tra hiện trường.

- Có ai tắt cái báo động của nợ kia được không? - Roche vừa hét toáng lên vừa chỉ tay vào chiếc Maserati.

- Chúng tôi không tìm được điều khiển từ xa của nó. - Boris đáp.

- Gọi cho lão nha sĩ! Chẳng lẽ chuyện gì tôi cũng phải

nhắc sao?

Họ đang tổn công vô ích. Thay vì đoàn kết mọi người lại, sự căng thẳng đang chia rẽ họ. Tất cả đều bực tức vì không thể giải được mật mã bí ẩn mà Albert đã bày ra.

- Tại sao gã lại cho cô bé ăn mặc như con búp bê?

Câu hỏi này làm cho Goran điên đầu. Mila chưa bao giờ thấy ông như thế. Có điều gì đó rất cá nhân trong thử thách này. Một điều mà bản thân nhà tội phạm học có lẽ cũng không nhận ra. Nó ngăn cản ông suy luận một cách sáng suốt.

Mila cố tình giữ một khoảng cách với những người khác. Sự chờ đợi khiến cô căng thẳng. Hành vi của Albert mang ý nghĩa gì chứ?

Trong thời gian ngắn ngủi cô được tiếp xúc với nhóm điều tra và phương pháp của giáo sư Gavila, Mila đã học được nhiều thứ. Chẳng hạn như, bọn sát nhân hàng loạt ra tay với những khoảng cách thời gian thay đổi từ vài giờ cho đến vài tháng, thậm chí vài năm, do một sức mạnh nào đó thôi thúc mà chúng không thể dập tắt được. Vì nguyên nhân này, sự tức giận hay báo thù không thuộc về thế giới của chúng. Kẻ giết người hàng loạt ra tay để lập lại một động cơ nào đó, có thể chỉ là nhu cầu hoặc ham muốn được giết chóc.

Nhưng Albert đã khiến cho toàn bộ khái niệm trên lung lay.

Gã đã bắt cóc các bé gái sau đó giết hại, lần lượt từng em, nhưng giữ lại một. Tại sao? Gã không làm vụ này vì khoái cảm giết chóc, mà chỉ sử dụng nó để làm dấy lên sự chú ý, không phải vào gã, mà vào những kẻ khác. Alexander Bermann, một tên ấu dâm. Ronald Dermis, một kẻ đang trên đường trở thành sát thủ hàng loạt như gã.

Nhờ có Albert, cả hai tên đã bị ngăn chặn. Xét cho cùng, gã đã làm điều có ích cho xã hội. Nghịch lý nằm ở chỗ *cái xấu xa của gã là nhằm mục đích tốt.*

Nhưng Albert thật ra là ai?

Một người bình thường - bởi gã là như thế, không phải một con quỷ hay một bóng ma - vào lúc này đang sống một cách bình thường như không có gì xảy ra. Gã mua sắm, đi dạo trên đường, gặp gỡ người khác: các bà bán hàng, khách bộ hành, hàng xóm láng giềng, những người tuyệt nhiên không thể tưởng tượng ra được con người thật của gã.

Gã bước đi giữa họ không có gì nổi trội.

Phía sau lớp vỏ bọc đó là sự thật. Sự thật đó được xây

nên từ bạo lực. Thứ bạo lực cho phép những kẻ sát nhân hàng loạt trải qua cảm giác có quyền lực, giúp hấn xóa bỏ mặc cảm thua kém, dù chỉ là tạm thời. Hành động bạo lực mà hấn gây ra mang lại cho hấn một lúc hai hiệu quả: đạt khoái thú và cảm thấy mạnh mẽ. Hành vi này không cần đến mối quan hệ với người khác nhưng vẫn đạt hiệu quả tốt nhất, với mức lo ngại giao tiếp nhỏ nhất.

Như thế chúng chỉ tồn tại trên cái chết của những người khác, Mila thâm nghĩ.

Đúng nửa đêm, tiếng còi báo động từ xe hơi của Kobashi vẫn còn điểm nhịp thời gian trôi qua, như lời nhắc nhở nghiêm ngặt rằng mọi nỗ lực của nhóm điều tra đến giờ chỉ là công cốc.

Họ không tìm thấy gì ở dưới hầm. Cả ngôi biệt thự đã bị phanh bưng, nhưng các bức tường của nó không tiết lộ bất cứ bí mật nào.

Mila đang ngồi trên vỉa hè trước nhà thì Boris đi đến, tay cầm điện thoại di động.

- Tôi đang cố gọi nhưng không có sóng...

Mila nhìn điện thoại của mình.

- Chắc tại thế nên Chang không hề gọi cho tôi để thông

báo kết quả giám định ADN.

Boris nhìn quanh.

- Ít ra thì ta cũng đỡ chạnh lòng khi biết người giàu cũng không phải có tất cả, nhỉ?

Anh chàng mỉm cười, nhét điện thoại vào túi rồi ngồi xuống bên cạnh cô. Mila vẫn chưa cảm ơn anh về chiếc áo khoác, nên đã tranh thủ dịp này để bày tỏ sự cảm kích.

- Có gì đâu mà. - Boris đáp.

Đúng lúc đó, hai người trông thấy các nhân viên bảo vệ của khu dân cư bắt đầu dàn hàng ngang quanh ngôi biệt thự, tạo thành một hàng rào cô lập.

- Có chuyện gì vậy?

- Đám nhà báo sắp đến. - Boris thông báo với cô. - Roche đã quyết định cho phép lấy hình ảnh ngôi biệt thự: một vài phút trên bản tin truyền hình để cho thấy chúng ta đang làm hết sức.

Mila nhìn các tay bảo vệ đang vào vị trí. Trông họ rất tức cười trong bộ đồng phục hai màu cam và xanh lam bó sát, phô trương thân hình cơ bắp. Nét mặt dữ dằn và bộ đàm đeo tai tạo cho

họ một hình ảnh khá chuyên nghiệp.

Albert đã xỏ mũi cả đám các người chỉ bằng cách gây chập mạch camera an ninh và khoan một cái lỗ trên tường rào.

Mila nghĩ bụng.

- Sau tất cả những chuyện này mà vẫn chưa tìm được câu trả lời, chắc Roche đang nổi cơn tam bành...

- Ông ta luôn tìm được cách giải quyết, cô đừng lo.

Boris im lặng lấy giấy ra quấn một điếu thuốc. Mila có cảm giác anh chàng đang muốn hỏi cô chuyện gì đó, nhưng không hỏi thẳng. Nếu cô im lặng thì lại càng không giúp được gì.

Cô quyết định quăng cho Boris cái phao cứu trợ:

- Anh đã làm gì trong hai mươi bốn giờ xả trại?

Boris thoái thác:

- Tôi chỉ ngủ và suy nghĩ về vụ án. Lâu lâu làm trống đầu óc cũng tốt... Tôi biết cô đã đi chơi với Gavila tối qua.

Rốt cuộc cũng đến chuyện này! Nhưng Mila đã nhầm khi nghĩ Boris đang ghen. Ý định của anh chàng hoàn toàn khác. Cô

hiều ra điều đó khi anh nói tiếp:

- Tôi tin là ông ấy đã phải chịu đựng nhiều.

Boris đang nhắc đến vợ của Goran. Giọng điệu của anh nghe buồn bã đến nỗi Mila cảm thấy dù chuyện gì đã xảy ra với hai người họ thì cũng đã ảnh hưởng đến cả nhóm.

- Tôi không biết chuyện đó. - Mila nói. - Ông ấy không kể với tôi. Chỉ có hơi bóng gió một chút vào cuối buổi tối.

- Vậy có lẽ bây giờ cô nên biết...

Trước khi nói tiếp Boris châm thuốc, rít một hơi thật sâu rồi phả khói ra. Anh đang tìm từ ngữ.

- Vợ của giáo sư Gavila là một phụ nữ tuyệt vời, không chỉ đẹp mà còn rất tốt tính. Tôi không thể đếm được chúng tôi đã ăn tối ở nhà họ bao nhiêu lần nữa. Bà ấy nhập bọn với chúng tôi như thể là một thành viên trong nhóm. Khi chúng tôi gặp một vụ án hóc búa, những bữa ăn tối là dịp xả hơi duy nhất sau cả ngày vật lộn với máu me và xác chết. Một sự hòa giải với cuộc sống, cô hiểu không...

- Sau đó chuyện gì đã xảy ra?

- Chuyện đó cách đây đã một năm rưỡi. Không một lời báo trước, không một dấu hiệu, bà ấy đột ngột bỏ đi.

- Bỏ ông ấy á?

- Không chỉ giáo sư Gavila, mà cả Tommy, cậu con trai duy nhất của họ. Đó là một đứa trẻ rất dễ thương. Bây giờ nó ở với bố.

Mila đã cảm thấy nỗi buồn chia cắt nơi nhà tội phạm học, nhưng cô không thể tưởng tượng được chuyện này. Cô tự hỏi làm thế nào một người mẹ có thể bỏ rơi đứa con do chính mình đẻ ra.

- Tại sao bà ấy bỏ đi?

- Không ai hiểu được. Có lẽ bà ấy có người khác, cũng có thể bà ấy đã chán ngấy cuộc sống như vậy... ai mà biết được. Bà ấy không nhắn lại một lời nào. Chỉ dọn hành lý rồi bỏ đi. Chấm hết.

- Phải thôi thì tôi sẽ làm cho ra nhẽ.

- Lạ nhất là ông ấy chưa bao giờ nhờ chúng tôi tìm xem bà ấy đang ở nơi nào. - Boris nói, rồi đưa mắt nhìn xung quanh để chắc ăn Goran không xuất hiện, trước khi tiếp lời. - Có một điều mà giáo sư Gavila không biết, không được biết...

Mila gặt đầu cho Boris thấy anh có thể tin tưởng ở cô.

- Thì... vài tháng sau đó, Stern và tôi đã tìm thấy dấu vết của bà ấy. Bà sống ở bờ biển. Chúng tôi không trực tiếp đến gặp, mà chỉ xuất hiện trên đường đi, với hy vọng bà ấy mở lời.

- Và bà ấy...

- Bà ấy bị bắt ngờ khi gặp chúng tôi, nhưng vẫn gặt đầu chào rồi cụp mắt và đi tiếp.

Mila không biết phải hiểu thế nào về sự im lặng diễn ra sau đó. Boris vứt mẩu thuốc đi, mặc kệ một người trong đám bảo vệ quắc mắt giận dữ rồi đi nhặt nó trong vườn.

- Sao anh kể cho tôi nghe chuyện này vậy?

- Vì giáo sư Gavila là một người bạn của tôi. Và cô cũng thế, mặc dù tôi biết cô chưa lâu.

Chắc hẳn Boris đã hiểu ra một điều gì đó mà cả Mila lẫn Goran đều chưa hiểu. Một điều liên quan đến hai người. Anh đang tìm cách bảo vệ họ.

- Sau khi vợ bỏ đi, giáo sư Gavila vẫn ngẩng cao đầu. Ông không có lựa chọn nào khác, nhất là vì cậu con trai. Do đó không có

gì thay đổi đối với chúng tôi. Ông ấy vẫn như ngày trước: chính xác, đúng hẹn, hiệu quả. Chỉ hơi xuề xòa trong việc ăn mặc. Điều đó không quan trọng, không có gì đáng lo. Nhưng rồi xảy ra vụ Wilson Pickett...

- Giống tên của ca sĩ nhỉ?

- Phải, ông ấy gọi hấn như thế. - Boris hồi tiếc ra mặt vì đã lỡ lời. - Vụ án đó diễn ra không suôn sẻ. Chúng tôi đã phạm sai lầm, người ta đã đe dọa sẽ giải tán đội điều tra và tống khứ giáo sư Gavila. Chính Roche là người đã bảo vệ chúng tôi và kiên quyết giữ chúng tôi ở lại làm việc.

Mila sắp sửa hỏi tiếp điều gì đã xảy ra và chắc chắn Boris sẽ kể hết, thì còi báo động của chiếc xe Maserati lại rú lên.

- Chó chết, cái thứ đình tai nhức óc kia!

Lúc đó, Mila ngoái nhìn ngôi nhà và ghi lại một loạt hình ảnh khiến cô chú ý: đám nhân viên bảo vệ đang có cùng một gương mặt khó chịu và nhất loạt đưa tay lên máy bộ đàm đeo tai, như thể nó bị nhiễu sóng.

Mila lại nhìn chiếc xe Maserati. Rồi cô lấy điện thoại di động ra khỏi túi: vẫn không có sóng. Đột nhiên cô nảy ra một ý.

- Có một chỗ chúng ta chưa tìm kiếm... - Cô nói với Boris.

- Chỗ nào vậy?

Cô chỉ tay lên trời.

- Trên kia.

Non một nửa giờ đồng hồ sau, các chuyên viên điện tử đã bắt tay vào dò tìm trong bóng đêm giá lạnh. Tất cả đều đeo tai nghe và cầm một thiết bị nom như cái parabol nhỏ hướng lên trời. Họ bước đi thật chậm rãi và im lặng như những bóng ma, cố gắng bắt sóng vô tuyến điện hoặc những tần số đáng ngờ, trong trường hợp bầu trời đang che giấu một thông điệp nào đó.

Và quả có thể thật.

Chính nó đã tương tác với hệ thống báo động của chiếc xe Maserati và làm nhiễu sóng di động, đồng thời len lỏi vào bộ đàm của các nhân viên bảo vệ và gây ra tiếng rít chói tai.

Khi các kỹ thuật viên điện tử đã bắt được tín hiệu, họ

cho biết nó khá yếu.

Ngay sau đó, tín hiệu được chuyển đến một máy thu.

Tất cả mọi người tụ tập xung quanh chiếc máy để nghe xem bóng tối đang nói gì với họ.

Nhưng không có từ ngữ nào, chỉ có âm thanh.

Thình thoảng chúng lẫn vào trong một loạt những tiếng rẹt rẹt, rồi lại rồ rẹt trở lại. Nhưng trong trình tự âm thanh đó có một sự hài hòa nhất định. Ngắn, rồi dài.

- Ba chấm, ba gạch, rồi ba chấm. - Goran giải nghĩa cho những người khác. Trong hệ thống mã vô tuyến phổ biến nhất thế giới, những âm thanh cơ bản đó chỉ có một ý nghĩa duy nhất.

SOS.

- Nó phát ra từ đâu vậy? - Nhà tội phạm học hỏi.

Kỹ thuật viên quan sát dài tín hiệu đang phân tán rồi tập trung trở lại trên màn hình một lúc. Sau đó anh ngược mắt nhìn qua đường và chỉ rõ:

- Từ ngôi nhà đối diện.

Nó đã ở trước mắt họ ngay từ đầu.

Ngôi nhà đối diện đã quan sát họ hoài công đi tìm lời giải đáp trong câm lặng suốt cả ngày trời. Nó ở đó, cách họ vài bước chân, và kêu gọi họ bằng cách nhắc đi nhắc lại tín hiệu cầu cứu lỗi thời duy nhất ấy.

Ngôi nhà hai tầng thuộc về một bà Yvonne Gress nào đó. Một họa sĩ, theo như lời kể của hàng xóm. Bà ta sống với hai người con, một cậu bé mười một và một cô bé mười sáu tuổi. Họ dọn đến Capo Alto sau khi Yvonne ly dị chồng, và bà quay lại với niềm đam mê nghệ thuật đã từng từ bỏ để đi lấy một luật sư trẻ nhiều triển

vọng.

Lúc đầu, những bức tranh trừu tượng của Yvonne không được công chúng đón nhận. Phòng tranh không bán được một bức nào sau cuộc triển lãm cá nhân. Nhưng tin tưởng ở tài năng của mình, bà đã không bỏ cuộc. Khi một người bạn đặt vẽ một bức chân dung gia đình bằng chất liệu sơn dầu để treo trên lò sưởi, Yvonne đã phát hiện ra mình có một thể mạnh ở trường phái hội họa ngây thơ. Chỉ trong thời gian rất ngắn, bà đã trở thành họa sĩ vẽ tranh chân dung được yêu cầu nhiều nhất bởi những ai đã chán những tấm ảnh thông thường và muốn lưu giữ hình ảnh gia đình mình trên vải.

Khi thông điệp bằng mã Morse hướng sự chú ý của mọi người sang ngôi nhà bên kia đường, một người bảo vệ sức nhớ ra rằng bà Yvonne và các con đã không xuất hiện một thời gian.

Rèm cửa sổ đã được buông xuống, nên không thể quan sát bên trong.

Trước khi thanh tra Roche ra lệnh tiến vào trong nhà, Goran đã gọi vào số điện thoại của Yvonne. Ngay sau đó, giữa sự yên tĩnh của con đường, họ nghe thấy tiếng chuông điện thoại vang ra từ trong nhà, nhỏ nhưng rõ. Không ai bắt máy.

Các cảnh sát cũng đã cố liên lạc với người chồng cũ của bà Yvonne Gress với hy vọng ít ra bọn trẻ đang ở cùng ông ta. Khi tìm

ra người đàn ông đó, cảnh sát được cho biết là bố con họ không gặp nhau từ lâu. Chẳng có gì phải ngạc nhiên vì ông ta đã bỏ gia đình để chạy theo một cô người mẫu ngoài hai mươi tuổi và cho rằng việc gửi một khoản tiền chu cấp hàng tháng là đã làm tròn nghĩa vụ của một người cha.

Đội kỹ thuật đã đặt các cảm ứng nhiệt độ quanh nhà để tìm nguồn nhiệt nếu có.

- Nếu như có vật thể sống trong nhà, chúng ta sẽ biết ngay. - Roche nói, tin tưởng một cách mù quáng vào công nghệ.

Trong lúc đó, các chỉ số tiêu thụ điện, ga và nước được kiểm tra kỹ lưỡng. Tất cả không bị cắt do các hóa đơn được thanh toán tự động qua ngân hàng, nhưng công tơ đã ngừng từ ba tháng trước đó, cho thấy không ai bật dù chỉ một bóng đèn trong nhà trong khoảng chín mươi ngày vừa qua.

- Nghĩa là từ khi ngôi nhà của gia đình Kobashi được hoàn thành và cả nhà họ dọn đến đây. - Stern lưu ý.

Goran nói:

- Rosa này, tôi muốn cô kiểm tra bằng hình các camera an ninh. Có một mối liên hệ giữa hai ngôi nhà, và chúng ta cần phải phát hiện ra nó.

- Hy vọng là không có lần mất điện hệ thống nào nữa. -

Rosa đáp.

- Chúng ta chuẩn bị vào thôi. - Gavila tuyên bố.

Trong lúc đó, Boris mặc áo chống đạn trong chiếc xe cơ động.

- Tôi muốn vào bên trong. - Anh nói khi gặp Mila ở cửa xe. - Họ không thể ngăn tôi được. Tôi muốn tự mình vào trong đó.

Boris không thể chịu được ý nghĩ rằng Roche sẽ yêu cầu đơn vị đặc nhiệm vào nhà trước.

- Bọn họ sẽ làm hỏng việc. Ở trong đó họ sẽ phải dò dẫm trong bóng tối...

- Tôi nghĩ họ sẽ xoay sở được. - Mila bình luận, tuy không muốn phủ nhận lời Boris.

- Vậy họ cũng biết bảo vệ các bằng chứng chứ? - Boris hỏi với giọng mỉa mai.

- Vậy thì tôi cũng muốn vào. Tôi nghĩ mình đáng được làm chuyện này. Nói cho cùng tôi là người đã phát hiện ra thông điệp...

Boris ngừng phất lại và nhìn Mila không nói. Sau đó anh ném cho cô một chiếc áo chống đạn.

Lát sau hai người rời khỏi xe cơ động đến gặp Goran và Roche để giải thích vì sao họ phải vào nhà.

- Không có chuyện đó. - Ngài chánh thanh tra lập tức gạt phăng. - Đây là việc của đội đặc nhiệm. Tôi không thể chấp nhận một hành động khinh suất như vậy.

- Ông nghe này, thanh tra. - Boris đứng đối mặt với Roche để ông ta không thể tránh né cái nhìn của anh. - Cứ để Mila và tôi vào do thám trong đó. Những người khác chỉ vào khi thực sự cần. Tôi là một cựu binh, tôi đã được huấn luyện cho những chuyện này. Stern đã có hai mươi năm kinh nghiệm thực địa, anh ấy sẽ xác nhận với ông, và nếu như không thiếu một quả thận thì anh ấy đã xung phong đi cùng tôi. Ông thừa biết điều đó. Còn với đặc vụ Mila Vasquez, cô ấy từng một mình vào trong hang ổ của kẻ điên khùng đã giam giữ một thằng bé và một cô gái.

Mila chưa xót tụt nướ nếu Boris biết chuyện gì đã xảy ra khi cô để cho tính mạng của con tin và của bản thân mình bị đe dọa, chắc anh chàng đã không hăng hái bảo vệ cô đến thế.

- Ông nghĩ kỹ đi. Có một bé gái còn sống đang ở đâu đó, nhưng không lâu nữa đâu. Mỗi hiện trường lại cho chúng ta biết

thêm điều gì đó về kẻ thù ác. Nếu ở trong kia có gì giúp chúng ta tiếp cận được Albert, - anh đưa tay chỉ ngôi nhà của Yvonne, - thì cần phải bảo đảm là nó không bị phá hủy. Và cách duy nhất là phải chúng tôi vào trong đó.

- Tôi không nghĩ vậy. - Roche cương quyết phản đối.

Boris dần tới thêm một bước, mắt nhìn thẳng vào mắt ông thanh tra.

- Ông có muốn mọi chuyện phức tạp hơn không? Như thế này là đã khó khăn lắm rồi nha...

Câu này nghe như một lời đe dọa, Mila nghĩ bụng. Cô ngạc nhiên khi Boris dám ăn nói với cấp trên bằng giọng như thế. Có chuyện gì đó giữa hai người này mà cả cô lẫn Goran đều không biết.

Roche nhìn Gavila khá lâu: ông ta đang cần lời khuyên, hay chỉ đơn giản là cần một ai đó để chia sẻ trách nhiệm trong quyết định này?

Nhưng ông giáo sư tội phạm học không mảy may tính toán. Ông chỉ gật đầu.

- Tôi tin là chúng ta sẽ không phải hối tiếc. - Thanh tra

Roche dùng ngôi thứ nhất số nhiều để nhấn mạnh phần trách nhiệm của Goran.

Đúng lúc đó, một kỹ thuật viên tiến đến, trên tay là màn hình của thiết bị tầm nhiệt.

- Thừa thanh tra, máy dò đã xác định được thứ gì đó trên gác... Một sinh vật sống.

Mọi người cùng quay nhìn về phía ngôi nhà.

- Đối tượng vẫn ở trên tầng hai, không di chuyển. - Stern thông báo qua radio.

Boris đếm ngược trước khi xoay nắm đấm cửa ra vào. Trưởng nhóm bảo vệ đã đưa cho anh chìa khóa dự phòng. Mỗi ngôi biệt thự đều có một chiếc để phòng trường hợp khẩn cấp.

Mila quan sát sự tập trung của Boris. Phía sau họ, đội đặc nhiệm đã sẵn sàng để can thiệp. Boris bước qua ngưỡng cửa trước, Mila theo sau, giơ cao súng, và ngoài bộ áo chống đạn, họ còn đội một chiếc mũ cối có gắn tai nghe, micro cùng một đèn pin nhỏ ở thái dương bên phải. Stern chỉ đường cho hai người từ bên

ngoài qua radio, trong khi vẫn để mắt đến vật thể được ghi nhận trên màn hình của thiết bị tầm nhiệt. Nó có nhiều cấp độ màu sắc để thể hiện những vùng nhiệt khác nhau của cơ thể, đi từ xanh dương sang vàng rồi đến đỏ. Không thể phân biệt rõ hình thù của đối tượng.

Nhưng nó trông giống như một người nằm trên sàn nhà.

Có thể đó là một người bị thương, nhưng trước khi đoán chắc về điều này, Boris và Mila phải thăm dò một cách kỹ lưỡng, đặt tiêu chí an toàn lên trên hết.

Phía bên ngoài biệt thự, hai đèn chiếu cực mạnh được đặt để rọi sáng hai mặt tiền nhà, tuy vậy ánh sáng lọt vào bên trong khá yếu do bị rèm cửa che chắn. Mila cố gắng tập cho mắt quen với bóng tối.

- Mọi chuyện ổn cả chứ? - Boris thì thầm hỏi cô.

- Vẫn ổn. - Cô đáp.

Trong khi chờ đợi, Goran Gavila đứng ở nơi từng là khu vườn của Kobashi, thêm một điếu thuốc lá như thể chưa được hút hàng năm trời. Ông thấy lo lắng. Nhất là cho Mila. Bên cạnh ông, Sarah Rosa đang xem lại các đoạn băng an ninh trên bốn màn hình trước mặt. Nếu thực sự có một mối liên hệ giữa hai ngôi nhà đối

diện nhau thì họ sẽ sớm tìm ra thôi.

Điều đầu tiên Mila ghi nhận được là nhà của Yvonne Gress rất lộn xộn.

Ngay từ cửa vào, họ đã thấy toàn bộ phòng khách ở bên trái và gian bếp bên phải. Trên bàn là hàng đồng hộp ngũ cốc đã mở, những chai nước cam vơi phân nửa và các hộp sữa đã hỏng. Ngoài ra còn có nhiều vỏ lon bia rỗng. Tủ chạn đang mở toang và một phần đồ ăn bên trong đã bị đổ lung tung xuống sàn.

Quanh bàn có bốn chiếc ghế. *Chỉ có một chiếc bị dờn chỗ.* Bốn rĩa đầy chén đĩa bẩn và xoong nồi dính cặn thức ăn. Mila chiếu đèn vào tủ lạnh: bên dưới một miếng nam châm hình con rùa là tấm ảnh của một phụ nữ tóc vàng ngoài bốn mươi đang tươi cười, hai tay quàng qua một cậu bé và một cô bé lớn hơn.

Trong phòng khách, trên chiếc bàn thấp đặt phía trước màn hình ti vi cực lớn ngổn ngang các chai rượu đã cạn, lon bia và gạt tàn đầy đầu lọc thuốc lá. Một chiếc trường kỷ đã bị kéo ra giữa phòng. Thảm lót sàn lem luốc dấu giày.

Boris khều Mila và chỉ vào sơ đồ ngôi nhà, giải thích cho cô hiểu rằng họ phải tách nhau ra trước khi gặp lại tại chân cầu thang dẫn lên tầng trên. Anh chỉ cho cô một khu vực nằm phía sau bếp, để thư viện và phòng làm việc lại cho mình.

- Stern, mọi thứ trên lầu vẫn ổn chứ?

- Không có động tĩnh gì. - Stern trả lời.

Hai người ra hiệu cho nhau rồi Mila tiến đến khu vực được phân công.

- Đây rồi. - Trong lúc đó Sarah Rosa tuyên bố trước dãy màn hình. - Ông nhìn này...

Goran nghiêng người qua vai cô: theo như ngày tháng ghi trên một góc màn hình, đoạn băng đã được quay chín tháng trước đó. Biệt thự của Kobashi lúc đó hãy còn là một công trường đang xây dựng. Trong đoạn băng tua nhanh, các công nhân ríu rít xung quanh mặt tiền dang dở như những chú kiến hoảng loạn.

- Giờ thì ông xem cái này...

Rosa tua đoạn băng đến thời điểm chiều tối, khi mọi người rời công trường để về nhà trước khi quay lại vào sáng hôm sau. Cô cho đoạn băng chạy với tốc độ bình thường trở lại.

Họ có thể thoáng thấy một thứ gì đó ở ngay cửa ra vào ngôi nhà của Kobashi.

Đó là một cái bóng bất động, như thể đang chờ đợi. Nó

hút thuốc.

Đốm lửa chập chờn của điếu thuốc tiết lộ vị trí của cái bóng.

Cái bóng đứng ở trong ngôi biệt thự của ông nha sĩ, chờ đợi cho trời tối hẳn, rồi mới bước ra ngoài. Hắn nhìn quanh, sau đó băng qua đoạn đường vài mét giữa hai ngôi nhà và bước vào trong ngôi nhà đối diện, không buồn gõ cửa.

- Nghe này...

Mila đang ở trong xưởng vẽ của Yvonne Gress, ở đó các tấm tranh nằm chồng chất khắp nơi, giá vẽ và màu vẽ nằm lung tung. Nghe thấy giọng nói của Goran, cô dừng bước.

- Chúng tôi có lẽ đã biết được chuyện gì xảy ra trong ngôi nhà này.

Cô chờ đợi.

- Chúng ta đang gặp phải một *tên ăn bám*: một trong các công nhân được thuê để xây dựng ngôi nhà của Kobashi tối nào cũng ở lại sau giờ làm việc và lên sang nhà đối diện. Chúng tôi e là hắn... - ông ngừng một lúc để tìm từ diễn đạt sự việc kinh hoàng - đã giam cầm gia đình bà Yvonne trong chính ngôi nhà của họ.

Kẻ lạ mặt chiếm lấy cái tổ và hành xử như những người khác, tự thuyết phục rằng hắn là một thành viên của nó. Hắn chứng tỏ mọi thứ bằng tình yêu bệnh hoạn của mình. Nhưng khi đã chán, hắn loại bỏ gia đình mới quen và đi tìm một cái tổ khác.

Trong khi quan sát các dấu ấn ghê tởm hắn để lại trong xương vế của Yvonne, Mila lại nhớ đến những con giòi *Sarcophaga carnaria* lúc nhúc trên tấm thảm nhà Kobashi.

Sau đó cô nghe tiếng Stern hỏi:

- Trong bao lâu?

- Sáu tháng. - Goran đáp.

Mila thấy bụng quặn lên. Suốt trong sáu tháng trời, bà Yvonne và các con đã bị giam cầm bởi một kẻ tâm thần được tùy ý muốn làm gì họ thì làm. Quá đáng hơn, hắn làm chuyện đó ngay giữa một tá các ngôi nhà khác, nơi các gia đình khép mình trong thiên đường xa hoa này để tách rời khỏi thế giới tàn khốc và đặt niềm tin vào một sự an ninh lý tưởng đến vô lý.

Sáu tháng. Và không một ai nhận ra chuyện gì.

Khu vườn được xén cỏ hàng tuần, các luống hoa hồng đều đặn nhận sự chăm sóc tận tâm của các bác làm vườn. Ánh đèn

trước hiên nhà được bật lên mỗi tối, nhờ công tắc hẹn giờ theo đúng quy định của ban quản lý. Đám trẻ đạp xe và chơi đá bóng trên con đường trước nhà, các quý bà vừa đi dạo vừa tán gẫu và trao đổi công thức làm bánh, còn cánh đàn ông chạy bộ mỗi sáng Chủ nhật và rửa xe trước gara nhà mình.

Sáu tháng trời. *Mà không ai thấy gì.*

Họ không tự hỏi vì sao các tấm rèm luôn che kín mít, kê cả vào ban ngày. Họ không nhận ra đồng thư từ dồn ứ trong hộp thư. Không ai buồn chú ý đến sự vắng mặt của Yvonne và các con trong các dịp sinh hoạt của câu lạc bộ, chẳng hạn như vũ hội mùa thu và buổi quay xổ số may mắn ngày 23 tháng Mười hai. Các món đồ trang trí Giáng sinh - nhà nào cũng như nhà nào - được các công nhân sắp đặt như thường lệ, rồi gỡ đi sau dịp lễ. Điện thoại đồ chuông không người nhắc máy, bà Yvonne và các con không mở cửa khi có người gọi, nhưng chẳng ai lo lắng.

Các hộ hàng của bà Yvonne Gress đều ở xa. Mà ngay cả họ cũng không thấy gì bất thường bởi sự im lặng quá lâu này.

Trong suốt khoảng thời gian dài đó, gia đình nhỏ đã ao ước, hy vọng, cầu nguyện hàng ngày cho một sự giúp đỡ hoặc một sự chú ý chẳng bao giờ đến.

Có lẽ gã là một kẻ ác dân. Và đây là trò chơi, là thú tiêu

khiến của hắn.

Ngôi nhà búp bê của hắn, Mila thăm nghĩ trong đầu khi nhớ đến trang phục mà Albert đã mặc cho thi thể đặt trong nhà Kobashi.

Cô nghĩ đến những trò bạo lực không đếm xuể mà bà Yvonne và các con đã phải hứng chịu trong khoảng thời gian dài đó. Sáu tháng đầy ải. Sáu tháng bị tra tấn. Sáu tháng thống khổ. Nhưng nghĩ cho cùng, chỉ cần một khoảng thời gian ngắn hơn là đã đủ để cho mọi người quên hẳn họ.

Ngay cả “đội ngũ giữ gìn pháp luật” cũng không nhận ra điều gì, dù họ đứng trước nhà suốt hơn hai mươi bốn giờ vừa qua, trong tình trạng báo động. Họ cũng có tội và là những kẻ đồng lõa theo một nghĩa nào đó. Ngay cả cô cũng vậy.

Một lần nữa. Albert đã cho thấy thói đạo đức giả nơi nhóm người cảm thấy “bình thường” chỉ vì mình không giết và cắt tay của các bé gái vô tội. Chính sự vô tâm của họ cũng là một tội ác nghiêm trọng không kém.

Boris cắt ngang dòng suy nghĩ của Mila.

- Stern, trên đó vẫn ổn chứ?

- Đường vẫn thông.

- Vậy chúng ta đi thôi.

Họ gặp nhau như đã hẹn ở chân cầu thang dẫn lên tầng trên, ở đó có các phòng ngủ.

Boris ra hiệu cho Mila yểm trợ phía sau. Từ lúc này, họ phải quan sát trong tình trạng yên lặng hoàn toàn để không bị lộ. Stern chỉ được phép lên tiếng để cảnh báo họ trong trường hợp vật thể sống trên màn hình di chuyển.

Hai người bước lên các bậc thang. Kể cả thảm trải cầu thang cũng dính đầy vết bẩn, dầu giày và đồ ăn. Trên tường treo những tấm ảnh chụp các chuyến du lịch, những dịp sinh nhật hoặc lễ kỷ niệm gia đình, và một bức chân dung bà Yvonne cùng các con nơi đầu cầu thang. Kẻ nào đó đã khoét đi những đôi mắt trên đó, chắc là cảm thấy khó chịu vì cái nhìn thiêu đốt.

Khi lên đến nơi, Boris tránh sang bên đọi cho Mila bắt kịp mình. Sau đó anh đi trước mở đường. Có nhiều cánh cửa khép hờ hai bên hành lang. Ở phía cuối, hành lang rẽ sang trái.

Sau chỗ rẽ là nơi phát ra nguồn nhiệt.

Boris và Mila chậm chậm tiến về phía đó. Khi đi ngang qua một trong những cánh cửa khép hờ, Mila nhận ra tiếng động nhịp nhàng của thông điệp kêu cứu bằng mã Morse mà họ đã nhận được. Cô nhẹ nhàng mở cửa và phát hiện ra đó là phòng của cậu con trai mười một tuổi. Những tấm áp phích hình các hành tinh phủ kín các bức tường, sách thiên văn học chiếm đa số trên các kệ sách. Một chiếc kính viễn vọng được đặt ngay trước cửa sổ.

Trên chiếc bàn học nhỏ, cô thấy một mô hình thu nhỏ tái hiện lại thiết bị đánh điện tín hồi đầu thế kỷ XX. Nó gồm một miếng gỗ nhỏ và hai cực pin khô được nối thông qua các điện cực và dây đồng với một chiếc đĩa đục lỗ quay trên một bánh răng theo từng đợt - *ba chấm, ba gạch, ba chấm*. Tất cả được nối dây với một máy bộ đàm hình khung long. Mô hình được gắn một tấm bảng nhỏ bằng đồng để chữ GIẢI NHẤT.

Tín hiệu phát ra từ đây.

Cậu bé đã biến bài tập của mình thành một trạm phát tín hiệu, tránh được sự kiểm soát và cấm đoán của kẻ cầm tù ba mẹ con.

Mila hướng chùm sáng đèn pin vào chiếc giường chưa dọn. Bên dưới nó có một cái xô nhựa. Cô còn để ý thấy những vết

trầy xước nơi gờ của đầu giường.

Căn phòng đối diện trong hành lang là của cô chị gái mười sáu tuổi. Trên cửa phòng dán những chữ cái đủ màu tạo thành một cái tên: Keira. Đứng trên ngưỡng cửa, Mila quét mắt nhìn nhanh trong phòng. Vải trải giường bị vo thành một cục tròn nằm dưới sàn. Một cái tủ nhiều ngăn đựng quần áo lót lẫn kèn trên sàn. Chiếc gương của tủ commốt đã bị quay vào giường. Không khó để hiểu lý do tại sao. Ở đây cũng có những vết trầy xước trên thanh đầu giường.

Còn số tám, Mila thầm nghĩ. Ban ngày hẳn còn họ vào giường.

Một cái xô nhựa bản khác được đặt trong một góc phòng. Chắc nó được dùng cho nhu cầu cá nhân.

Cách đó vài ba mét là phòng ngủ của Yvonne. Nệm giường bản thiêu, chỉ có một lớp vải trải. Trên lớp thảm trải sàn có dấu vết nôn mửa và băng vệ sinh đã sử dụng. Ở một bức tường, trên cái đinh lúc trước từng dùng để treo tranh là một chiếc thắt lưng da đập vào mắt, lời nhắc nhở đến kẻ ra lệnh và cách thức thực thi mệnh lệnh của hắn.

Đây là phòng chơi bời của mày, thằng khốn nạn! Tao nghĩ mày cũng thỉnh thoảng lượn sang phòng của con bé nữa! Và

khi đã chán hai mẹ con, mà y sẽ mò sang phòng thẳng bé để tấn cho nó mấy cái...

Con giận là thứ cảm xúc còn lại duy nhất của Mila. Và cô tận dụng nó, hút lấy hút để từ trong cái giếng tối tăm đó.

Đã bao nhiêu lần, bà Yvonne Gress bị buộc phải “chiều chuộng” con quái vật ấy, nhằm giữ hấn lại trong căn phòng này và không để hấn trút giận lên đầu hai đứa con của bà?

- Chú ý, có gì đó đang chuyển động. - Stern cảnh báo.

Boris và Mila nhất loạt quay về phía chỗ rẽ ngoặt trong hành lang. Không còn thời gian để trình sát nữa. Họ chĩa súng và đèn về hướng đó, chờ đợi một thứ gì đó xuất hiện.

- Đứng yên! - Boris hô to.

- Nó đang tiến đến chỗ hai người.

Mila đặt ngón trỏ lên cò súng và bắt đầu ấn nhẹ vào đó. Tim cô đập càng lúc càng mạnh.

- Nó ở ngay đằng sau góc tường.

Con vật kêu rên một tiếng nhỏ. Một cái mồm lông lá xuất

hiện và quan sát họ. Một con chó giống Terre-neuve. Mila hạ vũ khí, Boris cũng làm theo.

- Mọi chuyện ổn cả. - Anh nói vào bộ đàm. - Chi là một con chó thôi.

Con vật có bộ lông cứng và dính bết, đôi mắt đỏ. Nó đang bị thương ở một chân.

Hắn đã không giết nó, Mila trầm nghĩ trong khi tiến lại gần con vật.

- Lại đây nào, cưng, lại đây...

- Nó đã sống sót một mình trong gần ba tháng rông. Làm sao nó sống được? - Boris hỏi.

Mila càng tiến tới thì con chó càng thụt lùi.

- Coi chừng. Nó đang hoảng sợ. Nó có thể cắn cô đấy.

Cô phớt lờ lời khuyến cáo của Boris và tiếp tục tiến về phía con chó. Cô quỳ xuống để làm nó an tâm, trong khi tiếp tục gọi:

- Lại đây, bé cưng, lại đây nào.

Khi đã đến đủ gần, cô nhìn thấy một bảng tên gắn vào vòng cổ của con chó. Nhờ ánh sáng đèn pin, cô có thể đọc được tên của con vật.

- Terry, lại đây nào, ngoan nào...

Rốt cuộc con chó cũng để cho cô tiếp cận. Mila đưa một tay lên trước mõm nó để nó ngửi.

Boris tỏ ra sốt ruột.

- Được rồi đây, chúng ta kiểm tra nốt tầng trên này rồi gọi mọi người vào.

Con chó giơ một chân khều Mila, như thể nó muốn chỉ cho cô xem một thứ gì đó.

- Chờ đã...

- Cái gì vậy?

Cô không đáp mà chỉ đứng dậy. Con chó lại quay về chỗ rẽ của hành lang.

- Nó muốn chúng ta đi theo.

Hai người đi sau con chó. Sau ngã rẽ, hành lang chỉ còn tiếp tục thêm vài mét. Ở cuối hành lang, bên phải, có một căn phòng cuối cùng. Boris xem sơ đồ.

- Nó trông ra mặt hậu, nhưng tôi không biết nó là phòng gì.

Cửa phòng đang đóng. Phía trước nó có nhiều món đồ nằm lộn xộn. Một cái chăn may chần với họa tiết khúc xương, một cái tô, một quả bóng nhiều màu, một sợi dây dắt chó và đồ ăn thừa.

- Ra đây là kẻ đã lục đồ ăn. - Mila nói.

- Tôi tự hỏi sao nó lại đem đồ chơi của mình đến chỗ này...

Con chó tiến lại gần cánh cửa, như thể muốn khẳng định cái ổ của nó nằm ở đó.

- Anh nghĩ nó dọn vào chỗ này một mình à? Tại sao chứ?

Như để trả lời cho câu hỏi của Mila, con chó bắt đầu cào vào cánh cửa và rên ư ừ.

- Nó muốn chúng ta vào trong.

Mila cầm lấy sợi dây và buộc con vật vào một cái máy sưởi.

- Ngoan nào, Terry.

Con chó sủa một tiếng, xem vẻ đã hiểu. Nó tránh khỏi lối đi trong lúc Mila cầm lấy tay nắm và Boris chĩa súng vào cánh cửa. Thiết bị tầm nhiệt không phát hiện được sự hiện diện của sinh vật sống nào khác, nhưng ai mà biết được. Tuy vậy cả hai người đều tin rằng, phía sau tấm chắn mỏng manh này là kết cục bi thảm của những điều đã xảy ra trong những tháng vừa qua.

Mila ấn mạnh tay nắm để mở khóa cửa, rồi đẩy nhẹ. Ánh sáng đèn pin chọc xuyên qua bóng tối, nhảy từ bên này sang bên kia căn phòng.

Nó trống không.

Căn phòng rộng khoảng hai mươi mét vuông. Sàn phòng không trải thảm, các vách tường được sơn trắng. Ô cửa sổ bị che kín bởi một tấm rèm dày. Một bóng đèn treo trên trần. Đường như căn phòng này chưa từng được sử dụng.

- Sao con chó dẫn chúng ta vào trong này? - Mila tự hỏi chính mình nhiều hơn là hỏi Boris. - Bà Yvonne và bọn trẻ đâu?

Cô tránh không hỏi thẳng rằng “Xác của ba mẹ con ở đâu?”

- Stern.

- Tôi đây.

- Anh bảo đội khoa học vào đi. Chúng tôi xong việc rồi.

Mila bước ra hành lang, cởi dây buộc con chó. Nó lập tức lao vào trong phòng. Mila chạy theo và thấy nó chúi mũi vào một góc.

- Terry, mày không thể ở đây được.

Nhưng con chó không nhúc nhích. Mila bèn tiến lại gần, tay cầm sợi dây dắt chó. Con vật lại sủa, nhưng không có vẻ đe dọa. Rồi nó bắt đầu hít hít sàn nhà gần chân tường. Mila cúi xuống cạnh nó, đẩy mõm nó ra và rọi đèn pin vào. Chẳng có gì. Nhưng rồi cô nhìn thấy.

Một vết màu nâu.

Nó có đường kính nhỏ hơn ba milimet. Mila cúi xuống gần hơn. Cô thấy nó có góc cạnh và bề mặt dợn sóng.

Cô không còn nghi ngờ gì về nó nữa.

- Đây là nơi chuyện đó xảy ra.

Boris không hiểu chuyện gì.

Rồi cô quay về phía anh

- Đây là nơi hắn đã giết họ.

- Thật ra chúng tôi biết có người vào nhà, nhưng mà... các anh biết đấy, Yvonne Gress là một phụ nữ hấp dẫn, sống một mình nên... thỉnh thoảng vẫn được đàn ông khu này ghé chơi vào đêm hôm khuya khoắt.

Tay đội trưởng đội bảo vệ gục gặc đầu đầy ngụ ý khiến cho Goran phải phản ứng bằng cách nhón gót, đưa mắt mình ngang tầm mắt anh ta.

- Sao anh dám bóng gió những chuyện như thế...

Ông nói với một giọng bình thường nhưng hàm chứa đầy vẻ đe dọa.

Tay bảo vệ đáng lẽ phải giải thích về sai sót nghiêm trọng của mình và các thuộc cấp. Nhưng ngược lại, anh ta đang cố dùng thủ đoạn đã thống nhất với đám luật sư của Capo Alto. Họ tìm cách biến bà Yvonne Gress thành một phụ nữ dễ dãi dựa trên việc bà đã bỏ chồng và sống độc thân.

Goran lưu ý rằng *kẻ lạ mặt* - vì họ chưa thể xác định danh tính của hắn - kẻ đã ra vào nhà bà Yvonne trong suốt sáu tháng trời, đã lợi dụng chính cái cơ đó để hành động tùy thích.

Ông và Rosa đã xem hầu hết các đoạn video an ninh được quay trong thời gian trên. Cùng một sự việc như thế đã diễn ra gần như mỗi ngày. Thịnh thoảng gã đàn ông không ở lại qua đêm, Goran tự nhủ đó là những thời điểm dễ thờ nhất cho gia đình bị cầm tù kia. Nhưng biết đâu đó là những lúc tệ hại nhất, vì họ bị trói vào giường và không được ăn uống gì nếu bị hấn bỏ mặc.

Bị bạo hành cũng có nghĩa là còn sống, trong hành trình vô tận đi tìm cái ác ít kinh khủng hơn.

Trong các đoạn băng ghi hình, họ nhìn thấy gã đàn ông vào ban ngày, trong khi hấn làm việc trên công trường. Hấn luôn đội mũ lưỡi trai để không bị quay rõ mặt.

Stern đi dò hỏi công ty chủ quản đã thuê hấn theo hợp đồng mùa vụ. Họ bảo hấn tên là Lebrinsky, nhưng đó là một cái tên

giả. Chuyện này xảy ra cũng là điều bình thường, đặc biệt là vì các công trường xây dựng hay dùng lao động nước ngoài chưa có giấy tờ lưu trú. Theo luật, chủ lao động phải có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ của họ để xem họ có hợp pháp hay không.

Nhiều công nhân từng làm việc ở công trình xây dựng biệt thự Kobashi cho biết kẻ có tên Lebrinsky là một người ít nói, sống khép mình. Họ cung cấp những mô tả về hắn nhằm dựng lên một chân dung trên máy tính. Nhưng các mô tả quá khác biệt nên không thể sử dụng được.

Khi đã xong việc với tay đội trưởng đội bảo vệ, Goran vào gặp những người còn lại trong ngôi nhà của bà Yvonne Gress, vốn đã được nhóm của Krepp “càn quét” nãy giờ.

Mấy cái khayên xô lấp lánh trên khuôn mặt của chuyên gia vân tay trong khi ông di chuyển như một vị thần trong khu rừng ma thuật. Bởi bây giờ ngôi nhà trông thật khác thường: thảm trải sàn đã được bao phủ toàn bộ bằng một lớp nhựa trong, các ngọn đèn halogen được đặt đây đó để chiếu sáng nhiều chỗ, có khi chỉ một chi tiết rất nhỏ. Những con người trong bộ đồ bảo hộ màu trắng và đeo mặt nạ trong suốt đang phủ bột hóa chất lên mọi thứ.

- Đối tượng của chúng ta không được thông minh cho lắm. - Krepp bình phẩm. - Ngoại trừ sự lộn xộn do con chó gây ra, hắn đã bỏ lại đủ thứ rác rưởi: lon bia, đầu lọc thuốc lá, ly cốc bẩn.

Dữ liệu di truyền nhiều đến độ ta có thể nhân bản hẳn!

- Còn dấu tay? - Sarah Rosa hỏi.

- Cả đồng! Nhưng đáng tiếc là hẳn chưa bao giờ vào tù nên ta chưa có thông tin trong hệ thống.

Goran lắc đầu: dấu vết nhiều như thế mà họ thậm chí không tìm ra nổi một kẻ tình nghi. Rõ ràng tên ăn bám này bất cẩn hơn nhiều so với Albert, kẻ đã phá hoại hệ thống camera an ninh trước khi đưa thi thể bé gái vào trong nhà của Kobashi. Chính vì vậy ông thấy có điều gì đó không hợp lý.

- Vậy còn xác của các nạn nhân? Chúng ta đã xem hết băng an ninh, kẻ ăn bám chưa bao giờ mang thứ gì ra khỏi căn nhà này.

- Vì gã không đưa họ ra ngoài qua cửa chính...

Mọi người bối rối nhìn nhau, cố hiểu ý nghĩa của câu nói. Krepp giải thích thêm:

- Chúng tôi đang kiểm tra các cống rãnh. Tôi tin là hẳn đã phi tang các xác chết theo ngã đó.

Hẳn đã cắt họ thành từng mảnh nhỏ, Goran thầm kết

luận. Tên cuồng sát đã nhập vai ông chồng và người cha hờ dể thương, để rồi một ngày kia khi đã chán, hoặc có thể là khi đã hết việc ở công trình đối diện, hắn đã vào đây một lần cuối cùng. Ông tự hỏi liệu bà Yvonne và các con có dự cảm được kết cục của họ hay không.

- Nhưng tôi dành chuyện quái lạ nhất để nói sau cùng.. - Krepp lên tiếng.

- Chuyện gì mới được chứ?

- Căn phòng trống trên gác, nơi cô bạn cảnh sát của chúng ta đã tìm thấy vết máu nhỏ tí ấy.

Mila cảm thấy cái nhìn đầy ẩn ý của Krepp chiếu vào mình. Goran thấy cô cứng người phòng thủ. Krepp làm nhiều người phát sợ.

- Căn phòng trên gác là nhà nguyện Sixtine của tôi. - Ông nói. - Vết máu khiến chúng ta nghĩ đó là nơi xảy ra vụ thảm sát, trước khi được hắn lau chùi sạch sẽ, mặc dù còn để sót một vết máu nhỏ. Nhưng hắn thậm chí còn đi xa hơn thế. Hắn đã sơn lại các bức tường.

- Tại sao? - Boris hỏi.

- Vì hắn rất ngu. Rõ ràng là thế. Sau khi đã để lại cả đồng rác rưởi lẫn dấu vết và xả tuột mọi thứ xuống cống, hắn đã kiếm cho mình đủ án chung thân. Vậy thì, việc quái gì phải đi sơn lại căn phòng đó?

Goran cũng thấy động cơ của hành động đó không rõ ràng.

- Vậy anh sẽ làm gì tiếp?

- Tôi sẽ bóc đi lớp sơn để xem có gì bên dưới. Việc này cần nhiều thời gian, nhưng với các công nghệ mới tôi có thể thu thập mọi vết máu mà tên đàn kia đã phi tang một cách tầm thường đến thế.

Goran cảm thấy chưa được thuyết phục.

- Hiện tại chúng ta chỉ mới có một vụ giam giữ người bất hợp pháp và che giấu thi thể. Hắn sẽ bị kết án chung thân, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta đã lập lại công lý. Để làm sáng tỏ sự thật và buộc hắn nhận tội giết người, chúng ta cần chỗ máu đó.

- Ông sẽ có, thưa giáo sư.

Cho đến lúc này, họ vẫn chỉ có được một mô tả rất vắn tắt về đối tượng tìm kiếm. Họ kết hợp chúng với các thông tin mà

Krepp thu thập được.

- Tôi có thể nói đây là một gã đàn ông tuổi từ bốn mươi đến năm mươi. - Sarah Rosa khơi mào. - Vóc người vạm vỡ, cao khoảng một mét sáu tám.

- Các dấu giày trên thảm có cỡ bốn mươi ba, nên tôi nghĩ mô tả tương đối trùng khớp.

- Nghiện thuốc.

- Hắn hút thuốc rê.

- Giống tôi. - Boris nói. - Rất vui khi được có một điểm chung nào đó với một gã như hắn.

- Có thể nói hắn yêu chó. - Krepp chốt lại.

- Chỉ vì hắn để cho con chó sống sót thôi à? - Mila hỏi.

- Không phải thế. Chúng tôi đã tìm thấy nhiều loại lông chó lai.

- Nhưng làm sao có thể khẳng định hắn là người đem lông chó vào nhà?

- Lông chó nằm trong chỗ bùn của các vết giày trên thảm. Đương nhiên trong đó có cả các vật liệu xây dựng, xi măng, cát tít, dung môi - thứ trở thành keo dán cho tất cả những thứ khác. Và dĩ nhiên cho cả những thứ hấn mang từ nhà mình đến.

Krepp nhìn Mila theo kiểu một người bỗng dưng đụng phải thách thức nhưng đã vượt qua một cách khéo léo. Sau phút giây đắc thắng đó, ông quay mắt đi và thoát biến trở lại thành chuyên gia lạnh lùng như mọi người vẫn biết.

- Và còn một điều này nữa, nhưng tôi vẫn chưa rõ liệu nó có ý nghĩa gì không..

- Nói luôn đi. - Goran ra lệnh, biết tổng Krepp thích được người khác nài nỉ.

- Trong chỗ bùn của các dấu giày, có một lượng vi khuẩn lớn. Tôi đã tham khảo ý kiến một nhà hóa học đáng tin cậy...

- Tại sao là hóa học mà không phải vi sinh vật học?

- Bởi vì tôi nghĩ chúng là những vi sinh vật “ăn rác” tồn tại trong thiên nhiên nhưng được sử dụng cho các chức năng khác nhau, chẳng hạn như tiêu hủy nhựa, hoặc các dẫn chất của dầu mỏ. Thực ra không phải chúng “ăn” thực sự, mà chỉ sản xuất ra một loại men. Người ta dùng men đó để xử lý các bãi rác cũ...

Nghe đến đây, Goran thấy Mila và Boris quay sang nhìn nhau.

- Bãi rác cũ? Khốn nạn... Chúng tôi biết gã này!

Feldher đang đợi họ.

Gã ký sinh cố thủ trong sào huyệt của mình trên đỉnh ngọn đồi rác.

Bên cạnh hắn là các vũ khí đủ loại mà hắn đã thu thập từ hàng tháng trời để chuẩn bị cho màn thanh toán này. Thực ra thì hắn chẳng nhọc công trốn tránh. Hắn biết sớm hay muộn sẽ có người đến sờ gáy mình.

Mila đến cùng những người khác và một đơn vị đặc nhiệm đang vào vị trí quanh nhà của Feldher.

Từ trên cao, trong hang ổ của mình, Feldher có thể kiểm soát con đường dẫn vào bãi phế liệu. Ngoài ra, hắn đã phát quang cây cối để có tầm nhìn tốt hơn. Nhưng hắn không khai hỏa ngay mà đợi cho mọi người vào chỗ mới bắt đầu bắn tỉa.

Đầu tiên hắn nhắm vào con chó Koch của mình. Con chó với bộ lông màu gỉ sắt đang chạy lảng quăng giữa đống sắt phế liệu. Hắn hạ gục nó bằng một phát súng vào đầu. Hắn muốn chứng tỏ cho bọn người ngoài kia thấy hắn không đùa. *Nhưng cũng có lẽ hắn muốn tránh cho con vật một kết cục tồi tệ hơn*, Mila thầm nghĩ.

Núp sau một trong những chiếc xe bọc thép, cô quan sát sự việc. Đã bao nhiêu thời gian trôi qua từ sau lần cô cùng Boris đến căn nhà kia để hỏi hắn về cô nhi viện ngày xưa hắn từng ở? Hóa ra hắn che giấu một bí mật còn khủng khiếp hơn bí mật của Ronald Dermis.

Hắn đã nói dối nhiều thứ.

Khi Boris hỏi hắn có từng bị đi tù, hắn đáp có. Nhưng không phải vậy. Bằng chứng là họ không tìm thấy dấu vân tay hắn để lại ở nhà bà Yvonne trong hồ sơ cảnh sát. Tuy nhiên những lời nói dối được Feldher dùng để bảo đảm Mila và Boris không kiểm tra thông tin của mình. Boris đã không nhận ra vì theo lẽ thường, chẳng ai đi nói sai sự thật chỉ để làm xấu hình ảnh của mình.

Nhưng đó lại chính là điều Feldher đã làm. *Hắn rất tinh ranh*, Mila thầm nghĩ.

Hắn đã thăm dò tình hình và xô mũi hai người, chắc hẳn họ không có manh mối nào để liên hệ hắn với ngôi nhà của bà Yvonne. Nếu hắn nghi ngờ điều ngược lại, chắc họ đã không sống sót mà rời khỏi nhà hắn được.

Sau đó, Mila lại bị lừa thêm một lần thứ hai với sự hiện diện của Feldher hôm hạ huyết Ronald. Cô cứ tưởng đó chỉ là một hành động thương hại, nhưng thật ra Feldher đến để kiểm tra tình hình.

- Bọn con hoang kia, đến đây kiểm tao đi nào!

Một loạt đạn liên thanh rạch toang không khí, vài viên trúng vào chiếc xe bọc thép kêu lịch bạch, những viên còn lại đập vào đồng sắt phé liệt với những tiếng chát chúa.

- Mẹ kiếp! Chúng mày không bắt sống tao được đâu!

Không ai đáp lại lời hắn, không ai tìm cách thỏa thuận với hắn. Mila nhìn quanh: không có người thương thuyết cầm loa để thuyết phục Feldher hạ vũ khí. Hắn đã tự tay ký vào bản án tử cho mình. Chẳng ai bận tâm đến chuyện cứu mạng hắn.

Họ chỉ đợi hấn sai sót để gạch tên hấn khỏi cõi đời này.

Hai xạ thủ đã vào chỗ, sẵn sàng khai hỏa ngay khi Feldher lộ đầu ra thêm. Lúc này thì họ để mặc cho hấn hả hê. Như vậy hấn càng có cơ phạm sai lầm.

- Mụ ta là của tao, đồ khôn chúng bay! Tao đã cho nó thứ nó muốn!

Hấn đang khiêu khích họ. Căn cứ vào sự căng thẳng trên những gương mặt đang quan sát hấn, nước cờ của hấn khá thành công.

- Cần phải bắt sống hấn. - Goran nói. - Đó là cách duy nhất để ta tìm được mối liên hệ giữa hấn và Albert.

- Tôi không tin là đội đặc nhiệm đồng tình với chúng ta, thưa giáo sư. - Stern nói.

- Vậy thì ta phải nói chuyện với Roche. Ông ta phải ra lệnh đưa người thương thuyết đến.

- Feldher sẽ không dễ bị bắt đâu. Hấn đã dự tính trước mọi thứ, kể cả kết cục cuối cùng. - Sarah Rosa lưu ý ông. - Hấn sẽ làm một cú bất ngờ để ra đi trong ngạo nghễ.

Cô nói không sai. Các kỹ thuật viên cháy nổ đi cùng họ đã xác định được một số thay đổi trên nền đất chung quanh ngôi nhà.

- Mìn sát thương - Một trong số họ nói với Roche khi ông đến nơi.

- Với tất cả những thứ thổi tha nằm bên dưới, đó sẽ là tận thế.

Họ đã tham khảo ý kiến của một nhà địa chất học. Ông ta khẳng định rằng, ngọn đồi rác có thể che giấu nhiều túi khí mêtan bên dưới do quá trình phân hủy rác thải tạo nên.

- Các anh cần phải lùi ra xa ngay. Chỉ cần một đám cháy thôi là thảm họa sẽ xảy ra.

Goran nhấn mạnh với ông chánh thanh tra rằng chỉ ít họ cũng phải thử thương lượng với Feldher. Rốt cuộc Roche đồng ý cho họ ba mươi phút.

Nhà tội phạm học đã định dùng điện thoại gọi cho hắn, nhưng Mila nhớ ra đường dây đã bị cắt do chậm trả tiền cước. Khi cô và Boris tìm cách điện thoại liên hệ với Feldher lúc trước, cô chỉ nghe thấy tiếng trả lời tự động. Phải mất bảy phút để công ty viễn thông mở lại đường dây. Họ chỉ còn hai mươi ba phút để thuyết

phục hấn nộ mình. Nhưng khi điện thoại trong nhà reo, Feldher đáp trả bằng một loạt đạn nhắm vào các cảnh sát.

Goran không bỏ cuộc. Ông lấy một cái loa phóng thanh và đến nấp sau chiếc xe bọc thép gần ngôi nhà nhất.

- Feldher, tôi là Goran Gavila!

- Cút mẹ mày đi! - Hấn đáp trả trước khi bắn một loạt đạn.

- Anh nghe tôi nói này: tôi chẳng coi anh là cái thá gì, cũng giống như những người đi cùng tôi!

Mila nhận ra Goran không muốn lừa Feldher, vì chuyện đó chẳng để làm gì. Gã đàn ông này đã tự quyết định số mạng của mình, nên ông giáo sư chơi bài ngửa luôn.

- Thằng con hoang, tao không thèm nghe mày nói đâu!

Một phát đạn trúng vào chỗ cách ông giáo sư vài centimet. Mặc dù được bảo vệ an toàn, ông vẫn bị bất ngờ.

- Nhưng anh phải nghe tôi nói, vì như thế chỉ có lợi cho anh mà thôi!

Đã đến nước này thì ông còn có thể đưa ra đề nghị nào nữa đây?

Mila chưa thông được nước đi của Goran.

- Chúng tôi cần anh, Feldher, vì có thể anh biết kẻ đang bắt cóc bé gái thứ sáu. Chúng tôi gọi hắn là Albert, nhưng tôi tin chắc anh biết tên thật của gã.

- Tao không biết cái cóc khô gì hết!

- Ngược lại, anh đang quan tâm đến nó, vì thông tin này rất đáng giá trong thời điểm hiện tại!

Khoản tiền thưởng.

Hóa ra đây là chiến thuật của Goran! Mười triệu được quỹ Rockford tặng cho bất kỳ ai cung cấp được thông tin hữu ích để cứu bé gái số sáu.

Người ta có thể tự hỏi liệu một kẻ đã chắc suýt đi tù chung thân có thể được lợi lộc gì từ món tiền đó. Nhưng Mila đã hiểu. Nhà tội phạm học muốn gieo vào đầu Feldher ý tưởng rằng hắn có thể ra đi cùng với khoản tiền, rằng hắn có thể “đánh lừa” cả một hệ thống đã bạc đãi cuộc đời hắn và biến hắn thành người như bây giờ. Một thằng khốn nạn, một kẻ thất bại. Cùng với món tiền,

hắn sẽ có thể thuê cho mình một luật sư giỏi, người có thể vin vào lý do khuyết tật trí năng để làm giảm nhẹ tội cho hắn, một trò vốn chỉ dành cho những can phạm có tiền, vì rất khó để theo đuổi và chứng minh nó nếu không có đủ năng lực tài chính. Feldher có thể hy vọng được giảm án xuống còn hai mươi năm giam giữ, không phải trong tù, mà là trong bệnh viện dành cho tội phạm tâm thần. Sau đó, một khi đã mãn hạn, hắn có thể tận hưởng phần còn lại của khoản tiền. Như một người tự do.

Goran đã đi đúng đường. Bởi Feldher luôn muốn được hơn con người hiện tại của mình. Chính vì vậy mà hắn đã thâm nhập vào gia đình bà Yvonne Gress. Để ít nhất một lần biết cảm giác được sống sung túc trong một nơi chỉ dành cho người giàu, cùng với một phụ nữ đẹp, con cái, và những món đồ xinh xắn.

Giờ đây, hắn có thể cùng lúc có được hai thứ: ăm trọn khoản tiền thưởng, và thoát khỏi cuộc sống hiện tại.

Hắn sẽ ra khỏi căn chòi rách trên hai chân, miệng nở nụ cười ngạo nghễ trước hàng trăm nhân viên công lực đang muốn bằm vằm hắn ra. Nhưng trên hết, hắn sẽ trở nên giàu có. Theo một nghĩa nào đó, hắn sẽ trở thành *người hùng*.

Lần này thì Feldher không chửi và cũng không bắn phát nào. Hắn đang cân nhắc.

Goran lợi dụng sự im lặng đó để nuôi thêm hy vọng cho
hắn:

- Không ai có thể tước mất những gì anh sẽ có được. Và
mặc dù không muốn thú nhận, nhưng chúng tôi cũng sẽ phải nói lời
cảm ơn anh. Vậy nên, anh hãy hạ vũ khí, bước ra ngoài và hàng
phục...

Một lần nữa, cái ác phục vụ cho cái thiện, Mila thầm
nghĩ. Goran đang sử dụng cùng một phương thức như của Albert.

Nhiều giây phút dài dằng dặc trôi qua. Nhưng thời gian
càng kéo dài thì họ càng có hy vọng thành công. Từ phía sau chiếc
xe bọc thép, Mila nhìn thấy một cảnh sát đặc nhiệm thò một cái
giương con gắn trên đầu một cái que dài ra để kiểm tra vị trí của
Feldher trong nhà.

Ngay sau đó cô nhìn thấy hình ảnh của hắn.

Họ chỉ thấy vai và gáy hắn. Hắn mặc một cái áo khóa rằn
ri và đội một chiếc mũ đi săn. Một thoáng sau, cô thấy khuôn mặt
nhìn nghiêng và cái cầm tua tua râu ria của hắn.

Chuyện đó chỉ diễn ra trong chưa đầy một giây. Feldher
giương súng lên, không rõ để bắn hay để giao nộp vũ khí.

Một tiếng rít chói tai vang lên ngay trên đầu họ. Trước khi Mila kịp hiểu tình hình thì viên đạn đầu tiên đã găm vào cổ Feldher. Sau đó là viên đạn thứ hai, đến từ một hướng khác.

- Không! - Goran gào lên. - Ngừng lại! Đừng bắn!

Các xạ thủ của đơn vị đặc nhiệm đang ra khỏi chỗ nấp để nhắm bắn tốt hơn.

Máu ồng ộc trào ra từ hai cái lỗ trên cổ Feldher, theo nhịp đập của động mạch cảnh. Hấn loạng choạng, miệng há ra. Bằng một tay, hắn cố gắng cầm máu nhưng vô hiệu, trong khi tay kia vẫn cố gắng giữ súng ngắm bắn trả.

Goran mặc kệ nguy hiểm và bước ra khỏi chỗ nấp, cố gắng ngăn mọi chuyện lại rơi vào tuyệt vọng.

Ngay lúc đó, phát đạn thứ ba chính xác hơn hai phát trước, găm vào gáy Feldher.

Tên ăn bám đã bị hạ gục.

- Sabine thích chó lắm, cô biết không?

Mila nhận thấy bà mẹ không thêm chữ “tùng” vào trong câu nói. Chẳng mấy chốc nỗi đau sẽ tấn công bà, khiến cho bà không thể tìm lại sự bình yên và giấc ngủ trong nhiều ngày.

Nhưng chưa phải bây giờ. Hãy còn quá sớm.

Trong trường hợp như thế này, nỗi đau để lại một khoảng trống, một màng ngăn giữa bà và cái tin dữ, một rào chắn mềm dẻo có thể giãn ra hay co vào, ngăn không cho câu “chúng tôi đã tìm thấy thi thể con gái bà” đến được đích. Những từ ngữ ấy bị dội lại

trên một trạng thái bình thản kỳ lạ. Một sự chịu đựng ngăn ngui trước khi suy sụp.

Hai giờ trước đó, Chang đã đưa cho Mila chiếc phong bì chứa kết quả đối chiếu ADN. Bé gái ngồi chết trên trường kỷ trong nhà của Kobashi là Sabine.

Cô bé bị bắt cóc thứ ba.

Cũng là nạn nhân thứ ba được tìm thấy.

Giờ thì nó đã trở thành một lịch trình cố định. Một *phương thức hành động*, như lời Goran nói. Ngay cả khi không ai đưa ra giả thiết nào về danh tính của thi thể, mọi người đều cho rằng đó là Sabine.

Mila bỏ lại các đồng nghiệp đang ngần ngại trước thất bại tại nhà Feldher và tìm kiếm một manh mối có thể dẫn họ đến chỗ Albert giữa núi rác kia. Cô đã yêu cầu sở cấp một chiếc xe hơi, và lúc này đang ngồi trong phòng khách của gia đình Sabine, giữa một vùng thôn quê với dân cư chủ yếu là những người nuôi ngựa và những ai thích sống gần gũi với thiên nhiên. Cô đã phải đi gần một trăm rưỡi cây số để đến được đây. Mặt trời đang lặn trong khi cô thưởng ngoạn cảnh vật, những cánh rừng bị các con suối nhỏ cắt ngang trước khi đổ vào những cái hồ nhỏ màu hổ phách. Cô cảm thấy đối với cha mẹ của Sabine, việc được cô đến gặp, ngay cả vào

giờ giấc khác thường thế này, cũng có thể có tác dụng trấn an họ, chứng tỏ rằng có ai đó đang quan tâm đến con gái họ. Và cô đã không nhầm.

Mẹ của Sabine là một người nhút nhát, có thân mình gầy guộc và khuôn mặt hằn sâu các nếp nhăn, tạo ra nơi bà một hình ảnh mạnh mẽ nhất định. Mila nhìn các tấm ảnh bà đang cầm, lắng nghe câu chuyện về cuộc đời bảy năm của Sabine. Ông bố thì ngược lại, chỉ đứng trong một góc phòng, tựa người vào tường, hai mắt sụp xuống và chấp tay sau lưng: ông đang đong đưa người tới lui, đầu óc tập trung vào mỗi việc thở. Mila tin rằng bà mẹ là người nắm quyền điều hành trong căn nhà này.

- Sabine sinh non đến tám tuần. Chúng tôi hay tự bảo nhau đó là vì nó muốn ra đời quá. Nói thế cũng đúng một phần. - Bà cười nhẹ và nói thêm, trong lúc mắt nhìn ông chồng đang gật gù. - Các bác sĩ nói với chúng tôi là con bé sẽ không sống nổi vì tim nó còn yếu quá. Nhưng ngược lại, Sabine đã trụ vững. Nó không to hơn bàn tay của tôi và chỉ nặng có nửa cân, nhưng nó đã chiến đấu bằng tất cả sức lực của mình, trong chiếc lồng ấp. Tuần qua tuần, quả tim nó cứng cáp dần... Thế là các bác sĩ phải thay đổi ý kiến, họ bảo có lẽ nó sẽ sống sót, nhưng sẽ phải ra vào bệnh viện suốt, uống đủ loại thuốc và trải qua nhiều cuộc phẫu thuật. Nói tóm lại, lẽ ra chúng tôi nên cầu mong cho nó chết đi... - Bà ngừng lời một chút. - Có thời điểm tôi đã bị thuyết phục rằng con bé sẽ phải chịu đựng suốt cuộc đời trước mắt của nó, và tôi đã cầu cho quả tim nó

ngừng đập. Nhưng Sabine đã mạnh mẽ hơn những lời cầu khẩn của tôi: Nó phát triển như một đứa trẻ bình thường, và tám tháng sau, chúng tôi đã đem được nó về nhà.

Bà ngừng nói. Trong một thoáng, nét mặt của bà thay đổi và trở nên dữ dằn hơn.

- Thằng con hoang chết rấp ấy đã hủy hoại mọi nỗ lực của con bé!

Sabine là nạn nhân nhỏ tuổi nhất của Albert. Cô bé bị bắt cóc trên một đu quay ngựa gỗ. Một buổi tối thứ Bảy. Ngay dưới mắt bố mẹ và các bậc phụ huynh khác.

“Trên thực tế mọi người chỉ biết đến con cái mình”, Sarah Rosa đã nói như vậy trong buổi họp đầu tiên ở Phòng suy tưởng. Mila còn nhớ cô ta đã nói thêm: “Bọn họ mặc kệ. Sự thực là thế”.

Tuy nhiên, Mila không đến tận đây chỉ để an ủi bố mẹ Sabine. Cô muốn đặt một số câu hỏi, lợi dụng khi nỗi đau chưa bùng nổ khỏi nơi ẩn náu tạm thời của nó và xóa sạch mọi thứ một cách không phục hồi lại được. Cô biết hai vợ chồng đã bị hỏi hàng chục lần về hoàn cảnh mất tích của Sabine. Nhưng các đồng nghiệp của cô không có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này bằng cô.

- Thật ra thì, - cô mở lời, - ông bà là những người duy

nhất có thể nhìn thấy hay ghi nhận một điều gì đó. Tất cả những lần khác, kẻ bắt cóc đều ra tay tại một nơi cách biệt, hoặc khi chỉ có một mình với nạn nhân. Còn lần này, hắn đã liều lĩnh. Biết đâu hắn sai sót một điều gì đó.

- Cô muốn tôi kể lại từ đâu à?

- Vâng ạ.

Bà mẹ sắp xếp lại các ý nghĩ một chút rồi bắt đầu kể:

- Đó là một buổi tối đặc biệt đối với chúng tôi. Cô nên biết là hồi Sabine được ba tuổi, chúng tôi đã bỏ công việc ở thành phố để về sống tại đây. Chúng tôi bị quyến rũ bởi thiên nhiên và cơ may nuôi nấng con gái mình ở một nơi xa sự ồn ào và ô nhiễm.

- Bà nói buổi tối hôm Sabine bị bắt cóc là một tối đặc biệt...

- Quả vậy. - Bà đáp, đưa mắt tìm ánh mắt của ông chồng.
- Chúng tôi trúng số. Một khoản kha khá. Không đủ để trở nên rất giàu có, nhưng cũng đủ để bảo đảm một tương lai cho Sabine và con cái của nó... Thật ra tôi chưa bao giờ chơi xổ số, nhưng một sáng nọ, tôi đã mua một tờ vé số, và thắng giải. - Bà nói với một nụ cười gượng. - Tôi dám cá là cô luôn tự hỏi một người trúng số thì sẽ như thế nào. (Mila gật đầu). Giờ cô có câu trả lời rồi đấy.

- Vậy là cả nhà đi ra hội chợ để ăn mừng?

- Đúng vậy.

- Tôi muốn bà kể lại thời điểm chính xác khi Sabine ngồi trên vòng quay ngựa gỗ.

- Chúng tôi cùng chọn một con ngựa nhỏ màu xanh dương. Trong hai vòng quay đầu, bố nó ngồi chung với con bé. Sau đó Sabine nâng nặc đòi ngồi một mình ở vòng thứ ba. Nó cứng đầu lắm, nên chúng tôi đành chiều ý con.

- Tôi hiểu, chuyện này cũng bình thường đối với trẻ con.

- Mila nói để giải tỏa cho mọi cảm giác tội lỗi của bà mẹ.

Bà ngược mắt lên nhìn cô rồi nói, đầy quả quyết:

- Ở trên vòng xoay còn có các vị phụ huynh khác, tất cả đều ở bên cạnh con mình. Tôi thì dõi mắt theo Sabine. Tôi xin thề với cô là tôi không bỏ lỡ một giây nào, ngoại trừ lúc con bé ở phía bên kia của vòng quay.

“Gã đã làm cho cô bé biến mất như một trò ảo thuật”, Stern đã nói như thế trong Phòng suy tưởng, khi nhắc đến việc chú ngựa gỗ xuất hiện trở lại mà không có Sabine.

Mila giải thích:

- Giả thiết của chúng tôi là kẻ bắt cóc đã có mặt trên vòng quay, đóng giả làm một vị phụ huynh. Chúng tôi kết luận là hắn có diện mạo của một người bình thường. Hắn giả dạng một ông bố, chuồn đi cùng với cô bé và lẫn vào trong đám đông. Có thể Sabine đã khóc lóc hoặc chống cự. Nhưng không ai để tâm, vì trong mắt những người khác, nó chỉ là một con bé khóc lóc, vùi vãnh.

Giả thiết cho rằng Albert đóng giả bố của cô bé có lẽ còn gây đau đớn hơn mọi thứ khác.

- Tôi xin bảo đảm với cô là nếu như có một người đàn ông lạ mặt trên vòng quay thì tôi đã để ý ngay. Một người mẹ luôn có linh cảm trước những chuyện như vậy.

Bà nói với một sự quả quyết khiến Mila không muốn phản bác.

Albert đã thành công trong việc nguy trang.

Hai mươi lăm cảnh sát nhốt mình trong một căn phòng trong vòng mười ngày đã cẩn thận xem xét hàng trăm tấm ảnh được chụp tại hội chợ tối hôm đó. Họ cũng đã xem các thước phim quay bằng camera gia đình. Không có gì cả. Không có máy ảnh nào chụp được Sabine cùng với kẻ bắt cóc dù chỉ là thoáng qua. Hắn không

xuất hiện trên bất kỳ tấm ảnh nào, dù chỉ loáng thoáng.

Không còn câu hỏi nào khác, Mila xin cáo từ. Trước khi cô đi khỏi, mẹ Sabine nhất định muốn cô cầm theo một tấm ảnh chụp con gái mình.

- Như vậy cô sẽ không bỏ quên con bé. - Bà nói, không hề biết rằng dù sao Mila cũng sẽ không quên được, và chỉ vài giờ sau cô sẽ khắc vào cơ thể mình một sự tưởng niệm cho cái chết của Sabine, dưới dạng một vết sẹo mới.

- Cô sẽ bắt được hắn, phải không?

Câu hỏi của bố Sabine không làm Mila bất ngờ. Cô đang chờ đợi nó. Họ luôn hỏi như vậy. “Cô sẽ bắt được thủ phạm chứ?”

Và cô luôn trả lời theo cùng một cách.

- Chúng tôi sẽ làm hết sức có thể.

Mẹ của Sabine đã ước cho con gái mình được chết đi. Bà đã được thỏa nguyện bảy năm sau đó. Mila không thể không nghĩ đến chuyện này trong khi lái xe về studio. Cảnh rừng đã làm cho

chặng đi của cô trở nên vui mắt giờ chẳng khác gì những ngón tay đen ngòm chọc lên bầu trời đầy gió chướng.

Cô lập trình thiết bị định vị toàn cầu để quay về theo đường ngắn nhất. Sau đó cô chỉnh màn hình sang chế độ ban đêm. Ánh sáng xanh dương thật dễ chịu.

Radio trên xe chỉ bắt được sóng AM, và sau nhiều nỗ lực rốt cuộc cô đã tìm được một đài chuyên phát các bản nhạc cổ điển. Mila đặt tấm ảnh của Sabine lên ghế ngồi bên cạnh. Ổn trời, bố mẹ cô bé không phải trải qua nỗi đau đớn của quy trình nhận dạng xác chết, vì thi thể đã phân hủy và bị tàn phá bởi các vi sinh vật ăn xác chết. Cô thấy biết ơn những tiến bộ gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu ADN.

Cuộc trò chuyện ngắn ngủi để lại cho cô cảm giác không trọn vẹn. Có điều gì đó không hợp lý, điều gì đó không đúng và khiến cô bế tắc. Đó là một suy nghĩ đơn giản. Một ngày nọ, người đàn bà ấy đã mua một tấm vé số và đã trúng giải. Con gái bà ta trở thành nạn nhân của một tên giết người hàng loạt.

Hai sự việc hy hữu trong một đời người.

Tuy nhiên, kinh khủng nhất là hai sự kiện đó có liên quan với nhau.

Nếu họ không trúng số, họ sẽ không đi đến hội chợ. Sabine sẽ không bị bắt cóc và sát hại dã man.

Không phải, cô nghĩ thầm. Gã chọn các gia đình, không phải các cô bé. Dù thế nào thì gã cũng bắt cóc Sabine thôi.

Con đường uốn lượn quanh các quả đồi. Thỉnh thoảng một trại ngựa lại xuất hiện. Chúng cách nhau khá xa, và để được vào đến nơi, cần phải đi theo các đường nhánh chạy xuyên qua những khu vực hoang vắng dài hàng mấy cây số. Trong suốt chuyến đi, Mila chỉ gặp vài ba chiếc xe hơi chạy theo chiều ngược lại, cùng với một chiếc máy gặt đập vừa chạy vừa nháy đèn để lưu ý tốc độ di chuyển rất chậm của nó cho các phương tiện khác.

Đài truyền thanh đang phát một bản nhạc đình đám xưa của Wilson Pickett, bài *You Can't Stand Alone*.

Cô mất vài giây để liên hệ người nghệ sĩ và tên vụ án mà Boris đã nhắc tới khi kể cho cô nghe về Goran và vợ ông. “Chúng tôi đã phạm sai lầm, người ta đã đe dọa sẽ giải tán đội điều tra và tổng khừ giáo sư Gavila. Chính Roche là người đã bảo vệ chúng tôi và kiên quyết giữ chúng tôi ở lại làm việc”.

Chuyện gì đã xảy ra? Liệu nó có gì liên quan với bức ảnh cô gái trẻ xinh đẹp mà Mila đã thấy trên tường của studio không? Có phải các đồng nghiệp mới của cô không vào studio kể từ dạo

ấy?

Dù sao thì cô cũng chẳng thể trả lời được những câu hỏi đó. Cô xua chúng ra khỏi đầu. Rồi cô hạ máy sưởi một nấc: bên ngoài trời âm ba độ, nhưng trong xe lại khá ấm. Thậm chí cô đã cởi áo khoác trước khi ngồi vào ghế lái và chờ cho đến khi chiếc xe ấm lên. Sự chuyển đổi từ cái lạnh tê tái sang sự ấm áp khiến cô bót căng thẳng.

Mila thoải mái buông mình để sự mệt mỏi dần dần tiêu tan. Rốt cuộc chuyến đi này hóa ra lại tốt cho cô. Trong một góc của kính chắn gió, bầu trời khoác tấm áo mây dày cộm từ nhiều ngày, hôm nay bỗng quang quẻ hẳn. Như thể ai đó đã rút chỉ một vạt áo, vạch cho xem những ngôi sao rời rạc và để ánh trăng xuyên qua.

Trong khoảnh khắc giữa những cánh rừng cô quạnh ấy, Mila thấy mình như được hưởng một đặc quyền. Như thể quang cảnh bất ngờ này chỉ dành riêng cho cô. Khi cua xe theo một đoạn cong, ánh trăng trượt đi trên lớp kính chắn gió. Cô đưa mắt nhìn theo nó. Nhưng trong một thoáng nhìn vào gương chiếu hậu, cô thấy một tia sáng.

Ánh trăng phản chiếu trên thân chiếc xe đang bám theo cô trong tình trạng tắt hết đèn.

Bầu trời chụp xuống cô và tối tăm trở lại. Mila cố giữ bình tĩnh. Một lần nữa, kẻ nào đó đang bám theo cô, giống như hồi ở nhà nghỉ. Nếu như ở lần đầu cô còn cho đó là sản phẩm của trí tưởng tượng, thì lần này cô hoàn toàn tin vào sự tồn tại của nó.

Minh phải giữ bình tĩnh và suy nghĩ.

Nếu tăng tốc, cô sẽ để lộ sự hốt hoảng của mình. Thêm nữa, cô không biết gì về khả năng lái xe của kẻ bám theo, nên việc tháo chạy có thể nguy hiểm đến tính mạng. Không có bất kỳ căn nhà nào trong tầm mắt, ngôi làng đầu tiên còn cách đó ít nhất ba chục cây số. Ngoài ra, chuyến phiêu lưu trong đêm tối cô nhi viện và món trà độc địa của Ronald Dermis đã đặt lòng can đảm của cô vào một thử thách gay go. Cho tới lúc đó, cô không thừa nhận chuyện ấy, thậm chí còn khăng khăng cho rằng mình cảm thấy ổn, và không hề bị chấn động. Nhưng vào lúc này, cô không còn dám chắc mình có thể đương đầu với một tình huống hiểm nghèo đến như thế nữa. Cô cảm thấy đôi tay mình trở nên cứng đờ và độ căng thẳng thần kinh tăng cao. Nhịp tim cô nhanh dần, nhưng cô không biết làm thế nào để kìm hãm nó lại. Cô đang hốt hoảng.

Minh phải bình tĩnh, bình tĩnh nghĩ cách.

Mila vặn nhỏ radio để có thể tập trung tốt hơn. Cô hiểu kẻ bám đuôi đang đi theo đèn xe mình. Cô liếc nhanh máy định vị toàn cầu, gỡ nó ra khỏi hộc và đặt vào lòng.

Sau đó cô với tay đến công tắc đèn và tắt đi.

Cô đột ngột tăng tốc. Trước mặt cô là bóng đêm mịt mù. Không biết mình đi đâu, cô chỉ tin vào lộ trình được chỉ ra trên màn hình. Cung đường vòng sang bên phải bốn mươi độ. Cô làm theo và trông thấy đốm sáng vẽ nên lộ trình của cô trên màn hình. Đi thẳng. Cô lết bánh một chút. Đôi bàn tay cô siết chặt lấy vô lăng, bởi cứ lái bừa thế này chỉ chệch một chút là cô sẽ bay ra khỏi đường. Cua sang trái sáu mươi độ. Lần này cô phải giảm số để không bị mất lái và ngoặt vô lăng sang hướng ngược lại. Một đoạn đường thẳng khác, dài hơn lần trước. Liệu cô cầm cự được bao lâu mà không bật đèn xe? Cô có lừa được kẻ đang bám đuôi mình không?

Lợi dụng đoạn đường thẳng, Mila nhìn nhanh vào gương chiếu hậu. Chiếc xe bám đuôi cô đã bật đèn.

Rốt cuộc hấn đã để lộ mình, và hấn không bỏ cuộc. Luồng đèn pha từ xe hấn chiếu lên xe cô và một đoạn đường phía trước. Mila bẻ tay lái vừa kịp lúc để ôm cua, đồng thời bật đèn xe lên. Cô đạp ga chạy hết tốc lực thêm hơn ba trăm mét nữa.

Rồi cô thắng lại ngay giữa lòng đường và nhìn vào gương chiếu hậu.

Cô chỉ nghe thấy tiếng tích tắc của động cơ xe và tiếng

trống ngực thỉnh thoảng. Chiếc xe kia đã dừng lại trước cung lượn. Mila nhìn thấy ánh đèn pha của nó phản chiếu trên lớp nhựa đường. Tiếng gầm gừ từ ống xả của nó khiến cô liên tưởng đến một con thú hoang sẵn sàng nhảy chồm tới xé xác con mồi.

Tới đây nào, tao đang đợi mày đây.

Mila rút súng ra và lên đạn. Cô không biết từ đâu ra thứ dũng khí mà mới cách đó ít phút cô tưởng đã biến mất. Sự tuyệt vọng đã đẩy cô đến một cuộc đấu tay đôi lố bịch giữa chốn đồng không mông quanh.

Nhưng kẻ bám theo không nhận lời thách đấu. Phía bên kia cung lượn, hai luồng đèn pha biến mất, nhường chỗ cho hai ánh đèn đỏ. Chiếc xe đã quay đầu.

Mila không nhúc nhích. Cô đã lấy lại được nhịp thở bình thường. Cô cụp mắt xuống nhìn cái ghế bên cạnh, như để tìm kiếm một chút an ủi trong nụ cười của Sabine.

Lúc ấy cô mới nhận ra trên tấm ảnh có điều gì đó không ổn.

Mila về đến studio ngay trước nửa đêm. Cô vẫn còn đang căng thẳng, và trong suốt đoạn đường còn lại, cô chỉ nghĩ đến tấm ảnh của Sabine, trong khi không quên nhìn quanh quất, chờ đợi kẻ đã bám đuôi mình đột ngột lao ra từ trên một con đường nhánh hoặc giăng bẫy chờ sẵn sau một cung lượn.

Cô ba chân bốn cẳng lao lên cầu thang của căn hộ. Cô muốn nói chuyện với Goran và thông báo cho nhóm về chuyện vừa xảy ra. Biết đâu chính Albert là kẻ đã bám theo cô. Có thể lắm. Nhưng tại sao lại là cô? Ngoài ra cô còn vấn đề của Sabine, nhưng chuyện này có thể chỉ là một sai lầm...

Khi lên đến nơi, cô mở cánh cửa bọc thép nặng nề bằng chiếc chìa khóa mà Stern đã đưa, bước qua ngưỡng cửa và thấy mình chìm trong một sự im lặng hoàn toàn. Tiếng đế giày cao su của cô miết trên lớp vải nhựa lót sàn nhà là thứ âm thanh duy nhất trong những căn phòng được cô kiểm tra nhanh. Đầu tiên là phòng sinh hoạt chung, nơi cô nhận thấy gác trên gạt tàn là một điếu thuốc đã cháy hết. Trên bàn bếp, cô thấy vết tích của bữa tối - một cái nĩa nằm cạnh chiếc đĩa ăn, một cái bánh flan ăn dở - như thể ai đó đã phải bỏ ngang bữa ăn của mình. Tất cả các bóng đèn đều bật sáng, kể cả trong Phòng suy tưởng. Mila tiến nhanh đến phòng ngủ: chắc chắn có chuyện gì đó đã xảy ra. Giường của Stern đang bừa bộn, một hộp kẹo bạc hà nằm lộn xộn trên gối anh.

Điện thoại di động của cô kêu lên một tiếng bip, báo hiệu

có tin nhắn. Cô đọc tin:

“Chúng tôi đến nhà bà Gress. Krepp muốn cho chúng tôi xem một thứ. Cô đến nhập nhóm nhé. Boris”.

Lúc đến nhà bà Yvonne Gress, Mila nhận thấy không phải tất cả mọi người đều đã vào trong: Sarah Rosa đang mặc bộ áo liền quần và mang túi bọc giày bên cạnh chiếc xe thùng. Mila cảm thấy thái độ của Sarah đỡ gây hấn hơn hẳn trong những ngày vừa qua. Cô ta vẫn tự cô lập và đắm mình trong những suy nghĩ riêng. Chắc là do các rắc rối cá nhân.

Rosa ngược mắt lên nhìn cô.

- Mẹ kiếp! Cô chẳng bỏ sót cái gì, hả?

Tôi xin rút lại những gì vừa nghĩ... Mila nhủ thầm.

Cô phớt lờ và định trèo vào trong xe kiểm một bộ đồ bảo hộ. Nhưng Rosa đứng ngay bậc cửa chặn đường.

- Ê, tôi đang nói với cô đấy!

- Chị thích dạy đời người khác nhi?

Mặt cô chỉ cách mặt Rosa có vài phân. Mila có thể ngửi thấy mùi thuốc lá, kẹo cao su và cà phê. Cô chỉ muốn phớt lờ hoặc nói chuyện thẳng thắn với Rosa, nhưng nhớ đến điều Goran đã nói về vụ ly thân của Rosa và chứng rối loạn ăn uống của con gái cô ta, Mila quyết định chọn một giải pháp khác.

- Sao chị ghét tôi đến thế, hả Rosa? Tôi chỉ làm việc của mình thôi mà.

- Nếu thế thì lẽ ra cô đã phải tìm thấy nạn nhân số sáu rồi chứ?

- Tôi sẽ tìm ra.

- Cô biết không, tôi không nghĩ là cô sẽ tồn tại lâu trong cái đội này đâu. Hiện giờ cô tưởng đã chinh phục được họ, nhưng sớm muộn rồi họ cũng sẽ hiểu chúng tôi có thể xoay xử tốt mà không có cô.

Rosa sấn tới, nhưng Mila không lùi bước.

- Nếu chị ghét tôi đến vậy, thì tại sao sau vụ cô nhi viện, khi Roche muốn đuổi cổ tôi, chị lại bỏ phiếu giữ tôi lại?

Rosa quay về phía Mila, ánh mắt lộ vẻ thích chí.

- Ai nói với cô vậy?

- Giáo sư Gavila.

Rosa bật cười, lắc đầu.

- Đây, cô em thân mến ạ, chính vì những trò như thế này mà cô sẽ không tồn tại lâu được. Bởi vì nếu như Gavila tiết lộ cho cô chuyện bỏ phiếu, thì khi cô kể cho tôi nghe, cô đã phản lại ông ấy... Mà này, ông ấy đã cho cô vào tròng đấy... Vì tôi đã bỏ phiếu chống lại cô mà.

Nói đoạn Rosa bỏ mặc Mila đứng như trời trồng và đường hoàng tiến về phía ngôi nhà. Mila nhìn theo, hoang mang vì những gì cô ta vừa nói. Sau đó cô chui vào trong xe thùng để mặc đồ bảo hộ.

Krepp đã bảo đảm đó sẽ là “nhà nguyện Sixtine” của mình. Sự so sánh ông đã dành cho căn phòng trên gác trong ngôi nhà của bà Yvonne Gress hóa ra không sai chút nào.

Vào thời kỳ hiện đại, kiệt tác của Michelangelo đã được phục chế toàn bộ, trả lại cho các bức tranh sự lộng lẫy nguyên thủy, giải phóng chúng khỏi lớp dày bụi khói và keo động vật tích tụ qua nhiều thế kỷ sử dụng nến và lò than. Các chuyên gia đã bắt đầu công việc với một khu vực rất nhỏ, không nhỉnh hơn một con tem bưu chính, để tìm hiểu xem thứ gì nằm bên dưới. Đó là một bất ngờ lớn: dưới lớp bồ hóng dày là những màu sắc đẹp tuyệt vời mà họ không thể tưởng tượng ra trước đó.

Cũng như thế, Krepp đã bắt đầu với một giọt máu đơn giản mà Mila đã phát hiện ra nhờ con chó và tìm ra kiệt tác của mình.

- Trong thùng rác không có vật chất hữu cơ nào. - Krepp nói. - Nhưng ống cống đã bị ăn mòn và có dấu vết của acid chlorhydric. Chúng tôi phỏng đoán là Feldher đã dùng nó để tiêu hủy các phần thi thể, để có thể phi tang chúng dễ hơn. Acid vốn rất hiệu quả trong việc hủy xương.

Khi lên đến nơi, Mila chỉ nghe được phần sau của câu nói. Krepp đang ở giữa hành lang, đứng trước mặt ông là Goran, Boris và Stern. Sau lưng họ, Rosa đang dựa lưng vào tường.

- Như vậy mạnh mẽ duy nhất chúng ta có thể ghép tội cường sát cho Feldher là vết máu nhỏ đó.

- Anh đã phân tích nó chưa?

- Chắc hẳn định chín mươi phần trăm nó là của cậu con trai.

Goran quay lại nhìn Mila, rồi nói với Krepp:

- Tốt rồi, tất cả mọi người đã có mặt. Chúng ta có thể bắt đầu...

Họ đang đợi cô. Lẽ ra cô phải thấy hãnh diện, nhưng cô không sao tiêu hóa được câu nói của Sarah Rosa. Biết tin ai bây giờ? Người phụ nữ rồ dại đã xử tệ với cô ngay từ đầu, hay Goran? Trong lúc đó, Krepp cảnh báo mọi người trước khi đưa họ vào trong căn phòng:

- Chúng ta chỉ có thể ở trong đó tối đa mười lăm phút, do vậy nếu như mọi người có thắc mắc gì thì hỏi luôn đi.

Không ai lên tiếng.

- Được rồi, ta vào thôi.

Căn phòng bị cô lập bởi hai cánh cửa kính cách nhau một khoảng hẹp, chỉ cho phép một người bước qua. Nó dùng để bảo toàn vi khí hậu. Trước khi vào trong, một người trong đội của Krepp đo thân nhiệt của từng người bằng chiếc nhiệt kế hồng ngoại nom giống như cái người ta vẫn dùng cho các em bé. Sau đó anh ta nhập dữ liệu vào một máy tính nối với các thiết bị tạo ẩm đặt trong phòng để chúng có thể điều chỉnh sao cho nhiệt độ trong phòng vẫn được duy trì ổn định.

Nguyên nhân của việc làm này được Krepp đích thân giải thích. Ông là người bước vào phòng sau cùng.

- Vấn đề chính nằm ở chỗ lớp sơn được Feldher sử dụng để sơn lên các vách tường. Chúng ta không thể xóa bỏ chúng bằng các dung môi thông thường nếu không muốn xóa luôn những thứ nằm bên dưới.

- Vậy anh đã làm thế nào? - Goran hỏi.

- Chúng tôi đã phân tích và khám phá ra đó là một loại sơn nước sử dụng chất kết dính có nguồn gốc từ chất béo thực vật. Chỉ cần phun còn tinh chế vào không khí trong phòng và để như thế trong khoảng vài giờ, ta sẽ hòa tan được lượng chất béo đó và làm mỏng đi lớp sơn tường. Nếu có máu bên dưới, luminol sẽ làm chúng xuất hiện...

3-aminophthalhydrazide, được biết đến nhiều hơn dưới cái tên luminol. Đó là thuốc thử có vai trò rất quan trọng trong ngành khoa học hình sự hiện đại. Nó dựa vào tính chất của nhóm hem trong phân tử hemoglobin [5]. Khi luminol phản ứng với thành phần này của máu, nó sẽ tạo ra một ánh sáng huỳnh quang màu xanh dương đặc trưng, chỉ thấy được trong tối. Tuy nhiên, để có hiệu quả, trước tiên thuốc thử phải được kết hợp với một tác nhân oxy hóa, thường là nước oxy già, sau đó phun sương vào trong không khí.

Luminol chỉ có một khuyết điểm duy nhất: thời gian phát huỳnh quang chỉ kéo dài không quá ba mươi giây. Sau đó ta không thể lặp lại phép thử được nữa.

Vì lý do này, một loạt các máy chụp ảnh sử dụng phim có thời gian phơi sáng dài sẽ chụp lại kết quả thử nghiệm trước khi chúng biến mất mãi mãi.

Krepp phân phát mặt nạ có lọc đặc biệt và mắt kính bảo hộ, vì cho dù chưa được chứng minh, người ta vẫn sợ là luminol có thể gây ra ung thư. Sau đó ông quay sang nói với giáo sư Gavila:

- Khi nào ông sẵn sàng...

- Ta bắt đầu thôi.

Sử dụng bộ đàm, Krepp truyền lệnh cho ê kíp của ông ở bên ngoài.

Tất cả các bóng đèn tắt phụt.

Mila cảm thấy sợ hãi trong bóng tối tốt cùng đang vây quanh: cô chỉ có thể cảm nhận được hơi thở của mình lọt qua màng lọc của mặt nạ, nghe như tiếng nấc hấp hối. Nó hòa lẫn với tiếng xì đều đặn trầm trầm của các thiết bị tạo ẩm đang liên tục phun hơi vào trong phòng.

Cô cố giữ bình tĩnh mặc dù nỗi lo lắng đang dâng cao trong lồng ngực và cô chỉ muốn mọi chuyện kết thúc nhanh chóng.

Ngay sau đó, tiếng động thay đổi. Các đầu phun phả vào trong không khí dung dịch hóa chất sẽ làm hiện hình các vết máu trên tường. Tiếng rít nhẹ của chúng đi kèm theo một thứ ánh sáng xanh lơ yếu ớt đang xuất hiện xung quanh mọi người, nom như ánh sáng mặt trời ở sâu dưới biển.

Lúc đầu, Mila tưởng đó chỉ là ảo ảnh, một dạng ảo giác được tạo thành trong đầu khi ta thở quá nhanh. Nhưng khi hiệu ứng lan dần, cô nhận ra mình lại có thể trông thấy các bạn đồng đội, như thể ai đó đã bật đèn, nhưng thay thế thứ ánh sáng lạnh lẽo của đèn halogen bằng tông màu xanh chàm. Cô tự hỏi làm thế nào điều này diễn ra được, và bỗng hiểu ra mọi chuyện.

Trên các vách tường có một lượng máu đủ để làm cho phản ứng của thuốc thử luminol soi sáng cả căn phòng.

Những vết máu nằm tung tóe khắp nơi, nhưng có vẻ như đều phát xuất từ một vị trí trong phòng, như thể ở ngay chính giữa phòng đã từng có một đàn hiến tế hay đại loại thế. Trần phòng giống như một bầu trời sao. Sự ngoạn mục của cảnh tượng chỉ bị hoen ố bởi ý thức của người chứng kiến về thứ đã gây ra nó.

Feldher có lẽ đã dùng cưa điện cắt vụn các thi thể để có thể dễ dàng xả chúng xuống cống.

Mila nhận ra những người khác cũng đang sững sờ giống mình. Họ nhìn quanh như những con rôbốt trong khi các máy ảnh được đặt khắp nơi trong phòng đang liên tục chụp lại cảnh tượng một cách vô hồn. Mười lăm giây đã trôi qua, nhưng thuốc thử luminol vẫn đang tiếp tục làm xuất hiện các vết máu mới, càng lúc càng nhỏ.

Họ nhìn trân trối cảnh tượng kinh hoàng trước mắt.

Boris giơ tay chỉ về một bên phòng để lưu ý mọi người thứ đang dần xuất hiện trên tường.

- Nhìn này... - Anh nói.

Trên một mảng tường, luminol không phát sáng, nó không phát hiện được gì, mảng tường vẫn sạch không. Nó được viền quanh bởi các chấm xanh li ti. Giống như khi người ta phun sơn lên một món đồ đặt cạnh tường rồi lấy nó ra, hình dáng của nó được lưu lại trên đó. Như một tấm phim âm bản.

Đường viền đó giống với một hình người.

Trong khi Feldher miệt mài làm việc với thi thể của bà Yvonne và các con với một thú tính khủng khiếp thì trong một góc phòng, một ai đó đã thân nhiên chứng kiến mọi việc.

Họ đã gọi tên nó.

Con bé chắc chắn như vậy. Nó không mơ. Lần này, tiếng gọi là thứ đã lôi nó ra khỏi giấc ngủ, không phải nỗi sợ, cũng không phải sự nhận thức đột ngột về nơi nó đang nằm từ lúc nào chẳng biết.

Tác dụng làm trì trệ các giác quan của thuốc đã tan biến ngay khi nó nghe thấy tên mình vang dội trong cái bụng của con quái vật. Gân giống như một tiếng vọng đến tìm nó từ nơi chẳng ai biết là đâu, và rốt cuộc đã tìm thấy nó.

“Tôi ở đây!” Nó muốn hét lên nhưng không được, mồm nó khô khốc.

Giờ thì có những tiếng động vang lên. Những âm thanh nó chưa từng nghe. Có phải là tiếng bước chân không? Phải, đó là những tiếng giày nặng nề. Nhiều chiếc giày đi cùng nhau. Có người! Ở đâu? Họ đang ở phía trên con bé, xung quanh con bé. Ở khắp mọi nơi, nhưng xa rất xa. Họ làm gì ở đây? Họ đến tìm nó à? Đúng, đúng rồi. Họ đến đây là vì nó. Nhưng họ không thể nhìn thấy nó, trong cái bụng của con quái vật. Phương cách duy nhất là làm cho họ nghe thấy.

Cứu với, nó cố gắng thốt lên.

Giọng nói của nó nghèn nghẹt, bị ảnh hưởng bởi những ngày ngất ngỏi, bởi giấc ngủ thô bạo và hèn hạ được đưa vào nó một cách lung tung tùy hứng, chỉ để làm cho nó ngoan ngoãn trong khi con quái vật tiêu hóa nó trong cái dạ dày đá này. Còn thế giới bên ngoài kia, họ đã hoàn toàn quên nó.

Nhưng nếu họ đang ở đây, thì tức là họ chưa quên mình!

Suy nghĩ ấy đã thổi vào nó một sức mạnh mà nó tưởng không có được. Một kho dự trữ nằm bên trong cơ thể nó, tại một nơi rất sâu kín, chỉ được sử dụng trong những trường hợp cấp bách. Nó nghĩ ngợi một lúc.

Làm thế nào báo cho họ biết về sự hiện diện của mình đây?

Cánh tay trái của con bé vẫn đang bị băng kín mít. Đôi chân nó nặng trĩu. Khả năng cử động duy nhất là cánh tay phải của nó, thứ duy nhất giữ nó ở lại với cuộc đời. Cái điều khiển từ xa vẫn đang được gắn vào lòng bàn tay nó dùng để bật một đoạn phim hoạt hình từ giờ chỉ khiến nó điên tiết. Nó nhấc tay lên, hướng vào màn hình. Âm lượng đang ở mức bình thường, nhưng nó có thể tăng lên. Nó cố thử, nhưng không tìm ra được phím đúng. Có lẽ là do chúng chỉ điều khiển một chức năng duy nhất chẳng? Trong lúc đó, trên đầu nó vẫn tiếp tục vang lên tiếng ồn. Nó nghe thấy một giọng phụ nữ. Nhưng còn có một người đàn ông đi cùng. Thậm chí là hai.

Mình cần phải gọi họ! Phải khiến họ nhận ra sự tồn tại của mình, nếu không mình sẽ chết!

Đó là lần đầu tiên con bé nghĩ đến khả năng bị chết. Cho đến lúc ấy, nó vẫn tránh nghĩ tới điều đó. Có lẽ là do mê tín. Cũng có thể là vì một cô bé gái không nên nghĩ tới cái chết. Nhưng vào lúc này, nó nhận ra nếu không ai đến cứu thì định mệnh của nó sẽ là cái chết.

Điều vô lý nhất là kẻ sẽ kết liễu nó cũng chính là người hiện đang chăm sóc nó. Người đó đã băng bó cánh tay nó, cho nó

dùng thuốc qua đường tiêm truyền. Người đó lo cho nó một cách chu đáo. Tại sao hẳn ta làm thế, nếu đằng nào cũng sẽ giết nó? Câu hỏi không khiến nó yên lòng chút nào. Chỉ có một lý do duy nhất: hẳn muốn giữ cho nó còn sống. Và nó sợ là hẳn sẽ còn bắt nó chịu đựng nhiều hơn nữa.

Như vậy đây có thể là cơ hội duy nhất để nó thoát khỏi nơi này, quay về nhà và gặp lại người thân. Bố, mẹ, ông, cả con Houdini nữa. Nó sẽ chăm sóc con mèo đáng nguyên rủa ấy nếu như con ác mộng này chấm dứt.

Con bé giơ tay lên và bắt đầu đập cật lực cái điều khiển vào thành giường thép. Tiếng động vang lên nhưc óc, ngay với chính bản thân nó, nhưng lại có tính chất giải thoát. Mạnh hơn, càng lúc càng mạnh hơn. Cho đến khi nó cảm thấy món đồ bằng nhựa bắt đầu nứt vỡ. Nó mặc kệ. Tiếng kim loại vang lên càng lúc càng điên cuồng. Một tiếng thét đau đớn cuối cùng cũng thoát ra khỏi cổ họng con bé.

- Tôi ở đây!

Cái điều khiển từ xa rời ra khỏi lòng bàn tay nó, buộc nó ngừng lại. Nhưng nó nghe thấy thứ gì đó ở trên đầu. Có thể tốt, hoặc không tốt. Im lặng. Có lẽ họ đã nghe thấy gì đó và đang căng tai lên để nghe ngóng cho rõ hơn. Phải rồi, họ không thể nào đã đi mất được! Thế là nó đập tiếp, mặc dù cánh tay phải của nó đau

nhói. Mặc cho con đau chạy qua vai sang phía bên trái. Cho dù nếu chuyện này chỉ làm tăng thêm sự tuyệt vọng của nó cũng mặc. Bởi lẽ, nếu không ai nghe thấy nó thì sau này mọi thứ sẽ càng tệ hơn, nó biết như thế. Ai đó sẽ trả đũa nó. Và bắt nó trả giá.

Những giọt nước mắt lạnh lã trên má con bé. Nhưng tiếng động đã lại tiếp tục, nó tiếp tục huy động sự can đảm của mình.

Một cái bóng tách ra từ bức tường đá và tiến lại chỗ con bé.

Nó nhìn thấy cái bóng nhưng vẫn không dừng lại. Khi cái bóng đã đến đủ gần, nó nhận thấy đôi bàn tay dịu dàng, chiếc váy ngắn màu xanh, mái tóc màu nâu dẻ mềm mại buông trên hai vai.

Cái bóng nói với nó bằng chất giọng của một cô bé:

- Thôi, đủ rồi đấy. Họ sẽ nghe thấy chúng ta.

Rồi cô bé đặt một bàn tay lên bàn tay của nó. Sự đụng chạm đó đủ để dừng nó lại.

- Xin cậu đấy. - Cô bé nói thêm.

Lời khản khoản của cô bé nghe buồn rầu đến nỗi nó bị thuyết phục và không gây ồn ào nữa. Nó không biết tại sao cô bé này lại thích một thứ nhảm nhí như việc ở lại đây. Nhưng nó nghe lời cô bé ngay lập tức. Nó không biết liệu nó phải khóc lóc vì cố gắng bắt thành này hay phải vui mừng vì khám phá ra mình không cô độc. Nó cực kỳ biết ơn vì sự hiện diện đầu tiên của con người mà nó biết đến là một cô bé gái giống như nó, người mà nó không muốn làm thất vọng. Nó quên hẳn cả chuyện nó muốn ra khỏi chỗ này.

Ở trên đầu nó, tiếng người nói và tiếng ồn đã ngừng cả lại. Lần này là một sự im lặng tuyệt đối.

Cô bé nhấc tay ra khỏi tay nó.

- Ở lại đi... - Nó van nài.

- Đừng lo, chúng ta sẽ còn gặp nhau...

Cô bé đi xa dần, quay trở vào trong bóng tối. Còn nó, nó để cho cô bé đi. Và nó thì bám víu vào lời hứa nhỏ nhoi vô nghĩa ấy để tiếp tục hy vọng.

- Cái ghế bành của Alexander Bermann!

Tại phòng suy tưởng, cả nhóm đang tập trung vào câu nói của Gavila. Họ nhớ lại khu ngoại ô nơi tên ấu dâm đặt hang ổ, cùng với chiếc máy tính mà hắn đã sử dụng để săn mồi trên mạng.

- Krepp đã không tìm thấy bất kỳ dấu vân tay nào trên cái ghế bành bọc da ở dưới tầng hầm đó!

Goran đột ngột nhận ra đó là một manh mối.

- Trên tất cả những thứ khác có hàng trăm dấu tay, nhưng

trên cái ghế thì không! Tại sao? Bởi vì ai đó đã cất công xóa sạch chúng!

Nhà tội phạm học tiến về phía bức tường đang găm các báo cáo, các bức ảnh và những kết luận về vụ việc ở cô nhi viện. Ông gỡ một tờ xuống và đọc. Đó là biên bản ghi lại đoạn băng thu âm lời thú tội của Ronald Dermis lúc còn là một cậu bé với cha Rolf, vốn được tìm thấy trong máy ghi âm chôn theo quan tài của Billy Moore.

- “Con biết chuyện đã xảy ra với Billy phải không, Ron?”
“Chúa đã mang cậu ấy đi”. “Không phải Chúa, Ron. Con biết là ai không?” “Bạn ấy ngã. Bạn ấy bị ngã từ trên tháp xuống”. “Nhưng lúc đó con ở cùng với Billy”. “... Dạ”. Sau đó cha Rolf trấn an thằng bé: “Không ai trừng phạt con nếu con nói ra sự thật. Ta hứa”. Rồi ta nghe thấy Ronald đáp: “Có người đã bảo con làm chuyện đó”. Mọi người có hiểu không? “Người đó”.

Goran quan sát những gương mặt đang bối rối nhìn mình.

- Rồi ta nghe thấy cha Rolf hỏi: “Người đó là ai? Billy à? Billy đã bảo con đẩy cậu ấy sao?” “Dạ không”, Ronald đã đáp như thế. “Vậy là một đứa khác?” và Ronald lại đáp: “Dạ không”. “Vậy thì ai? Coi nào, trả lời ta đi. Người mà con nói không tồn tại, phải không? Đó chỉ là sự tưởng tượng của con...” Ronald có vẻ đoạn chắc khi phủ nhận một lần nữa, nhưng cha Rolf đập luôn: “Ồ đây

không có ai, ngoài con và các bạn học”. Rồi cuộc Ronald trả lời: “Người đó chỉ đến gặp một mình con”.

Dần dần, mọi người hiểu ra vấn đề.

Giáo sư Goran mừng rỡ như một đứa trẻ. Ông chạy đến bên những tờ giấy gắn trên tường và gỡ xuống bản sao bức thư của Ronald viết khi đã là người lớn để gửi cho đội điều tra.

- Câu này đã đập vào mắt tôi: “*thế rồi NGƯỜI xuất hiện. NGƯỜI hiểu tôi. NGƯỜI dạy tôi*”.

Ông giơ bức thư lên, chỉ cho mọi người thấy câu vừa đọc.

- Mọi người thấy không? Chữ “người” đã được cố tình viết hoa... Tôi đã nghĩ đến điều này, nhưng đã rút ra một kết luận sai lầm. Tôi đã tin đây là một ví dụ rõ ràng của dạng phân ly nhân cách, trong đó cái tôi tiêu cực luôn biệt lập với cái tôi đại diện. Và trở thành “người đó”... “Đó là TÔI. Nhưng NGƯỜI đã bảo tôi làm điều đó. Do lỗi của NGƯỜI mà TÔI mới thành ra như thế này”. Tôi đã nhầm! Tôi đã mắc cùng một lỗi với cha Rolf ba mươi năm về trước. Trong lúc thú tội, khi Ronald dùng chữ “Người”, cha Rolf đã tưởng là thằng bé muốn nói tới chính mình, và nó đang tìm cách đổ thừa tội của mình. Ở trẻ con thì đó là một việc khá điển hình. Nhưng Ronald mà chúng ta biết đã không còn là một đứa trẻ nữa...

Mila thấy năng lượng trong ánh mắt của Goran đang giảm đi. Điều này thường xảy ra mỗi khi ông mắc một sai lầm trong đánh giá.

- “Người” mà Ronald muốn nói tới ở đây không phải là một phóng chiếu từ nội tâm của hắn, một bản ngã thứ hai luôn chịu trách nhiệm cho những hành động của hắn! Không phải, cũng chính “Người” đó là kẻ đã ngồi trong chiếc ghế bành của Alexander Bermann mỗi khi hắn lên Internet tìm trẻ con! Feldher đã để lại vô vàn dấu vết trong nhà bà Yvonne Gress, nhưng lại lo lắng sơn lại căn phòng nơi diễn ra vụ thảm sát, bởi vì thứ ở trên tường là cái duy nhất hắn buộc phải che giấu... hoặc nhấn mạnh: hình ảnh được ghi lại bằng máu của người chứng kiến! Như vậy, “người” ở đây là Albert.

- Tôi rất tiếc, nhưng chuyện này không hợp lý. - Sarah Rosa lên tiếng với một sự bình tĩnh và quả quyết đầy bất ngờ. - Chúng ta đã xem tất cả những đoạn băng trong hệ thống máy quay an ninh của Capo Alto, và ngoài Feldher, không còn ai khác vào trong căn nhà đó.

Goran quay sang phía Sarah, chỉ một ngón tay vào cô:

- Chính xác! Bởi vì mỗi lần làm như thế, gã đều vô hiệu hóa chúng bằng cách gây quá tải. Nếu cô nghĩ đến điều này, cô cũng có thể thu được cùng một kết quả trên tường với một hình nhân

bằng bìa, hoặc một con ma nơ canh. Vậy thì, chuyện này cho chúng ta biết điều gì?

- Gã rất giỏi trong việc tung hỏa mù. - Mila nói.

- Rất chính xác! Ngay từ đầu, con người này đã thách chúng ta hiểu được những thủ đoạn của gã. Lấy ví dụ như vụ bắt cóc Sabine trên vòng quay ngựa gỗ... Thần sầu! Mấy chục con người, mấy chục cặp mắt trong hội chợ hôm ấy, nhưng tuyệt không một ai nhìn thấy gì!

Xem về Goran thực sự hứng thú trước sự tinh ranh của kẻ mà ông đang phải đối đầu. Không phải vì ông không thấy thương các nạn nhân. Đó không phải là minh chứng cho sự thiếu nhân đạo của ông. Albert là đối tượng nghiên cứu của ông. Thấu hiểu những ẩn khúc trong đầu gã là một thử thách đầy hấp dẫn.

- Tuy vậy, cá nhân tôi tin rằng, Albert đã thực sự có mặt trong căn phòng nơi Feldher sát hại các nạn nhân của hắn. Tôi loại trừ khả năng dùng hình nhân, hoặc thứ gì đó tương tự. Các bạn biết tại sao không? - Ông nói, thoáng thích thú trước nét mặt băn khoăn của các thành viên trong đội điều tra. - Trong cách sắp đặt của các vết máu trên tường quanh hình người, Krepp đã nhận thấy thứ mà anh ta gọi là “các biến đổi đều đặn”. Điều này đồng nghĩa rằng, dù cho vật nằm giữa nguồn bắn máu và bức tường là gì, nó cũng không hề bất động, mà có di chuyển!

Sarah Rosa há hốc mồm. Không còn gì để nói nữa.

- Ta hãy suy nghĩ một chút. - Stern đề nghị. - Nếu Albert đã biết Ronald Dermis khi hắn còn là một đứa trẻ, thì hồi đó gã có thể ở độ tuổi nào? Hai mươi? Ba mươi? Như vậy, bây giờ gã đã năm mươi hoặc sáu mươi tuổi.

- Chính xác. - Boris nói. - Và theo như kích thước của hình người trên tường, tôi có thể nói gã cao khoảng một mét bảy mươi.

- Một mét sáu chín. - Rosa chỉnh lại. Cô đã kiểm tra thông tin này.

- Chúng ta đã có mô tả một phần của kẻ mà chúng ta tìm kiếm, đó là một bước tiến.

Goran lại lên tiếng:

- Bermann, Ronald, Feldher giống như những con sói. Và lũ sói thường đi săn theo bầy đàn. Mỗi đàn có một con thủ lĩnh. Đây là điều mà Albert muốn nói với chúng ta: gã chính là con sói đầu đàn. Mỗi tên đã gặp gã ở một thời điểm trong đời, gặp riêng, hoặc cùng nhau. Ronald và Feldher thì biết nhau, cả hai trưởng thành trong cùng cô nhi viện. Nhưng ta có thể phỏng đoán chúng không biết ai là Alexander Bermann... Yếu tố chung duy nhất là gã,

Albert. Đó là lý do tại sao gã để lại dấu ấn của mình tại mọi hiện trường án mạng.

- Vậy điều gì sẽ xảy ra đây? - Sarah Rosa hỏi.

- Các bạn có thể tự mình nghĩ ra... Hai. Vẫn còn thiếu hai thi thể bé gái, và do đó, ta còn thiếu hai bộ phận của đàn sói.

- Còn cả bé gái số sáu nữa. - Mila nhắc.

- Phải... Nhưng cô bé đó thì Albert sẽ giữ cho riêng mình.

Từ nửa giờ trước, cô đứng trên vỉa hè phía trước, không đủ dũng khí để bấm chuông. Cô cố tìm những từ ngữ thích hợp để biện minh cho sự xuất hiện của mình. Cô lạ lẫm với mối quan hệ giữa các cá nhân đến độ những tiếp cận đơn giản nhất cũng trở nên không khả thi. Cô thấy lạnh, nhưng vẫn không thể tự quyết định được.

Đến chiếc xe màu xanh kế tiếp, mình sẽ đi, mình hứa đấy.

Đã quá chín giờ, xe cộ gần như không còn lưu thông. Các ô cửa sổ của căn hộ giáo sư Goran trên tầng ba đang sáng đèn. Con

đường ướt sũng vì tuyết tan là một bản hòa âm của những tiếng nhỏ giọt tong tong, tiếng máng xối kêu óc ách và tiếng cống nước ùng ục.

Thôi được, mình đi.

Mila ra khỏi bóng tối cho đến lúc ấy vẫn bảo vệ cô khỏi những cái nhìn của những người hàng xóm tọc mạch, để bước nhanh đến cửa ra vào. Tòa nhà cổ kính với những khuôn cửa sổ to lớn, gờ tường rộng và mái nhà đầy ống khói chắc hẳn từng là một công xưởng vào thời giữa thế kỷ XX. Trong khu này có rất nhiều tòa nhà như vậy. Cả khu phố có lẽ đã được cải tạo lại nhờ một kiến trúc sư nào đó, người đã biến các công xưởng thành nhà ở.

Cô ấn điện thoại nội bộ và chờ.

Cô đợi gần một phút thì nghe thấy giọng nói của Goran vang lên khọt khẹt.

- Ai đó?

- Mila ạ. Em xin lỗi, nhưng em cần nói chuyện với ông mà lại không muốn nói qua điện thoại. Lúc này, ở trong studio, ông quá bận, nên em đã nghĩ là...

- Em lên đi. Tầng ba.

Một tiếng tạch vang lên và cánh cửa mở ra.

Thang chuyển hàng được sử dụng làm thang máy. Để làm nó chạy, cần phải dùng tay đóng hai cánh cửa trượt và kéo một cái cần. Mila được nâng lên từ từ đến tầng ba. Trên chiếu nghi, cánh cửa duy nhất đang hé mở sẵn chờ cô.

- Mời vào. - Giọng nói của Goran vọng ra từ bên trong căn hộ.

Mila đi theo tiếng nói vào trong một căn phòng rộng rãi, ăn thông với nhiều phòng khác. Sàn nhà lát gỗ thô. Những hệ thống sưởi bằng gang bọc quanh các cột trụ. Một lò sưởi lớn đang cháy lép lép làm cho không gian có màu hổ phách. Mila khép cửa căn hộ sau lưng, tự hỏi Goran đang ở đâu. Cô nhìn thấy ông qua cửa bếp.

- Chờ chút, tôi ra ngay.

- Ông cứ từ từ.

Mila nhìn xung quanh. Căn hộ rất ngăn nắp, tương phản với bề ngoài luộm thuộm thường thấy của nhà tội phạm học. Trong nhà không có một hạt bụi, mọi thứ dường như nói lên sự ân cần mà ông đã bỏ ra để mang lại một chút hòa hợp cho cuộc sống của con trai mình.

Một lát sau, nhà tội phạm học xuất hiện với một cốc nước trong tay.

- Em xin lỗi, em đến đường đột quá.

- Không có gì, tôi luôn ngủ muộn. Tôi đang cho Tommy ngủ. - Ông nói và chỉ vào cốc nước đang cầm. - Việc này không mất nhiều thời gian đâu. Em ngồi đi. Hay em tự làm cho mình chút gì uống nhé. Quầy bar phía đằng kia.

Mila gạt đầu và nhìn ông tiến đến một trong các phòng ngủ. Để đỡ ngượng ngập, cô đi làm một cốc vodka đá. Đứng cạnh lò sưởi, cô nhìn cánh cửa phòng ngủ con trai ông mở hé, và thấy Goran đang ngồi trên giường thẳng bé, vừa trò chuyện vừa vuốt ve nó. Trong căn phòng mờ tối chỉ được chiếu sáng bằng một ngọn đèn ngủ hình chú hề, Tommy chỉ là một hình hài nhỏ bé dưới lớp chăn được tạo nên bởi những cái vuốt ve của bố.

Trong tình huống này, Goran trông rất khác biệt.

Cô chợt nhớ lần đầu tiên đến văn phòng của bố hồi còn nhỏ. Ở đó, người đàn ông mặc com lê thắt cà vạt mà cô thấy rời khỏi nhà mỗi sáng trở thành một con người cứng rắn và nghiêm nghị, khác hẳn ông bố dịu dàng của cô. Mila còn nhớ cô đã rất sốc.

Còn đối với Goran thì ngược lại. Trông thấy ông trong vai

trò làm bố khiến cô cảm nhận được một tình cảm triu mến lớn lao.

Sự lưỡng phân đó rất xa lạ đối với Mila. Cô chỉ có một phiên bản duy nhất. Không hề có một sự đứt quãng nào trong cuộc đời của cô. Cô chưa bao giờ thôi là một nữ cảnh sát đi tìm kiếm những người mất tích. Cô tìm họ suốt: trong thời gian rảnh rỗi, khi cô được nghỉ phép, lúc đi mua sắm. Việc dò xét những gương mặt không quen đã trở thành một thói quen của cô.

Các trẻ em vị thành niên mất tích cũng có một câu chuyện như những người khác. Nhưng đến một lúc nào đó, câu chuyện ấy bị gián đoạn. Mila dò theo những bước chân nhỏ bé mất hút vào trong tăm tối của chúng. Cô sẽ không bao giờ quên những khuôn mặt đó. Nhiều năm trời có thể trôi qua, nhưng cô sẽ vẫn có khả năng nhận các em.

Bởi vì những đứa trẻ đang ở chung quanh ta, cô nghĩ. Đôi khi, chỉ cần tìm chúng nơi những người lớn mà chúng đã trở thành.

Goran đang kể một câu chuyện cho con trai. Mila không muốn cái nhìn của mình làm hỏng cảnh tượng rất đổi riêng tư đó. Nó không phải là trò diễn để cô xem. Cô quay đi, nhưng mắt lại bắt gặp nụ cười của Tommy trên một tấm ảnh. Nếu như cô từng gặp thằng bé, chắc nó đã khiến cô thấy khó xử và cô sẽ đến muộn hơn trong hy vọng nó đã ngủ say. Tommy là một phần cuộc sống của

Goran mà cô chưa được biết.

Một lát sau, nhà tội phạm học đến chỗ Mila, mim cười tuyên bố:

- Nó ngu rồi.

- Em không muốn làm phiền ông. Nhưng chuyện này quan trọng lắm.

- Em đã xin lỗi rồi mà. Nào, em hãy nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra...

Ông ngồi xuống một chiếc trường kỷ rồi bảo cô ngồi cạnh mình. Ngọn lửa lò sưởi tạo nên những hình bóng nhảy múa trên tường.

- Chuyện đó lại diễn ra: người ta theo dõi em.

Nhà tội phạm học nhíu mày.

- Em chắc chứ?

- Lần trước thì không, lần này thì có.

Cô thuật lại sự việc cho ông nghe không sót chi tiết nào.

Chiếc xe tắt đèn, ánh trăng phản chiếu trên nóc xe, việc kẻ bám đuôi cố quay đầu bỏ đi sau khi bị phát hiện.

- Tại sao ai đó lại có lý do để theo dõi em?

Ông đã đặt câu hỏi đó với cô lúc ở nhà hàng, khi cô kể lại cảm giác bị theo dõi ở nhà nghỉ. Lần này câu hỏi được ông dành cho chính mình thì đúng hơn.

- Tôi không tài nào tìm được một lý do xác đáng. - Ông kết luận sau một thoáng suy nghĩ.

- Em nghĩ hoàn toàn không cần thiết phải cắt cử một người bảo vệ em để bắt quả tang kẻ theo dõi.

- Giờ thì chắc hẳn biết em đã để ý hẳn, nên hẳn sẽ không làm chuyện đó nữa đâu.

Mila gật đầu.

- Nhưng em đến đây không phải chỉ vì chuyện đó.

Goran lại nhìn vào Mila:

- Em đã phát hiện được chuyện gì à?

- Đúng hơn thì em đã hiểu ra một chuyện. Một trong những trò ảo thuật của Albert.

- Cái nào?

- Cách gã đã làm để bắt cóc cô bé gái trên vòng quay ngựa gỗ mà không ai hay biết.

Đôi mắt Goran sáng lên:

- Nói tiếp đi, tôi đang muốn nghe đây ...

- Chúng ta luôn cho rằng Albert là kẻ bắt cóc. Tức là một người đàn ông. Nhưng nếu như ngược lại, đó là một phụ nữ?

- Tại sao em nghĩ như thế?

- Thật ra, chính mẹ Sabine đã khiến em tin vào giả thiết này. Dù em không hỏi, bà ta đã nói rằng nếu như có một người đàn ông lạ mặt trên vòng quay ngựa gỗ, tức không phải một ông bố, thì bà ta đã nhận ra ngay. Bà ta cũng nói thêm là một người mẹ luôn có giác quan thứ sáu trước những chuyện như thế. Em tin bà ta.

- Tại sao?

- Bởi vì cảnh sát đã xem hàng trăm bức ảnh được chụp tới

hôm đó từ những tay máy nghiệp dư, nhưng không ai thấy một người đàn ông nào tình nghi. Từ đó chúng ta đã suy ra rằng gã Albert có một diện mạo rất tầm thường... Còn em thì cho rằng một phụ nữ có thể dễ dàng hơn trong việc bắt cóc cô bé.

- Vậy là theo em, gã có một kẻ đồng lõa... - Ông có vẻ thích giả thiết của Mila. - Nhưng chúng ta không có bất kỳ manh mối nào để chứng minh điều đó.

- Em biết. Đó là vấn đề lớn.

Goran đứng dậy và bắt đầu rảo bước trong phòng. Ông vuốt râu suy nghĩ.

- Đây không phải là lần đầu. Điều này từng xảy ra trong quá khứ. Chẳng hạn như vụ Fred và Rosemary West ở Gloucester.

Nhà tội phạm học kể nhanh vụ một cặp đôi sát thủ hàng loạt. Đối tượng nam là thợ nề, đối tượng nữ nội trợ. Mười đứa con. Cùng nhau, chúng đã dụ dỗ và giết hại các bé gái vô tội, sau khi ép các nạn nhân tham gia vào các trò tình dục bệnh hoạn. Chúng đã chôn xác các cô bé trong sân sau ngôi nhà số 25 phố Cromwell, Gloucester. Người ta thậm chí đã tìm thấy xác đứa con gái ruột mười sáu tuổi của cặp tội phạm, con bé có thể đã táo gan chống đối chúng. Hai nạn nhân khác đã được tìm thấy ở những nơi có thể liên hệ tới Fred. Mười hai thi thể cả thấy. Nhưng cảnh sát đã phải

ngừng đào bới vì sợ cả ngôi nhà nhỏ sẽ sụp đổ.

Theo ví dụ đó, Gavila cho rằng giả thiết của Mila về kẻ đồng lõa của Albert không phải là không có cơ sở.

- Biết đâu người phụ nữ đó đang chăm sóc cho nạn nhân số sáu.

Goran có vẻ rất thích thú, nhưng ông không muốn để sự nhiệt tình cuốn mình đi.

- Em đừng hiểu nhầm tôi nhé. Linh cảm của em rất tuyệt vời, nhưng ta cần phải kiểm chứng cái đã.

- Ông sẽ nói với những người khác chứ?

- Tôi sẽ suy nghĩ. Trong lúc đó, tôi sẽ yêu cầu một người trong nhóm chúng ta xem lại các bức ảnh và đoạn phim được thực hiện tại hội chợ.

- Em có thể phụ trách việc này.

- Đồng ý.

- Còn một việc nữa... Là em tò mò thôi. Em đã thử tự mình tìm câu trả lời nhưng không được.

- Chuyện gì thế?

- Trong quá trình phân hủy, mắt của tử thi có chịu một sự biến đổi, phải không ạ?

- Thường thì mống mắt nhạt đi dần dần...

Goran nhìn Mila đăm đăm. Ông không hiểu cô muốn đi đến đâu.

- Tại sao em lại hỏi chuyện này?

Mila rút từ trong túi ra bức ảnh của Sabine mà mẹ cô bé đã đưa cho cô vào cuối chuyến thăm viếng của cô. Tấm ảnh mà cô đã đặt trên ghế ngồi bên cạnh mình trong suốt chặng lái xe về. Tấm ảnh mà cô đã nhìn rất kỹ sau màn đui bắt nghẹt thở, và đã gieo mối nghi ngờ vào lòng cô.

Có điều gì đó không ổn.

Goran cầm lấy tấm ảnh quan sát.

- Thi thể bé gái tìm thấy trong nhà Kobashi có đôi mắt màu xanh. - Mila nhắc ông. - Còn mắt của Sabine lại có màu nâu.

Ngồi trong taxi, Goran không nói một lời suốt chuyến đi. Sau khi cho ông biết khám phá của mình, Mila đã thấy tâm trạng của ông đột ngột thay đổi. Và ông đã nói một điều khiến cô chấn động.

- Có những người ta tưởng đã hiểu cặn kẽ, nhưng thật ra chẳng biết gì về bọn họ... Ông ta đã biến chúng ta thành lũ ngốc.

Lúc đầu, cô tưởng ông muốn nói tới Albert, nhưng không phải.

Ông đã nhanh chóng gọi điện cho các thành viên trong đội điều tra và bà vú nuôi của Tommy. Sau đó, ông nói với cô một câu ngắn gọn:

- Ta đi thôi.

- Còn con trai ông?

- Bà Runa sẽ có mặt sau hai mươi phút nữa, dù sao thì thằng bé cũng đã ngủ.

Họ đã gọi một chiếc taxi.

Trụ sở cảnh sát liên bang vẫn còn sáng đèn vào thời điểm

khuya khoắt ấy. Trong tòa nhà, các cảnh sát viên đang nhộn nhịp thay ca. Gần như tất cả đều đang bận rộn với vụ án. Từ nhiều ngày nay, họ đã tiến hành khám xét nhà các nghi phạm hoặc những địa điểm được mách nước qua điện thoại bởi những người dân nhiệt tình muốn giúp đỡ cuộc tìm kiếm bé gái số sáu.

Sau khi thanh toán tiền taxi, Goran tiến đến cửa trụ sở, không buồn đợi Mila đang nhọc nhằn đuổi theo. Tại ban khoa học hành vi, họ thấy Rosa, Boris và Stern đang đứng đợi.

- Có chuyện gì vậy? - Stern hỏi.

- Cần phải làm rõ tình hình. - Goran đáp. - Chúng ta cần phải gặp Roche.

Ông tìm thấy ngài chánh thanh tra giữa cuộc họp của các sếp cảnh sát liên bang. Cuộc họp đã diễn ra nhiều giờ đồng hồ, với chủ đề chính là vụ Albert.

- Chúng ta cần nói chuyện.

Roche đứng lên khỏi ghế:

- Thưa quý vị, tất cả đều đã biết giáo sư Gavila, người đã hợp tác với bộ phận của tôi từ nhiều năm qua...

Goran thì thắm vào tai ông thanh tra:

- Ngay bây giờ.

Nụ cười nhả nhận vụt tắt trên gương mặt của Roche.

- Mong mọi người thứ lỗi, vừa có tin mới nên tôi phải đi.

Trong khi thu xếp giấy tờ, Roche cảm thấy mọi ánh nhìn đang đổ dồn vào mình. Goran lùi về sau đứng đợi ông, trong khi các thành viên khác chờ ngoài cửa phòng.

- Tôi hy vọng chuyện này thực sự quan trọng. - Ngài chánh thanh tra nói sau khi lắng tập hồ sơ lên bàn làm việc của mình.

Goran đợi cho tất cả mọi người vào trong phòng xong xuôi rồi mới khép cửa lại và đối mặt với Roche.

- Xác chết tìm thấy trong phòng khách nhà Kobashi không phải là của nạn nhân số ba.

Giọng điệu đanh thép của ông không cho phép người

khác phủ nhận. Ngài chánh thanh tra ngồi xuống, hai tay chấp lại trên bàn.

- Ông nói tiếp đi.

- Đó không phải là Sabine. Mà là Melissa.

Mila nhớ đến bé gái số bốn. Cô bé nhiều tuổi nhất trong số các nạn nhân, nhưng cơ thể còn chưa dậy thì có lẽ đã gây ra sự nhầm lẫn. *Và cô bé có đôi mắt xanh.*

- Nói tiếp đi, tôi đang nghe đây... - Thanh tra Roche lặp lại.

- Điều này có thể nói lên hai việc. Hoặc là Albert đã thay đổi *phương thức hành động* của gã, bởi vì cho đến lúc này gã vẫn giao cho chúng ta thi thể của các bé gái theo thứ tự bất cóc. Hoặc là Chang đã nhầm lẫn trong khi phân tích ADN.

- Tôi tin cả hai giả thiết đều có thể xảy ra. - Roche tự tin khẳng định.

- Còn tôi thì ngược lại. Tôi tin là giả thiết đầu gàn như không thể xảy ra... Còn về cái thứ hai, tôi thực sự nghĩ ông đã ra lệnh tháo kết quả trước khi đưa nó cho Mila!

Thanh tra Roche tím mặt.

- Nghe này, giáo sư, ông tưởng tôi sẽ ngồi yên cho ông buộc tội đây à?

- Xác của bé gái thứ ba đã được tìm thấy ở đâu?

- Cái gì? - Ngài chánh thanh tra cố làm ra vẻ ngạc nhiên.

- Rõ ràng là ông đã tìm thấy, nếu không thì Albert đã không trưng ra cái xác thứ tư.

- Cái xác nằm ở nhà Kobashi từ hơn một tuần nay! Chúng ta lẽ ra phải tìm thấy nạn nhân số ba trước, như ông nói. Hoặc đơn giản là, chúng ta đã tìm thấy số bốn trước, rồi sau đó Chang đã nhầm lẫn, tôi thì biết gì?

Nhà tội phạm học nhìn thẳng vào mắt thanh tra Roche.

- Chính đó là lý do khiến ông cho chúng tôi xả trại hai mươi bốn giờ sau vụ việc ở cô nhi viện. Để chúng tôi không quẩn chân ông.

- Goran, tôi đã nghe đủ những cáo buộc nực cười đó rồi đấy! Ông không có gì để chứng minh cho những gì ông vừa nói!

- Đây là vì vụ Wilson Pickett, có phải không?

- Những gì xảy ra hồi đó không dính gì với vụ này, tôi cam đoan với ông.

- Không, thực tế là ông không còn tin tôi nữa. Và có lẽ ông đã không hoàn toàn sai... Nhưng nếu ông nghĩ cuộc điều tra này đang tuột khỏi tay tôi, thì tôi muốn ông nói thẳng với tôi và miễn cho tôi các trò chính trị kia. Cứ nói đi, và chúng tôi sẽ lùi lại, nhận lãnh trách nhiệm của mình mà không làm phiền đến ông.

Thanh tra Roche không đáp ngay. Ông ta chấp hai bàn tay dưới cằm và ngả người tới lui trên ghế bành. Sau đó ông ta mở lời:

- Thành thực mà nói, tôi không hiểu...

- Thôi nào, ông nói cho ông ấy đi. - Stern cắt ngang và nhận lấy ánh mắt phóng lửa của thanh tra.

- Anh cứ ở yên chỗ của anh!

Goran quay lại nhìn Stern, rồi Boris và Rosa. Ông nhận ra tất cả mọi người đều đã biết vụ việc ngoại trừ ông và Mila.

Ra đây là lý do Boris tỏ ra lảng tránh khi mình hỏi anh ta

đã làm gì vào ngày xả trại, Mila nghĩ bụng. Cô cũng nhớ giọng điệu có phần đe dọa mà anh chàng đã dùng để nói với thanh tra Roche trước cửa nhà bà Yvonne Gress, khi ông ta từ chối cho anh vào trong nhà trước đội đặc nhiệm. Đó ngầm hiểu là một lời đe dọa tố giác.

- Phải đấy, thanh tra. Ông hãy nói tất cả và chúng ta kết thúc luôn chuyện này. - Sarah Rosa hồi thúc, bênh vực cho Stern.

- Ông không thể gạt bỏ ông ấy, như thế là không công bằng. - Boris nói thêm, hất đầu chỉ nhà tội phạm học.

Cả ba thành viên trong nhóm điều tra đều có vẻ hối lỗi vì đã cho Goran ra rìa, và cảm thấy có tội vì đã tuân theo một mệnh lệnh mà họ cho là bất công.

Thanh tra Roche đợi thêm vài giây nữa, rồi lần lượt nhìn Goran và Mila.

- Thôi được rồi... Nhưng nếu để rò rỉ chuyện này, hai người chết với tôi.

Mặt trời rón rén mọc lên trên những cánh đồng.

Ánh sáng chỉ vừa đủ để làm hiện lên đường nét của nhiều quả đồi tiếp nối nhau như những con sóng đất khổng lồ. Màu xanh ngắt của thảm cỏ lộ ra dưới lớp tuyết nổi trên nền trời xám. Một dải đường nhựa len lỏi qua các thung lũng, vẫy mình theo những chuyển động của quang cảnh.

Tì trán vào kính cửa sau xe hơi, Mila bình tĩnh lạ lùng, có lẽ là do mệt mỏi, hay cũng có thể là do cam chịu. Bất luận chuyện gì được cô khám phá ở cuối chuyến đi ngắn này cũng sẽ không làm cô ngạc nhiên nữa. Roche đã không tiết lộ gì nhiều. Sau khi lệnh cho cô

và Goran giữ bí mật, ông ta đã giam mình trong văn phòng cùng với nhà tội phạm học để nói chuyện tay đôi với nhau.

Cô ở lại ngoài hành lang, trong khi Boris giải thích những lý do khiến ngài chánh thanh tra không tin tưởng họ.

- Ông ấy là dân thường, còn cô... Cô đến đây như một người cố vấn, nên...

Không có gì nhiều để nói thêm. Dù cho bí mật mà Roche muốn giấu kín có là gì thì tình hình vẫn phải nằm trong kiểm soát. Như vậy mấu chốt là phải tránh mọi sự rò rỉ. Biện pháp duy nhất là tiết lộ nó cho những người trực tiếp bị ông ta quản lý và do vậy có thể bị dọa dẫm.

Ngoài chuyện đó ra, Mila không biết gì hơn. Mà cô cũng không đặt câu hỏi nào.

Hai giờ sau, cánh cửa văn phòng của Roche bật mở. Ngài chánh thanh tra lệnh cho Boris, Stern và Rosa đưa giáo sư Gavila đến hiện trường thứ ba. Dù không nhắc đến tên Mila, nhưng ông ta vẫn chấp thuận để cô đi cùng.

Họ đã rời khỏi tòa nhà và đến một nhà để xe cách đó không xa. Mọi người lấy hai chiếc xe hòm bình thường để tránh bị theo dõi bởi đám nhà báo đang túc trực trước trụ sở.

Mila lên một chiếc xe cùng với Stern và Gavila, cố tình không đi chung xe với Sarah Rosa. Sau khi cô ta rắp tâm phá hỏng mối quan hệ của cô với Goran, Mila cảm thấy mình không thể chịu nổi người đàn bà này và sợ rằng sớm muộn gì cô cũng sẽ tính sổ với cô ta.

Họ đã chạy xe được một lúc và Mila đã cố ngủ chút ít. Khi cô thức dậy thì họ sắp sửa đến đích.

Con đường khá vắng vẻ. Mila trông thấy ba chiếc xe hơi sẫm màu đậu bên vệ đường, trên mỗi chiếc xe có hai người ngồi.

Lính canh, cô nghĩ thầm, để ngăn chặn những kẻ tọc mạch nếu có.

Họ đi dọc theo một bờ tường cao bằng gạch đỏ khoảng một cây số nữa và đến một cánh cổng sắt.

Con đường chấm dứt ở đó.

Không có chuông, cũng chẳng có điện thoại nội bộ. Trên một cây cột có một camera an ninh đang chiếu con mắt điện tử của nó vào họ khi hai chiếc xe dừng lại. Một phút sau, cánh cổng tự động mở ra. Con đường tiếp tục rồi biến mất sau một mô đất. Không thể thấy gì phía sau giới hạn đó ngoài một thảm cỏ trải dài.

Mười phút trôi qua trước khi họ trông thấy một tòa nhà cổ kính. Nó xuất hiện trước mắt họ như thể vừa từ dưới đất chui lên. Ngôi nhà rất đồ sộ và có kiến trúc khô khan. Kiểu dáng của nó giống như những tòa dinh thự đầu thế kỷ XX, vốn được xây dựng bởi những tay trùm sắt thép hay dầu mỏ để khoe của.

Mila nhận ra tấm gia huy bằng đá trân ngay mặt tiền. Một chữ R to tướng được khắc trên đó.

Đây là nơi ở của Joseph B. Rockford, ngài chủ tịch của quỹ cùng tên, nguồn gốc của giải thưởng mười triệu cho bất cứ ai tìm ra bé gái số sáu.

Họ vượt qua ngôi nhà và dừng xe gần mấy chuồng ngựa. Để đến được hiện trường thứ ba, nằm ở ranh giới phía tây của khuôn viên rộng nhiều mẫu đất, nhóm điều tra phải sử dụng những chiếc xe hơi chạy điện tương tự như xe cho người chơi golf.

Mila trèo vào chiếc xe do Stern lái. Anh bắt đầu tóm lược cho cô nghe về Joseph B. Rockford, xuất thân và khối tài sản khổng lồ của ông ta.

Gia tộc được hình thành từ một thế kỷ trước cùng với Joseph B. Rockford đệ nhất, người ông nội. Theo như lời kể, ông ta là con trai độc nhất của một thợ cắt tóc nhập cư. Không quan tâm đến cây kéo và con dao cạo, ông ta đã bán cửa tiệm của bố mình để

làm ăn. Trong khi mọi người thời đó đều đầu tư vào ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ non trẻ thì Rockford đệ nhất đã may mắn sử dụng khoản tiền tiết kiệm của mình để lập nên một doanh nghiệp đào giếng. Xuất phát từ ý tưởng cho rằng dầu mỏ thường nằm ở những mảnh đất cằn cỗi, Rockford đi đến kết luận là những kẻ dành cả đời để làm giàu từ lòng đất sẽ nhanh chóng thiếu thốn một khoản thiết yếu: nước. Khai thác từ những chiếc giếng khoan cạnh những mỏ dầu khổng lồ, thứ nước quý giá ấy được bán với giá cao gấp đôi giá dầu.

Joseph B. Rockford đệ nhất trở thành tỉ phú trước khi chết. Ông qua đời trước khi tròn năm mươi tuổi do căn bệnh ung thư dạ dày dạng bộc phát hiếm gặp.

Joseph B. Rockford đệ nhị đã thừa hưởng từ bố mình một di sản khổng lồ. Ông này đã nhân đôi nó bằng cách đầu cơ vào tất cả những gì trong tầm tay: từ cây gai dầu cho đến bất động sản, từ việc nuôi bò cho đến ngành công nghiệp điện. Để tưởng thưởng cho sự giàu lên của mình, ông này đã cưới một cô hoa hậu nhí và cô vợ này đã sinh cho ông ta hai đứa con. Tuy nhiên, ít lâu trước khi vượt qua ngưỡng năm mươi tuổi, ông có những dấu hiệu đầu tiên của bệnh ung thư dạ dày và mất không đầy hai tháng sau đó.

Người con trai cả của ông, Joseph B. Rockford đệ tam, đã nối bước cha mình lên nắm quyền một đế chế khổng lồ ở độ tuổi rất trẻ. Mệnh lệnh đầu tiên và cũng là duy nhất của anh ta là cắt bỏ con

số thứ tự đầy phiền toái khỏi tên mình. Không có bất kỳ tham vọng kinh tế nào, và có thể sẵn sàng vung tay quá trán, Joseph B. Rockford sống một cuộc đời không mục đích.

Quỹ gia tộc trùng tên là ý tưởng của người em gái, Lara. Nó cung cấp thức ăn, mái nhà, sự chăm sóc y tế và giáo dục cho các trẻ em không được may mắn như hai anh em nhà họ. Lara đã hiến luôn một nửa di sản gia đình cho quỹ này. Mặc cho sự hào phóng đó, theo tính toán của các nhà tư vấn, gia đình Rockford vẫn còn có thể sống thoải mái trong ít nhất một thế kỷ nữa.

Lara Rockford đã ba mươi bảy tuổi, năm năm về trước chị ta đã sống sót một cách thần kỳ sau một tai nạn xe hơi. Joseph năm nay bốn mươi chín. Căn bệnh ung thư dạ dày di truyền vốn đã cướp đi sinh mạng của ông nội và bố anh ta vừa mới xuất hiện trên cơ thể anh ta mười một tháng trước.

Từ ba mươi tư ngày nay, Joseph B. Rockford rơi vào hôn mê và ở trong ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết.

Mila chăm chú lắng nghe lời kể của Stern trong khi chiếc xe hơi chạy điện nhấp nhồm trên những mô đất gồ ghề. Họ đang đi trên một lối mòn đã được thành hình một cách tự phát trong vòng hai ngày vừa qua, sau những chuyến đi tới lui của nhiều phương tiện đi lại giống như thứ họ đang sử dụng.

Khoảng nửa tiếng sau, họ đã đến rìa của hiện trường thứ ba. Từ xa, Mila đã trông thấy những bộ áo liền quần màu trắng thường thấy ở mọi hiện trường vụ án. Ngay cả trước khi tận mắt chứng kiến cảnh tượng mà Albert đã bày sẵn cho họ, Mila đã thấy chần động vì hình ảnh trước mắt.

Số lượng của các kỹ thuật viên đang làm việc lên đến hơn một trăm.

Con mưa tí tê rơi không ngừng. Trong lúc tìm đường len qua những công nhân đang xúc nhiều khối đất lớn, Mila cảm thấy nôn nao khó chịu. Khi chỗ xương lần lượt được phát hiện, có người đã phân loại và bỏ chúng vào trong những cái túi nhựa trong có dán nhãn, trước khi xếp vào những chiếc hộp chuyên dụng.

Trong một chiếc hộp, Mila đếm được ít nhất ba chục cái xương đùi. Còn trong một hộp khác, cô nhìn thấy toàn xương chậu.

Stern quay sang nói với Goran:

- Cô bé đã được tìm thấy ở khu này đây...

Anh chỉ một khu vực được căng các tấm ni lông che mưa

gió. Trên mặt đất, đường nét của một thi thể được vẽ lại bằng latex. Cánh tay trái bị thiếu.

Sabine.

- Nạn nhân nằm trên cỏ, trong tình trạng phân hủy nặng. Cô bé đã nằm đó quá lâu, bọn thú hoang đã đánh hơi thấy thi thể.

- Ai đã tìm ra cái xác?

- Một trong những người gác rừng của khu vực này.

- Các anh đã lập tức cho đào bới à?

- Đầu tiên chúng tôi đưa chó nghiệp vụ đến, nhưng chúng không đánh hơi được gì. Sau đó chúng tôi quan sát bằng trực thăng để xem liệu mặt đất có những chỗ gồ ghề bất thường không. Chúng tôi đã nhận thấy là xung quanh chỗ tìm thấy thi thể, hệ thực vật có vẻ khác biệt. Chúng tôi liền đưa các tấm ảnh chụp cho một nhà thực vật học kiểm tra, và ông ta khẳng định sự biến đổi đó có thể là do thứ gì đấy được chôn bên dưới.

Mila từng nghe nói đến điều này: các kỹ thuật tương tự đã được sử dụng ở Bosnia để tìm ra các hố chôn tập thể sau thảm kịch diệt chủng. Các thi thể nằm trong đất gây ra nhiều tác động lên hệ thực vật bên trên, do đất được tiếp nhận nhiều dưỡng chất từ

quá trình phân hủy xác. Goran nhìn quanh.

- Có cả thảy bao nhiêu?

- Ba mươi, bốn mươi, chúng tôi chưa thể khẳng định được...

- Họ đã ở đó được bao lâu?

- Chúng tôi đã tìm được những cái xương rất cũ, những cái khác có vẻ mới hơn.

- Chúng là của ai?

- Đàn ông. Đa phần còn trẻ, tuổi từ mười sáu đến hai mươi hai, hai mươi ba. Phân tích cung hàm đã khẳng định điều đó, trong đa số trường hợp.

- Chuyện này khiến những thứ khác hoàn toàn bị lu mờ. - Nhà tội phạm học nói, ông đang nghĩ đến những hậu quả khi vụ việc được công khai hóa. - Dù vậy Roche không định ém nhẹm vụ này chứ? Với chừng ấy con người ở đây thì...

- Không, ngài chánh thanh tra chỉ tìm cách trì hoãn việc công bố nó, chờ cho mọi thứ được làm sáng tỏ.

- Bởi vì không ai có thể hiểu được tại sao lại có một cái hồ chôn tập thể nằm trong khuôn viên dinh thự nhà Rockford. - Goran nói với một chút giận dữ mà ai cũng thấy được. - Ngược lại, tôi lại nghĩ là ngài chánh thanh tra của chúng ta đang có một ý đồ riêng... đúng không nhỉ?

Stern không biết phải trả lời thế nào. Boris và Mila cũng thế.

- Stern này, tôi tò mò một chút nhé... Người ta đã tìm thấy cái xác trước hay sau khi công bố khoản tiền thưởng?

- Trước đó. - Stern lí nhí thừa nhận.

- Biết ngay mà.

Khi họ quay trở lại chuồng ngựa, Roche đang đợi mọi người cạnh chiếc xe công vụ đã đưa ông đến nơi. Goran bước ra khỏi xe đánh golf và đi đến gặp ông thanh tra, vẻ quả quyết.

- Đây, tôi có còn phải phụ trách vụ này không đây?

- Tất nhiên là có rồi! Chứ ông tưởng tôi dễ dàng đẩy ông đi làm sao?

- Dễ dàng thì không, căn cứ vào việc tôi vừa mới khám

phá được. Nhưng cũng tiện thể thật đấy nhỉ.

- Ông nói vậy là sao? - Viên thanh tra bắt đầu bực mình.

- Nghĩa là tôi đã xác định được danh tính thủ phạm.

- Sao ông có thể chắc chắn đến thế?

- Bởi vì nếu cả anh cũng không nghĩ là Rockford đứng sau tất cả chuyện này, thì anh đã chẳng nhọc sức ém nhèm vụ việc.

Roche nắm lấy một tay nhà tội phạm học.

- Ông nghe này, Goran, ông cứ nghĩ tôi là người duy nhất có quyền quyết định. Nhưng không phải vậy đâu, tin tôi đi. Ông không biết tôi phải chịu áp lực từ bên trên như thế nào đâu.

- Anh đang tìm cách bao che cho ai? Có bao nhiêu người liên đới trong vụ này?

Roche quay lại ra hiệu bảo người tài xế đi chỗ khác. Sau đó, ông nói với toàn êkíp:

- Trước hết, xin nói rõ một lần cho dứt điểm với mọi người... Tôi ngấy đến tận cổ chuyện này rồi. Thậm chí tôi chẳng cần đe dọa để mọi người giữ bí mật, bởi vì nếu mọi người hé răng dù

chỉ một lời, tất cả sẽ sụp đổ ngay tức khắc. Sự nghiệp, chế độ hưu trí. Và tôi cũng chìm luôn cùng mọi người.

- Chúng tôi đã hiểu rồi... Giờ thì, hẳn là ai? - Goran thúc

ép.

- Từ khi chào đời, Joseph B. Rockford chưa bao giờ rời khỏi nơi này.

- Sao có thể thế được? - Boris thắc mắc. - Không bao giờ á?

- Không bao giờ. - Roche xác nhận. - Lúc đầu, có vẻ như đó là ý tưởng ngông cuồng của bà mẹ, cựu nữ hoàng sắc đẹp nhí. Bà ta yêu con một cách bệnh hoạn, ngăn cản nó sống một thời thơ ấu và niên thiếu bình thường.

- Nhưng, khi bà ta qua đời... - Sarah Rosa phản đối.

- Khi bà ta qua đời thì đã quá muộn: cậu ấy không thể xây dựng nổi một mối quan hệ cá nhân nào. Cho đến lúc đó, anh ta được cung phụng bởi đám người phục vụ trong nhà. Thêm vào đó, treo lơ lửng trên đầu anh ta là lời nguyền của gia tộc Rockford, theo đó tất cả những người thừa kế đều phải chết lúc năm mươi tuổi vì ung thư dạ dày.

- Có lẽ mẹ anh ta đã tìm cách cứu con mình khỏi định mệnh đó, một cách vô thức. - Goran phỏng đoán.

- Còn em gái anh ta? - Mila hỏi.

- Một kẻ nổi loạn. - Roche nói. - Nhỏ tuổi hơn anh trai, cô ta đã thoát được xiềng xích của bà mẹ vừa đúng lúc. Sau đó cô ta đã sống một cuộc đời như mình muốn: đi du lịch, phung phí tài sản, buông thả trong các mối quan hệ điên rồ và thử tất cả các loại ma túy cũng như những trò khác. Bất cứ thứ gì, để trở nên khác biệt so với ông anh, người đã trở thành tù nhân tại nơi này... Cho đến khi vụ tai nạn xe hơi cách đây năm năm buộc cô ta phải sống trong một nhà cùng với anh trai.

- Joseph B. Rockford là người đồng tính. - Goran nói.

- Phải. - Roche xác nhận. - Và những thi thể tìm thấy trong hồ chôn tập thể đã không phủ nhận điều đó. Toàn là các nam thanh niên.

- Vậy tại sao lại giết họ? - Sarah Rosa hỏi.

Goran là người trả lời:

- Ngài chánh thanh tra sẽ chỉnh lại nếu tôi nói sai, nhưng tôi tin là Rockford không chấp nhận được bản thân. Hoặc cũng có

thể là hỏi còn trẻ, ai đó đã phát hiện ra khuynh hướng tình dục của hắn, và hắn không bao giờ tha thứ cho người đó.

Mọi người đều nghĩ đến bà mẹ, dù không ai nói ra.

- Sau mỗi lần vui thú hắn lại cảm thấy có tội. Nhưng thay vì tự trừng phạt, hắn ta trừng trị những nhân tình của mình... bằng cách giết họ. - Mila kết luận.

- Những xác chết bị chôn ở đây, trong khi hắn chưa bao giờ rời khỏi nhà. - Goran nói. - Như vậy hắn đã giết họ tại đây. Liệu có thể nào không ai hay biết chuyện gì, từ đám gia nhân, làm vườn đến người gác rừng?

Roche biết câu trả lời, nhưng ông ta để cho họ tự mình đoán ra.

- Tôi thật không thể nào tin nổi. - Boris lên tiếng. - Hắn đã dùng tiền để bịt miệng tất cả.

- Hắn đã mua sự im lặng của họ trong suốt nhiều năm trời. - Stern thêm vào với vẻ mặt kinh tởm.

Linh hồn một con người đáng giá bao nhiêu? Mila tự hỏi. Bởi chung quy mọi chuyện nằm ở đó. Đôi khi một con người khám phá ra bản chất ác độc của mình, hắn chỉ tìm được khoái lạc

trong việc giết những người khác, Với hấn, ta gọi là kẻ sát nhân, hay tên giết người hàng loạt. Nhưng những người khác, những kẻ ở bên cạnh hấn mà lại không hề ngăn chặn tất cả chuyện này, thậm chí còn kiếm lợi từ nó, phải gọi bọn họ bằng cái tên nào đây?

- Hấn kiếm trai bằng cách nào? - Goran hỏi.

- Chúng tôi vẫn chưa biết. Chúng tôi đã tiến hành truy nã thư ký riêng của hấn, kẻ đã biến mất từ khi xác của bé gái thứ ba được tìm thấy.

- Vậy còn những gia nhân khác, ông xử lý họ thế nào?

- Tôi đang đợi, chừng nào chúng ta còn chưa xác định được liệu họ có nhận tiền hay không, cũng như họ đã biết cụ thể những gì.

- Rockford không chỉ mua chuộc những người thân cận của hấn, phải không?

Goran đã đọc được suy nghĩ của thanh tra Roche. Ông ta thú nhận:

- Cách đây vài năm, một cảnh sát đã có ý nghi ngờ: anh ta điều tra vụ mất tích của một thiếu niên bỏ nhà đi bụi và ăn cướp một cửa hàng tạp hóa. Dấu vết dẫn anh ta đến đây. Rockford đã

nhờ đến những người quen ở bên trên, và tay cảnh sát đã phải cầm miệng... Lần khác, một cặp đôi đang đi dạo trên con đường dọc theo tường rào thì thấy một người trèo ra: đó là một cậu trai trong tình trạng gần như khóa thân, bị thương ở chân và đang sốc nặng. Họ đã cho cậu ta lên xe hơi và đưa đến bệnh viện. Cậu ta chỉ ở lại đó có vài tiếng đồng hồ: một người đã đến đó tìm cậu ta, tự xưng là cảnh sát. Kể từ đó, không ai nghe thấy gì về cậu ta nữa. Các bác sĩ và y tá đã được cho tiền để cầm họng. Cặp nam nữ là một đôi quan hệ bất chính, nên chỉ việc dọa tiết lộ chuyện đó cho người bạn đời của họ là xong.

- Thật kinh khủng. - Mila nói.

- Tôi biết.

- Vậy còn em gái hắn, ta có thể nói thế nào về cô ta?

- Tôi tin là Lara Rockford không bình thường. Vụ tai nạn xe hơi đã để lại những di chứng trên cô ta. Nó xảy ra cách đây không lâu. Cô ta đã tự lao xe khỏi đường và đâm vào một cây sồi.

- Dù sao vẫn phải nói chuyện với cô ta. Và với cả Rockford nữa. - Goran quả quyết. - Con người này có thể biết Albert là ai.

- Ông định nói chuyện với hắn thế nào đây? Hắn đã rơi

vào hôn mê không phục hồi kia mà!

- Hắn đã thắng chúng ta, cùng với cái món ung thư của hắn! - Boris tức tối thốt lên. - Không những hắn không giúp ích gì cho ta, mà hắn còn không phải ngồi tù một ngày nào cho những việc hắn đã làm!

- Không đâu, cậu nhầm rồi. - Thanh tra Roche nói. - Nếu địa ngục tồn tại, thì họ sẽ đày hắn dưới đó. Nhưng hắn sẽ xuống đó một cách chậm rãi và đau đớn. Gã con hoang ấy bị dị ứng với morphin, nên không có cách gì giảm đau cho hắn được cả.

- Vậy tại sao lại duy trì sự sống của hắn?

Roche nở một nụ cười mỉa mai và nhướn mày:

- Em gái hắn muốn như thế.

Nội thất trong dinh thự Rockford khiến người ta nghĩ ngay đến một cung điện. Sàn và tường được ốp đá cẩm thạch đen, các vân đá đã hấp thu toàn bộ ánh sáng. Các cửa sổ được che phủ bằng rèm nhung dày màu tối. Đa phần các bức tranh và thảm tường tái hiện các quang cảnh điện viên hoặc những cuộc săn bắn. Một

chùm đèn pha lê treo lủng lẳng trên trần nhà.

Ngay khi vừa bước qua ngưỡng cửa, Mila đã cảm thấy cái lạnh chộp lấy mình. Mặc dù được chiếu sáng, ngôi nhà vẫn mang một không khí điều tàn. Nếu chú ý, người ta có thể nghe thấy âm hưởng của sự im lặng trôi qua, lẳng đọng qua thời gian cho đến khi tạo nên sự trầm mặc đầy dọa dẫm này.

Lara Rockford đã “chấp thuận tiếp họ”. Cô ta thừa biết mình không có lựa chọn, nhưng những từ ngữ được gia nhân chuyển đến ấy giúp nhóm điều tra ý thức được về loại người mà họ sắp đối diện.

Nữ ti phú đợi họ trong thư viện. Mila, Goran và Boris là những người sẽ hỏi chuyện cô ta.

Mila trông thấy khuôn mặt nhìn nghiêng của Lara. Cô ta ngồi trên chiếc ghế trường kỷ bọc da, cánh tay tạo thành một đường cong thanh nhã trong khi đưa một liều thuốc lá lên môi. Cô ta rất đẹp. Từ xa, họ đã bị hấp hồn vì đường cong lượn từ trán xuống chiếc mũi thanh tú cho đến đôi môi mọng. Đôi mắt của Lara có màu xanh lá cây thăm thẳm, viền quanh bằng hai hàng lông mi rất dài.

Nhưng khi ngồi trực diện với Lara, họ bị sốc khi nhìn thấy nửa kia của khuôn mặt. Nó bị biến dạng bởi một vết sẹo to tướng từ chân tóc cày qua trán, chui vào hốc mắt trông hoác rồi kéo

dài như một vệt nước mắt xuống dưới cằm.

Mila nhận thấy cái chân cứng nhắc mà Lara không thể che giấu dù đã vất chân kia lên. Một quyển sách đang được đặt cạnh cô ta. Bìa sách úp xuống nên họ không thể đọc được tựa đề cũng như tên tác giả.

- Xin chào. - Cô ta chào họ. - Điều gì đã khiến tôi được các người viếng thăm vậy?

Lara chẳng buồn mời họ ngồi xuống. Họ đứng trên tấm thảm vĩ đại che một nửa diện tích sàn.

- Chúng tôi rất muốn đặt vài câu hỏi với cô. - Goran nói. - Nếu được, tất nhiên rồi...

- Mời ông, tôi nghe đây.

Lara Rockford dụi phần còn lại của điều thuốc vào chiếc gạt tàn bằng bạch ngọc, rồi lấy một điều khác từ trong chiếc bao da đặt trên đầu gối, cùng một chiếc bật lửa bằng vàng. Khi châm lửa, những ngón tay của cô ta hơi run nhẹ.

- Cô chính là người đã treo giải thưởng mười triệu để tìm ra cô bé số sáu. - Goran nói.

- Đó là việc nhỏ nhất nhất mà tôi có thể làm.

Lara đang thách thức họ dựa trên sự thật. Có lẽ cô ta muốn gây sốc, hoặc cũng có thể đó chỉ là do sự phá bỏ lễ thói khác thường, trái hẳn với sự hà khắc của ngôi nhà mà cô ta đang nấu mình.

Goran quyết định chấp nhận lời thách thức.

- Cô biết chuyện anh trai cô chứ?

- Mọi người đều biết. Nhưng không ai lên tiếng.

- Tại sao lần này lại khác?

- Ý ông là sao?

- Tay gác rừng đã tìm thấy thi thể của bé gái ấy. Tôi thiên nghĩ, chắc ông ta cũng đã bị mua chuộc...

Mila nghĩ Goran đã đoán ra và biết Lara có thể dễ dàng cho mọi chuyện chìm xuống, nhưng lại không muốn như thế.

- Ông tin vào sự tồn tại của linh hồn chứ?

Vừa hỏi câu ấy, Lara vừa vuốt ve bìa sau của cuốn sách

đặt trên ghế.

- Còn cô?

- Tôi đã nghĩ đến chuyện đó...

- Chính vì thế mà cô đã không cho phép các bác sĩ ngắt những thiết bị đang duy trì sự sống cho anh trai cô phải không?

Nữ ti phú không đáp ngay. Cô ta ngược mắt nhìn lên trần. Joseph B. Rockford đang nằm ở tầng trên, trong chiếc giường hần thường nằm từ thuở ấu thơ. Phòng ngủ của hần đã được biến thành một phòng chăm sóc đặc biệt xứng tầm với một bệnh viện hiện đại. Hần được gắn với những thiết bị hỗ trợ thở, cung cấp thuốc men và dịch truyền cho hần, lọc máu và giảm tải cho ruột rà của hần.

- Xin đừng hiểu nhầm. Tôi *muốn* anh tôi chết.

Cô ta có vẻ thành thật.

- Có thể anh cô biết kẻ đã bắt cóc và giết chết năm bé gái, đồng thời giam giữ bé gái số sáu. Cô không thể hình dung được ai có thể là kẻ đó...

Lara hướng con mắt duy nhất của mình vào Goran. Rốt

cuộc cô ta cũng đã để mắt đến ông. Hay đúng hơn là cô ta công khai để cho ông quan sát.

- Ai mà biết được, kẻ đó có thể là một người trong đám gia nhân. Một người đang có mặt, hay có thể là từng làm việc ở đây. Ông chỉ việc kiểm tra.

- Chúng tôi đang làm việc đó, nhưng tôi sợ rằng kẻ chúng tôi đang tìm kiếm quá nhanh ma để có thể ban cho chúng tôi nhường ấy ân huệ.

- Như ông đã thấy, chỉ có những ai có thể bị Joseph mua chuộc mới bước chân được vào trong ngôi nhà này. Bị quản lý và được cho tiền, dưới sự kiểm soát của anh tôi. Tôi chưa từng thấy người lạ ở đây.

- Vậy còn những thanh niên mà anh trai cô đã quan hệ? -
Mila đột ngột lên tiếng.

Lara mất một lúc lâu để trả lời:

- Anh tôi cũng trả tiền cho bọn họ. Thỉnh thoảng, nhất là trong thời gian gần đây, anh tôi đề nghị với họ một kiểu hợp đồng theo đó họ bán linh hồn mình cho anh ấy. Họ cứ nghĩ đó chỉ là trò chơi, một câu chuyện đùa của nhà tỉ phú nhằm tiêu tán chút tiền. Thế là họ ký. Tất cả đều ký. Tôi đã tìm thấy các bản hợp đồng

trong két sắt văn phòng. Những chữ ký khá là rõ ràng, ngay cả khi bọn họ không sử dụng chúng một cách nghiêm túc...

Lara bật cười trước sự liên tưởng rùng rợn ấy, nhưng đó là một tiếng cười quái lạ, nó khiến Mila rợn người. Tiếng cười bật ra từ trong sâu thẳm, như thể đã nằm đó từ lâu, trong buồng phổi của cô ta, trước khi bị khạc ra ngoài. Nó khàn đặc vì nicotin, và cả vì đau đớn nữa. Sau đó Lara cầm lấy cuốn sách đặt bên cạnh mình.

Faust.

Mila tiến một bước lại gần.

- Cô không phản đối nếu chúng tôi tìm cách thâm vấn anh trai cô chứ?

Goran và Boris nhìn Mila như thể cô đang mất trí.

Lara lại bật cười.

- Cô định làm thế nào đây? Anh tôi đang chết nhiều hơn là sống. - Rồi cô ta nghiêm túc trở lại. - Muộn mất rồi.

Nhưng Mila kiên quyết:

- Cứ để chúng tôi thử.

Thoạt nhìn, Nicla Papakidis có vẻ là một phụ nữ yếu đuối.

Có lẽ do bà thấp người và có cái hông quá khổ. Cũng có thể là do đôi mắt toát lên một sự hài hước buồn bã và khiến người ta nghĩ đến một bài hát trong vở nhạc kịch của Fred Astaire, một tấm ảnh chụp trong buổi dạ vũ mừng năm mới thời trước hoặc vào ngày cuối cùng của mùa hè.

Trên thực tế, bà là một phụ nữ mạnh mẽ.

Bà đã tạo dựng sức mạnh cho mình từng chút một, sau

những năm tháng ít nhiều sống trong nghịch cảnh. Bà sinh ra ở một ngôi làng nhỏ, là chị cả và cũng là đứa con gái duy nhất trong một gia đình có bảy người con. Năm lên mười một tuổi, bà mồ côi mẹ. Bà đã phải trông nom gia đình, chăm sóc bố và nuôi dạy các cậu em trai. Nhờ bà, họ đã đỗ đạt thành tài và tìm được việc làm tốt. Nhờ tiền bạc có được từ sự hy sinh vô bờ của bà và việc thắt chặt chi tiêu trong gia đình, các em trai của bà chưa bao giờ bị thiếu thốn thứ gì. Bà đã chứng kiến các em cưới những cô gái nhà lành, xây dựng gia đình và cho ra đời hơn hai chục đứa cháu cả trai lẫn gái, niềm vui và tự hào của bà. Khi người em trai út rời khỏi mái nhà chung, bà đã ở lại để chăm sóc cho người cha già yếu, từ chối đưa ông vào viện dưỡng lão. Bà luôn nói: “Đừng có lo cho tôi. Các cậu có gia đình của các cậu, còn tôi chỉ có một mình. Đây chẳng phải là hy sinh gì đâu”.

Bà đã chăm sóc cha như một đứa trẻ cho đến khi ông được chín chục tuổi. Lúc ông mất, bà tập hợp các cậu em lại.

“Tôi đã bốn mươi bảy, tôi nghĩ từ giờ mình hết lập gia đình được rồi. Tôi không có con cái, nhưng tôi sẽ luôn xem đàn cháu như chính con ruột mình và thế là đủ. Tôi cảm ơn các cậu đã mời tôi về ở cùng, nhưng ý tôi đã quyết từ cách đây nhiều năm, dù hôm nay tôi mới cho các cậu biết. Chúng ta sẽ không gặp nhau nữa, các cậu em trai yêu quý của tôi ạ... Tôi đã quyết định dành cuộc đời mình cho Chúa, và từ ngày mai tôi sẽ nấu mình trong nhà tu kín cho đến khi từ già cõi đời”.

- Hóa ra là một bà tu sĩ! - Boris vừa nói vừa lái xe, sau khi đã nghe Mila kể lại câu chuyện.

- Bà ấy còn hơn thế nhiều.

- Tôi vẫn chưa thể tin là cô đã thuyết phục thành công giáo sư Gavila. Lại càng không tin là ông ấy thuyết phục được Roche.

- Đây chỉ là một phép thử, chúng ta có mất gì đâu? Hơn nữa, tôi nghĩ ta có thể tin tưởng ở Nicla trong việc giữ kín chuyện này.

- À, việc đó thì hẳn rồi!

Trên ghế sau xe có đặt một chiếc hộp thắt dây ruy băng đỏ.

- Sôcôla là điểm yếu duy nhất của Nicla. - Mila đã nói thế khi cô yêu cầu Boris dừng xe trước một hiệu bánh.

- Nhưng bà ấy theo dòng tu kín, tức là không thể đi cùng chúng ta.

- Thật ra thì chuyện phức tạp hơn thế...

- Nghĩa là sao?

- Nicla đã sống vài năm trong tu viện. Nhưng khi họ phát hiện ra điều bà đã làm, họ đã trả bà về với thế giới bên ngoài.

Họ đến nơi sau mười hai giờ trưa một chút. Khu vực này của thành phố khá lộn xộn. Tiếng ồn ào của dòng xe cộ trộn lẫn với tiếng nhạc xập xình, tiếng la hét cãi vã phát ra từ các căn hộ, cũng như từ những hoạt động hợp pháp lẫn phi pháp đang diễn ra trên đường phố. Những người sống ở đây không bao giờ thoát được chúng. Trung tâm thành phố, nơi chỉ cách đó có vài trạm xe điện, với những nhà hàng sang trọng, các cửa hiệu và những tiệm trà, đối với họ cũng xa vời như sao Hỏa.

Thiết bị định vị toàn cầu trên xe đã ngừng cung cấp thông tin từ khi họ rời khỏi xa lộ. Những chỉ dẫn duy nhất là các hình vẽ trên tường đánh dấu ranh giới địa bàn của các băng nhóm.

Boris lái xe vào một phố ngang kết thúc trong ngõ cụt. Anh đã quan sát một chiếc xe hơi bám đuôi họ được vài phút. Một chiếc xe với hai cảnh sát ngồi trong không thể không bị chú ý bởi những tên cảnh giới vốn luôn nghe ngóng động tĩnh mọi góc ngách trong khu vực.

- Lái chậm thôi, và để cho chúng thấy hai bàn tay của anh. - Mila đã nói với Boris như thế. Cô từng đến chỗ này khá

nhiều lần.

Tòa nhà hai người định đến nằm ở cuối con phố nhỏ. Họ đậu xe ở giữa những cái xác xe cháy. Cả hai bước xuống xe Boris nhìn chung quanh. Anh chuẩn bị bấm điều khiển để chốt cửa xe, nhưng Mila đã ngăn anh lại.

- Đừng làm thế. Cứ để chìa khóa trong xe. Chúng có thể phá cửa chỉ vì “ngứa mắt”.

- Nhưng ai sẽ ngăn chúng trộm xe bỏ chạy?

Mila đi sang bên phía ghế lái, lục lọi trong túi và lôi ra một tràng hạt nhỏ bằng nhựa màu đỏ. Cô treo nó vào gương chiếu hậu.

- Ở đây nó là bùa chống trộm hiệu quả nhất đấy.

Boris lúng túng nhìn Mila, sau đó đi theo cô về phía tòa nhà.

Tám bảng bằng bìa treo ngay cửa có đề: “Xếp hàng nhận thức ăn bắt đầu từ mười một giờ”. Và vì không phải người nào trong số các đối tượng của hàng chữ đó cũng biết đọc, nên người ta đã vẽ ở bên cạnh hình kim đồng hồ bên trên một đĩa thức ăn bốc khói.

Không khí thoang thoảng thứ mùi của thức ăn hòa lẫn với chất tẩy trùng. Tại cửa vào, vài chiếc ghế nhựa cọc cạch được bày quanh một cái bàn nhỏ trên có để mấy tờ báo cũ. Trên bàn cũng có mấy tờ rơi in thông tin của nhiều chủ đề khác nhau, từ phòng ngừa sâu răng trẻ em cho đến các biện pháp phòng tránh một số loại bệnh hoa liễu. Tất cả là nhằm biến chỗ này thành một phòng đợi. Trên tường, thông báo và yết thị được gắn kín mít trên tấm bảng thông tin. Có thể nghe thấy nhiều tiếng người nói vọng qua căn phòng, nhưng không thể biết chúng đến từ đâu. Mila kéo tay áo Boris.

- Ta đi nào, bà ấy ở tầng trên.

Hai người bước lên cầu thang. Các bậc thang đều đã hư hỏng và lan can lung lay một cách đáng sợ.

- Nhưng ta đang ở nơi quái quỷ gì thế này?

Boris tránh không đụng chạm vào bất cứ thứ gì vì sợ nhiễm khuẩn. Anh cầu nhàu liên tục cho đến khi họ lên đến tầng trên. Trước một cánh cửa kính, một cô gái tuổi tầm đôi mươi rất xinh xắn đang đưa một lọ thuốc cho một ông già quần áo tả tơi, người chua khăm và nồng mùi rượu.

- Phải uống một viên mỗi ngày, bác nhé?

Cô gái không có vẻ khó chịu vì mùi hôi hám của ông già. Cô nói với giọng rõ ràng, từ tốn, rành mạch từng chữ như nói với trẻ con. Ông già gật gù nhưng xem vẻ không thật thuyết phục.

- Việc này rất quan trọng. - Cô gái trẻ nhấn mạnh. - Bác không được quên đâu đấy. Nếu không, sẽ lại giống như lần trước, khi người ta đưa bác đến đây trong tình trạng dở sống dở chết.

Cô gái rút một chiếc khăn tay từ trong túi ra và buộc quanh cổ tay ông già.

- Phải thế này, bác mới không quên.

Ông già mỉm cười, vẻ hài lòng, rồi cầm lấy cái lọ và đi về, vừa đi vừa ngắm nghía món quà nơi cổ tay mình.

- Anh chị cần gì thế ạ? - Cô gái hỏi hai người.

- Bọn chị tìm bà Nicla Papakidis. - Mila đáp.

Boris đàn mắt nhìn cô gái trẻ, đột nhiên những nỗi bực bội của anh bay đi đâu mất.

- Em nghĩ bà đang ở trong căn phòng áp cuối, dưới kia. - Cô vừa nói vừa chỉ hành lang sau lưng mình.

Khi họ đi ngang qua cô gái trẻ, Boris cup mắt xuống nhìn ngực cô, và vấp ngay phải cây thánh giá mạ vàng đeo trên cổ cô.

- Nhưng cô ấy là...

- Phải. - Mila đáp ngay, cố nhin cười.

- Tiếc thật.

Trong khi đi xuôi hành lang, họ nhìn qua các căn phòng. Những chiếc giường sắt, giường gấp, hoặc chỉ là xe lăn, tất cả đều đã được sử dụng bởi những kẻ dạt nhà, không phân biệt già trẻ. Họ bị mắc bệnh AIDS, nghiện ma túy hay nghiện rượu, mắc bệnh gan ở giai đoạn cuối, hoặc chỉ đơn giản là bệnh già. Họ có hai điểm chung: ánh mắt mệt mỏi và cảm giác đã sống một cuộc đời vứt đi. Không bệnh viện nào tiếp nhận họ trong tình trạng như thế. Họ không có gia đình hoặc đã bị đẩy ra khỏi nhà.

Ở đây, người ta đến để chết. Đó là điểm đặc biệt của nó. Nicola Papakidis gọi nó là “cảng trung chuyển”.

- Ngày hôm nay đẹp thật, Nora ạ.

Bà tu sĩ ân cần chải mái tóc dài bạc trắng của một bà già nằm trên chiếc giường đối diện cửa sổ, vừa chải vừa nói những lời

dịu dàng.

- Sáng nay, lúc đi ngang qua công viên, tôi đã để bánh mì lại cho lũ chim. Với tình hình tuyệt thế này, chúng sẽ dành thời gian ở trong tổ để ủ ấm cho nhau.

Mila gõ cánh cửa đang mở. Bà Nicla quay lại, mắt sáng lên khi nhìn thấy cô.

- Cháu tôi! - Bà vừa nói vừa đến ôm hôn cô. - Thật vui vì được gặp lại cháu!

Bà mặc một chiếc áo thun màu xanh xám xắn tay quá khuỷu vì lúc nào bà cũng cảm thấy nóng, cộng thêm một chiếc váy đen quá đầu gối, chân xỏ đôi giày thể thao. Làn da rất trắng làm đôi mắt xanh thẫm của bà nổi bật hẳn lên. Tất cả toát lên sự tinh khiết và sạch sẽ. Boris nhận thấy bà quàng một tràng hạt đỏ trên cổ, giống như cái mà Mila đã buộc vào gương chiếu hậu.

- Cháu xin giới thiệu Boris, đồng nghiệp của cháu.

Boris hơi rụt rè tiến lên.

- Rất hân hạnh.

- Cậu vừa mới gặp xơ Mary, đúng không? - Bà Nicla vừa

bắt tay anh vừa hỏi.

- Dạ... phải. - Boris đỏ mặt đáp.

- Cậu đừng lo, con bé gây thiện cảm với rất nhiều người... Tại sao cháu đến đây, đến cái cảng trung chuyển này, hử Mila? - Bà hỏi cô.

- Chắc là bà đã nghe đến vụ các bé gái mất tích? - Mila hỏi nghiêm túc.

- Bọn ta cầu nguyện cho chúng mỗi tối. Nhưng họ không cho biết gì nhiều trên bản tin.

- Cháu cũng thế, cháu không thể tiết lộ gì nhiều.

Bà Nicla nhìn thẳng vào mắt Mila.

- Cháu đến vì cô bé số sáu, có phải không?

- Bà có thể nói gì về cô bé ấy không?

Bà Nicla thở dài.

- Bà đã thử tìm cách bắt liên lạc, nhưng không dễ. Bà không còn như hồi trước nữa. Khả năng của bà đã yếu đi nhiều. Lẽ

ra bà có thể vui mừng vì chuyện đó, vì nếu bà mất nó hoàn toàn thì người ta đã cho phép bà quay về tu viện, với các xơ để mền ở đó.

Nicla Papakidis không thích bị người ta gọi là bà đồng. Bà bảo đó không phải là chữ thích hợp để định nghĩa một “ân huệ của Chúa”. Bà không cảm thấy mình đặc biệt. Năng lực của bà mới là thứ đặc biệt. Bà chỉ là người trung gian được Chúa chọn để đón nhận ân huệ và ban phước lành.

Trong suốt chuyến đi, ngoài những chủ đề khác, Mila đã kể cho Boris nghe làm thế nào bà Nicla đã phát hiện ra mình sở hữu những năng lực cảm nhận hơn người.

“Năm lên sáu tuổi, bà ấy đã nổi tiếng trong làng vì có thể tìm thấy những món đồ bị mất: nhẫn, chìa khóa, những bản di chúc bị giấu quá kỹ bởi người quá cố... Một tối nọ, cảnh sát trưởng của địa phương đã đến gặp bà. Một đứa bé năm tuổi đã bị lạc, mẹ nó rất tuyệt vọng. Người ta đưa bà ấy đến nhà bà mẹ, người van xin bà tìm hộ con trai mình. Bà Nicla nhìn người mẹ một hồi, rồi nói: ‘Người đàn bà này nói láo. Bà ta đã chôn con trai mình trong vườn rau sau nhà’. Và quả thực, họ đã tìm thấy thằng bé ở đó”.

Boris đã rất kinh ngạc vì câu chuyện được nghe. Đến mức anh ngòai hơi cách xa một chút, để mình Mila nói chuyện với bà tu sĩ.

- Điều cháu định nhờ bà hơi khác thường một chút. - Cô nói. - Cháu cần bà đi cùng chúng cháu và bắt liên lạc với một người đàn ông sắp chết.

Mila đã nhờ cậy đến năng lực của bà Nicla nhiều lần trước đây. Thình thoảng việc đó giúp cô giải quyết công việc của mình.

- Cháu à, bà không đi đâu được, cháu biết mà. Họ cần bà ở đây.

- Cháu biết, nhưng cháu vẫn rất muốn nhờ bà. Đó là hy vọng duy nhất giúp chúng cháu tìm lại cô bé số sáu.

- Bà đã nói rồi, bà không còn chắc chắn là “ân huệ” của mình còn hoạt động hay không nữa.

- Nhưng cháu thì lại nghĩ đến bà vì một lý do khác nữa... Một khoản tiền thưởng lớn đã được hứa trao cho người cung cấp các thông tin hữu ích nhằm tìm ra cô bé.

- Ô, bà biết chuyện đó. Nhưng bà biết làm gì với mười triệu đây?

Mila đảo mắt nhìn quanh, ám chỉ dùng tiền thưởng vào việc tu sửa chỗ này là lẽ đương nhiên.

- Bà tin cháu đi. Khi bà đã tường tận vụ này, bà sẽ nhận ra đó là cách sử dụng món tiền thưởng tốt nhất có thể... Vậy, bà định thế nào ạ?

- Đáng lẽ Vera đến đây gặp tôi hôm nay.

Người vừa lên tiếng là bà già đang nằm trên giường. Cho đến lúc đó, bà ta vẫn nằm bất động và im lặng, mắt nhìn đăm đăm ra cửa sổ. Bà Nicla tiến đến gần bà già.

- Phải rồi, Nora, Vera sẽ đến muộn.

- Con bé đã hứa.

- Phải, tôi biết. Nó đã hứa và nó sẽ giữ lời, rồi bà sẽ thấy.

- Nhưng thằng bé kia đang ngồi trên ghế của nó. - Bà già vừa nói vừa chỉ vào Boris, khiến anh dợm đứng lên.

Bà Nicla ngăn anh lại.

- Cậu cứ ngồi. Vera là người em song sinh của bà ấy. Vera chết cách đây bảy chục năm, hồi cả hai còn bé. - Bà hạ giọng giải thích.

Trông thấy mặt Boris tái đi, bà Nicla bật cười.

- Không, tôi không có khả năng trò chuyện với người chết đâu! Nhưng Nora thì lại thích nói là em gái mình sắp đến thăm.

Boris đã để cho câu chuyện Mila kể dẫn mình đi quá xa. Anh thấy mình thật ngốc.

- Vậy, bà đi cùng bọn cháu chứ ạ? - Mila năn nì. - Cháu hứa là sẽ có người đưa bà quay về đây trước tối nay.

Nicla Papakidis suy nghĩ thêm một lúc.

- Cháu có đem gì đến cho ta không đấy?

Mila mỉm cười.

- Sôcôla cháu để dưới xe. Chúng đang đợi bà đấy.

Bà Nicla gật gù, vờ hài lòng, rồi nghiêm túc trở lại.

- Ta sẽ không ưa những gì sắp biết được về người đàn ông đó, đúng không?

- Thật tình cháu không nghĩ thế.

Bà Nicla sờ tràng hạt nơi cổ.

- Thôi được, chúng ta đi nào.

“Pareidolia”^[6] là chữ dùng để gọi khuynh hướng thấy những hình thù quen thuộc trong các hình ảnh lộn xộn. Những đám mây, những tinh vân, hay thậm chí là những hạt yến mạch nổi trên một bát sữa.

Cùng một cách như thế, Nicla Papakidis nhìn thấy các sự việc xuất hiện trong đầu mình. Bà không coi chúng là ảo giác. Ngoài ra, bà thích chữ pareidolia vì nó có nguồn gốc Hy Lạp giống như bà.

Bà giải thích điều đó với Boris trong khi ngồi đằng sau xe, vừa nói vừa nhanh chóng ăn sôcôla. Điều khiến anh kinh ngạc không hẳn là câu chuyện của bà tu sĩ, mà là việc thấy chiếc xe hơi ở nguyên vị trí, không một vết trầy xước, trong khu phố đầy tiếng xầu.

- Tại sao bà gọi nó là “cảng trung chuyển” thế ạ?

- Tùy thuộc vào điều mà cậu tin vào, Boris ạ. Một số người chỉ thấy nó như một điểm đến. Những người khác lại nhìn nhận nó như điểm xuất phát.

- Vậy bà nhìn nhận nó theo cách nào?

- Cả hai.

Họ đến khu nhà của Rockford vào đầu giờ chiều.

Goran và Stern đứng đợi họ phía trước nhà. Sarah Rosa đang ở trên tầng cùng với nhân viên y tế, người luôn trông chừng bệnh nhân hấp hối.

- Mọi người đến vừa kịp lúc. - Stern nói. - Tình hình đã xấu đi rất nhanh kể từ sáng nay. Các bác sĩ khẳng định là chúng ta chỉ còn vài tiếng.

Gavila tự giới thiệu với bà Nicla và giải thích cho bà việc phải làm, không giấu vẻ hoang mang. Ông đã từng chứng kiến các nhà thần giao cách cảm đủ kiểu hợp tác với cảnh sát. Thường thì sự can thiệp của họ chẳng mang lại điều gì, hay tệ hơn, họ làm rối thêm cuộc điều tra khi tạo ra các manh mối sai lạc và những trông đợi vô ích.

Bà tu sĩ không ngạc nhiên trước sự bối rối của nhà tội phạm học. Bà thường xuyên thấy sự nghi ngờ hiện diện trên gương mặt người khác.

Vốn là một con chiên ngoan đạo, Stern không tin ở khả

năng đặc biệt của bà Nicla. Đối với anh, đó chỉ là trò lừa bịp. Nhưng anh dao động vì bà là một nữ tu sĩ tốt bụng. “Ít ra thì bà ta cũng không làm vì tiền”, ít phút trước anh đã nói như thế với một Sarah Rosa thậm chí còn hoài nghi hơn.

- Anh chàng tội phạm học này hay đấy. - Nicla nói nhỏ với Mila trong khi lên cầu thang. - Anh ta nghi ngờ và không tìm cách giấu giếm chuyện đó.

Câu bình luận đó không phải phát xuất từ năng lực của bà. Mila hiểu nó đi từ trong trái tim của bà. Nghe thấy những lời ấy từ một người rất thân thiết của mình, Mila thấy rất cảm kích. Nó đã xua đi mọi hồ nghi về Goran mà Sarah Rosa đã cố gieo vào đầu cô.

Phòng ngủ của Joseph B. Rockford nằm ở cuối đoạn hành lang rộng treo đầy thảm trang trí.

Những ô cửa sổ rộng mở ra hướng đông, phương mặt trời mọc. Đứng từ các ban công người ta có thể chiêm ngưỡng thung lũng phía dưới.

Chiếc giường có màn quây nằm ngay giữa phòng, vây quanh bởi các máy móc y khoa hỗ trợ cho những giờ phút cuối cùng của người bệnh. Chúng tạo cho hẳn một nhịp điệu máy móc, hợp bởi tiếng bíp của máy theo dõi nhịp tim, tiếng hít thở phì phò

từ máy hô hấp, tiếng nhỏ giọt lặp đi lặp lại và tiếng rì rì liên tục của thiết bị điện.

Thân trên của Rockford được kê gôì cao lên, hai cánh tay nằm xuôi theo người trên tấm vải phủ giường có thêu trang trí, đôi mắt nhắm nghiền. Hắn mặc một bộ quần áo ngủ bằng lụa màu hồng nhạt, mở toang nơi cổ để chừa chỗ cho ống đặt nội khí quản. Mớ tóc ít ỏi còn lại đã hoàn toàn bạc trắng. Khuôn mặt hắn hõm sâu chung quanh chiếc mũi khoằm, phần cơ thể còn lại của hắn gồ lên bên dưới tấm vải. Nom hắn như một lão già một trăm tuổi dù chỉ mới năm mươi.

Một y tá phụ trách việc chăm sóc vết mổ nơi cổ đang thay miếng gạc đặt quanh lỗ thở. Trong tất cả các gia nhân túc trực ngày đêm, chỉ có bác sĩ tư và phụ tá của ông ta là được ở lại.

Khi bước qua ngưỡng cửa, các thành viên trong nhóm điều tra trông thấy Lara Rockford, người quyết không bỏ lỡ sự việc sắp diễn ra vì bất cứ lý do nào. Cô ta ngồi trên một chiếc ghế bành, cách xa những người khác, và thản nhiên hút thuốc mặc kệ các quy định vệ sinh. Khi y tá nhắc nhở rằng đó có lẽ không phải là một việc tốt cho tình hình sức khỏe của anh trai, Lara đáp gọn lỏn: “Dù sao thì nó cũng chẳng làm hại anh tôi được”.

Nicla tự tin tiến đến bên giường, quan sát quang cảnh lâm chung đặc biệt của gia chủ. Một kết thúc rất khác so với những cái

chết trong nghèo khó, như nhớp mà bà từng chứng kiến hàng ngày tại “cảng trung chuyển”. Khi đã ở bên cạnh Joseph B. Rockford, bà làm dấu thánh, trước khi nói với Goran:

- Chúng ta có thể bắt đầu.

Chưa có ban bồi thẩm nào từng chấp nhận một bằng chứng như thế. Báo giới lại càng không được phép biết về cuộc thử nghiệm này. Mọi thứ phải ở lại trong bốn bức tường của ngôi nhà.

Boris và Stern đứng lại bên cạnh cánh cửa đã đóng. Sarah Rosa tiến đến một góc nhà và tựa lưng vào tường, hai tay khoanh trước ngực. Nicola ngồi xuống một chiếc ghế đặt cạnh giường. Mila ngồi cạnh bà. Goran đứng đối diện họ vì muốn quan sát cả bà tu sĩ lẫn Rockford.

Bà đồng bắt đầu tập trung.

Các bác sĩ vẫn dùng thang Glasgow để đánh giá tình trạng hôn mê của bệnh nhân. Nhờ vào ba phản ứng - bằng lời nói, mắt và cử động, người ta có thể xác định mức độ tổn hại của chức năng thần kinh.

Việc sử dụng hình ảnh của một cái thang để đánh giá tình trạng hôn mê không chỉ là do ngẫu nhiên, mà bởi vì tình trạng nhận thức suy giảm từ từ, giống như khi ta bước xuống các bậc thang.

Ngoại trừ lời kể của những người đã từng tỉnh lại sau cơn hôn mê về sự nhận biết thể giới chung quanh và trạng thái yên bình mà họ trôi lơ lửng bên trong, người ta không biết điều gì thực sự xảy ra trong khoảng giữa sự sống và cái chết. Thêm vào đó, những người tỉnh lại sau hôn mê đều tụt xuống tệ nhất là hai, ba bậc trên chiếc thang kia. Một số nhà thần kinh học tin rằng có thể tồn tại cả trăm bậc thang như thế.

Mila không biết thực sự Joseph B. Rockford đang ở bậc nào.

Có lẽ hẳn ta đang ở đó cùng với họ, thậm chí là đang nghe thấy họ. Hoặc cũng có thể hẳn đã tụt xuống đủ sâu để xa rời những ma quái của bản thân.

Tuy nhiên, có một điều cô chắc chắn: Nicola sẽ phải tụt xuống một vực thẳm sâu và tăm tối để đi tìm hẳn ta.

- Đây rồi, tôi đang nghe thấy một thứ gì đó...

Bà tu sĩ đang đặt hai tay trên đầu gối. Mila nhận thấy các ngón tay của bà co lại do căng thẳng.

- Joseph vẫn còn đây. - Bà tuyên bố. - Nhưng anh ta rất... xa cách. Tuy vậy, anh ta có thể cảm nhận được chút gì đó...

Sarah Rosa đưa cặp mắt bối rối nhìn Boris. Anh chàng suýt chút nữa thì bật cười, nhưng nén lại được.

- Anh ta rất lo lắng. Anh ta đang tức giận... Anh ta không chịu nổi việc vẫn còn ở đây... Anh ta muốn ra đi, nhưng không được. Có điều gì đó níu giữ anh ta ở lại... Mùi làm anh ta rối trí.

- Mùi nào? - Mila hỏi.

- Mùi hoa tàn. Anh ta nói nó thật không thể chịu đựng nổi.

Họ hít hà, tìm sự khẳng định cho những lời nói vừa rồi, nhưng chỉ ngửi thấy một mùi hương dễ chịu. Trên bậu cửa sổ có một cái lọ to, cắm những bông hoa còn tươi nguyên.

- Bà cố bắt hẩn ta nói ra đi.

- Ta không nghĩ anh ta muốn làm thế... Không, anh ta không muốn nói chuyện với ta.

- Bà phải thuyết phục hẩn.

- *Anh xin lỗi...*

- Sao ạ?

Nhưng bà tu sĩ không nói hết câu. Thay vào đó, bà nói:

- Ta nghĩ anh ta muốn cho ta thấy thứ gì đó... Phải rồi...

Anh ta chỉ cho ta một căn phòng... Căn phòng này. Nhưng chúng ta không hiện diện. Tất cả chỗ máy móc thiết bị duy trì sự sống cho anh ta cũng thế... Có ai đó ở đây cùng với anh ta. - Bà Nicla nói thêm và ngồi thẳng người lại.

- Ai vậy?

- Một phụ nữ, rất xinh đẹp... Ta tin đó là mẹ anh ta.

Mila thoáng thấy Lara Rockford cựa mình trong chiếc ghế bành, tay cầm điều thuốc không biết là thứ bao nhiêu nữa.

- Bà ta làm gì?

- Joseph chỉ là một thằng bé... Bà ta để nó ngồi trên đầu gối và giảng giải chuyện gì đó... Bà ta cảnh cáo, giám sát nó... Bà ta bảo thế giới ngoài kia chỉ làm hại nó. Đổi lại, chừng nào thằng bé còn ở trong này thì nó còn được an toàn... Bà ta hứa sẽ bảo vệ nó, chăm sóc cho nó, và không bao giờ bỏ rơi nó...

Goran và Mila nhìn nhau. Vậy là cái lồng vàng của Joseph đã bắt đầu như thế, chính bà mẹ là người đã ngăn cản hẳn tiếp xúc với thế giới bên ngoài.

- Bà ta bảo trong tất cả những mối nguy hiểm trên đời, đàn bà là thứ tồi tệ nhất... Ngoài kia có cả đồng đàn bà muốn cướp mọi thứ của thằng bé... Bọn họ chỉ yêu nó vì những gì mà nó sở hữu... Bọn họ sẽ lừa thằng bé, sẽ lợi dụng nó... *Anh xin lỗi.* - Bà lặp lại.

Mila lại nhìn Goran. Sáng hôm nay, trước mặt thanh tra Roche, nhà tội phạm học đã khẳng định nguồn gốc sự điên cuồng của Rockford, thứ theo thời gian đã biến hắn thành một tên giết người hàng loạt. Tất cả chỉ vì hắn không chấp nhận được con người thật của mình. Một ai đó, rất có thể là mẹ hắn, đã phát hiện ra khuynh hướng tình dục của hắn và không bao giờ tha thứ cho hắn. Việc giết bạn tình cũng đồng nghĩa với xóa đi tội lỗi.

Hóa ra, Goran đã nhầm.

Những gì vừa được bà tu sĩ tiết lộ đã phủ nhận một phần giả thiết của ông.

Sự đồng tính của Joseph có liên quan đến chứng cuồng sợ của bà mẹ. Có lẽ bà ta biết điều đó nhưng không nói gì.

Nhưng nếu vậy thì, tại sao Joseph lại giết các nhân tình của mình?

- Tôi thậm chí không được phép mời các bạn gái của

mình đến chơi...

Mọi người quay lại nhìn Lara Rockford. Cô ta bóp điều thuốc lá giữa hai ngón tay run rẩy, mắt nhìn xuống sàn nhà.

- Chính bà mẹ là người đã đưa đám trai trẻ đến đây. - Goran nói.

- Phải, mẹ tôi đã trả tiền cho họ. - Lara xác nhận.

Những giọt nước mắt tuôn trào từ con mắt lạnh lặn biến khuôn mặt của cô ta biến thành một chiếc mặt nạ dị hợm.

- Mẹ tôi ghét tôi.

- Tại sao? - Nhà tôi phạm học thối mắc.

- Vì tôi là con gái.

- *Anh xin lỗi...* - Bà Nicla lặp lại.

- Anh im đi! - Lara hét lên với người anh của mình.

- *Anh xin lỗi em...*

- Im ngay đi!

Lara thét lên điên dại và đứng bật dậy. Cầm cô ta run lên.

- Các người không tưởng tượng nổi đâu. Các người không thể tưởng tượng được việc đi loanh quanh trong này và cảm thấy đôi mắt đó găm vào người. Ánh mắt bám riết tôi khắp nơi, và tôi thừa hiểu nó muốn nói điều gì. Ngay cả khi tôi không muốn thừa nhận, vì chỉ nội suy nghĩ đó cũng khiến tôi phát ốm. Tôi tin là anh ta cố gắng hiểu... tại sao anh ta thấy bị hấp dẫn bởi tôi.

Nicla vẫn đang lên đồng. Toàn thân bà run lên. Mila nắm lấy tay bà.

- Có phải vì vậy mà cô đã bỏ nhà đi, phải không? - Goran hỏi và nhìn xoáy vào Lara Rockford, cương quyết đòi bằng được một câu trả lời. - Từ lúc đó anh ta bắt đầu giết người...

- Phải, tôi nghĩ thế.

- Và rồi, cách đây năm năm, cô đã quay về...

Lara Rockford bật cười.

- Tôi không biết gì hết. Anh ta lừa tôi khi nói rằng anh ta cảm thấy cô đơn và bị mọi người bỏ rơi. Rằng tôi là em gái anh ta, anh ta rất yêu quý tôi, anh ta muốn giảng hòa. Rằng tất cả những thứ khác là do tôi tưởng tượng ra. Tôi đã tin anh ta. Khi tôi quay

về đây, những ngày đầu anh ta cư xử bình thường: anh ta tỏ ra dịu dàng, ân cần chăm sóc tôi. Anh ta không hề giống với Joseph mà tôi từng biết hồi còn nhỏ. Cho đến khi...

Lara lại cười gằn. Hơn cả ngôn từ, nụ cười ấy nói lên toàn bộ những sự bạo hành mà chị ta từng phải chịu.

- Cô bị như thế này không phải là do một tai nạn giao thông... - Goran nói.

Lara lắc đầu.

- Chỉ như thế này anh ta mới chắc chắn là tôi sẽ không ra đi nữa.

Họ cảm thấy đau xót tột cùng cho người phụ nữ trước mặt. Cô ta bị giam cầm không phải bởi ngôi nhà này, mà bởi chính diện mạo của mình.

- Tôi xin lỗi. - Lara nói trong khi tiến về phía cửa, kéo lê cái chân thương tật.

Stern và Boris tách ra để cho cô ta đi qua, rồi cùng nhìn Goran, chờ quyết định của ông. Nhà tội phạm học nói với Nicla:

- Bà cảm thấy tiếp tục được không?

- Được. - Bà tu sĩ nói, dù nom bà mệt mỏi thấy rõ sau nỗ lực vừa rồi. Câu hỏi tiếp theo là câu quan trọng hơn hết thảy. Sẽ không còn dịp nào khác để hỏi nữa. Câu trả lời sẽ định đoạt không chỉ sự sống sót của bé gái số sáu, mà cả của chính họ. Bởi lẽ, nếu như họ không thể tìm ra ý nghĩa của những gì đã xảy ra trong thời gian qua, họ sẽ mãi mãi bị câu chuyện này đè nặng như một lời nguyền.

- Nicla, bà hãy bảo Joseph kể lại lúc anh ta gặp gỡ kẻ giống như mình...

Ban đêm, họ nghe thấy tiếng bà la hét.

Những cơn đau nửa đầu hành hạ và không cho bà ngủ. Từ giờ, ngay cả morphin cũng không thể làm dịu chúng. Bà vung vẩy trên giường và la hét cho đến khi tắt tiếng. Về đẹp ngày trước mà bà từng bỏ công gìn giữ trước sự tàn phá không ngừng của thời gian nay đã tàn lụi. Bà trở nên dễ bị tổn thương. Bà, một người từng rất để ý đến ngôn từ và ăn nói chừng mực, nay lại thành ra thô tục không tưởng tượng nổi. Bà chửi rủa tất cả mọi người. Chửi chồng, người đã chết quá sớm. Chửi con gái, đứa đã bỏ chạy khỏi bà. Và cả Chúa nữa, vì đã làm bà ra nông nổi này.

Chỉ hấn mới xoa dịu được bà.

Hấn vào phòng bà, trói hai tay bà vào giường bằng một chiếc khăn lụa, để bà không tự làm đau mình. Bà đã rút sạch cả chỗ tóc trên đầu, khuôn mặt đầy các vết máu đã khô sau những lần bà chọc móng tay vào da thịt.

“Joseph”, bà gọi tên hấn khi được hấn vuốt trán. “Con hãy nói mẹ là người mẹ tốt đi. Nói đi, mẹ xin con đấy”.

Và hấn vừa nhìn thẳng vào đôi mắt đăm lẹ của bà vừa nói những gì bà muốn nghe.

Joseph B. Rockford đã ba mươi hai tuổi. Hấn chỉ còn mười tám năm trước khi về châu Diêm Vương. Ít lâu trước đó, hấn đã nhờ đến một nhà di truyền học tên tuổi để xem mình có phải chịu chung số phận với cha và ông nội hay không. Do hiểu biết hạn hẹp thời đó về sự di truyền của các loại bệnh tật, câu trả lời khá là mơ hồ: khả năng hấn bị mắc hội chứng bẩm sinh hiếm gặp đó dao động trong khoảng từ bốn mươi đến bảy mươi phần trăm. Từ lúc đó, Joseph sống với bản án tử của mình. Tất cả mọi thứ khác chỉ là những “giai đoạn” để tiến đến kết thúc. Giống như căn bệnh của mẹ hấn. Hằng đêm, ngôi nhà lớn bị rung động bởi những tiếng la hét dị thường của bà, chúng vang dội khắp các gian phòng mênh mêng. Sau nhiều tháng trời bị mất ngủ, Joseph đã quen đi ngủ với hai cái nút tai, để khỏi phải chịu cái cực hình đó.

Nhưng như vậy cũng không đủ.

Một hôm, vào khoảng bốn giờ sáng, hắn thức dậy. Hắn đã có một giấc mơ nhưng không sao nhớ lại được. Nhưng không phải chuyện đó. Hắn ngồi trên giường, cố tìm hiểu xem điều gì đã lôi hắn ra khỏi giấc ngủ.

Cả ngôi nhà chìm trong một sự im lặng lạ thường.

Joseph hiểu ngay. Hắn đứng dậy, mặc một chiếc quần dài, áo thun cổ lọ và áo khoác Barbour màu xanh lá. Sau đó hắn rời phòng, ngang qua căn phòng đang đóng cửa của bà mẹ và đi tiếp. Hắn bước xuống cầu thang đồ sộ bằng cẩm thạch, và sau đó vài phút, hắn ra bên ngoài.

Hắn đi hết lối đi dài trong khuôn viên nhà cho đến cánh cổng phía tây, là nơi thường dành cho các nhà cung cấp và các gia nhân. Thế giới của hắn giới hạn tại đây. Hồi còn nhỏ, hắn đã khám phá đến tận đây, cùng với Lara. Mặc dù nhỏ hơn hắn nhiều tuổi, Lara vẫn muốn đi xa hơn, minh chứng của một lòng can đảm đáng ghen tỵ. Nhưng Joseph luôn khước từ. Lara đã bỏ đi từ gần một năm nay. Sau khi đã đủ mạnh để vượt qua giới hạn này, em gái hắn đã bật tắt bật tích. Hắn thấy nhớ Lara.

Trong cái lạnh lẽo của buổi sáng tháng Mười một này, Joseph đứng yên vài phút trước cánh cổng, rồi bắt đầu leo lên. Khi

bàn chân hấn tiếp đất phía bên kia công, một cảm giác mới mẻ tràn qua người hấn, một cái rung mình lan từ lồng ngực ra toàn bộ cơ thể hấn. Lần đầu tiên hấn biết đến niềm vui.

Hấn bước đi dọc theo con đường trái nhựa.

Hùng đông bắt đầu với một vệt sáng yếu ớt nơi chân trời. Cảnh vật xung quanh hấn giống hệt như trong khuôn viên nhà, tới mức trong một thoáng hấn tự hỏi liệu mình đã ra khỏi đó hay chưa, và phải chăng cái công kia chỉ là một cái cớ, vì toàn bộ thế giới khởi đầu và chấm dứt tại đó, mỗi khi hấn vượt qua giới hạn thì hấn lại quay về điểm xuất phát, không hề thay đổi, và tiếp tục như thế cho đến vô cùng. Một chuỗi vô hạn những vũ trụ song song giống hệt nhau. Sớm muộn gì thì hấn cũng sẽ trông thấy ngôi nhà của mình mọc lên trên đường, và hấn sẽ biết chắc tất cả chuyện này chỉ là một ảo tưởng.

Nhưng điều đó không xảy ra. Càng đi xa, hấn càng nhận ra mình có thể làm được.

Không có bóng người nào ở chung quanh hấn. Không một chiếc xe hơi, hay một ngôi nhà nào. Tiếng bước chân hấn trên lớp nhựa đường là dấu hiệu duy nhất của con người giữa tiếng chim hót chào ngày mới. Không có cơn gió nào lay động đám cây cối đang giương mắt nhìn hấn như một kẻ lạ mặt. Hấn cảm thấy như muốn chào chúng. Bầu không khí rất sinh động và mang hương vị của

sương giá, lá khô cùng cỏ xanh.

Lúc này mặt trời đã hé rạng. Nó trượt qua thảm cỏ, trải mỏng và loang ra như một biển dầu. Joseph không rõ mình đã đi bao nhiêu cây số. Hắn chẳng có mục đích nào, nhưng như thế mới hay: hắn cóc cần. Acid lactic rần rật chảy qua các bắp thịt ở chân hắn. Hắn không ngờ cơn đau nhức lại có thể dễ chịu như thế. Hắn có năng lượng trong người và không khí để thở. Hai yếu tố đó quyết định mọi thứ còn lại. Lần đầu tiên trong đời hắn muốn không suy nghĩ gì hết. Cho đến ngày hôm nay, đầu óc của hắn vẫn luôn thẳng thắn và tìm ra những nỗi sợ hãi khác nhau để ngăn cản hắn. Và ngay cả khi cái sự không biết còn nằm phục đâu đó quanh đây, một chút thời gian ngắn ngủi này cũng đã đủ để hắn hiểu được rằng, ngoài nguy hiểm, nó có thể che giấu một thứ gì đó quý giá. Như là sự kinh ngạc, hoặc thần phục.

Đó chính là điều hắn cảm nhận được khi nghe thấy một tiếng động mới mẻ. Nó rất nhỏ và xa xôi, nhưng đang tiến lại gần từ phía sau hắn. Hắn nhận ra âm thanh của một chiếc xe hơi. Hắn quay người và trông thấy mui xe lộ ra sau một quả đồi nhỏ. Tiếp đó, chiếc xe thụp xuống dốc, rồi trôi lên trở lại. Đó là một chiếc break cũ màu be. Nó tiến lại gần hắn. Kính chắn gió cấu bần không cho phép hắn quan sát người ngồi trong xe. Joseph quyết định phớt lờ chiếc xe và bước tiếp.

Khi chiếc xe đến gần, có vẻ như nó chạy chậm lại.

- Ê!

Hắn ngập ngừng không muốn quay đầu lại. Biết đâu ai đó đến để chấm dứt chuyến phiêu lưu của hắn. Phải rồi. Mẹ hắn đã thức giấc và gào thét tên hắn. Không tìm thấy hắn trên giường, bà sai đám gia nhân truy tìm hắn cả bên trong lẫn bên ngoài khuôn viên nhà. Có thể người đàn ông vừa gọi hắn là một trong số các thợ làm vườn. Ông ta dong xe đi tìm hắn, hau háu trước món tiền thưởng.

- Ê, em giai, đi đâu đấy? Có muốn đi nhờ xe không?

Câu hỏi làm hắn yên tâm. Đây không thể là một người trong nhà. Chiếc xe giảm tốc độ. Joseph không thể nhìn thấy người cầm lái. Hắn ngừng bước. Chiếc xe hơi cũng dừng lại.

- Tôi đi lên phía bắc. - Người lái xe nói. - Tôi có thể cho cậu đi nhờ một đoạn. Chỉ vài cây số thôi, nhưng cậu sẽ không có nhiều cơ may trong khu vực này đâu.

Không thể xác định được tuổi của anh ta. Anh ta có lẽ tầm bốn mươi, hoặc ít hơn. Anh ta có một bộ râu màu hung dài và xồm xoàm. Tóc anh ta cũng dài, chải lật ra sau và rẽ ngôi giữa. Anh ta có đôi mắt xám.

- Thế cậu định thế nào? Lên xe chứ?

Joseph suy nghĩ một lúc rồi đáp:

- Vâng, cảm ơn anh.

Hắn ngồi vào ghế bên cạnh người lạ mặt và chiếc xe liền lăn bánh. Ghế ngồi được bọc nhung nâu, đôi chỗ bị sờn để lộ lớp vải bên dưới. Trong xe có một mùi kỳ quặc, hỗn hợp của những túi thơm khử mùi tiếp nối nhau qua năm tháng nơi chiếc gương chiếu hậu. Ghế sau đã được gập xuống để chừa chỗ cho các thùng giấy, túi xách, đủ thể loại dụng cụ và can nhựa. Tất cả được sắp xếp rất gọn gàng. Bảng đồng hồ bằng nhựa sẫm màu có mấy vết băng dính cũ. Máy nghe nhạc cổ lỗ sĩ dùng băng cát-xét đang phát nhạc đồng quê. Người lái xe bật nhạc to lên sau khi đã vắn nhỏ âm thanh để bắt chuyện với hắn lúc này.

- Cậu cuộc bộ lâu chưa?

Joseph tránh không nhìn anh ta, vì sợ bị phát hiện mình sắp nói dối.

- Lâu rồi ạ, từ hôm qua.

- Sao cậu không vẫy xe đi nhờ?

- Có chứ. Em được một tài xế xe tải cho đi nhờ, nhưng rồi anh ta rẽ sang hướng khác.

- Thế, cậu định đi đâu?

Hắn bị bất ngờ trước câu hỏi, và nói thật luôn.

- Em không biết nữa.

Người đàn ông bật cười.

- Nếu không biết thì tại sao cậu không ngồi lại trên xe tải?

Joseph quay sang nhìn người lái xe, tỏ vẻ thật nghiêm túc.

- Tại ông ta hỏi quá nhiều.

Người đàn ông cười phá lên.

- Chúa ơi, tôi thích cái kiểu bí hiểm của cậu rồi đấy, cậu em ạ.

Chiếc áo gió đỏ của người lái xe có tay rất ngắn. Anh ta mặc một chiếc quần tây màu nâu nhạt, một chiếc áo len chui đầu có các mô típ trang trí hình thoi và đôi giày công nhân có đế cao su được gia cố. Anh ta cầm lái bằng hai tay. Cổ tay trái của anh ta đeo một chiếc đồng hồ rẻ tiền.

- Nay, tôi không biết cậu định thế nào, tôi cũng không muốn ép cậu nói ra, nhưng nếu cậu muốn thì, nhà tôi ở gần đây, cậu có thể ghé vào ăn sáng. Cậu thấy thế nào?

Joseph đã định từ chối. Hắn đã quá khinh suất khi đồng ý trèo lên xe, bây giờ hắn sẽ không đi theo anh ta đến một chỗ nào đó để bị trần lộ hoặc tệ hơn. Nhưng rồi hắn nhận ra đó chỉ là một nỗi sợ hãi khác trong vô số sự sợ hãi của mình. Tương lai chỉ *bí ẩn*, chứ không đe dọa. Hắn vừa mới phát hiện ra điều đó trong buổi sáng sớm này. Và để thưởng thức thành quả của nó thì phải đánh liều thôi.

- Được ạ.

- Trúng, thịt muối và cà phê đầy nhá. - Người lạ mặt hứa hẹn.

Hai mươi phút sau, hai người rời con đường lớn để rẽ vào một con đường đất. Họ chạy xe rất chậm qua các ổ gà ổ trâu trước khi đến một ngôi nhà gỗ mái dốc. Màu sơn trắng đã bị hư hỏng nhiều chỗ. Cánh cửa ở trong một tình trạng thảm hại và các khe ván đã bị cỏ dại mọc lung tung. Họ đậu xe cạnh nhà.

Tay này là ai mới được? Joseph tự hỏi trong khi quan sát nơi ở của người lạ mặt, nhưng đối với hắn lời đáp cho câu hỏi đó không thú vị bằng việc được khám phá thế giới của anh ta.

- Mời vào. - Người đàn ông nói khi cả hai băng qua ngưỡng cửa.

Gian phòng đầu tiên có kích thước trung bình. Đồ đạc chỉ có một cái bàn và ba chiếc ghế, một tủ buýpphê thiếu vài ngăn và một cái trường kỷ cũ mèm rách nát nhiều chỗ. Trên một bức tường có treo một bức tranh phong cảnh vớ vẩn thiếu khung.

Bên cạnh ô cửa sổ độc nhất là một lò sưởi bằng đá nhem nhuốc bở hóng với các súc củi đen nhem lạnh tanh. Trên một khúc cây thế chỗ cho ghế đầu có một chõng xoong chảo dính đầy mỡ cháy. Ở cuối phòng là hai cánh cửa đóng kín.

- Tôi xin lỗi, ở đây không có nhà vệ sinh. Nhưng ngoài kia cây cối đầy. - Người lạ vừa nói vừa cười.

Điện nước cũng không có, nhưng tay chủ nhà đã dỡ từ trên xe xuống mấy chiếc can mà Joseph đã trông thấy trước đó.

Nhờ vài tờ báo cũ và mớ củi nhặt được bên ngoài, anh ta châm lửa trong lò. Sau khi đã đánh sạch hết mức một cái chảo, anh ra thẳng bờ rồi bắt đầu chiên trứng cùng với thịt muối. Chỗ thức ăn

tâm thường đó tỏa ra thứ mùi thật ngon lành.

Joseph bối rối quan sát người đàn ông và đặt cho anh ta hàng đồng câu hỏi, hệt như những đứa trẻ thắc mắc với người lớn khi chúng đến tuổi tò mò tìm hiểu thế giới. Nhưng người lạ mặt có vẻ không bức bối, mà ngược lại, anh ta thích trò chuyện.

- Anh ở đây từ bao lâu rồi?

- Từ hơn một tháng nay, nhưng căn nhà này không phải của tôi.

- Anh nói vậy là sao?

- Nhà thực sự của tôi ở ngoài kia. - Anh ta vừa nói vừa chỉ vào chiếc xe hơi đậu bên ngoài. - Tôi thích đi chu du thiên hạ.

- Vậy sao anh dừng lại?

- Vì tôi thích nơi này. Một ngày nọ, tôi đang đi trên đường thì trông thấy lối mòn này. Tôi rẽ vào và đi đến đây. Căn nhà đã bị bỏ hoang từ bao lâu không biết nữa. Có lẽ nó là của đám nông dân vì đằng sau nhà có một cái chòi cất dụng cụ.

- Chuyện gì đã xảy ra với bọn họ?

- Tôi không biết. Rõ ràng là họ đã hành động giống như nhiều người khác: khi khủng hoảng gia tăng, họ bỏ đi tìm một cuộc sống tốt đẹp hơn trên thành phố. Trong vùng này có không ít trang trại bỏ hoang đâu.

- Tại sao bọn họ không tìm cách bán đất?

- Ai mà mua một chỗ như thế này? - Người đàn ông mỉm cười đáp. - Chỗ đất này chẳng đáng giá một xu, em ạ.

Anh ta ngừng nấu nướng và trút thức ăn từ chảo vào thũng hai cái đĩa đặt trên bàn. Không cần chờ, Joseph cắm ngay nĩa vào chỗ thức ăn màu vàng thơm. Hắn đang rất đói. Thức ăn ngon tuyệt.

- Cậu thích chứ, hả? Cứ từ từ, muốn ăn bao nhiêu cũng được.

Hắn ăn ngấu nghiến. Rồi khi trong mồm vẫn đầy thức ăn, hắn hỏi:

- Anh sẽ ở lại đây lâu chứ?

- Tôi định cuối tuần này sẽ đi: mùa đông vùng này khắc nghiệt lắm. Tôi tích trữ lương thực và đi quanh các nông trại bỏ hoang với hy vọng nhặt nhạnh được mấy món đồ vẫn còn dùng

được. Sáng nay tôi tìm thấy một cái máy nướng bánh. Chắc nó hỏng rồi, nhưng tôi có thể sửa lại.

Joseph ghi nhận lại mọi thứ, tuồng như muốn làm một cuốn cẩm nang tổng hợp: từ làm thế nào chuẩn bị một bữa sáng ngon lành chỉ với trứng, bơ và thịt muối, cho đến làm sao tìm được nước uống. Hẳn nghĩ có lẽ nó sẽ có ích cho mình trong một cuộc đời mới sau này. Cuộc sống của người lạ mặt khiến hẳn háo hức. Mặc dù khắc nghiệt và khó khăn, nó vẫn làm hẳn hài lòng hơn hẳn so với những gì hẳn đã sống cho đến hiện tại.

- Cậu có biết chúng ta vẫn chưa giới thiệu tên cho nhau không?

Joseph khựng lại, cái nĩa lơ lửng trong không khí.

- Nếu cậu không muốn cho tôi biết tên, cũng chẳng sao. Dù sao thì cậu cũng rất dễ mến.

Joseph tiếp tục ăn. Người lạ không nài ép, nhưng hẳn cảm thấy cần phải bù đắp cho anh ta bằng cách này hay cách khác, vì anh ta quá hiếu khách. Hẳn quyết định tự mình tiết lộ một điều gì đó.

- Em sẽ chết vào năm năm mươi tuổi, đó là điều gần như chắc chắn.

Sau đó hắn giải thích lời nguyện đã đè nặng lên những người đàn ông trong gia đình mình. Người lạ mặt lắng nghe chăm chú. Tuy không đề lộ tên tuổi, Joseph nói với anh ta hắn giàu có và kể lại nguồn gốc tài sản của mình. Hắn nhắc đến người ông nội táo bạo và có tầm nhìn xa, người đã gieo mầm cho một gia sản khổng lồ, rồi cha hắn, người đã biết cách làm cho di sản đó nhân lên nhiều lần nhờ năng khiếu kinh doanh. Cuối cùng hắn nói về mình, về việc hắn không còn mục tiêu gì, bởi tất cả đều đã đạt được. Hắn ra đời chỉ để truyền lại hai thứ: một gia tài đáng kể và một cái gen chết người.

- Tôi hiểu căn bệnh đã giết chết cha và ông nội cậu là không thể tránh khỏi, nhưng với tiền bạc thì ta luôn có một giải pháp: tại sao cậu không từ bỏ sự giàu có của mình nếu như cậu không cảm thấy đủ tự do?

- Bởi vì em đã lớn lên cùng với nó và em không biết cách tồn tại mà không có tiền, dù chỉ là một ngày. Như anh thấy đấy, dù lựa chọn thế nào thì rốt cuộc em cũng sẽ chết cả thôi.

- Tào lao! - Người lạ mặt nói rồi đứng dậy đi rửa bát.

Joseph cố thử giải thích rõ hơn cho anh ta:

- Em có thể có được mọi thứ mình muốn. Nhưng cũng chính vì thế mà em không còn biết ham muốn là gì nữa.

- Vớ vẩn! Tiền không mua được tất cả.

- Ngược lại, nó mua được đấy. Anh cứ tin em đi. Nếu em muốn anh chết, em có thể trả tiền cho người khác để bọn họ giết anh mà không ai hay biết.

- Cậu đã từng làm thế rồi hả? - Người lạ hỏi, đột ngột trở nên nghiêm trọng.

- Làm gì cơ?

- Cậu từng trả tiền cho ai đó để họ giết người thay mình hả?

- Em thì chưa, nhưng bố và ông em thì có đấy. Em biết mà.

Im lặng bao trùm.

- Nhưng còn sức khỏe, cậu không thể mua được nó.

- Phải. Nhưng khi biết trước mình sẽ chết, vấn đề sẽ trở nên nhẹ nhàng. Anh thấy không: những người giàu có cảm thấy bất hạnh vì họ biết rằng sớm muộn gì họ cũng sẽ phải từ bỏ những gì mình sở hữu. Nào có ai mang được của cải xuống mồ đâu. Còn em thì ngược lại, em không cần phải mất thời gian nghĩ đến cái chết của

mình, nó đã được thu xếp hộ em rồi.

Người lạ mặt dừng lại suy nghĩ.

- Cậu nói cũng phải. Nhưng không ham muốn gì hết thì buồn chết. Chắc chắn phải có gì đó thực sự làm cậu thỏa mãn chứ? Vậy ta hãy bắt đầu từ đó.

- Ờ thì... em thích đi bộ. Từ sáng nay, em cũng thích ăn trứng với thịt muối. Và em thích bọn con trai.

- Cậu muốn nói là cậu...

- Em không biết, thật đấy. Em đi với chúng, nhưng không thể nói là thật sự ham muốn.

- Vậy tại sao cậu không thử với phụ nữ?

- Chắc có lẽ em phải thử. Nhưng trước hết em cần phải ham muốn điều đó, anh hiểu không? Em không biết phải giải thích thế nào.

- Tôi hiểu mà. Tôi thấy cậu đã giải thích rất rõ ràng rồi đó.

Anh ta gác cái chảo cùng với những thứ khác lên chiếc

ghế đầu, rồi nhìn đồng hồ đeo tay.

- Đã mười giờ rồi. Tôi phải vào thị trấn. Tôi cần các món phụ tùng để sửa cái máy nướng bánh.

- Vậy em cũng đi đây.

- Không, sao phải thế? Cậu cứ ở đây và nghỉ ngơi chút đỉnh, nếu muốn. Tôi sẽ về sớm, nên ta có thể cùng ăn và tán gẫu thêm một chút. Cậu rất dễ thương, cậu biết không?

Joseph quan sát cái trường kỷ cũ rách. Trông nó đầy vẻ mời gọi.

- Thôi được. - Hấn nói. - Em sẽ ngủ một chút, nếu anh không phiền.

Người đàn ông bật cười:

- Tuyệt!

Rồi anh ta nói thêm khi chuẩn bị ra khỏi cửa:

- Mà này, cậu muốn thứ gì cho bữa tối?

- Em không biết. - Joseph nhìn anh ta. - Làm em ngạc

nhiên đi.

Một bàn tay nhẹ nhàng lay hấn. Joseph mở mắt và nhận ra trời đã tối.

- Mệt quên đời, hả! - Người bạn mới vừa cười vừa nói với hấn. - Cậu đã ngủ suốt chín tiếng đồng hồ đấy.

Joseph ngồi dậy đuổi người. Đã lâu rồi hấn không cảm thấy thư giãn như thế. Dạ dày hấn đang kêu réo.

- Đã đến giờ ăn tối rồi ạ? - Hấn hỏi.

- Tôi bắt đầu làm bữa tối: đùi gà nướng than dùng với khoai tây. Cậu thấy thực đơn ổn chứ?

- Tuyệt hảo. Em chết đói đến nơi rồi đây.

- Trong khi chờ đợi, cậu lấy bia mà uống. Ở trên bậu cửa sổ ấy.

Joseph chưa bao giờ uống bia, ngoại trừ chỗ bia mà mẹ hấn bỏ vào trong món punch Giáng sinh. Hấn lấy một lon từ trong

lốc sáu và mở nắp, rồi kê môi vào gờ nhôm của nó tu một hơi dài. Món đồ uống lạnh lạnh nhanh chóng chạy xuống thực quản hẳn. Cảm giác thật dễ chịu và mát mẻ. Sau khi làm hơi thứ hai, hẳn ợ một cái.

- Chúc sức khỏe! - Người đàn ông hô to.

Bên ngoài trời khá lạnh, nhưng ở trong nhà ngọn lửa tỏa ra một hơi ấm dễ chịu. Ánh sáng từ cây đèn bão đặt trên bàn nhẹ nhàng chiếu lên căn phòng.

- Ông già bán đồ đồng nát bảo là cái máy nướng bánh có thể sửa được. Ông ta thậm chí còn chỉ cho tôi vài chỗ. Càng tốt, tôi có thể sửa rồi bán lại nó ngoài chợ.

- Vậy ra anh sống bằng nghề này?

- Ừ, thỉnh thoảng cũng nhờ đến nó. Người ta vứt đi khối thứ còn dùng được. Tôi đi nhặt chúng, sửa chữa rồi bán kiếm tiền. Tôi cũng giữ lại vài món, chẳng hạn như bức tranh này...

Anh ta giờ tay chỉ bức tranh phong cảnh không có khung treo trên tường.

- Tại sao là bức tranh này? - Joseph hỏi.

- Tôi không biết, tôi thích nó. Tôi nghĩ nó nhắc tôi nhớ đến nơi tôi sinh ra, hoặc có thể là nơi tôi chưa từng đến, ai có thể dám khẳng định là mình đã đi hết...

- Anh đã đi nhiều đến thế kia à?

- Ừ, nhiều lắm. - Nói đoạn anh ta trầm ngâm suy nghĩ, trước khi tiếp lời. - Món gà của tôi rất đặc biệt. Rồi cậu sẽ thấy. À mà này, tôi có một bất ngờ dành cho cậu.

- Bất ngờ á? Bất ngờ nào?

- Không phải bây giờ. Để sau bữa tối cái đã.

Hai người ngồi vào bàn. Món gà và khoai tây được nêm nếm rất vừa miệng. Joseph lấy thức ăn hết lần này đến lần khác. Người đàn ông - từ bây giờ đó là cách Joseph gọi anh ta trong đầu - ăn không ngậm miệng và uống ba lon bia. Sau bữa tối anh ta rút cái tẩu đéo bằng tay và gói thuốc lá ra. Trong khi nhồi tẩu, anh ta nói:

- Cậu biết không, tôi đã nghĩ rất nhiều đến điều cậu nói ban sáng.

- Điều gì cơ?

- Những gì cậu nói về “ham muốn” ấy. Nó làm tôi rất ấn

tượng.

- Thật ạ? Tại sao?

- Cậu biết đấy, tôi thì tôi không nghĩ việc biết chính xác thời điểm chết của mình là một điều tồi tệ. Ngược lại tôi thấy đó là một đặc quyền.

- Sao anh có thể nói như vậy được?

- Dĩ nhiên, nó tùy thuộc vào cách cậu nhìn nhận sự việc. Cái ly voi một nửa hay đầy một nửa. Tóm lại: cậu có thể làm bảng liệt kê những thứ mình thiếu. Hoặc cậu có thể ấn định phần còn lại của đời mình theo hạn định đó.

- Em chưa hiểu.

- Tôi cho rằng việc biết mình sẽ phải chết lúc năm mươi tuổi khiến cậu nghĩ cậu không có chút quyền lực nào trên cuộc đời của bản thân. Nhưng đó chính là chỗ cậu nhầm đấy, bạn ạ.

- Anh định nghĩa chữ “quyền lực” thế nào?

Người đàn ông lấy một nhánh củi trong lò và châm tẩu. Anh ta rít một hơi dài trước khi trả lời:

- Quyền lực và ham muốn luôn đi với nhau. Chúng được hình thành từ cùng một chất liệu đáng nguyên rủa. Cái sau phụ thuộc vào cái trước, và ngược lại. Đó không phải là một thứ triết lý vớ vẩn đâu, mà chính là thiên nhiên đã định đoạt như vậy. Sáng nay cậu đã nói rất đúng: chúng ta chỉ có thể ham muốn thứ mà chúng ta không có được. Cậu nghĩ cậu có đủ quyền lực để có mọi thứ nên cậu chẳng ham muốn gì nữa. Nhưng điều đó là do quyền lực của cậu bắt nguồn từ tiền bạc.

- Vậy còn có những dạng quyền lực khác sao?

- Dĩ nhiên, quyền lực của ý chí chẳng hạn. Để hiểu được thì cần phải đặt nó vào trong thử thách. Nhưng tôi sợ cậu không muốn làm điều đó...

- Sao anh lại nói như thế? Em có thể làm được.

Người đàn ông quan sát hắn.

- Cậu chắc chứ?

- Chắc.

- Tốt. Trước khi dùng bữa tối, tôi đã nói là có một bất ngờ dành cho cậu. Thời điểm tiết lộ nó đã đến. Cậu đi với tôi.

Anh ta đứng dậy và tiến đến một trong số những cánh cửa khép kín ở cuối phòng. Joseph loạng choạng đi theo.

- Nhìn này.

Hắn bước qua ngưỡng cửa vào trong bóng tối và nghe thấy thứ gì đó trong phòng đang thở gấp. Hắn nghĩ ngay đến một con thú và lùi lại.

- Can đảm lên. - Người đàn ông nói. - Nhìn cho kỹ vào.

Joseph mất vài giây để quen với bóng tối. Ánh sáng yếu ớt từ ngọn đèn bão ở trên bàn chỉ vừa đủ rọi sáng khuôn mặt của thằng bé. Nó đang nằm trên giường, tay và chân bị trói vào thành giường bằng những sợi thừng to. Nó mặc một cái áo somi kẻ ô và quần jean, chân trần. Một cái khăn tay buộc ngang miệng làm cho nó không nói được, nên chỉ phát ra những âm thanh khó hiểu giống như tiếng kêu của động vật. Chỗ tóc trên trán nó ướt đẫm mồ hôi. Thằng bé vùng vẫy như một con thú bị nhốt, mắt nó mở to đầy sợ hãi.

- Ai đây? - Joseph hỏi.

- Một món quà tặng cậu.

- Em phải làm gì với nó đây?

- Bất cứ điều gì cậu muốn.

- Nhưng em không biết nó là ai.

- Tôi cũng thế. Nó bắt xe quá giang, tôi cho nó lên xe trong khi quay về đây.

- Ta nên cời trói và tha cho nó.

- Nếu đó là điều cậu muốn.

- Tại sao em phải muốn chuyện gì khác kia chứ?

- Bởi vì đây là minh chứng cho cái gọi là quyền lực, và việc nó liên quan như thế nào với ham muốn. Nếu cậu muốn thả tự do cho thằng nhóc thì cứ việc. Nhưng nếu cậu muốn điều gì khác từ nó, cậu có toàn quyền lựa chọn.

- Ý anh là chuyện tình dục, đúng không?

Người đàn ông lắc đầu ra vẻ thất vọng.

- Tầm nhìn của cậu hạn hẹp quá. Cậu đang nắm trong tay một sinh mạng người, tạo vật vĩ đại và đáng kinh ngạc nhất của Chúa trời, vậy mà điều duy nhất cậu nghĩ đến là chuyện ấy...

- Em phải làm gì với một mạng người trong tay?

- Hôm nay cậu chẳng đã nói rồi đấy thôi: nếu cậu muốn giết một ai đó, cậu chỉ cần trả tiền cho một người khác để ra tay hộ mình. Nhưng cậu thực sự tin là việc đó đem lại cho cậu quyền cướp đi sinh mạng của người khác à? Tiền của cậu có cái quyền đó, chứ nào phải cậu. Chẳng nào cậu còn chưa tự mình làm chuyện đó, thì cậu còn chưa biết được nó có ý nghĩa như thế nào.

Joseph lại nhìn thẳng bé đang hoảng hốt thấy rõ.

- Nhưng em không muốn biết. - Hấn nói.

- Tại vì cậu sợ. Sợ hậu quả, sợ bị trừng phạt hoặc sợ cảm thấy có tội.

- Có sợ những chuyện đó thì cũng bình thường thôi mà.

- Không, không phải vậy, Joseph à.

Hấn thậm chí không nhận ra người đàn ông vừa gọi tên mình: hấn còn đang mãi lia mắt nhìn từ anh ta sang thẳng nhóc.

- Vậy nếu như tôi bảo cậu có thể làm việc đó, việc tước đi sinh mạng của một người mà không ai hay biết thì sao?

- Không à? Vậy còn anh?

- Tôi là người đã bắt cóc thằng bé và mang nó về đây, cậu quên rồi sao? Ngoài ra tôi cũng sẽ là người chôn cái xác.

Joseph sụp mắt xuống.

- Sẽ không có ai biết việc này chứ?

- Nếu tôi bảo là cậu sẽ không bị trừng phạt, liệu như thế có khơi lên ham muốn thử làm chuyện đó trong cậu không?

Joseph nhìn hai bàn tay mình một lúc lâu, nhịp thở của hắn tăng dần trong lúc hắn thấy khoái cảm trong mình dâng lên, một điều hoàn toàn mới mẻ đối với hắn.

- Em muốn một con dao. - Hắn nói.

Người đàn ông đi vào trong bếp. Trong lúc chờ đợi, Joseph nhìn thẳng nhóc đang khóc lóc van xin mình qua ánh mắt. Hắn nhận ra mình vô cảm trước những giọt nước mắt câm lặng kia. Sẽ chẳng có ai khóc thương cho cái chết của hắn khi căn bệnh của cha và ông nội mang hắn đi vào năm năm mươi tuổi. Đối với mọi người, hắn vẫn luôn giàu có và không cần sự thương xót dưới bất kỳ hình thức nào.

Người đàn ông quay lại với một con dao sắc. Anh ta đặt con dao vào trong tay hắn.

- Không có gì vui sướng cho bằng việc tước đi một mạng sống. - Anh ta nói với hắn. - Không phải của một người đặc biệt như kẻ thù hoặc người đã hại cậu. Mà là của một người bất kỳ. Điều đó cho cậu quyền lực như Chúa trời.

Anh ta để mặc hắn ở đó và bước ra ngoài, khép cửa phòng lại sau lưng.

Anh trắng sượt qua những khe cửa chớp đã hỏng, làm con dao trong tay hắn sáng loáng. Thằng nhóc cựa quậy, và Joseph cảm thấy sự lo lắng, nỗi sợ hãi của nó thông qua cả tiếng động phát ra lẫn mùi cơ thể của nó. Hơi thở chua nồng, mồ hôi dưới nách nó. Hắn tiến lại gần giường, chậm rãi, để mặc ván sàn kêu cọt kẹt dưới chân, nhằm làm cho thằng nhóc ý thức được điều đang diễn ra. Hắn chạm lưỡi dao vào ngực nó. Liệu hắn có phải nói gì không đây? Trong đầu hắn trống rỗng. Một cơn rùng mình chạy qua cơ thể hắn và một điều hắn không ngờ tới đã xảy ra: hắn cương lên.

Hắn nhắc con dao lên vài centimet, rồi chậm chậm rê nó dọc theo thân người xuống đến bụng thằng nhóc, và dừng lại. Hắn hít một hơi rồi chậm chậm ấn đầu nhọn của con dao qua lớp vải áo somi, cho đến khi nó chạm vào da thịt. Thằng nhóc cố hét lên, nhưng những gì phát ra chỉ là sự mô phỏng khốn khổ của một tiếng

thét đau đớn. Joseph ấn con dao thêm vài centimet, lớp da toạc ra như thể bị xé rách. Hắn nhận ra màu trắng của lớp mỡ. Nhưng vết thương chưa chảy máu. Vậy nên hắn ấn dao mạnh hơn, cho đến khi cảm thấy máu ấm trên tay mình và mùi hăng từ trong ruột xộc lên. Thằng nhóc ưỡn người, vô tình làm cho công việc của hắn thuận lợi hơn. Hắn ấn nữa, cho đến khi cảm thấy lưỡi dao chạm vào xương sống. Thằng nhóc giờ chỉ còn là một mớ cơ và xương cứng cứng dưới tay hắn. Nó giữ nguyên tư thế ưỡn người trong vài giây. Rồi nó nặng nề rơi trở xuống giường, như một đồ vật vô tri.

Và đúng lúc đó, chuông báo động...

... bắt đầu kêu toáng lên. Bác sĩ và y tá chạy bỏ đến bên cạnh người bệnh cùng với thiết bị cấp cứu đặt trên xe đẩy. Bà Nicla cúi gập người, cô lấy lại hơi thở: cú sốc từ những gì trông thấy đã lôi bà ra khỏi trạng thái lên đồng. Mila đặt tay lên lưng Nicla, cố giúp bà thở. Bằng một động tác dứt khoát, bác sĩ mở phanh áo ngủ của Joseph B. Rockford ngay chỗ lồng ngực, làm các cúc áo bay tung tóe trên sàn. Boris suýt nữa thì ngã nhào khi anh lao đến giúp Mila. Tay bác sĩ đặt hai tấm điện cực mà y tá vừa đưa lên ngực bệnh nhân, rồi hét lớn: “1... 2... 3!” trước mỗi lần sốc điện. Goran tiến lại gần Mila.

- Chúng ta đưa bà ấy ra khỏi đây thôi. - Ông nói trong lúc giúp cô đỡ bà tu sĩ dậy.

Trong khi họ cùng Rosa và Stern rời khỏi phòng, Mila quay lại nhìn một lần cuối Joseph B. Rockford. Toàn thân hấn rung chuyển theo từng hồi sóc điện, nhưng bên dưới tấm chăn, cô nhận thấy hình như hấn đang cương cứng.

Đồ khốn nạn, cô nghĩ bụng.

Tiếng bíp của máy theo dõi nhịp tim kéo thành một hồi dài liên tục. Đúng vào lúc đó, Joseph B. Rockford mở mắt. Đôi môi hấn mấp máy nhưng không thốt ra tiếng. Các dây thanh quản của hấn đã bị tổn hại khi bị người ta mở khí quản để giúp thở dễ hơn.

Hấn đã chết. Mớ thiết bị xung quanh cho biết hấn chỉ còn là một đồng thịt vô hồn không hơn. Thế nhưng hấn vẫn cố nói. Tiếng lào phào của hấn nghe giống như một người chết đuối đang cố gắng hít không khí một lần cuối.

Việc đó không kéo dài.

Rốt cuộc, một bàn tay vô hình lại lôi hấn đi, và linh hồn của Joseph B. Rockford như bị chiếc giường nuốt chửng, bỏ lại một thân xác trống rỗng.

Khi đã hoàn hồn trở lại, Nicla tự nguyện hợp tác với một trong những nhân viên phác họa của cảnh sát liên bang để vẽ hình ảnh nhận dạng của người đàn ông mà bà đã thấy cùng với Joseph.

Người lạ mặt mà hắn gọi là “người đàn ông”, kẻ mà họ cho là Albert.

Hàm râu dài và mái tóc bù xù không cho phép bà miêu tả các đường nét của gương mặt một cách chính xác. Bà không biết cung hàm của gã như thế nào, chiếc mũi chỉ là một cái bóng lơ mờ. Hình dạng chính xác của đôi mắt cũng nằm ngoài sự nắm bắt của bà.

Bà chỉ có thể nói một cách chắc chắn rằng chúng có màu xám.

Dầu vậy kết quả cũng sẽ được phân phát cho tất cả các đơn vị cảnh sát, các bến cảng, sân bay và cửa khẩu. Roche đã nghĩ đến khả năng cung cấp một bản sao cho báo giới, một việc đòi hỏi phải giải thích cách thức họ đã làm để có được hình ảnh nhận dạng. Nếu họ tiết lộ chuyện nhờ đến một bà đồng, các phóng viên sẽ suy ra rằng cảnh sát chẳng có gì trong tay, phải mò mẫm và nhờ đến bà trong tình cảnh tuyệt vọng.

- Đó là một nguy cơ ta phải đối mặt. - Goran nói.

Ngài chánh thanh tra đã quay lại cùng nhóm điều tra ở nhà Rockford. Ông ta không muốn gặp bà tu sĩ, vì ngay từ đầu đã nói thẳng là không muốn dính dáng đến cuộc thử nghiệm: như mọi khi, tất cả trách nhiệm sẽ bị đổ lên đầu Goran. Nhà tội phạm học sẵn lòng chấp nhận điều đó vì ông tin ở linh cảm của Mila.

- Cháu à, bà đã nghĩ ra một chuyện. - Bà Nicla nói với Mila trong chiếc xe cắm trại di động của cảnh sát, trong khi cô quan sát Gavila và ngài chánh thanh tra thảo luận trên bãi cỏ phía trước ngôi nhà.

- Chuyện gì vậy ạ?

- Bà không muốn món tiền thưởng.

- Nhưng nếu đó là người mà bọn cháu đang tìm, thì bà có quyền hưởng số tiền đó.

- Bà không muốn có nó.

- Bà hãy nghĩ đến những gì có thể làm được cho những người mà bà chăm sóc hàng ngày.

- Họ còn cần thứ gì nữa chứ? Họ đã có sự yêu thương, chăm sóc của bọn bà, cháu tin bà đi, khi một sinh vật của Chúa trời đi đến điểm kết thúc của sự tồn tại, sinh vật đó không cần gì thêm đâu.

- Nếu bà nhận khoản tiền đó thì theo cháu nghĩ, một điều tốt đẹp sẽ có thể nảy sinh từ tất cả chuyện này...

- Cái ác chỉ sản sinh ra cái ác. Đó luôn là đặc trưng của nó.

- Có một người đã nói với cháu là cái ác luôn có thể được chứng tỏ. Còn điều thiện thì không bao giờ. Bởi cái ác để lại dấu vết trên những gì nó đi qua. Còn điều thiện, ta chỉ có thể chứng kiến thôi.

Rốt cuộc bà Nicla cũng mỉm cười.

- Vớ vẩn. - Bà nói. - Cháu biết không, thực ra là cái thiện rất chóng qua nên không thể ghi nhận lại được. Và nó không để lại rác rưởi gì sau khi đã đi qua. Cái thiện rất sạch sẽ, cái ác thì dơ bẩn... Nhưng bà có thể chứng tỏ là cái thiện tồn tại, vì bà nhìn thấy nó mỗi ngày. Khi một trong số những con người nghèo khổ của bà gần đất xa trời, bà cố dành nhiều thời gian với họ hết sức có thể. Bà cầm tay người đó, lắng nghe người ta nói chuyện, nếu có thú nhận điều gì không phải thì bà cũng không phán xét. Khi họ hiểu điều sắp xảy ra với mình, nếu họ sống tốt và không làm gì sai trái, hoặc từng làm nhưng đã sửa chữa... thì họ vẫn luôn mỉm cười. Bà không biết tại sao, nhưng nó là như thế, bảo đảm với cháu đấy. Bằng chứng của cái thiện là nụ cười đi cùng họ khi đối diện với cái chết.

Mila yên tâm gặt đầu. Cô không muốn cố ép bà Nicla nhận món tiền thưởng. Biết đâu bà nói đúng.

Đã năm giờ chiều, bà tu sĩ khá mệt mỏi, nhưng vẫn còn một việc phải làm.

- Bà có chắc là nhận ra được cái lán bỏ hoang đó không? -
Cô hỏi.

- Có, bà biết nó nằm ở đâu.

Họ chỉ cần làm một cuộc kiểm tra đơn giản trước khi quay lại studio là có thể xác nhận thông tin do bà Nicla cung cấp.

Nhưng dù thế cả nhóm vẫn lên đường.

Trong xe, Sarah Rosa làm theo các chỉ dẫn của bà Nicla. Dự báo thời tiết cho biết vẫn còn nhiều trận tuyết rơi mới. Một mặt, trời quang mây và mặt trời đang lặn nhanh chóng. Nhưng mặt khác, các đám mây đang tích tụ ở chân trời và nhiều ánh chớp đầu tiên đang đến gần.

Họ đang ở ngay chính giữa nó.

- Ta phải nhanh chóng hơn. - Stern giục. Trời sắp tối rồi.

Khi đi đến lối rẽ, họ rời con đường chính. Những viên sỏi kêu lạo xạo dưới bánh xe. Sau chừng ấy năm tháng, cái lán gỗ vẫn còn nằm đó. Lớp sơn trắng đã bong tróc hoàn toàn và chỉ còn sót lại ở một đôi chỗ. Những miếng ván bị phơi bày dưới mưa nắng đã thối mục, khiến cho cái lán nom như một chiếc răng sâu.

Họ xuống xe và tiến đến cửa.

- Coi chừng, nó có thể sập đấy. - Boris cảnh báo.

Goran bước lên bậc thềm đầu tiên. Địa điểm rất trùng khớp với các mô tả của bà tu sĩ. Phía bên trong, sàn nhà bị phủ bởi một lớp đất và họ có thể nghe thấy lũ chuột bị đánh động chạy nhón nháo bên dưới. Gavila nhận ra cái trường kỷ, dù nó chỉ còn là một đống những lò xo han gỉ. Chiếc tủ buýpphê vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Lò sưởi bằng đá đã sụp một phần. Ông lấy từ trong túi ra một chiếc đèn pin nhỏ để xem xét hai căn phòng phía sau. Trong lúc đó, Boris và Stern cũng đã bước vào và đang xem xét căn nhà.

Goran mở cánh cửa đầu tiên.

- Đây là phòng ngủ.

Nhưng chiếc giường đã biến mất. Sự hiện diện của nó được đánh dấu bởi một khu vực nhạt màu hơn trên sàn. Đây là nơi Joseph B. Rockford đã được nhập môn giết chóc. Chúa mới biết ai là thằng bé đã bị kết liễu trong căn phòng này hai mươi năm về trước.

- Cần phải đào quanh chỗ này để tìm kiếm các phần còn sót lại của thi thể. - Gavila nói.

- Tôi sẽ báo cho các thợ đào huyệt và đội của Chang ngay khi chúng ta tìm ra vị trí. - Stern nói.

Trong lúc đó, ở phía bên ngoài của cái lán gỗ, Sarah Rosa

bồn chồn rảo bước, hai tay đút trong túi áo cho đỡ lạnh. Bà Nicla và Mila ngồi trong xe quan sát cô ta.

- Cháu không thích chị ta. - Bà nói.

- Nói đúng hơn là chị ta không thích cháu.

- Cháu đã thử tìm hiểu lý do chưa?

Mila nhìn xéo bà tu sĩ.

- Bà định nói đây là lỗi của cháu đấy à?

- Không, bà chỉ muốn nói trước khi buộc tội ai thì phải thật chắc chắn cái đã.

- Chị ta không ưa cháu ngay từ khi cháu mới đến.

Bà Nicla giơ tay đầu hàng.

- Thôi được, cháu đừng có cáu. Khi cháu ra đi thì mọi chuyện đâu lại vào đấy thôi.

Mila lắc đầu. Đôi khi sự tốt bụng của bà Nicla thật đúng là không chịu đựng nổi.

Ở bên trong, Goran bước ra khỏi phòng ngủ và tiến đến cánh cửa đóng còn lại.

Bà tu sĩ đã không đề cập đến căn phòng thứ hai này.

Ông chiếu đèn vào tay nắm rồi mở cửa.

Nó rộng đúng bằng căn phòng bên cạnh, và trống rỗng. Hơi ẩm đã tấn công các bức tường, một lớp mốc đã xuất hiện ở trong các góc phòng. Goran quét đèn pin quan sát. Khi lia đèn qua một trong các vách tường, ông nhận thấy có thứ gì đó phản chiếu lại ánh sáng.

Ông dừng đèn pin tại điểm đó và trông thấy năm ô sáng, mỗi cái rộng chừng một tấc. Ông bước lại gần và sửng người. Được gắn trên tường là các tấm ảnh.

Debby. Anneke. Sabine. Melissa. Caroline.

Trong các bức ảnh, các cô bé vẫn còn sống. Albert đã đưa bọn trẻ đến đây trước khi giết chúng, và gã đã chụp ảnh chúng trong căn phòng này, ngay trước bức tường. Đầu tóc các em bù xù, quần áo nhàu nát. Một ánh đèn flash lạnh lùng đã gây bất ngờ cho những đôi mắt đỏ hoe vì khóc. Khuôn mặt chúng đầy sợ hãi.

Chúng đang cười và vẫy tay chào.

Gã đã bắt bọn trẻ làm động tác kỳ cục đó trước ống kính máy ảnh. Niềm vui bị ép buộc bởi nỗi sợ hãi nom thật kinh khủng.

Đôi môi của Debby méo xệch bởi một sự hoan hỉ giả tạo. Có cảm tưởng như nó sắp sửa òa khóc bất cứ lúc nào.

Anneke giơ một tay lên, trong khi tay còn lại buông xuôi theo thân mình trong một tư thế nhẫn nhục và quy phục.

Sabine được chụp đúng vào khoảnh khắc cô bé đang nhìn quanh, cố hiểu một điều mà trái tim non trẻ của con bé không thể nắm bắt được.

Melissa thì đang căng thẳng và chống đối. Nhưng rõ ràng là con bé cũng sẽ nhanh chóng bị khuất phục.

Caroline đứng bất động, đôi mắt mở to dù đang cười. Một nụ cười hoài nghi.

Sau khi đã xem lại hết các tấm ảnh, Goran mới gọi những người khác.

Thật phi lý. Không thể hiểu nổi. Tàn nhẫn một cách

không cần thiết.

Không thể nhìn nhận sự việc theo cách khác được. Không ai dám phá vỡ sự yên lặng trong suốt chuyến đi trở về studio.

Đêm nay sẽ thật dài. Không ai hy vọng sẽ ngủ được sau một ngày như thế. Mila đã không ngủ suốt bốn mươi tám giờ qua, quá nhiều sự việc đã liên tiếp diễn ra trong những giờ phút ấy.

Vụ phát hiện ra hình dáng của Albert trên tường căn biệt thự của bà Yvonne Gress. Cuộc nói chuyện của cô với Goran ở nhà ông tối qua, khi cô báo cho ông biết mình đã bị theo dõi, cũng như giả thiết của cô về việc thủ phạm có một kẻ đồng lõa. Tiếp đến là thắc mắc về màu mắt của Sabine, dẫn đến việc phát hiện ra sự lừa dối của thanh tra Roche. Chuyến viếng thăm dinh thự gia đình Rockford. Hồ chôn tập thể. Lara Rockford. Sự can thiệp của bà Nicla Papakidis. Vụ khám phá sâu trong đầu của tên giết người hàng loạt.

Và sau cùng, những tấm ảnh.

Mila đã từng thấy nhiều tấm ảnh trong quá trình công tác. Hình ảnh của những em nhỏ, được chụp ngoài bãi biển, hoặc trong buổi liên hoan văn nghệ cuối năm học. Các bậc phụ huynh hoặc người thân đã cho cô xem chúng khi cô đến gặp họ. Những đứa trẻ mất tích để rồi tái xuất hiện trong những tấm ảnh khác,

thường là trong tình trạng trần truồng hoặc mặc quần áo của người lớn. Những tấm ảnh thuộc bộ sưu tập của bọn ấu dâm hoặc trong hồ sơ của nhà xác.

Thế nhưng, trên năm tấm ảnh được tìm thấy tại căn nhà bỏ hoang, còn có một điều gì đó rất khác lạ.

Albert đã biết họ sẽ lần đến tận đây. Gã đã đợi họ.

Có khi nào gã tiên liệu được việc họ nhờ đến một bà đồng để điều tra tên học trò Joseph của gã hay không?

Gã đã quan sát chúng ta ngay từ đầu. Goran đã bình luận ngắn gọn như thế. Gã luôn đi trước chúng ta một bước.

Mila tin rằng mọi động thái của họ đều đã bị gã đoán trước và vô hiệu hóa. Giờ đây họ buộc phải cảnh giác phía sau lưng. Đó là gánh nặng đang đè lên các đồng đội hiện ngồi cùng xe với cô trên đường quay về trụ sở.

Và vẫn còn hai nạn nhân cần được phát hiện.

Nạn nhân đầu tiên chắc chắn đã chết. Cô bé thứ hai sớm muộn rồi cũng sẽ như thế. Không ai có đủ can đảm thú nhận điều đó, nhưng họ đang tuyệt vọng trong nỗ lực ngăn chặn vụ giết hại bé gái số sáu.

Về phần Caroline, ai có thể biết nỗi kinh hoàng nào sẽ được hé lộ. Biết đâu nó sẽ còn tồi tệ hơn những gì họ đã phát hiện được cho đến thời điểm này? Nếu vậy thì Albert đang chuẩn bị cho một kết thúc rất hoành tráng với nạn nhân số sáu.

Khi Boris dừng xe phía dưới studio thì đã quá mười một giờ tối. Anh để mọi người xuống xe, đóng cửa xe lại, và chợt nhận ra họ đang đợi anh lên cùng.

Họ không muốn để anh một mình.

Sự kinh hoàng mà mọi người đang đối mặt đã thắt chặt hơn tình đoàn kết của họ. Bởi tất cả những gì còn lại với họ là các đồng đội.

Mila cũng nằm trong số đó, giống như Goran. Hai người đã bị gạt ra trong một thời gian, nhưng điều đó đã không kéo dài lâu, và nó chỉ xảy ra do toan tính kiểm soát mọi chuyện của Roche. Kể từ lúc này, khoảng cách đã bị xóa đi và sai lầm đã được tha thứ.

Nhóm điều tra chậm rãi bước lên các bậc thang. Stern vòng tay ôm lấy vai Rosa.

- Tối nay cô về nhà đi. - Anh nói.

Nhưng cô chỉ cương quyết lắc đầu. Mila đã hiểu: Rosa

không thể phá vỡ sợi xích liên kết này. Nếu cô ta làm vậy, cả thế giới sẽ sụp đổ, những rào chắn bảo vệ nó sẽ vỡ tung, để mặc cho ma quỷ tràn vào. Họ là thành lũy cuối cùng trong cuộc chiến này, cho dù hiện đang thua họ vẫn không hề có ý định bỏ cuộc.

Họ cùng bước vào căn hộ. Boris nấn ná lại sau để đóng cánh cửa, trước khi quay lại và thấy mọi người chết sững trong hành lang như thể đang bị thôi miên. Anh không hiểu chuyện gì đang xảy ra, cho đến khi nhìn thấy qua vai các đồng đội một cái xác đang nằm trên sàn. Sarah Rosa hét lên. Mila quay vội đi vì cô không thể nhìn được nữa. Stern làm dấu thánh. Còn Gavila thì lặng thinh.

Caroline, nạn nhân số năm.

Lần này, thi thể của cô bé được dành sẵn cho họ.

Nhà tù tối mật, quận xxxx

Trại giam số 45

Báo cáo số 2 của giám đốc, Alphonse Bérenger

Ngày 16 tháng 12 năm hiện hành

Kính gửi: Phó biện lý Matthew Sedris

Văn phòng Chánh biện lý J.B. Marin

Tiêu đề: Kết quả điều tra - Mật

Thưa ông Sedris,

Tôi xin thông báo với ông rằng việc khám xét buồng biệt giam của phạm nhân số hiệu RK-357/9 đã được thực hiện một cách bất ngờ tối hôm qua.

Các quản giáo đã đột ngột ập vào phòng giam để thu thập các vật chất hữu cơ bị “rơi rớt ngẫu nhiên” hoặc “tự đối tượng bỏ lại”, nhằm mục đích xác định dấu vết di truyền của hắn, theo thư khuyến nghị từ văn phòng ông.

Người của tôi đã chứng kiến một buồng giam “sạch bóng”, đến mức có cảm giác như tù nhân RK-357/9 đã đón lõng chúng tôi. Tôi cho rằng hắn ta luôn ở trong trạng thái báo động thường trực và đã trù tính sẵn mọi động thái của chúng tôi.

Tôi e rằng, nếu không có sai sót nào của đối tượng hoặc một thay đổi tình hình bất ngờ, sẽ rất khó để cuộc điều tra này có thể thu được kết quả.

Có lẽ chúng ta chỉ còn một khả năng duy nhất để phá vỡ

bí mật. Chúng tôi nhận thấy nghi phạm RK-357/9 thỉnh thoảng *nói chuyện một mình*, chắc chắn là do ảnh hưởng của việc bị biệt giam. Có vẻ hắn chỉ lảm bảm linh tinh, nhưng dù sao, theo chúng tôi, và dưới sự chấp thuận của ông, nên chăng ta giấu một chiếc micro trong phòng giam để thu âm lời nói của hắn.

Lẽ đương nhiên, chúng tôi sẽ không từ bỏ việc thực hiện lại những cuộc kiểm tra đột xuất nhằm thu được mẫu ADN của đối tượng này.

Còn một ghi nhận cuối cùng tôi phải báo với ông: đối tượng luôn bình thản và dễ tính. Hắn không bao giờ phàn nàn, và cũng không tỏ ra khó chịu trước những mưu toan khiến hắn phạm sai lầm của chúng tôi.

Thời gian không còn nhiều. Sau *86 ngày* nữa, ta sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc trả lại tự do cho đối tượng.

Xin trân trọng kính chào.

Giám đốc

Alphonse Bérenger

Căn hộ được biết đến với tên “studio”

Và từ bây giờ được gọi là “hiện trường số năm”

Ngày 22 tháng 2

Mọi thứ sẽ không bao giờ trở lại như trước đây được nữa.

Vói bóng ma ám ảnh ấy, họ rút vào phòng ngủ tập thể trong khi chờ đợi của Chang và Krepp đến tìm dấu vết trong căn hộ. Sau khi nhanh chóng được báo cáo, thanh tra Roche đã trao đổi với Goran từ gần một tiếng đồng hồ nay.

Stern nằm trên chiếc giường gấp, tay kê sau đầu, hai mắt nhìn đăm đăm lên trần nhà. Nom anh như một gã cao bồi. Các nếp là thẳng thớm trên bộ comlê của anh không hề hấn gì sau những giờ căng thẳng vừa qua, thậm chí anh cũng không cảm thấy cần phải nói lỏng nút thắt càvạt. Boris đang nằm nghiêng, nhưng rõ ràng là anh chàng không ngủ. Chân trái của anh bòn chòn gõ nhịp trên tấm vải phủ giường. Rosa thì đang cố gọi điện thoại cho ai đó, nhưng không bắt được sóng.

Mila lần lượt quan sát đồng đội của mình, trước khi nhìn xuống màn hình máy tính xách tay đặt trên đầu gối. Cô đã yêu cầu gửi các tấm ảnh chụp trong buổi hội chợ mà Sabine bị bắt cóc. Chúng đều đã được xem xét, nhưng cô muốn quan sát lần nữa, dưới ánh sáng của giả thiết mà cô đã trình bày với Goran, trong đó kẻ bắt cóc nhiều khả năng là một phụ nữ.

- Tôi rất muốn biết làm thế quái nào gã đã mang được thi

thẻ của Caroline đến tận đây... - Stern buột miệng thốt ra câu hỏi đang ám ảnh tất cả bọn họ.

- Phải, tôi cũng muốn biết điều đó. - Rosa đồng tình.

Tòa nhà gần như trống rỗng và các hệ thống an ninh đã bị tháo gỡ, nhưng lối duy nhất vào căn hộ là cánh cửa chính, và nó đã được bọc thép.

- Hẳn đã đi qua cửa chính. - Boris nói vồn vện có thể sau khi thoát ra khỏi tình trạng uể oải giả tạo của mình.

Nhưng có một điều khiến họ tức tối hơn hẳn những thứ khác. Lần này thông điệp mà Albert muốn gửi đến là gì? Tại sao gã lại quyết định phủ một bóng ma nặng nề đến thế lên vai những người truy lùng gã?

- Theo tôi, gã chỉ muốn làm chúng ta chậm bước. - Rosa nói. - Chúng ta đã đến quá gần, nên gã đã xáo trộn các lá bài thêm lần nữa.

- Không, Albert không làm điều gì một cách ngẫu nhiên. - Mila xen vào. - Gã đã dạy chúng ta rằng tất cả mọi điều gã làm đều có căn nguyên của nó.

Sarah Rosa liếc xéo cô.

- Vậy thì sao? Ý cô là thế nào? Một trong số chúng ta là một con quỷ à?

- Đó không phải là điều cô ấy muốn nói. - Stern đáp. - Mila chỉ nói là nguyên do của chuyện này phải gắn liền với kế hoạch của Albert: nó là một phần của trò chơi mà gã đã buộc chúng ta chơi cùng ngay từ khi bắt đầu... Nguyên nhân có thể gắn với chỗ này, với công năng của nó trong quá khứ.

- Nó có thể liên quan tới một vụ án cũ. - Mila nói thêm khi nhận thấy giả thiết đưa ra không được hiểu đúng.

Trước khi cuộc nói chuyện tiếp diễn thì Goran đã bước vào, khép cửa lại sau lưng.

- Tôi cần tập trung sự chú ý của mọi người.

Giọng điệu của ông có vẻ khẩn cấp. Mila rời mắt khỏi màn hình. Tất cả đều nhìn về phía nhà tội phạm học.

- Theo lý thuyết, chúng ta vẫn còn đang phụ trách cuộc điều tra này, nhưng tình hình đang phức tạp lên.

- Nghĩa là sao? - Boris thốt lên.

- Các bạn sẽ hiểu ra sớm thôi, nhưng từ bây giờ tôi yêu

cầu mọi người giữ bình tĩnh. Tôi sẽ giải thích sau...

- Sau cái gì chứ?

Goran chưa kịp đáp thì cánh cửa đã bật mở.

Thanh tra Roche bước vào phòng. Tháp tùng ông ta là một người đàn ông vạm vỡ, tuổi trạc năm mươi, áo vét nhàu nhĩ, chiếc cà vạt quá mỏng manh so với cái cổ đồ sộ. Trên môi ông ta là một điệu xì gà không cháy.

- Bình tĩnh ngồi xuống nào. - Thanh tra Roche nói, mặc dù chưa ai kịp đứng lên chào. Ông cố nặn ra một nụ cười đáng lẽ mang tính trấn an nhưng lại chỉ càng gây thêm lo lắng.

- Các bạn, tình hình đang rất phức tạp, nhưng chúng ta sẽ tháo gỡ được nó. Tôi sẽ không để cho một gã điên gieo rắc sự nghi ngờ vào nhóm điều tra của tôi! - Ông nói và nhấn khá mạnh ở hai chữ cuối cùng, như thường lệ. - Chính vì lẽ đó mà tôi đã dùng một biện pháp đề phòng, vì lợi ích của mọi người, và đưa thêm một người vào cuộc cùng các bạn. - Ông thông báo mà không hề giới thiệu người đang đứng bên cạnh. - Hãy hiểu cho tôi, vì những lý do hiển nhiên tôi đã định rút mọi người ra khỏi vụ này. Tình hình không còn gì rối rắm hơn: chúng ta không tài nào tìm ra được Albert, trong khi gã mò được đến tận đây! Vậy nên, theo sự nhất trí của giáo sư Gavila, tôi đã giao phó cho đại úy Mosca đây trách

nhệm hỗ trợ các bạn cho đến khi cuộc điều tra kết thúc.

Không ai nói gì, dù họ thừa hiểu sự “hỗ trợ” mà họ nhận được ở đây là gì. Mosca sẽ nắm quyền kiểm soát và chỉ để cho họ một lựa chọn duy nhất: hoặc theo phe ông ta và cố vớt vát phần nào sự tin tưởng, hoặc là biến đi.

Terence Mosca là người khá nổi danh trong ngành cảnh sát. Ông ta được biết đến sau một chiến dịch nằm vùng trong một ổ buôn ma túy kéo dài sáu năm. Bằng thành tích của ông ta có hàng trăm cuộc bắt bớ và nhiều chiến dịch nằm vùng khác. Tuy nhiên, ông ta chưa bao giờ phụ trách các vụ giết người hàng loạt, hay các tội ác bệnh hoạn khác.

Roche đã nhờ đến Terence Mosca chỉ vì một lý do duy nhất: nhiều năm trước đây, Mosca đã tranh giành chiếc ghế chánh thanh tra với ông. Căn cứ vào diễn biến tình hình, ông thấy đây là cơ hội để ép đối thủ hứng lấy phần nào gánh nặng của một thất bại đã khá rõ rệt. Một quyết định liều lĩnh, cho thấy ông cảm nhận được tình thế cấp bách, của mình đến mức nào: nếu như Terence Mosca phá được vụ Albert này, thanh tra Roche sẽ phải nhường cho ông ta đầu tôm quyền lực.

Trước khi lên tiếng, ngài đại úy tiến lên một bước như thể muốn gạt Roche qua một bên và chứng tỏ sự chủ động của mình.

- Phía bệnh học và cảnh sát khoa học vẫn chưa tìm được điều gì có ý nghĩa. Điều duy nhất mà ta biết là để vào được trong căn hộ này, thủ phạm phải mở được cánh cửa bọc thép kia.

Khi mở cửa lúc quay trở về studio, Boris không nhận thấy dấu vết phá hoại nào.

- Gã đã cẩn thận xóa sạch mọi dấu vết: gã không muốn làm hỏng sự ngạc nhiên của mọi người.

Mosca tiếp tục nhảy nhay điệu xì gà trong lúc dò xét mọi người, hai tay vẫn đút túi. Xem vẻ ông đại úy này không phải là một người sẵn sàng tính sổ ai, nhưng ông ta vẫn tạo ra được ấn tượng đó.

- Tôi đã cử nhiều cảnh sát viên đi điều tra quanh vùng với hy vọng tìm được một nhân chứng. Biết đâu chúng ta sẽ thu được một số đăng ký xe... Còn về động cơ thúc đẩy đối tượng đem cái xác đến đây, chúng ta buộc phải tự nghĩ ra. Nếu các anh chị nghĩ được điều gì thì đừng ngần ngại. Hiện tại tôi chỉ nói được có thể thôi.

Terence Mosca quay gót, và không để cho ai kịp phản ứng hay đối đáp gì, ông ta đi thẳng ra hiện trường.

Thanh tra Roche không nhúc nhích.

- Các bạn không còn nhiều thời gian. Cần phải tìm ra được một suy đoán, thật nhanh.

Rồi đến lượt mình ông cũng rời phòng. Goran đóng cửa lại, những người khác vây quanh ông.

- Tin sốt dẻo này là thế nào đây? - Boris hỏi đầy nghi hoặc.

- Tại sao chúng ta cần phải có một con chó giữ nhà ngay lúc này? - Rosa hùa theo.

- Bình tĩnh nào, mọi người không hiểu rồi. - Goran nói. - Đại úy Mosca là người thích hợp nhất tại thời điểm này. Chính tôi là người đề nghị sự can thiệp của ông ta.

Mọi người không tin nổi ở tai mình.

- Tôi biết tất cả đang nghĩ gì, nhưng với cách này, tôi đã cho thanh tra Roche một lối thoát và giữ lại được vai trò của chúng ta trong cuộc điều tra.

- Chính thức ra thì chúng ta vẫn còn đang tham gia, nhưng ai cũng biết là Terence Mosca thích đơn thương độc mã. - Stern nhận xét.

- Vì thế mà tôi đã tiến cử Mosca: do đã biết rõ ông ta, chúng ta sẽ không bị ngáng trở, ông ta sẽ không thể biết những gì chúng ta làm. Chúng ta chỉ cho ông ta biết những điều cần biết, thế thôi.

Đây có vẻ là một giải pháp tối ưu, nhưng nó không loại bỏ được mối nghi ngờ đang đè nặng trên mỗi người.

- Mọi người sẽ dồn mắt vào chúng ta. - Stern vừa lắc đầu vừa nói, vẻ khó chịu.

- Còn ta, ta sẽ để cho Mosca tiếp tục tìm kiếm Albert trong lúc ta tập trung vào nạn nhân số sáu...

Một chiến thuật hay, có vẻ như vậy: nếu họ tìm ra cô bé còn sống, họ sẽ xua tan sự nghi ngờ vây quanh mình.

- Tôi cho rằng Albert đã đặt thi thể của Caroline tại đây để chơi xỏ chúng ta. Bởi lẽ, dù chưa có gì chống lại chúng ta, mối nghi ngờ nhắm vào chúng ta vẫn tồn tại.

Mặc cho ông tìm mọi cách để giữ vẻ bình tĩnh, Goran vẫn thừa biết những nhận định của ông sẽ không đủ để xoa dịu tình hình: kể từ lúc thi thể thứ năm được phát hiện, từng người trong số họ đã bắt đầu nhìn người kia bằng con mắt khác. Họ biết nhau đã lâu, nhưng không ai có thể loại trừ việc mỗi người trong số họ đều

đang che giấu một bí mật nào đó. Đây chính là mục đích thực sự của Albert: gây chia rẽ nội bộ. Nhà tội phạm học tự hỏi còn bao lâu trước khi hạt giống nghi ngờ nảy mầm trong bọn họ.

- Cô bé cuối cùng không còn nhiều thời gian. - Ông nói một cách quả quyết. - Albert đã gần như hoàn thành kế hoạch của mình. Gã đang chuẩn bị cho hồi kết. Nhưng gã cần được rảnh tay, nên gã đã gạt chúng ta khỏi cuộc đua. Hiện tại ta chỉ có một cơ may duy nhất để tìm thấy gã, cơ may đó ở trong tay một cá nhân nằm ngoài mọi mối nghi ngờ, vì người này tham gia vào nhóm khi Albert đã lập kế hoạch xong.

Đột ngột nhận mọi ánh mắt đổ dồn vào mình, Mila cảm thấy không thoải mái.

- Cô có thể hành động tự do hơn chúng tôi nhiều. - Stern khích lệ cô. - Nếu - Phải nghe theo linh cảm của mình, cô sẽ làm gì?

Thật ra thì Mila đã có một suy đoán, nhưng cô muốn giữ nó cho riêng mình.

- Tôi biết tại sao gã chỉ chọn các bé gái.

Họ từng đặt ra câu hỏi đó trong phòng suy tưởng, khi vụ việc chỉ mới bắt đầu. Tại sao Albert không bắt cóc các cậu bé trai? Hành vi của gã không nhằm mục đích tính dục, vì gã không xâm hại

các bé gái.

“Không, gã chỉ dừng lại ở việc giết chúng”.

Vậy tại sao gã có sự lựa chọn như vậy. Mila tin là cô đã có một giả thiết.

- Các nạn nhân đều phải là nữ, do nạn nhân số sáu là nữ. Tôi gần như chắc chắn gã đã chọn cô bé này đầu tiên, chứ không phải cuối cùng như gã muốn chúng ta tin. Việc những đứa còn lại là bé gái chỉ để che đậy chi tiết này. Số sáu là đối tượng đầu tiên ám ảnh của gã. Vì sao thì ta chưa biết. Có thể số sáu có một đặc điểm nào đó nổi bật hơn những đứa khác. Chính vì thế mà gã muốn che giấu tung tích của cô bé đến cùng. Việc cho chúng ta biết một trong các cô bé vẫn còn sống vẫn chưa đủ với gã. Không, ta cần phải hoàn toàn không biết cô bé đó là ai.

- Bởi điều đó có thể cho phép ta lần ra gã. - Goran kết luận.

Nhưng phỏng đoán thú vị này chẳng giúp ích gì cho ai trong đội.

- Trừ phi... - Mila nói, dường như cô đã đoán trước suy nghĩ của mọi người. - Trừ phi vẫn luôn có một mối liên hệ giữa chúng ta và Albert.

Bây giờ thì không còn gì để mất nữa, nên Mila không ngần ngại nói với mọi người rằng cô từng bị theo dõi.

- Việc đó xảy ra hai lần. Mặc dù tôi chỉ tuyệt đối chắc chắn ở lần thứ hai. Tại nhà nghỉ, nó giống với một ảo giác hơn...

- Vậy thì sao? - Stern thắc mắc. - Chuyện đó có liên quan gì ở đây?

- Ai đó đã theo dõi tôi. Có lẽ nó đã diễn ra nhiều lần khác mà tôi không biết và không nhận ra... Nhưng vì sao? Để kiểm soát tôi à? Với mục đích gì kia chứ? Tôi không nắm giữ bất cứ thông tin gì có tầm quan trọng cốt yếu, tôi luôn là cái bánh xe thừa trong nhóm.

- Có thể để làm ta lạc lối. - Boris phỏng đoán.

- Cũng vậy cả thôi: thật ra làm gì có lỗi nào, trừ phi tôi đã tiến rất gần đến một phát hiện gì đó, và tôi tự nhiên trở thành quan trọng mà không hề hay biết.

- Nhưng lúc ở khu nhà nghỉ, cô chỉ vừa mới đến. - Goran nói. - Điều này phủ nhận giả thiết trên.

- Tôi chỉ còn một cách giải thích... Kẻ theo dõi tôi muốn dọa cho tôi sợ.

- Vì lẽ gì? - Sarah Rosa hỏi.

Mila phớt lờ cô ta.

- Trong cả hai lần, kẻ bám theo tôi không phải vô tình để lộ mình. Ngược lại, tôi cho rằng hắn cố tình làm thế.

- Thôi được, chúng tôi đã hiểu. - Rosa nói. - Nhưng hắn làm thế thì được gì? Chuyện này thật vô nghĩa.

Mila đột ngột quay sang Rosa, dùng chiều cao của mình để áp đảo đối phương.

- Bởi vì ngay từ đầu, tôi là người duy nhất trong số các anh chị có thể tìm ra được nạn nhân số sáu. Đừng hiểu lầm tôi, nhưng những kết quả mà tôi có được cho đến ngày hôm nay cho thấy tôi có lý. Mọi người rất giỏi trong việc chặn đứng những tên sát nhân hàng loạt. Còn tôi, tôi chuyên đi tìm người mất tích: tôi luôn tìm được và tôi biết cách để làm điều đó.

Không ai phân bác Mila. Đứng ở góc độ này, Mila là nguy cơ rõ ràng nhất đối với Albert, vì cô là người duy nhất có khả năng làm đổ bể kế hoạch của gã.

- Ta tóm tắt lại nhé: gã bắt cóc bé gái số sáu đầu tiên. Nếu tôi phát hiện ra ngay cô bé đó là ai, kế hoạch của gã sẽ sụp đổ tan

tành.

- Nhưng cô đâu có tìm được. - Rosa nói. - Có lẽ cô không giỏi đến thế.

Mila phớt lờ câu nói xóc của Rosa.

- Khi tiếp cận tôi ở khoảng cách gần như vậy, tại khu nhà nghỉ, Albert có thể đã phạm một sai lầm. Chúng ta cần phải quay lại khoảnh khắc đó.

- Bằng cách nào? Đừng có nói là cô có máy quay ngược thời gian nhé!

Mila mỉm cười: dù không biết, Rosa đã ở rất gần sự thật. Vì có một cách để quay về quá khứ. Một lần nữa cô phớt lờ hơi thở nồng mùi thuốc lá của cô ta để quay sang Boris.

- Anh giỏi ở mức nào, trong việc thẩm vấn bằng phương pháp thôi miên?

- Cô thư giãn nào...

Giọng nói của Boris chỉ còn là một lời thì thầm. Mila đang nằm trên chiếc giường gấp, tay xuôi theo thân mình, hai mắt khép lại. Boris ngồi bên cạnh cô.

- Bây giờ, tôi muốn cô đếm đến một trăm.

Stern đã phủ một cái khăn lên ngọn đèn để khiến cho căn phòng chìm trong ánh sáng mờ ảo. Rosa tách ra, ngồi trên giường mình. Goran cũng đang ngồi trong một góc và quan sát tỉ mỉ những gì đang diễn ra.

Mila chậm rãi đếm từng số. Hơi thở của cô bắt đầu đều đặn. Khi cô đếm đến một trăm, cô đã hoàn toàn thả lỏng cơ thể mình.

- Bây giờ, tôi muốn cô quan sát trong đầu. Cô sẵn sàng chưa?

Mila gật đầu.

- Cô đang ở trên một thảo nguyên. Đang là buổi sáng, mặt trời sưởi ấm khuôn mặt cô, không khí tràn ngập mùi hương hoa cỏ. Cô bước đi với đôi chân trần: cô có thể cảm nhận được mặt đất mát mẻ dưới chân mình. Tiếng suối róc rách mời gọi cô. Cô tiến đến và cúi xuống trên mặt đất mềm nhão. Cô nhúng tay xuống nước, rồi vốc một ngụm lên uống. Nước có vị rất ngon.

Hình ảnh này được lựa chọn là có lý do của nó: Boris đã đánh thức các cảm quan này để làm chủ năm giác quan của Mila. Như vậy sẽ dễ dàng hơn trong việc đưa cô quay trở lại thời điểm ở nhà nghỉ.

- Bây giờ cô đã thỏa cơn khát, tôi muốn cô làm một việc. Hãy quay lại vài ngày trước đây, vào buổi tối...

- Được. - Mila đáp.

- Đang là ban đêm, một chiếc xe hơi vừa đưa cô trở lại nhà nghỉ.

- Trời lạnh. - Cô nói ngay.

Goran có cảm giác cô đang rùng mình.

- Còn gì nữa không?

- Người cảnh sát đã đưa tôi về gập đầu chào, rồi quay xe. Tôi chỉ còn một mình tại chỗ đó.

- Chỗ đó như thế nào? Cô hãy miêu tả đi.

- Trời khá tối. Chỉ có tấm bảng đèn kêu kèn kẹt trong gió. Trước mắt tôi là những căn nhà nghỉ, nhưng không có ô cửa nào

sáng đèn. Tôi là khách trọ duy nhất đêm nay. Phía sau dãy nhà là một hàng cây rất cao đang xào xạc. Mặt đất được rải sỏi.

- Tiến lên đi...

- Tôi chỉ nghe thấy tiếng bước chân của mình.

Cô gần như nghĩ mình có thể nghe thấy tiếng sỏi lạo xạo.

- Giờ thì cô ở đâu?

- Tôi đang tiến về nhà nghỉ của mình, tôi đi ngang qua chốt gác của bảo vệ. Không có ai ở đó, nhưng ti vi đang bật. Tôi cầm trên tay một túi giấy có hai cái bánh kẹp phô mai. Đó là bữa tối của tôi. Tôi thở ra khói trong bầu không khí lạnh lẽo. Thế nên tôi tăng tốc. Nhà nghỉ của tôi là căn ở xa nhất.

- Rất tốt, tiếp tục đi.

- Tôi chỉ còn cách đó vài mét, tôi đang nghĩ ngợi rất nhiều. Có một cái lỗ trên mặt đất, tôi không nhìn thấy và bị hụt chân... Thế là tôi nghe thấy.

Bất giác Goran nghiêng người về phía chiếc giường Mila đang nằm, như thể ông có thể đến tận chỗ đó cùng cô và bảo vệ cô khỏi mối nguy mà cô đang gặp phải.

- Cô nghe thấy gì?

- Một bước chân trên lớp sỏi, phía đằng sau. Ai đó đã bắt chước các bước chân tôi. Hắn muốn tiến đến gần mà không để tôi phát hiện. Nhưng hắn đã lỡ nhịp.

- Cô đã làm gì?

- Tôi cố giữ bình tĩnh, nhưng tôi sợ. Tôi tiếp tục giữ nguyên tốc độ khi tiến về phía nhà nghỉ, mặc dù tôi chỉ muốn chạy. Trong lúc đó, tôi suy tính.

- Cô suy tính chuyện gì?

- Việc rút súng chỉ vô ích bởi lẽ, nếu hắn có vũ khí, hắn có thừa thời gian để khai hỏa trước. Tôi nhớ đến cái ti vi đang mở trong chòi gác, tự nhủ nhân viên bảo vệ đã bị hạ thủ. Và giờ đến lượt tôi... Tôi phát hoảng.

- Phải, nhưng cô vẫn giữ được bình tĩnh.

- Tôi lục trong túi tìm chìa khóa, vì khả năng duy nhất là vào trong phòng... Nếu hắn để tôi làm thế.

- Cô tập trung vào cánh cửa. Nó chỉ còn cách cô vài mét, đúng không?

- Đúng. Đó là thứ duy nhất trong tầm mắt của tôi, những thứ còn lại đã biến mất.

- Nhưng bây giờ, cần phải đem chúng trở lại...

- Tôi đang cố...

- Mạch máu cô đang đập nhanh, adrenaline chảy mạnh, tất cả mọi giác quan của cô đang trong trạng thái báo động. Tôi muốn cô tả lại vị giác...

- Miệng tôi khô khốc, nhưng tôi có thể cảm thấy vị chua của nước bọt.

- Xúc giác...

- Độ lạnh của chùm chìa khóa phòng trong bàn tay phải của tôi.

- Khứu giác...

- Gió mang theo mùi rác rưởi. Ở bên phải tôi có mấy cái thùng rác. Có cả mùi lá thông, và mùi nhựa cây.

- Thị giác...

- Tôi nhìn thấy bóng mình trên đất.

- Và rồi?

- Tôi thấy cửa nhà nghi, nó vàng và bị tróc sơn. Tôi thấy bậc tam cấp dẫn lên đó.

Boris đã cố tình để dành giác quan cốt yếu nhất lại sau cùng, vì cảm nhận duy nhất của Mila về kẻ theo dõi mình là âm thanh.

- Thính giác...

- Tôi không nghe thấy gì, ngoại trừ tiếng những bước chân của mình.

- Lắng nghe kỹ hơn đi.

Goran nhìn thấy một nếp nhăn xuất hiện ngay giữa hai mắt Mila, do cô đang cố nhớ lại.

- Tôi nghe thấy chúng! Giờ thì tôi nghe thấy từng bước chân mình rõ mồn một!

- Tốt lắm. Nhưng tôi muốn cô tập trung hơn nữa...

Mila làm theo. Rồi cô lên tiếng:

- Cái gì vậy nhỉ?

- Tôi không biết. - Boris đáp. - Ở đó chỉ có mình cô, tôi thì không nghe thấy gì.

- Nhưng có một cái gì đó!

- Cái gì vậy?

- Tiếng động này.

- Tiếng động nào?

- Một tiếng... kim loại. Phải rồi! Một thứ bằng kim loại vừa rơi xuống đất, trên lớp sỏi!

- Cố gắng nói rõ hơn đi.

- Tôi không biết...

- Cố lên...

- Đó là... một đồng xu!

- Một đồng xu à? Cô có chắc không?

- Chắc! Một đồng tiền vàng! Hắn đã làm rơi nó, nhưng hẳn không nhận ra!

Đó là một dấu vết không ngờ tới. Nếu tìm được đồng tiền, họ sẽ có được dấu vân tay và lần ra kẻ theo dõi. Với hy vọng đó là Albert.

Mila vẫn nhắm nghiền mắt, nhưng miệng cô cứ nhắc đi nhắc lại:

- Một đồng xu! Một đồng xu!

Boris lại kiểm soát tình hình.

- Tốt rồi, Mila. Giờ thì, tôi sẽ đánh thức cô. Tôi muốn cô đếm đến năm, rồi tôi sẽ vỗ tay và cô mở mắt nhé. Một, hai, ba, bốn... và năm!

Mila mở mắt. Cô có vẻ bối rối và ngỡ ngàng. Cô cố ngồi dậy, nhưng Boris nhẹ nhàng đặt tay lên vai cô cản lại.

- Chưa được đâu. - Anh nói. - Cô sẽ chóng mặt đấy.

- Có kết quả không? - Cô hỏi.

Boris mỉm cười.

- Dường như ta có một manh mối.

Minh cần phải tìm cho ra nó, cô nhủ thầm trong lúc sục tay vào lớp sỏi. Sự tin nhiệm của mình phụ thuộc vào nó... và cả cuộc sống của mình nữa.

Cô dồn mọi sự chú ý vào mặt đất, nhưng phải làm thật nhanh. Không còn nhiều thời gian nữa.

Cô chỉ phải tìm có vài mét vuông thôi. Diện tích nằm giữa cô và nhà nghi tội hôm đó. Cô bò trên đất, mặc kệ chiếc quần jean bị bẩn. Cô sục tay vào giữa những viên sỏi trắng, các khớp tay cô đã bắt đầu bị trầy xước vì lớp bụi bám trên chúng. Nhưng cơn đau không làm cô khó chịu, thậm chí nó còn giúp cô tập trung hơn.

Một đồng xu, cô tiếp tục nhắc lại trong đầu. Sao mình lại không nhận ra nhỉ.

Rất có thể ai đó đã tìm thấy nó. Một khách trọ, hoặc là người bảo vệ.

Cô đã đến khu nhà nghỉ trước những người khác, vì cô không thể tin một ai. Cô có cảm giác các đồng đội cũng không còn tin mình.

Minh phải làm thật nhanh!

Cô hất tung các viên sỏi, ném chúng ra sau lưng, răng cắn chặt môi. Cô đang rất cuống. Cô cảm tức bản thân, và tức bực với mọi người. Cô hít thở thật mạnh nhiều lần, cổ trần át cơn kích động.

Lạ một điều là cô nhớ đến chuyện xảy ra khi cô mới rời trường cảnh sát. Cô có một tính cách khép kín và khó tiếp xúc với người khác. Người ta ghép cô vào cùng đội với một đồng nghiệp nhiều tuổi hơn, và người này không thể chịu nổi cô. Họ đã bám theo một nghi can trong các hẻm hóc của một khu phố Tàu. Hắn chạy rất nhanh, họ không thể bắt kịp hắn, nhưng đồng đội của cô cho rằng hắn đã vứt cái gì đó vào bể hào khi chạy vòng ra đằng sau một nhà hàng. Vậy là anh ta đã bắt cô quỳ xuống trong chỗ nước tù đọng đó và lục tìm giữa những con hào nhớp nháp. Dĩ nhiên là chẳng có gì. Có lẽ anh ta đã bắt cô làm chuyện mà tân binh nào cũng phải học qua. Từ lúc đó, cô không ăn món hào nữa. Nhưng cô đã học được một bài học quan trọng hơn.

Và những viên sỏi nhám mà cô điên cuồng vứt qua một bên cũng là một phép thử.

Một điều gì đó để tự chứng tỏ mình vẫn còn khả năng tháo gỡ mọi chuyện. Điều đó từng là tài nghệ của cô trong một thời gian dài. Nhưng trong khi tự chúc mừng mình, một ý nghĩ chợt xẹt qua đầu cô. Cũng như lần ấy, hôm nay một người khác đã chơi xỏ cô.

Chẳng có đồng tiền nào, sự thật là thế. Đó chỉ là một chiêu lừa đảo.

Ngay khi Sarah Rosa hiểu ra điều đó, cô ta ngược mắt lên và trông thấy Mila tiến đến gần mình. Bị lộ mặt nạ và hoàn toàn bất lực trước nữ đồng nghiệp ít tuổi hơn mình, sự tức giận của cô rơi rụng mất và đôi mắt cô nhòa lệt.

- Gã đã bắt con gái chị, có phải thế không? Con bé chính là nạn nhân số sáu.

Trong cơn mê của con bé, mẹ nó hiện diện ở đó.

Mẹ nói chuyện với nó kèm theo nụ cười “màu nhiệm” - nó dùng chữ đó, bởi nụ cười ấy rất đẹp, những khi mẹ không cáu, mẹ trở thành người dễ thương nhất trên đời, nhưng chuyện đó ngày càng trở nên hiếm.

Trong cơn mê của nó, mẹ kể về mình, và cả về bố nó nữa. Bây giờ bố mẹ nó lại hòa thuận và không cãi nhau nữa. Mẹ nó kể chuyện bố mẹ đang làm gì, về công việc và chuyện nhà cửa khi nó vắng mặt, mẹ thậm chí còn liệt kê các bộ phim bố mẹ đã xem. Nhưng không phải là những phim nó thích. Hai người sẽ chờ

nó về để cùng xem những bộ phim đó. Nó thấy sung sướng khi nghe mẹ nói như vậy. Nó muốn hỏi khi nào nó có thể về được. Nhưng trong con mê của nó, mẹ nó không thể nào nghe thấy nó được. Tựa như nó đang nói với mẹ qua màn hình. Nó đã rất cố gắng, nhưng vô ích. Và nụ cười trên khuôn mặt mẹ nó chợt có chút gì đó tàn nhẫn.

Một cái vuốt ve nhẹ trên tóc khiến nó tỉnh dậy.

Bàn tay nhỏ nhắn vuốt từ đầu nó xuống đến cái gối, và một chất giọng êm dịu khe khẽ hát một bài.

- Là cậu!

Nó mừng đến nỗi quên mất mình đang ở đâu. Điều quan trọng lúc này là cô bé kia tồn tại thật sự.

- Tớ đợi cậu mãi. - Nó nói.

- Tớ biết, nhưng tớ không thể đến sớm hơn.

- Cậu không được phép à?

Bé gái nhìn nó với đôi mắt nghiêm nghị:

- Không, là do tớ bận.

Nó tự hỏi chuyện gì làm cô bé bận đến nỗi không thể đến thăm nó. Nhưng lúc này, chuyện đó không quan trọng. Nó có hàng đống câu hỏi để đặt ra với cô bé. Nó bắt đầu bằng câu hỏi bức thiết nhất:

- Bọn mình làm gì ở đây vậy?

Với nó rõ ràng là cô bé kia cũng đang bị cầm tù, mặc dù chỉ có nó bị trói vào giường, trong khi cô bé kia được tự do đi lại tùy ý trong bụng con quái vật.

- Đây là nhà tớ.

Câu trả lời khiến nó bối rối.

- Vậy còn tớ? Tại sao tớ lại ở đây?

Cô bé không nói gì, chỉ cầm cúi vuốt tóc nó. Nó hiểu cô bé đang lảng tránh câu hỏi, nên nó không nài ép, rồi sẽ đến lúc thôi.

- Cậu tên là gì?

Cô bé mỉm cười với nó.

- Gloria.

Nó quan sát cô bé kỹ hơn.

- Không...

- Không gì cơ?

- Tôi biết cậu... Không phải cậu tên là Gloria...

- Có chứ.

Nó gắng nhớ lại. Nó đã từng nhìn thấy cô bé, từng thấy rồi, nó chắc chắn như thế.

- Cậu ở trên hộp sữa.

Cô bé nhìn nó, không hiểu nó muốn nói gì.

- Đúng rồi, hình khuôn mặt cậu cũng có cả trên các tờ quảng cáo. Đây thành phố ấy. Trong trường của tôi, ở siêu thị. Chuyện này... (Đã bao lâu rồi nhỉ? Hồi ấy nó mới lớp bốn). Cách nay đã ba năm rồi.

Cô bé vẫn không hiểu.

- Tôi ở đây chưa lâu. Cùng lắm mới có bốn tuần lễ.

- *Tớ đã bảo là không phải mà! Ít nhất cũng ba năm rồi.*

Cô bé không tin.

- *Không phải như thế.*

- *Có, và bố mẹ cậu đã lên cầu cứu trên truyền hình.*

- *Bố mẹ tớ mất rồi*

- *Không, họ còn sống! Còn cậu, cậu tên là... Linda! Tên cậu là Linda Brown!*

Cô bé cứng giọng:

- *Tên tớ là Gloria! Bạn Linda mà cậu nói là một người khác. Cậu nhầm rồi.*

Nghe thấy sự thay đổi trong giọng điệu, nó quyết định không cố ép nữa: nó không muốn cô bé bỏ đi và lại bỏ nó một mình.

- *Thôi được rồi, Gloria, như cậu muốn. Chắc tớ đã nhầm. Tớ xin lỗi.*

Cô bé gật đầu hài lòng. Rồi như thể chưa có gì xảy ra, cô

bé lại vừa vuốt tóc nó vừa hát.

Thế là nó thử một chuyện khác.

- Gloria này, tớ thấy mệt lắm. Tớ không thể nào nhúc nhích cánh tay được. Tớ bị sốt. Tớ thường hay bị ngất đi...

- Rồi mọi chuyện sẽ ổn thôi

- Tớ cần được khám bác sĩ.

- Các bác sĩ chỉ toàn là lang băm thôi.

Cái câu này nghe thật tức cười khi phát ra từ miệng cô bé. Như thể cô bé đã nghe nhiều lần đến nỗi trở thành quen miệng. Và giờ cô bé chỉ lặp lại.

- Tớ sẽ chết, tớ cảm thấy thế.

Hai giọt lệ to tướng trào ra từ mắt nó, Gloria lau chúng đi. Rồi cô bé nhìn các ngón tay mình, không để ý đến nó.

- Cậu có hiểu tớ nói gì không, hử Gloria? Tớ sẽ chết, nếu cậu không giúp tớ.

- Steve đã nói là cậu sẽ khỏi.

- Steve là ai?

Cô bé có vẻ lơ đãng, nhưng vẫn đáp:

- Steve, đó là người đã mang cậu đến đây.

- Người đã bắt cóc tớ, ý cậu là như thế chứ gì!

Cô bé lại nhìn nó.

- Steve không bắt cóc cậu.

Mặc dù nó sợ làm cô bé giận lần nữa, nhưng nó vẫn không thể đồng ý về điểm này: sự sống còn của nó phụ thuộc vào điều đó.

- Có, và Steve cũng đã bắt cóc cậu. Tớ chắc chắn như vậy.

- Cậu nhầm rồi. Steve đã cứu bọn mình.

Nó không muốn, nhưng câu trả lời khiến nó phát cáu:

- Cậu nói cái quái gì vậy? Cứu bọn mình khỏi chuyện gì?

Gloria ngáp ngừng. Nó trông thấy đôi mắt cô bé thất

thần, nhường chỗ cho một nỗi sợ hãi kỳ lạ. Cô bé lùi lại một bước nhưng bị nó tóm lấy cổ tay giữ lại. Gloria muốn bỏ chạy và cố giăng tay ra, nhưng nó sẽ không để cô bé ra đi mà không trả lời.

- Khởi ai?

- Frankie.

Gloria cắn môi. Lẽ ra cô bé không muốn nói. Nhưng đã lỡ nói mất rồi.

- Frankie là ai?

Cô bé đã giăng tay ra được, nó quá yếu nên không thể ngăn được chuyện đó.

- Chúng ta sẽ còn gặp lại nhau chứ?

Gloria lảng đi.

- Không, chờ đã. Đừng đi!

- Bây giờ cậu cần phải nghỉ ngơi.

- Không, tớ xin cậu đấy! Cậu sẽ không quay lại.

- Có chứ. Tớ sẽ quay lại.

Cô bé bỏ đi. Nó òa khóc. Một nỗi tuyệt vọng cay đắng chẹn ngay cổ họng và lan dần xuống ngực nó. Nó nức nở, nghẹn ngào thốt vào thình lặn:

- Tớ xin cậu đấy! Frankie là ai?

Nhưng không ai trả lời nó cả.

- Con bé tên là Sandra.

Terence Mosca viết cái tên lên đầu xấp giấy của mình.
Rồi ông lại ngược mắt nhìn Sarah Rosa.

- Nó bị bắt cóc khi nào?

Sarah ngồi lại cho thoải mái trên ghế, trước khi trả lời, cô
gắng sắp xếp lại cho mạch lạc các suy nghĩ trong đầu:

- Đã bốn mươi bảy ngày nay.

Mila có lý: Sandra đã bị bắt cóc *trước* năm nạn nhân còn lại. Sau đó Albert đã dùng cô bé để dụ Debby Gordon, chị em kết nghĩa của Sandra. Hai cô bé đã gặp gỡ ở ngoài công viên vào một buổi chiều, trong khi quan sát lũ ngựa. Hai đứa đã trao đổi vài câu và nhanh chóng kết thân. Debby buồn vì phải xa nhà, còn Sandra thì buồn vì bố mẹ ly thân. Do có cùng tâm trạng, hai đứa đã trở thành bạn bè.

Cả hai đều nhận được món quà là một phiếu cưới ngựa. Đó không phải là một sự tình cờ. Albert đã đạo diễn cuộc gặp gỡ đó.

- Sandra bị bắt cóc như thế nào?

- Lúc nó ở trường. - Rosa trả lời.

Mila và Goran thấy Mosca gật đầu. Tất cả mọi người đều có mặt - kể cả Boris và Stern - trong gian phòng lưu trữ nằm ở tầng một của tòa trụ sở cảnh sát liên bang. Ông đại úy đã chọn nơi khác thường này để tránh bị rò rỉ thông tin và để cho cuộc đối thoại không mang màu sắc thẩm vấn.

Vào thời điểm này, gian phòng vắng tanh. Họ đang ở nơi hội tụ của các dãy kệ chất đầy tài liệu. Nguồn sáng duy nhất là từ chiếc bàn mà tất cả mọi người đang ngồi quanh. Âm thanh và tiếng nói vang đi mất hút trong bóng tối.

- Cô có thể nói gì về Albert?

- Tôi chưa bao giờ nhìn thấy hay nghe thấy gã. Tôi không biết gã là ai.

- Dĩ nhiên rồi... - Terence Mosca bình luận, như thể đó là một tình tiết làm nặng thêm tội cho Sarah Rosa.

Chính thức ra thì Sarah Rosa vẫn chưa bị áp vào bất cứ biện pháp hạn chế quyền tự do nào. Nhưng cô ta sẽ sớm bị điều tra vì tội đồng lõa trong việc bắt cóc và giết hại trẻ vị thành niên.

Chính Mila là người đã phát hiện ra Sarah khi nghiên cứu lại vụ bắt cóc Sabine ở hội chợ. Sau cuộc trò chuyện với mẹ nạn nhân, cô tự nhủ có thể Albert đã sử dụng một phụ nữ để cho không ai phát hiện vụ bắt cóc. Nhưng không phải một kẻ bất kỳ, mà phải là người gã có thể đe dọa. Mẹ của nạn nhân số sáu chẳng hạn.

Mila đã có được sự khẳng định khi xem qua các tấm ảnh chụp trong buổi tối hôm đó. Ở phía xa trong một tấm ảnh được một ông bố chụp, cô đã để ý đến một mái tóc và một phần của khuôn mặt nhìn nghiêng, thứ đã khiến gáy cô nhột nhột, và một cái tên đã bật lên không chút do dự: Sarah Rosa!

- Tại sao là Sabine? - Mosca hỏi.

- Tôi không biết. - Rosa đáp. - Gã đã đưa cho tôi một tấm ảnh của con bé và cho biết tôi sẽ tìm thấy nó ở đó, có thể thôi.

- Và không ai nhận thấy gì hết.

Ở Phòng suy tưởng, Sarah từng nói: “Trên thực tế mọi người chỉ biết đến con cái mình”. Mila vẫn còn nhớ câu đó như in. Sarah biết điều đó, bản thân cô ta đã trải qua chuyện đó. Mosca nói tiếp:

- Vậy là gã nắm được sự đi lại của các gia đình.

- Tôi nghĩ là vậy. Các chỉ dẫn của gã luôn rất chính xác.

- Gã chuyển các mệnh lệnh đến chỗ cô như thế nào?

- Luôn luôn qua thư điện tử.

- Cô chưa bao giờ tìm cách truy nguyên xuất xứ các bức thư đó à?

Câu hỏi của viên đại úy thực ra là thừa: Sarah Rosa là chuyên viên tin học. Nếu cô ta không làm được điều đó, có nghĩa là nó bất khả thi.

- Dù sao thì, tôi cũng lưu lại tất cả. Gã rất ranh ma, ông

biết không? Và gã rất giỏi. - Rồi cô ta nói thêm như thể muốn thanh minh. - Ngoài ra, gã có con gái tôi trong tay.

Ánh mắt Rosa chiếu vào Mila. Cô từng chứng kiến sự thù địch ấy ngay ngày đầu tiên, bởi lẽ cô ta sợ cô phát hiện ra danh tính của nạn nhân số sáu, và như vậy sẽ khiến sinh mạng con bé lâm nguy.

- Gã là người đã ra lệnh cho cô lập tức loại bỏ Mila Vasquez à?

- Không, đó là ý của tôi. Ai biết được, Mila có thể gây cản trở.

Thêm một lần nữa, Sarah bộc lộ thái độ khinh miệt. Nhưng Mila tha thứ cho cô ta. Cô nghĩ đến Sandra, cô bé đã phải chịu các rối loạn ăn uống, theo lời kể của Goran, và giờ đây đang nằm trong tay của một gã tâm thần, với một cánh tay bị cắt đứt và chịu đau đớn khôn tả. Trong suốt những ngày qua, cô không thôi nghĩ tới danh tính của cô bé. Bây giờ rốt cuộc cô đã có một cái tên.

- Vậy nên cô đã bám theo cảnh sát Vasquez hai lần, để khiến cô ấy sợ và từ bỏ cuộc điều tra.

- Phải.

Mila còn nhớ là sau khi bị chiếc xe hơi bám theo, cô đã về studio, và không có ai ở đó. Boris đã nhắn tin báo với cô là mọi người đều ở chỗ Yvonne Gress. Cô đã đến đó, và thấy Sarah Rosa đang sửa soạn bên cạnh chiếc xe cắm trại của đơn vị lưu động. Cô đã không tự hỏi tại sao lúc đó Sarah không ở cùng với mọi người trong biệt thự. Cô đã không nghi ngờ gì sự chậm trễ của cô ta. Hoặc cũng có thể Sarah rất khôn lanh và tấn công cô ngay khiến cô không kịp suy nghĩ bằng việc gieo mối nghi ngờ về giáo sư Goran.

“Mà này, ông ấy đã cho cô vào trông đấy... Vì tôi đã bỏ phiếu chống lại cô mà”.

Trên thực tế, cô ta đã không làm vậy, vì nếu thế cô ta sẽ bị chú ý.

Terence Mosca không vội vã. Ông ghi lại các câu trả lời của Sarah Rosa trên tập giấy ghi chú và ngẫm nghĩ trước khi bước sang câu hỏi kế tiếp:

- Cô còn làm chuyện gì khác cho gã không?

- Tôi đã lên vào phòng nội trú của Debby Gordon. Tôi đã lấy đi cuốn sổ nhật ký trong cái hộp thiếc, sau khi mở khéo ổ khóa. Sau đó tôi đã gỡ các tấm ảnh có dính đến con gái tôi trên tường xuống. Và tôi đã đặt thiết bị phát sóng định vị toàn cầu để dẫn mọi người đến chỗ của cái xác thứ hai, trong cô nhi viện...

- Cô có bao giờ nghĩ là sớm muộn gì cũng sẽ có người biết chuyện không? - Mosca hỏi.

- Tôi còn quyền lựa chọn sao?

- Chính cô là người đã đưa thi thể bé gái số năm đến studio.

- Phải.

- Cô đã dùng chìa khóa mở cửa studio, và làm giả các chỗ hư hại trên cửa.

- Để không ai nghi ngờ gì.

Mosca nhìn Sarah hồi lâu.

- Tại sao gã ra lệnh cho cô đem cái xác tới studio?

- Tôi không biết.

Đó là câu trả lời mà tất cả mọi người đã nghĩ đến.

Mosca hít một hơi thật sâu. Cử chỉ này cho thấy cuộc nói chuyện đã kết thúc. Sau đó viên đại úy quay sang phía Goran nói:

- Tôi nghĩ thế là đủ rồi. Trừ phi ông còn thắc mắc điều gì đó...

- Không. - Nhà tội phạm học đáp.

Mosca nói với Sarah Rosa:

- Cảnh sát Sarah Rosa, trong mười phút nữa tôi sẽ gọi điện cho văn phòng chánh biện lý, họ sẽ chính thức ra các cáo buộc chống lại cô. Như dự kiến, cuộc nói chuyện này chỉ chúng ta biết với nhau, nhưng tôi khuyên cô chỉ nên mở miệng khi có sự hiện diện của luật sư. Một câu hỏi sau cùng: ngoài cô ra, còn ai khác dính líu trong vụ này không?

- Nếu ông nghĩ đến chồng tôi, thì anh ta không hay biết gì. Chúng tôi đang chờ quyết định ly dị. Khi Sandra mất tích, tôi đã kiếm cơ đuổi anh ta ra khỏi nhà, để giữ anh ta tránh xa tất cả chuyện này. Thời gian vừa rồi chúng tôi thường xuyên cãi vã vì chồng tôi muốn gặp con gái và cứ nghĩ tôi cố tình ngăn cản chuyện đó.

Mila từng nhìn thấy hai người cãi cọ dưới đường, trước studio.

- Thôi được. - Mosca thốt lên trong khi đứng dậy, trước khi nói với Boris và Stern, tay chỉ vào Rosa. - Tôi sẽ lập tức gọi

điện để có lệnh bắt chính thức.

Hai cảnh sát viên gật đầu. Viên đại úy cúi người nhặt chiếc túi da. Mila thấy ông ta nhét xấp giấy ghi chú cạnh một hồ sơ màu vàng, ngoài bìa có vài chữ cái đánh máy: “w” ... “on” và “p”.

Wilson Pickett, cô nghĩ bụng.

Terence Mosca chậm rãi bước ra cửa, theo sau là Goran. Mila ở lại với Boris và Stern cạnh Rosa. Hai người đàn ông không nói gì và tránh nhìn nữ đồng nghiệp, người đã không tin họ.

- Tôi xin lỗi. - Cô ta nói trong nước mắt. - Tôi không còn lựa chọn...

Boris không đáp. Anh khó lắm mới không nổi đóa lên. Còn Stern chỉ buông một câu gọn lỏn:

- Không sao đâu.

Nhưng nghe chừng anh có vẻ không mấy tin tưởng.

Sarah Rosa bèn nhìn hai anh chàng, khẩn khoản:

- Xin hãy tìm ra con gái tôi, tôi van các anh...

Nhiều người có suy nghĩ sai lầm rằng bọn sát nhân hàng loạt luôn có động cơ tình dục. Mila cũng đã từng nghĩ như vậy, trước khi đụng phải vụ Albert.

Trên thực tế, tùy theo mục đích cuối cùng, có nhiều loại sát nhân hàng loạt khác nhau.

Bọn “mộng tưởng” bị chi phối bởi một bản ngã thứ hai, chuyên đối đáp và ra những chỉ thị cho chúng, đôi khi dưới dạng ảo ảnh hoặc những “giọng nói” đơn thuần. Hành vi của chúng thường được xem như loạn thần.

Bọn “hành đạo” thì có một mục đích vô ý thức và bị chi phối bởi trách nhiệm mà chúng tự áp đặt cho mình. Đó là việc cải thiện thế giới chung quanh mình, và nhiệm vụ này luôn gắn với việc loại bỏ một số loại người: người đồng tính, mại dâm, những kẻ bội tín, các luật sư, nhân viên thuế vụ và vân vân.

Bọn “khát quyền” lại có một sự đánh giá thấp về bản thân. Sự thỏa mãn của chúng bắt nguồn từ việc kiểm soát sinh mạng và cái chết của các nạn nhân. Hành vi giết người đi kèm với việc xâm hại tình dục, nhưng hãm hiếp chỉ là một công cụ để làm nhục nạn nhân. Cuối cùng là bọn “tâm lạc”. Chúng giết người vì sự khoái trá khi làm chuyện đó. Nằm trong số này là những kẻ có động cơ

tình dục.

Benjamin Gorka cùng lúc thuộc về cả bốn thể loại nói trên. Hắn bị những ảo giác thúc đẩy đến chỗ giết hại các gái điếm sau khi hành hung họ, bởi hắn không thể quan hệ tình dục, và hành vi đó gây cho hắn một khoái cảm đặc biệt.

Đã có ba mươi sáu nạn nhân được cho là bị hắn giết hại, mặc dù hắn chỉ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cái chết của tám trong số họ. Người ta e rằng hắn còn giết nhiều hơn thế nhưng đã phi tang rất khéo. Hắn đã ra tay trong hai mươi lăm năm trước khi bị bắt.

Khó khăn trong việc xác định vị trí của hắn chủ yếu là do sự đa dạng và khoảng cách giữa các nơi mà hắn gây án.

Gavila và nhóm điều tra đã xác định được hắn sau ba năm truy đuổi. Họ đã nhập dữ liệu của các vụ giết người vào một máy tính để lập nên một sơ đồ tuần hoàn. Khi chồng nó lên một bản đồ đường bộ, họ nhận ra các nét vẽ của nó trùng khớp với một chu trình phân phối hàng hóa.

Benjamin Gorka là tài xế xe tải.

Hắn đã bị tóm cổ vào đêm Noel tại một trạm dừng trên xa lộ. Nhưng do một sơ suất trong tổ tụng, hắn đã được tuyên miễn

trách nhiệm hình sự do bị tâm thần và chỉ phải vào nhà tù cho bệnh nhân tâm thần. Gã chưa bao giờ rời khỏi đó.

Khi bắt được gã, cả đất nước đã khám phá ra tên tuổi của một trong những tên tội phạm khát máu nhất trong lịch sử. Nhưng dù sao thì, với Goran và “người của ông”, hắn vẫn luôn là Wilson Pickett.

Khi hai viên cảnh sát đến để đưa Sarah Rosa đi, Mila đợi cho Boris và Stern đi khỏi để được ở một mình trong kho lưu trữ. Cô đã tra cứu các tài liệu và tìm thấy bản sao của hồ sơ.

Trong khi lật xem hồ sơ, cô không phát hiện ra nguyên nhân tại sao nhà tội phạm học lại đặt cho tên sát nhân cái tên của người ca sĩ nổi tiếng. Nhưng cô đã tìm thấy tấm ảnh của cô gái trẻ mà cô từng nhìn thấy trên tường vào ngày đầu tiên đặt chân tới studio.

Cô ta tên là Rebecca Springher, nạn nhân cuối cùng của Gorka.

Ngoài ra thì trong hồ sơ cũng không có gì nhiều. Mila tự hỏi tại sao vụ án này vẫn còn là một vết thương dai dẳng đối với các thành viên trong nhóm, và nhớ lại câu trả lời của Boris, khi cô hỏi anh.

“Vụ án đó diễn ra không suôn sẻ. Chúng tôi đã phạm sai lầm, người ta đã đe dọa sẽ giải tán đội điều tra và tống khứ giáo sư Gavila. Chính Roche là người đã bảo vệ chúng tôi và kiên quyết giữ chúng tôi ở lại làm việc”.

Một sai sót gì đó đã xảy ra. Nhưng hồ sơ cô có trong tay không đề cập đến bất cứ sai lầm nào, ngược lại vụ việc còn được mô tả như là một chiến dịch “mẫu mực” và “thành công tuyệt đối”. Chắc là không phải vậy một khi Terence Mosca có lý do để quan tâm tới nó.

Mila lấy ra biên bản lời làm chứng của Goran trong phiên tòa xét xử tên giết người. Nhà tội phạm học khi đó đã định nghĩa Gorka là “một kẻ tâm thần tuyệt đối, cũng hiếm gặp trong cuộc sống như một con cọp bạch tạng”.

Sau đó ông thêm vào: “Những kẻ này khó bị lật mặt. Nhìn bên ngoài, chúng có vẻ hoàn toàn bình thường. Nhưng khi cạo đi lớp vỏ bình thường đó, ‘cái tôi’ bên trong của chúng lộ ra, cái mà đa phần chúng gọi là ‘con quỷ’. Gorka đã tiếp tế cho nó bằng những mộng tưởng của hắn, nuôi dưỡng nó bằng những ham muốn của hắn. Đôi khi hắn đã phải thỏa hiệp với nó. Có lẽ thậm chí hắn đã đánh bại nó ở vào những thời điểm nhất định trong đời. Tuy nhiên cuối cùng hắn đã chịu thua. Hắn đã hiểu mình chỉ có một cách duy nhất để làm cho nó thôi đòi hỏi: phải thỏa mãn nó. Nếu không, nó sẽ gặm sạch hắn từ bên trong”.

Khi đọc những dòng này, Mila gần như nghe thấy giọng nói của Goran vang lên trong đầu.

“Cho đến một ngày, bỗng xuất hiện một khe nứt giữa hiện thực và mộng tưởng. Benjamin bắt đầu trù tính những việc hắn đã ấp ủ cho đến lúc đó. Bản năng sát thủ hiện diện trong mỗi chúng ta. Nhờ trời, tất cả mọi người đều có một chốt an toàn để kiểm soát và ức chế. Tuy nhiên, luôn tồn tại một điểm vỡ”.

Mila ngẫm nghĩ một chút về điểm tới hạn này. Sau đó cô đọc tiếp, và dừng lại ở một đoạn khác.

“... nhưng rất nhanh chóng, hành vi phạm tội cần phải được lặp lại. Bởi hiệu quả bắt đầu giảm sút, kỷ niệm trong đầu là không đủ nữa, cảm giác không thỏa mãn và chán ngấy tăng gập. Những mộng tưởng là không đủ, cần phải lặp lại hành động. Nhu cầu cần phải được thỏa mãn. Đến vô cùng”.

Đến vô cùng!

Cô trông thấy Stern ở bên ngoài. Anh đang ngồi trên một bậc thang bằng thép của chiếc thang thoát hiểm. Anh đã châm một điếu thuốc và đang đưa lên môi. Điếu thuốc nằm cân bằng trên các

ngón tay của anh.

- Đừng mách vợ tôi nhé. - Stern nói khi nhìn thấy Mila bước qua cửa chống cháy.

- Anh đừng lo. Tôi biết giữ miệng mà. - Mila vừa trấn an vừa bước đến ngồi xuống bên cạnh Stern.

- Thế nào, tôi giúp được gì cho cô đây?

- Sao anh biết tôi đang định hỏi anh?

Stern chỉ đáp bằng cách nhướn một bên lông mày.

- Albert sẽ không bao giờ để cho bị bắt, anh cũng biết thế mà. - Mila nói. - Tôi nghĩ gã đã vạch lộ trình sẵn cho cái chết của mình. Nó sẽ là một phần của kế hoạch.

- Gã đi châu Diêm Vương thế nào tôi không quan tâm. Tôi biết nói như vậy thì không được phải đạo cho lắm, nhưng sự thật là thế.

Mila nhìn anh một cách nghiêm túc.

- Gã biết các anh, Stern ạ. Gã biết nhiều điều về nhóm điều tra, nếu không gã sẽ không bao giờ sai Sarah đưa thi thể số năm

đến studio. Gã đã theo các vụ điều tra trước đây của nhóm anh. Gã biết các anh làm việc như thế nào, do đó gã luôn đi trước các anh. Tôi tin là gã đặc biệt hiểu rõ Gavila...

- Điều gì làm cô nghĩ như vậy?

- Tôi đã đọc một biên bản tố tụng của một vụ án cũ, và Albert đang hành động y như thể gã muốn bác bỏ lý thuyết của Goran. Gã là một kẻ giết người hàng loạt độc nhất vô nhị. Có vẻ gã không bị chứng tự đề cao bản thân quá mức, vì gã muốn lôi kéo sự chú ý vào những tên tội phạm khác, hơn là vào chính mình. Gã cũng không bị chi phối bởi bản năng quá mạnh, gã rất biết tự kiềm chế. Việc gã làm không vì khoái cảm, mà đúng hơn, gã thích thú với thử thách mà gã đã đặt ra cho chúng ta. Anh giải thích chuyện này như thế nào?

- Rất đơn giản: tôi không thể. Và tôi cũng không hứng thú.

- Sao lại như thế được? - Mila thốt lên.

- Tôi không nói là tôi không quan tâm, mà là tôi không hứng thú. Đó là hai điều khác biệt. Về phần mình, chúng tôi không bao giờ nhận lời “thách đấu” với gã. Chúng tôi lo sốt vó là bởi còn một bé gái cần được cứu sống. Nói gã không có tính tự cuồng là không đúng, vì gã muốn sự chú ý của chúng ta, chứ không phải của

ai khác: chỉ của chúng ta, cô hiểu không? Đám nhà báo sẽ phát rồ lên nếu như được gã phát cờ, nhưng Albert không quan tâm. Ít nhất là cho tới lúc này.

- Bởi chúng ta chưa biết gã đang chuẩn bị gì cho hồi kết.

- Đúng vậy.

- Nhưng tôi tin là ở thời điểm này, Albert đang tìm cách thu hút sự chú ý vào các anh. Tôi muốn nói tới vụ Benjamin Gorka.

- Wilson Pickett.

- Tôi muốn anh kể với tôi...

- Cô cứ việc đọc hồ sơ.

- Boris bảo tôi là có chuyện gì đó không hay đã xảy ra...

Stern rút điếu thuốc đang hút dở đi.

- Đôi khi Boris chẳng biết mình đang nói cái gì.

- Thôi nào Stern, kể cho tôi nghe đi! Tôi không phải là người duy nhất quan tâm tới vụ này mà...

Cô kể cho anh về tập hồ sơ nằm trong chiếc túi đeo chéo của Terence Mosca. Stern trở nên ngờ vực.

- Thôi được. Nhưng cô sẽ không thích chuyện này đâu.
Tin tôi đi.

- Tôi sẵn sàng nghe mọi thứ.

- Khi bắt Gorka, chúng tôi đã rà soát lại cuộc đời hắn. Hắn sống hầu hết thời gian trên chiếc xe tải, nhưng chúng tôi đã tìm thấy hóa đơn mua một số thức ăn đóng hộp. Chúng tôi đã cho rằng hắn nhận ra vòng vây đang siết lại và chuẩn bị trốn đến một nơi an toàn trong lúc chờ cho mọi chuyện lắng xuống..

- Nhưng không phải vậy...

- Khoảng một tháng sau ngày bắt giữ hắn, chúng tôi đã khám phá ra một đơn cầu cứu có liên quan đến sự mất tích của một gái điếm.

- Rebecca Springher.

- Chính xác. Vụ việc xảy ra vào thời điểm gần với dịp Giáng sinh...

- Tức là lúc Gorka bị bắt.

- Phải. Và nơi cô gái điếm hành nghề cũng nằm trên đường đi của chiếc xe tải.

Mila có thể tự hiểu ra ngay.

- Gorka bắt cóc cô ta, chỗ thức ăn là để dành cho cô ta.

- Chúng tôi không biết cô ta ở đâu, cũng như khoảng thời gian cầm cự của cô ta còn được bao lâu. Nên chúng tôi đã trực tiếp tra hỏi hắn.

- Và đương nhiên là hắn chối.

- Không hề. - Stern lắc đầu. - Hắn đã thú nhận tất cả. Nhưng để đổi những tiết lộ về nơi giam giữ, hắn đã đặt ra một điều kiện: hắn muốn sự có mặt của giáo sư Gavila lúc cung khai.

Mila ngơ ngác.

- Vậy thì rắc rối ở đâu?

- Rắc rối là Gavila không biết đang ở đâu lúc đó.

- Làm sao Gorka biết được sự việc?

- Thằng khốn nạn ấy đâu có biết! Chúng tôi đã đi tìm giáo

sư, trong khi thời gian trôi qua dần với cô ả gái điếm kia. Boris đã bắt Gorka phải trải qua đủ các thể loại thẩm vấn.

- Anh ấy đã không thành công à?

- Không, nhưng khi nghe lại các băng ghi âm những lần thẩm vấn trước, Boris nhận ra Gorka từng nhắc tới một nhà kho cũ nơi có một cái giếng. Chính Boris là người đã một mình tìm ra Rebecca Springher.

- Và cô ta đã chết đói.

- Không. Cô ta đã tự cắt mạch máu mình bằng một cái mở hộp mà Gorka để lại cùng với chỗ đồ hộp. Nhưng tức nhất là một điều... Theo bác sĩ pháp y, cô ta đã tự sát chỉ hai giờ trước khi được Boris tìm thấy.

Mila rùng mình ớn lạnh. Nhưng cô vẫn hỏi tiếp:

- Vậy còn Gavila, trong thời gian đó ông ấy làm gì?

Stern mỉm cười để che giấu cảm xúc thực.

- Một tuần sau đó, chúng tôi đã tìm ra ông ấy trong nhà vệ sinh của một trạm dừng xa lộ. Các tài xế đã gọi xe cứu thương: ông ấy bị hôn mê do ngộ độc cồn. Goran đã phò mặc con trai mình

cho bà vú em và bỏ đi lang thang để lãng quên sự ra đi của vợ. Khi chúng tôi đến thăm Goran tại bệnh viện, thật khó mà nhận ra ông ấy.

Câu chuyện này cho thấy mối liên hệ đặc biệt giữa cảnh sát chính quy và một người dân thường như Goran. Bởi theo lẽ thông thường thì chính các thảm kịch sẽ tạo ra mối liên hệ giữa các cá nhân với nhau, Mila nghĩ bụng. Và cô nhớ đến một câu nói của Goran khi cô đến nhà ông sau khi phát hiện ra trò lừa dối của thanh tra Roche trong vụ Joseph B. Rockford: “Có những người ta tưởng đã hiểu cặn kẽ, nhưng thật ra chẳng biết gì về bọn họ...”

Đúng vậy, cô nghĩ. Cho dù có cố đến đâu, Mila cũng không bao giờ có thể tưởng tượng nổi Goran trong tình trạng tồi tệ như thế lúc được tìm thấy. Say bết nhè và bất tỉnh. Suy nghĩ đó khiến cô bối rối. Cô bèn đổi chủ đề:

- Tại sao các anh gọi vụ này là Wilson Pickett?

- Một biệt danh hay, đúng không?

- Theo những gì tôi hiểu, Gavila vẫn thích đặt một tên cho đối tượng truy lùng, để khiến hắn trở nên thật hơn.

- Thường là vậy. - Stern nói. - Nhưng lần này là một ngoại lệ.

- Tại sao?

Stern quan sát cô.

- Chẳng bỏ công nát óc tìm kiếm đâu, tôi bảo đảm đấy. Tôi có thể tiết lộ. Nhưng nếu cô thực sự muốn biết, cô phải tự đi tìm hiểu lấy thôi...

- Tôi sẵn sàng làm điều đó.

- Cô biết đấy, trong vụ Gorka, đã xảy ra một việc hiếm thấy... Cô có bao giờ gặp một nạn nhân sống sót dưới tay một tên sát nhân hàng loạt chưa?

Người ta không sống sót dưới tay một kẻ giết người hàng loạt.

Có khóc lóc van xin cũng chẳng ích gì. Ngược lại, làm như thế chỉ càng tăng thêm khoái cảm cho hắn. Khả năng duy nhất dành cho con mồi là trốn chạy. Nhưng nỗi sợ hãi, sự hoảng loạn và việc không nắm được những gì đang diễn ra khiến ưu thế nghiêng về kẻ thù ác.

Tuy vậy, trong một số vụ hiêm hoi, tên sát nhân hàng loạt không đi được đến cùng. Đó là khi mà hắn chuẩn bị ra tay, bỗng một cử chỉ hoặc câu nói của nạn nhân, giống như chiếc phanh khiến

hấn dừng ngay lại.

Đó chính là điều đã giúp Cinthia Pearl sống sót.

Mila đến gặp cô ta trong căn hộ thuê trọ ở gần sân bay. Nội thất khá giản dị, nhưng đó là thành công lớn nhất của một Cinthia mới. Cô Cinthia cũ đã trải qua nhiều kinh nghiệm tiêu cực, vô số lỗi lầm và lựa chọn tai hại.

- Tôi từng làm điểm để có tiền mua thuốc.

Cinthia nói chẳng chút ngập ngừng, như thể đang kể về một người khác. Mila không thể tin nổi người phụ nữ trẻ trước mặt mình đã phải trải qua một thời kỳ đáng sợ như vậy. Cinthia chỉ mới có hai mươi tư tuổi. Cô ta tiếp Mila trong bộ đồng phục nhân viên. Từ vài tháng nay, Cinthia làm thu ngân tại một siêu thị. Dáng điệu khiêm nhường, mái tóc hung buộc đuôi ngựa và khuôn mặt mộc không hề làm mất đi vẻ đẹp hoang dã, quyến rũ tự nhiên.

- Vợ chồng đặc vụ Stern đã kiếm giúp cho tôi căn hộ này.

- Cinthia nói một cách hãnh diện.

Mila nhìn quanh để cho Cinthia vừa lòng. Chỗ đồ đạc cộc cạch dù nhằm để lấp đầy khoảng trống và phục vụ những nhu cầu thiết yếu hơn là để bày biện theo đúng nghĩa. Nhưng có thể thấy Cinthia quan tâm và chăm chút cho căn hộ của mình. Tất cả đều

sạch sẽ và ngăn nắp.

Cô bày chỗ này chỗ nọ vài món đồ mỹ nghệ, đa phần là những con giống bằng sứ.

- Chúng là niềm đam mê của tôi. Tôi sưu tập chúng đấy, chị thấy không?

Ngoài ra cũng có các tấm ảnh của một đứa trẻ. Cinthia làm mẹ từ khi còn trẻ. Con trai cô đã bị sở bảo trợ xã hội mang đi cho một gia đình tiếp nhận.

Để giành lại con mình, Cinthia đã đi cai nghiện. Ngoài ra, cô còn thường xuyên đi nhà thờ, nơi Stern và vợ vẫn lui tới. Trải qua nhiều thăng trầm, cuối cùng cô đã tìm đến với Chúa. Và cô thấy tự hào về đức tin mới đây của mình, chiếc mặt dây chuyền hình thánh Sebastian đeo ở cổ Cinthia đã chứng tỏ điều đó. Nó là món trang sức duy nhất của Cinthia ngoài chiếc nhẫn hình chuỗi hạt cô đeo ở ngón áp út.

- Cô Pearl này, tôi không muốn ép cô phải kể lại những việc mà Benjamin Goroka đã gây ra...

- Không sao, bây giờ tôi nói ra những chuyện đó tương đối dễ dàng. Hồi đầu thì khó thật đấy, nhưng giờ thì ổn rồi. Thậm chí tôi đã gửi cho hấn ta một bức thư, cô có biết không?

Mila không thể biết Gorka có phản ứng như thế nào với lá thư, nhưng những tên như hắn thì cô tin chắc sẽ sử dụng nó để tạo cảm hứng cho những lần tự sướng ban đêm của mình.

- Hắn có hồi âm cho cô không?

- Không. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh là người đàn ông này rất cần được ân xá.

Vừa nói, Cinthia vừa kéo ống tay áo bên phải xuống. Mila nghĩ cô ta muốn che đi một hình xăm nào đó giờ đã thuộc về quá khứ. Có lẽ Cinthia chưa tiết kiệm đủ tiền để đi xóa nó.

- Sự việc đã diễn ra như thế nào?

Cinthia sầm mặt.

- Chúng tôi gặp nhau sau một chuỗi những sự trùng hợp. Lúc đó tôi không còn đứng đường nữa, tôi thích vào quán bar tìm khách hơn. Nó an toàn hơn, và ít nhất tôi cũng được sưởi ấm. Bọn gái chúng tôi luôn biết để lại ít tiền cà phê cà pháo cho tay phục vụ. Tôi sinh ra tại một thị trấn nhỏ, nơi sắc đẹp là một tai họa. Tôi đã sớm hiểu ra mình có thể sử dụng vốn tự có để ra đi, trong khi rất nhiều bạn bè tôi không bao giờ rời khỏi đó, tụi nó lấy nhau để rồi bất hạnh cả đời. Tụi nó nhìn tôi như thể tôi là một người đặc biệt và đặt tất cả kỳ vọng vào tôi. Tôi là niềm hy vọng của tụi nó.

Mila thấy thông cảm cho Cinthia, có lẽ cô đã đoán được diễn biến tiếp theo của cuộc đời cô gái điếm này. Cinthia ra đi sau khi tốt nghiệp trung học và đến một thành phố lớn, nhưng không tìm thấy điều mình mong đợi ở đó. Ngược lại, cô làm quen với cả đồng cô gái có hoàn cảnh giống mình, với cùng vẻ ngơ ngác và nỗi lo lắng trong lòng. Nghề mại dâm không phải là một khúc ngoặt xui xẻo, mà là kết cuộc tất yếu cho con đường của cô.

Điều làm Mila thấy đáng tiếc nhất khi nghe những lời thô lộ kiêu này, đó là chỉ mới hai mươi tư tuổi đầu mà một cô gái như Cinthia đã phí hoài toàn bộ tuổi thanh xuân của mình. Cô đã nhanh chóng trượt dốc và Benjamin Gorka chỉ đơn thuần đứng đợi cô ở cuối con dốc.

- Tối hôm đó, tôi câu được một gã. Hắn đeo nhẫn và có vẻ bình thường. Chúng tôi leo lên xe hơi của hắn, đi ra khỏi thành phố. Khi xong việc, hắn không chịu trả tiền, thậm chí còn đánh tôi nữa. Hắn bỏ tôi lại đó, ngay trên đường. Tôi không thể bắt được xe đi nhờ. Không ai cho một con điếm đi quá giang cả. Vậy là tôi đứng mời chào khách, với hy vọng tay khách hàng tiếp theo sẽ đưa tôi trở lại thành phố.

- Và Gorka xuất hiện...

- Tôi vẫn còn nhớ lúc chiếc xe tải to tướng của hắn dừng lại. Trước khi lên xe, chúng tôi đã thỏa thuận giá cả đôi chút. Hắn có

về tốt bụng. Hắn nói: “Cô làm gì ngoài này? Lên xe đi, trời lạnh đó”.

Cinthia sụp mắt xuống. Cô có vẻ khó chịu khi phải kể về công việc mình từng làm để nuôi thân. Nhưng cô cũng xấu hổ vì đã ngây thơ đến thế.

- Chúng tôi trèo ra sau, vào trong cabin nơi hắn ngủ. Đó là một ngôi nhà thật sự, cô biết không? Có đủ hết mọi thứ. Ngay cả mấy tấm áp phích bầy bạ... Cũng không có gì lạ, đám lái xe ai mà chẳng có. Nhưng trên những hình ảnh đó có một thứ gì đó rất kỳ lạ...

Mila nhớ lại một chi tiết đã đọc được trong hồ sơ: Gorka đã chụp ảnh các nạn nhân trong những tư thế tục tĩu rồi làm thành các tấm áp phích nhỏ.

Điểm đặc biệt của những hình ảnh đó là các nhân vật chính đều đã chết. Nhưng Cinthia đâu biết điều đó.

- Hắn cười lên người tôi, và tôi để mặc cho hắn hành sự. Hắn hôn hám lắm. Tôi đã hy vọng hắn làm nhanh chóng. Hắn vùi mặt vào cổ tôi, nên tôi không cần phải diễn nhiều. Tôi chỉ việc rên la vài tiếng. Trong lúc đó, mắt tôi mở thao láo... (Cinthia ngừng một hồi để lấy lại hơi thở). Tôi không biết sau bao lâu thì đồng tử của tôi trở nên quen với bóng tối, nhưng vào lúc tôi nhìn ra hàng chữ đó

trên trần cabin...

Nó được viết bằng sơn dạ quang. Mila đã trông thấy một tấm ảnh của nó.

Tao sẽ giết mày.

- Tôi bắt đầu hét lên... Còn hắn thì bắt đầu cười. Tôi cố đá chân để thoát ra, nhưng hắn khỏe hơn tôi. Hắn rút dao ra và đâm tôi. Tôi lấy tay đẩy được nhát dao đầu tiên, nhát thứ hai trúng vào hông tôi, nhát thứ ba xuyên vào bụng. Tôi cảm thấy máu trào ra và tự nhủ mình thế là xong đời.

- Nhưng hắn đã dừng lại... Vì sao?

- Bởi vì, đột nhiên tôi nói ra một điều... Nó cứ thế bật ra, có lẽ là do quá kinh hoàng, tôi chẳng biết nữa. Tôi đã nói: “Tôi xin anh, khi tôi chết, hãy chăm sóc con trai tôi. Nó tên là Rick. Nó lên năm...” (Cinthia cười cay đắng và lắc đầu). Chị có hiểu không? Tôi đã yêu cầu tên sát nhân đó chăm sóc con mình... Tôi không hiểu cái gì đã diễn ra trong đầu mình lúc đó nữa, tôi sẵn sàng đầu hàng, nhưng hắn phải đền bù theo một cách nào đó. Thật dở hơi: tôi đã nghĩ hắn nợ tôi!

- Có thể dở hơi thật, nhưng nó đã đập tắt cơn hung bạo của hắn.

- Tôi biết, nhưng dù sao thì tôi cũng không thể tha thứ cho mình điều đó. - Cinthia nuốt nước mắt.

- Wilson Pickett.

- Đúng rồi, tôi còn nhớ... Tôi sống dở chết dở trong cabin, còn hắn thì ngồi vào ghế lái. Hắn đem tôi đi bỏ lại một bãi đỗ xe. Nhưng tôi chưa biết ý định đó của hắn. Tôi tê bại và lả đi vì mất máu. Dọc đường đi, trên đài người ta phát cái bài hát đáng nguyên rủa ấy... *In the Midnight Hour*... Sau đó tôi ngất đi và tỉnh lại ở trong bệnh viện, không còn nhớ gì nữa. Cảnh sát đã hỏi tôi bị thương như thế nào, nhưng tôi không thể trả lời. Tôi ra viện và nương nhờ nhà một người bạn gái một thời gian. Một tối nọ, trên bản tin thời sự, tôi thấy người ta đưa tin về vụ bắt giữ Gorka. Nhưng ngay cả khi hình ảnh của hắn được đưa lên, tôi cũng không nhận ra... Cho đến một buổi chiều, khi tôi ở nhà một mình và nghe đài. Họ phát bài hát đó của Wilson Pickett. Tôi chợt nhớ ra.

Mila hiểu biệt danh này được nhóm điều tra đặt cho Gorka sau khi họ đã tóm được hắn. Nó đã được chọn để ghi nhớ những sai lầm của họ.

- Nó kinh khủng lắm. - Cinthia nói tiếp. - Giống như sống lại khoảnh khắc đó lần thứ hai vậy. Hơn nữa, tôi nghĩ tới chuyện đó, chị biết không? Nếu tôi nhớ ra sớm hơn, biết đâu tôi đã có thể cứu được những cô gái khác...

Câu nói cuối cùng này chẳng qua để cho có vẻ, Mila nhận thấy điều đó qua giọng điệu của Cinthia. Không phải số phận của các cô gái kia không có ý nghĩa gì đối với cô ta, nhưng cô ta đã đặt một màng lọc giữa mình và số phận của họ. Đó là một trong nhiều cách để tiếp tục sống sau khi phải đối mặt với một trải nghiệm như thế.

- Cách đây một tháng, tôi đã gặp cha mẹ của Rebecca Springer, nạn nhân cuối cùng của hắn. - Cinthia nói thêm, qua đó khẳng định suy nghĩ của Mila.

Cô ta không bị hắn giết, cô nghĩ bụng. Còn tệ hơn thế: hắn đã đẩy cô ta đến chỗ tự sát.

- Chúng tôi đã tham dự một buổi lễ cầu siêu cho các nạn nhân của Benjamin Gorka. Chị biết không, họ ở cùng trong một giáo đoàn với tôi. Họ đã quan sát tôi trong suốt buổi tưởng niệm, và tôi đã cảm thấy mình thật tội lỗi.

- Tại sao? - Mila hỏi, dù đã quá hiểu.

- Vì đã sống sót, tôi nghĩ thế.

Mila cảm ơn cô gái và ra về. Lúc tiễn cô ra cửa, Cinthia im lặng một cách lạ lùng, như thể muốn hỏi cô điều gì đó nhưng không biết phải mở lời thế nào. Vậy nên Mila quyết định dành

thêm ít phút cho cô ta và hỏi xem liệu mình có thể sử dụng nhà vệ sinh được không. Cinthia chỉ chỗ cho cô.

Phòng vệ sinh không được thông thoáng cho lắm. Trong buồng tắm có treo mấy đôi vớ. Màu hồng chiếm ưu thế, và mấy con giông bằng sứ cũng có cả ở trong này. Mila cúi xuống lavabo rửa mặt. Cô cảm thấy rất mệt mỏi và kiệt sức. Cô đã mua thuốc sát trùng và những thứ cần thiết để tự làm mình bị thương. Cô phải tưởng nhớ đến cái chết của bé gái số năm. Cô đã hoãn chuyện đó lại, nhưng tối nay cô sẽ thực hiện điều đó.

Con đau đó là cần thiết với cô.

Khi lau tay và mặt bằng một cái khăn bông, cô trông thấy một lọ thuốc trị bệnh tưa lưỡi trên chiếc kệ. Màu của chất lỏng khá sậm. Cô hít thử: nó có mùi rượu. Cinthia Pearl cũng có một bí mật của mình. Một thói quen xấu, còn sót lại của cuộc đời trước đây. Mila tưởng tượng ra cô ta khép mình trong buồng vệ sinh này, ngồi bệt xuống nắp bồn cầu và nhấp hai, ba ngụm rượu, mắt dờ dãn nhìn xuống sàn gạch. Cô ta đã thay đổi rất nhiều theo chiều hướng tích cực, nhưng dù sao cũng vẫn còn giữ một góc khuất cho riêng mình.

Đã là con người thì ai cũng như thế, Mila nghĩ thầm. Nhưng bí mật của mình thì sâu xa hơn...

Khi rốt cuộc cô đã có thể ra về, trên ngưỡng cửa, Cinthia

lấy hết can đảm hỏi cô liệu hai người có thể gặp lại nhau để cùng đi mua sắm hoặc đi xem phim hay không. Mila nhận ra Cinthia rất khao khát một người bạn, nên cô không nỡ lòng nào từ chối.

Để làm cho Cinthia vừa lòng, cô lưu số điện thoại của cô ta lại, dù biết họ sẽ không gặp lại nhau nữa.

Hai mươi phút sau, Mila về đến trụ sở cảnh sát liên bang. Cô nhìn thấy nhiều đặc vụ mặc thường phục giờ thẻ ở cửa vào, đồng thời các đội tuần tra cũng đi vào. Ai đó đã triệu tập họ.

Chắc hẳn có chuyện gì đó đã xảy ra.

Cô leo thang bộ để khỏi mất thời gian đứng vào hàng người đang chờ trước thang máy. Cô nhanh chóng lên tầng ba, nơi nhóm điều tra đã dời về sau khi cái xác được tìm thấy.

- Mosca đã triệu tập mọi người. - Cô nghe thấy một thanh tra nói vào điện thoại.

Cô tiến đến phòng họp. Đám đông chen chúc nhau qua cửa để giành chỗ ngồi. Ai đó lịch sự nhường cho cô qua trước. Mila tìm thấy một chỗ trống ở hàng ghế cuối cùng. Ngồi phía trước cô,

hơi chềch ra rìa một chút là Boris và Stern. Stern nhận thấy cô vào và gật đầu chào. Mila cố ra dấu để kể lại cuộc gặp gỡ với Cinthia, nhưng anh ra hiệu để chuyện đó lại sau.

Tiếng rít của loa phóng thanh làm cho mọi người ngừng tán gẫu trong giây lát: một kỹ thuật viên đang cân chỉnh micro trên bục phát biểu và gõ gõ mấy cái để kiểm tra nó. Tấm bảng đèn và máy pha cà phê đã được cất đi để kê thêm ghế, nhưng vẫn không đủ, nên nhiều cảnh sát đành phải đứng dọc các vách tường.

Cuộc họp này có vẻ không bình thường, Mila tự nhủ chắc phải có chuyện gì nghiêm trọng lắm. Hơn nữa, cô không nhìn thấy cả Goran lẫn thanh tra Roche. Cô hình dung ra họ đang cùng với Mosca họp bàn trong một văn phòng nào đó để thống nhất về những gì sắp được công khai.

Sự chờ đợi thật không thể chịu đựng nổi. Nhưng cuối cùng cô cũng nhìn thấy ngài chánh thanh tra xuất hiện trên ngưỡng cửa. Ông ta đi vào nhưng không tiến đến bục phát biểu, mà chỉ ngồi xuống hàng ghế đầu, lấp vào chỗ ngồi được một cảnh sát viên mau mắn nhường lại. Gương mặt Roche kín như bưng. Ông ta có vẻ bình thản, chỉ bắt chéo chân và chờ đợi giống như những người khác.

Goran và Mosca cùng vào một lượt. Các đặc vụ đứng gần cửa dồn sát vào nhau trong khi hai người tiến đến bục phát biểu. Nhà tội phạm học đi đến tựa người vào chiếc bàn kê sát tường,

trong khi ông đại úy gỡ micro ra khỏi giá đỡ và tuyên bố:

- Thưa quý vị, xin vui lòng chú ý... (Trật tự được vãn hồi). Được rồi... Là thế này... Chúng tôi đã cho triệu tập mọi người lại vì có một tin quan trọng cần thông báo. (Mosca dùng chữ “chúng tôi” dù ông ta đang giữ vai chính). Nó có liên quan đến cô bé được tìm thấy xác tại studio. Rất đáng tiếc, như đã lường trước, hiện trường hoàn toàn sạch sẽ. Nhưng chúng ta đã quen với sự cẩn thận của thủ phạm. Không có dấu vân tay nào, không có dịch cơ thể, cũng như các dấu vết bên ngoài...

Rõ ràng là Mosca không vội. Mila không phải là người duy nhất nhận thấy điều đó: xung quanh cô, mọi người tỏ ra sốt ruột. Người duy nhất tỏ ra bình thản là Goran. Hai tay khoanh lại, ông chỉ đưa mắt nhìn cử tọa. Từ lúc này, sự hiện diện của ông chỉ để làm nền. Mosca đã giành quyền làm chủ tình hình.

- Tuy vậy, chúng tôi có thể hiểu lý do vì sao tên sát nhân hàng loạt đã mang cái xác đến đó. Điều này có liên quan đến một vụ án mà tất cả chúng ta đều nhớ rõ: vụ Benjamin Gorka...

Tiếng xì xầm lan khắp gian phòng như một làn sóng. Mosca dang tay ra hiệu cho mọi người yên lặng để ông nói cho hết. Rồi ông dút một tay vào túi và đổi giọng:

- Có vẻ như cách đây vài tháng chúng ta đã nhầm lẫn.

Một sai lầm trầm trọng đã xảy ra.

Mosca nói một cách chung chung, không chỉ ra cụ thể người phải chịu trách nhiệm, nhưng nhấn nhá khá mạnh câu nói của mình.

- Đáng mừng là chúng ta vẫn còn có khả năng sửa chữa nó...

Đúng lúc này, Mila nhận ra một sự việc khác lạ. Stern vẫn nhìn thẳng trước mặt, nhưng bàn tay anh đang chậm chậm lăn xuống hông, mở bao súng.

Lập tức cô đoán ra mọi chuyện và phát hoảng.

- Rebecca Springher, nạn nhân cuối cùng của Gorka, đã bị giết không phải bởi hấn ta... mà bởi một người trong số chúng ta.

Tiếng xì xầm biến thành sự náo loạn, và Mila nhìn thấy viên đại úy giơ tay chỉ một người trong đám đông cử tọa. Stern. Anh ta đứng dậy và rút súng. Giữa lúc bối rối, Mila suýt nữa thì làm theo, nhưng rồi Stern quay sang trái và chĩa súng vào Boris.

- Này, anh bị sao thế? - Boris ngạc nhiên hỏi.

- Tôi muốn cậu giơ hai tay lên, sao cho tôi nhìn thấy rõ.

Và đừng buộc tôi phải nhắc lại.

- Anh nên nói cho chúng tôi biết thực sự mọi việc đã diễn ra như thế nào.

Họ đã cho mời ba chuyên viên thẩm vấn của quân đội thay phiên nhau quần đảo Boris. Anh đã biết mọi kỹ thuật moi thông tin, nhưng ý đồ của ba người khiến anh kiệt sức vì các câu hỏi không ngừng nghỉ. Việc thiếu ngủ có tác động lên Boris còn hơn cả bất cứ chiến thuật nào.

- Tôi đã nói là tôi không biết gì hết rồi mà.

Mila quan sát đồng nghiệp của mình qua tấm gương

không trống thùy. Chỉ có mình cô trong căn phòng nhỏ. Bên cạnh cô là chiếc camera kỹ thuật số đang gửi hình ảnh cuộc thẩm vấn vào một hệ thống khép kín, tránh không để cho các nhân vật chớp bu của ban điều tra - trong đó có Roche - được tham dự một cách trực tiếp vào vụ xử lý một trong những người giỏi nhất mà họ có. Họ có thể theo dõi vụ việc trong khi vẫn ngồi chễm chệ trong văn phòng của mình.

Riêng phần Mila, cô muốn có mặt tại chỗ. Bởi lẽ cô chưa thể tin nổi cáo buộc nặng nề nhằm vào Boris.

“Chính Boris là người đã một mình tìm ra Rebecca Springher”.

Stern đã kể với cô rằng, trong một phòng thẩm vấn tương tự như phòng cô đang nhìn thấy, Benjamin Gorka đã vô tình tiết lộ cho Boris những manh mối dẫn tới nhà kho cũ, nơi có một cái giếng.

Theo báo cáo chính thức thì Boris đã một mình đi tới địa điểm đó và tìm thấy nạn nhân đã chết.

“Cô ta đã tự cắt mạch máu mình bằng một cái mở hộp mà Gorka để lại cùng với chỗ đồ hộp. Nhưng tức nhất là một điều... Theo bác sĩ pháp y, cô ta đã tự sát chỉ hai giờ trước khi được Boris tìm thấy”. Stern đã kể như thế.

Hai giờ.

Nhưng Mila đã xem hồ sơ. Ngay từ hồi đó, khi phân tích chỗ thức ăn còn lại trong dạ dày cô gái điếm và sự dừng đột ngột của quá trình tiêu hóa sau khi tử vong, bác sĩ pháp y đã cho rằng, họ không thể xác định một cách chính xác thời điểm tử vong của nạn nhân. Và do vậy, cái chết có thể đã xảy ra muộn hơn hai tiếng đồng hồ.

Hôm nay, sự nghi ngờ đã được dỡ bỏ hoàn toàn. Người ta buộc tội Boris đã đến nơi lúc Rebecca Springerher còn sống và anh đứng trước hai lựa chọn. Hoặc cứu cô gái điếm và trở thành anh hùng. Hoặc làm điều không tưởng mà mọi kẻ sát nhân đều mong muốn. Một tội ác hoàn hảo. Nó sẽ không bị trừng phạt, bởi anh không hề có động cơ.

Được một lần được cảm nhận quyền năng kiểm soát sự sống chết của một đồng loại. Đồng thời hoàn toàn chắc chắn là mình thoát tội, vì tội lỗi sẽ được đổ lên đầu kẻ khác. Suy nghĩ ấy đã cám dỗ Boris, theo những người buộc tội anh lập luận.

Khi làm chứng trong phiên tòa xét xử Benjamin Gorka, giáo sư Gavila đã khẳng định: “Bản năng sát thủ hiện diện trong mỗi chúng ta. Nhờ trời, tất cả mọi người đều có một chút an toàn để kiểm soát và ức chế. Tuy nhiên, luôn tồn tại một điểm vỡ”.

Boris đã đạt đến điểm này khi đối diện với cô gái tội nghiệp không thể tự vệ kia. Xét cho cùng, cô ta chỉ là một ả điếm. Nhưng Mila không thể tự thuyết phục mình tin vào điều đó.

Tuy nhiên, thứ mà lúc đầu chỉ là một hướng điều tra đã được khẳng định sau đó, bằng việc khám xét nhà Boris và tìm thấy một vật chứng.

Một món đồ kỷ niệm để anh chàng nhớ lại sự việc trên: chiếc quần lót của cô gái, bị lấy từ trong kho tang vật sau khi cuộc điều tra kết thúc.

- Anh không có đường thoát đâu, Boris. Chúng tôi sẽ ở lại đây cả đêm nếu cần. Và cả ngày mai, ngày kia nữa.

Tay điều tra viên phun cả nước bọt trong khi nói. Việc này cũng góp phần làm sa sút tinh thần của đối tượng bị thẩm vấn.

Cánh cửa phòng bên bật mở. Mila thấy Terence Mosca bước vào. Trên ve áo ông ta có một vệt mỡ, chắc là rơi rớt từ đồ ăn nhanh của bữa trưa.

- Mọi thứ thế nào rồi? - Viên đại úy hỏi, hai tay vẫn đút túi như thường lệ.

Mila trả lời, mắt không nhìn ông ta.

- Vẫn không có gì.

- Hẳn sẽ đầu hàng thôi.

Ông ta có vẻ rất tự tin.

- Điều gì làm ông tin chắc như vậy?

- Sớm muộn gì tất cả bọn họ cũng làm cho hẳn phải thú nhận thôi. Hẳn thừa biết chuyện đó. Có lẽ cần thêm một ít thời gian, nhưng rốt cuộc hẳn sẽ phải chọn cái ít đau đớn nhất.

- Tại sao ông bắt Boris trước sự chứng kiến của mọi người?

- Để không cho hẳn khả năng hành động.

Mila sẽ không quên đôi mắt ngân ngấn nước của Stern khi anh bập cồng vào tay người anh coi như con trai mình. Khi được biết kết quả vụ khám xét căn hộ của Boris, anh đã đề nghị tự mình bắt giữ Boris, và cương quyết không nghe khi Roche tìm cách thuyết phục anh đổi ý.

- Vậy nếu Boris vô can trong vụ này thì sao?

Mosca đứng vào giữa Mila và tấm gương, rút hai tay ra

khỏi túi.

- Trong hai mươi lăm năm điều tra, tôi chưa từng bắt làm một người nào.

Mila bật cười mỉa mai.

- Lạy trời, vậy ông là cảnh sát giỏi nhất thế giới rồi còn gì.

- Các chánh án luôn luôn chốt lại những vụ mà tôi điều tra bằng bản cáo trạng. Không phải vì tôi đã làm tốt công việc của mình. Cô có muốn biết lý do thật sự không?

- Có chứ.

- Thế giới này kinh tởm lắm, cảnh sát Vasquez ạ.

- Sự khẳng định của ông bắt nguồn từ kinh nghiệm cá nhân à? Thực sự tôi rất muốn biết...

Mosca không nổi câu, kiểu châm chọc này làm ông khoái trá.

- Điều đang diễn ra trong những ngày này, điều mà chúng ta đã được phép khám phá nhờ... Các cô gọi gã ta là gì nhỉ?

- Albert.

- Phải rồi. Thì, điều mà gã cuồng tín đó đã thực hiện một cách hoàn hảo, nó rất giống với một khúc khai huyền nho nhỏ... Cô biết khai huyền là gì chứ, cảnh sát Vasquez? Trong kinh thánh, đó là thời điểm tận thế, khi mà mọi tội lỗi của con người bị phơi bày để phán xét. Gã Albert dở hơi này đã cho chúng ta được chứng kiến một nỗi kinh hoàng đến mức cả thế giới, chứ không chỉ riêng đất nước này, lẽ ra đã phải dừng lại để suy nghĩ, chí ít là thế... Nhưng ngược lại, cô biết chuyện gì đang xảy ra không?

Mosca không nói tiếp, nên Mila hỏi:

- Chuyện gì kia chứ?

- Không có gì. Hoàn toàn không có gì. Những con người ngoài kia tiếp tục giết chóc, trộm cắp, đê đầu cười cổ đồng loại như thể không có gì xảy ra! Cô nghĩ bọn giết người sẽ dừng tay, lũ trộm cắp sẽ tự vấn lương tâm à? Để tôi cho cô một ví dụ cụ thể nhé: sáng nay, hai quản giáo đã gõ cửa nhà một phạm nhân mới được ân xá cách đây chưa lâu nhờ có thái độ cải tạo tốt. Họ đến vì đối tượng quên không ra trình diện tại đồn cảnh sát địa phương theo như hạn định. Và cô biết kẻ đó đã làm gì không? Hắn bắt đầu xả súng. Thế đấy, chẳng có con cơ gì. Hắn làm một trong hai quản giáo bị thương nặng và hiện đang cố thủ tại nhà, vãi đạn vào bất cứ người nào đến gần. Theo cô thì tại sao nào?

- Tôi không biết. - Mila thừa nhận.

- Tôi cũng không. Nhưng một người đồng nghiệp của chúng ta đang vật lộn giữa sự sống và cái chết tại bệnh viện; còn tôi, trước sáng ngày mai, tôi phải nặn ra một lời giải thích cho người góa phụ sẽ cật vấn tôi tại sao chồng mình phải chết một cách xuẩn ngốc đến thế! Thế giới này kinh tởm lắm, cảnh sát Vasquez ạ. Và Klaus Boris là kẻ có tội. Chấm hết. Nếu tôi là cô, tôi sẽ chấp nhận chuyện đó.

Terence Mosca quay lưng, đút hai tay vào túi rồi bước ra khỏi phòng, sập cửa lại sau lưng.

- Tôi không biết, chuyện này thật vớ vẩn. - Boris lên tiếng.

Nhưng Boris có vẻ bình thản và biết tiết kiệm sức lực cho những giờ phút khó khăn trước mặt sau cơn giận dữ ban đầu. Mila đã quá mệt khi chứng kiến cảnh tượng này. Cô mệt mỏi vì liên tục phải thay đổi quan điểm của mình về những người khác. Chính Boris là người đã cưa cẩm cô lúc cô vừa mới đến. Người đã mang bánh sừng bò và cà phê nóng cho cô, và tặng cô chiếc áo khoác khi cô bị lạnh. Ở bên kia tấm kính, vẫn là người đồng nghiệp đã cùng với cô giải quyết phần lớn những bí mật của Albert. Anh chàng cao to hoạt bát rất dễ thương và hơi phiền phức, người rất dễ mỉm cười khi nói về người khác.

Nhóm điều tra của Goran đã hoàn toàn tan vỡ, kéo theo cuộc điều tra và hy vọng cứu sống cô bé Sandra hiện đang kiệt sức lực ở một nơi nào đó. Rốt cuộc em sẽ chết không phải vì một tên sát nhân hàng loạt ẩn danh, mà bởi sự vị kỷ và tội lỗi của những người khác.

Đó là cái kết hoàn hảo nhất mà Albert có thể nghĩ ra.

Trong lúc suy nghĩ, Mila nhìn thấy khuôn mặt của Goran xuất hiện trên tấm kính. Ông đang đứng ngay sau cô. Nhưng ông không nhìn sang phòng thẩm vấn. Ông tìm ánh mắt cô trong hình ảnh phản chiếu. Mila quay lại. Họ yên lặng nhìn nhau hồi lâu. Họ gặp nhau ở cùng trạng thái buồn bã và đau đớn. Bất giác cô ngả người về phía ông, nhắm mắt lại và tìm đến đôi môi ông. Cô áp môi mình vào đó, và cảm thấy ông đáp lại.

Con mưa tòi tẹt đổ xuống thành phố. Nó làm ngập các con đường, nghẹt các miệng cống, các máng xối hết hút vào lại khạc nước ra không ngừng. Chiếc taxi đưa họ đến một khách sạn gần nhà ga. Mặt tiền của khách sạn đen nhem vì khói bụi. Các lá sách cửa sổ luôn đóng im im, bởi những người dừng chân ở đây không có thời gian để mở chúng.

Người ta đến rồi lại đi. Những chiếc giường được dọn lại cả ngày lẫn đêm. Trong hành lang, các bà dọn phòng mệt mỏi đẩy mấy chiếc xe cọt kẹt chất đầy khăn và xà bông. Bữa ăn nhẹ được phục vụ mọi lúc. Một số khách hàng tạt vào đây để nghỉ ngơi và thay quần áo. Số khác thì đến để làm tình.

Người trực ban đưa cho họ chìa khóa phòng số 23.

Họ vào thang máy, không nói một lời, tay trong tay. Nhưng không phải như một đôi tình nhân, mà giống như hai con người sợ để mất nhau.

Phòng khách sạn toàn những món đồ nội thất lẽ bộ, sự nức mùi thuốc xịt phòng pha lẫn mùi thuốc lá. Họ ôm hôn nhau lần nữa, lần này mạnh bạo hơn, như thể muốn gạt bỏ mọi suy nghĩ trước khi cởi bỏ quần áo.

Ông đặt tay lên một bên ngực cô. Cô nhắm mắt.

Ánh sáng nhập nhoạng qua màn mưa từ tấm bảng hiệu của một nhà hàng Trung Hoa lọt vào phòng, khắc họa bóng hình của hai người trong tối.

Goran cởi đồ cho cô.

Mila để yên cho ông làm điều đó, cô chờ đợi phản ứng

của ông.

Ông khám phá chiếc bụng phẳng của cô trước tiên, sau đó hôn dần lên ngực cô.

Vết sẹo đầu tiên xuất hiện ở hông cô.

Ông tuột chiếc áo thun chui đầu của cô một cách khéo léo.

Rồi ông nhìn thấy những vết sẹo khác.

Nhưng mắt ông không dừng lại ở đó, mà để cho đôi môi làm nhiệm vụ.

Trước sự ngạc nhiên của Mila, ông lần lượt đặt những nụ hôn dài lên từng vết sẹo. Tựa hồ như ông muốn chữa lành cho chúng theo một cách nào đó.

Khi cởi chiếc quần jean của cô, ông lặp lại những cử chỉ yêu thương đó trên đôi chân cô. Nơi vết thương vẫn còn tươi máu hoặc chỉ vừa mới đông. Nơi lưỡi dao cạo vừa cứa vào da thịt của cô gần đây.

Mila lại cảm thấy nổi đau đớn mỗi khi cô khắc ghi hình phạt kia vào tâm hồn thông qua thể xác. Nhưng trên cả cơn đau cũ

là một điều gì đó rất đổi dịu dàng.

Giống như cảm giác hơi ngứa ngáy khi vết thương lên da non, vừa châm chích lại vừa dễ chịu.

Đến lượt cô cởi quần áo cho ông. Cô làm điều đó giống như người ta gỡ từng cánh mỏng của một bông hoa. Ông cũng có những dấu ấn đau khổ của riêng mình. Hai bên sườn quá gầy do nỗi tuyệt vọng chầm chầm hằn dấu. Và những chiếc xương nhô ra ở nơi các bắp thịt đã bị nỗi buồn gặm mất.

Họ làm tình với một sự mãnh liệt khác thường. Cuồng dại, nóng bỏng, nhưng cũng rất gấp gáp. Như thể qua đó người này muốn hòa nhập vào thân thể người kia. Và sẵn sàng quên ngay lập tức.

Khi mọi thứ đã trôi qua, họ nằm cạnh nhau - tuy đã rời nhau ra nhưng vẫn còn nhập làm một - và lắng nghe nhịp thở của mỗi người. Rồi thối mắc đến trong im lặng. Mila có thể cảm thấy nó lớn vồn bên trên hai người như một con chim màu đen.

Nó gắn với cội nguồn đau khổ của họ, của cô và của ông.

Điều mà cô đã khắc sâu trên da thịt để rồi phải cố dùng trang phục để che đi.

Tất nhiên, câu hỏi đó liên quan mật thiết với số mệnh của một bé gái. Sandra. Trong khi họ cùng chia sẻ cảm xúc này, thì ở một nơi nào đó, rất rất xa, cô bé ấy đang chết dần chết mòn.

Mila đáp trước khi Goran đặt câu hỏi:

- Công việc của em là tìm người mất tích. Đặc biệt là trẻ con. Một số mất tích hàng mấy năm trời và không còn nhớ gì được nữa. Em không rõ liệu như thế là tốt hay là xấu. Nhưng rõ ràng khía cạnh này của công việc làm em gặp rắc rối nhiều nhất...

- Tại sao vậy?

- Bởi vì khi em lặn sâu xuống vực tối để lôi một ai đó lên, em luôn cần phải có một lý do, một lý do thật mạnh để đưa em trở lại với ánh sáng. Nó giống như là một sợi dây an toàn để kéo em lên vậy. Nếu có một điều em học được, thì đó là bóng tối luôn mời gọi chúng ta, quyến rũ chúng ta bằng sự hun hút chóng mặt của nó. Rất khó để cưỡng lại nó... Khi em thoát ra khỏi bóng tối cùng với những người mà em cứu được, em nhận thấy bọn em không ra khỏi đó một mình. Luôn luôn có một thứ gì đó từ cái lỗ đen ấy bám theo bọn em, bám riết không rời. Khó mà rũ bỏ nó được.

Goran nhìn vào mắt cô.

- Sao em lại nói đến chuyện này?

- Vì em từ bóng tối chui ra. Và thỉnh thoảng, em phải quay lại với bóng tối.

Con bé tựa người vào tường, tay để sau lưng, trong bóng tối. Cô bé kia đã quan sát nó được bao lâu rồi?

Nó quyết định gọi tên cô bé.

- Gloria ơi...

Cô bé tiến lại gần.

Cô bé luôn có cái vẻ tò mò ấy, nhưng lần này thì hơi khác. Một chút hoài nghi.

- Tớ đã nhớ ra một điều... Trước đây tớ từng có một con mèo. - Cô bé nói.

- Tớ cũng thế. Con mèo của tớ tên là Houdini.

- Nó có xinh không?

- Nó xấu tính lắm. - Nhận ra đó không phải là câu trả lời cô bé kia đang chờ đợi, nên nó vội sửa lại. - À, nhưng nó cũng khá xinh. Nó có bộ lông màu đen và nâu, ban ngày nó ngủ suốt, và lúc nào nó cũng đói.

Gloria ngẫm nghĩ một lúc, rồi hỏi:

- Thế theo cậu, sao tớ lại quên mất con mèo của mình được nhỉ?

- Tớ không biết.

- Tớ nghĩ... nếu tớ quên mất nó, tức là tớ cũng không nhớ những chuyện khác. Có khi ngay cả tên thật của tớ cũng nên.

- Tớ thích cái tên Gloria. - Nó động viên, trong bụng thầm nghĩ đến phản ứng của cô bé khi nó nói tên thật của cô bé là Linda Brown.

- Gloria này...

- Ừ?

- Cậu có muốn nói về Steve cho tớ nghe không?

- Steve quý tụi mình lắm. Rồi cậu cũng sẽ thích Steve cho mà xem.

- Tại sao cậu lại bảo là Steve đã cứu tụi mình?

- Vì sự thật là như thế mà. Steve đã cứu tụi mình.

- Nhưng tớ đâu có cần được Steve cứu?

- Cậu không biết đấy thôi, cậu đang gặp nguy hiểm.

- Frankie là mối nguy hiểm à?

Gloria sợ cái tên đó. Cô bé do dự, không biết liệu có nên nói ra hay không. Cô bé cân nhắc tình hình, rồi tiến lại gần giường con bé và thì thào thật khẽ.

- Frankie muốn làm hại hai đứa mình. Hắn truy lùng tụi mình. Chính vì thế mà mình phải trốn ở đây.

- *Tớ chẳng biết ai là Frankie, cũng không hiểu hẳn thù ghét tớ vì chuyện gì.*

- *Hắn không thù hẳn gì với tụi mình, mà với bố mẹ tụi mình kia.*

- *Bố mẹ tớ á? Sao lại thế?*

Con bé không tin, chuyện này nghe thật vớ vẩn. Nhưng Gloria thì lại có vẻ rất chắc chắn.

- *Bố mẹ cậu và tớ đã lừa hẳn, chuyện này có liên quan đến tiền nong.*

Lại một lần nữa, câu nói của cô bé nghe như đã được ai đó nói ra và cô bé chỉ học thuộc lòng một cách thụ động.

- *Bố mẹ tớ không thiếu nợ ai cả.*

- *Bố mẹ tớ chết rồi. Frankie đã giết hai người họ. Giờ hẳn đi tìm tớ để thanh toán nốt. Nhưng Steve tin rằng hẳn sẽ không bao giờ tìm được tớ nếu tớ trốn trong này.*

- *Gloria, cậu nghe này...*

Thình thoảng Gloria lại có vẻ lơ đãng và cần phải được

lôi ra khỏi dòng suy nghĩ.

- Gloria, tờ báo...

- Ừ, chuyện gì thế?

- Bố mẹ cậu vẫn còn sống. Tớ còn nhớ đã nhìn thấy họ trên truyền hình cách đây không lâu. Họ tham dự một chương trình đối thoại, và họ đã kể về cậu. Họ chúc cậu sinh nhật vui vẻ.

Cô bé có vẻ không xúc động mấy trước tiết lộ của nó. Nhưng cô bé cũng bắt đầu tự hỏi liệu tất cả những chuyện này có phải là sự thật hay không.

- Tớ không xem ti vi được. Chỉ xem toàn băng của Steve thôi.

- Steve. Chính Steve mới là kẻ xấu, Gloria ơi, Frankie không tồn tại đâu. Đó chỉ là một nhân vật được dựng lên để giữ cậu ở lại đây mà thôi.

- Hả có thật.

- Cậu nghĩ cho kỹ vào. Cậu đã nhìn thấy hắn chưa?

- Chưa. - Cô bé công nhận.

- Vậy làm thế nào cậu tin là hắn có thật?

Gloria cũng tầm tuổi nó, nhưng có vẻ trẻ con hơn cái tuổi mười hai rất nhiều. Như thế bộ não của cô bé đã ngừng phát triển từ năm lên chín, tức là trùng với thời điểm Steve bắt cóc Linda Brown. Chính vì thế mà cô bé luôn cần nhiều thời gian hơn đôi chút để ngẫm nghĩ.

- Steve rất yêu tớ. - Cô bé lặp lại, nhưng có vẻ để tự thuyết phục thì đúng hơn.

- Không phải vậy. Hắn không yêu quý gì cậu đâu.

- Vậy cậu đang định nói là nếu tớ tìm cách ra khỏi đây thì Frankie sẽ không giết tớ à?

- Chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra. Hơn nữa, chúng ta sẽ đi cùng nhau. Cậu sẽ không đơn độc.

- Cậu sẽ đi cùng tớ à?

- Phải. Nhưng tụi mình phải tìm ra cách thoát khỏi Steve.

- Nhưng cậu đang ốm.

- Tớ biết. Và tớ không thể cử động cánh tay được.

- Tay cậu bị gãy.

- Chuyện xảy ra thế nào? Tớ không nhớ được...

- Cậu ngã ở cầu thang lúc Steve đưa cậu vào đây. Steve giận lắm: Steve không muốn cậu chết. Nếu cậu chết, Steve sẽ không thể dạy cho cậu cách yêu thương ông ấy. Chuyện đó quan trọng lắm, cậu biết không?

- Tớ sẽ không bao giờ yêu thương hẳn.

Gloria ngẫm nghĩ một lúc.

- Tớ thích cái tên Linda.

- Tớ thấy mừng là cậu thích nó, vì đó là tên thật của cậu.

- Vậy thì cậu có thể gọi tớ bằng cái tên đó...

- Tớ đồng ý, Linda... - Con bé phát âm thật rành rọt, làm cô bé mỉm cười. - Giờ chúng ta là bạn.

- Thật chứ?

- Khi gọi nhau bằng tên, người ta trở thành bạn bè, không ai bảo với cậu chuyện đó à?

- Tôi biết tên cậu rồi... Cậu tên là Maria Eléna.

- Ủ, nhưng bạn bè gọi tôi là Mila.

- Thằng khốn nạn ấy tên là Steve, *Steve Smitty*.

Mila phát âm cái tên đó với thái độ ghê tởm. Goran nắm lấy tay cô trên chiếc giường mét rưỡi trong khách sạn.

- Hắn chỉ là một thằng du côn vô tích sự. Hắn nhảy hết việc này sang việc khác, luôn luôn bị sa thải trong vòng một tháng. Phần lớn thời gian hắn thất nghiệp. Khi bố mẹ qua đời, hắn được thừa kế một căn nhà - nơi hắn nhốt hai đứa bọn em - và tiền bảo hiểm nhân thọ. Không nhiều, nhưng cũng đủ để thực hiện “kế hoạch lớn” của hắn.

Mila nhấn mạnh ba chữ “kế hoạch lớn”. Rồi cô lắc đầu quày quặt khi nhớ đến sự phi lý của câu chuyện.

- Steve thích phụ nữ, nhưng không dám tiếp cận họ vì cái của nợ của hắn chỉ to bằng ngón tay út và hắn sợ bị họ chế giễu. - Nụ cười mĩa mai và hả hê hiện rõ trên khuôn mặt Mila trong một thoáng. - Thế nên hắn chuyển sang quan tâm các cô bé gái, tin rằng mình sẽ thành công hơn.

- Anh còn nhớ vụ Linda Brown. - Goran nói. - Lúc đó anh vừa kiếm được việc làm đầu tiên tại trường đại học. Anh đã nghĩ cảnh sát phạm sai lầm trong vụ đó.

- Sai lầm á? Phải, bọn họ sai lè lè ra ấy chứ! Steve chỉ là một gã ăn may non kinh nghiệm, hắn để lại cả đồng dấu vết và nhân chứng! Nhưng cảnh sát đã không thể tìm ra hắn ngay và biện bạch rằng hắn rất ranh ma. Nhưng đó chỉ là một thằng ngu! Một thằng ngu gặp may...

- Thằng ngu đó đã thuyết phục Linda thành công..

- Hắn bỏ bùa Linda bằng cách lợi dụng nỗi sợ hãi của cô ấy. Hắn dựng lên gã Frankie xấu xa và cho đóng vai ác để mình trở thành người tốt bụng, một “vị cứu tinh”. Hắn thậm chí còn chẳng có óc sáng tạo: hắn lấy cái tên Frankie, bởi vì đó là tên của con rùa hắn nuôi hồi bé!

- Và hẳn đã thành công.

Mila trấn tĩnh lại.

- Với một cô bé hốt hoảng và sốc nặng thì trong hoàn cảnh như thế rất dễ bị mất đầu óc thực tế. Em bị nhốt trong một căn hầm kinh tởm, mà vẫn cứ gọi nó là “cái bụng của con quái vật”. Bên trên chỗ đó là một căn nhà, nằm trong một vùng ven đô với nhiều nhà cửa xung quanh, tất cả đều tựa tựa và bình thường như nhau. Người ta đi qua trước nhà mà không hề biết em đang bị nhốt bên dưới. Tệ nhất là Linda, hay còn được hẳn gọi bằng cái tên Gloria, tên của cô gái đầu tiên từ chối hẳn, có thể đi lại tự do nhưng thậm chí không nghĩ tới việc ra khỏi nhà, dù cửa ra vào gần như lúc nào cũng mở! Hẳn không khóa trái cửa ngay cả khi hẳn đi vắng. Hẳn rất chắc ăn với câu chuyện về Frankie!

- Em rất may khi thoát được ra khỏi chỗ đó.

- Tay em đã bị hoại tử. Trong một thời gian dài, các bác sĩ đã tuyệt vọng cứu chữa nó. Hơn nữa, em bị suy dinh dưỡng nặng. Gã điên đó chỉ cho em ăn thức ăn đóng hộp của trẻ con và uống những thứ thuốc quá hạn mà hẳn nhặt được trong thùng rác của một hiệu thuốc. Hẳn chẳng cần phải chuốc thuốc cho em: máu em bị nhiễm độc nặng bởi những thứ rác rưởi đó đến nỗi việc em còn tỉnh táo được là một điều thần kỳ.

Ngoài trời mưa như trút nước, cuốn trôi đi những cụm tuyết còn đóng lại. Màn mưa đột ngột quất túi bụi vào những cánh cửa chớp.

- Một lần nọ, em thoát ra khỏi cơn mê sảng vì nghe thấy ai đó gọi tên mình. Em đã cố gây sự chú ý, nhưng lúc đó Linda đã xuống thuyết phục em ngừng lại. Thế là em đã đánh đổi cơ hội thoát nạn bằng hạnh phúc nhỏ nhoi là không bị cô độc. Nhưng hóa ra em không nhầm: ở trên đầu em lúc đó có hai cảnh sát đang rà soát khu vực. Họ vẫn còn tìm kiếm em! Nếu em hét to hơn, có lẽ họ đã nghe thấy. Giữa họ và em chỉ có một lớp ván sàn mỏng. Đi cùng họ còn có một phụ nữ, chính bà là người đã gọi tên em. Nhưng bà không gọi thành tiếng, mà chỉ gọi thầm trong đầu.

- Là bà Nicla Papakidis phải không? Vậy ra em đã quen bà ấy như thế...

- Vâng. Nhưng dù em không đáp lại, bà ấy vẫn nghe được điều gì đó. Thế là trong những ngày tiếp theo bà đã quay lại, đảo quanh nhà với hy vọng cảm nhận được chút gì đó...

- Vậy không phải Linda là người cứu em sao?

- Linda á? - Mila thờ dài. - Linda kể lại tất cả mọi chuyện với Steve, và vô tình trở thành đồng lõa của hắn. Trong suốt ba năm trời, hắn là cả thế giới đối với Linda. Trong nhận thức của Linda,

Steve là người lớn duy nhất trên mặt đất. Và trẻ con thì luôn đặt niềm tin vào người lớn. Nhưng khác với Linda, Steve đã nghĩ đến việc thanh toán em: hắn tin là em sắp chết đến nơi, nên hắn đã đào sẵn một cái hố trong căn chòi cất dụng cụ ở sau nhà.

Những bức ảnh chụp cái hố đã khiến Mila chấn động hơn hết thấy những thứ còn lại.

- Khi ra khỏi căn nhà đó em ở trong tình trạng mười phần chết chín. Em không nhận ra các y tá đang khiêng mình trên một chiếc cáng và đi ngược lên những bậc thang mà Steve đã đẩy em ngã xuống. Em không thấy hàng chục cảnh sát tập hợp lại quanh nhà. Em không nghe thấy những tràng pháo tay của đám đông kéo đến chúc mừng cho tự do của em. Nhưng giọng nói của bà Nicla đã đi theo em, trong đầu em giọng nói ấy đã tả lại mọi thứ và luôn bảo em đừng đi về hướng có ánh sáng...

- Ánh sáng nào? - Goran tò mò hỏi.

- Bà ấy tin rằng có một nguồn sáng đâu đó. - Mila mỉm cười đáp. - Có lẽ đó là do đức tin của bà. Em nghĩ bà đã đọc được ở đâu đó rằng, khi con người ta chết, linh hồn sẽ thoát ra khỏi thân xác, và sau khi đi qua một đường hầm, họ sẽ nhìn thấy ánh sáng diệu kỳ đó... Em chưa bao giờ nói với bà là em không hề nhìn thấy nó. Chỉ toàn một màu đen. Em không muốn làm bà thất vọng.

Goran nghiêng người qua hôn vào vai Mila.

- Chuyện này chắc kinh khủng lắm.

- Em đã gặp may. - Mila nói, trong đầu chợt nghĩ đến Sandra, cô bé số sáu. - Lẽ ra em phải cứu thoát cô bé. Nhưng em đã không làm. Cô bé còn bao nhiêu cơ may sống sót đây?

- Đó không phải là lỗi của em.

Có chứ. Đây là lỗi của mình.

Mila nhòm người ngồi dậy ở cạnh giường. Goran lại vươn tay về phía cô, nhưng không muốn đụng vào cô. Cái vuốt ve chỉ dừng lại ở bề mặt da mà không chạm đến nơi, bởi cô đã lại trở thành xa cách.

Ông nhận ra điều đó và thả cho cô đi.

- Anh sẽ đi tắm một cái. - Ông nói. - Anh phải về, Tommy cần anh.

Mila ngồi yên, không mặc quần áo, cho đến khi nghe thấy tiếng nước chảy trong phòng tắm. Cô muốn xóa sạch khỏi đầu những hồi ức kinh tởm ấy để lại có một cái đầu trống rỗng, nhẹ nhàng tinh khôi như của một đứa trẻ, một đặc quyền mà cô đã bị

tước mắt một cách thô bạo.

Cái hồ trong lán dụng cụ sau nhà Steve không hoàn toàn trống rỗng. Mila đã chôn xuống đó khả năng thấu cảm của mình.

Cô vươn tay cầm lấy điều khiển ti vi trên bàn đầu giường. Cô bật ti vi với hy vọng là những mẫu đối thoại và các hình ảnh vô nghĩa sẽ giống như nước vôi sen cuộn trôi mọi thứ tồi tệ trong đầu mình.

Trên màn hình, một phụ nữ đang ghi chặt chiếc micro trong khi gió và mưa rấp tâm giật nó đi. Bên góc phải là logo bản tin thời sự. Còn bên dưới đang chạy các tí của một chương trình đặc biệt. Hậu cảnh của bản tin là một ngôi nhà vây quanh bởi hàng chục xe cảnh sát bật đèn lấp loáng trong đêm tối.

“... trong vòng một giờ nữa thôi, ngài chánh thanh tra sẽ ra một thông cáo chính thức. Trong khi chờ đợi, chúng tôi có thể xác nhận rằng sự việc là có thật: danh tính của tên cuồng sát các bé gái và làm cả đất nước hoảng loạn đã được xác định...”

Mila không nhúc nhích, mắt dán vào màn hình.

“... đó là một phạm nhân vừa được tạt ngoại có quản thúc, kẻ sáng nay đã bắn vào hai quản giáo khi họ đến nhà hắn để kiểm tra...”

Chuyện này Terence Mosca đã kể cho cô nghe trong căn phòng nhỏ cạnh buồng thẩm vấn Boris. Thậm chí cô vẫn còn chưa tin nổi.

“... sau cái chết của một quản giáo tại bệnh viện, các đơn vị đặc nhiệm được cử đến đã quyết định xông vào. Sau khi hạ gục tên cuồng sát và tiến vào nhà hắn, họ đã có một phát hiện bất ngờ không mong đợi...”

Cô bé, nói về cô bé nhanh lên!

“... chúng tôi xin nhắc lại cho những ai chưa kịp theo dõi: tên của kẻ tấn công là Vincent Clarisso...”

Albert, Mila thăm sửa lại trong đầu.

“... các nguồn tin nội bộ cho biết, nạn nhân số sáu vẫn đang còn ở trong ngôi nhà sau lưng tôi: hiện tại cô bé đang được một đội cứu hộ thực hiện các chăm sóc ban đầu. Chúng tôi vẫn chưa có được sự khẳng định chắc chắn, nhưng có vẻ như cô bé Sandra vẫn còn sống”.

Ban khoa học hành vi, 25 tháng 2

Vincent Clarisso là Albert.

Kẻ vừa mới rời nhà tù chưa đầy hai tháng, sau thời gian bóc lột vì phạm tội cướp có vũ trang.

Sau khi ra tù, hắn đã bắt đầu kế hoạch của mình.

Không có tiền án hình sự. Không có dấu hiệu bệnh thần kinh. Không có gì khiến người ta nghĩ hắn là một kẻ có khả năng trở thành một tên giết người hàng loạt.

Vụ cướp có vũ trang là một “tai nạn” theo như các luật sư bào chữa cho hắn tại tòa. Sự ngờ ngẩn của một thanh niên nghiện ma túy nặng. Clarisso xuất thân từ một gia đình khá giả, bố là luật sư và mẹ là giáo viên. Hắn đã học xong và có bằng y tá. Trong một thời gian, hắn đã làm công việc chuẩn bị dụng cụ mổ tại một bệnh viện. Có thể đó là nơi hắn đã học được các kiến thức cần thiết để duy trì sự sống cho Sandra sau khi đã cắt một bên tay của cô bé.

Giả thiết của nhóm điều tra cho rằng Albert là bác sĩ hóa ra không quá sai biệt.

Vincent Clarisso đã cho tất cả những kinh nghiệm đó ngủ yên sau một lớp kén, trong con người mình, trước khi lột xác thành một con quỷ.

Nhưng Mila không tin chuyện này.

Không phải hắn, cô thềm lạp đi lạp lại trong chiếc taxi chờ cô đến trụ sở cảnh sát liên bang.

Sau khi biết tin qua truyền hình, Goran đã nói chuyện trong khoảng hai chục phút với Stern và được anh cập nhật các sự

kiện vừa diễn ra. Nhà tội phạm học đi qua đi lại trong căn buồng khách sạn dưới ánh mắt lo ngại của Mila. Sau đó hai người chia tay. Goran gọi cho bà Runa để bảo bà ở lại với Tommy đêm nay, rồi ông nhanh chóng đến địa điểm mà Sandra được tìm thấy. Mila cũng muốn đi theo, nhưng sự hiện diện của cô là không cần thiết. Do vậy hai người hẹn gặp nhau sau đó tại ban khoa học hành vi.

Đã quá nửa đêm, nhưng thành phố vẫn bị tắc đường nghiêm trọng. Mọi người ra khỏi nhà, mặc kệ cơn mưa, để ăn mừng sự kết thúc của cơn ác mộng. Tưởng như đây là đêm giao thừa, với những tiếng còi xe inh ỏi trong khi mọi người ôm hôn nhau thật chặt. Tình hình giao thông càng phức tạp hơn do các chốt kiểm soát được dựng lên để chặn đường những kẻ đồng lõa của Clarisso nếu có, đồng thời để ngăn không cho những người hiếu kỳ kéo đến hiện trường kết thúc của vụ việc.

Trong xe taxi đang nhích từng mét một, Mila nghe được một báo cáo mới trên đài. Terence Mosca đã trở thành người hùng. Vụ án được giải quyết nhờ may mắn. Nhưng như thường khi, kẻ duy nhất hưởng lợi là người đứng đầu chiến dịch hành động.

Mệt mỏi vì phải chờ đợi hàng xe hơi nối đuôi nhau, Mila quyết định xuống xe, đương đầu với cơn mưa nặng hạt. Tòa nhà của trụ sở cảnh sát liên bang chỉ còn cách đó hai khối nhà. Cô trùm chiếc mũ áo khoác lên đầu và bước đi, chìm trong suy nghĩ.

Con người Vincent Clarisso không khớp với chân dung của Albert được Gavila vẽ nên.

Theo nhà tội phạm học, đối tượng của họ đã sử dụng thi thể của các nạn nhân như những dấu mốc. Gã đặt chúng tại những địa điểm đặc biệt, để hé lộ những tội ác kinh khủng mà gã biết. Họ đã cho rằng hắn là kẻ cộng tác ân mắt của những thủ phạm kia, và tất cả đều đã gặp mặt gã trong đời.

“Đó là những con sói. Bọn sói thường đi săn theo bầy đàn. Mỗi đàn có một con thủ lĩnh. Đây là điều mà Albert muốn nói với chúng: gã chính là con sói đầu đàn”, Goran từng khẳng định như thế.

Mila càng tin rằng, Vincent không phải là Albert khi căn cứ vào tuổi của hắn: ba mươi. Quá trẻ để biết đến một Ronald Dermis ở cô nhi viện ngày xưa, cũng như Joseph B. Rockford. Quả vậy, nhóm điều tra đã rút ra kết luận rằng, Albert phải ở tầm từ năm mươi đến sáu mươi tuổi. Ngoài ra, Vincent cũng không giống với các mô tả của bà Nicla chút nào.

Trong khi đi bộ dưới trời mưa, Mila tìm thấy một lý do nữa để củng cố sự ngờ vực của mình: Clarisso đã ở trong tù khi Feldher thẩm sát gia đình bà Yvonne trong ngôi biệt thự của Capo Alto, như vậy làm sao gã có mặt chứng kiến việc đó và để lại hình dáng của mình giữa đám máu bắn trên tường?

Không phải hẳn. Họ đã phạm một sai lầm nghiêm trọng. Nhưng chắc Goran cũng đã nhận ra điều đó và đang giải thích với họ.

Lúc đến trụ sở cảnh sát, Mila nhận ra không khí sáng khoải đang tràn ngập khắp các hành lang. Các cảnh sát vỗ vào lưng nhau, nhiều người vừa từ hiện trường về, trên người vẫn đang mặc trang phục chống đạn, và đang kể cho nhau nghe những thông tin mới nhất. Tin tức sau đó được truyền khẩu và thêm thắt những chi tiết mới.

Mila được một nữ cảnh sát thông báo là Roche muốn gặp cô khẩn cấp.

- Tôi á? - Cô ngạc nhiên hỏi lại.

- Phải, ông ấy đang đợi cô ở trong văn phòng.

Trong lúc leo lên cầu thang, Mila tự nhủ Roche cho gọi mình bởi ông ta đã nhận ra có điều gì đó không ăn khớp. Có lẽ không khí vui mừng sẽ sớm bị giải tỏa và lắng xuống.

Tại ban khoa học hành vi, chỉ có vài đặc vụ trong bộ đồng phục, và không ai ăn mừng. Bầu không khí giống như một ngày làm việc bình thường, trừ việc đang là ban đêm mà mọi người vẫn làm nhiệm vụ.

Cô đợi một lúc lâu trước khi thư ký của Roche đưa cô vào văn phòng của ông ta. Lúc đứng bên ngoài, Mila đã nghe thấy tiếng của ngài chánh thanh tra, có lẽ ông đang trao đổi qua điện thoại. Nhưng khi bước qua ngưỡng cửa, cô bất ngờ nhận thấy ông ta không ở một mình. Goran Gavila cũng đang có mặt tại đó.

- Vào đi, đặc vụ Vasquez.

Roche mời cô ngồi. Goran và ông đang đứng ở đầu kia của chiếc bàn làm việc.

Cô tiến lại gần Gavila. Ông chỉ khẽ nghiêng người về phía cô, gật nhẹ đầu. Sự thân mật trước đó một giờ đồng hồ đã hoàn toàn biến mất.

- Tôi vừa mới nói với Goran là tôi muốn cả hai người có mặt tại buổi họp báo sẽ diễn ra sáng mai. Đại úy Mosca cũng đồng ý với tôi. Chúng tôi sẽ không bao giờ tìm ra được thủ phạm nếu không có sự giúp đỡ của cô. Chúng tôi rất muốn cảm ơn cô.

Mila không giấu nổi sự ngỡ ngàng. Đến lượt Roche bối rối trước phản ứng của cô.

- Thưa ngài, với tất cả sự kính trọng của tôi... Tôi nghĩ chúng ta đang phạm phải một sai lầm nghiêm trọng.

Roche nói với Goran:

- Nhưng cô nàng này đang nói cái quái gì thế?

- Mila, mọi thứ đều ổn. - Nhà tội phạm học nói một cách điềm tĩnh.

- Không, không hề ổn chút nào. Gã này không phải là Albert, có quá nhiều điểm không phù hợp, tôi thấy...

- Cô sẽ không nói những lời lẽ như thế ở cuộc họp báo chứ? - Ngài chánh thanh tra bác bỏ. - Nếu không, sự tham dự của cô sẽ được miễn trừ.

- Stern sẽ đồng ý với tôi.

Thanh tra Roche vẫy một tờ giấy này giờ đang nằm trên bàn ông.

- Đặc vụ Stern vừa mới nộp đơn xin thôi việc có hiệu lực tức thời.

- Cái gì? Chuyện gì đang diễn ra thế này? - Mila hỏi, không tin ở tai mình. - Tay Vincent này không hề trùng khớp với mô tả về thủ phạm.

Goran cố gắng giải thích cho cô nghe, và trong một thoáng cô thấy lại sự dịu dàng trong mắt ông khi ông hôn lên những vết sẹo của cô.

- Hàng chục bằng chứng đã khẳng định rằng đó là đối tượng chúng ta đang truy lùng. Các cuốn sổ đầy những ghi chú về những vụ bắt cóc các cô bé, và cách thức sắp đặt các thi thể, bản sao của sơ đồ hệ thống camera an ninh khu Capo Alto, sơ đồ trường nội trú mà Debby Gordon theo học, cùng với những cuốn sách về điện tử và thông tin mà Clarisso đã bắt đầu nghiên cứu lúc ở trong tù...

- Và mọi người cũng đã tìm thấy tất cả những mối liên hệ giữa hắn với Alexander Bermann, Ronald Dermis, Feldher, Rockford lẫn Boris sao? - Mila nổi đóa.

- Một nhóm điều tra đang làm việc trong căn nhà đó, và chúng tôi đang tiếp tục thu thập các chứng cứ. Rồi cô sẽ thấy những bằng chứng về các mối liên hệ.

- Nhưng như thế không đủ, tôi tin là...

- Sandra đã nhận diện hắn. - Goran ngắt lời cô. - Con bé nói với chúng tôi chính hắn là kẻ đã bắt cóc mình.

Mila đã nguôi đi đôi chút.

- Con bé thế nào rồi?

- Các bác sĩ tỏ ra lạc quan.

- Giờ thì cô hài lòng rồi chứ? - Thanh tra Roche xen vào.

- Nếu cô có ý định gây rắc rối nữa thì tốt hơn cô nên về nhà.

Đúng lúc đó, cô thư ký thông báo với Roche qua điện thoại là ngài thị trưởng muốn gặp ông ngay, và ông cần phải khẩn trương lên.

Roche cầm lấy áo com lê treo ở lưng ghế và cảnh báo

Goran:

- Hãy giải thích cho cô ấy nghe đây là kết luận chính thức. Hoặc cô ấy chấp thuận, hoặc là biến đi cho khuất mắt!

Nói rồi ông đi ra, sập cửa lại sau lưng.

Mila cứ tưởng khi chỉ còn hai người, Goran sẽ nói điều gì khác. Nhưng ông chỉ nhấn mạnh:

- Đáng tiếc thay, chính chúng ta là người đã phạm sai lầm.

- Sao anh có thể nói như thế được kia chứ?

- Đây là một thất bại hoàn toàn, Mila à. Chúng ta đã dựng nên một hướng điều tra sai lầm và mù quáng, đi theo nó. Và anh chính là kẻ chịu trách nhiệm chính: tất cả những phỏng đoán theo hướng đó đều là của anh.

- Tại sao anh không tự hỏi làm thế nào Vincent Clarisso biết được tất cả những người kia? Chính hắn là kẻ đã giúp chúng ta bắt họ!

- Đó không phải là vấn đề... Vấn đề nằm ở chỗ, chính chúng ta đã mất quá nhiều thời gian để phát hiện ra họ.

- Em thấy anh hiện giờ không đủ khách quan, em không biết tại sao. Hồi xảy ra vụ Wilson Pickett, Roche đã cứu vớt danh tiếng của anh, và giúp anh duy trì nhóm điều tra, trong khi cấp trên của ông ta muốn giải tán bọn anh. Bây giờ, anh trả ơn ông ta bằng một điều tương tự: nếu anh chấp thuận kết luận điều tra này, anh sẽ hạ thấp đôi chút uy tín của Terence Mosca, và Roche sẽ giữ được cái ghế của mình!

- Đủ rồi đấy! - Goran gầm lên.

Trong vài giây, hai người không nói một lời. Sau đó nhà tội phạm học tiến ra cửa.

- Anh hãy cho em biết một chuyện... Boris đã thú nhận

rồi hay sao? - Mila chỉ kịp hỏi ông có thể.

- Chưa. - Ông đáp mà không buồn quay lại.

Mila bị bỏ lại một mình, cô chống hai tay vào hông tự nguyện rửa mình. Mắt cô nhìn xuống tờ đơn từ chức của Stern. Cô cầm nó lên đọc. Mấy dòng đầu tiên chẳng đả động gì đến nguyên nhân xin thôi việc. Nhưng với cô, rõ ràng là Stern đã cảm thấy bị phản bội, trước hết bởi Boris, sau đó là bởi Goran.

Đặt tờ giấy xuống bàn, cô trông thấy một danh sách các cuộc gọi, trên đó có tên của Vincent Clarisso. Roche có lẽ đã yêu cầu kiểm tra xem trong số những kẻ quen biết hắn, có người nào cần phải được che giấu hay không. Vụ án đã dính líu đến cả những người tầm cỡ như Joseph B. Rockford, nên ai mà biết được.

Nhưng tên giết người hàng loạt không có nhiều mối quan hệ xã hội, vì chỉ có một cú điện thoại duy nhất trong danh sách. Cuộc gọi diễn ra vào ngày hôm qua.

Nhìn số điện thoại, Mila thấy nó quen một cách lạ lùng.

Cô rút di động ra, bấm thử số điện thoại. Một cái tên xuất hiện trên màn hình.

Điện thoại đổ chuông, nhưng không ai nhắc máy.

Thức dậy đi nào, trời ơi!

Bốn bánh xe taxi hắt văng chỗ nước đọng trên mặt đường nhựa, nhưng may thay mưa đã ngừng rơi. Con đường lấp lánh như trong bối cảnh của một vở nhạc kịch, tưởng như những vũ công mặc trang phục dạ hội, mái tóc vuốt gel láng mượt có thể xuất hiện vào bất kỳ lúc nào.

Điện thoại reo mãi cũng ngừng. Mila lại bấm số. Đây đã là lần thứ ba của cô. Ở hồi chuông thứ năm, có người nhắc máy.

- Ai gọi đó? Có biết mấy giờ rồi không hả?

Giọng nói của Cinthia nghe rất ngái ngủ.

- Tôi là Mila Vasquez. Cô còn nhớ chứ? Chúng ta đã gặp nhau ngày hôm kia...

- À, tôi nhớ ra chị rồi... Nhưng chuyện này để mai được không? Chị biết đấy, tôi vừa mới uống một liều thuốc ngủ.

Không có gì ngạc nhiên khi một người sống sót qua tay một tên sát nhân hàng loạt, cộng thêm tác hại của rượu, lại phải cần đến thuốc men để có được giấc ngủ. Nhưng Mila không thể chờ thêm được một giây nào nữa. Cô cần có ngay câu trả lời cho những thắc mắc của mình.

- Không. Tôi xin lỗi cô, nhưng tôi cần gặp cô ngay lúc này. Không mất nhiều thời gian đâu.

- Thôi được.

- Hôm qua, vào buổi sáng, cô đã nhận một cuộc gọi...

- Phải, lúc tôi rời nhà đi làm. Tại anh ta mà tôi bị sắp mắng cho vì cái tội đi muộn.

- Ai đã gọi cho cô thế?

- Anh ta bảo là đang điều tra cho bên bảo hiểm. Cô biết đấy, tôi đã yêu cầu được bồi thường, vì những chuyện đã xảy ra...

- Anh ta có cho cô biết tên không?

- Spencer thì phải. Đáng lẽ tôi phải ghi lại.

Vô ích thôi: Vincent Clarisso đã lấy tên giả và tạo có đề cho Cinthia không nghi ngờ gì. Mila tiếp tục:

- Không sao. Anh ta muốn gì vậy?

- Muốn tôi kể lại vụ việc qua điện thoại. Tôi đã kể cho anh ta nghe về Benjamin Gorka.

Mila ngỡ ngàng. Tại sao Vincent Clarisso lại muốn tìm hiểu về vụ Wilson Pickett? Hắn là người đã đặt thi thể số năm tại studio để tiết lộ rằng chính Boris chứ không phải Benjamin Gorka mới là người đã giết chết Rebecca Springher kia mà?

- Anh ta cần biết chuyện của cô để làm gì?

- Để hoàn thành bản báo cáo, anh ta bảo thế. Bọn bảo hiểm ấy mà, tì mi lắm.

- Anh ta còn hỏi cô chuyện gì khác hay không?

Cinthia không đáp ngay. Mila đã sợ cô nàng ngủ thiếp đi mất, nhưng thật ra Cinthia đang nhớ lại.

- Không, không có gì nữa. Anh ta rất dễ thương. Cuối cuộc gọi, anh ta bảo tôi là hồ sơ của tôi đang tiến triển. Có thể tôi sẽ được nhận tiền đây, chị biết không?

- Tôi thấy mừng cho cô. Xin lỗi vì đã quấy quả cô vào giờ khuya khoắt như thế này.

- Nếu những gì tôi nói có thể giúp cho các chị tìm ra được cô bé nạn nhân đang mất tích kia, thì tôi không thấy phiền gì cả.

- Thật ra, cô bé đã được tìm ra rồi.

- Sao cơ? Thật chứ?

- Cô không xem ti vi à?

- Tối nay tôi đi ngủ từ lúc chín giờ.

Cinthia muốn nghe thêm, nhưng Mila không có thời gian. Cô vờ như có một cuộc gọi khác đang chờ mình, rồi gác máy.

Trước khi nói chuyện với Cinthia, cô đã nhận ra một điều.

Có thể Boris đã bị gài bẫy.

- Đến chỗ này là tôi không đi tiếp được nữa đâu. - Người tài xế quay lại nói với cô.

- Không sao, tôi đến nơi rồi.

Cô thanh toán tiền rồi xuống xe. Trước mặt cô là một hàng rào cảnh sát và hàng chục chiếc xe nháy đèn xanh đỏ. Một số chiếc xe kỹ thuật của các đài truyền hình nối đuôi nhau thành hàng dài trên đường. Cánh quay phim đã đặt thiết bị sao cho luôn thấy được hình ảnh ngôi nhà ở hậu cảnh.

Mila đã đến nơi mọi chuyện bắt đầu. Hiện trường được đánh số 0.

Ngôi nhà của Vincent Clarisso.

Cô thậm chí còn chưa biết mình sẽ qua được hàng rào an ninh bằng cách nào. Cô chỉ biết lấy thẻ ra đeo vào cổ, với hy vọng

không ai nhận ra cô là kẻ đột nhập.

Trong khi tiến lên, Mila nhận ra những khuôn mặt những người đông nghiệp mà cô đã từng thấy trong hành lang của trụ sở cảnh sát. Một số người tụ họp nhau quanh cốp một chiếc xe hơi. Số khác nghỉ giải lao ăn uống tí chút. Cô cũng nhận ra chiếc xe của bác sĩ pháp y: Chang đang ngồi bệt ở bậc cửa xe viết báo cáo. Anh chỉ ngược mắt lên nhìn khi cô đi qua trước mặt mình.

- Ê, cô đi đâu đấy?

Mila quay lại và trông thấy một cảnh sát to béo đang cố bắt kịp mình, hơi thở phì phò. Cô chưa kịp chuẩn bị lý do. Đáng lẽ cô phải làm từ trước, nhưng cô đã không làm, và bây giờ thì có lẽ đã quá muộn.

- Cô ấy đi cùng tôi.

Krepp đang tiến đến chỗ họ. Ông có một miếng băng ngay cổ, nơi cái đầu và mấy chiếc gai của một con rồng có cánh ló ra, chắc đó là hình xăm mới nhất. Ông nói với tay cảnh sát:

- Để cho cô ấy qua, cô ấy được cho phép rồi.

Tay cảnh sát tin ngay và lập tức quay gót.

Mila nhìn Krepp, không biết phải nói gì. Ông nháy mắt với cô, rồi đi tiếp. Thật ra ông ấy giúp cô cũng không có gì là lạ, Mila nghĩ thế. Cả hai người đều có một phần câu chuyện riêng của mình khắc trên da thịt, dù là bằng những cách khác nhau.

Lôi đi lên nhà dốc thoải. Trên lớp đá lát, người ta vẫn còn nhìn thấy vỏ đạn của các phát súng đã hạ gục Vincent Clarisso. Cánh cửa ngôi nhà đã được gỡ ra khỏi bản lề để tiện cho việc ra vào.

Ngay khi bước chân vào bên trong, Mila thấy rợn người vì mùi thuốc tấy trùng nồng nặc.

Đồ đạc trong nhà làm bằng formica, kiểu dáng thập niên sáu mươi. Một chiếc trường kỷ có hoa văn Ả Rập vẫn còn được bọc ni lông. Lò sưởi với ngọn lửa giả. Một quầy bar có cùng tông màu với tấm thảm vàng. Giấy dán tường trang trí những bông hoa cách điệu to tướng màu nâu giống như hoa mồm chó.

Thay cho những ngọn đèn halogen thường thấy là những bóng đèn có chụp. Một dấu hiệu khác của phong cách được Terence Mosca áp đặt. Đối với ông đại úy thì không có khái niệm “hiện trường”. Tất cả phải được thực hiện một cách vừa mức. Phong cách của cảnh sát thời trước, Mila nghĩ bụng. Vừa lúc đó cô nhận ra Mosca đang ở trong bếp và có một cuộc họp nhỏ với những người thân cận. Cô tránh đi hướng khác: cần phải không để cho ai chú ý

đến cô, trong chừng mực có thể.

Mọi người đều đeo túi bảo vệ cho giày và găng tay cao su. Mila đeo chúng vào rồi quan sát quanh mình, trà trộn vào đám đông những người có mặt.

Một cảnh sát đang bận lúi lút cả những cuốn sách trong thư viện ra. Từng cuốn một. Ông lật nhanh chúng rồi đặt xuống đất. Một người khác lục lọi mấy ngăn kéo tủ commốt. Một người nữa đang phân loại các món đồ trang trí. Những nơi mà các đồ vật còn chưa bị xê dịch và kiểm tra có vẻ cực kỳ ngăn nắp, đến mức gần như bệnh hoạn.

Không có lấy một hạt bụi. Chỉ cần nhìn là đã phân loại được mọi thứ, như mọi món đồ đều được sắp vào đúng chỗ của nó. Tưởng như cô đang đứng trước một bức tranh ghép hình đã hoàn thành.

Mila không biết phải tìm gì. Cô đến đây vì đương nhiên nó là điểm xuất phát. Cô càng có thêm động lực sau khi biết thông tin về cú điện thoại mà Vincent Clarisso đã gọi cho Cinthia Pearl. Nếu hẳn muốn được nghe kể lại vụ việc từ nhân chứng sống sót duy nhất, thì có thể hẳn không biết Benjamin Gorka là ai, và nếu như vậy, có thể cái xác đặt trong studio không phải dành cho Boris.

Lập luận này không đủ để minh oan cho anh chàng đồng

nghiệp của cô, vì dấu sao cũng đang có một vật chứng nặng ký chống lại Boris: chiếc quần lót của Rebecca Springher, được tìm thấy khi lục soát căn hộ của anh.

Nhưng dù sao thì cũng có điều gì đó không khớp.

Mila nhận ra mùi thuốc tẩy trùng phát ra từ căn phòng nằm ở cuối hành lang.

Không khí rất sạch sẽ, giống như một giường bệnh đặt trong lồng oxy. Có rất nhiều thuốc men, áo blu và thiết bị y tế. Đây là phòng phẫu thuật mà Vincent đã sử dụng để chặt cánh tay các nạn nhân nhỏ tuổi và sau đó biến nó thành phòng bệnh cho Sandra.

Khi bước sang một căn phòng khác, Mila nhận thấy một cảnh sát đang quan sát một màn hình ti vi plasma nối với chiếc camera kỹ thuật số. Trước màn hình có đặt một ghế bành, chung quanh là hệ thống loa âm thanh vòm. Hai bên cạnh của chiếc ti vi là một bức tường đầy băng hình, sắp xếp theo ngày tháng. Viên cảnh sát nhét từng chiếc băng vào trong camera để xem nội dung.

Hiện tại trên màn hình hiện lên những hình ảnh của một sân chơi. Những tiếng cười trẻ thơ vang lên dưới ánh mặt trời mùa đông. Mila nhận ra Caroline, cô bé cuối cùng bị Albert bắt cóc và giết chết.

Vincent Clarisso đã nghiên cứu rất tỉ mỉ các nạn nhân của mình.

- Ê, có ai đến giúp tôi một tay với mấy thứ này không? Đồ điện tử thì tôi mù tịt! - Tay cảnh sát nói to trong lúc cố gắng cho đoạn phim ngừng lại.

Khi nhận thấy sự hiện diện của Mila trên ngưỡng cửa, anh ta thoáng mừng rỡ vì tưởng có người đến hỗ trợ, nhưng rồi nhận ra mình chưa bao giờ nhìn thấy cô gái này. Trước khi anh ta kịp lên tiếng thì Mila đã đi tiếp.

Căn phòng thứ ba quan trọng nhất.

Trong phòng, có một cái bàn bằng thép cao chân. Các vách tường phủ kín những tấm bảng gắn các mảnh giấy ghi chú đủ màu sắc và các giấy tờ khác. Tường như cô đang ở trong Phòng suy tưởng. Tất cả các kế hoạch của Vincent Clarisso được phơi bày đến từng chi tiết. Những tấm bản đồ đường bộ, thời gian biểu và lịch trình di chuyển. Sơ đồ trường nội trú của Debby Gordon, cũng như của cô nhi viện. Có cả bảng số xe của Alexander Bermann, cùng lịch trình công tác của hắn. Những bức ảnh chụp bà Yvonne Gress với các con, và một tấm ảnh chụp bãi phế liệu của Feldher. Các bài báo nói về Joseph B. Rockford.

Và đương nhiên có cả những tấm ảnh chụp các nạn nhân

nhỏ tuổi.

Trên chiếc bàn thép là những sơ đồ khác với nhiều ghi chú lung tung, giống như thể công việc đã bị gián đoạn một cách bất ngờ. Được giấu trong mớ giấy tờ này, có thể là mãi mãi, có kế hoạch cho màn kết thúc của tên giết người hàng loạt.

Mila quay lại và lạnh người. Bức tường mà nãy giờ cô chưa nhìn thấy được dán kín những tấm ảnh chụp các thành viên của nhóm điều tra hình sự trong lúc làm nhiệm vụ. Có cả ảnh của cô.

Vậy là mình đang thực sự ở trong bụng con quái vật rồi.

Vincent đã theo dõi mọi động tĩnh của họ. Nhưng ở đây không có gì gọi liên tưởng đến vụ Wilson Pickett và Boris.

- Mẹ kiếp! Có ai đến giúp tôi không vậy? - Tay cảnh sát ở phòng bên cạnh kêu lên.

- Có chuyện gì vậy Fred?

Cuối cùng cũng có ai đó đến giúp anh chàng.

- Tôi phải làm thế nào để biết mình đang xem cái gì? Hơn nữa, tôi sắp xếp chúng như thế nào, nếu chẳng biết đây là cái quái

gi?

- Để tôi xem nào...

Mila thôi nhìn bức tường đầy hình chụp và chuẩn bị ra khỏi căn phòng. Cô thấy hài lòng, nhưng chủ yếu vì cái mình không nhìn thấy, hơn là những gì đã nhìn thấy này giờ.

Không hề có Benjamin Gorka. Lẫn Boris. Như vậy là đủ với cô.

Lần phát hiện thi thể nạn nhân số năm, họ đã bị lừa. Hoặc có thể đó là trò đánh lạc hướng. Bằng chứng là Vincent Clarisso đã gọi cho Cinthia Pearl để tìm hiểu thêm khi nhận ra cuộc điều tra đang đi theo hướng khác với dự tính của hắn.

Mila đang nghĩ đến việc cung cấp manh mối này cho thanh tra Roche. Cô tin chắc ông chánh thanh tra sẽ có cách để khai thác thông tin này và gỡ tội cho Boris, đồng thời triệt bớt vinh quang của Terence Mosca.

Lúc đi ngang qua căn phòng để ti vi, cô nhận ra một hình ảnh trên màn hình. Đó là địa điểm mà Fred và người đồng nghiệp không tài nào xác định được.

- Đây là một căn hộ, chứ còn gì nữa?

- Ủ, nhưng tôi ghi thế nào trong báo cáo đây?

- Cứ ghi là địa điểm không xác định.

- Anh chắc chứ?

- Chắc. Một người khác sẽ phụ trách việc tìm ra nó.

Nhưng Mila biết căn hộ đó nằm ở đâu.

Nhận ra sự có mặt của cô, hai cảnh sát quay lại và thấy cô không thể nào rời mắt khỏi màn hình ti vi.

- Chúng tôi giúp gì được cho cô?

Mila không đáp, chỉ lảng đi. Vừa bước vội qua phòng khách, cô vừa rút di động ra khỏi túi và tìm số điện thoại của Goran trong danh bạ.

Khi ông nghe máy thì cô đã ở ngoài đường.

- Có chuyện gì vậy?

- Anh đang ở đâu?

Giọng cô đầy kích động. Nhưng ông không nhận ra.

- Anh còn đang ở văn phòng. Anh đang cố thu xếp cho Sarah Rosa đến thăm con gái tại bệnh viện.

- Hiện nay ai đang ở nhà anh?

Goran bắt đầu trở nên lo lắng.

- Bà Runa và Tommy. Tại sao?

- Anh phải về đó ngay lập tức!

- Tại sao? - Ông hỏi lại, giọng lo ngại.

- Vincent có một cuộn phim quay căn hộ của anh.

- Chuyện này là thế nào? Phim gì?

- Hẳn đã có những thước phim để xác định địa điểm...

Nếu hẳn có đồng lõa thì sao?

Goran im lặng một lúc.

- Em vẫn còn đang ở hiện trường à?

- Phải.

- Vậy thì em ở gần nhà hơn anh. Hãy bảo Mosca phái hai cảnh sát đi cùng em đến nhà anh. Trong lúc đó, anh sẽ gọi cho bà Runa để bảo bà ấy khóa chặt cửa nẻo.

- Đồng ý.

Mila gác máy, rồi quay ngược trở vào trong nhà để nói chuyện với Mosca.

Hy vọng ông ta không đặt quá nhiều câu hỏi.

- Mila, bà Runa không trả lời điện thoại!

Bình minh đang dần ló rạng.

- Anh đừng lo, bọn em sắp đến nơi rồi.

- Anh đang trên đường đi. Anh sẽ gặp em sau vài phút nữa.

Lái xe phanh kít chiếc xe cảnh sát trên con đường nhỏ vắng lặng của một khu nhà xinh xắn. Hàng xóm vẫn đang còn ngủ say. Chỉ có lũ chim hót chào bình minh trên các nhánh cây và gờ

tường.

Mila chạy vội đến cửa tòa nhà. Cô bấm chuông gọi nhiều lần, nhưng không ai trả lời. Cô thử một nhà khác.

- Ai đó?

- Thưa ông, chúng tôi là cảnh sát. Xin ông vui lòng mở cửa ngay.

Cánh cửa bật mở. Mila chạy bổ lên tầng ba, theo sau là hai cảnh sát đi cùng. Họ không sử dụng thang máy chuyển hàng mà leo cầu thang bộ cho nhanh.

Hy vọng không có chuyện gì xảy ra... cầu trời cho thằng bé bình an vô sự...

Mila đang cầu xin một đấng tối cao mà cô đã ngừng tin từ lâu, mặc dù cũng chính Chúa trời là người đã giải thoát cô khỏi tên đao phủ thông qua bà Nicla Papakidis. Chẳng qua vì cô đã gặp quá thường xuyên những đứa trẻ kém may mắn hơn mình nhiều, đến nỗi cô không thể giữ nguyên lòng tin của mình với Chúa nữa.

Cầu trời chuyện này không xảy ra lần nữa, cầu trời nó không xảy ra lần này...

Khi họ lên đến nơi, Mila gõ mạnh vào cánh cửa đóng kín.

Chắc bà Runa ngủ quá say, cô nghĩ bụng. Bà ấy sẽ ra mở cửa ngay thôi mà, mọi thứ sẽ ổn thôi...

Nhưng không ai mở cửa.

Một trong hai cảnh sát tiến lại gần Mila.

- Cô muốn chúng tôi phá cửa không?

Không nói nổi nên lời, Mila chỉ biết gật đầu. Cô nhìn họ lấy đà rồi cùng đá vào cánh cửa.

Cửa căn hộ bật mở.

Im lặng như tờ. Nhưng không phải là một sự im lặng bình thường. Mà là một sự im lặng trống rỗng và nặng nề. Một sự im lặng chết chóc.

Mila rút súng ra, đi theo hai viên cảnh sát.

- Bà Runa!

Tiếng gọi của cô vang dội trong các căn phòng, nhưng không có ai đáp lại. Cô ra hiệu cho hai viên cảnh sát thủ thế, rồi từ

từ tiến đến phòng ngủ.

Cô cảm thấy bàn tay phải cầm súng của mình đang run lên. Đôi chân cô nặng trĩu, các cơ mặt co cứng và đôi mắt cô nóng ran.

Cô đã đến căn buồng nhỏ của Tommy. Cánh cửa chỉ khép hờ. Cô dùng tay mở nó ra đủ rộng để quan sát bên trong. Các cửa chớp đang đóng kín, ngọn đèn hình chú hề trên bàn ngủ hắt lên tường hình ảnh của những con thú làm xiếc. Trên chiếc giường kê sát tường có thể nhìn thấy một hình hài bé nhỏ nằm bên dưới các lớp chăn.

Thằng bé nằm co quắp trong tư thế bào thai. Mila rón rén đến gần.

- Tommy. - Cô khẽ gọi. - Tommy, dậy đi con...

Nhưng thằng bé không nhúc nhích.

Khi đến bên giường, Mila đặt khẩu súng xuống cạnh ngọn đèn. Cô thấy nôn nao khó chịu. Cô không muốn giờ tám chẵn lên. Cô không muốn khám phá điều cô đã biết. Cô chỉ muốn buông xuôi và ra khỏi căn phòng này. Không thể nào chịu nổi chuyện này, và tất cả những gì đã qua! Bởi lẽ cô đã chứng kiến quá nhiều lần, và giờ thì lần nào cô cũng sợ rằng mọi việc sẽ diễn ra như thế.

Nhưng cô buộc mình vươn tay đến mép tấm chắn. Cô giật mạnh nó.

Cô sửng người một lúc với tấm chắn trong tay, mắt nhìn trùng trùng vào đôi mắt của một con gấu bông đang mỉm cười hạnh phúc và nằm bất động.

- Tôi xin lỗi...

Mila giật nảy người. Hai viên cảnh sát đang đứng ở cửa phòng quan sát cô.

- Ở đằng này có một căn phòng bị khóa trái.

Mila đang định ra hiệu cho họ phá cửa thì nghe thấy tiếng Goran vừa bước vào căn hộ vừa gọi cậu con trai:

- Tommy! Tommy ơi!

Cô bước ra gặp ông.

- Thằng bé không có trong phòng.

Goran tỏ ra tuyệt vọng.

- Sao lại thế? Nó không ở trong phòng thì ở đâu mới

được?

- Có một cánh cửa đóng kín ở đằng kia, như vậy có bình thường không?

Đang rối trí và lo lắng, Goran không hiểu ra ngay.

- Cái gì chứ?

- Căn phòng bị khóa trái...

Nhà tội phạm học dừng lại.

- Em có nghe thấy không?

- Nghe thấy gì?

- Nó đấy!

Mila không hiểu gì cả. Goran bước vội vào trong phòng làm việc.

Khi nhìn thấy con trai mình nấp dưới chiếc bàn làm việc

bằng gỗ gụ, ông không thể cầm được nước mắt. Ông cúi xuống ôm con, siết chặt thẳng bé vào lòng.

- Bố ơi, con sợ...

- Ừ, bố biết, cực cùng của bố. Nhưng giờ thì hết rồi.

- Bà Runa về rồi. Khi con dậy thì bà ấy không còn ở đây nữa...

- Nhưng có bố ở đây rồi, con ơi.

Mila vẫn đứng trên ngưỡng cửa, khẩu súng đã nhét lại vào trong bao. Cô yên lòng khi nghe thấy những lời Goran nói trong lúc ông quỳ sau bàn làm việc.

- Bố cho con ăn sáng nhé. Con muốn ăn gì nào? Bánh rán nhé?

Mila mỉm cười. Mọi sợ hãi đã trôi qua.

Goran nói tiếp:

- Để bố bế con lên nào.

Cô nhìn thấy ông chui ra khỏi gầm bàn, hơi vất cả một chút để đứng lên.

Nhưng trong tay ông không có đứa bé nào cả.

- Bố giới thiệu với con một người bạn của bố. Cô ấy tên là Mila...

Goran hy vọng con trai ông sẽ thích Mila. Thường thì thằng bé hơi nhát người lạ. Tommy không nói gì và giờ tay chỉ vào khuôn mặt cô cảnh sát. Goran nhìn theo. Ông thấy Mila nước mắt giàn giụa.

Những giọt nước mắt cứ thế tuôn tràn, không hề báo trước. Nhưng lần này, nỗi đau đã dẫn đến nó không mang tính chất máy móc. Vết thương mở toác ra không nằm trong da thịt của cô.

- Có chuyện gì vậy? Chuyện gì đang xảy ra vậy? - Goran hỏi cô. Ông vẫn hành động như thể có một vật nặng trên tay mình.

Cô không biết phải nói thế nào. Có vẻ như ông không giả

vờ. Goran thực sự nghĩ là đang ôm con trai mình trong tay.

Hai cảnh sát viên vừa bước đến nhìn họ kinh ngạc. Cả hai chuẩn bị tư thế để can thiệp. Mila ra hiệu cho họ không được động thủ.

- Các anh đợi tôi dưới nhà.

- Nhưng..

- Đi xuống dưới đó và báo về trụ sở. Bảo họ cử đặc vụ Stern đến đây. Nếu anh nghe thấy tiếng súng thì đừng lo: đó là do tôi bắn.

Hai cảnh sát viên miễn cưỡng chấp thuận.

- Có chuyện gì vậy, Mila?

Giọng nói của Goran nghe có vẻ tuyệt vọng. Có vẻ như ông đang hốt hoảng đến mức không thể phản ứng được nữa.

- Tại sao em muốn Stern đến đây?

Mila giơ một ngón tay lên môi, ra hiệu cho ông giữ im lặng.

Rồi cô quay ra hành lang. Cô tiến về phía căn phòng khóa trái. Cô bắn một phát vào ổ khóa làm nó vỡ tung. Cô đẩy cửa.

Căn phòng tối mò. Mùi thối rữa xộc lên. Trên chiếc giường lớn có hai thi thể.

Một lớn, một nhỏ.

Hai bộ xương đen thui bọc trong phần còn lại của lớp da đã rũ xuống như vải mục đang quấn lấy nhau trong một cái ôm ghì thật chặt.

Goran bước vào trong phòng. Ông ngửi thấy mùi xú ối. Và trông thấy hai thi thể.

- Lạy Chúa tôi... - Ông nói, không nhận ra hai cái xác là của ai.

Ông quay về phía hành lang để ngăn không cho Tommy bước vào... *nhưng ông không thấy thằng bé đâu cả.*

Ông lại nhìn chiếc giường. Thi thể bé nhỏ kia. Sự thật tàn nhẫn đổ ập xuống ông. Và ông đã nhớ ra mọi chuyện.

Mila tìm thấy Goran đang đứng cạnh cửa sổ. Ông đang nhìn ra ngoài. Sau bao nhiêu ngày mưa tuyết, mặt trời đã chiếu sáng trở lại.

- Vậy ra đây là điều Albert muốn nói với chúng ta, thông qua thi thể bé gái số năm.

Goran không đáp.

- Và anh đã lái cuộc điều tra vào Boris. Anh chỉ cần gọi ý cho Terence Mosca hướng đi: chính anh đã đưa cho ông ta tập hồ sơ vụ Wilson Pickett mà em nhìn thấy trong chiếc túi của ông ta... Và cũng chính anh là người có quyền tiếp cận các bằng chứng của vụ Gorka, nên anh đã lấy chiếc quần lót của Rebecca Springerher khỏi kho tang vật và đưa đến nhà Boris trước khi diễn ra cuộc khám xét.

Goran gật đầu.

Từng hơi thở của cô nghe giống như tiếng thủy tinh vỡ, khi cô cố sức đẩy nó lên từ trong buồng phổi.

- Tại sao? - Mila nói, cổ họng nghẹn lại.

- Bởi vì, sau khi bỏ đi, bà ấy đã quay lại căn nhà này. Bởi vì bà ấy không quay về để ở lại. Bởi vì bà ấy muốn lấy đi của anh thứ duy nhất còn sót lại để mà yêu thương. Và bởi vì *thằng bé*, nó muốn ra đi cùng mẹ nó.

- Tại sao? - Mìla lộp lộp, nước mắt rơi lã chã.

- Một sáng nọ, anh thức dậy và nghe thấy tiếng Tommy gọi từ trong nhà bếp. Anh vào trong đó và thấy *thằng bé* đang ngồi ở vị trí thường lệ. Nó đòi anh dọn bữa sáng. Anh thì mừng đến nỗi quên mất là nó không còn nữa...

- Tại sao? - Mìla khấn khoản.

Lần này, ông nghĩ thật kỹ trước khi trả lời.

- Vì anh yêu cả hai mẹ con họ.

Trước khi cô kịp ngăn lại, ông đã mở toang cửa sổ và ném mình vào khoảng không mênh mông.

Trước đây cô luôn muốn có một con ngựa lùn.

Cô còn nhớ mình đã làm tình làm tội bố mẹ để được mua cho một con. Nơi họ ở thậm chí còn chẳng có chỗ để giữ con ngựa. Sân sau quá bé, bên cạnh nhà để xe thì chỉ có một rẻo đất để ông cô trồng rau. Nhưng cô cứ nằng nặc vòi vĩnh. Bố mẹ cô cứ tưởng cô sẽ quên yêu sách phi lý đó đi, nhưng cứ đến dịp sinh nhật hay viết thư cho ông già Noel là cô lại chỉ đòi mỗi con ngựa.

Khi Mila rời khỏi bụng con quái vật về nhà sau hai mươi một ngày giam cầm và ba tháng nằm viện, một con ngựa lùn màu trắng và nâu đã đợi cô trong sân.

Mong ước của cô đã được đáp ứng. Nhưng cô không tài nào thấy thích nó được.

Bố cô đã phải kỳ kèo, cầu cạnh những người ít ỏi mà ông quen biết để có được con ngựa với giá rẻ. Gia đình cô chẳng khá giả gì, và chính lý do kinh tế là điều đã khiến cô mãi là cô con gái độc nhất của bố mẹ.

Hai người không thể cho cô một đứa em gái hay em trai, nhưng bù lại họ đã mua cho cô con ngựa. Nhưng cô lại không cảm thấy sung sướng vì điều đó.

Đã nhiều lần cô mơ ước có được món quà này. Cô nói về nó suốt, tưởng tượng mình sẽ chăm sóc nó, cột những cái nơ đủ màu sắc lên bờm nó, chải chuốt lông mượt mà cho nó. Cô thường xuyên bắt con mèo phải chịu đựng những trò chăm sóc đó. Có lẽ cũng vì thế mà Houdini không ưa cô và luôn giữ khoảng cách với cô.

Còn một lý do nữa khiến loài ngựa lùn làm bọn trẻ thích mê mê. Chúng bé mãi và không bao giờ lớn. Một điều thật đáng ghen tỵ.

Thế nhưng sau khi được tự do trở lại, Mila chỉ mơ được lớn lên để tạo một khoảng cách giữa cô và những gì cô đã trải qua. Nếu cộng thêm một chút may mắn nữa, có lẽ cô sẽ hoàn toàn quên

được nó.

Con ngựa lùn không có cơ hội lớn thêm đối với cô tựa như một giao kèo không thể chấp nhận được với thời gian.

Khi cô được đưa ra khỏi căn hầm thối tha của Steve, một cuộc đời mới đã bắt đầu với cô. Sau ba tháng nằm viện để phục hồi cánh tay trái, cô đã phải lấy lại niềm tin vào mọi thứ trên đời, không chỉ với cuộc sống thường nhật ở nhà, mà kể cả với những cảm xúc của bản thân.

Graciela, cô bạn thân thiết mà cô đã từng cắt máu ăn thề trước khi mất tích, giờ cư xử với cô như người xa lạ. Graciela không còn là cô bạn mà cô chia sẻ đến miếng kẹo cao su cuối cùng và vô tư đi vệ sinh cùng, không còn là người cô trao một nụ hôn “kiểu Pháp” để luyện tập trước khi thử với bọn con trai. Không, Graciela giờ đã khác. Graciela nói chuyện với cô cùng một nụ cười giả lả thường trực trên khuôn mặt, đến nỗi Mila dấm sợ là nếu cô bạn mình cứ tiếp tục như thế thì sẽ bị đau hai bên má. Graciela cố ép mình tỏ ra tử tế, thậm chí không dám nói tục nữa, trong khi cho đến trước đó chưa lâu, cô bé không bao giờ gọi cô bằng tên thật, mà toàn bằng những biệt danh đại loại như “bò cái”, hoặc “heo con tàn nhang”.

Hai cô bé đã chích đầu ngón tay bằng một chiếc đinh gi để kết nghĩa trọn đời, để không thằng con trai nào có thể chia lìa cả hai. Nhưng trên thực tế, chỉ cần vài tuần là đủ để đào một cái hố không

ai san lấp nổi giữa hai đũa.

Nghĩ cho cùng, mũi chích đầu ngón tay đó là vết thương đầu tiên của Mila. Nhưng nó khiến cô còn đau hơn sau khi đã lành hoàn toàn.

“Đừng có cư xử như thể tôi vừa từ trên cung trăng quay về nữa!” Cô chỉ muốn hét to như thể với mọi người, trước biểu hiện trên gương mặt của họ. Cô không thể chịu được chuyện đó. Cái kiểu nghiêng đầu, bặm môi đó. Ngay cả khi ở trường, nơi cô chưa bao giờ có điểm số xuất sắc, các sai sót của cô bây giờ đều được tha lỗi cho qua.

Cô phát mệt vì sự chiều chuộng của những người khác. Cô thấy như mình đang ở trong một bộ phim đen trắng, giống như thứ mà người ta phát trên ti vi ban đêm, trong đó các cư dân của trái đất bị thay thế bằng bọn người hỏa tinh vô tính, và cô là người còn sót lại duy nhất vì bị mắc kẹt trong cái sào huyệt ấy.

Như vậy là có hai khả năng: hoặc cả thế giới đã thay đổi, hoặc là sau hai mươi một ngày thai nghén trong bụng con quái vật, một Mila mới đã ra đời.

Xung quanh cô, không ai nói về những gì đã xảy ra. Họ bắt cô sống trong một quả cầu, như thể cô được làm bằng thủy tinh và có thể vỡ bất cứ lúc nào. Họ không hiểu điều cô muốn là một

chút thành thật, sau tất cả những gian dối mà cô phải chịu.

Mười một tháng sau, phiên tòa xử Steve bắt đầu.

Cô đã đợi khoảnh khắc đó từ rất lâu. Báo chí và truyền hình đều đưa tin, mặc dù bố mẹ không cho cô xem - họ nói là để bảo vệ cô. Nhưng cô vẫn lén lút cập nhật tin tức những khi có thể.

Linda và cô sẽ phải làm chứng. Công tố viên chủ yếu dựa vào cô nhiều hơn, vì Linda vẫn tiếp tục khẳng khái bảo vệ tên bắt cóc. Cô bé cứ muốn mọi người gọi mình là Gloria. Các bác sĩ cho rằng Linda bị tổn thương nặng nề về thần kinh. Vậy là chỉ mình Mila đứng đầu với Steve.

Trong những tháng sau khi bị bắt giữ, Steve đã làm tất cả để được miễn trách nhiệm hình sự. Hắn đã vẽ ra những câu chuyện đầy phi lý về những kẻ đồng lõa giả định mà hắn buộc phải nghe lời. Hắn cũng cố dựa vào câu chuyện về Frankie, gã cộng sự độc ác mà hắn đã kể với Linda. Nhưng nó đã bị bác bỏ khi một cảnh sát phát hiện ra đó là tên con rùa hắn nuôi hồi nhỏ.

Tuy thế, nhiều người vẫn muốn tin vào câu chuyện đó. Steve quá “bình thường” để là một con quái vật. Quá giống với họ. Nghịch lý thay, việc tin rằng còn một ai khác đứng sau hắn, một kẻ bí ẩn hơn nhiều, một con quái vật thật sự, lại khiến họ an tâm.

Mila đến phiên tòa với dự định sẽ buộc Steve phải gánh chịu mọi tội lỗi hắn đã gây ra, cũng như một phần sự đau đớn mà hắn đã bắt cô phải chịu. Hắn sẽ vào tù, và vì điều đó, cô sẵn sàng đóng vai nạn nhân tội nghiệp mà cho đến lúc đó cô vẫn cương quyết từ chối.

Cô ngồi trên ghế nhân chứng, đối mặt với cái chuồng mà Steve bị còng tay bên trong, với dự định kẻ tất cả mà không rời mắt khỏi hắn.

Nhưng khi nhìn thấy hắn - chiếc áo somi xanh lá gài nút đến tận cằm quá rộng vì hắn chỉ còn da bọc xương, đôi bàn tay run rẩy khi hắn cố gắng ghi chép, mái tóc xéo lệch mà hắn đã tự cắt, cô cảm thấy một điều mà cô không ngờ tới: cô vừa thấy thương hắn, lại vừa cảm giận kẻ đáng thương đó, bởi hắn đã khiến cô mũi lòng thương.

Đó là lần cuối cùng Mila cảm thấy thấu cảm một ai đó.

Khi cô phát hiện ra bí mật của Goran, cô đã bật khóc.

Tại sao?

Một hồi ức nằm đâu đó trong cô mách bảo cô rằng đó là những giọt nước mắt của sự thấu cảm.

Đột nhiên một con đập bị vỡ ở đâu đó, giải phóng một lượng xúc cảm bất ngờ. Giờ đây cô thậm chí còn có cảm giác như mình hiểu được những gì người khác đang cảm thấy.

Khi Roche đến nơi, cô nhận ra ông ta đã hiểu giờ của mình sắp điếm, bởi lẽ người giỏi nhất của Roche, “mũi khoan kim cương” của ông ta, đã cho ông ta ăn thứ bả độc nhất.

Còn về Terence Mosca, ông đại úy có vẻ như bị kẹt giữa niềm vui của sự thăng tiến và nỗi khó xử gần với nguyên nhân của sự thăng tiến đó.

Cô cảm nhận rõ ràng thái độ bối rối và buồn bã của Stern khi anh bước qua ngưỡng cửa căn hộ. Cô hiểu ra ngay anh sẽ bắt tay vào giải quyết vụ việc kinh khủng này.

Sự thấu cảm.

Cô chỉ không cảm thấy gì đối với một người. Người đó là Goran.

Không như Linda, cô đã không bị rơi vào cái bẫy của Steve: cô chưa bao giờ tin vào sự tồn tại của Frankie. Ngược lại, cô

đã tin là có một đứa trẻ thực sự sống trong căn hộ này. Cô đã nghe kể về thằng bé. Cô đã chứng kiến những cú điện thoại của bố nó gọi cho bà giúp việc, để bảo đảm nó vẫn ổn và ra các chi thị cho bà. Thậm chí cô có cảm tưởng như đã nhìn thấy nó lúc Goran cho nó đi ngủ. Cô không tài nào tha thứ được cho ông tất cả những điều này, vì chúng biến cô thành một con cóc.

Goran Gavila đã sống sót sau cú ngã từ độ cao mười hai mét. Hiện ông đang thoi thóp trên giường chăm sóc đặc biệt.

Căn hộ của ông được theo dõi, nhưng chỉ từ bên ngoài. Ở bên trong, chỉ có hai nhân viên điều tra làm việc. Đặc vụ Stern, người đã tạm hoãn quyết định nghỉ việc của mình, và Mila.

Họ không tìm gì, chỉ cố sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian và tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi. Vào thời điểm nào một con người cân bằng và điềm tĩnh như Goran Gavila thực hiện kế hoạch giết người? Tư tưởng trả thù của ông ta đã xuất hiện khi nào? Ông ta biến thù hận thành kế hoạch từ lúc nào?

Mila đang ở trong phòng làm việc. Cô nghe thấy tiếng của Stern đang lục soát trong căn phòng bên cạnh. Trong đời cảnh sát của mình, cô đã nhiều lần khám xét nhà người khác. Cô thấy tất cả những gì mình có thể khám phá về cuộc đời của kẻ khác thật khó tin.

Trong khi kiểm tra nơi ẩn mình của Goran, cô đã suy nghĩ và cố gắng giữ thái độ dửng dưng, ghi lại các chi tiết, những thói quen nhỏ có thể vô tình tiết lộ manh mối quan trọng.

Goran cất những cái ghim kẹp giấy trong gạt tàn. Ông trực tiếp gọt bút chì trên miệng sọt rác. Và ông để một khung ảnh trống trên bàn.

Chiếc khung ảnh trống đó giống như ô cửa sổ nhìn xuống vực thẳm của người đàn ông mà Mila đã tưởng mình có thể yêu thương.

Cô nhìn vội đi chỗ khác, như thể sợ mình sẽ bị nuốt chửng vào đó. Tiếp theo cô mở một ngăn kéo tủ. Bên trong, chỉ có một tập hồ sơ duy nhất. Cô lấy nó ra và đặt lên chồng hồ sơ đã xem xét xong. Tập hồ sơ này có sự khác biệt, vì căn cứ theo ngày tháng thì nó là vụ án cuối cùng của Goran trước khi xảy ra vụ các bé gái.

Ngoài các giấy tờ, trong tập hồ sơ còn có một loạt băng ghi âm.

Cô đọc chỗ giấy tờ. Cô sẽ nghe băng nếu thấy cần.

Giấy tờ bao gồm các công văn liên hệ giữa một giám đốc nhà tù - một ông Alphonse Bérenger nào đấy - và văn phòng công tố. Chúng đề cập đến hành vi khác thường của một phạm nhân chỉ

được nhắc đến qua số hiệu tù.

RK-357/9.

Đối tượng đã được tìm thấy vài tháng trước đó bởi hai cảnh sát khi hắn đi lang thang một mình giữa đêm trong tình trạng không mảnh vải che thân, ở một vùng thôn quê. Hắn đã từ chối khai báo danh tính của mình. Kết quả kiểm tra dấu vân tay cho thấy hắn chưa từng có tiền án. Nhưng một chánh án đã buộc tội hắn cản trở pháp luật.

Hắn vẫn đang trong thời hạn án tù.

Mila cầm một cuốn băng lên xem. Trên nhãn của nó chỉ ghi ngày giờ. Cô gọi Stern và tóm tắt nhanh cho anh những gì mình vừa đọc.

- Anh nghe tay giám đốc nhà tù miêu tả này... “Kể từ khi vào tù, phạm nhân RK-357/9 chưa bao giờ tỏ ra vô kỷ luật và luôn tuân thủ các quy định của nhà tù. Thêm vào đó, hắn ta có bản tính cô độc và ít hòa đồng... Có lẽ cũng vì lý do này mà không ai để ý đến hành vi lạ lùng của hắn, cho đến gần đây, khi nó bị một trong các quản giáo của chúng tôi nhận ra. Phạm nhân RK-357/9 lau chùi mọi đồ vật mà hắn tiếp xúc bằng một miếng dạ, nhặt tất cả lông và tóc rụng hàng ngày của mình, rửa kỹ lưỡng các đồ dùng ăn uống và vệ sinh sau mỗi lần sử dụng”. Anh thấy thế nào?

- Tôi không biết. Vợ tôi cũng bị ám ảnh bởi việc lau dọn như thế.

- Anh nghe tiếp này: “Như vậy chúng ta đang gặp phải hoặc là một tay cuồng sạch sẽ, hoặc rất có thể là một kẻ muốn bằng mọi giá tránh để lại các ‘dấu vết sinh học’. Do đó, chúng tôi rất nghi ngờ rằng phạm nhân số hiệu RK-357/9 đã gây ra một tội ác cực kỳ nghiêm trọng, và muốn ngăn cản chúng ta thu được mẫu ADN của hắn đem xác định danh tính...” Anh nghĩ sao?

Stern cầm tờ giấy lên tay và đọc.

- Chuyện xảy ra vào tháng Mười một... Nhưng không thấy ghi rõ liệu cuối cùng họ có tìm được gì về ADN của hắn không.

- Có vẻ như họ không thể buộc hắn làm test kiểm tra hoặc tùy tiện lấy mẫu, vì nó vi phạm quyền hiến pháp của hắn...

- Vậy họ đã làm gì?

- Họ đã cố tìm một cọng lông, hoặc một sợi tóc bằng cách đột ngột ập vào xà lim của hắn.

- Hắn bị biệt giam à?

Mila lướt mắt qua tờ giấy để tìm đọc đoạn mà cô vừa nói.

- Đây này, ở đây tay giám đốc có viết: “Cho đến hôm nay, đối tượng được giam cùng phòng với một tù nhân khác, kẻ chắc chắn đã giúp hắn tiêu hủy các dấu vết sinh học. Tuy nhiên, xin thông báo để ông được biết, biện pháp xử lý đầu tiên của chúng tôi là đưa đối tượng ra khỏi buồng giam chung và biệt giam hắn”.

- Vậy họ có lấy mẫu ADN của hắn được hay không?

- Có vẻ như nghi phạm khôn ranh hơn họ, họ luôn thấy một buồng giam sạch bóng. Nhưng họ cũng nhận ra hắn luôn nói chuyện một mình và đã cho cài một micro để tìm hiểu những gì hắn nói...

- Có liên quan gì với Gavila không?

- Chắc hẳn họ đã xin ý kiến của Goran, tôi không biết...

Stern ngẫm nghĩ một lát.

- Chúng ta cần phải nghe mấy cái băng này.

Họ tìm thấy một máy ghi âm cũ trên một cái tủ, có lẽ từng được Goran dùng để ghi lại các nhận xét của mình. Mila đưa cuộn băng cho Stern. Anh bước đến gần cái máy, nhét cuộn băng

vào trong học và giờ tay định ấn nút chạy.

- Đợi đã.

Bị bất ngờ, Stern quay lại nhìn Mila. Mặt cô tái xanh.

- Chết rồi!

- Có chuyện gì thế?

- Cái tên.

- Tên nào?

- Tên của tù nhân từng ở cùng xà lim với hắn trước khi hắn bị biệt giam ấy...

- Thì sao chứ?

- Anh ta tên là Vincent... *Vincent Clarisso*.

Alphonse Bérenger là một ông già sáu mét với sắc diện như một đứa trẻ.

Khuôn mặt hồng hào của ông trông như được gắn bằng một mạng lưới mao mạch chằng chịt. Khi cười, đôi mắt ông nheo lại thành hai đường chỉ. Ông đã lãnh đạo nhà tù từ hai mươi lăm năm nay, và chỉ còn vài tháng nữa là về hưu. Ông rất thích câu cá. Một cần câu cùng một hộp mồi và lưới câu nằm trong một góc văn phòng của ông. Chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ là mối quan tâm duy nhất trong cuộc sống của ông.

Bérenger được nhìn nhận là một người tốt. Trong những

năm tháng dưới quyền lãnh đạo của ông, nhà tù đã chưa từng nếm mùi kỷ luật sắt. Ông rất tử tế với các tù nhân, và các quản tù của ông cũng hiếm khi cậy nhờ đến vũ lực.

Alphonse Bérenger đọc Kinh thánh và theo chủ nghĩa vô thần. Nhưng ông tin vào cơ hội thứ hai. Ông cho rằng mỗi cá nhân nếu muốn đều đáng được ân xá. Bất luận anh ta đã phạm tội ác gì. Ông nổi tiếng là một người chính trực và luôn hòa nhã với mọi người. Tuy nhiên, thời gian gần đây, ông không tài nào ngủ được. Vợ ông bảo với ông nguyên nhân là do ông sắp về hưu, nhưng không phải thế. Điều quấy rầy ông trong cơn buồn ngủ là việc phải trả lại tự do cho phạm nhân mang số hiệu RK-357/9 mà không hề biết hắn là ai và liệu hắn có từng gây tội ác tà đình nào hay không.

- Gã này rất... quái gở. - Ông nói với Mila trong khi hai người bước qua cổng kiểm soát để tiến vào khu biệt giam.

- Quái gở thế nào ạ?

- Hắn hoàn toàn điềm tĩnh. Chúng tôi đã cắt nước, với hy vọng hắn sẽ thôi cạo rửa mọi thứ. Hắn tiếp tục lau chùi bằng giẻ. Chúng tôi tước luôn giẻ. Hắn chuyển sang dùng quần áo tù. Chúng tôi ép hắn phải dùng muỗng nĩa của nhà giam. Thế là hắn ngừng ăn.

- Vậy các ông làm thế nào?

- Đương nhiên chúng tôi không thể để hắn chết đói được! Tất cả mọi ý đồ của chúng tôi đều vấp phải một sự cứng đầu vô phương tháo gỡ... hoặc một sự đấu tranh trong ôn hòa, tùy cô nhìn nhận.

- Thế còn cảnh sát khoa học?

- Họ đã dành ba ngày xem xét xà lim của hắn nhưng không thể tìm được thứ gì cho phép phân tích mẫu ADN của hắn. Tôi cứ tự hỏi làm sao có thể thế được? Chúng ta mất hàng ngàn tế bào mỗi ngày, dưới dạng lông tóc, hoặc mảnh da chết...

Bérenger đã chứng tỏ toàn bộ sức kiên nhẫn của một người câu cá tội nghiệp, với hy vọng như thế là đủ. Nhưng vẫn không đủ. Lần thử sức sau cùng của ông là cô cảnh sát bất ngờ xuất hiện sáng hôm nay, với câu chuyện khó tin nhưng có thật của mình.

Họ đi theo hành lang dài đến một cánh cửa kim loại sơn màu trắng. Đó là buồng biệt giam số mười lăm.

Ông giám đốc nhà tù nhìn Mila.

- Cô chắc chắn chứ?

- Trong ba ngày nữa, gã ta sẽ ra tù, và tôi có cảm giác ta sẽ không bao giờ thấy lại gã nữa. Thế nên, tôi tuyệt đối chắc chắn.

Cánh cửa nặng nề mở ra rồi lập tức đóng lại sau lưng Mila. Cô bước vào trong thế giới của nghi phạm số hiệu RK-357/9. Gã trông khá khác với những hình dung của cô dựa trên chân dung được dựng lại bởi bà Nicla Papakidis, sau khi bà chui sâu vào trong đầu của Joseph B. Rockford. Ngoại trừ một chi tiết. Đôi mắt xám.

Gã có vóc người nhỏ, đôi vai hẹp, xương đòn nhô ra. Bộ đồng phục tù nhân màu cam tỏ ra quá rộng so với gã, tới mức gã phải xắn tay áo và gấu quần lên. Tóc gã ít và chỉ tập trung ở hai bên đầu.

Gã đang ngồi trên giường, một cái tô sắt đặt trên đầu gối. Gã lau nó bằng một miếng giẻ màu vàng nhạt. Trên giường, bên cạnh gã, có mấy bộ muỗng nĩa, bàn chải đánh răng và một cái lược nhựa. Có lẽ gã vừa mới chùi chúng xong. Gã chỉ hơi ngược mắt lên nhìn Mila, trong lúc tay vẫn không ngừng lau chùi.

Mila có cảm giác chắc chắn là gã biết lý do cô đến đây.

- Chào ông. - Cô nói. - Tôi ngồi xuống được chứ?

Gã lễ độ gật đầu, tay chỉ cái ghế đầu kê sát tường. Mila ngồi xuống đó.

Tiếng cọ xát đều đặn của miếng giẻ trên kim loại là âm thanh duy nhất trong căn buồng. Những âm thanh đặc trưng của

nhà tù hoàn toàn vắng bóng trong khu biệt giam, nhằm làm nặng nề thêm sự cô độc về mặt tinh thần. Nhưng hình như nó chẳng mấy may ảnh hưởng tới nghi phạm RK-357/9.

- Ở đây tất cả đều tự hỏi ông là ai. - Mila mở lời. - Thắc mắc đó đã gần như trở thành một nỗi ám ảnh, tôi nghĩ thế. Ít ra là đối với ông giám đốc nhà tù. Và cả với văn phòng công tố nữa. Các phạm nhân khác truyền tai nhau câu chuyện của ông.

Gã tiếp tục nhìn cô trợ trợ.

- Tôi thì không thắc mắc điều đó. Tôi biết câu trả lời. Ông là kẻ mà chúng tôi gọi là Albert. Đối tượng chúng tôi đang truy lùng.

Gã không phản ứng gì.

- Ông đã ngồi trên chiếc ghế bành của Alexander Bermann trong hang ổ khiêu dâm của hắn. Ông đã gặp Ronald Dermis ở cô nhi viện, khi hắn còn là một đứa trẻ. Ông đã có mặt trong biệt thự của bà Yvonne Gress trong lúc Feldher thẩm sát bà ta và hai đứa con. Hình dáng ông rõ ràng trên chỗ máu bắn lên tường. Ông đã ở cùng với Joseph B. Rockford khi hắn lần đầu tiên giết người trong cái lán bỏ không.. Bọn họ là đồ đệ của ông. Ông đã xúi bẩy phần con người hèn hạ trong họ, khơi gợi sự độc ác trong họ, và luôn ẩn mình trong bóng tối...

Gã đàn ông tiếp tục lau chùi không mấy may suy suyễn.

- Cách đây hơn bốn tháng, ông đã quyết định để cho mình bị bắt. Ông đã cố tình làm điều đó, tôi tin chắc như vậy. Trong tù, ông đã gặp Vincent Clarisso, bạn tù cùng xà lim của ông. Ông có gần một tháng để huấn luyện hắn, trước khi hắn ra tù. Sau đó, ngay khi được trả lại tự do, Clarisso đã thực thi kế hoạch của ông: bắt cóc sáu bé gái, cắt đi cánh tay trái của chúng, sắp đặt tử thi của chúng để tiết lộ tất cả những tội ác kinh hoàng chưa từng bị phát hiện... Trong khi Vincent hoàn thành công việc thì ông ngồi đây. Như vậy là không ai có thể buộc tội ông được. Bốn bức tường này là bằng chứng ngoại phạm quá lý tưởng... Nhưng kiệt tác của ông là Goran Gavila.

Mila rút từ trong túi ra một cuộn băng ghi âm tìm thấy trong văn phòng của nhà tội phạm học rồi quăng nó lên giường. Gã đàn ông quan sát quỹ đạo parabol mà nó vạch ra trước khi đáp xuống cạnh chân trái của mình. Gã không nhúc nhích, thậm chí chẳng buồn tránh.

- Giáo sư Gavila chưa bao giờ nhìn thấy ông, ông ta cũng không biết ông. Nhưng ông thì biết ông ta.

Tim Mila bắt đầu đập mạnh. Đó là do cơn giận, nỗi đau xót, và cả một thứ khác nữa.

- Ông đã tìm ra cách tiếp cận ông ta trong khi vẫn ngồi trong này. Ông thật tài tình: khi người ta biệt giam ông, ông bắt đầu làm nhâm một mình như thằng điên, thừa biết người ta sẽ cài micro để sau đó đưa các đoạn băng ghi âm cho một chuyên gia nghe. Không phải bất kỳ người nào, mà chính là người giỏi nhất trong lĩnh vực này...

Mila chỉ cuộn băng.

- Tôi đã nghe tất cả, ông biết không? Hàng giờ ghi âm... Những thông điệp này không phải để ném vào khoảng không. Tất cả là dành cho Goran... “Giết, giết, giết”... Ông ta đã nghe lời ông và giết hại vợ con mình. Đó là một công trình dài hơi tác động lên tinh thần của ông ta. Nhưng hãy nói cho tôi nghe một chuyện: ông làm điều đó như thế nào? Làm sao ông thành công được? Ông giỏi lắm.

Gã đàn ông không đáp lại câu mỉa mai, hoặc là không biểu hiện ra. Nhưng gã có vẻ tò mò muốn nghe phần tiếp theo của câu chuyện, vì gã không rời mắt khỏi cô.

- Nhưng ông không phải là kẻ duy nhất biết chui sâu vào trong đầu người khác... Gần đây tôi đã tìm hiểu rất nhiều về những tên sát nhân hàng loạt. Tôi đã biết chúng được chia làm bốn loại: mộng tưởng; hành đạo, khát quyền và tầm lạc... Nhưng còn một loại thứ năm nữa. Người ta gọi chúng là những tên sát nhân hàng loạt trong tiềm thức.

Cô lục trong túi và lôi ra một tờ giấy gấp tư. Cô mở nó ra.

- Kẻ nổi tiếng nhất là Charles Manson, người đã xúi giục các thành viên trong “Gia đình” của mình thực hiện cuộc thảm sát ở đường Cielo. Nhưng tôi tin có hai trường hợp còn điển hình hơn. (Cô đọc tờ giấy.) “Vào năm 2005, một gã người Nhật tên là Fujimatzu đã thuyết phục thành công mười tám người ở nhiều nơi trên thế giới mà hắn gặp qua chat, để khiến họ tự tử vào đúng ngày lễ Tình nhân. Tuổi tác, giới tính, tình hình tài chính và nguồn gốc xã hội của họ khác nhau. Họ là những người đàn ông và phụ nữ hoàn toàn bình thường, và có vẻ như không hề có vấn đề gì”. (Cô ngược mắt lên nhìn nghi phạm). Làm thế nào hắn thuyết phục được họ, điều này cho đến giờ vẫn là một bí mật... Nhưng ông nghe nhé, đây là những vụ tôi thích nhất: “Năm 1999, Rocher Glest ở Akron, bang Ohio, đã giết sáu phụ nữ. Lúc bị bắt, hắn bảo với các điều tra viên là hắn đã được ‘nhắc tuồng’ bởi một gã Rudolf Migby nào đó. Chánh án và bồi thẩm đoàn cho rằng hắn tìm cách giả điên. Họ tuyên án tử hình hắn bằng biện pháp tiêm thuốc độc. Vào năm 2002, tại New Zealand, một công nhân mù chữ tên là Jerry Hoover đã giết hại bốn phụ nữ, sau đó khai với cảnh sát là một tay Rudolf Migby đã ‘nhắc tuồng’ mình. Bác sĩ tâm thần của bên công tố nhớ lại vụ việc năm 1999 - vụ án mà rất khó có khả năng Hoover biết được - và phát hiện ra một đồng nghiệp của can phạm quả thực tên là Rudolf Migby và hỏi năm 1999, hắn đã lưu trú tại Akron, Ohio”. Ông thấy sao? Ông thấy sự giống nhau ở đây chứ?

Gã đàn ông không nói gì. Cái tô của gã sáng bóng, nhưng có vẻ như gã vẫn chưa hài lòng về kết quả này.

- Một tên “sát nhân trong tiềm thức” không thực sự gây án. Hắn không thể bị quy trách nhiệm và bị trừng phạt. Để xét xử Charles Manson, người ta đã phải dùng đến tiểu xảo tố tụng, ngoài ra án tử hình của hắn đã được giảm xuống thành nhiều án chung thân... Một số nhà tâm thần học gọi các ông là “những kẻ dụ dỗ”, vì khả năng tác động lên những nhân cách yếu đuối nhất. Còn tôi, tôi thích gọi các ông là “những con sói”... Lũ sói hành động theo bầy đàn. Mỗi bầy có một con thủ lĩnh, và thường thì những con khác sẵn môi cho nó.

Nghi phạm RK-357/9 đã lau xong cái tô và đặt nó xuống bên cạnh mình. Gã để tay lên đầu gối và chờ nghe đoạn tiếp theo.

- Nhưng ông, ông là kẻ giỏi nhất... (Mila bật cười). Không gì có thể chứng minh sự liên đới của ông trong các vụ án do bọn đồ đệ của ông gây ra. Không có bằng chứng chống lại, nên ông sẽ lại sớm được làm người tự do... Mà không ai có thể làm gì được.

Mila thở một hơi rất dài. Hai người nhìn thẳng vào mắt nhau.

- Tiếc quá: giả như chúng tôi biết được danh tính thật sự của ông thì ông sẽ trở nên nổi tiếng và đi vào sử sách, ông tin tôi đi.

Cô chồm người về phía gã đàn ông, đôi giọng đe dọa:

- Dù sao đi nữa, tôi sẽ khám phá ra được ông là ai.

Cô đứng dậy, phúi một hạt bụi vô hình khỏi tay mình rồi dợm bước ra ngoài. Nhưng trước đó cô muốn dành thêm vài giây cho gã đàn ông.

- Đồ đệ cuối cùng của ông đã thất bại rồi: Vincent Clarisso đã không hoàn thành kế hoạch của ông, bởi vì bé gái số sáu vẫn còn sống... Điều đó có nghĩa là ông cũng đã thất bại.

Cô dò xét phản ứng của đối tượng. Trong một tích tắc, cô có cảm tưởng như một điều gì đó đã đổi khác trên gương mặt từ nãy đến giờ không hề lay chuyển của gã.

- Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở bên ngoài!

Cô chìa tay về phía gã. Gã hơi bất ngờ, như thể gã không chờ đợi cử chỉ này. Gã quan sát cô một lúc. Rồi gã nhẹ nhẹ giơ một cánh tay lên bắt tay cô. Khi chạm vào những ngón tay mềm mại, Mila cảm thấy thật ghê tởm.

Hắn để tay mình trượt khỏi tay cô.

Cô quay gót, tiến đến cánh cửa sắt. Cô gõ ba tiếng và chờ

đợi, ý thức được cái nhìn của gã đàn ông vẫn đang găm vào một điểm nằm giữa hai bả vai mình. Ở bên ngoài, một người nào đó mở chốt cửa. Trước khi cánh cửa kịp mở ra, nghi phạm RK-357/9 lần đầu tiên cất tiếng:

- Nó là con gái.

Mila quay lại nhìn gã, ngỡ mình nghe lầm. Gã đã lại cầm giẻ lên và tỉ mỉ lau chùi một cái tô khác, cô bước ra để cánh cửa sắt khép lại sau lưng. Bérenger tiến đến chỗ cô. Krepp đi cùng ông ta.

- Thế nào... cô thành công chứ?

Mila gật đầu. Cô chìa bàn tay vừa bắt tay nghi phạm ra. Krepp cầm lấy một cái kẹp và cẩn thận gỡ từ lòng bàn tay cô một lớp chất liệu mỏng mà ông đã gắn vào để lưu giữ các tế bào biểu bì của gã đàn ông. Để bảo quản nó, ông lập tức đặt nó vào trong một dung dịch kiềm.

- Bây giờ ta sẽ xem gã con hoang này là ai.

Ngày 5 tháng 9

Bầu trời điểm xuyết vài cụm mây trắng, chúng càng làm nổi bật màu xanh thuần khiết. Nếu co cụm lại, có lẽ chúng đã che được mặt trời. Nhưng chúng chỉ để mặc cho cơn gió cuốn mình đi.

Mùa hè năm nay rất dài. Mùa đông đã nhường chỗ cho mùa hè mà không có bước chuyển tiếp nào cả. Trời vẫn còn ấm.

Mila đã quay hết kính xe xuống trong lúc lái, để tận hưởng gió trời trên mái tóc. Cô nuôi tóc dài, nhưng đó chỉ là một trong những thay đổi nhỏ của cô thời gian vừa rồi. Một sự mới mẻ nữa là trang phục của cô. Cô đã thay chiếc quần jean bằng một cái váy hoa.

Trên ghế ngồi cạnh cô là một chiếc hộp thắt ruy băng màu đỏ. Cô đã chọn quà ngay không suy nghĩ nhiều, bởi từ giờ trở đi cô đặt niềm tin vào bản năng của mình.

Cô đã khám phá ra tính chất không thể đoán định trước của cuộc sống.

Sự mới mẻ trong cách nhìn nhận mọi thứ làm cô hài lòng. Nhưng vấn đề hiện tại là cảm xúc thất thường của cô. Đôi khi cô có thể ngừng lại ngay giữa cuộc đối thoại, hoặc giữa lúc đang bận rộn, chỉ để khóc. Vô duyên vô cớ, một hoài niệm lạ lùng và dễ chịu xâm chiếm lấy cô.

Trong một thời gian dài cô tự hỏi, những cảm xúc đều đặn trùm lên mình như những đợt sóng đó đến từ đâu. Giờ thì cô đã hiểu ra. Nhưng thậm chí cô không muốn biết giới tính của đứa trẻ.

“Nó là con gái”.

Mila tránh nghĩ đến điều đó. Cô cố quên chuyện đó đi. Cô còn những ưu tiên khác. Những con đoi thường xuyên xâm chiếm lấy cô không báo trước và đã trả lại cho cô một chút dáng vóc nữ tính. Rồi thì, những cơn buồn tiểu tiện bất ngờ và khẩn cấp. Cuối cùng là những cú đập nhẹ trong bụng mà cô cảm thấy đã được một thời gian.

Nhờ vào tất cả những điều đó, cô đã học được cách chỉ nhìn về phía trước. Thế nhưng, một điều không thể tránh khỏi, ký ức về những chuyện vừa qua thỉnh thoảng lại xâm chiếm lấy đầu óc cô.

Phạm nhân RK-357/9 đã ra khỏi tù vào một ngày thứ Ba trong tháng Ba. Gã vẫn vô danh.

Tuy vậy tiểu xảo của Mila đã thành công.

Krepp đã trích được ADN từ các tế bào biểu bì của gã và đưa vào tất cả những kho dữ liệu hiện có. Ông thậm chí đã tìm cách khớp chúng với những dữ liệu chưa định được danh tính trong các

vụ án tồn đọng.

Nhưng ông không tìm được gì.

Có lẽ chúng ta vẫn chưa khám phá được toàn bộ mưu đồ của gã. Mila tự nhủ. Ý nghĩ đó khiến cô thấy sợ.

Khi gã được thả tự do, lúc đầu các cảnh sát liên tục theo dõi gã. Gã sống trong một ngôi nhà được cơ quan bảo trợ xã hội cung cấp, và mĩa mai thay, gã làm công việc quét dọn trong một trung tâm thương mại lớn. Gã không để lộ bất kỳ điều gì về mình, ngoại trừ những gì đã được biết. Dần dần, công tác theo dõi của cảnh sát được gỡ bỏ. Cấp trên của họ không thể trả thêm tiền làm ngoài giờ được nữa, và các chuyên theo dõi tình nguyện cũng chỉ kéo dài thêm được vài tuần.

Mila cũng tiếp tục giám sát gã, nhưng rồi ngay cả với cô, chuyện đó cũng trở nên ngày một mệt mỏi hơn. Sau khi biết mình có mang, mức độ kiểm soát của cô với gã thưa dần.

Rồi một hôm, khoảng giữa tháng Năm, gã biến mất.

Gã không để lại bất kỳ dấu vết nào, cũng không có gì tiết lộ về điểm đến của gã. Lúc đầu Mila đùng đùng nổi giận, nhưng rồi cô chợt nhận ra mình nhẹ nhõm một cách kỳ lạ.

Suy cho cùng, cô cảnh sát chuyên đi tìm người mất tích chỉ muốn gã ta mất tích hẳn.

Bảng chỉ đường cho thấy cô phải rẽ để vào khu dân cư. Cô làm theo. Đó là một khu khá đẹp. Những con đường hai bên toàn cây xanh phủ xuống những cái bóng y hệt nhau, như thể không muốn làm hại ai. Những ngôi biệt thự nhỏ tương tự nằm gần nhau, mỗi cái có một khu vườn xinh xắn phía trước.

Các chỉ dẫn trên tờ giấy mà Stern đưa kết thúc ở ngã ba trước mặt Mila.

- Stern, anh đang ở chỗ quái quỷ nào vậy? - Cô nói vào điện thoại. Trước khi anh kịp trả lời, cô đã nhận ra anh đang cầm di động ra hiệu cho cô ở phía xa.

Cô đậu xe ở chỗ anh chỉ rồi bước xuống.

- Cô khỏe không?

- Ngoại trừ những cơn buồn nôn, đôi chân phù nề và những lần chạy vội vào nhà vệ sinh thì... tôi khỏe.

Anh vòng tay ôm lấy vai cô.

- Đi nào, mọi người đang ở sân sau.

Thật buồn cười khi nhìn thấy Stern không cà vạt lẫn comlê, thay vào đó là chiếc quần đùi màu xanh và áo somi hoa hòe phanh ngực. Nếu không có viên kẹo bạc hà bất ly thân trong miệng thì không thể nào nhận ra anh.

Mila để mình được dắt vào vườn, ở đó vợ của người cựu cảnh sát đang bày muống nữa. Cô chạy đến ôm hôn chị.

- Chào chị Marie, trông chị đẹp lắm.

- Phải thế chứ, chị cô có tôi ở nhà cả ngày mà! - Stern vừa cười vừa nói.

Marie đâm vào lưng chồng.

- Anh đi lo đồ ăn đi.

Trong khi Stern tiến lại lò nướng để nướng xúc xích và bắp ngô, Boris bước lại gần, chai bia cạn nửa trong tay. Anh ôm chầm lấy Mila bằng đôi cánh tay vạm vỡ và nhắc bổng cô lên.

- Cô lên cân nhiều quá đấy!

- Lên cái môm anh ấy!

- Mà, cô mất bao lâu mới đến được đây?

- Anh lo cho tôi cơ à?

- Không, chẳng qua vì tôi đói quá thôi.

Họ cùng cười. Boris vẫn luôn chú ý đến cô, không phải chỉ bởi cô là người đã tránh cho anh khỏi phải vào tù. Đạo gài đây anh chàng có hơi lên cân do cuộc sống ru rú ở nhà sau khi được Terence Mosca cất nhắc. Ông chánh thanh tra mới đã ngay lập tức sửa chữa “sai sót” nhỏ của mình, và cho anh một đề nghị không thể nào từ chối được. Roche đã từ chức ngay sau khi cuộc điều tra chính thức khép lại, không quên thu xếp với ban điều tra một lộ trình hạ cánh bao gồm một buổi lễ trao huy chương và một bài diễn văn long trọng. Nghe nói ông ta đã nghĩ đến việc chuyển sang làm chính trị.

- Ôi tôi ngu quá mất thôi. Tôi để quên cái hộp quà trong xe rồi! - Mila sực nhớ. - Anh đi lấy nó giúp tôi được không?

- Tất nhiên rồi, tôi đi ngay đây.

Khi thân hình vạm vỡ của Boris rời đi, cô mới nhận thấy những người khác.

Sandra đang ngồi trong chiếc xe lăn dưới tán một cây anh đào. Con bé không thể bước đi được. Việc này xảy ra một tháng sau khi Sandra rời bệnh viện. Các bác sĩ cho rằng sự tắc nghẽn thần kinh

của nó có liên quan đến chấn động tinh thần. Con bé phải theo một chương trình phục hồi chức năng rất nghiêm ngặt.

Một cánh tay giả đã được lắp vào bên tay bị mất của Sandra.

Đứng bên cạnh Sandra là Mike, bố con bé. Mila biết anh khi đến thăm Sandra và thấy anh là người tử tế. Mặc dù hai vợ chồng ly thân, anh vẫn tiếp tục chăm sóc vợ con một cách tận tụy và triu mến. Sarah đang ở bên hai bố con. Cô đã thay đổi rất nhiều. Cô sụt cân trong khi ở tù và mái tóc đã bạc trắng chỉ trong một thời gian ngắn. Án phạt dành cho cô khá nặng: bảy năm tù và bị sa thải khỏi ngành do phạm lỗi nghiêm trọng và mất luôn chế độ hưu trí. Cô được ở đây là nhờ một lệnh cho phép đặc biệt. Mila nhìn thấy cách đó không xa là Doris, người quản giáo đi kèm Sarah. Chị gật đầu chào cô.

Sarah Rosa đứng dậy đi đến chỗ Mila. Cô cố gắng mỉm cười.

- Cô khỏe không? Đứa bé ổn chứ?

- Điều bất tiện nhất là quần áo: tôi liên tục thay đổi kích cỡ, nhưng lại không đủ tiền để mua quần áo thường xuyên. Một ngày nào đó tôi sẽ quần áo choàng tấm để ra đường!

- Tin tôi đi, hãy tận hưởng thời gian này, vì điều tồi tệ nhất còn chưa đến đâu. Trong ba năm đầu đời, Sandra đã không cho chúng tôi chợp mắt. Phải không Mike?

Mike gật đầu.

Đạo này mọi người đã từng gặp nhau trong một số dịp khác, nhưng không người nào hỏi Mila bố đứa bé là ai. Họ sẽ phản ứng thế nào khi biết cô đang mang trong mình đứa con của Goran?

Nhà tội phạm học vẫn đang chìm trong hôn mê.

Mila đã đến thăm ông một lần. Cô nhìn thấy ông qua một tấm kính, nhưng chỉ chịu nổi vài giây là bỏ chạy.

Điều cuối cùng ông nói với cô trước khi gieo mình xuống đất là ông đã giết vợ con *bởi vì ông yêu họ*. Đó là thứ logic không thể chối cãi của việc yêu nhau lắm cần nhau đau. Mà Mila thì không thể chấp nhận chuyện đó.

Một lần Goran đã khẳng định với cô: “Có những người ta tưởng đã hiểu cặn kẽ, nhưng thật ra chẳng biết gì về bọn họ...”

Cô đã nghĩ ông nói về vợ mình, và cô xem câu nói đó như một sự thật tầm thường, không là gì đối với đầu óc của ông. Cho đến khi cô thấy điều ông nói vận vào chính bản thân cô. Lẽ ra cô

phải hiểu ra từ trước đó. Cô từng nói với Goran: “Vì em từ bóng tối chui ra. Và thỉnh thoảng, em phải quay lại với bóng tối”.

Goran cũng từng thường xuyên lặn xuống bóng tối sâu thẳm ấy. Nhưng một ngày, khi ông chui ra khỏi bóng tối, một thứ gì đó đã bám theo ông. Và nó không buông tha ông nữa.

Boris quay lại cùng với món quà.

- Anh đi lâu thế.

- Tôi không tài nào đóng cửa chiếc xe đồng nát của cô được. Cô nên thưởng cho mình một chiếc mới đi là vừa.

Mila cầm lấy món quà và đưa cho Sandra.

- Mừng sinh nhật cháu!

Cô cúi xuống ôm hôn con bé. Sandra luôn vui mừng mỗi khi gặp cô.

- Bố mẹ đã tặng cháu một cái iPod.

Con bé giơ món quà ra khoe. Mila đáp:

- Đỉnh thật! Phải nạp thật nhiều nhạc rock vào nhé.

Mike không đồng tình:

- Tôi thích nhạc Mozart hơn.

- Con thích Coldplay cơ. - Sandra nói.

Họ cùng nhau mở gói quà của Mila. Đó là một chiếc áo khoác nhung với những chiếc đinh tán và họa tiết trang trí đủ kiểu.

- Wow! - Sandra thốt lên khi nhận ra nhãn hiệu của một nhà thiết kế nổi tiếng.

- Chữ “wow” này có nghĩa là cháu thích phải không?

Con bé gật đầu, miệng nhoẻn cười, mắt không rời khỏi chiếc áo khoác

- Ta ăn thôi! - Stern tuyên bố.

Họ cùng ngồi vào bàn dưới bóng của một cái chòi nhỏ. Mila nhận thấy Stern và vợ thường xuyên tìm nhau và đụng chạm nhau như một đôi tình nhân trẻ. Cô thấy phát ghen với họ. Sarah Rosa và Mike sắm vai một cặp bố mẹ tốt trước mặt cô con gái. Nhưng Mike cũng rất quan tâm tới Sarah. Boris thì luôn miệng pha trò khiến họ cười nhiều tới mức Doris bị mắc nghẹn. Hôm nay là một ngày thật dễ chịu và vô lo. Sandra chắc đã tạm quên đi tình

trạng của mình. Con bé nhận được rất nhiều quà và thổi mười ba ngọn nến cắm trên chiếc bánh sôcôla dừa.

Khi họ ăn trưa xong thì đã quá ba giờ. Một cơn gió nhẹ thổi đến, mời gọi họ ngồi xuống bãi cỏ đánh giắc. Cánh phụ nữ dọn dẹp bàn, nhưng vợ Stern không cho Mila tham gia vì bụng cô đã khá lớn. Cô nhân cơ hội ở lại cùng Sandra dưới bóng cây anh đào. Cô xoay xở ngồi bệt xuống đất bên cạnh chiếc xe lăn.

-Ồ đây đẹp quá. - Con bé vừa nói vừa nhìn mẹ dọn dẹp bàn ăn. - Cháu chỉ muốn ngày hôm nay kéo dài mãi. Cháu từng nhớ mẹ lắm... - Sandra mỉm cười nói thêm.

Chữ “từng” mà Sandra sử dụng cho thấy Sandra muốn nói đến một cảm giác nhớ nhung khác với điều mà nó cảm thấy khi mẹ ở tù. Nó đang muốn nhắc đến sự kiện đã xảy ra với mình.

Mila hiểu đó là một phần nỗ lực nhằm sắp xếp lại quá khứ của con bé. Sandra phải điều chỉnh lại các cảm xúc của mình, và chấp nhận một nỗi sợ dù đã trôi qua nhưng sẽ còn rình rập cô bé trong những năm tháng phía trước.

Một ngày nào đó, hai cô cháu sẽ nói về những chuyện đã diễn ra. Mila nghĩ đến việc kể cho con bé nghe chuyện của mình trước. Có lẽ điều này sẽ giúp ích cho nó. Hai cô cháu có rất nhiều điểm chung.

Đầu tiên hãy tìm từ ngữ để nói ra, cháu ạ, chúng ta có nhiều thời gian lắm...

Mila cảm thấy rất quý mến Sandra. Trong một tiếng đồng hồ tới, Sarah Rosa sẽ phải quay về trại giam. Lần nào cô cũng cảm thấy sự chia tay rất khó khăn đối với hai mẹ con.

- Cô đã quyết định chia sẻ với cháu một bí mật. - Mila nói với con bé để quên ý nghĩ vừa rồi đi. - Cô sẽ chỉ nói với mình cháu thôi... Cô muốn cho cháu biết ai là bố đứa trẻ cô đang mang trong bụng.

Sandra buột miệng cười.

- Mọi người biết rồi cô ơi.

Mila sửng người vì bất ngờ, rồi cả hai cô cháu cùng cười. Boris đứng từ xa nhìn họ, không hiểu chuyện gì đang xảy ra.

- Phụ nữ ấy mà. - Anh chàng nói với Stern.

Khi đã thôi cười, Mila cảm thấy khá hơn hẳn. Một lần nữa, cô đã đánh giá thấp những người quý mến mình, và tự tạo nên những rắc rối không cần thiết. Thật ra mọi chuyện thường đơn giản vô cùng.

- Hắn đã đợi một người... - Sandra nói một cách nghiêm túc.

- Cô biết. - Mila đáp.

- Kẻ đó lẽ ra đã đến gặp bạn với hắn.

- Gã bị ngồi tù. Nhưng bạn cô không hay biết. Bạn cô thậm chí còn đặt cho gã một cái tên, cháu biết không? Bạn cô gọi gã là Albert.

- Không, Vincent không gọi kẻ đó như vậy...

Con gió nhẹ khẽ lay động những chiếc lá của cây anh đào, nhưng nó không khỏi khiến Mila đột nhiên thấy một cơn ớn lạnh dọc theo sống lưng. Cô chậm chậm quay sang Sandra và bắt gặp đôi mắt to của con bé đang nhìn mình, hoàn toàn không ý thức được những điều mà nó sắp nói ra sẽ có sức nặng như thế nào.

- Không. - Sandra điềm tĩnh nói. - Hắn gọi tên kẻ đó là Frankie...

Nắng đang rực rỡ giữa một buổi chiều đẹp trời. Lũ chim hót trong đám cây cối, không khí đượm mùi thơm và phấn hoa. Thảm cỏ xanh rì đang mời mọc. Mila sẽ không bao giờ quên khoảnh khắc này, khi mà cô khám phá ra giữa cô và Sandra có nhiều điểm

chung hơn cô tưởng. Vậy mà chúng vẫn luôn ở đó, sờ sờ ngay trước mắt cô.

Gã chỉ chọn các bé gái, không chọn các bé trai.

Steve cũng thích bọn con gái.

Gã lựa chọn các gia đình.

Cô cũng giống như Sandra, là đứa con gái độc nhất trong nhà.

Gã cắt cánh tay trái của nạn nhân.

Cô đã bị gãy tay trái khi ngã xuống cầu thang nhà Steve.

Hai nạn nhân đầu tiên là chị em kết nghĩa.

Sandra và Debby. Cũng giống như cô và Graciela trước đây nhiều năm.

“Bọn giết người hàng loạt, qua hành động của chúng, muốn kể cho chúng ta nghe một câu chuyện”, Goran đã từng nói như vậy.

Và câu chuyện ở đây chính là chuyện của cô.

Tất cả mọi chi tiết đều nhắc cô nhớ đến chuyện ngày xưa và buộc cô phải nhìn thẳng vào sự thật khủng khiếp.

“Đồ đệ cuối cùng của ông đã thất bại rồi: Vincent Clarisso đã không hoàn thành kế hoạch của ông, bởi vì bé gái số sáu vẫn còn sống.. Điều đó có nghĩa là ông cũng đã thất bại”.

Thật ra không có gì là ngẫu nhiên cả. Chính đó mới là hồi kết thực sự mà Frankie sắp đặt.

Tất cả tấn tuồng này là để dành cho cô.

Một cú quặn trong bụng khiến cô phải ngửa người ra sau. Mila cup mắt xuống nhìn bụng mình. Cô cố không tự đặt câu hỏi liệu điều này có nằm trong kế hoạch của Frankie hay không.

Chúa trời im lặng, cô thầm nghĩ. Quý dũ thì thầm...

Thật ra, nắng vẫn tiếp tục rục rờ trong buổi chiều đẹp trời. Lũ chim vẫn hót không mệt mỏi trong đám cây cối, và không khí vẫn nồng đượm mùi thơm cùng với phấn hoa. Thảm cỏ xanh rì vẫn luôn mời gọi.

Quanh cô, ở khắp mọi nơi, vạn vật có cùng một thông điệp.

Rằng tất cả đều giống như trước.

Tất cả.

Kể cả Frankie.

Kẻ đã quay lại, để rồi lại biến mất một lần nữa trong bóng tối sâu thẳm mêh mêh.

Lời tác giả

Văn học trình thám bắt đầu nhắc tới “những kẻ nhắc tuồng” khi trào lưu của các giáo phái nổi lên, nhưng gặp nhiều khó khăn khi phải tìm một định nghĩa của “kẻ nhắc tuồng” khả dĩ chấp nhận được trong các phiên tòa, bởi rất khó có thể chứng minh cái gọi là “sự nhắc tuồng” ấy.

Khi không có mối liên hệ nhân quả giữa bị cáo và kẻ nhắc tuồng, chúng ta không thể hình dung ra loại tội ác nào mà khiếu tội phạm này có thể bị cáo buộc. “Xúi giục hành động phạm tội” thường không đủ mạnh để cấu thành tội trạng. Bởi lẽ trong trường hợp của những kẻ nhắc tuồng, sự việc không đơn giản chỉ là ra lệnh và tuân lệnh. Những tên tội phạm này sử dụng phương thức giao tiếp bằng tiềm thức, và không “nhồi” ý đồ phạm tội trong đầu thủ phạm, mà “khơi dậy” mặt tối vốn dĩ tồn tại trong mỗi chúng ta.

Chính điều này dẫn thủ phạm đến việc gây ra một hay nhiều tội ác.

Vụ Offelbeck năm 1986 thường được nhắc tới như một trường hợp điển hình: một bà nội trợ đã nhận được hàng loạt cú điện thoại nặc danh để rồi một ngày nọ, bỗng dưng đầu độc cả gia đình mình bằng cách bỏ thuốc diệt chuột vào món súp.

Cần nói thêm là tác giả của những vụ án tàn bạo thường có khuynh hướng chia sẻ trách nhiệm với một giọng nói, một ảo ảnh, hoặc những nhân vật tưởng tượng. Do đó rất khó có thể kết luận được hành vi phạm tội chỉ là kết quả của bệnh lý tâm thần hay là tác phẩm của một kẻ nhấc tuồng.

Trong số các nguồn tư liệu được sử dụng trong tiểu thuyết này, ngoài các sách giáo khoa về tội phạm học, về môn giám định tâm thần và các văn bản pháp y, tôi còn dẫn ra một số vụ điều tra của FBI, tổ chức đã có công tập hợp một kho dữ liệu đáng giá về những kẻ giết người hàng loạt và phạm tội ác nghiêm trọng.

Nhiều vụ trong số những tội ác được nêu trong truyện đã thực sự xảy ra ngoài đời. Tên và địa điểm của chúng đã được thay đổi vì đa phần các cuộc điều tra vẫn chưa kết thúc và việc xét xử còn chưa diễn ra.

Các biện pháp điều tra và giám định mô tả trong tiểu thuyết này là hoàn toàn có thật, dù trong một số trường hợp, tôi đã

biến đổi chúng cho phù hợp với yêu cầu nội dung của câu chuyện.

Lời cảm ơn

Nhiều người nghĩ rằng viết lách là một cuộc phiêu lưu cô độc. Thật ra có rất nhiều người đã đóng góp vào sự ra đời của một câu chuyện, dù họ không nhận ra. Họ là những người đã nuôi ý tưởng, hỗ trợ và khuyến khích tôi trong suốt những tháng thai nghén nên cuốn tiểu thuyết này và là một phần cuộc đời của tôi, bằng cách này hay cách khác.

Với hy vọng họ sẽ ở bên cạnh tôi trong cả một tương lai dài phía trước, tôi muốn gửi lời cảm ơn tới họ.

Cảm ơn Luigi và Daniela Bernabò vì thời gian và sự tận tâm mà họ đã dành cho câu chuyện này cũng như tác giả của nó. Vì những lời khuyên đáng giá đã cho phép tôi trưởng thành hơn trong tư cách một nhà văn, giúp tôi định hình phong cách và tính hiệu

quả của những trang viết này. Và vì đã đặt cả trái tim họ vào đó. Nếu bạn đọc được những dòng chữ này, thì phần lớn là nhờ ở công lao của họ. Xin cảm ơn, cảm ơn rất nhiều.

Cảm ơn Stefano và Cristina Mauri, những người đã đầu tư tên tuổi vào tôi và tin tưởng vào điều đó cho đến tận cùng.

Cảm ơn Fabrizio, “người nhắc tuồng” của tôi, vì những lời khuyên tàn nhẫn của anh, vì thái độ cứng rắn đầy tử tế của anh, vì tình yêu anh dành cho từng trang viết, từng câu chữ của tôi.

Cảm ơn Ottavio, người bạn mà ai cũng muốn có bên cạnh mình suốt đời. Cảm ơn Valentina, một người thật sự đặc biệt. Cảm ơn hai bé Clara và Gaia vì sự yêu thương chúng đã dành cho tôi.

Cảm ơn Gianmauro và Michela, với hy vọng tôi được ở bên họ những khi thực sự cần. Và cảm ơn Claudia, nguồn sáng của tôi.

Cảm ơn Massimo và Roberta vì sự ủng hộ và tình bạn chân thành của họ.

Cảm ơn Michele. Người bạn đầu tiên và thân thiết nhất của tôi. Cần phải nói là anh luôn có mặt mỗi khi tôi cần. Và anh biết tôi cũng sẽ luôn ở đó.

Cảm ơn Luisa, vì nụ cười dễ tiêu nhiễm và những bài hát vang mãi trong xe hơi trên những phố phường Roma.

Cảm ơn Daria và định mệnh cô đã dành cho tôi. Vì cách cô nhìn nhận thế giới và khiến tôi nhìn nó qua đôi mắt cô.

Cảm ơn Maria De Bellis, người đã canh chừng cho những giấc mơ trẻ con của tôi. Việc tôi trở thành nhà văn cũng là nhờ ở bà.

Cảm ơn Uski, “cộng sự” có một không hai của tôi.

Cảm ơn Alfredo, bạn đồng hành sôi nổi trong hàng ngàn chuyến phiêu lưu.

Cảm ơn Achille, người không có ở đó... nhưng luôn hiện diện.

Cảm ơn Pietro Valsecchi và Camilla Nesbit, và toàn bộ hãng phim Taodue.

Cảm ơn mọi người ở Bernabò Agency, những người đã dõi theo từng bước phát triển của cuốn tiểu thuyết này. Cùng với những người bạn đã đọc câu chuyện này ngay từ ban đầu và giúp tôi hoàn thiện nó qua những đóng góp xác đáng.

Cảm ơn gia đình lớn của tôi. Những người đã, đang và sẽ

góp mặt vào đó.

Cảm ơn Vito, em trai tôi. Người đầu tiên được đọc câu chuyện này, và nhiều câu chuyện khác, sẽ luôn là như thế. Ngay cả khi bạn không thể nghe thấy, âm nhạc trong những trang viết này thuộc về cậu ấy. Và cảm ơn Barbara, người đã làm cho cậu ấy hạnh phúc.

Cảm ơn bố mẹ tôi. Vì những điều họ đã dạy dỗ tôi và những gì họ để cho tôi tự tìm hiểu. Vì con người hiện tại và trong tương lai của tôi.

Cảm ơn em gái tôi, Chiara. Người luôn tin vào các giấc mơ của cô ấy và của tôi. Không có cô ấy, cuộc sống của tôi sẽ trống trải kinh khủng.

Cảm ơn tất cả những ai đã đọc đến hết những trang sách này. Với hy vọng là tôi đã mang lại cảm xúc cho các bạn.

Donato CARRISI

[1]

Cytofix: tên thương mại của một loại hóa chất dùng để tạo ra các lỗ thủng trên

màng tế bào, cho phép thuốc nhuộm vào được bên trong tế bào.

[2] Một loại bệnh lệch lạc tình dục, đàn ông mắc bệnh này thích quan hệ tình dục với trẻ nhỏ chưa hoặc mới dậy thì.

[3] Tiếng Ý trong nguyên bản.

[4] Tiếng Pháp: Chúc ngon miệng.

[5] Thành phần cấu tạo của hồng cầu.

[6] Sự liên tưởng.

Mời bạn ghé thăm: [Đào Tiểu Vũ's eBook](#) để tải thêm nhiều ebook hơn nữa.